Библиотека Всемирной Литературы

Лев Толстой

Война и мир. Том IV



Левъ Николаевичъ
Толстой.

ВОЙНА и МИРЪ.

Томъ IV.

Подъ редакціей и съ примѣчаніями
П. И. Бирюкова.

ИЗДАНІЕ
Т-ва И. Д. СЫТИНА.

CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH
TẬP 4

LEO TOLSTOY

Chuyển Ngữ Từ Nguyên Tác

PHẦN THỨ NHẤT

I

Tại Petersburg vào thời điểm này, trong các tầng lớp thượng lưu, một cuộc đấu tranh phức tạp giữa các phe phái của Rumyantsev, người Pháp, Maria Feodorovna, thái tử và những người khác đang diễn ra với sự nhiệt huyết mãnh liệt hơn bao giờ hết, bị lấn át như thường lệ bởi tiếng kèn của những kẻ ăn bám chốn triều đình. Nhưng cuộc sống ở Petersburg vẫn diễn ra như cũ, bình thản, xa hoa, chỉ bận tâm đến những bóng ma và sự phản chiếu của cuộc đời ; và vì dòng chảy của cuộc sống này, người ta phải nỗ lực rất lớn để nhận ra mối nguy hiểm và tình cảnh khó khăn mà nhân dân Nga đang gặp phải. Vẫn là những buổi dạ hội, những buổi khiêu vũ, vẫn là nhà hát Pháp đó, vẫn là những quyền lợi của triều đình, vẫn là những quyền lợi của công vụ và những âm mưu. Chỉ trong những vòng tròn cao nhất, người ta mới nỗ lực nhắc nhở về sự khó khăn của tình hình hiện tại. Người ta xì xào bàn tán về việc hai vị hoàng hậu đã hành động trái ngược nhau như thế nào trong những hoàn cảnh khó khăn như vậy. Hoàng hậu Maria Feodorovna, lo lắng cho sự an nguy của các cơ sở từ thiện và giáo dục thuộc quyền quản lý của mình,

đã ra lệnh chuyển tất cả các học viện đến Kazan, và đồ đạc của các cơ sở này đã được thu xếp xong. Còn Hoàng hậu Elizaveta Alexeevna, trước câu hỏi về việc bà muốn đưa ra những chỉ thị gì, đã trả lời với lòng yêu nước Nga đặc trưng của mình rằng, bà không thể đưa ra chỉ thị về các cơ sở nhà nước vì đó là việc của hoàng đế ; còn về những gì phụ thuộc cá nhân bà, bà đã hạ cố nói rằng bà sẽ là người cuối cùng rời khỏi Petersburg.

Tại nhà Anna Pavlovna vào ngày 26 tháng 8, đúng ngày diễn ra trận Borodino, đã có một buổi tối mà điểm nhấn của nó là việc đọc bức thư của đức cha, được viết khi gửi tặng hoàng đế hình ảnh của thánh Sergius. Bức thư này được coi là một mẫu mực của hùng biện tôn giáo yêu nước. Đích thân Thân vương Vasily, người nổi tiếng với tài đọc diễn cảm, phải đọc bức thư đó. (Ông cũng thường đọc cho hoàng hậu nghe.) Tài nghệ đọc được cho là nằm ở việc truyền tải các từ ngữ một cách to rõ, ngân nga, giữa âm hưởng than vãn tuyệt vọng và thì thầm dịu dàng, hoàn toàn không phụ thuộc vào ý nghĩa của chúng, sao cho một tiếng than vãn rơi vào một từ một cách hoàn toàn ngẫu nhiên, và vào từ khác là một tiếng thì thầm. Cách đọc này, cũng như tất cả các buổi tối của Anna Pavlovna, đều có ý nghĩa chính trị. Trong buổi tối này, đáng lẽ phải có một số nhân vật quan trọng cần được làm cho xấu hổ vì những chuyến

đi đến nhà hát Pháp và để khích lệ tinh thần yêu nước. Đã có khá đông người tụ tập, nhưng Anna Pavlovna vẫn chưa thấy trong phòng khách tất cả những người cần thiết, và vì vậy, chưa bắt đầu việc đọc thư, bà bắt đầu những câu chuyện chung.

Tin tức trong ngày ở Petersburg hôm đó là cơn bạo bệnh của Nữ bá tước Bezukhova. Nữ bá tước đã bỏ lỡ vài buổi tụ họp từ vài ngày trước, điều này thật bất ngờ, và người ta nghe nói rằng bà không tiếp ai cả, và thay vì những bác sĩ nổi tiếng ở Petersburg vẫn thường chữa trị cho bà, bà đã phó mặc cho một bác sĩ người Ý nào đó, người đang chữa cho bà bằng một phương pháp mới và lạ thường.

Mọi người đều biết rõ rằng căn bệnh của nữ bá tước xinh đẹp xuất phát từ sự bất tiện khi lấy hai người chồng cùng lúc, và việc điều trị của người Ý là nhằm loại bỏ sự bất tiện này ; nhưng trước sự hiện diện của Anna Pavlovna, không những không ai dám nghĩ đến điều đó mà dường như không ai biết gì về nó.

– Người ta nói rằng nữ bá tước tội nghiệp đang rất yếu. Bác sĩ nói đó là bệnh viêm họng.

– Viêm họng ? Ồ, đó là một căn bệnh khủng khiếp !

– Người ta nói rằng các tình địch đã làm lành với nhau nhờ bệnh viêm họng...

Từ viêm họng được lặp lại với sự thích thú lớn lao.

– Vị bá tước già thật cảm động trước những gì người ta nói. Ông ấy đã khóc như một đứa trẻ khi bác sĩ nói với ông ấy rằng trường hợp này rất nguy hiểm.

– Ồ, đó sẽ là một mất mát khủng khiếp. Bà ấy là một người phụ nữ quyến rũ.

– Ngài đang nói về nữ bá tước tội nghiệp đó, – Anna Pavlovna vừa bước tới vừa nói. – Tôi đã cử người đi hỏi thăm tin tức của bà ấy. Người ta nói với tôi rằng bà ấy đã khá hơn một chút. Ồ, chắc chắn rồi, đó là người phụ nữ quyến rũ nhất thế giới, – Anna Pavlovna nói với nụ cười rạng rỡ trước sự nhiệt tình của mình. – Chúng ta thuộc về những phe phái khác nhau, nhưng điều đó không ngăn cản tôi quý trọng bà ấy đúng như những gì bà ấy xứng đáng. Bà ấy thật không may mắn, – Anna Pavlovna nói thêm.

Tin rằng với những lời này Anna Pavlovna đã hé mở một chút bức màn bí mật về căn bệnh của nữ bá tước, một thanh niên thiếu thận trọng đã mạo muội bày tỏ sự ngạc nhiên rằng tại sao những bác sĩ danh tiếng không

được mời đến, mà nữ bá tước lại đang được điều trị bởi một kẻ lang băm, kẻ có thể đưa ra những phương thuốc nguy hiểm.

– Thông tin của ngài có thể tốt hơn của tôi, – Anna Pavlovna bỗng nhiên độc địa tấn công chàng trai trẻ thiếu kinh nghiệm. – Nhưng tôi biết từ nguồn tin đáng tin cậy rằng bác sĩ này là một người rất uyên bác và rất khéo léo. Đó là bác sĩ riêng của Nữ hoàng Tây Ban Nha.

Và sau khi tiêu diệt chàng trai trẻ như vậy, Anna Pavlovna quay sang Bilibin, người đang ở một nhóm khác, nếp da mặt co lại và rõ ràng đang định giãn ra để nói một lời hóm hỉnh, đang nói về người Áo.

– Tôi thấy rằng điều đó thật quyến rũ, – ông ta đang nói về một văn bản ngoại giao mà theo đó những lá quân kỳ của Áo đã được gửi trả về Vienna, những quân kỳ do Wittgenstein, người hùng của thành phố Saint-Petersburg (như người ta gọi ông ở Petersburg) đã chiếm được.

– Cái gì, cái gì thế ? – Anna Pavlovna quay sang ông ta, phá vỡ sự im lặng để nghe lời hóm hỉnh mà bà đã biết trước.

Và Bilibin nhắc lại những lời nguyên văn sau đây của bức công văn ngoại giao do ông soạn thảo :

– Hoàng đế gửi trả lại những lá quân kỳ Áo, – Bilibin nói, – những lá quân kỳ của bạn bè và bị lạc đường mà Ngài tìm thấy ngoài lộ trình, – Bilibin kết thúc, làm giãn nếp da mặt.

– Quyến rũ, quyến rũ ! – công tước Vasili nói.

– Đó có lẽ là con đường tới Warsaw, – công tước Ippolit nói to và bất ngờ.

Mọi người quay lại nhìn anh ta, không hiểu anh ta muốn nói gì qua điều đó. Công tước Ippolit cũng nhìn quanh với vẻ ngạc nhiên vui sướng. Anh ta cũng vậy, giống như những người khác, không hiểu ý nghĩa của những từ mình vừa thốt ra. Trong suốt sự nghiệp ngoại giao của mình, anh ta đã nhiều lần nhận thấy rằng những lời nói thốt ra bất thình lình như vậy hóa ra lại rất hóm hỉnh, và cho mọi tình huống anh ta đều nói ra những lời đầu tiên hiện ra trong đầu. «Có thể nó sẽ hóa ra rất tốt,» anh ta nghĩ, «còn nếu không ổn, họ ở đó sẽ biết cách dàn xếp.» Thực tế, vào lúc đó, khi một sự im lặng lúng túng ngự trị, một gương mặt thiếu tinh thần yêu nước bước vào, gương mặt mà Anna Pavlovna đang chờ đợi để mở lời, và bà mỉm cười và dọa bằng ngón tay với

Ippolit, mời công tước Vasili tới bàn, và đưa cho ông hai cây nến cùng bản thảo, đề nghị ông bắt đầu. Mọi người im lặng.

«Hoàng thượng vạn tuế !» công tước Vasili nghiêm giọng tuyên bố và nhìn quanh công chúng như thể muốn hỏi xem liệu có ai muốn phản đối điều này không. Nhưng không ai nói gì cả. «Thành phố ngai vàng khởi thủy Moscow, Jerusalem Mới, đón nhận Đấng Kitô của mình», bỗng nhiên ông nhấn mạnh vào từ của mình, «như người mẹ trong vòng tay của những đứa con tận tụy của mình, và xuyên qua màn sương đang trỗi dậy, tiên đoán vinh quang rực rỡ của vương triều ngài, hát lên trong niềm hân hoan : Hosanna, chúc tụng Đấng đang đến !»

Công tước Vasili thốt ra những lời cuối cùng này với giọng nói như đang khóc.

Bilibin chăm chú xem xét móng tay mình, và nhiều người rõ ràng rụt rè, như thể đang hỏi xem họ có lỗi gì không. Anna Pavlovna thì thầm lặp lại trước, như một bà lão đọc lời cầu nguyện rước lễ : «Để tên Goliath xấc xược và táo bạo...» bà thì thầm.

Công tước Vasili tiếp tục :

«Để tên Goliath xấc xược và táo bạo từ biên thùy nước Pháp mang đến cho ranh giới nước Nga những nỗi kinh hoàng chết chóc ; đức tin khiêm nhường, cái ná này của David người Nga, sẽ bất ngờ đánh trúng đầu của kẻ kiêu ngạo khát máu. Hình ảnh của Thánh Sergius đáng kính này, người bảo vệ cổ xưa cho lợi ích của tổ quốc chúng ta, được dâng lên vương thượng của ngài. Tôi đau lòng vì sức lực đang suy kiệt của mình ngăn cản tôi được tận hưởng diện mạo đáng kính của ngài. Tôi gửi những lời cầu nguyện nồng nhiệt lên trời cao, cầu mong Đấng Toàn Năng tôn vinh dòng giống của những người công chính và thực hiện những mong muốn tốt đẹp của vương thượng ngài.»

– Thật là sức mạnh ! Thật là phong cách ! – những lời khen ngợi dành cho người đọc và tác giả vang lên.

Được khích lệ bởi bài diễn văn này, các khách mời của Anna Pavlovna còn bàn tán lâu về tình hình tổ quốc và đưa ra nhiều giả định khác nhau về kết cục của trận chiến mà đáng lẽ phải diễn ra trong vài ngày tới.

– Rồi ngài sẽ thấy, – Anna Pavlovna nói, – rằng ngày mai, vào ngày sinh nhật của hoàng thượng, chúng ta sẽ nhận được tin tức. Tôi có một linh tính tốt.

II

Linh tính của Anna Pavlovna thực sự đã đúng. Ngày hôm sau, trong buổi lễ cầu nguyện tại cung điện nhân dịp sinh nhật hoàng thượng, công tước Volkonsky đã được gọi ra khỏi nhà thờ và nhận được một phong bao từ công tước Kutuzov. Đó là bản báo cáo của Kutuzov, viết vào ngày diễn ra trận chiến ở Tatarinova. Kutuzov viết rằng người Nga không lùi bước dù chỉ một bước, rằng người Pháp mất nhiều hơn chúng ta rất nhiều, rằng ông báo cáo vội vàng từ bãi chiến trường, không kịp thu thập những số liệu cuối cùng. Hóa ra, đó đã là một chiến thắng. Và ngay lập tức, khi rời khỏi nhà thờ, lời tạ ơn đã được dâng lên Đấng Tạo Hóa vì sự giúp đỡ của Ngài và vì chiến thắng.

Linh tính của Anna Pavlovna đã đúng, và trong thành phố cả buổi sáng ngự trị một tâm trạng vui tươi lễ hội. Mọi người đều công nhận chiến thắng là hoàn toàn, và một số người đã nói về việc bắt giữ chính Napoleon, về việc truất ngôi hắn và chọn một người đứng đầu mới cho nước Pháp.

Ở xa nơi sự việc diễn ra và trong điều kiện của đời sống cung đình, rất khó để các sự kiện được phản ánh với đầy đủ sự trọn vẹn và sức mạnh của chúng. Một

cách vô thức, các sự kiện chung thường tập trung xung quanh một sự việc riêng lẻ nào đó. Vì vậy, bây giờ niềm vui chính của những người cận thần không nằm ở việc chúng ta đã thắng, mà ở chỗ tin tức về chiến thắng này lại đến đúng vào ngày sinh nhật của hoàng thượng. Đó giống như một món quà bất ngờ đã thành công. Trong tin tức của Kutuzov cũng có nói về những tổn thất của người Nga, và trong số họ có tên của Tuchkov, Bagration, Kutaisov. Khía cạnh đau buồn của sự kiện cũng vô thức tập trung trong thế giới Petersburg xung quanh một sự kiện – cái chết của Kutaisov. Mọi người đều biết anh ta, hoàng thượng yêu quý anh ta, anh ta trẻ trung và thú vị. Vào ngày hôm đó, mọi người gặp nhau với những lời này :

– Thật đáng kinh ngạc khi chuyện đó xảy ra ! Đúng vào buổi lễ cầu nguyện. Và thật là một tổn thất với Kutaisov ! Ôi, thật tiếc làm sao !

– Chẳng phải tôi đã nói với các ngài về Kutuzov sao ? – công tước Vasili bây giờ nói với niềm tự hào của một nhà tiên tri. – Tôi luôn nói rằng chỉ mình ông ấy có khả năng đánh bại Napoleon.

Nhưng ngày hôm sau tin tức từ quân đội không đến, và tiếng nói chung trở nên lo lắng. Những người cận

thần đau khổ vì sự bất định mà hoàng thượng đang ở trong đó.

«Tình thế của hoàng thượng ra sao !» những người cận thần nói và bây giờ không còn ca ngợi Kutuzov như ba ngày trước nữa, mà giờ đây đã chỉ trích ông, người là nguyên nhân gây ra sự bất an cho hoàng thượng. Công tước Vasili vào ngày hôm đó không còn khoe khoang về người được bảo hộ của mình là Kutuzov nữa, mà giữ im lặng khi câu chuyện chuyển sang vị tổng tư lệnh. Hơn nữa, đến tối ngày hôm đó, dường như mọi thứ đã hợp lại để đẩy cư dân Petersburg vào lo âu và bồn chồn : một tin tức kinh khủng khác đã gia nhập. Nữ bá tước Elena Bezukhova đã chết đột ngột vì căn bệnh kinh khủng đó, căn bệnh mà việc nói ra thật là khó khăn. Chính thức trong các hội nhóm lớn, mọi người đều nói rằng nữ bá tước Bezukhova chết vì một cơn đau thắt ngực dữ dội, nhưng trong các nhóm thân cận, người ta kể chi tiết về việc làm thế nào bác sĩ riêng của Nữ hoàng Tây Ban Nha đã kê cho Helene những liều nhỏ của một loại thuốc nào đó để tạo ra hiệu ứng nhất định; nhưng Helene, vì bị dày vò bởi thực tế là lão bá tước nghi ngờ cô, và bởi thực tế là người chồng mà cô đã viết thư cho (đó là Pierre bất hạnh, trụy lạc), đã không trả lời cô, đột nhiên uống một liều khổng lồ loại thuốc được kê cho mình và chết trong những đau đớn trước

khi người ta có thể cứu giúp. Người ta kể rằng công tước Vasili và lão bá tước đã tranh giành nhau vì những tờ giấy của người Ý ; nhưng người Ý đã đưa ra những tờ giấy từ người quá cố bất hạnh đến mức họ đã thả ông ta đi ngay lập tức.

Cuộc trò chuyện chung tập trung vào ba sự kiện đau buồn : sự bất định của hoàng thượng, cái chết của Kutaisov và cái chết của Helene.

Vào ngày thứ ba sau bản báo cáo của Kutuzov, một điền chủ từ Moscow đã đến Petersburg, và tin tức về việc giao Moscow cho người Pháp lan truyền khắp thành phố. Thật là khủng khiếp ! Tình thế của hoàng thượng ra sao ! Kutuzov là kẻ phản bội, và công tước Vasili trong những lần đi thăm chia buồn nhân dịp cái chết của con gái mình, người mà người ta kể về những lời ca ngợi ông dành cho Kutuzov trước đây (ông ấy có thể được tha thứ vì trong nỗi đau buồn đã quên đi những gì mình đã nói trước đó), ông ấy nói rằng không thể mong đợi điều gì khác từ một lão già mù quáng và trụy lạc.

– Tôi chỉ ngạc nhiên làm sao người ta có thể giao phó vận mệnh nước Nga cho một người như vậy.

Trong khi tin tức này vẫn chưa chính thức, người ta vẫn có thể nghi ngờ về nó, nhưng vào ngày hôm sau, tin tức từ bá tước Rastopchin đã đến như sau :

«Sĩ quan tùy tùng của công tước Kutuzov mang đến cho tôi một bức thư, trong đó ông ta yêu cầu tôi cung cấp các sĩ quan cảnh sát để dẫn đường cho quân đội tới đường Ryazan. Ông ta nói rằng với sự hối tiếc ông ta đang rời bỏ Moscow. Thưa bệ hạ ! Hành động của Kutuzov quyết định số phận của thủ đô và của đế chế Ngài. Nước Nga sẽ rùng mình khi biết về việc nhượng lại thành phố, nơi tập trung sự vĩ đại của nước Nga, nơi có tro cốt của tổ tiên Ngài. Tôi sẽ đi theo quân đội. Tôi đã mang mọi thứ đi, tôi chỉ còn biết khóc cho số phận của tổ quốc tôi.»

Nhận được bản báo cáo này, hoàng thượng đã gửi tới công tước Volkonsky sắc lệnh sau đây cho Kutuzov :

«Công tước Mikhail Ilarionovich ! Từ ngày 29 tháng 8 tôi đã không nhận được báo cáo nào từ khanh. Trong khi đó, vào ngày 1 tháng 9, tôi đã nhận được từ Yaroslavl qua thống đốc Moscow tin tức đau buồn rằng khanh đã quyết định cùng quân đội rời bỏ Moscow. Khách có thể tự tưởng tượng ra hiệu ứng mà tin tức này gây ra cho tôi, và sự im lặng của khanh càng làm tăng thêm sự ngạc nhiên của tôi. Tôi gửi cùng với thư này Tổng quản

lý công tước Volkonsky, để tìm hiểu từ khanh về tình trạng của quân đội và về những nguyên nhân đã thúc đẩy khanh đi đến quyết định đau buồn này.»

III

Chín ngày sau khi rời bỏ Moscow, một sứ giả do Kutuzov gửi với tin tức chính thức về việc rời bỏ Moscow đã đến Petersburg. Sứ giả này là người Pháp Michaud, người không biết tiếng Nga, nhưng mặc dù là người ngoại quốc, vẫn là người Nga từ trong tim và tâm hồn, như chính ông đã nói về mình.

Hoàng thượng ngay lập tức tiếp đón sứ giả trong phòng làm việc của mình, tại cung điện Kamenny Ostrov. Michaud, người chưa bao giờ nhìn thấy Moscow trước chiến dịch và không biết tiếng Nga, tuy vậy vẫn cảm thấy vô cùng xúc động khi xuất hiện trước vị hoàng thượng vô cùng nhân từ của chúng ta (như ông đã viết) với tin tức về đám cháy ở Moscow, mà những ngọn lửa của nó đã soi sáng con đường của ông.

Mặc dù nguồn gốc nỗi đau của ngài Michaud chắc chắn là khác với nguồn gốc nỗi đau của những người Nga, Michaud có một khuôn mặt buồn bã đến mức ông được dẫn vào phòng làm việc của hoàng thượng, hoàng thượng ngay lập tức hỏi ông :

– Ông mang đến cho tôi những tin tức buồn, đại tá ?

– Rất buồn, tâu bệ hạ, – Michaud trả lời với một tiếng thở dài và hạ mắt xuống : – việc rời bỏ Moscow.

– Chẳng lẽ họ đã nộp kinh đô cổ kính của tôi mà không chiến đấu ? – bỗng nhiên hoàng thượng bùng cháy, nhanh chóng nói.

Michaud cung kính chuyển lời mà ông được lệnh chuyển từ Kutuzov, cụ thể là dưới Moscow không có khả năng chiến đấu và vì chỉ còn một lựa chọn – mất quân đội và Moscow hoặc chỉ mất Moscow, thì thống chế đã phải chọn cái sau.

Hoàng thượng lắng nghe im lặng, không nhìn vào Michaud.

– Quân thù đã vào thành phố rồi sao ? – ông hỏi.

– Vâng, tâu bệ hạ, và lúc này nó đang chìm trong tro bụi. Tôi đã để lại toàn bộ thành phố trong biển lửa, – Michaud kiên quyết nói ; nhưng, nhìn vào hoàng thượng, Michaud kinh hãi vì những gì ông đã làm. Hoàng thượng bắt đầu thở nặng nề và thường xuyên, môi dưới run rẩy, và đôi mắt xanh tuyệt đẹp bỗng chốc đẫm lệ.

Nhưng điều này chỉ kéo dài trong một phút. Hoàng thượng bỗng cau mày, như thể đang tự trách mình vì sự

yếu đuối của mình, và ngẩng đầu lên, nói với Michaud bằng giọng kiên định :

– Tôi thấy, đại tá, qua tất cả những gì đang xảy ra với chúng ta, rằng Chúa yêu cầu chúng ta những hy sinh lớn lao... Tôi sẵn sàng tuân phục mọi ý nguyện của Ngài ; nhưng hãy nói cho tôi biết, Michaud, làm thế nào ông đã để lại quân đội, khi thấy như vậy, mà không có một trận đánh nào, rời bỏ kinh đô cổ kính của tôi ? Ông không nhận thấy sự nản lòng sao ?..

Thấy sự bình tĩnh của vị hoàng thượng vô cùng nhân từ của mình, Michaud cũng bình tĩnh lại, nhưng trước câu hỏi trực tiếp và quan trọng của hoàng thượng, yêu cầu một câu trả lời thẳng thắn, ông vẫn chưa kịp chuẩn bị câu trả lời.

– Tâu bệ hạ, ngài có cho phép tôi nói thẳng với ngài như một người lính trung thành không ? – ông nói để kéo dài thời gian.

– Đại tá, tôi luôn yêu cầu điều đó, – hoàng thượng nói. – Đừng giấu tôi điều gì, tôi muốn biết tuyệt đối sự thật là gì.

– Tâu bệ hạ ! – Michaud nói với một nụ cười tinh tế, khó nhận ra trên môi, đã chuẩn bị xong câu trả lời của

mình dưới hình thức một trò chơi chữ nhẹ nhàng và cung kính. – Tôi đã để lại toàn bộ quân đội, từ các cấp chỉ huy cho đến người lính cuối cùng, không ngoại lệ, trong một nỗi sợ hãi to lớn, kinh khủng...

– Cái gì ? – hoàng thượng nghiêm nghị cau mày, ngắt lời. – Người Nga của tôi sẽ để mình bị đánh bại bởi tai họa sao... Không bao giờ.

Chỉ chờ có thế Michaud để đưa vào trò chơi chữ của mình.

– Tâu bệ hạ, – ông nói với vẻ nghịch ngợm cung kính, – họ chỉ sợ rằng Bệ hạ vì lòng tốt của trái thể sẽ không để mình bị thuyết phục ký kết hòa bình. Họ bùng cháy vì mong muốn chiến đấu, – đại diện của nhân dân Nga nói, – và để chứng minh cho Bệ hạ bằng sự hy sinh mạng sống của mình, họ tận tụy với Bệ hạ như thế nào...

– A ! – hoàng thượng nói một cách an tâm và với ánh mắt trìu mến, vỗ vai Michaud. – Ông làm tôi yên lòng, đại tá.

Hoàng thượng cúi đầu, im lặng một lúc.

– À được rồi, hãy quay lại quân đội, – ông nói, đứng thẳng người lên và hướng về phía Michaud với một cử chỉ uy nghiêm và tử tế, – và hãy nói với những người

dũng cảm của chúng ta, nói với tất cả những thần dân tốt đẹp của tôi ở bất cứ nơi nào ông đi qua, rằng khi tôi không còn một người lính nào nữa, tôi sẽ tự mình đứng đầu, dẫn đầu những quý tộc thân yêu của tôi, những nông dân tốt bụng của tôi và tôi sẽ sử dụng đến nguồn lực cuối cùng của đế chế tôi. Nó mang lại cho tôi nhiều hơn những gì kẻ thù nghĩ, – hoàng thượng nói, càng lúc càng hăng hái. – Nhưng nếu số mệnh đã định rằng triều đại của tôi phải chấm dứt trên ngai vàng của tổ tiên tôi, thì sau khi đã cạn kiệt mọi phương tiện trong quyền lực của mình, tôi sẽ để râu dài đến đây (hoàng thượng lấy tay chỉ vào giữa ngực), và tôi sẽ đi ăn khoai tây với những người nông dân cuối cùng của tôi thay vì ký kết sự nhục nhã cho tổ quốc tôi và cho dân tộc thân yêu của tôi, mà tôi biết cách trân trọng những hy sinh của họ...

Nói xong những lời này với giọng đầy xúc động, hoàng thượng bỗng quay đi, như thể muốn giấu Michaud những giọt lệ hiện lên trên mắt, và đi vào sâu trong phòng làm việc của mình. Đứng đó một lát, ông bước nhanh về phía Michaud và với một cử chỉ mạnh mẽ siết chặt tay ông ở dưới khuỷu tay. Khuôn mặt đẹp đẽ, hiền lành của hoàng thượng đỏ bừng lên, và đôi mắt rực cháy với sự quyết tâm và phẫn nộ.

– Đại tá Michaud, đừng quên những gì tôi nói với ông ở đây ; có thể một ngày nào đó chúng ta sẽ nhớ lại điều đó với niềm vui... Napoleon hoặc tôi, – hoàng thượng nói, chạm vào ngực mình. – Chúng ta không thể trị vì cùng nhau được nữa. Tôi đã học được cách biết hắn, hắn sẽ không lừa tôi được nữa... Napoleon hoặc là tôi, – hoàng thượng nói, chạm vào ngực mình. – Chúng ta không thể cùng cai trị được nữa. Tôi đã biết hắn, hắn sẽ không lừa tôi nữa đâu...

Và hoàng thượng, cau mày, im lặng. Nghe thấy những lời này, nhìn thấy vẻ quyết tâm sắt đá trong mắt hoàng thượng, Michaud mặc dù là người nước ngoài, nhưng cảm thấy mình là người Nga trong tim và tâm hồn, cảm thấy mình (như ông nói sau này) bị xúc động bởi tất cả những gì ông vừa nghe được, và ông đã thể hiện trong những biểu hiện sau đây những cảm xúc của mình, cũng như những cảm xúc của người dân Nga, mà ông tự coi mình là người đại diện.

– Tâu bệ hạ ! – ông nói. – Bệ hạ đang ký kết vào phút giây này vinh quang của dân tộc và sự cứu rỗi của châu Âu.

Hoàng thượng cúi đầu đuổi Michaud đi.

IV

Vào thời gian đó, khi nước Nga đã bị xâm chiếm một nửa, và cư dân Moscow đã chạy trốn đến các tỉnh xa xôi, và dân binh đang nổi dậy để bảo vệ tổ quốc, chúng ta, những người không sống vào thời gian đó, không khỏi hình dung rằng tất cả người Nga, từ lớn đến nhỏ, chỉ bận rộn với việc hy sinh bản thân mình, cứu tổ quốc hoặc khóc lóc trước sự sụp đổ của nó. Những câu chuyện, những mô tả về thời kỳ đó đều không ngoại lệ chỉ nói về sự hy sinh tự thân, lòng yêu tổ quốc, sự tuyệt vọng, đau thương và chủ nghĩa anh hùng của người Nga. Thực tế không phải như vậy. Chúng ta thấy điều đó chỉ bởi vì chúng ta nhìn thấy từ quá khứ chỉ một lợi ích lịch sử chung của thời kỳ đó và không nhìn thấy tất cả những lợi ích cá nhân, con người của những người thời đó. Trong khi đó, trong thực tế, những lợi ích cá nhân của hiện tại quan trọng hơn nhiều so với những lợi ích chung, đến nỗi vì chúng mà người ta không bao giờ cảm thấy (hoàn toàn không nhận thấy ngay cả) lợi ích chung. Phần lớn mọi người thời đó không chú ý đến tiến trình chung của công việc, mà chỉ bị dẫn dắt bởi những lợi ích cá nhân của hiện tại. Và chính những người này là những người hoạt động hữu ích nhất của thời kỳ đó.

Những người cố gắng hiểu tiến trình chung của công việc và muốn tham gia vào đó với sự hy sinh tự thân và chủ nghĩa anh hùng, là những thành viên vô dụng nhất của xã hội ; họ nhìn thấy mọi thứ đảo lộn ; và tất cả những gì họ làm vì lợi ích, hóa ra lại là điều vô nghĩa vô dụng, như những trung đoàn của Pierre, của Mamonov, những kẻ đã cướp phá các làng mạc Nga, như món rau rút mà các bà tiểu thư đã nhặt và chẳng bao giờ đến tay những người bị thương, v.v. Ngay cả những người thích triết lý và bày tỏ cảm xúc của mình, cũng bàn luận về tình hình hiện tại của nước Nga, một cách vô thức mang trong lời nói của mình dấu ấn của sự đạo đức giả và sự dối trá, hoặc sự chỉ trích và ác ý vô ích đối với những người bị đổ lỗi cho những gì không ai có thể có lỗi. Trong các sự kiện lịch sử, điều hiển nhiên nhất là sự cấm đoán việc nếm trái của cây biết điều. Chỉ có hoạt động vô thức mới mang lại hoa trái, và con người đóng vai trò trong một sự kiện lịch sử không bao giờ hiểu được ý nghĩa của nó. Nếu anh ta cố gắng hiểu nó, anh ta sẽ bị kinh ngạc bởi sự vô sinh.

Ý nghĩa của sự kiện đang diễn ra lúc đó ở Nga càng ít được nhận thấy, thì sự tham gia của con người vào đó càng gần gũi. Ở Petersburg và các tỉnh xa Moscow, các quý bà và quý ông mặc quân phục dân binh, khóc lóc cho nước Nga và thủ đô và nói về sự hy sinh tự thân

v.v. ; nhưng trong quân đội, quân đội đang rút lui sau Moscow, hầu như không ai nói và nghĩ về Moscow, và nhìn vào đám cháy của nó, không ai thề sẽ trả thù người Pháp, mà họ nghĩ về kỳ lương tiếp theo, về trạm dừng chân tiếp theo, về bà Matryoshka bán hàng và những thứ tương tự.

Nikolai Rostov không có bất kỳ mục tiêu hy sinh tự thân nào, mà tình cờ, vì chiến tranh đã bắt gặp anh ta trong lúc phục vụ, anh ta đã tham gia gần gũi và lâu dài vào việc bảo vệ tổ quốc và vì vậy không có sự tuyệt vọng và những kết luận u ám nhìn vào những gì đang diễn ra lúc đó ở Nga. Nếu người ta hỏi anh ta xem anh ta nghĩ gì về tình hình hiện tại của nước Nga, anh ta sẽ nói rằng anh ta không có gì để nghĩ cả, rằng Kutuzov và những người khác ở đó để làm việc đó, còn anh ta nghe nói rằng các trung đoàn đang được bổ sung và rằng, có lẽ, họ sẽ còn chiến đấu lâu nữa và rằng trong những hoàn cảnh hiện tại, đối với anh ta, không có gì ngạc nhiên nếu sau vài năm anh ta nhận được một trung đoàn.

Vì anh ta nhìn nhận vấn đề như vậy, anh ta không những không đau buồn vì mất đi sự tham gia vào cuộc đấu tranh cuối cùng, mà còn nhận tin tức về việc bổ nhiệm mình đi công tác mua ngựa cho sư đoàn ở

Voronezh không những không buồn mà còn với niềm vui lớn lao với sự hài lòng mà anh không hề che giấu và điều đó được các đồng đội của anh hiểu rất rõ.

Vài ngày trước trận Borodino, Nikolai nhận được tiền, giấy tờ và sau khi cử một kỵ binh đi trước, anh lên xe ngựa trạm đi Voronezh.

Chỉ có ai đã từng trải qua điều này, nghĩa là đã ở lại vài tháng không ngừng nghỉ trong bầu không khí quân sự, đời sống chiến đấu, mới có thể hiểu được sự khoái lạc mà Nikolai cảm thấy khi anh thoát ra khỏi vùng mà quân đội vươn tới bằng những cuộc kiếm cỏ khô, những chuyến xe chở lương thực, những bệnh viện. Khi anh, không có binh lính, xe vận tải, những dấu vết bẩn thỉu của sự hiện diện của trại quân, nhìn thấy những ngôi làng với những người nông dân nam nữ, những ngôi nhà của địa chủ, những cánh đồng với gia súc đang gặm cỏ, những trạm dừng chân với những người quản trạm đang ngủ gật, anh cảm thấy một niềm vui sướng như thể lần đầu tiên anh nhìn thấy tất cả những điều này. Đặc biệt, điều khiến anh ngạc nhiên và vui mừng từ lâu, đó là những phụ nữ, trẻ trung, khỏe mạnh, mà mỗi người trong số họ không có hàng chục sĩ quan tán tỉnh, và những phụ nữ vui vẻ và hãnh diện vì một sĩ quan đi ngang qua đùa giỡn với họ.

Trong tâm trạng vui vẻ nhất, Nikolai đêm đó đến Voronezh vào một khách sạn, đặt tất cả những gì anh đã thiếu thốn từ lâu trong quân đội, và ngày hôm sau, sau khi cạo râu sạch sẽ và mặc bộ lễ phục đã lâu không mặc, anh đi trình diện cấp trên.

Chỉ huy dân quân là một vị tướng dân sự, một ông già dường như đang giải trí với chức danh và quân hàm của mình. Ông đón tiếp Nikolai một cách cáu kỉnh (nghĩ rằng đó là tính chất quân sự) và đầy quan trọng, như thể có quyền làm vậy và như thể đang xem xét tiến trình chung của công việc, tán thành và không tán thành, thẩm vấn anh. Nikolai thấy vui vẻ đến mức điều đó chỉ làm anh thấy nực cười.

Từ nhà chỉ huy dân quân, anh đi đến dinh thống đốc. Thống đốc là một người đàn ông nhỏ nhắn, linh lợi, rất tử tế và giản dị. Ông chỉ cho Nikolai những trang trại mà anh có thể mua ngựa, giới thiệu cho anh một tay buôn ngựa trong thành phố và một địa chủ cách thành phố 20 dặm, những người có những con ngựa tốt nhất, và hứa sẽ hỗ trợ mọi mặt.

– Anh là con trai của Bá tước Ilya Andreyevich ? Vợ tôi rất thân với mẹ anh. Vào các ngày thứ Năm, tại nhà tôi có buổi họp mặt ; hôm nay là thứ Năm, xin mời anh cứ tự nhiên đến với tôi, – thống đốc nói khi tiễn anh.

Ngay từ dinh thống đốc, Nikolai lấy một chiếc xe ngựa trạm và sau khi để một hạ sĩ đi cùng, phi nước đại đi 20 dặm đến trang trại của địa chủ. Mọi thứ, trong thời gian đầu ở Voronezh này, đối với Nikolai đều vui vẻ và dễ dàng, và tất cả, như thường lệ khi một người tự mình có tâm trạng tốt, mọi việc đều trôi chảy và thuận lợi.

Vị địa chủ mà Nikolai đến thăm là một cựu kỵ binh độc thân, một người am hiểu về ngựa, một thợ săn, chủ nhân của loại rượu nếp lâu năm, của rượu Hungary cũ và những con ngựa tuyệt vời.

Nikolai chỉ trong hai lời đã mua với giá 6 nghìn 17 con ngựa đực được tuyển chọn (như anh nói) để làm phần trưng bày cho đợt bổ sung của mình. Sau khi ăn trưa và uống thêm một chút rượu Hungary, Rostov, sau khi hôn vị địa chủ, người mà anh đã trở nên thân thiết đến mức xưng hô «mày - tao», trên con đường tồi tệ, trong tâm trạng vui vẻ nhất, phi nước đại trở về, không ngừng thúc giục người đánh xe để kịp dự buổi tối tại nhà thống đốc.

Thay quần áo, xức nước hoa và dội nước lạnh lên đầu, Nikolai dù có hơi muộn, nhưng với một câu nói chuẩn bị sẵn : «vaut mieux tard que jamais», đã xuất hiện tại nhà thống đốc.

Đó không phải là một buổi khiêu vũ, và cũng không nói là sẽ có nhảy múa ; nhưng mọi người đều biết rằng Katerina Petrovna sẽ chơi đàn clavicord những bản valse và écossaise và rằng mọi người sẽ nhảy, và vì tính toán điều đó, mọi người đã đến với trang phục dạ hội.

Đời sống tỉnh lẻ vào năm 1812 vẫn hoàn toàn như mọi khi, chỉ có sự khác biệt là ở thành phố có phần nhộn nhịp hơn do sự xuất hiện của nhiều gia đình giàu có từ Moscow, và rằng, cũng như trong tất cả những gì đang diễn ra ở Nga lúc bấy giờ, có thể nhận thấy một sự phóng khoáng đặc biệt nào đó – biển chỉ đến đầu gối, mọi thứ đều chẳng đáng gì – trong cuộc sống, và hơn nữa là trong cái cuộc trò chuyện tầm thường cần thiết giữa người với người, cái mà trước đây xoay quanh thời tiết và những người quen chung, nay xoay quanh Moscow, quân đội và Napoleon.

Xã hội tập trung tại nhà thống đốc là xã hội tốt nhất của Voronezh.

Có rất nhiều phụ nữ, có một vài người quen từ Moscow của Nikolai ; nhưng trong số đàn ông không có ai có thể cạnh tranh với một hiệp sĩ dòng Thánh George, một kỵ binh hussar đi mua ngựa và đồng thời là Bá tước Rostov hiền lành và có giáo dục. Trong số những người đàn ông có một sĩ quan Ý bị bắt làm tù binh của quân

đội Pháp, và Nikolai cảm thấy rằng sự hiện diện của người tù binh này càng làm tăng thêm giá trị của anh – một anh hùng Nga. Đó giống như một chiến lợi phẩm. Nikolai cảm thấy điều đó, và dường như với anh mọi người đều nhìn người Ý như vậy, và Nikolai đối đãi với người sĩ quan này với sự tự trọng và chừng mực.

Ngay khi Nikolai bước vào trong bộ quân phục kỵ binh hussar của mình, tỏa ra xung quanh mùi nước hoa và rượu, và chính anh nói và đã nghe thấy vài lần những từ nói với anh : vaut mieux tard que jamais, anh bị mọi người vây quanh ; mọi ánh mắt đều đổ dồn vào anh, và anh ngay lập tức cảm thấy rằng mình đã bước vào một vị trí thuận lợi và luôn dễ chịu trong tỉnh, nhưng bây giờ sau những thiếu thốn lâu ngày, một vị trí say sưa của một người được mọi người yêu mến. Không chỉ ở các trạm dừng chân, các quán trọ và trong trang trại của vị địa chủ là những người hầu gái bị quyến rũ bởi sự chú ý của anh, mà ở đây, tại buổi tối của thống đốc, đã có (như Nikolai thấy) một số lượng không cạn kiệt những quý bà trẻ tuổi và những cô gái xinh đẹp, những người đang mất kiên nhẫn chỉ chờ Nikolai chú ý đến họ. Các quý bà và các cô gái tán tỉnh anh, và những ông già từ ngày đầu tiên đã lo lắng về việc làm sao để cưới vợ và làm cho chàng trai kỵ binh hussar bay bổng này trở nên điềm đạm. Trong số những người sau cùng này

có chính vợ của thống đốc, người đã đón tiếp Rostov như một người thân gần gũi, và gọi anh là «Nicolas» và xưng «mày».

Katerina Petrovna thực sự đã bắt đầu chơi những bản valse và écossaise, và những điệu nhảy bắt đầu, trong đó Nikolai càng làm mê mẩn toàn bộ xã hội tỉnh lẻ bằng sự khéo léo của mình. Anh làm ngạc nhiên ngay cả tất cả mọi người bằng phong thái nhảy phóng khoáng đặc biệt của mình. Nikolai cũng hơi ngạc nhiên trước phong thái nhảy của chính mình trong buổi tối đó. Anh chưa bao giờ nhảy như vậy ở Moscow và thậm chí sẽ coi đó là không đứng đắn và mauvais genre với một phong thái nhảy quá phóng khoáng như vậy ; nhưng ở đây anh cảm thấy cần phải làm họ ngạc nhiên bằng một điều gì đó phi thường, một điều gì đó mà họ phải chấp nhận là bình thường ở các thủ đô, nhưng còn chưa được biết đến ở tỉnh lẻ.

Suốt cả buổi tối, Nikolai chú ý nhiều nhất đến một phụ nữ tóc vàng xinh đẹp, đầy đặn và duyên dáng, vợ của một trong những quan chức tỉnh lẻ. Với cái sự ngây thơ vui vẻ của những người trẻ tuổi, cho rằng vợ của người khác được tạo ra là để cho họ, Rostov không rời khỏi người phụ nữ này và đối xử một cách thân tình, hơi có chút âm mưu với chồng bà ta, như thể họ dù

không nói ra điều đó, nhưng biết họ sẽ hợp nhau như thế nào, nghĩa là Nikolai với vợ của người đàn ông này. Tuy nhiên, người chồng có vẻ không chia sẻ niềm tin này và cố gắng cư xử một cách u ám với Rostov. Nhưng sự ngây thơ nhân hậu của Nikolai là vô bờ bến đến mức đôi khi người chồng vô tình cuốn theo tâm trạng vui vẻ của Nikolai. Vào cuối buổi tối, tuy nhiên, khi khuôn mặt của người vợ trở nên đỏ bừng và linh động hơn, khuôn mặt của người chồng trở nên buồn rầu và nghiêm nghị hơn, như thể phần linh động của họ là một cho cả hai, và khi nó tăng lên ở người vợ, nó giảm đi ở người chồng.

V

Nikolai, với một nụ cười không tắt trên môi, hơi cúi xuống trên chiếc ghế bành, ngồi gần sát người phụ nữ tóc vàng và nói với bà những lời khen ngợi thần thoại.

Thay đổi tư thế của đôi chân một cách dũng mãnh trong chiếc quần chẽn bó sát, tỏa ra mùi nước hoa và tự ngắm nghía mình và người phụ nữ xinh đẹp với đôi chân dưới chiếc váy phồng, Nikolai nói với người phụ nữ tóc vàng rằng anh muốn ở đây, tại Voronezh, bắt cóc một quý bà.

– Quý bà nào vậy ?

– Một người tuyệt vời, thần thánh. Đôi mắt bà ấy (Nikolai nhìn người đối thoại) màu xanh lam, miệng là san hô, sự trắng trẻo... (anh nhìn vào vai bà), vóc dáng của Diana...

Người chồng tiến lại gần họ và u ám hỏi vợ mình đang nói về chuyện gì.

– À ! Nikita Ivanych, – Nikolai nói, lịch sự đứng dậy.

Và, như thể muốn Nikita Ivanych tham gia vào những lời đùa cợt của mình, anh bắt đầu thông báo cho ông ta về ý định bắt cóc một người phụ nữ tóc vàng.

Người chồng mỉm cười ảm đạm, người vợ vui vẻ. Bà vợ thống đốc tốt bụng với vẻ không tán thành tiến lại gần họ.

– Anna Ignatyevna muốn gặp cháu, Nicolas, – bà nói, với giọng phát âm những từ «Anna Ignatyevna» theo cách mà Rostov hiểu ngay rằng Anna Ignatyevna là một quý bà rất quan trọng. – Đi thôi, Nicolas. Cháu đã cho phép cô gọi cháu như vậy chứ ?

– Ô vâng, thưa dì. Ai vậy ạ ?

– Anna Ignatyevna Malvintseva. Bà ấy đã nghe về cháu từ cháu gái của mình, cháu đã cứu cô ấy như thế nào... Cháu đoán ra chứ ?..

– Chẳng lẽ cháu đã cứu tất cả họ ở đó ! – Nikolai nói.

– Cháu gái của bà ấy, Công chúa Bolkonskaya. Cô ấy đang ở đây tại Voronezh với bà cô. Ôi, cháu đỏ mặt kìa! Cái gì, hay là ?..

– Cháu không hề nghĩ đến, thôi nào, thưa dì.

– Này, tốt, tốt... Ôi ! Cháu thật là một người như thế nào !

Bà thống đốc dẫn anh đến một bà già cao và rất béo đội chiếc mũ màu xanh lam, người vừa kết thúc ván bài với những nhân vật quan trọng nhất trong thành phố. Đó là Malvintseva, bà cô của Công chúa Marya về phía mẹ, một góa phụ giàu có, không con cái, luôn sống ở Voronezh. Bà đứng dậy, thanh toán tiền bài khi Rostov tiến lại gần bà. Bà nheo mắt nhìn anh một cách nghiêm khắc và quan trọng và tiếp tục mắng vị tướng đã thắng bà.

– Rất vui, con thân mến, – bà nói, chìa tay cho anh. – Xin mời đến thăm ta.

Sau khi nói chuyện về Công chúa Marya và người cha quá cố của cô, người mà Malvintseva rõ ràng không thích, và sau khi hỏi Nikolai biết gì về Công chúa Andrei, người dường như cũng không được bà yêu mến, bà già quan trọng đó đã để anh đi, nhắc lại lời mời đến thăm bà.

Nikolai hứa và lại đỏ mặt khi chào Malvintseva. Khi nhắc đến Công chúa Marya, Rostov cảm thấy một cảm giác bẽn lẽn không thể giải thích được đối với chính mình, thậm chí là sợ hãi.

Rời khỏi Malvintseva, Rostov muốn quay lại với các điệu nhảy, nhưng bà thống đốc nhỏ nhắn đặt bàn tay mũm mĩm của mình lên tay áo Nikolai và nói rằng bà cần nói chuyện với anh, dẫn anh vào phòng khách, từ đó những người đã ở đó liền đi ra ngay để không làm phiền bà thống đốc.

– Cháu biết không, mon cher, – bà thống đốc nói với vẻ mặt nghiêm túc của khuôn mặt nhỏ nhắn, nhân hậu, – đây chính là đối tượng cho cháu ; cháu có muốn ta mai mối cho cháu không ?

– Ai vậy, thưa dì ? – Nikolai hỏi.

– Ta sẽ mai mối Công chúa cho cháu. Katerina Petrovna nói về Lili, nhưng theo ta thì không – công chúa cơ. Cháu muốn chứ ? Ta chắc chắn mẹ của cháu sẽ cảm ơn ta. Thật đấy, cô gái đó mới tuyệt làm sao ! Và cô ấy cũng không hề xấu đâu.

– Hoàn toàn không, – Nikolai nói như thể bị xúc phạm. – Cháu, thưa dì, như một người lính phải thế, không xin xỏ ở đâu và không từ chối điều gì, – Rostov nói trước khi kịp nghĩ về những gì mình đang nói.

– Vậy hãy nhớ nhé : đây không phải là trò đùa đâu.

– Trò đùa gì chứ !

– Đúng, đúng, – bà thống đốc nói như thể tự nói với mình. – À đây nữa, mon cher, entre autre. Vous êtes trop assidu auprès de l'autre, la blonde. Chồng bà ta thật tội nghiệp, thật đấy...

– Á, không, chúng cháu là bạn của nhau, – Nikolai nói trong sự giản dị của tâm hồn : anh không hề nghĩ rằng một cách giết thời gian vui vẻ như vậy đối với anh lại có thể không vui vẻ đối với ai đó.

«Mình đã nói điều ngu ngốc gì với bà thống đốc thế này !» đột nhiên Nikolai nhớ lại lúc ăn tối. «Bà ấy chắc chắn sẽ bắt đầu mai mối, còn Sonya ?..» Và khi chia tay bà thống đốc, khi bà mỉm cười và một lần nữa nói với anh : «này, hãy nhớ nhé», anh kéo bà sang một bên.

– Nhưng đây là sự thật, cháu phải nói với cô, thưa dì...

– Cái gì, cái gì, bạn của ta ? Đi nào, chúng ta ngồi đây.

Nikolai đột nhiên cảm thấy khao khát và nhu cầu được kể tất cả những suy nghĩ thầm kín nhất của mình (những suy nghĩ mà anh sẽ không kể cho mẹ, cho chị gái, cho bạn bè) cho người phụ nữ gần như xa lạ này. Nikolai sau đó, khi nhớ lại cơn bộc phát sự chân thành

không giải thích được này, cái mà tuy nhiên lại có những hậu quả rất quan trọng đối với anh, dường như đối với anh (như đôi khi vẫn thấy với mọi người) rằng một cơn ngu ngốc bất chợt đã ập đến ; nhưng trong khi đó, cơn bộc phát sự chân thành này, cùng với những sự kiện nhỏ nhặt khác, đã có những hậu quả to lớn đối với anh và cho cả gia đình anh.

– Đây là chuyện, thưa dì. Mẹ từ lâu đã muốn cưới cháu cho một người giàu có ; nhưng ý nghĩ này đối với cháu thật đáng ghét – cưới vì tiền.

– Ồ vâng, ta hiểu, – bà thống đốc nói.

– Nhưng Công chúa Bolkonskaya – đó lại là chuyện khác : trước hết, ta nói thật với cô, cô ấy rất hợp ý cháu, cô ấy làm cháu thấy mến ; và sau đó, sau khi ta gặp cô ấy trong hoàn cảnh đó, thật lạ lùng, cô ấy thường xuyên nảy ra trong đầu cháu : đây là định mệnh. Đặc biệt là hãy nghĩ xem : mẹ từ lâu đã nghĩ về điều đó, nhưng trước đây cháu chưa từng gặp cô ấy, bằng cách nào đó mọi thứ cứ thế diễn ra, – chúng cháu không gặp nhau. Và trong thời gian khi chị gái Natasha của cháu là hôn thê của anh trai cô ấy, thì lúc đó cháu không thể nghĩ đến việc cưới cô ấy được. Phải thế chứ, cháu lại gặp cô ấy đúng lúc cuộc hôn nhân của Natasha tan vỡ, và rồi...

tất cả mọi thứ... Đúng, đây là chuyện... Cháu chưa nói điều này với ai và sẽ không nói với ai. Chỉ với cô thôi.

Bà thống đốc vỗ nhẹ vào khuỷu tay anh một cách biết ơn.

– Cháu biết Sonya chứ, em họ cháu ? Cháu yêu cô ấy, cháu đã hứa sẽ cưới và sẽ cưới cô ấy... Vì vậy cô thấy đấy, về chuyện này không thể có lời lẽ nào cả, – Nikolai nói một cách lúng túng và đỏ mặt.

– Cháu thân, cháu thân, sao cháu lại phán xét như vậy ? Tại sao, ở Sonya chẳng có gì cả, chính cháu đã nói rằng công việc của cha cháu rất tệ. Còn mẹ của cháu ? Điều này sẽ giết bà ấy, – là một. Sau đó là Sonya: nếu cô ấy là một cô gái có trái tim, – cuộc sống như thế nào cho cô ấy ? Mẹ tuyệt vọng, công việc tan hoang... Không, mon cher, cháu và Sonya phải hiểu điều đó.

Nikolai im lặng. Thật dễ chịu cho anh khi nghe những suy luận này.

– Tuy nhiên, thưa dì, điều này không thể xảy ra, – anh nói với một tiếng thở dài sau khi im lặng một chút. – Liệu Công chúa có đi theo cháu không, và hơn nữa cô ấy hiện đang để tang. Chẳng lẽ có thể nghĩ về điều đó lúc này sao !

– Cháu nghĩ rằng ta sẽ cưới cháu ngay bây giờ sao ? Có cách này và cũng có cách kia, – bà thống đốc nói.

– Cô đúng là một người mai mối tuyệt vời, thưa dì... – Nicolas nói, hôn bàn tay mũm mĩm của bà.

VI

Khi đến Moscow sau cuộc gặp gỡ với gia đình Rostov, Công chúa Marya đã tìm thấy ở đó người cháu trai của mình cùng với người thầy giáo và một lá thư từ Công chúa Andrei, người đã chỉ định cho họ hành trình đi Voronezh, đến nhà bà cô Malvintseva. Những lo lắng về chuyến đi, sự lo lắng cho anh trai, việc sắp xếp cuộc sống trong ngôi nhà mới, những gương mặt mới, việc giáo dục cháu trai – tất cả những điều này đã lấn át trong tâm hồn Công chúa Marya cái cảm giác như là sự cám dỗ đã hành hạ cô trong suốt thời gian bệnh tật của cha và sau cái chết của ông, đặc biệt là sau cuộc gặp gỡ với Rostov. Cô buồn bã. Ấn tượng về sự mất mát người cha, hòa trộn trong tâm hồn cô với sự sụp đổ của nước Nga, giờ đây, sau một tháng trôi qua kể từ những sự kiện đó trong điều kiện sống bình yên, càng trở nên mạnh mẽ và sâu sắc hơn đối với cô. Cô lo lắng : ý nghĩ về những nguy hiểm mà anh trai cô, người thân duy nhất còn lại của cô, đang gặp phải, hành hạ cô không ngừng. Cô bận tâm đến việc giáo dục cháu trai, người mà cô luôn cảm thấy mình không đủ khả năng ; nhưng trong thâm tâm cô có sự hòa hợp với chính mình, nảy sinh từ nhận thức rằng cô đã dập tắt được trong mình

những giấc mơ và hy vọng cá nhân nảy sinh liên quan đến sự xuất hiện của Rostov.

Khi ngày hôm sau sau buổi tối của mình, bà thống đốc đến thăm Malvintseva và nói chuyện với bà cô về các kế hoạch của mình (sau khi đã nói dè dặt rằng trong hoàn cảnh hiện tại không thể và không nên nghĩ đến việc mai mối chính thức, nhưng tuy nhiên có thể đưa những người trẻ lại gần nhau, cho họ cơ hội tìm hiểu nhau), và khi nhận được sự tán thành của bà cô, bà thống đốc đã nói chuyện với Công chúa Marya về Rostov, khen ngợi anh và kể lại anh đã đỏ mặt như thế nào khi nhắc đến Công chúa – Công chúa cảm thấy không phải niềm vui, mà là một cảm giác đau đớn : sự hòa hợp nội tâm của cô không còn tồn tại nữa, và những ham muốn, sự nghi ngờ, những lời trách móc và hy vọng lại nảy sinh.

Trong hai ngày trôi qua từ lúc biết tin này và cho đến chuyến thăm của Rostov, Công chúa Marya không ngừng nghĩ về việc cô nên cư xử như thế nào đối với Rostov. Khi thì cô quyết định rằng cô sẽ không ra phòng khách khi anh đến thăm bà cô, rằng việc để tang sâu của cô không tiện để tiếp khách ; khi thì cô nghĩ rằng điều đó sẽ thô lỗ sau những gì anh đã làm cho cô ; khi thì cô nảy ra ý nghĩ rằng bà cô và bà thống đốc có những ý định gì đó đối với cô và Rostov (cái nhìn và lời nói của

họ đôi khi dường như xác nhận giả định này) ; khi thì cô tự nhủ rằng chỉ có mình cô với sự đồi bại của mình mới có thể nghĩ như vậy về họ : họ không thể không nhớ rằng trong hoàn cảnh của cô, khi cô còn chưa bỏ khăn tang, một cuộc mai mối như vậy sẽ là xúc phạm đối với cô và đối với ký ức về cha cô. Giả định rằng cô sẽ đi lấy anh, Công chúa Marya tưởng tượng ra những lời mà anh sẽ nói với cô và những lời cô sẽ nói với anh ; và đôi khi những lời này dường như đối với cô là lạnh lùng một cách không công bằng, khi thì chúng có ý nghĩa quá lớn. Hơn hết, cô sợ sự lúng túng khi gặp anh, cái mà cô cảm thấy sẽ chiếm hữu cô và làm cô lộ ra ngay khi cô nhìn thấy anh.

Nhưng khi vào chiều Chủ nhật sau bữa trưa, người hầu thông báo trong phòng khách rằng Bá tước Rostov đã đến, Công chúa không hề lộ ra sự lúng túng ; chỉ có một làn da đỏ nhẹ hiện lên trên đôi má cô, và đôi mắt cô sáng lên một ánh sáng mới mẻ, rạng rỡ.

– Cô đã thấy anh ấy chưa, thưa cô ? – Công chúa Marya nói với giọng bình tĩnh, chính cô cũng không biết làm thế nào cô có thể tỏ ra bình tĩnh và tự nhiên bên ngoài như vậy.

Khi Rostov bước vào phòng, Công chúa cúi đầu trong giây lát, như thể dành thời gian cho vị khách chào

bà cô, và sau đó, đúng vào lúc Nikolai quay sang cô, cô ngẩng đầu lên và gặp ánh mắt anh với đôi mắt lấp lánh. Với đầy sự tự trọng và duyên dáng trong chuyển động, cô đứng dậy với một nụ cười rạng rỡ, đưa bàn tay thon thả, dịu dàng của mình cho anh và bắt đầu nói với một giọng nói mà lần đầu tiên vang lên những âm thanh ngực phụ nữ mới mẻ. M-lle Bourienne, người đã có mặt trong phòng khách, nhìn Công chúa Marya với vẻ ngạc nhiên khó hiểu. Là một người tán tỉnh tài ba, chính cô cũng không thể thực hiện các bước di chuyển tốt hơn khi gặp một người đàn ông cần phải làm cho thích mình.

«Hoặc là màu đen rất hợp với khuôn mặt cô ấy, hoặc là cô ấy thực sự đã trở nên xinh đẹp hơn mà mình không nhận ra. Và quan trọng nhất – cái phong thái và sự duyên dáng này !» m-lle Bourienne nghĩ.

Nếu Công chúa Marya có khả năng suy nghĩ vào lúc này, cô sẽ còn ngạc nhiên hơn m-lle Bourienne về sự thay đổi đã diễn ra trong cô. Từ giây phút cô nhìn thấy khuôn mặt thân thương, yêu quý đó, một sức sống mới đã chiếm lấy cô và buộc cô, ngoài ý muốn của mình, phải nói và hành động. Khuôn mặt cô từ lúc Rostov bước vào đột nhiên biến đổi. Giống như khi từ một chiếc đèn lồng sơn và chạm khắc tinh xảo, vốn trước

đây có vẻ thô kệch, tối tăm và vô nghĩa, bỗng nhiên rực sáng ánh sáng từ bên trong, khuôn mặt của Công chúa Marya đột nhiên biến đổi như vậy. Lần đầu tiên toàn bộ công việc tinh thần trong sáng, cái mà cô đã sống cho đến bấy giờ, đã hiện ra bên ngoài. Toàn bộ nội tâm của cô, sự không hài lòng với chính mình, nỗi đau khổ, sự khao khát cái thiện, sự phục tùng, tình yêu, sự tự hy sinh – tất cả những điều này tỏa sáng bây giờ trong đôi mắt rạng rỡ đó, trong nụ cười dịu dàng, trong từng nét của khuôn mặt thanh tú của cô.

Rostov nhìn thấy tất cả những điều này một cách rõ ràng như thể anh đã biết toàn bộ cuộc đời cô. Anh cảm thấy rằng sinh vật đang ở trước mặt anh hoàn toàn khác biệt, tốt đẹp hơn tất cả những người anh đã gặp cho đến nay, và quan trọng nhất là tốt đẹp hơn chính anh.

Cuộc trò chuyện diễn ra rất giản đơn và không đáng kể. Họ nói về cuộc chiến, vô tình, giống như tất cả mọi người, cường điệu hóa nỗi buồn của họ về sự kiện này; họ nói về cuộc gặp gỡ cuối cùng, Nikolai cố gắng chuyển cuộc trò chuyện sang chủ đề khác ; họ nói về bà thống đốc nhân hậu, về những người thân của Nikolai và Công chúa Marya.

Công chúa Marya không nói về anh trai mình, lảng tránh cuộc trò chuyện sang chủ đề khác ngay khi bà cô

nói về Andrei. Có thể thấy rằng cô không thể nói một cách giả tạo về những nỗi đau của nước Nga, nhưng anh trai cô lại là một chủ đề quá gần gũi với trái tim cô, và cô không muốn và không thể nói một cách hời hợt về anh ấy. Nikolai nhận thấy điều này, vì anh nói chung đã nhận thấy tất cả những sắc thái trong tính cách của Công chúa Marya với một sự quan sát nhạy bén vốn không thường thấy ở anh, tất cả đều xác nhận niềm tin của anh rằng cô hoàn toàn là một sinh vật đặc biệt và phi thường. Nikolai cũng đỏ mặt và lúng túng khi người ta nói với anh về Công chúa và thậm chí khi anh nghĩ về cô, nhưng khi có sự hiện diện của cô, anh cảm thấy hoàn toàn tự do và nói những điều hoàn toàn không phải những gì anh đã chuẩn bị, mà là những gì chợt nảy ra trong đầu anh một cách kịp thời.

Trong chuyến thăm ngắn ngủi của Nikolai, như mọi khi nơi nào có trẻ con, vào phút im lặng Nikolai đã tìm đến con trai nhỏ của Công chúa Andrei, vuốt ve cậu bé và hỏi liệu cậu bé có muốn trở thành kỵ binh hussar không. Anh bế cậu bé lên tay, vui vẻ xoay cậu bé và nhìn quanh Công chúa Marya. Một ánh nhìn cảm động, hạnh phúc và rụt rè dõi theo cậu bé yêu quý của cô trong vòng tay của người đàn ông mà cô yêu mến. Nikolai cũng nhận thấy ánh nhìn này và, như thể hiểu

được ý nghĩa của nó, anh đỏ mặt vì hài lòng và bắt đầu hôn cậu bé một cách hồn nhiên và vui vẻ.

Công chúa Marya không ra ngoài vì đang để tang, còn Nikolai không coi việc đến thăm họ là thích đáng; nhưng bà thống đốc vẫn tiếp tục công việc mai mối và, sau khi chuyển cho Nikolai những lời khen ngợi mà Công chúa Marya đã nói về anh và ngược lại, bà cứ khăng khăng rằng Rostov nên giải thích với Công chúa Marya. Để thực hiện điều này, bà đã sắp xếp một cuộc gặp gỡ giữa những người trẻ tuổi tại nhà đức cha trước bữa ăn trưa.

Mặc dù Rostov đã nói với bà thống đốc rằng anh sẽ không có bất kỳ lời giải thích nào với Công chúa Marya, nhưng anh đã hứa sẽ đến.

Cũng như ở Tilsit, Rostov không cho phép mình nghi ngờ liệu điều được mọi người công nhận là tốt có thực sự tốt hay không, thì bây giờ cũng vậy, sau một cuộc đấu tranh ngắn ngủi nhưng chân thành giữa nỗ lực sắp xếp cuộc sống theo ý chí của mình và sự phục tùng khiêm nhường trước hoàn cảnh, anh đã chọn điều sau và phó mặc mình cho quyền năng đang lôi cuốn anh đi đâu đó (anh cảm thấy điều đó) một cách không thể cưỡng lại. Anh biết rằng việc hứa với Sonya sẽ bày tỏ tình cảm của mình với Công chúa Marya sẽ là điều mà

anh gọi là sự đê tiện. Và anh biết rằng sự đê tiện sẽ không bao giờ được thực hiện. Nhưng anh cũng biết (và không phải ở trí não mà ở sâu thẳm tâm hồn anh cảm thấy) rằng bằng cách phó mặc mình bây giờ cho quyền năng của hoàn cảnh và những người dẫn dắt anh, anh không chỉ không làm điều gì xấu, mà còn làm một điều gì đó rất, rất quan trọng, một điều quan trọng đến mức anh chưa từng làm trong đời.

Sau cuộc gặp gỡ với Công chúa Marya, mặc dù lối sống bên ngoài của anh vẫn như cũ, nhưng tất cả những niềm vui trước đây đã mất đi sự quyến rũ đối với anh, và anh thường nghĩ về Công chúa Marya ; nhưng anh chưa bao giờ nghĩ về cô như vậy, như anh đã nghĩ về tất cả những cô gái gặp gỡ anh mà không ngoại lệ, trong giới thượng lưu, không như cách anh đã từ lâu và đã từng hào hứng nghĩ về Sonya. Về tất cả các tiểu thư khác, như hầu hết mọi thanh niên lương thiện, anh từng nghĩ như về một người vợ tương lai, anh ướm thử trong trí tưởng tượng của mình với họ tất cả các điều kiện của cuộc sống hôn nhân – chiếc áo choàng trắng, người vợ bên ấm samovar, cỗ xe của vợ, lũ trẻ con, mẹ và papa, các mối quan hệ của họ với nàng và vân vân, và vân vân, và những hình dung này về tương lai mang lại cho anh niềm vui ; nhưng khi anh nghĩ về nữ công tước Marya, người mà anh được dạm hỏi, anh chưa bao giờ

có thể hình dung được điều gì về cuộc sống hôn nhân tương lai. Ngay cả khi anh cố gắng, thì mọi thứ đều trở nên lộn xộn và giả tạo. Anh chỉ thấy rợn người.

VII

Tin tức kinh khủng về trận Borodino, về những tổn thất tử trận và bị thương của chúng ta, và còn tin tức kinh khủng hơn về việc mất Moscow đã được nhận ở Voronezh vào giữa tháng Chín. Nữ công tước Marya, khi chỉ biết từ báo chí về vết thương của anh trai và không có thông tin xác định nào về anh, đã chuẩn bị đi tìm công tước Andrei, theo như Nikolai nghe được (tự anh thì chưa thấy nàng).

Nhận được tin về trận Borodino và về việc bỏ lại Moscow, Rostov không phải là cảm thấy tuyệt vọng, căm phẫn hay thù hận và những cảm xúc tương tự, nhưng đột nhiên anh thấy mọi thứ ở Voronezh trở nên buồn chán, khó chịu, mọi thứ bằng cách nào đó thấy lương tâm cắn rứt và lúng túng. Anh thấy tất cả những cuộc trò chuyện mà anh nghe được đều là giả dối ; anh không biết phải phán xét thế nào về tất cả những điều này, và cảm thấy rằng chỉ ở trong trung đoàn thì mọi thứ mới trở nên rõ ràng đối với anh một lần nữa. Anh vội vàng kết thúc việc mua ngựa và thường nổi nóng một cách vô lý với người hầu và viên hạ sĩ quan của mình.

Vài ngày trước khi Rostov rời đi, tại nhà thờ lớn đã ấn định một buổi lễ cầu nguyện nhân dịp chiến thắng

của quân đội Nga, và Nikolai đã đi dự lễ. Anh đứng hơi lùi lại phía sau ngài thống đốc và với vẻ trang nghiêm công vụ, suy ngẫm về những chủ đề đa dạng nhất, anh đã đứng dự hết buổi lễ. Khi buổi lễ kết thúc, phu nhân thống đốc gọi anh lại gần.

– Anh đã thấy nữ công tước chưa ? – bà nói, đầu chỉ về phía một người phụ nữ mặc đồ đen đang đứng sau bục hát.

Nikolai lập tức nhận ra nữ công tước Marya không phải qua dáng nghiêng của nàng lộ ra dưới vành mũ, mà bởi chính cảm giác thận trọng, sợ hãi và thương cảm đã bao trùm lấy anh ngay lúc đó. Nữ công tước Marya, rõ ràng đang chìm đắm trong những suy nghĩ của mình, đang làm những dấu thánh cuối cùng trước khi ra khỏi nhà thờ.

Nikolai ngạc nhiên nhìn vào khuôn mặt nàng. Đó vẫn là khuôn mặt ấy mà anh đã thấy trước kia, vẫn có biểu cảm chung của sự lao động nội tâm, tinh thần tinh tế ; nhưng bây giờ nó được soi sáng hoàn toàn khác. Một biểu cảm cảm động của nỗi buồn, lời cầu nguyện và hy vọng hiện trên đó. Như đã từng xảy ra với Nikolai khi có mặt nàng, anh không đợi lời khuyên của phu nhân thống đốc để đến gần nàng, không tự hỏi mình xem có tốt không, có lịch sự không hay không khi bắt chuyện

với nàng ở đây trong nhà thờ, anh đã bước đến bên nàng và nói rằng anh đã nghe về nỗi đau của nàng và hết lòng chia buồn với nàng. Vừa nghe thấy giọng anh, đột nhiên một ánh sáng rực rỡ bừng lên trên khuôn mặt nàng, soi sáng cùng lúc cả nỗi buồn và niềm vui của nàng.

– Tôi chỉ muốn nói với cô, thưa nữ công tước, – Rostov nói, – rằng nếu công tước Andrei Nikolaevich còn sống, thì vì là chỉ huy trung đoàn, điều đó đã được thông báo ngay lập tức trên báo chí.

Nữ công tước nhìn anh, không hiểu lời anh nói, nhưng vui mừng vì biểu cảm cảm thông với nỗi đau hiện trên khuôn mặt anh.

– Và tôi biết rất nhiều ví dụ, vết thương do mảnh đạn (trên báo nói là do lựu đạn) hoặc là gây tử vong ngay lập tức, hoặc ngược lại, rất nhẹ, – Nikolai nói. – Cần phải hy vọng vào điều tốt đẹp nhất, và tôi tin chắc...

Nữ công tước Marya ngắt lời anh.

– Ôi, điều đó thật kinh khủng... – nàng bắt đầu nói, và không nói hết vì xúc động, với một cử chỉ duyên dáng (như tất cả những gì nàng làm khi có mặt anh) cúi đầu và nhìn anh đầy biết ơn, nàng đi theo người dì.

Tối hôm đó Nikolai không đi đâu chơi cả và ở lại nhà để thanh toán xong một số hóa đơn với những người bán ngựa. Khi xong việc, đã muộn để đi đâu đó, nhưng vẫn còn sớm để đi ngủ, và Nikolai một mình đi lại trong phòng hồi lâu, suy ngẫm về cuộc đời mình, điều hiếm khi xảy ra với anh.

Nữ công tước Marya đã gây cho anh một ấn tượng dễ chịu ở Smolensk. Việc anh gặp nàng khi đó trong những điều kiện đặc biệt như vậy, và việc mẹ anh đã từng chỉ cho anh thấy nàng như một mối hứa hẹn giàu có, đã làm cho anh dành cho nàng sự chú ý đặc biệt. Ở Voronezh, trong thời gian anh đến thăm, ấn tượng này không chỉ là dễ chịu, mà còn mạnh mẽ. Nikolai bị kinh ngạc bởi vẻ đẹp tinh thần, đạo đức đặc biệt mà lần này anh nhận thấy ở nàng. Tuy nhiên anh chuẩn bị ra đi, và ý nghĩ không bao giờ đến với anh rằng mình sẽ hối tiếc vì việc rời khỏi Voronezh, anh sẽ mất cơ hội gặp nữ công tước. Nhưng cuộc gặp gỡ hôm nay với nữ công tước Marya trong nhà thờ (Nikolai cảm thấy điều đó) đã đâm sâu vào trái tim anh hơn là anh dự đoán, và sâu hơn mức anh mong muốn cho sự bình yên của mình. Khuôn mặt nhợt nhạt, thanh tú, u sầu này, ánh nhìn rạng rỡ này, những cử động tĩnh lặng, duyên dáng này, và điều chính yếu là nỗi buồn sâu sắc và dịu dàng hiện lên trong mọi đường nét của nàng, đã làm anh lo lắng và

đòi hỏi sự thấu cảm của anh. Ở đàn ông Rostov không thể chịu được biểu cảm của đời sống tinh thần cao siêu (vì thế anh không thích công tước Andrei), anh khinh miệt gọi đó là triết lý, sự mơ mộng ; nhưng ở nữ công tước Marya, chính trong nỗi buồn này, vốn bộc lộ toàn bộ chiều sâu của thế giới tinh thần xa lạ đối với Nikolai, anh cảm thấy một sức hấp dẫn không thể cưỡng lại.

«Một cô gái kỳ diệu ! Đúng là một thiên thần !» anh tự nói với mình. «Tại sao mình không tự do, tại sao mình lại vội vàng với Sonya ?» Và anh vô tình hình dung ra sự so sánh giữa hai người : sự nghèo nàn của người này và sự giàu có của người kia về những món quà tinh thần mà Nikolai không có và chính vì thế anh đánh giá cao. Anh đã thử hình dung xem điều gì sẽ xảy ra nếu anh được tự do. Anh sẽ cầu hôn nàng như thế nào và nàng sẽ trở thành vợ anh như thế nào ? Không, anh không thể hình dung ra điều đó. Anh thấy rợn người, và không có hình ảnh rõ ràng nào hiện ra với anh. Với Sonya, anh đã từ lâu lập ra bức tranh tương lai của mình, và tất cả đều đơn giản và rõ ràng, chính vì mọi thứ đều đã được nghĩ ra, và anh biết tất cả những gì có ở Sonya ; nhưng với nữ công tước Marya thì không thể hình dung được cuộc sống tương lai, bởi vì anh không hiểu nàng, mà chỉ yêu nàng.

Những mơ mộng về Sonya mang trong mình điều gì đó vui vẻ và như trò chơi. Nhưng nghĩ về nữ công tước Marya thì luôn khó khăn và hơi kinh sợ.

«Nàng đã cầu nguyện như thế nào !» anh nhớ lại. «Thấy rõ là toàn bộ tâm hồn nàng đặt vào lời cầu nguyện. Đúng, đó là lời cầu nguyện có thể dời núi, và tôi tin chắc rằng lời cầu nguyện của nàng sẽ được thực hiện. Tại sao mình không cầu nguyện về những gì mình cần ?» anh nhớ lại. «Mình cần gì ? Sự tự do, sự cắt đứt với Sonya. Cô ấy đã nói đúng», anh nhớ lại những lời của phu nhân thống đốc : «ngoài sự bất hạnh, sẽ chẳng có gì từ việc tôi cưới cô ấy. Rắc rối, khổ cho mẹ... công việc... rắc rối, rắc rối khủng khiếp. Đúng là tôi không yêu cô ấy. Đúng, không phải yêu như thế, không phải yêu như cần thiết. Lạy Chúa ! Xin hãy đưa con ra khỏi tình cảnh khủng khiếp, bế tắc này !» đột nhiên anh bắt đầu cầu nguyện. «Đúng, lời cầu nguyện dời núi, nhưng cần phải tin và không cầu nguyện như thế này, như khi chúng con còn nhỏ đã cầu nguyện với Natasha về việc để tuyết biến thành đường, và chạy ra sân thử xem liệu tuyết có biến thành đường không. Không, bây giờ tôi không cầu nguyện về những chuyện vặt vãnh», anh nói, đặt tẩu thuốc vào góc phòng và chắp tay đứng trước bức tượng thánh. Và, xúc động bởi ký ức về nữ công tước Marya, anh bắt đầu cầu nguyện như anh đã từ lâu

không cầu nguyện. Nước mắt lưng tròng và nghẹn ở cổ, khi Lavrushka bước vào cửa với một số giấy tờ.

– Đồ ngốc ! Đồ xấc xược, khi người ta không hỏi ! – Nikolai nói, nhanh chóng thay đổi tư thế.

– Từ ngài thống đốc, – Lavrushka nói bằng giọng ngái ngủ, – một liên lạc viên đã đến, có thư cho ngài.

– Được rồi, tốt lắm, cảm ơn, đi đi !

Nikolai cầm hai lá thư. Một cái từ mẹ, cái kia từ Sonya. Anh nhận ra chúng qua nét chữ và mở thư của Sonya trước. Anh chưa kịp đọc được vài dòng thì khuôn mặt anh đã tái nhợt và mắt anh mở to kinh hãi và vui mừng.

– Không, điều này không thể có được ! – anh nói thành tiếng.

Không đủ sức ngồi yên một chỗ, anh cầm lá thư trong tay đi lại quanh phòng. Anh lướt qua lá thư, rồi đọc lại một lần, rồi lần nữa, và nhún vai dang tay ra, anh dừng lại giữa phòng với miệng há hốc và đôi mắt đứng tròng. Những gì anh vừa mới cầu nguyện với niềm tin chắc rằng Chúa sẽ thực hiện lời cầu nguyện của mình, đã được thực hiện ; nhưng Nikolai ngạc nhiên vì điều này như thể đây là một điều gì đó phi thường, và như thể anh chưa bao giờ mong đợi điều đó, và như thể chính vì

nó xảy ra quá nhanh, nó chứng minh rằng điều này xảy ra không phải từ Chúa, người mà anh đã cầu xin, mà từ một sự tình cờ thông thường.

Cái nút thắt dường như không thể tháo gỡ, trói buộc sự tự do của Rostov, đã được tháo gỡ bởi lá thư bất ngờ này (như Nikolai thấy) không do ai yêu cầu từ Sonya. Cô viết rằng những hoàn cảnh bất hạnh gần đây, việc mất gần như toàn bộ tài sản của gia đình Rostov ở Moscow, và những mong muốn thường xuyên được bày tỏ của phu nhân công tước về việc Nikolai cưới nữ công tước Bolkonskaya, và sự im lặng, lạnh lùng của anh thời gian gần đây, – tất cả những điều này cộng lại đã khiến cô quyết định giải trừ lời hứa của anh và trả lại cho anh sự tự do hoàn toàn.

«Em thấy quá đau lòng khi nghĩ rằng em có thể là nguyên nhân của nỗi buồn hoặc sự bất hòa trong gia đình đã ban ơn cho em», cô viết, «và tình yêu của em chỉ có một mục đích là hạnh phúc của những người em yêu ; và vì vậy em cầu xin anh, Nicolas, hãy coi mình là tự do và biết rằng, dù bất cứ điều gì, không ai có thể yêu anh hơn Sonya của anh.»

Cả hai lá thư đều từ Troitsa. Lá thư kia là từ phu nhân công tước. Trong lá thư này mô tả những ngày cuối cùng ở Moscow, chuyến đi, hỏa hoạn và sự mất mát

toàn bộ tài sản. Trong lá thư này, cùng với những điều khác, phu nhân công tước viết rằng công tước Andrei nằm trong số những người bị thương đi cùng với họ. Tình trạng của anh rất nguy hiểm, nhưng bây giờ bác sĩ nói rằng có thêm nhiều hy vọng. Sonya và Natasha đang chăm sóc anh như những hộ lý.

Với lá thư này, vào ngày hôm sau Nikolai đã đến chỗ nữ công tước Marya. Cả Nikolai và nữ công tước Marya đều không nói một lời nào về ý nghĩa của những lời : «Natasha đang chăm sóc anh ấy» ; nhưng nhờ lá thư này, Nikolai đột nhiên trở nên thân thiết với nữ công tước gần như quan hệ họ hàng.

Ngày hôm sau Rostov tiễn nữ công tước Marya đi Yaroslavl và vài ngày sau chính anh cũng lên đường về trung đoàn.

VIII

Lá thư của Sonya gửi cho Nikolai, vốn là sự thực hiện lời cầu nguyện của anh, đã được viết từ Troitsa. Đây là điều đã gây ra nó. Ý nghĩ về cuộc hôn nhân của Nikolai với một cô dâu giàu có ngày càng chiếm lĩnh tâm trí bà công tước già. Bà biết rằng Sonya là trở ngại chính cho việc này. Và cuộc đời của Sonya thời gian gần đây, đặc biệt là sau lá thư của Nikolai mô tả cuộc gặp gỡ của anh ở Bogucharovo với nữ công tước Marya, ngày càng trở nên khó khăn hơn trong nhà của bà công tước. Bà công tước không bỏ lỡ một cơ hội nào để đưa ra những lời ám chỉ xúc phạm hoặc cay nghiệt với Sonya.

Nhưng vài ngày trước khi rời khỏi Moscow, bị suy sụp và lo lắng bởi tất cả những gì đang xảy ra, bà công tước gọi Sonya đến chỗ mình, thay vì những lời trách móc và yêu cầu, bà đã đẫm lệ van xin cô về điều đó, để cô, bằng cách hy sinh bản thân, đền đáp tất cả những gì đã được làm cho cô, để cô cắt đứt quan hệ với Nikolai.

– Em sẽ không yên lòng cho đến khi em cho chị lời hứa này.

Sonya bật khóc nức nở, trả lời qua tiếng khóc rằng cô sẽ làm tất cả, rằng cô sẵn sàng cho mọi thứ, nhưng không đưa ra lời hứa trực tiếp và trong tâm hồn mình cô không thể quyết định làm điều mà người ta yêu cầu ở cô. Cần phải hy sinh bản thân vì hạnh phúc của gia đình đã nuôi nấng và dạy dỗ cô. Hy sinh bản thân vì hạnh phúc của người khác là thói quen của Sonya. Địa vị của cô trong nhà là như vậy, đến nỗi chỉ trên con đường hy sinh cô mới có thể thể hiện những phẩm chất của mình, và cô đã quen và yêu thích việc hy sinh bản thân. Nhưng trước đây trong mọi hành động hy sinh bản thân, cô đều vui vẻ nhận thức rằng cô, bằng cách hy sinh bản thân, bằng cách đó nâng cao giá trị của mình trong mắt chính mình và người khác và trở nên xứng đáng hơn với Nicolas, người mà cô yêu nhất trên đời ; nhưng bây giờ sự hy sinh của cô phải nằm ở chỗ từ bỏ cái đã tạo nên toàn bộ phần thưởng cho sự hy sinh, toàn bộ ý nghĩa của cuộc sống. Và lần đầu tiên trong đời cô cảm thấy cay đắng đối với những người đã ban ơn cho cô để rồi làm khổ cô thêm ; cảm thấy ghen tị với Natasha, người chưa bao giờ trải qua điều gì tương tự, người chưa bao giờ cần đến những hy sinh và khiến người khác phải hy sinh cho mình mà vẫn được mọi người yêu quý. Và lần đầu tiên Sonya cảm thấy tình yêu trong sạch, tĩnh lặng của mình dành cho Nicolas đột nhiên bắt đầu lớn dần

thành một cảm xúc mãnh liệt, nằm trên cả các quy tắc, đức hạnh và tôn giáo ; và dưới ảnh hưởng của cảm xúc này, Sonya, người vô tình bị cuộc sống phụ thuộc của mình dạy cho sự kín đáo, trong những lời nói chung chung, không xác định đã trả lời bà công tước, tránh né những cuộc trò chuyện với bà và quyết định chờ đợi cuộc gặp gỡ với Nikolai, với mục đích trong cuộc gặp gỡ này sẽ không giải phóng anh, mà ngược lại, gắn kết anh với mình mãi mãi.

Những lo toan và kinh hoàng của những ngày cuối cùng ở lại của gia đình Rostov tại Moscow đã dập tắt những suy nghĩ u ám đang đè nặng Sonya. Cô vui mừng tìm thấy sự cứu rỗi khỏi chúng trong hoạt động thực tế. Nhưng khi cô biết về sự hiện diện của công tước Andrei trong nhà họ, bất chấp tất cả sự thương cảm chân thành mà cô dành cho anh và cho Natasha, một cảm giác vui mừng và mê tín rằng Chúa không muốn tách cô khỏi Nicolas đã xâm chiếm cô. Cô biết rằng Natasha yêu một mình công tước Andrei và không ngừng yêu anh. Cô biết rằng bây giờ, khi họ được đưa đi cùng nhau trong những điều kiện kinh khủng như vậy, họ sẽ lại yêu nhau và lúc đó Nikolai, do quan hệ họ hàng nảy sinh giữa họ, sẽ không thể cưới nữ công tước Marya. Bất chấp tất cả sự kinh hoàng của mọi chuyện đã xảy ra trong những ngày cuối cùng và trong thời gian đầu của

cuộc hành trình, cảm giác này, nhận thức này về sự can thiệp của Thần phù hộ trong các công việc cá nhân của mình đã làm Sonya vui mừng.

Tại Troitsa Lavra, gia đình Rostov đã dừng chân nghỉ ngày đầu tiên trong hành trình của mình.

Trong khách sạn của tu viện, gia đình Rostov được dành cho ba căn phòng lớn, trong đó một phòng do công tước Andrei chiếm. Người bị thương hôm đó thấy khỏe hơn nhiều. Natasha ngồi với anh. Trong phòng bên cạnh, ông công tước và bà công tước ngồi, trò chuyện cung kính với cha bề trên, một người quen cũ và là người cung tiến của họ. Sonya ngồi ngay đó, và cô bị dày vò bởi sự tò mò về những gì công tước Andrei đang nói với Natasha. Qua cánh cửa, cô lắng nghe âm thanh giọng nói của họ. Cửa phòng công tước Andrei mở ra. Natasha với khuôn mặt xúc động bước ra từ đó, và không nhận thấy vị tu sĩ đang đi tới gặp mình và nắm lấy tay áo rộng bên tay phải của ông, cô đi đến chỗ Sonya và cầm lấy tay cô.

Natasha đến nhận phước lành, và cha bề trên khuyên cô nên hướng về Chúa và vị thánh của Ngài để cầu xin sự giúp đỡ.

Ngay sau khi cha bề trên rời đi, Natasha nắm tay bạn mình và đi cùng cô vào căn phòng trống.

– Sonya, hả ? Anh ấy sẽ sống chứ ? – cô nói. – Sonya, em hạnh phúc thế nào và em bất hạnh thế nào ! Sonya, người yêu ơi, mọi thứ vẫn như cũ. Giá mà anh ấy sống được. Anh ấy không thể... bởi vì, bởi vì... cái đó... – và Natasha bật khóc.

– Thế đó ! Chị đã biết mà ! Tạ ơn Chúa, – Sonya nói. – Anh ấy sẽ sống !

Sonya cũng xúc động không kém gì bạn mình, cả vì nỗi sợ hãi và nỗi đau của cô ấy, và vì những suy nghĩ cá nhân, chưa được bày tỏ với ai của mình. Cô vừa hôn, vừa an ủi Natasha. «Giá mà anh ấy sống được !» cô nghĩ. Khóc xong, trò chuyện và lau nước mắt, hai người bạn đi đến cửa phòng công tước Andrei. Natasha thận trọng mở cửa, liếc nhìn vào phòng. Sonya đứng cạnh cô bên cánh cửa khép hờ.

Công tước Andrei nằm cao trên ba chiếc gối. Khuôn mặt nhợt nhạt của anh bình thản, mắt nhắm lại, và thấy rõ là anh đang thở đều.

– Ôi, Natasha ! – đột nhiên Sonya gần như hét lên, nắm lấy tay em họ mình và lùi lại khỏi cửa.

– Gì thế ? Gì thế ? – Natasha hỏi.

– Đó là cái đó, cái đó, kìa !... – Sonya nói với khuôn mặt tái nhợt và đôi môi run rẩy.

Natasha khẽ khép cửa lại và cùng Sonya đi ra phía cửa sổ, chưa hiểu những gì cô ấy đang nói với mình.

– Chị có nhớ không, – Sonya nói với khuôn mặt sợ hãi và trang nghiêm, – chị có nhớ khi em nhìn vào gương cho chị ở Otradnoe, vào đêm Giáng sinh... chị có nhớ em đã thấy gì không ?..

– Có, có, – Natasha mở to mắt nói, lờ mờ nhớ lại rằng khi đó Sonya đã nói điều gì đó về công tước Andrei, người mà cô ấy đã thấy nằm đó.

– Chị có nhớ không ? – Sonya tiếp tục. – Lúc đó em đã thấy và nói với tất cả mọi người, và với chị, và với Dunyasha. Em đã thấy anh ấy nằm trên giường, – cô nói, mỗi chi tiết đều làm một cử chỉ bằng tay với ngón tay giơ lên, – và rằng anh ấy đã nhắm mắt, và rằng anh ấy được phủ bằng chính tấm chăn màu hồng đó, và rằng anh ấy khoanh tay lại, – Sonya nói, càng lúc càng tin chắc khi cô mô tả những chi tiết vừa thấy bây giờ, rằng chính những chi tiết đó cô đã thấy khi đó.

Khi đó cô chẳng thấy gì cả, nhưng đã kể lại những gì hiện ra trong đầu cô ; nhưng những gì cô nghĩ ra khi đó, đối với cô dường như cũng có thật như bất kỳ ký ức nào khác. Việc cô khi đó đã nói rằng anh ấy ngoảnh lại nhìn cô và mỉm cười, và được phủ bằng một tấm chăn màu đỏ, cô không chỉ nhớ rõ, mà còn tin chắc rằng mình đã nói và thấy như vậy, rằng anh ấy được phủ bằng một tấm chăn màu hồng, chính xác là màu hồng, và rằng mắt anh ấy đã nhắm lại.

– Đúng, đúng, chính xác là màu hồng, – Natasha nói, người bây giờ dường như cũng nhớ rằng người ta đã nói là màu hồng, và chính trong chi tiết này cô thấy điều phi thường và huyền bí nhất của lời tiên đoán.

– Nhưng điều đó có nghĩa là gì ? – Natasha đăm chiêu nói.

– Ôi, em không biết, mọi chuyện thật phi thường làm sao, – Sonya nói, tay ôm lấy đầu.

Vài phút sau, công tước Andrei rung chuông, và Natasha đi vào chỗ anh ; còn Sonya, trải qua một sự xúc động và cảm động hiếm khi trải qua, vẫn ở bên cửa sổ, suy ngẫm về toàn bộ sự phi thường của những gì đã xảy ra.

Trong ngày hôm đó có cơ hội gửi thư về quân đội, và bà công tước đã viết cho con trai.

– Sonya, – bà công tước nói, ngẩng đầu lên khỏi lá thư khi cô cháu gái đi ngang qua bà. – Sonya, con sẽ không viết cho Nikolenka chứ ? – bà công tước nói bằng giọng trầm, run rẩy.

Và trong ánh nhìn của đôi mắt mệt mỏi nhìn qua cặp kính, Sonya đã đọc được tất cả những gì bà công tước hiểu qua những lời này. Trong ánh nhìn này thể hiện sự van xin, nỗi sợ bị từ chối, sự hổ thẹn vì phải cầu xin, và sự sẵn sàng cho một sự thù hận không thể hòa giải trong trường hợp bị từ chối.

Sonya bước đến bên bà công tước và quỳ xuống, hôn tay bà.

– Con sẽ viết, mẹ, – cô nói.

Sonya đã mủi lòng, xúc động và cảm động bởi tất cả những gì đã xảy ra trong ngày hôm đó, đặc biệt là bởi sự thực hiện huyền bí của cuộc bói toán mà cô vừa thấy bây giờ. Bây giờ, khi cô biết rằng nhân dịp nối lại quan hệ của Natasha với công tước Andrei, Nikolai không thể cưới nữ công tước Marya, cô vui mừng cảm thấy sự trở lại của tâm trạng hy sinh bản thân mà cô đã quen

thuộc và yêu thích. Và với những giọt nước mắt trong mắt và với ý thức hạnh phúc về hành động cao thượng của mình, cô đã vài lần bị ngắt quãng bởi những giọt nước mắt làm mờ đôi mắt đen nhung của cô, cô đã viết lá thư cảm động đó, việc nhận được lá thư này đã làm Nikolai kinh ngạc như vậy.

IX

Tại trạm canh, nơi Pierre được đưa đến, các sĩ quan và binh lính bắt giữ anh đối xử với anh một cách thù địch, nhưng đồng thời cũng với sự tôn trọng. Vẫn còn cảm nhận được trong thái độ của họ đối với anh sự nghi ngờ về việc anh là ai (liệu có phải là một người rất quan trọng không), và sự thù địch do cuộc đấu tranh cá nhân vừa mới xảy ra với anh.

Nhưng khi sáng hôm sau đội gác mới đến, Pierre cảm thấy rằng đối với đội gác mới – đối với các sĩ quan và binh lính – anh không còn ý nghĩa mà anh đã có đối với những người đã bắt anh. Và thực sự, trong thân hình to lớn, béo mập này, trong chiếc áo kaftan của thường dân và chiếc mũ lính, đội gác của ngày hôm sau không còn thấy cái người sống động đã chiến đấu tuyệt vọng với những kẻ hôi của và với lính áp giải và đã nói câu nói long trọng về việc cứu một đứa trẻ, mà họ chỉ thấy số 17 trong số những người bị giữ vì lý do gì đó, theo lệnh của cấp trên tối cao, lấy từ những người Nga bị bắt. Nếu có điều gì đó đặc biệt ở Pierre, thì đó chỉ là vẻ mặt không sợ hãi, tập trung suy tư của anh và tiếng Pháp mà anh nói một cách ngạc nhiên đối với quân Pháp. Mặc dù vậy, ngay trong ngày hôm đó Pierre đã được gộp chung

với những người bị bắt đáng nghi khác, vì căn phòng riêng biệt mà anh chiếm đã cần dùng cho một sĩ quan.

Tất cả những người Nga bị giữ cùng với Pierre đều là những người có địa vị thấp nhất. Và tất cả họ, khi biết Pierre là quý tộc, đều xa lánh anh, điều này càng rõ ràng hơn khi anh nói tiếng Pháp. Pierre nghe thấy những lời chế nhạo về mình với nỗi buồn.

Tối hôm sau Pierre biết được rằng tất cả những người bị giữ này (và có lẽ cả anh trong số đó) sẽ phải bị xét xử về tội đốt phá. Vào ngày thứ ba, Pierre được đưa cùng những người khác đến một ngôi nhà nào đó, nơi một vị tướng Pháp râu trắng, hai đại tá và những người Pháp khác với những dải băng trên tay đang ngồi. Pierre, cùng với những người khác, bị hỏi với sự tò mò và sự chính xác dường như vượt quá sự yếu đuối của con người, về những câu hỏi về việc anh là ai ? anh đã ở đâu? với mục đích gì ? vân vân.

Những câu hỏi này, để lại một bên thực chất của vấn đề sống còn và loại trừ khả năng khám phá ra thực chất đó, giống như tất cả các câu hỏi được đưa ra trong các phiên tòa, có mục đích chỉ là dựng lên cái máng mà qua đó các thẩm phán muốn những câu trả lời của bị cáo chảy qua và dẫn anh ta đến mục đích mong muốn, tức là đến sự buộc tội. Ngay khi anh bắt đầu nói điều gì đó không

đáp ứng mục đích buộc tội, họ lại đưa cái máng vào, và nước có thể chảy đi đâu tùy ý họ. Ngoài ra, Pierre cũng trải qua điều tương tự như bị cáo trải qua trong tất cả các phiên tòa : sự ngơ ngác không hiểu tại sao họ lại hỏi anh tất cả những câu hỏi này. Anh cảm thấy rằng chỉ do sự nhân từ hoặc dường như là do sự lịch thiệp mà máng này mới được áp dụng cho bị cáo. Anh biết rằng anh nằm trong tay của những người này, rằng chỉ có quyền lực mới đưa anh đến đây, rằng chỉ có quyền lực mới cho họ quyền đòi hỏi câu trả lời cho các câu hỏi, rằng mục đích duy nhất của cuộc họp này là để buộc tội anh. Và vì thế, vì có quyền lực và có mong muốn buộc tội, nên không cần thiết phải có những máng câu hỏi và phiên tòa. Thấy rõ là tất cả các câu trả lời phải dẫn đến tội lỗi. Trên câu hỏi anh đã làm gì khi bị bắt, Pierre trả lời với vẻ bi thảm nhất định rằng anh «đưa con của cha mẹ về cho họ, mà anh ta đã cứu thoát khỏi ngọn lửa». Tại sao anh lại đánh nhau với kẻ hôi của? Pierre trả lời rằng anh «bảo vệ một người phụ nữ, rằng việc bảo vệ một người phụ nữ bị xúc phạm là nghĩa vụ của mỗi người đàn ông, rằng...» Anh bị ngắt lời : điều này không liên quan đến vụ việc. Tại sao anh lại ở trong sân của ngôi nhà đang cháy, nơi các nhân chứng đã nhìn thấy anh ta ? Anh ta trả lời rằng «đã đi xem điều gì đang xảy ra ở Moscow». Anh ta lại bị chặn lại : họ không hỏi anh ta đã đi đâu,

mà là tại sao anh ta lại ở gần đám cháy. Anh ta là ai ? Họ lặp lại câu hỏi đầu tiên với anh ta, nhưng anh ta nói rằng không muốn trả lời. Một lần nữa anh ta trả lời rằng không thể nói điều đó.

– Ghi lại đi, điều này không tốt. Rất không tốt, – một vị tướng có bộ ria mép trắng và khuôn mặt đỏ hồng nghiêm giọng nói với anh ta.

Vào ngày thứ tư, các đám cháy bắt đầu trên đê Zubovsky.

Pierre cùng với 13 người khác được đưa đến Krymsky Brod vào một nhà kho để xe ngựa của một ngôi nhà thương gia. Đi qua các đường phố, Pierre nghẹt thở vì khói, thứ dường như bao trùm cả thành phố. Từ các phía khác nhau, người ta có thể nhìn thấy những đám cháy. Pierre lúc đó vẫn chưa hiểu ý nghĩa của một Moscow bị thiêu rụi và nhìn những đám cháy này với vẻ kinh hoàng.

Trong nhà kho để xe ngựa của một ngôi nhà gần Krymsky Brod, Pierre đã ở lại thêm bốn ngày nữa và trong những ngày này, từ cuộc trò chuyện của những người lính Pháp, anh biết được rằng tất cả những người bị giữ ở đây đều đang chờ đợi quyết định của thống chế từng ngày. Thống chế nào, Pierre không thể biết từ

người lính. Đối với người lính, rõ ràng, vị thống chế hiện diện như một mắt xích quyền lực tối cao và có phần bí ẩn.

Những ngày đầu tiên này cho đến ngày 8 tháng 9, ngày mà các tù binh được đưa đi thẩm vấn lần thứ hai, là những ngày nặng nề nhất đối với Pierre.

X

Vào ngày 8 tháng 9, một sĩ quan rất quan trọng bước vào nhà kho chỗ các tù binh, xét theo sự tôn trọng mà lính canh đối xử với ông ta. Sĩ quan này, có lẽ là sĩ quan tham mưu, với một bản danh sách trên tay, đã điểm danh tất cả những người Nga, gọi Pierre là : kẻ không chịu nói tên mình. Và, thờ ơ và lười biếng nhìn quanh tất cả các tù binh, ông ta ra lệnh cho lính canh cho các tù binh ăn mặc chỉnh tề và dọn dẹp họ trước khi đưa đến chỗ thống chế. Một giờ sau, một đại đội lính đến, và Pierre cùng với 13 người khác được đưa đến cánh đồng Devichye. Ngày hôm đó trời quang đãng, nắng rực rỡ sau cơn mưa, và không khí trong lành một cách lạ thường. Khói không còn bay là là dưới thấp như cái ngày Pierre bị đưa ra khỏi vọng gác ở đê Zubovsky ; khói bốc lên thành từng cột vào không khí trong lành. Lửa của các đám cháy không thấy ở đâu cả, nhưng từ mọi phía những cột khói bốc lên, và cả Moscow, tất cả những gì Pierre có thể nhìn thấy, là một đám cháy lớn. Từ khắp nơi đều thấy những bãi đất trống với những lò sưởi và ống khói và thỉnh thoảng là những bức tường bị cháy sém của những ngôi nhà đá. Pierre nhìn kỹ vào các đám cháy và không nhận ra những khu phố quen thuộc của thành phố. Ở đâu đó thấp thoáng những nhà

thờ còn nguyên vẹn. Điện Kremlin, không bị phá hủy, trắng xóa từ xa với những tòa tháp và tháp chuông Ivan Đại đế. Gần đó, mái vòm của tu viện Novodevichy lấp lánh vui mắt, và đặc biệt là tiếng chuông vang lên từ đó. Tiếng chuông này nhắc nhở Pierre rằng hôm đó là chủ nhật và là ngày lễ Giáng sinh của Đức Mẹ. Nhưng, dường như, không có ai để ăn mừng ngày lễ này : khắp nơi là sự hoang tàn của những đám cháy, và từ dân chúng Nga chỉ thỉnh thoảng gặp những người rách rưới, sợ hãi, những người đang lẩn trốn khi nhìn thấy quân Pháp.

Rõ ràng, cái tổ Nga đã bị tàn phá và hủy diệt ; nhưng, đằng sau sự hủy diệt của trật tự cuộc sống Nga này, Pierre cảm thấy một cách vô thức rằng trên cái tổ bị tàn phá này đã thiết lập một trật tự Pháp hoàn toàn khác, nhưng vững chắc. Anh cảm thấy điều này qua vẻ ngoài của những người lính đang bước đi một cách hăng hái và vui vẻ theo những hàng lối chỉnh tề, những người đang áp giải anh cùng với những tội phạm khác ; anh cảm thấy điều này qua vẻ ngoài của một viên chức Pháp quan trọng nào đó ngồi trong chiếc xe ngựa hai bánh, do một người lính điều khiển, đi ngang qua anh. Anh cảm thấy điều này qua những âm thanh vui vẻ của âm nhạc trung đoàn, vọng lại từ phía bên trái của cánh đồng, và đặc biệt anh cảm thấy và hiểu điều này qua bản danh

sách mà viên sĩ quan Pháp đến sáng nay đã đọc tên các tù binh. Pierre bị một số lính bắt đi, đưa vào một nơi, rồi vào một nơi khác với hàng chục người khác ; dường như họ có thể quên mất anh, trộn lẫn anh với những người khác. Nhưng không : những câu trả lời của anh, được đưa ra tại cuộc thẩm vấn, đã quay trở lại với anh dưới dạng danh xưng : kẻ không chịu nói tên mình. Và dưới danh xưng này, thứ khiến Pierre sợ hãi, giờ đây họ đang đưa anh đi đâu đó với sự tự tin không hề nghi ngờ, được viết trên khuôn mặt họ, rằng tất cả những tù binh còn lại và anh chính là những người cần thiết, và rằng họ đang được đưa đến đúng nơi cần đưa đến. Pierre cảm thấy mình như một mảnh gỗ nhỏ vô nghĩa, rơi vào bánh răng của một cỗ máy mà anh không hề biết tới, nhưng đang hoạt động một cách chính xác.

Pierre cùng với những tội phạm khác được đưa đến phía bên phải của cánh đồng Devichye, không xa tu viện, cạnh một ngôi nhà lớn màu trắng với một khu vườn khổng lồ. Đó là ngôi nhà của hoàng thân Shcherbatov, nơi Pierre trước đây thường đến thăm chủ nhà và trong ngôi nhà đó giờ đây, như anh biết được từ cuộc trò chuyện của những người lính, thống chế, công tước xứ Eckmühl đang đóng quân.

Họ được đưa đến thềm nhà và từng người một bắt đầu được đưa vào nhà. Pierre được đưa vào thứ sáu. Qua một hành lang kính, sảnh đợi, phòng trước, những nơi Pierre quen thuộc, anh được đưa vào một căn phòng nhỏ thấp và dài, ở cửa có một sĩ quan tùy tùng đứng đó.

Davout ngồi ở cuối phòng trên một chiếc bàn, đeo kính trên mũi. Pierre tiến lại gần ông ta. Davout, không ngẩng đầu lên, rõ ràng đang xem xét một tờ giấy nằm trước mặt. Không ngẩng đầu lên, ông ta khẽ hỏi :

– Ông là ai ?

Pierre im lặng vì không đủ sức để thốt ra lời. Đối với Pierre, Davout không chỉ đơn thuần là một vị tướng Pháp ; đối với Pierre, Davout là một người nổi tiếng vì sự tàn nhẫn của mình. Nhìn vào khuôn mặt lạnh lùng của Davout, người đang giống như một người thầy nghiêm khắc, đồng ý tạm thời có đủ kiên nhẫn và chờ đợi câu trả lời, Pierre cảm thấy rằng mỗi phút chậm trễ có thể phải trả giá bằng mạng sống của mình ; nhưng anh không biết phải nói gì. Nói điều tương tự như đã nói ở cuộc thẩm vấn đầu tiên, anh không dám ; tiết lộ danh hiệu và địa vị của mình thì vừa nguy hiểm vừa đáng xấu hổ. Pierre im lặng. Nhưng trước khi Pierre kịp quyết định điều gì, Davout đã ngẩng đầu lên, đẩy kính lên trán, nheo mắt và nhìn chằm chằm vào Pierre.

– Tôi biết người này, – ông ta nói bằng một giọng đo lường, lạnh lùng, rõ ràng là được tính toán để làm Pierre sợ hãi.

Cái lạnh chạy dọc sống lưng Pierre trước đó giờ đây siết chặt lấy đầu anh như gọng kìm.

– Thưa tướng quân, ngài không thể biết tôi, tôi chưa bao giờ gặp ngài...

– Đó là một gián điệp Nga, – Davout ngắt lời anh, quay sang một vị tướng khác, người cũng ở trong phòng và Pierre không để ý thấy.

Và Davout quay đi. Với một tiếng vang bất ngờ trong giọng nói, Pierre bỗng nhiên nói nhanh :

– Không, thưa ngài, – anh nói, bất chợt nhớ ra rằng Davout là một công tước. – Không, thưa ngài, ngài không thể biết tôi. Tôi là một sĩ quan dân quân và tôi đã không rời bỏ Moscow.

– Tên ông là gì ? – Davout lặp lại.

– Besouhof.

– Cái gì sẽ chứng minh cho tôi thấy rằng ông không nói dối ?

– Thưa ngài ! – Pierre kêu lên không phải bằng giọng bị xúc phạm, mà bằng giọng van nài.

Davout ngẩng mắt lên và nhìn chằm chằm vào Pierre. Trong vài giây, họ nhìn nhau, và cái nhìn này đã cứu Pierre. Trong cái nhìn này, ngoài tất cả các điều kiện của chiến tranh và xét xử, giữa hai con người này đã thiết lập những mối quan hệ nhân bản. Cả hai người họ trong khoảnh khắc đó đã mơ hồ cảm nhận được vô số thứ và hiểu rằng cả hai đều là những đứa con của nhân loại, rằng họ là anh em.

Trong cái nhìn đầu tiên đối với Davout, người chỉ vừa ngẩng đầu lên khỏi bản danh sách của mình, nơi công việc và cuộc sống của con người được gọi bằng những con số, Pierre chỉ là một tình tiết ; và, không nhận lấy lương tâm của một hành động xấu xa, Davout sẽ bắn chết anh ; nhưng giờ đây ông ta đã nhìn thấy ở anh một con người. Ông ta suy nghĩ một lát.

– Làm thế nào ông chứng minh cho tôi thấy sự thật của những gì ông nói ? – Davout lạnh lùng nói.

Pierre nhớ đến Ramballe và nêu tên trung đoàn của anh ta, họ tên và con phố nơi có ngôi nhà đó.

– Ông không phải là người như ông nói, – Davout lại nói.

Pierre bằng một giọng run rẩy, ngắt quãng bắt đầu đưa ra các bằng chứng về sự đúng đắn trong lời khai của mình.

Nhưng lúc này một sĩ quan tùy tùng bước vào và báo cáo điều gì đó với Davout. Davout bỗng nhiên rạng rỡ trước tin tức được sĩ quan tùy tùng thông báo và bắt đầu cài cúc áo. Ông ta, rõ ràng, hoàn toàn quên mất Pierre.

Khi sĩ quan tùy tùng nhắc ông ta về tù binh, ông ta cau mày, hất đầu về phía Pierre và bảo đưa anh đi. Nhưng đưa đi đâu – trở lại lán trại hay đến nơi hành hình đã chuẩn bị sẵn, nơi mà khi đi ngang qua cánh đồng Devichye, họ đã chỉ cho các đồng đội của anh thấy.

Anh quay đầu lại và thấy viên sĩ quan tùy tùng đang hỏi lại điều gì đó.

– Vâng, tất nhiên rồi ! – Davout nói ; nhưng «vâng» cái gì, Pierre không biết.

Pierre không nhớ mình đã đi bao lâu và đi đâu. Anh ở trong trạng thái hoàn toàn ngớ ngẩn và đờ đẫn, không nhìn thấy gì xung quanh mình, di chuyển đôi chân cùng

với những người khác cho đến khi tất cả dừng lại, và anh cũng dừng lại. Một ý nghĩ duy nhất trong suốt thời gian này lởn vởn trong đầu Pierre. Đó là ý nghĩ về việc : ai, cuối cùng, đã kết án anh bị hành hình ? Đó không phải là những người đã thẩm vấn anh trong ủy ban : không một ai trong số họ muốn và rõ ràng là không thể làm điều đó. Đó không phải là Davout, người đã nhìn anh một cách nhân bản như vậy. Một phút nữa thôi, và Davout sẽ hiểu rằng họ đang làm điều sai trái, nhưng phút này đã bị ngăn cản bởi viên sĩ quan tùy tùng bước vào. Và viên sĩ quan tùy tùng này, rõ ràng, không muốn điều gì xấu, nhưng anh ta có thể không bước vào. Vậy thì ai rốt cuộc đã hành hình, giết chóc, tước đi mạng sống của anh – Pierre, với tất cả những ký ức, khát vọng, hy vọng, ý nghĩ của anh ? Ai đã làm điều đó ? Và Pierre cảm thấy rằng đó không là ai cả.

Đó là một trật tự, một sự sắp đặt của các hoàn cảnh.

Một trật tự nào đó đã giết chết anh – Pierre ; tước đi mạng sống của anh, tất cả : tiêu diệt anh.

XI

Từ nhà của hoàng thân Shcherbatov, các tù binh được đưa thẳng xuống cánh đồng Devichye, về phía bên trái của tu viện Devichye, và được dẫn đến một khu vườn, nơi có một cây cột đứng đó. Đằng sau cây cột, một cái hố lớn đã được đào với lớp đất mới bới lên, và gần cái hố và cây cột là một đám đông lớn người dân đang đứng thành vòng cung. Đám đông bao gồm một số ít người Nga và một số lượng lớn binh lính của Napoleon không đứng trong hàng ngũ : người Đức, người Ý và người Pháp trong các bộ quân phục khác nhau. Phía bên phải và bên trái của cây cột là các đơn vị quân đội Pháp trong bộ quân phục xanh với những chiếc cầu vai đỏ, trong ủng cao và mũ sa-kô.

Những tội phạm được sắp xếp theo một trật tự nhất định đã có trong danh sách (Pierre đứng thứ sáu), và được dẫn đến cây cột. Bỗng nhiên vài tiếng trống vang lên từ hai phía, và Pierre cảm thấy rằng cùng với âm thanh này, một phần linh hồn của anh dường như bị xé toạc. Anh mất khả năng suy nghĩ và hình dung. Anh chỉ có thể nhìn và nghe. Và chỉ có một mong muốn ở anh – mong muốn rằng điều gì đó khủng khiếp phải được thực hiện càng sớm càng tốt, điều mà lẽ ra phải được

thực hiện. Pierre nhìn quanh các đồng đội của mình và xem xét họ.

Hai người ở rìa là những tù nhân cạo râu. Một người cao, gầy ; người kia đen, rậm lông, cơ bắp, với cái mũi tẹt. Người thứ ba là một người hầu, khoảng 45 tuổi, với mái tóc đang bạc dần và thân hình đầy đặn, được nuôi dưỡng tốt. Người thứ tư là một nông dân, rất đẹp trai, với bộ râu hung dày và đôi mắt đen. Người thứ năm là một công nhân nhà máy, vàng vọt, gầy nhỏ, khoảng 18 tuổi, mặc áo choàng dài.

Pierre nghe thấy lính Pháp bàn bạc xem nên bắn như thế nào, từng người một hay từng đôi một. «Từng đôi một», một sĩ quan cấp cao lạnh lùng và bình thản trả lời. Một sự di chuyển diễn ra trong các hàng lính, và có thể nhận thấy rằng mọi người đều đang vội vã ; và họ vội vã không phải như cách người ta vội vã để làm một việc dễ hiểu đối với mọi người, mà như cách người ta vội vã để hoàn thành một việc cần thiết nhưng khó chịu và không thể hiểu nổi.

Một viên chức Pháp đeo dải băng tiến đến bên phải của hàng tội phạm và đọc bản án bằng tiếng Nga và tiếng Pháp.

Sau đó, hai cặp lính Pháp tiến đến các tội phạm và theo chỉ thị của sĩ quan, bắt lấy hai người tù nhân đứng ở rìa. Những tù nhân này, khi tiến đến cây cột, đã dừng lại và trong khi họ mang những chiếc bao tải đến, họ im lặng nhìn quanh mình, như một con thú bị thương nhìn vào người thợ săn đang tiến lại gần. Một người liên tục làm dấu thánh giá, người kia gãi lưng và làm một cử động bằng môi giống như một nụ cười. Những người lính, tay vội vã, bắt đầu buộc mắt họ, trùm bao tải và buộc họ vào cây cột.

12 tay súng với súng trên tay bước ra từ sau các hàng lính với bước chân đều đặn, vững chắc và dừng lại cách cây cột 8 bước. Pierre quay đi để không nhìn thấy những gì sẽ xảy ra. Bỗng nghe thấy một tiếng răng rắc và một tiếng nổ, đối với Pierre dường như to hơn những cú sấm sét kinh khủng nhất, và anh quay lại. Có khói, và quân Pháp với khuôn mặt tái mét và đôi tay run rẩy đang làm điều gì đó cạnh cái hố. Họ dẫn hai người khác đi. Cũng theo cách đó, với cùng một ánh mắt, vô ích cầu xin sự bảo vệ và, rõ ràng, không hiểu và không tin vào những gì sẽ xảy ra, hai người này đã nhìn mọi người. Họ không thể tin được, bởi vì chỉ có họ biết mạng sống là gì đối với họ, và do đó họ không hiểu và không tin rằng nó có thể bị tước đoạt.

Pierre không muốn nhìn nữa và lại quay đi ; nhưng lại như thể một vụ nổ kinh hoàng đã đập vào tai anh, và cùng với những âm thanh này anh nhìn thấy khói, máu của ai đó và những khuôn mặt tái mét kinh hãi của quân Pháp, những người lại đang làm điều gì đó cạnh cây cột, đẩy nhau bằng đôi tay run rẩy. Pierre thở dốc, nhìn quanh mình, như thể đang hỏi : điều này là gì ? Câu hỏi tương tự có trong tất cả các ánh mắt gặp ánh mắt của Pierre.

Trên tất cả các khuôn mặt người Nga, trên khuôn mặt của các binh lính và sĩ quan Pháp, không ngoại lệ, anh đọc thấy nỗi sợ hãi, sự kinh hoàng và cuộc đấu tranh tương tự như trong tim mình. «Nhưng rốt cuộc ai làm điều này ? Tất cả bọn họ đều đau khổ giống như tôi. Ai? Ai mới được chứ ?» hiện lên trong tâm hồn Pierre một giây.

– Đội súng trường của trung đoàn 86, tiến lên ! – ai đó hô vang.

Họ dẫn người thứ năm, đứng cạnh Pierre, một mình. Pierre không hiểu rằng mình đã được cứu, rằng anh và tất cả những người còn lại được đưa đến đây chỉ để chứng kiến cuộc hành hình. Anh với nỗi kinh hoàng ngày càng tăng, không cảm thấy niềm vui hay sự bình an, nhìn vào những gì đang diễn ra. Người thứ năm là

công nhân nhà máy trong chiếc áo choàng dài. Chỉ khi họ chạm vào anh ta, anh ta mới nhảy dựng lên trong nỗi kinh hoàng và bám lấy Pierre. (Pierre rùng mình và giật mình thoát khỏi anh ta.) Người công nhân nhà máy không thể đi được. Họ lôi anh ta dưới nách, và anh ta hét lên điều gì đó. Khi họ đưa anh ta đến cây cột, anh ta bỗng im bặt. Anh ta dường như bỗng hiểu ra điều gì đó. Hoặc là anh ta hiểu rằng la hét vô ích, hoặc là điều đó không thể xảy ra, rằng con người lại giết chết anh ta, nhưng anh ta đứng bên cây cột, chờ đợi tấm băng bịt mắt cùng với những người khác và, giống như một con thú bị bắn trúng, nhìn quanh mình bằng đôi mắt long lanh.

Pierre không còn sức để quay đi và nhắm mắt lại. Sự tò mò và lo lắng của anh và của cả đám đông trước vụ giết người này đã lên đến mức cao nhất. Giống như những người khác, người thứ năm này dường như bình thản : anh ta quấn vạt áo choàng và gãi một bàn chân trần này lên bàn chân kia.

Khi họ bắt đầu buộc mắt anh ta, anh ta tự mình chỉnh lại nút thắt sau gáy, nút thắt đang cứa vào anh ta ; sau đó, khi họ đặt anh ta tựa vào cây cột đầy máu, anh ta ngả người ra sau và vì ở tư thế này không thoải mái, anh ta tự chỉnh lại mình và bình thản tựa lưng vào. Pierre

không rời mắt khỏi anh ta, không bỏ lỡ một cử động nhỏ nhất.

Chắc hẳn đã nghe thấy mệnh lệnh ; chắc hẳn sau mệnh lệnh đã vang lên những phát súng của 8 khẩu súng. Nhưng Pierre, dù cố gắng nhớ lại sau đó bao nhiêu đi chăng nữa, cũng không nghe thấy một âm thanh nhỏ nhất từ những phát súng. Anh chỉ thấy người công nhân bỗng nhiên gục xuống các sợi dây thừng, thấy máu xuất hiện ở hai chỗ, và chính những sợi dây thừng đó, do sức nặng của cơ thể rũ xuống, đã dãn ra, và người công nhân, đầu gục xuống một cách không tự nhiên và một chân gập lại, đã ngồi xuống. Pierre chạy đến cây cột. Không ai ngăn cản anh. Xung quanh người công nhân, quân Pháp đang làm điều gì đó kinh hãi ; khuôn mặt của một ông già người Pháp có ria mép run rẩy hàm dưới khi ông ta cởi dây thừng. Thi thể rũ xuống. Những người lính vụng về và vội vã lôi anh ta ra phía sau cây cột và bắt đầu đẩy vào hố.

Tất cả, rõ ràng, chắc chắn biết rằng họ là những tội phạm, những người cần phải nhanh chóng xóa sạch dấu vết tội lỗi của mình.

Pierre nhìn vào hố và thấy người công nhân nằm ở đó, đầu gối co lên, sát vào đầu, một vai cao hơn vai kia. Và cái vai này co giật, hạ xuống và nâng lên một cách

đều đặn. Nhưng những xẻng đất đã đổ lên khắp cơ thể. Một người lính cáu kỉnh, giận dữ và đau đớn hét lên với Pierre để anh quay lại. Nhưng Pierre không hiểu ông ta và đứng bên cây cột, và không ai đuổi anh đi.

Khi hố đã được lấp đầy, một mệnh lệnh vang lên. Pierre được đưa về chỗ của mình, và quân Pháp đứng ở hai phía cây cột, quay nửa vòng và bắt đầu bước đều đi ngang qua cây cột. 24 tay súng với những khẩu súng đã nổ, đứng giữa vòng tròn, chạy về chỗ của mình khi các đại đội đi ngang qua họ.

Pierre giờ đây nhìn bằng đôi mắt đờ đẫn vào những tay súng này, những người từng đôi một chạy ra khỏi vòng tròn. Tất cả, ngoại trừ một người, đã gia nhập các đại đội của họ. Một người lính trẻ, với khuôn mặt tái mét như xác chết, đầu đội mũ sa-kô bị lệch ra sau, đã hạ súng xuống, vẫn đứng đối diện với cái hố ở nơi anh ta vừa bắn. Anh ta loạng choạng như người say, bước tới bước lui vài bước để giữ thăng bằng. Một người lính già, hạ sĩ quan, chạy ra khỏi hàng, nắm lấy vai người lính trẻ và lôi anh ta vào đại đội. Đám đông người Nga và quân Pháp bắt đầu tản đi. Tất cả đều đi im lặng với cái đầu cúi thấp.

– Chà, điều này sẽ dạy cho chúng cách đốt phá, – một người nào đó trong quân Pháp nói.

Pierre nhìn người vừa nói và thấy đó là một người lính muốn được an ủi bằng điều gì đó trong những gì đã được thực hiện, nhưng không thể. Không nói hết câu đang bắt đầu, anh ta xua tay và bỏ đi.

XII

Sau cuộc hành hình, Pierre bị tách khỏi những người tù khác và bị để lại một mình trong một nhà thờ nhỏ bị tàn phá và bẩn thỉu.

Trước khi trời tối, một hạ sĩ quan canh gác cùng với hai người lính bước vào nhà thờ và thông báo với Pierre rằng anh đã được tha thứ và giờ đây sẽ vào trại tù binh chiến tranh. Không hiểu những gì họ nói với mình, Pierre đứng dậy và đi cùng những người lính. Anh được dẫn đến các lán trại được dựng lên ở phía trên cánh đồng từ những tấm ván cháy sém, những khúc gỗ và rào thưa, và họ đưa anh vào một trong số đó. Trong bóng tối, khoảng hai mươi người khác nhau bao quanh Pierre. Pierre nhìn họ, không hiểu họ là ai, tại sao họ lại ở đây và họ muốn gì ở anh. Anh nghe thấy những lời họ nói với mình, nhưng không đưa ra bất kỳ kết luận hay ứng dụng nào từ chúng : anh không hiểu ý nghĩa của chúng. Bản thân anh trả lời những gì họ hỏi, nhưng không suy nghĩ xem ai đang nghe mình và họ sẽ hiểu câu trả lời của anh như thế nào. Anh nhìn vào khuôn mặt và dáng hình, và tất cả bọn họ dường như đều vô nghĩa đối với anh.

Từ khoảnh khắc Pierre nhìn thấy vụ giết người kinh hoàng đó, được thực hiện bởi những người không muốn làm điều đó, trong tâm hồn anh dường như bỗng nhiên cái lò xo mà mọi thứ dựa vào và biểu hiện như sự sống đã bị rút ra, và mọi thứ sụp đổ thành một đống rác vô nghĩa. Trong anh, mặc dù anh không tự nhận thức được, niềm tin vào sự tốt đẹp của thế giới, vào tâm hồn con người, vào linh hồn mình và vào Chúa đã bị hủy diệt. Trạng thái này Pierre đã từng trải qua trước đây, nhưng chưa bao giờ với sức mạnh như vậy. Trước đây, khi Pierre gặp phải loại nghi ngờ này, những nghi ngờ đó có nguồn gốc từ lỗi lầm của chính anh. Và ngay trong sâu thẳm tâm hồn, Pierre lúc đó cảm thấy rằng từ sự tuyệt vọng và những nghi ngờ đó có sự cứu rỗi trong chính mình. Nhưng giờ đây anh cảm thấy rằng không phải lỗi của anh là nguyên nhân khiến thế giới sụp đổ trước mắt anh và chỉ để lại những đống đổ nát vô nghĩa. Anh cảm thấy rằng không còn nằm trong quyền năng của mình để quay trở lại niềm tin vào cuộc sống.

Xung quanh anh trong bóng tối có những người đứng đó : chắc hẳn, điều gì đó ở anh khiến họ rất quan tâm. Họ kể cho anh nghe điều gì đó, hỏi han về điều gì đó, rồi họ dẫn anh đi đâu đó, và cuối cùng anh thấy mình ở trong góc lán cạnh một số người đang nói chuyện với nhau từ các phía khác nhau, cười đùa.

«Và đây, các anh em của tôi... chính vị hoàng tử đó, người mà...» với sự nhấn mạnh đặc biệt vào từ «người mà» giọng nói của ai đó vang lên ở góc đối diện của lán trại.

Ngồi im lặng và bất động cạnh bức tường trên đống rơm, Pierre lúc mở mắt, lúc nhắm mắt lại. Nhưng ngay khi anh nhắm mắt lại, anh lại nhìn thấy trước mặt mình cùng một khuôn mặt khủng khiếp, đặc biệt kinh khủng bởi sự giản đơn của nó, khuôn mặt của công nhân nhà máy, và thậm chí còn khủng khiếp hơn bởi sự lo lắng của họ, khuôn mặt của những kẻ giết người vô tình. Và anh lại mở mắt ra và nhìn vào bóng tối xung quanh mình một cách vô nghĩa.

Cạnh anh có ai đó đang ngồi, cúi người xuống, Pierre nhận thấy sự hiện diện của người đó trước hết bởi mùi mồ hôi nồng nặc thoát ra từ người đó khi có bất kỳ cử động nào. Người này đang làm điều gì đó trong bóng tối với đôi chân mình và mặc dù Pierre không nhìn thấy khuôn mặt anh ta, anh ta cảm thấy rằng người này liên tục nhìn chằm chằm vào mình. Nhìn kỹ hơn trong bóng tối, Pierre hiểu rằng người này đang cởi giày. Và cách anh ta làm điều đó khiến Pierre quan tâm.

Sau khi tháo những sợi dây thừng buộc một chân, anh ta cẩn thận cuộn chúng lại và ngay lập tức bắt tay

vào chân kia, vừa nhìn Pierre vừa làm. Trong khi một tay treo sợi dây thừng, tay kia đã bắt đầu tháo chân kia. Theo cách đó, cẩn thận, bằng những cử động tròn trịa, nhanh nhẹn, không chút chậm trễ lần lượt cái này đến cái kia, người này cởi giày ra, treo đôi giày của mình lên những chiếc cọc đóng trên đầu mình, lấy ra một con dao nhỏ, cắt cái gì đó, gập con dao lại, đặt dưới gối và, ngồi xuống thoải mái hơn, ôm lấy hai đầu gối đã co lên bằng cả hai tay và nhìn thẳng vào Pierre. Pierre cảm thấy điều gì đó dễ chịu, êm dịu và tròn trịa trong những cử động này, trong sự sắp xếp ngăn nắp này ở góc lán trại, ngay cả trong mùi của người này, và anh, không rời mắt, nhìn vào anh ta.

– À, ông đã thấy nhiều gian khổ rồi sao, thưa ông ? – người nhỏ bé bỗng nói.

Và một sự thể hiện của sự dịu dàng và giản đơn như vậy trong giọng nói hát vang của người đàn ông, đến nỗi Pierre muốn trả lời, nhưng hàm dưới anh run rẩy, và anh cảm thấy nước mắt trào ra. Người nhỏ bé trong cùng một giây đó, không để Pierre có thời gian lộ rõ sự bối rối của mình, đã nói bằng một giọng dễ chịu tương tự.

– Ê, chim ưng ơi, đừng buồn, – anh ta nói bằng giọng dịu dàng, hát vang đó, giọng mà những bà già Nga hay

nói. – Đừng buồn, anh bạn : chịu đựng một giờ, sống cả đời ! Đó là như vậy, thân yêu của tôi. Chúng ta sống ở đây, tạ ơn Chúa, không có gì phiền muộn. Cũng có người xấu và người tốt, – anh ta vừa nói vừa đứng dậy bằng một cử động linh hoạt từ đầu gối, rồi húng hắng ho và đi đâu đó.

– Kìa, con quỷ nhỏ, nó đã đến ! – Pierre nghe thấy ở phía cuối lán vẫn cái giọng dịu dàng ấy. – Nó đã đến, con quỷ nhỏ, nó vẫn nhớ ! Nào, nào, thôi mà.

Và người lính, vừa đẩy con chó nhỏ đang nhảy chồm lên người mình ra, vừa trở lại chỗ ngồi và ngồi xuống. Trong tay anh ta có cái gì đó được gói trong một mảnh giẻ.

– Đây, mời ông ăn, thưa ông chủ, – anh ta nói, quay lại giọng điệu cung kính trước đây và mở gói rồi đưa cho Pierre vài củ khoai tây nướng. – Bữa trưa có món súp rồi. Mà khoai tây thì tuyệt hảo !

Pierre cả ngày chưa ăn gì, và mùi khoai tây đối với ông có vẻ dễ chịu lạ thường. Ông cảm ơn người lính và bắt đầu ăn.

– Sao lại thế ? – người lính mỉm cười nói và lấy một củ khoai tây. – Còn anh thì lại như thế này.

Anh ta lại lấy ra một con dao gấp, cắt củ khoai tây trên lòng bàn tay mình thành hai phần bằng nhau, rắc muối từ mảnh giẻ lên và đưa cho Pierre.

– Khoai tây tuyệt hảo, – anh ta lặp lại. – Ông cứ ăn như thế này này.

Pierre cảm thấy như chưa bao giờ được ăn món nào ngon hơn thế.

– Không, tôi thì không sao, – Pierre nói, – nhưng tại sao họ lại bắn những người khốn khổ đó !.. Người cuối cùng chỉ khoảng hai mươi tuổi.

– Tặc... tặc... – người đàn ông nhỏ bé nói. – Tội lỗi quá, tội lỗi quá... – anh ta nhanh chóng thêm vào, và như thể lời nói luôn chực sẵn trong miệng và vô tình thốt ra, anh ta tiếp tục : – Sao vậy ông chủ, sao ông lại ở lại Moscow thế này ?

– Tôi không nghĩ họ lại đến nhanh thế. Tôi vô tình ở lại, – Pierre nói.

– Thế sao họ lại bắt được anh, hỡi chim ưng, ngay tại nhà của anh à ?

– Không, tôi đi xem đám cháy, rồi họ bắt tôi, xét xử tôi như một kẻ đốt nhà.

– Nơi nào có xét xử, nơi đó có sự bất công, – người đàn ông nhỏ bé xen vào.

– Thế anh ở đây lâu chưa ? – Pierre hỏi, vừa nhai nốt củ khoai tây cuối cùng.

– Tôi à ? Vào cái chủ nhật đó tôi bị đưa từ bệnh viện ở Moscow đi.

– Thế anh là ai, hỡi người lính ?

– Lính của trung đoàn Apsheron. Chết vì sốt rét. Họ chẳng nói gì với chúng tôi cả. Hai mươi người chúng tôi nằm đó. Chẳng nghĩ, chẳng đoán gì được.

– Thế anh ở đây không thấy buồn sao ? – Pierre hỏi.

– Sao lại không buồn, hỡi chim ưng. Tên tôi là Platon ; họ Karataev, – anh ta thêm vào, có vẻ như để làm cho Pierre dễ dàng xưng hô hơn. – Ở trong quân ngũ họ gọi là Chim ưng. Sao lại không buồn chứ, hỡi chim ưng ! Moscow – nó là mẹ của các thành phố. Sao lại không buồn khi nhìn vào cảnh này. Nhưng sâu bọ ăn bắp cải, mà chính mình lại chết trước ; các cụ già thường nói vậy, – anh ta nhanh chóng thêm vào.

– Sao, anh nói thế nghĩa là thế nào ? – Pierre hỏi.

– Tôi à ? – Karataev hỏi lại. – Tôi nói : không phải theo ý ta, mà theo ý Chúa, – anh ta nói, suy nghĩ về điều vừa lặp lại, và ngay lập tức tiếp tục : – Thế còn ông, thưa ông chủ, ông cũng có điền trang chứ ? Và có nhà chứ ? Nghĩa là, đầy đủ mọi thứ chứ ! Và có bà chủ chứ? Còn cha mẹ già có còn sống không ? – anh ta hỏi.

Và mặc dù Pierre không nhìn thấy trong bóng tối, nhưng ông cảm thấy môi người lính mím lại trong một nụ cười dịu dàng kìm nén vào lúc anh ta hỏi điều đó. Có vẻ như anh ta đang buồn vì Pierre không có cha mẹ, đặc biệt là mẹ.

– Vợ để xin lời khuyên, mẹ vợ để đón tiếp, nhưng không ai quý bằng mẹ hiền ! – anh ta nói. – Thế còn con cái, có không ? – anh ta tiếp tục hỏi.

Câu trả lời phủ nhận của Pierre lại một lần nữa làm anh ta buồn, và anh ta vội vàng thêm vào :

– Có sao đâu, mọi người còn trẻ, rồi Chúa sẽ ban cho, sẽ có thôi. Chỉ cần sống hòa thuận là được...

– Giờ thì mọi chuyện cũng như nhau cả, – Pierre vô tình nói.

– Ê, ông bạn thân mến, – Platon phản đối. – Đừng bao giờ từ chối cái túi gậy của kẻ hành khất hay nhà tù.

Anh ta ngồi xuống thoải mái hơn, húng hắng ho, có vẻ như đang chuẩn bị cho một câu chuyện dài.

– Chuyện là thế này, bạn quý của tôi, khi tôi còn ở nhà, – anh ta bắt đầu. – Gia đình chúng tôi giàu có, đất đai nhiều, nông dân sống tốt, và nhà chúng tôi – tạ ơn Chúa. Chính thân phụ tôi đã đi gặt. Chúng tôi sống tốt. Những người theo đạo đích thực. Chuyện xảy ra là...

Và Platon Karataev kể một câu chuyện dài về việc anh ta đã vào rừng của người khác để kiếm củi như thế nào và bị bắt quả tang, bị người ta đánh, bị xét xử và bị đưa đi lính.

– Thế thì sao, hỡi chim ưng, – anh ta nói với giọng thay đổi vì nụ cười, – họ nghĩ là tai họa, hóa ra lại là niềm vui ! Đáng lẽ em trai tôi phải đi, nếu không vì tội của tôi. Mà em trai tôi có năm đứa con ; còn tôi, nhìn xem, chỉ còn lại một bà vợ lính. Có một đứa con gái, nhưng Chúa đã mang đi từ trước khi tôi đi lính. Tôi về phép, tôi kể cho ông nghe nhé. Tôi nhìn – họ sống còn tốt hơn trước. Gia súc đầy sân, đàn bà ở nhà, hai anh em đi làm thuê. Một là Mikhailo, người em út, ở nhà. Thân phụ nói : «Đối với ta, các con đều như nhau : ngón tay nào bị cắn cũng đau. Mà giá như hồi đó không bắt Platon thì đã bắt Mikhailo rồi». Cụ gọi tất cả chúng tôi đến – ông tin không – đứng trước các bức tượng thánh.

«Mikhailo, cụ nói, lại đây, quỳ xuống chân anh ấy, và cả vợ con, cháu chắt nữa, hãy quỳ xuống. Hiểu chưa ?» cụ nói. Chuyện là thế đó, bạn quý của tôi. Số phận tìm đầu người. Còn chúng ta thì cứ xét đoán : cái này không tốt, cái kia không ổn. Hạnh phúc của chúng ta, anh bạn ạ, như nước trong cái rọ : kéo lên thì đầy – mà nhấc ra thì chẳng còn gì. Chuyện là thế đó.

Và Platon ngồi lại trên đống rơm của mình.

Sau khi im lặng một lúc, Platon đứng dậy.

– Chà, tôi đồ rằng ông muốn ngủ rồi ? – anh ta nói và bắt đầu làm dấu thánh một cách nhanh chóng, vừa lẩm bẩm :

– Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Thánh Nikola, Frola và Lavra ! Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, Thánh Nikola, Frola và Lavra ! Lạy Chúa Giê-su Ki-tô, xin thương xót và cứu rỗi chúng con ! – anh ta kết thúc, cúi đầu sát đất, đứng dậy, thở dài và ngồi xuống đống rơm của mình. – Đấy, chuyện là thế đó. Xin Chúa hãy đặt con xuống như một hòn đá, và nâng con dậy như một chiếc bánh, – anh ta nói khẽ và nằm xuống, kéo chiếc áo khoác của mình đắp lên người.

– Anh vừa đọc lời cầu nguyện gì thế ? – Pierre hỏi.

– Gì cơ ? – Platon nói (anh ta đã gần như ngủ thiếp đi). – Đọc gì à ? Tôi cầu nguyện với Chúa. Chẳng lẽ ông không cầu nguyện sao ?

– Không, tôi cũng cầu nguyện, – Pierre nói. – Nhưng anh nói gì về Frola và Lavra ấy ?

– Thế sao lại không ? – Platon nhanh chóng trả lời. – Phải thương xót cả gia súc nữa chứ, – Karataev nói. – Kìa, con quỷ nhỏ, nó cuộn tròn lại rồi. Sưởi ấm đi, con chó nhỏ, – anh ta nói, cảm nhận con chó ở chân mình, và xoay người lại, lập tức ngủ thiếp đi.

Bên ngoài nghe thấy tiếng khóc và tiếng la hét ở đâu đó xa xa, và qua những khe hở của lán thấy ánh lửa ; nhưng trong lán yên tĩnh và tối tăm. Pierre hồi lâu không ngủ được và nằm trong bóng tối với đôi mắt mở to, lắng nghe tiếng ngáy đều đặn của Platon đang nằm cạnh mình, và cảm thấy rằng thế giới bị phá hủy trước đây giờ đây đang được dựng lại trong tâm hồn ông với một vẻ đẹp mới, trên những nền tảng mới mẻ và vững chắc.

XIII

Trong lán, nơi Pierre bước vào và ở lại trong bốn tuần, có 23 người lính bị bắt làm tù binh, ba sĩ quan và hai viên chức.

Tất cả họ sau này, như trong một màn sương, hiện ra trong tâm trí Pierre, nhưng Platon Karataev mãi mãi khắc sâu trong tâm hồn Pierre như một kỷ niệm mạnh mẽ và quý giá nhất, như hiện thân của tất cả những gì thuộc về nước Nga, tốt bụng và trọn vẹn. Khi ngày hôm sau, lúc rạng đông, Pierre nhìn thấy người hàng xóm của mình, ấn tượng đầu tiên về một cái gì đó trọn vẹn đã được xác nhận hoàn toàn : toàn bộ hình dáng của Platon trong chiếc áo khoác Pháp thắt bằng dây thừng, trong chiếc mũ ca-lô và đôi giày bện rơm đều tròn trịa. Cái đầu hoàn toàn tròn trịa ; lưng, ngực, vai, thậm chí cả đôi tay mà anh ta luôn mang theo như thể lúc nào cũng chuẩn bị ôm lấy cái gì đó, đều tròn trịa ; nụ cười dễ chịu và đôi mắt nâu to, dịu dàng cũng tròn trịa.

Platon Karataev chắc hẳn đã ngoài 50 tuổi, xét theo những câu chuyện của anh ta về những cuộc hành quân mà anh ta đã tham gia với tư cách là một người lính lâu năm. Chính anh ta cũng không biết và không thể xác định mình bao nhiêu tuổi. Nhưng hàm răng của anh ta,

trắng bóng và chắc khỏe, luôn lộ ra thành hai vòng cung mỗi khi anh ta cười (điều anh ta thường xuyên làm), tất cả đều tốt và nguyên vẹn ; không có một sợi tóc bạc nào trong bộ râu và mái tóc của anh ta, và toàn bộ cơ thể anh ta toát lên vẻ linh hoạt, đặc biệt là sự cứng cỏi và bền bỉ.

Khuôn mặt anh ta, mặc dù có những nếp nhăn nhỏ tròn trịa, vẫn mang biểu cảm của sự ngây thơ và trẻ trung ; giọng nói của anh ta dễ chịu và du dương. Nhưng đặc điểm chính trong lời nói của anh ta là sự trực tiếp và nhanh nhẹn. Rõ ràng anh ta không bao giờ suy nghĩ về những gì mình đã nói và những gì mình sẽ nói ; và chính vì điều đó, sự nhanh chóng và chính xác trong ngữ điệu của anh ta mang một sức thuyết phục đặc biệt.

Sức mạnh thể chất và sự tháo vát của anh ta trong thời gian đầu bị bắt làm tù binh đến mức Pierre dường như không hiểu mệt mỏi và bệnh tật là gì. Mỗi ngày, sáng và tối, khi nằm xuống, anh ta nói : «Lạy Chúa, xin hãy đặt con xuống như một hòn đá, và nâng con dậy như một chiếc bánh» ; vào buổi sáng khi thức dậy, anh ta luôn nhún vai theo cùng một cách và nói : «Nằm xuống – cuộn tròn lại, đứng dậy – rũ sạch bụi trần». Và thực sự, anh ta chỉ cần nằm xuống là lập tức ngủ như một tảng đá, và chỉ cần rũ sạch bụi trần là ngay lập tức, không một giây chậm trễ, bắt tay vào một công việc nào

đó, như trẻ con khi thức dậy là cầm lấy đồ chơi. Anh ta biết làm mọi việc không quá giỏi, nhưng cũng không tệ. Anh ta nướng bánh, nấu ăn, khâu vá, bào gỗ, đóng giày. Anh ta luôn bận rộn và chỉ đến đêm mới cho phép mình trò chuyện, điều anh ta rất thích, và ca hát. Anh ta hát không giống như những người hát chuyên nghiệp biết rằng mình đang được lắng nghe ; mà anh ta hát như loài chim hót, rõ ràng là vì những âm thanh đó đối với anh ta cũng cần thiết như việc phải vươn vai hay đi lại ; và những âm thanh đó luôn thanh mảnh, dịu dàng, gần như nữ tính, sầu muộn, và khuôn mặt anh ta lúc đó rất nghiêm nghị.

Bị bắt làm tù binh và để râu mọc dài, rõ ràng anh ta đã vứt bỏ tất cả những gì gượng ép, thuộc về lính tráng mà anh ta không thích, và vô tình trở lại với phong thái nông dân, nhân dân trước đây.

– Người lính được nghỉ phép – áo sơ mi ngoài quần, – anh ta thường nói.

Anh ta không thích nói về thời gian làm lính của mình, mặc dù không phàn nàn và thường nhắc lại rằng trong suốt thời gian phục vụ anh ta chưa bao giờ bị đánh. Khi anh ta kể chuyện, anh ta chủ yếu kể về những kỷ niệm cũ, và có vẻ là quý giá đối với anh ta, về cuộc sống «nông dân», «kiểu Kitô giáo» của mình. Những

câu tục ngữ tràn ngập trong lời nói của anh ta không phải là những câu nói thô thiển và sắc sảo mà lính tráng hay nói, mà là những câu châm ngôn dân gian mà khi tách riêng ra thì dường như không có gì đáng kể, nhưng khi được nói ra đúng lúc lại mang một ý nghĩa khôn ngoan sâu sắc.

Thường thì anh ta nói những điều hoàn toàn trái ngược với những gì anh ta đã nói trước đó, nhưng cả hai đều đúng. Anh ta thích nói và nói rất hay, làm cho lời nói của mình thêm duyên dáng bằng những từ ngữ âu yếm và những câu tục ngữ mà Pierre cảm thấy anh ta không tự nghĩ ra ; nhưng sức hấp dẫn chính trong những câu chuyện của anh ta là ở chỗ trong lời nói của anh ta, những sự kiện đơn giản nhất, đôi khi chính những sự kiện mà Pierre đã thấy mà không để ý, lại mang tính chất của một sự tốt đẹp trang nghiêm. Anh ta thích nghe những câu chuyện cổ tích, thường là vào buổi tối (vẫn là những câu chuyện giống nhau) do một người lính kể, nhưng hơn hết anh ta thích nghe những câu chuyện về đời thực. Anh ta mỉm cười rạng rỡ khi nghe những câu chuyện như vậy, thỉnh thoảng chêm vào những từ ngữ và đặt ra những câu hỏi nhằm làm sáng tỏ cho mình sự tốt đẹp của những gì đang được kể. Những mối ràng buộc, tình bạn, tình yêu, như Pierre hiểu chúng, Karataev không hề có ; nhưng anh ta yêu mến và sống

yêu thương với tất cả những gì mà cuộc đời đưa anh đến, và đặc biệt là với con người – không phải với một người cụ thể nào đó, mà với những người đang ở ngay trước mắt anh ta. Anh ta yêu con chó nhỏ của mình, yêu các bạn đồng hành, yêu những người Pháp, yêu Pierre là người hàng xóm của mình ; nhưng Pierre cảm thấy rằng Karataev, mặc dù dành tất cả sự dịu dàng âu yếm cho mình (qua đó anh ta vô tình dành sự tôn trọng cho đời sống tinh thần của Pierre), cũng sẽ không buồn dù chỉ một phút nếu phải chia tay ông. Và Pierre cũng bắt đầu trải qua cảm giác tương tự đối với Karataev.

Đối với tất cả những người lính tù binh khác, Platon Karataev là một người lính bình thường nhất ; họ gọi anh ta là Chim ưng hoặc Platosha, trêu chọc anh ta một cách thân thiện, sai anh ta đi làm việc này việc kia. Nhưng đối với Pierre, đúng như hình ảnh anh ta hiện lên trong đêm đầu tiên, anh ta là một hiện thân không thể hiểu nổi, trọn vẹn và vĩnh cửu của tinh thần giản dị và chân lý, và anh ta mãi mãi ở lại như vậy trong tâm trí Pierre.

Platon Karataev không biết thuộc lòng điều gì, ngoại trừ lời cầu nguyện của mình. Khi anh ta nói, anh ta bắt đầu nói, và dường như chính anh ta cũng không biết mình sẽ kết thúc bằng cách nào.

Khi Pierre, thỉnh thoảng bị ấn tượng bởi ý nghĩa trong lời nói của anh ta, yêu cầu anh ta lặp lại điều đã nói, Platon không thể nhớ lại những gì anh ta đã nói một phút trước đó, cũng như anh ta không thể nói cho Pierre nghe bài hát yêu thích của mình bằng lời. Trong đó có các từ : «em yêu, cây bạch dương» và «lòng tôi buồn nôn», nhưng lời lẽ không mang lại ý nghĩa gì cả. Anh ta không hiểu và không thể hiểu ý nghĩa của các từ khi tách riêng khỏi lời nói. Mỗi từ và mỗi hành động của anh ta là biểu hiện của một hoạt động mà anh ta không hề biết đến, đó chính là cuộc sống của anh ta. Nhưng cuộc sống của anh ta, như chính anh ta nhìn nhận, không có ý nghĩa như một cuộc sống riêng biệt. Nó chỉ có ý nghĩa như một phần của cái toàn thể mà anh ta luôn cảm nhận được. Những lời nói và hành động của anh ta tuôn ra từ anh ta một cách đều đặn, tất yếu và trực tiếp, như hương thơm tỏa ra từ bông hoa. Anh ta không thể hiểu được giá trị hay ý nghĩa của một hành động hay lời nói riêng biệt.

XIV

Sau khi nhận được tin từ Nikolai rằng anh trai nàng đang ở cùng với gia đình Rostov tại Yaroslavl, công chúa Marya, bất chấp những lời can ngăn của bà cô, lập tức chuẩn bị lên đường, và không chỉ đi một mình mà còn đi cùng với cháu trai mình. Khó hay không khó, có thể hay không thể, nàng không hỏi và không muốn biết : bổn phận của nàng không chỉ là ở bên cạnh người anh đang hấp hối, mà còn phải làm tất cả những gì có thể để mang con trai đến cho anh, và nàng bắt đầu chuẩn bị lên đường. Nếu chính công tước Andrei không báo tin cho nàng, thì công chúa Marya giải thích điều đó bằng việc anh quá yếu để viết, hoặc bằng việc anh coi chuyến đi dài này là quá khó khăn và nguy hiểm đối với nàng và con trai mình.

Trong vài ngày, công chúa Marya đã chuẩn bị sẵn sàng cho chuyến đi. Các cỗ xe của nàng gồm một chiếc xe ngựa lớn của công chúa, trong đó nàng đi đến Voronezh, các loại xe nhẹ và xe chở hành lý. Đi cùng nàng có cô Bourienne, Nikolushka với thầy giáo, bà vú già, ba cô hầu gái, Tikhon, một người hầu trẻ và một người lính cận vệ mà bà cô đã cho đi cùng.

Không thể đi theo con đường thông thường đến Moscow vì lý do an toàn, và do đó phải đi đường vòng, qua Lipetsk, Ryazan, Vladimir, Shuya, một quãng đường rất dài, do thiếu ngựa trạm ở khắp nơi nên việc đi lại rất khó khăn, và gần Ryazan, nơi (như người ta nói) có quân Pháp xuất hiện, thậm chí còn nguy hiểm.

Trong suốt chuyến hành trình gian khổ này, cô Bourienne, Dessalles và những người phục vụ của công chúa Marya đều ngạc nhiên trước sự kiên định của tâm hồn và sự tháo vát của nàng. Nàng đi ngủ muộn hơn tất cả, dậy sớm hơn tất cả, và không một khó khăn nào có thể ngăn cản nàng. Nhờ sự tháo vát và năng lượng của nàng, vốn được khơi dậy bởi sự lo lắng cho anh trai mình, vào cuối tuần thứ hai, họ đã đến gần Yaroslavl.

Trong thời gian cuối cùng ở Voronezh, công chúa Marya đã trải qua niềm hạnh phúc lớn nhất trong đời mình. Tình yêu của nàng dành cho Rostov không còn làm nàng khổ sở hay lo lắng nữa. Tình yêu đó đã tràn ngập toàn bộ tâm hồn nàng, trở thành một phần không thể tách rời của chính nàng, và nàng không còn đấu tranh chống lại nó nữa. Trong thời gian gần đây, công chúa Marya đã tin chắc – mặc dù nàng chưa bao giờ nói rõ bằng lời – rằng nàng đã được yêu và đang yêu. Nàng đã tin chắc điều này trong cuộc gặp gỡ cuối cùng với

Nikolai, khi anh đến báo tin cho nàng rằng anh trai nàng đang ở cùng gia đình Rostov. Nikolai không hề ám chỉ một lời nào rằng giờ đây (trong trường hợp công tước Andrei bình phục) mối quan hệ cũ giữa anh và Natasha có thể được nối lại, nhưng công chúa Marya nhìn thấy qua khuôn mặt anh rằng anh biết và nghĩ về điều đó. Và mặc dù vậy, thái độ của anh đối với nàng, vốn thận trọng, dịu dàng và đầy tình yêu, không những không thay đổi, mà anh dường như còn vui mừng vì giờ đây mối quan hệ họ hàng giữa anh và công chúa Marya cho phép anh tự do thể hiện tình bạn-tình yêu của mình hơn, như đôi khi công chúa Marya nghĩ. Công chúa Marya biết rằng nàng đã yêu lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng trong đời, và nàng cảm thấy rằng mình được yêu, và nàng thấy hạnh phúc, bình thản về mặt này.

Nhưng niềm hạnh phúc ở một phía tâm hồn này không hề ngăn cản nàng cảm nhận nỗi đau về anh trai mình với tất cả sức mạnh ; trái lại, sự bình thản về mặt này đã cho nàng khả năng lớn hơn để hoàn toàn hiến dâng mình cho tình cảm dành cho anh trai. Cảm giác này mạnh mẽ đến mức ngay trong phút đầu tiên rời khỏi Voronezh, những người đi cùng nàng đã tin chắc, khi nhìn vào khuôn mặt mệt mỏi, tuyệt vọng của nàng, rằng nàng chắc chắn sẽ ngã bệnh dọc đường ; nhưng chính những khó khăn và lo toan của chuyến đi, vốn được

công chúa Marya thực hiện với sự tháo vát như vậy, đã cứu nàng khỏi nỗi đau và tiếp thêm sức mạnh cho nàng.

Như mọi khi, vào những lúc đi đường, công chúa Marya chỉ nghĩ về một điều – mục đích của chuyến đi, quên mất cái gì đang đợi nàng ở phía trước. Nhưng khi tiến gần đến Yaroslavl, khi cái gì có thể đang chờ đợi nàng lại mở ra, và không phải sau nhiều ngày nữa mà là ngay tối nay, sự lo lắng của công chúa Marya đã lên đến tột độ.

Khi người lính cận vệ được phái đi trước để hỏi xem ở Yaroslavl gia đình Rostov đang ở đâu và tình trạng của công tước Andrei ra sao, gặp họ ở trạm gác, anh ta đã kinh hoàng khi nhìn thấy khuôn mặt trắng bệch đến đáng sợ của công chúa khi nàng thò đầu ra cửa sổ xe.

– Tôi đã biết hết rồi, thưa đức ông : nhà Rostov ở trên quảng trường, trong nhà của thương gia Bronnikov. Không xa lắm, ngay trên sông Volga, – người lính cận vệ nói.

Công chúa Marya nhìn vào mặt anh ta một cách sợ hãi và dò hỏi, không hiểu tại sao anh ta không trả lời câu hỏi chính : anh trai ra sao ? Cô Bourienne đã thay công chúa đặt câu hỏi đó.

– Công tước thế nào ? – nàng hỏi.

– Những người ở đó nói : vẫn ở tình trạng cũ.

Cái gì có nghĩa là «vẫn ở tình trạng cũ», công chúa không thèm hỏi nữa, và chỉ liếc nhìn Nikolushka bảy tuổi đang ngồi trước mặt và đang vui sướng nhìn thành phố, nàng gục đầu xuống và không ngẩng lên cho đến khi chiếc xe ngựa nặng nề, rầm rập và rung lắc, dừng lại ở đâu đó. Tiếng bệ bước xe gập xuống vang lên.

Cánh cửa mở ra. Bên trái là nước – dòng sông lớn, bên phải – cái hiên ; trên hiên có người, những người phục vụ và một cô gái trẻ trung, hồng hào với bím tóc đen lớn, người đang mỉm cười giả tạo một cách khó chịu, như công chúa Marya cảm thấy (đó là Sonya). Công chúa chạy lên cầu thang, cô gái tươi cười nói : «Vào đây, vào đây !» và công chúa thấy mình đang ở trong căn phòng phía trước một người phụ nữ lớn tuổi có khuôn mặt kiểu phương Đông, người đang nhanh chóng đi tới gặp nàng với vẻ mặt xúc động. Đó là bà nữ bá tước già. Bà ôm lấy công chúa Marya và bắt đầu hôn nàng.

– Con của ta ! – bà nói, – ta yêu quý con và đã biết con từ lâu rồi.

Bất chấp tất cả sự lo lắng của mình, công chúa Marya hiểu rằng đây là bà nữ bá tước và nàng cần phải nói điều gì đó với bà. Nàng không biết nói thế nào, đã thốt ra vài lời lịch sự bằng tiếng Pháp với cùng một giọng điệu như bà đã nói, và hỏi : «Anh ấy thế nào rồi ?»

– Bác sĩ nói rằng không có nguy hiểm, – bà nữ bá tước nói, nhưng vào lúc bà nói điều đó, bà thở dài và ngước mắt lên, và trong cử chỉ này có một biểu cảm trái ngược với lời bà nói.

– Anh ấy ở đâu ? Tôi có thể gặp anh ấy không, có thể không ? – công chúa hỏi.

– Ngay bây giờ, công chúa, ngay bây giờ, bạn thân mến của tôi. Đây có phải là con trai ông ấy không ? – bà nói, quay sang Nikolushka đang đi vào cùng với Dessalles. – Tất cả chúng ta sẽ ở cùng nhau, nhà rộng lắm. Ồ, một cậu bé thật tuyệt vời !

Bà nữ bá tước dẫn công chúa vào phòng khách. Sonya đang trò chuyện với cô Bourienne. Bà nữ bá tước âu yếm cậu bé. Ông bá tước già bước vào phòng, chào đón công chúa. Ông bá tước già đã thay đổi khủng khiếp kể từ lần cuối cùng công chúa nhìn thấy ông. Lúc đó ông là một ông già hoạt bát, vui vẻ, tự tin ; giờ đây ông có vẻ tội nghiệp, như một người bị lạc lối. Ông vừa nói

chuyện với công chúa, vừa không ngừng nhìn quanh như thể hỏi mọi người xem mình đang làm gì, có đúng không. Sau khi Moscow bị tàn phá và điền trang của mình bị mất, bị bật ra khỏi thói quen bình thường, rõ ràng ông đã mất cảm giác về sự quan trọng của mình và cảm thấy không còn chỗ đứng trong cuộc sống nữa.

Mặc dù chỉ muốn gặp anh trai ngay lập tức, và cảm thấy bực bội vì vào lúc này, khi nàng chỉ muốn gặp một mình anh, nàng lại phải tiếp chuyện và giả vờ khen ngợi cháu trai mình, công chúa Marya vẫn nhận thấy tất cả những gì đang diễn ra xung quanh mình, và cảm thấy cần phải tuân theo trật tự mới này mà nàng vừa bước vào. Nàng biết rằng tất cả điều này là cần thiết, và mặc dù khó khăn, nàng không hề tỏ ra khó chịu.

– Đây là cháu gái tôi, – ông bá tước nói, giới thiệu Sonya, – công chúa chắc không biết cô ấy chứ ?

Công chúa quay sang phía cô ấy và cố gắng nén lại cảm giác thù địch đang dâng lên trong lòng đối với cô gái này, nàng hôn cô ấy. Nhưng nàng cảm thấy nặng nề vì tâm trạng của mọi người xung quanh quá khác xa với những gì đang diễn ra trong tâm hồn nàng.

– Anh ấy ở đâu ? – nàng lại hỏi một lần nữa, quay sang tất cả mọi người.

– Anh ấy ở dưới nhà, Natasha đang ở với anh ấy, – Sonya đỏ mặt trả lời. – Họ đã đi hỏi rồi. Tôi nghĩ, công chúa chắc đã mệt rồi ?

Công chúa rơi nước mắt vì bực bội. Nàng quay đi và định hỏi bà nữ bá tước một lần nữa xem có thể đi gặp anh ở đâu, thì ở cửa bỗng nghe thấy những bước chân nhẹ nhàng, dồn dập, như những bước chân vui vẻ. Công chúa nhìn quanh và thấy Natasha, gần như chính Natasha ấy, người mà trong cuộc gặp gỡ trước đây ở Moscow nàng đã không thích.

Nhưng công chúa chưa kịp nhìn vào khuôn mặt của Natasha này thì nàng đã hiểu rằng đó là người đồng hành chân thành của mình trong nỗi đau, và vì vậy là bạn của nàng. Nàng lao tới gặp Natasha, ôm lấy cô và bật khóc trên vai cô.

Ngay khi Natasha, người đang ngồi ở đầu giường công tước Andrei, hay tin công chúa Marya đã đến, cô lặng lẽ bước ra khỏi phòng bằng những bước chân nhanh nhẹn mà công chúa Marya cảm thấy như là vui vẻ, và chạy tới gặp nàng.

Trên khuôn mặt xúc động của cô, khi cô chạy vào phòng, chỉ có một biểu cảm – biểu cảm của tình yêu, tình yêu vô bờ bến đối với anh, đối với nàng, đối với

tất cả những gì gần gũi với người đàn ông mà cô yêu thương, biểu cảm của sự trắc ẩn, đau khổ cho người khác và mong muốn mãnh liệt được hiến dâng toàn bộ bản thân để giúp đỡ họ. Rõ ràng là vào giây phút này không có một ý nghĩ nào về bản thân, về mối quan hệ của mình với anh trong tâm hồn Natasha.

Công chúa Marya nhạy cảm ngay từ cái nhìn đầu tiên đã hiểu ra tất cả điều này và với niềm cay đắng, nàng khóc trên vai cô.

– Đi thôi, chúng ta đi gặp anh ấy, Mary, – Natasha nói, đưa nàng sang phòng khác.

Công chúa Marya ngẩng mặt lên, lau mắt và quay sang Natasha. Nàng cảm thấy rằng từ Natasha nàng sẽ hiểu và biết hết mọi chuyện.

– Thế nào... – nàng bắt đầu hỏi, nhưng bỗng dừng lại.

Nàng cảm thấy rằng bằng lời nói thì không thể hỏi cũng không thể trả lời được. Khuôn mặt và đôi mắt của Natasha lẽ ra phải nói lên tất cả một cách rõ ràng và sâu sắc hơn.

Natasha nhìn nàng, nhưng có vẻ như cô đang ở trong trạng thái sợ hãi và nghi ngờ – không biết nên nói hay không nói tất cả những gì cô biết ; cô cảm thấy rằng

trước đôi mắt rạng rỡ, xuyên thấu vào tận đáy lòng mình này, không thể không nói toàn bộ, toàn bộ sự thật, đúng như những gì cô đã thấy. Môi của Natasha bỗng run rẩy, những nếp nhăn xấu xí hình thành quanh miệng cô, và cô, bật khóc nức nở, lấy tay che mặt.

Công chúa Marya đã hiểu tất cả.

Nhưng cô vẫn hy vọng và hỏi bằng những lời mà chính cô cũng không tin :

– Nhưng vết thương của anh ấy thế nào ? Nói chung, anh ấy đang ở trong tình trạng nào ?

– Chị, chị... sẽ thấy điều đó, – Natasha chỉ có thể nói vậy.

Họ ngồi một lúc lâu ở tầng dưới cạnh phòng anh để thôi khóc và bước vào gặp anh với khuôn mặt bình thản.

– Căn bệnh đã diễn tiến ra sao ? Anh ấy trở nên tệ hơn từ khi nào ? Chuyện đó xảy ra khi nào ? – Công chúa Marya hỏi.

Natasha kể rằng lúc đầu có nguy cơ từ tình trạng sốt và đau đớn, nhưng ở Troitsa điều đó đã qua, và bác sĩ chỉ sợ một điều – hoại tử. Nhưng nguy cơ này cũng đã qua. Khi đến Yaroslavl, vết thương bắt đầu mưng mủ

(Natasha biết mọi thứ liên quan đến sự mưng mủ, v.v.), và bác sĩ nói rằng việc mưng mủ có thể diễn ra bình thường. Cơn sốt bắt đầu. Bác sĩ nói rằng cơn sốt này không quá nguy hiểm.

– Nhưng hai ngày trước đây, – Natasha bắt đầu, – bỗng nhiên chuyện đó xảy ra... (Cô kìm nén tiếng nức nở.) Em không biết tại sao, nhưng chị sẽ thấy anh ấy đã trở thành thế nào.

– Anh ấy yếu đi à ? Gầy đi à ?.. – công chúa hỏi.

– Không, không phải thế, mà tệ hơn. Chị sẽ thấy. Chao ôi, Marie, anh ấy quá tốt, anh ấy không thể, không thể sống được, bởi vì...

XV

Khi Natasha mở cửa phòng anh bằng một động tác quen thuộc, để công chúa đi trước, công chúa Marya đã cảm thấy những tiếng nức nở chực trào nơi cổ họng. Dù cô đã chuẩn bị bao nhiêu, dù cô cố gắng trấn tĩnh thế nào, cô biết rằng mình sẽ không thể nhìn thấy anh mà không rơi lệ.

Công chúa Marya hiểu những gì Natasha muốn nói qua cụm từ : chuyện đó đã xảy ra với anh hai ngày trước. Cô hiểu rằng điều đó có nghĩa là anh bỗng nhiên trở nên dịu dàng, và rằng sự dịu dàng, sự xúc động này là những dấu hiệu của cái chết. Cô, khi tiến lại gần cửa, đã thấy trong trí tưởng tượng của mình khuôn mặt của Andryusha, khuôn mặt mà cô đã biết từ thuở nhỏ, hiền hậu, dịu dàng, xúc động, điều mà hiếm khi thấy ở anh và vì thế luôn tác động mạnh mẽ đến cô. Cô biết rằng anh sẽ nói với cô những lời khẽ khàng, dịu dàng, giống như những lời cha cô đã nói trước khi mất, và rằng cô sẽ không chịu đựng được điều này và sẽ bật khóc nức nở bên anh. Nhưng dù sớm hay muộn, điều đó cũng phải xảy ra, và cô bước vào phòng. Tiếng nức nở ngày càng dâng cao nơi cổ họng khi cô bằng đôi mắt cận thị của mình nhìn rõ hơn và rõ hơn hình dáng của anh và

tìm kiếm các nét mặt của anh, và kìa, cô đã thấy khuôn mặt anh và bắt gặp ánh mắt anh.

Anh nằm trên ghế sofa, kê xung quanh là những chiếc gối, trong chiếc áo choàng lông trắng. Anh rất gầy và nhợt nhạt. Một bàn tay trắng trẻo, gầy guộc của anh cầm một chiếc khăn tay, còn bàn tay kia, bằng những cử động khẽ khàng của các ngón tay, chạm vào bộ râu mỏng mới mọc. Đôi mắt anh nhìn những người mới bước vào.

Nhìn thấy khuôn mặt anh và bắt gặp ánh mắt anh, công chúa Marya bỗng giảm bớt tốc độ bước chân và cảm thấy những giọt lệ bỗng khô đi và tiếng nức nở ngừng lại. Bắt gặp biểu cảm khuôn mặt và ánh mắt của anh, cô bỗng cảm thấy sợ hãi và cảm thấy mình có lỗi.

«Nhưng tôi có lỗi gì chứ ?» cô tự hỏi mình. «Vì việc cô đang sống và nghĩ về người sống, còn tôi !..» ánh mắt lạnh lùng, nghiêm khắc của anh trả lời.

Trong ánh mắt sâu thẳm, không phải từ bản thân mình, mà nhìn vào bản thân mình, dường như có sự thù địch, khi anh chậm rãi nhìn quanh em gái và Natasha.

Anh hôn tay em gái theo thói quen.

– Chào Marie, em đến đây bằng cách nào thế ? – anh nói bằng một giọng cũng đều đều và xa lạ như ánh mắt của anh.

Nếu anh hét lên bằng một tiếng kêu tuyệt vọng, thì tiếng kêu đó có lẽ đã ít làm công chúa Marya kinh hãi hơn là âm thanh của giọng nói này.

– Và cả Nikolushka em cũng mang đến à ? – anh nói cũng đều đều và chậm rãi như vậy với một nỗ lực rõ rệt của ký ức.

– Bây giờ sức khỏe của anh thế nào ? – công chúa Marya nói, chính mình cũng ngạc nhiên trước những gì mình đang nói.

– Về chuyện đó, bạn thân mến, phải hỏi bác sĩ, – anh nói, và rõ ràng là đã nỗ lực thêm một chút để tỏ ra dịu dàng, anh nói bằng một khóe miệng (thấy rõ là anh hoàn toàn không nghĩ đến những gì mình nói) :

– Cảm ơn bạn hiền, cảm ơn vì đã đến.

Công chúa Marya siết chặt tay anh. Anh khẽ nhăn mặt vì cái siết tay của cô. Anh im lặng, và cô không biết phải nói gì. Cô đã hiểu những gì đã xảy ra với anh trong hai ngày qua. Trong lời nói, trong giọng điệu của anh, đặc biệt là trong ánh mắt đó – ánh mắt lạnh lùng,

gần như thù địch – cảm thấy một sự xa lánh đáng sợ đối với tất cả thế gian của một người đang sống. Anh, dường như, khó khăn lắm mới hiểu nổi tất cả những gì đang sống ; nhưng đồng thời cũng cảm thấy rằng anh không hiểu những gì đang sống không phải vì anh mất khả năng hiểu biết, mà vì anh hiểu một điều gì đó khác, một điều gì đó mà những người đang sống không hiểu và không thể hiểu nổi, và điều đó đã nuốt chửng toàn bộ con người anh.

– Vâng, số phận đã đưa chúng ta đến với nhau thật kỳ lạ ! – anh nói, phá tan sự im lặng và chỉ vào Natasha. – Cô ấy cứ đi theo tôi mãi.

Công chúa Marya lắng nghe và không hiểu những gì anh nói. Anh, công tước Andrei nhạy bén, dịu dàng, sao có thể nói điều này trước mặt người mà anh yêu và người yêu anh ! Nếu anh định sống, thì anh đã nói điều này bằng một giọng lạnh lùng – xúc phạm đến thế nào. Nếu anh không biết rằng mình sẽ chết, thì làm sao anh không thấy tiếc cho cô ấy, làm sao anh có thể nói điều đó trước mặt cô ấy ? Chỉ có một lời giải thích : đó là vì anh không quan tâm, và tất cả đều như nhau đối với anh, bởi vì một điều gì đó khác, quan trọng hơn, đã mở ra trước mắt anh.

Cuộc trò chuyện thật lạnh lùng, rời rạc và bị ngắt quãng mỗi phút.

– Marie đi qua Ryazan, – Natasha nói.

Công tước Andrei không nhận thấy rằng cô gọi em gái mình là Marie. Còn Natasha, khi gọi cô ấy như vậy trước mặt anh, lần đầu tiên chính cô cũng nhận ra điều đó.

– Thế à ? – anh nói.

– Họ kể với em rằng Moscow đã cháy rụi hoàn toàn; cứ như thể là...

Natasha dừng lại : không thể nói được. Anh, rõ ràng, đã nỗ lực để lắng nghe, và dù vậy cũng không thể.

– Vâng, họ nói là cháy rụi, – anh nói. – Chuyện đó thật đáng tiếc, – và anh bắt đầu nhìn thẳng về phía trước, những ngón tay lơ đãng vuốt râu.

– Thế em có gặp bá tước Nikolai không, Marie ? – bỗng nhiên công tước Andrei nói, rõ ràng muốn làm họ vui lòng. – Anh ấy đã viết thư đến đây rằng anh ấy rất yêu em, – anh tiếp tục một cách đơn giản, bình thản, rõ ràng không thể hiểu hết ý nghĩa phức tạp mà lời nói của anh có đối với những người đang sống. – Nếu em cũng

yêu anh ấy, thì sẽ rất tốt... để các em kết hôn, – anh nói thêm một chút nhanh hơn, như thể vui mừng vì những lời mà anh đã tìm kiếm bấy lâu và cuối cùng đã tìm thấy.

Công chúa Marya nghe những lời của anh, nhưng chúng không có ý nghĩa gì khác đối với cô ngoài việc chúng chứng minh rằng anh giờ đây đã xa rời tất cả những gì đang sống biết bao.

– Việc gì phải nói về em ! – cô bình thản nói và nhìn sang Natasha.

Natasha, cảm thấy ánh mắt của cô hướng về mình, đã không nhìn cô. Mọi người lại im lặng.

– André, anh muốn... – bỗng nhiên công chúa Marya nói bằng một giọng run rẩy, – anh muốn gặp Nikolushka không ? Anh ấy luôn nhớ về anh !

Công tước Andrei khẽ mỉm cười lần đầu tiên, nhưng công chúa Marya, người biết rõ khuôn mặt anh, đã kinh hãi nhận ra rằng đó là một nụ cười không phải của sự vui mừng, không phải của sự dịu dàng đối với con trai, mà là của sự chế nhạo thầm lặng, hiền hậu đối với những gì mà công chúa Marya đang dùng, theo ý cô, là phương tiện cuối cùng để đưa anh trở về với cảm xúc.

– Vâng, anh rất vui vì Nikolushka. Nó có khỏe không?

Khi người ta đưa Nikolushka đến gặp công tước Andrei, cậu bé nhìn cha một cách sợ hãi nhưng không khóc, vì không có ai khóc cả. Công tước Andrei hôn cậu bé và rõ ràng không biết phải nói gì với cậu.

Khi Nikolushka được đưa đi, công chúa Marya lại gần anh trai mình một lần nữa, hôn anh và không thể kìm lòng được nữa, đã bật khóc.

Anh chăm chú nhìn cô.

– Em hỏi về Nikolushka à ? – anh hỏi.

Công chúa Marya, vừa khóc vừa gật đầu khẳng định.

– Marie, em biết Phúc âm... – nhưng anh bỗng im lặng.

– Anh đang nói gì vậy ?

– Không có gì. Không nên khóc ở đây, – anh nói, vẫn nhìn cô bằng ánh mắt lạnh lùng đó.

Khi công chúa Marya khóc, anh hiểu rằng cô khóc vì Nikolushka sẽ mất cha. Bằng một nỗ lực to lớn đối với bản thân, anh đã cố gắng quay trở lại với cuộc sống và chuyển sang góc nhìn của họ.

«Vâng, đối với họ điều này chắc hẳn có vẻ đáng thương !» anh nghĩ. «Nhưng điều này mới đơn giản làm sao !»

«Chim trời không gieo, không gặt, nhưng Cha của các ngươi nuôi dưỡng chúng», anh tự nhủ và muốn nói điều đó với công chúa. «Nhưng không, họ sẽ hiểu điều này theo cách riêng của họ, họ sẽ không hiểu ! Điều này họ không thể hiểu : rằng tất cả những cảm xúc này mà họ trân trọng, tất cả những suy nghĩ của chúng ta, dường như rất quan trọng đối với chúng ta, đều không cần thiết. Chúng ta không thể hiểu nhau !» và anh im lặng.

Cậu con trai nhỏ của công tước Andrei đã lên bảy tuổi. Cậu bé mới bắt đầu biết đọc – cậu hoàn toàn không biết gì. Cậu đã trải qua nhiều điều sau ngày hôm đó, thu nhận kiến thức, sự quan sát, kinh nghiệm ; nhưng nếu cậu sở hữu tất cả những năng lực đã đạt được sau này, cậu cũng không thể hiểu sâu sắc hơn, chân thực hơn ý nghĩa của cảnh tượng mà cậu đã thấy giữa cha, công chúa Marya và Natasha, so với cách cậu hiểu bây giờ. Cậu đã hiểu tất cả, và không khóc, bước ra khỏi phòng, lặng lẽ tiến đến chỗ Natasha, người đã đi ra theo cậu, bẽn lẽn nhìn cô bằng đôi mắt trầm tư xinh đẹp ; môi

trên hơi cong lên của cậu run rẩy, cậu tựa đầu vào cô và bật khóc.

Từ ngày đó, cậu tránh mặt Desalles, tránh mặt bà bá tước hiền hậu và hoặc là ngồi một mình, hoặc rụt rè đi đến chỗ công chúa Marya và Natasha, những người mà cậu, dường như, đã yêu mến hơn cả cô của mình, và lặng lẽ, bẽn lẽn âu yếm họ.

Công chúa Marya, sau khi rời khỏi công tước Andrei, đã hiểu hoàn toàn những gì khuôn mặt của Natasha đã nói với cô. Cô không nói gì thêm với Natasha về hy vọng cứu sống anh nữa. Cô thay phiên với Natasha bên ghế sofa của anh và không khóc nữa, nhưng không ngừng cầu nguyện, hướng tâm hồn về phía Đấng Vĩnh Hằng Bất Khả Tri, mà sự hiện diện của Ngài giờ đây đã cảm nhận được một cách rõ rệt trên con người đang hấp hối.

XVI

Công tước Andrei không chỉ biết rằng mình sẽ chết, mà anh còn cảm thấy rằng mình đang chết, rằng anh đã chết một nửa. Anh cảm thấy một ý thức về sự xa lánh đối với tất cả những gì thuộc về trần gian và một sự nhẹ nhàng đầy hân hoan và kỳ lạ của sự tồn tại. Anh, không vội vã và không lo lắng, chờ đợi những gì đang đợi mình. Cái sự thật vĩnh cửu, xa lạ và xa xăm đó, mà sự hiện diện của nó anh chưa bao giờ ngừng cảm nhận trong suốt cuộc đời mình, giờ đây đối với anh đã gần gũi và – theo sự nhẹ nhàng kỳ lạ của sự tồn tại mà anh cảm thấy – gần như có thể hiểu được và cảm nhận được.

Trước đây anh sợ hãi sự kết thúc. Anh đã hai lần trải qua cảm giác kinh khủng về nỗi sợ hãi cái chết, sự kết thúc, và giờ đây anh không hiểu điều đó nữa.

Lần đầu tiên anh trải qua cảm giác này là khi quả lựu đạn xoay tròn như một con quay trước mặt anh, và anh nhìn xuống đám rạ, vào bụi cây, vào bầu trời, và biết rằng trước mặt mình là cái chết. Khi anh tỉnh lại sau vết thương và trong tâm hồn anh, ngay lập tức, như thể được giải phóng khỏi gánh nặng của cuộc sống đang kìm hãm nó, bông hoa tình yêu vĩnh cửu, tự do, không

phụ thuộc vào cuộc sống này đã nở rộ, anh không còn sợ chết và không nghĩ về nó nữa.

Càng dành nhiều thời gian trong những giờ phút cô độc đau đớn và mê sảng nửa chừng sau vết thương, suy nghĩ sâu sắc hơn về cái mới, sự khởi đầu của tình yêu vĩnh cửu đã được mở ra cho mình, thì anh càng không cảm thấy mình, vô tình, từ bỏ cuộc sống trần gian. Yêu tất cả mọi người, luôn hy sinh bản thân vì tình yêu có nghĩa là – không yêu ai cả, có nghĩa là – không sống cuộc sống trần gian này. Và anh càng thâm nhập sâu hơn vào nguyên tắc của tình yêu này, anh càng từ bỏ sự sống và càng phá hủy ranh giới khủng khiếp giữa sự sống và cái chết một cách hoàn toàn hơn. Khi anh, lần đầu tiên, nhớ về việc mình cần phải chết, anh đã tự nhủ : «thì sao chứ, thế lại tốt hơn».

Nhưng sau đêm đó ở Mytishchi, khi trong cơn mê sảng nửa chừng, người mà anh hằng mong ước hiện ra trước mặt, và khi anh, áp tay cô vào môi mình, đã khóc những giọt nước mắt thầm lặng, vui sướng, tình yêu đối với một người phụ nữ đã vô tình lẻn vào trái tim anh và lại gắn kết nó với sự sống. Và những suy nghĩ vui sướng, nhưng cũng đầy lo âu bắt đầu tìm đến anh. Nhớ lại cái phút giây đó ở trạm băng bó, khi anh nhìn thấy Kuragin, giờ đây anh không thể quay lại với cảm xúc

đó ; anh bị dằn vặt bởi câu hỏi : liệu anh ta có còn sống không ? Và anh không dám hỏi về điều đó.

Căn bệnh của anh đã diễn biến theo trật tự vật lý của nó, nhưng điều mà Natasha gọi là : chuyện đó đã xảy ra với anh, đã xảy ra hai ngày trước khi công chúa Marya đến. Đó là cuộc đấu tranh tinh thần cuối cùng giữa sự sống và cái chết, trong đó cái chết đã giành chiến thắng. Đó là ý thức bất ngờ rằng anh vẫn trân trọng sự sống, hiện ra đối với anh trong tình yêu với Natasha, và cơn kinh hoàng cuối cùng, bị chế ngự trước cái không xác định.

Chuyện đó xảy ra vào buổi tối. Anh, như thường lệ sau bữa ăn trưa, đang ở trong tình trạng sốt nhẹ, và những suy nghĩ của anh cực kỳ rõ ràng. Sonya ngồi ở bàn. Anh chợp mắt. Bỗng nhiên cảm giác hạnh phúc bao trùm lấy anh.

«A, đó là cô ấy bước vào !» anh nghĩ.

Thực tế, ở chỗ của Sonya chỉ còn lại tiếng bước chân lặng lẽ của Natasha vừa bước vào.

Từ dạo đó, khi cô bắt đầu chăm sóc anh, anh luôn cảm thấy cảm giác vật lý về sự gần gũi của cô. Cô ngồi trên ghế tựa nghiêng về phía anh, che khuất ánh nến khỏi

anh và đan tất. (Cô đã học đan tất từ dạo đó, khi công tước Andrei từng nói rằng không ai biết chăm sóc người bệnh như những bà vú già ngày xưa, những người hay đan tất và có một cái gì đó trấn tĩnh trong việc đan tất). Những ngón tay thon dài của cô lướt nhanh những chiếc kim đan thỉnh thoảng chạm vào nhau, và góc nghiêng trầm tư của khuôn mặt cúi xuống hiện rõ trước mắt anh. Cô thực hiện một cử động – cuộn len lăn xuống từ đầu gối cô. Cô giật mình, nhìn anh, và che nến bằng tay, bằng một cử động thận trọng, linh hoạt và chính xác, cô cúi xuống, nhặt cuộn len và ngồi lại vị trí cũ.

Anh nhìn cô không nhúc nhích và thấy rằng sau cử động của mình cô cần phải thở phào một cái thật sâu, nhưng cô không dám làm thế và thận trọng chuyển hơi thở.

Ở tu viện Troitsa họ đã nói về quá khứ, và anh nói với cô rằng nếu anh còn sống, anh sẽ cảm ơn Chúa mãi mãi vì vết thương của mình, vết thương đã đưa anh trở lại với cô ; nhưng từ dạo đó họ không bao giờ nói về tương lai nữa.

«Có thể hay không thể là như thế ?» anh giờ đây đang nghĩ, nhìn cô và lắng nghe âm thanh kim loại nhẹ nhàng của những chiếc kim đan. «Chẳng lẽ chỉ vì thế mà số phận đưa tôi đến với cô ấy một cách kỳ lạ như vậy, để

rồi tôi phải chết ?.. Chẳng lẽ sự thật của cuộc đời chỉ mở ra cho tôi để rồi tôi sống trong sự giả dối ? Tôi yêu cô ấy hơn tất cả mọi thứ trên đời. Nhưng tôi phải làm gì đây, nếu tôi yêu cô ấy ?» anh nói, và bỗng nhiên anh vô tình rên rỉ theo thói quen mà anh có được trong thời gian đau đớn.

Nghe thấy âm thanh này, Natasha đặt đôi tất xuống, nghiêng người lại gần anh hơn và bỗng nhiên, nhận thấy đôi mắt sáng rực của anh, cô đi đến chỗ anh bằng bước chân nhẹ nhàng và cúi xuống.

– Anh không ngủ à ?

– Không, em ạ, anh đã nhìn em từ lâu rồi ; anh cảm thấy khi em bước vào. Không ai, như em, mang lại cho anh sự tĩnh lặng dịu dàng đó... của ánh sáng. Anh cứ muốn khóc vì vui sướng.

Natasha xích lại gần anh hơn. Khuôn mặt cô rạng ngời niềm vui sướng hân hoan.

– Natasha, anh quá yêu em. Hơn tất cả mọi thứ trên đời.

– Còn em ? – Cô quay đi trong một giây. – Tại sao lại quá mức ? – cô nói.

– Tại sao lại quá mức ?.. Nào, em nghĩ sao, em cảm thấy thế nào trong tâm hồn mình, trong toàn bộ tâm hồn mình, liệu anh sẽ sống chứ ? Em thấy thế nào ?

– Em tin chắc, em tin chắc ! – Natasha gần như kêu lên, cầm lấy cả hai tay anh bằng một động tác nồng nhiệt.

Anh im lặng một lúc.

– Điều đó thật tốt biết bao ! – Và, nắm lấy tay cô, anh hôn nó.

Natasha hạnh phúc và xúc động ; và ngay lập tức cô nhớ ra rằng điều này không được, rằng anh cần sự yên tĩnh.

– Tuy nhiên, anh đã không ngủ, – cô nói, kìm nén niềm vui của mình. – Hãy cố gắng ngủ đi... làm ơn.

Anh buông tay cô ra, sau khi siết chặt nó, và cô đi về phía cây nến và lại ngồi vào vị trí cũ. Hai lần cô nhìn lại anh, đôi mắt anh gặp ánh mắt cô. Cô tự đặt bài học cho mình về đôi tất và tự nhủ rằng cho đến lúc đó cô sẽ không nhìn lại cho đến khi đan xong.

Thực tế, chẳng bao lâu sau đó anh nhắm mắt và ngủ thiếp đi. Anh ngủ không lâu và bỗng nhiên thức dậy trong mồ hôi lạnh một cách lo âu.

Khi chìm vào giấc ngủ, anh vẫn nghĩ về điều mà anh đã nghĩ suốt thời gian qua – về sự sống và cái chết. Và về cái chết nhiều hơn. Anh cảm thấy mình gần gũi với nó hơn.

«Tình yêu ? Tình yêu là gì ?» anh nghĩ.

«Tình yêu ngăn cản cái chết. Tình yêu là sự sống. Tất cả, tất cả những gì tôi hiểu, tôi chỉ hiểu bởi vì tôi yêu. Tất cả hiện hữu, tất cả tồn tại chỉ bởi vì tôi yêu. Tất cả chỉ được gắn kết bởi một mình nó. Tình yêu là Thiên Chúa, và chết – có nghĩa là tôi, một phần tử của tình yêu, trở về với cội nguồn chung và vĩnh cửu». Những suy nghĩ này dường như là sự an ủi đối với anh. Nhưng đó chỉ là những suy nghĩ. Có một cái gì đó còn thiếu trong chúng, có một cái gì đó mang tính phiến diện-cá nhân, thuộc về trí óc – không có sự hiển nhiên. Và vẫn có sự lo âu và mơ hồ đó. Anh ngủ thiếp đi.

Anh thấy trong giấc mơ rằng anh đang nằm trong chính căn phòng đó, nơi anh thực sự đang nằm, nhưng anh không bị thương mà khỏe mạnh. Nhiều gương mặt khác nhau, tầm thường, ngột ngạt, hiện ra trước mặt

công tước Andrei. Anh nói chuyện với họ, tranh luận về một điều gì đó không cần thiết. Họ chuẩn bị đi đâu đó. Công tước Andrei lờ mờ nhớ ra rằng tất cả những điều này là tầm thường và rằng anh có những mối quan tâm khác quan trọng hơn, nhưng anh vẫn tiếp tục nói, làm họ ngạc nhiên bằng những lời nói vô nghĩa, hóm hỉnh. Dần dần, tất cả những khuôn mặt này bắt đầu biến mất, và mọi thứ được thay thế bằng một câu hỏi duy nhất về cánh cửa đã đóng. Anh đứng dậy và đi về phía cánh cửa để chốt then và khóa nó lại. Từ việc liệu anh có kịp khóa cửa hay không, tất cả mọi thứ đều phụ thuộc vào đó. Anh đi, vội vã, đôi chân anh không nhúc nhích, và anh biết rằng mình sẽ không kịp khóa cửa, nhưng anh vẫn căng toàn bộ sức lực của mình. Và một nỗi sợ hãi đau đớn bao trùm lấy anh. Và nỗi sợ hãi này chính là nỗi sợ cái chết : cái đó đang đứng sau cánh cửa. Nhưng đồng thời, khi anh đang lúng túng bò về phía cánh cửa, thì cái thứ khủng khiếp đó từ phía bên kia đã ấn, đã xô vào cửa. Một cái gì đó phi nhân tính – cái chết – đang xông vào cửa, và phải giữ chặt lấy nó. Anh bám lấy cánh cửa, căng những nỗ lực cuối cùng – không thể khóa được nữa – ít nhất là giữ chặt lấy nó ; nhưng sức lực của anh quá yếu, vụng về, và cánh cửa bị ấn bởi cái thứ khủng khiếp đó lại mở ra rồi lại đóng lại.

Một lần nữa nó lại ấn từ phía bên kia. Những nỗ lực phi thường cuối cùng là vô ích, và cả hai cánh cửa mở ra không một tiếng động. Nó đã vào, và nó chính là cái chết. Và công tước Andrei đã chết.

Nhưng trong cùng một giây phút đó, khi anh chết, công tước Andrei nhớ lại rằng mình đang ngủ, và trong cùng giây phút đó khi anh chết, anh đã nỗ lực vượt qua chính mình và tỉnh dậy.

«Vâng, đó chính là cái chết. Tôi đã chết – tôi đã thức tỉnh. Vâng, cái chết – là sự thức tỉnh !» bỗng nhiên tâm hồn anh bừng sáng, và tấm màn che khuất những gì chưa biết từ trước đến nay, đã được vén lên trước tầm nhìn tâm hồn anh. Anh cảm thấy như thể có sự giải thoát khỏi sức mạnh từng trói buộc mình và cái sự nhẹ nhàng kỳ lạ mà từ dạo đó đã không rời bỏ anh.

Khi anh, tỉnh dậy trong mồ hôi lạnh, cử động trên sofa, Natasha tiến lại gần anh và hỏi chuyện gì xảy ra với anh. Anh không trả lời cô và không hiểu cô, nhìn cô bằng ánh mắt kỳ lạ.

Điều đó đã xảy ra hai ngày trước khi công chúa Marya đến. Từ ngày đó, như bác sĩ nói, cơn sốt suy nhược đã mang một tính chất xấu, nhưng Natasha không quan tâm đến những gì bác sĩ nói : cô đã nhìn thấy những dấu

hiệu đạo đức khủng khiếp, không còn nghi ngờ gì nữa đối với cô.

Từ ngày đó bắt đầu đối với công tước Andrei cùng lúc với sự thức tỉnh khỏi giấc ngủ là sự thức tỉnh khỏi cuộc sống. Và so với thời gian sống, nó dường như không chậm hơn đối với anh so với việc thức tỉnh khỏi giấc ngủ so với thời gian của giấc mơ.

Không có gì là khủng khiếp và đột ngột trong sự thức tỉnh tương đối chậm chạp này.

Những ngày và giờ cuối cùng của anh trôi qua một cách bình thường và giản đơn. Và công chúa Marya và Natasha, những người không rời khỏi anh, đã cảm thấy điều đó. Họ không khóc, không run rẩy và thời gian cuối cùng, chính họ cảm thấy điều này, họ đã không còn chăm sóc anh (anh không còn ở đó nữa, anh đã rời xa họ), mà chăm sóc những gì gần gũi nhất, là ký ức về anh – chăm sóc cơ thể anh. Cảm xúc của cả hai mạnh mẽ đến mức những khía cạnh bên ngoài, khủng khiếp của cái chết không tác động đến họ, và họ không thấy cần thiết phải khơi gợi nỗi đau của mình. Họ không khóc khi có mặt anh, cũng không khi không có mặt anh, và không bao giờ nói về anh giữa họ. Họ cảm thấy rằng họ không thể diễn tả bằng lời những gì họ hiểu.

Cả hai đều thấy anh đang chìm sâu hơn và sâu hơn, chậm rãi và thanh thản rời bỏ họ để đi đến một nơi nào đó, và cả hai đều biết rằng điều này phải như vậy và rằng điều đó là tốt.

Anh đã xưng tội, rước lễ ; mọi người đến để từ biệt anh. Khi người ta đưa con trai anh đến, anh áp môi mình vào trán cậu bé và quay đi không phải vì anh thấy nặng nề và đau lòng (công chúa Marya và Natasha hiểu điều đó), mà chỉ vì anh cho rằng đó là tất cả những gì họ yêu cầu ở anh ; nhưng khi người ta nói với anh rằng hãy chúc phúc cho con trai, anh đã thực hiện điều được yêu cầu và nhìn quanh, như thể hỏi xem liệu có cần làm điều gì nữa không.

Khi những cơn co thắt cuối cùng của cơ thể xảy ra, bị linh hồn bỏ lại, công chúa Marya và Natasha đã ở đó.

– Kết thúc rồi ?! – công chúa Marya nói sau khi cơ thể anh nằm bất động, lạnh đi trong vài phút trước mặt họ. Natasha tiến lại gần, nhìn vào đôi mắt đã chết và vội vã khép chúng lại. Cô khép chúng lại và không hôn chúng, mà chạm vào cái thứ vừa là ký ức gần gũi nhất về anh.

«Anh ấy đã đi đâu ? Giờ anh ấy ở đâu ?..»

Khi cơ thể đã được mặc quần áo, tắm rửa nằm trên bàn trong quan tài, tất cả mọi người tiến lại gần anh để từ biệt và tất cả đều khóc.

Nikolushka khóc vì sự bối rối đau đớn xé nát trái tim cậu. Bà nữ bá tước và Sonya khóc vì thương Natasha và vì anh không còn nữa. Bá tước già khóc vì nghĩ rằng chẳng bao lâu nữa, ông cảm thấy thế, và ông sẽ phải thực hiện chính cái bước khủng khiếp đó.

Natasha và công chúa Marya cũng khóc bây giờ, nhưng họ khóc không phải vì nỗi đau cá nhân của mình; – họ khóc vì sự xúc động thành kính đã bao trùm lấy tâm hồn họ trước ý thức về bí mật thiêng liêng và trọng đại của cái chết vừa hoàn tất trước mắt họ.

PHẦN THỨ HAI

I

Đối với trí tuệ con người, sự tổng hòa các nguyên nhân của các hiện tượng là không thể nắm bắt được. Nhưng nhu cầu tìm kiếm nguyên nhân đã nằm sẵn trong linh hồn con người. Và trí tuệ con người, khi chưa đi sâu vào vô vàn và sự phức tạp của các điều kiện hiện tượng, mà mỗi điều kiện riêng lẻ có thể được coi là nguyên nhân, đã bám lấy sự gần gũi đầu tiên, dễ hiểu nhất và nói : đây là nguyên nhân. Trong các sự kiện lịch sử (nơi đối tượng quan sát là hành động của con người), sự gần gũi nguyên sơ nhất chính là ý chí của các vị thần, sau đó là ý chí của những người đứng ở vị trí nổi bật nhất – các anh hùng lịch sử. Nhưng chỉ cần đi sâu vào bản chất của mỗi sự kiện lịch sử, tức là vào hoạt động của toàn bộ khối quần chúng tham gia vào sự kiện, là có thể tin rằng ý chí của anh hùng lịch sử không những không điều khiển các hành động của quần chúng, mà bản thân nó luôn bị điều khiển. Dường như, việc hiểu ý nghĩa của sự kiện lịch sử theo cách này hay cách khác cũng như nhau. Nhưng giữa một người nói rằng các dân tộc phương Tây đi sang phương Đông vì Napoleon muốn thế, và một người nói rằng điều đó đã xảy

ra vì nó phải xảy ra, tồn tại cùng một sự khác biệt như giữa những người khẳng định rằng trái đất đứng yên và các hành tinh chuyển động quanh nó, và những người nói rằng họ không biết trái đất và các hành tinh khác giữ trên cái gì. Không có và không thể có nguyên nhân của một sự kiện lịch sử, ngoại trừ nguyên nhân duy nhất của mọi nguyên nhân. Nhưng có những quy luật chi phối các sự kiện, một phần chưa được biết tới, một phần đang được chúng ta cảm nhận. Việc khám phá ra các quy luật này chỉ có thể thực hiện được khi chúng ta hoàn toàn từ bỏ việc tìm kiếm nguyên nhân trong ý chí của một con người, cũng giống như việc khám phá ra các quy luật chuyển động của các hành tinh chỉ trở nên khả thi khi con người từ bỏ ý niệm về sự đứng yên của trái đất.

Sau trận Borodino, việc quân địch chiếm đóng Moscow và việc đốt cháy nó được các sử gia coi là tình tiết quan trọng nhất của cuộc chiến năm 1812, chính là cuộc hành quân của quân đội Nga từ đường Ryazan sang đường Kaluga và đến trại Tarutino – cái gọi là cuộc hành quân tạt sườn qua Krasnaya Pakhra. Các sử gia gán vinh quang của chiến công thiên tài này cho những cá nhân khác nhau và tranh cãi xem nó thực sự thuộc về ai. Ngay cả các sử gia nước ngoài, thậm chí cả các sử gia Pháp cũng thừa nhận thiên tài của các tướng lĩnh

Nga khi nói về cuộc hành quân tạt sườn này. Nhưng tại sao các nhà văn quân đội, và sau họ là tất cả mọi người, lại cho rằng cuộc hành quân tạt sườn này là một phát minh hết sức sâu sắc của một cá nhân nào đó, đã cứu thoát nước Nga và tiêu diệt Napoleon, – điều này thật khó hiểu. Rất khó để hiểu được sự sâu sắc và thiên tài của cuộc vận động này, bởi vì để đoán được rằng vị trí tốt nhất của quân đội (khi nó không bị tấn công) là ở nơi có nhiều lương thực hơn, thì không cần đến một nỗ lực trí tuệ lớn lao nào ; và bất kỳ ai, ngay cả một cậu bé mười ba tuổi ngốc nghếch, cũng có thể dễ dàng đoán ra rằng vào năm 1812, vị trí thuận lợi nhất cho quân đội, sau khi rút khỏi Moscow, là ở trên đường Kaluga. Như vậy, không thể hiểu được, thứ nhất, bằng những suy luận nào mà các sử gia đi đến chỗ thấy được một điều gì đó sâu sắc trong cuộc vận động này. Thứ hai, càng khó hiểu hơn là tại sao các sử gia lại thấy tính cứu rỗi của cuộc hành quân này đối với người Nga và tính tai hại của nó đối với người Pháp ; vì cuộc hành quân tạt sườn này, trong những hoàn cảnh tiền đề, đồng hành và hệ quả khác, có thể đã là tai hại cho quân Nga và cứu mạng cho quân Pháp. Nếu từ thời điểm cuộc vận động này được thực hiện, tình hình của quân đội Nga bắt đầu được cải thiện, thì từ đó hoàn toàn không có nghĩa rằng cuộc vận động này là nguyên nhân của điều đó.

Cuộc hành quân tạt sườn này không những không thể mang lại bất kỳ lợi ích nào, mà còn có thể tiêu diệt quân đội Nga, nếu đồng thời không có sự trùng hợp của các điều kiện khác. Điều gì sẽ xảy ra nếu Moscow không bị cháy ? Nếu Murat không để mất dấu quân Nga ? Nếu Napoleon không ở trong tình trạng bất động ? Nếu quân đội Nga dưới sự chỉ huy của Krasnaya Pakhra, theo lời khuyên của Bennigsen và Barclay, đã giao chiến ? Điều gì sẽ xảy ra nếu người Pháp tấn công người Nga khi họ đang hành quân qua Pakhra ? Điều gì sẽ xảy ra nếu sau đó Napoleon, khi tiến đến Tarutino, tấn công quân Nga dù chỉ với một phần mười năng lượng mà ông ta đã dùng để tấn công ở Smolensk ? Điều gì sẽ xảy ra nếu người Pháp tiến về Petersburg ?.. Với tất cả những giả định này, tính cứu rỗi của cuộc hành quân tạt sườn có thể đã chuyển thành sự tai hại.

Thứ ba, và là điều khó hiểu nhất, nằm ở chỗ những người nghiên cứu lịch sử cố tình không muốn thấy rằng cuộc hành quân tạt sườn không thể gán cho bất kỳ một người nào ; rằng không ai bao giờ dự đoán trước được nó ; rằng cuộc vận động này, cũng giống như việc rút quân về Fili, trong thực tế chưa bao giờ hiện ra với bất kỳ ai trong sự toàn vẹn của nó, mà từng bước một, sự kiện nối tiếp sự kiện, khoảnh khắc nối tiếp khoảnh khắc, rút ra từ vô vàn những điều kiện đa dạng nhất, và

chỉ khi đó nó mới hiện ra trong sự toàn vẹn của mình, khi nó đã được thực hiện và trở thành quá khứ.

Tại hội đồng ở Fili, ý tưởng bao trùm trong giới lãnh đạo Nga là việc rút lui theo hướng thẳng tắp theo lẽ tự nhiên, tức là theo đường Nizhny Novgorod. Chứng cứ cho điều này là việc đa số phiếu bầu tại hội đồng đã được đưa ra theo nghĩa này, và quan trọng nhất là cuộc trò chuyện nổi tiếng sau hội đồng của tổng tư lệnh với Lanskoy, người phụ trách bộ phận hậu cần. Lanskoy báo cáo với tổng tư lệnh rằng lương thực cho quân đội chủ yếu được tập trung dọc theo sông Oka, ở các tỉnh Tula và Kaluga, và trong trường hợp rút lui về Nizhny, các kho lương thực sẽ bị tách rời khỏi quân đội bởi con sông lớn Oka, việc vận chuyển qua đó vào đầu mùa đông là không thể thực hiện được. Đây là dấu hiệu đầu tiên về sự cần thiết phải đi chệch khỏi hướng đi thẳng tắp trước đó vốn có vẻ tự nhiên nhất về phía Nizhny. Quân đội giữ ở phía nam hơn, dọc theo đường Ryazan, và gần hơn với các kho lương. Sau đó, sự bất động của quân Pháp, những kẻ thậm chí đã để mất dấu quân đội Nga, những lo ngại về việc bảo vệ nhà máy Tula, và quan trọng nhất, những lợi ích của việc tiếp cận các kho lương của mình đã buộc quân đội phải lệch đi xa hơn nữa về phía nam, sang đường Tula. Sau khi vượt qua Pakhra sang đường Tula bằng một cuộc vận động táo

bạo, các nhà lãnh đạo quân đội Nga đã nghĩ đến việc ở lại Podolsk, và không hề có ý nghĩ về vị trí Tarutino; nhưng vô vàn hoàn cảnh và sự xuất hiện trở lại của quân Pháp, những kẻ trước đó đã mất dấu quân Nga, và các dự án giao chiến, và quan trọng nhất, sự dồi dào lương thực ở Kaluga đã buộc quân đội chúng ta phải lệch xa hơn nữa về phía nam và chuyển sang giữa các con đường tiếp tế của mình, từ đường Tula sang đường Kaluga, đến Tarutino. Cũng giống như vậy, không thể trả lời câu hỏi : Moscow được rời bỏ khi nào, cũng không thể trả lời khi nào và do ai đã quyết định chuyển sang Tarutino. Chỉ khi quân đội đã đến Tarutino do hệ quả của vô vàn những lực vi phân, khi đó con người mới bắt đầu cam đoan với bản thân rằng họ đã muốn điều này và đã dự đoán được từ lâu.

II

Cuộc hành quân tạt sườn nổi tiếng chỉ nằm ở chỗ quân đội Nga, khi rút lui thẳng về phía sau theo hướng ngược lại với hướng tấn công, sau khi cuộc tấn công của người Pháp chấm dứt, đã lệch khỏi hướng thẳng ban đầu và không thấy sự truy đuổi phía sau, tự nhiên đã đi về phía nơi có nhiều lương thực dồi dào vẫy gọi.

Nếu không hình dung về những vị tướng thiên tài đứng đầu quân đội Nga, mà chỉ là một quân đội không có chỉ huy, thì quân đội này cũng không thể làm gì khác ngoài việc vận động ngược lại về phía Moscow, mô tả một vòng cung từ phía bên kia, nơi có nhiều lương thực hơn và vùng đất màu mỡ hơn.

Việc di chuyển này từ đường Nizhny sang đường Ryazan, Tula và Kaluga tự nhiên đến mức ngay cả những kẻ đào ngũ của quân đội Nga cũng chạy theo chính hướng đó, và trong chính hướng đó đã có những yêu cầu từ Petersburg gửi đến để Kutuzov đưa quân đội của mình sang đó. Tại Tarutino, Kutuzov đã nhận được một lời khiển trách gần như từ hoàng đế vì ông đã đưa quân sang đường Ryazan, và ông được chỉ thị chính

vị trí đối diện với Kaluga, nơi ông đã ở vào thời điểm nhận được thư của hoàng đế.

Giống như một quả bóng lăn theo hướng của lực đẩy đã trao cho nó trong suốt chiến dịch và trong trận Borodino, quân đội Nga, khi sức mạnh của lực đẩy bị triệt tiêu và không nhận được lực đẩy mới, đã chọn lấy vị trí tự nhiên đối với nó.

Công lao của Kutuzov không nằm ở bất kỳ cái gọi là vận động chiến lược thiên tài nào, mà ở chỗ ông là người duy nhất hiểu được ý nghĩa của sự kiện đang diễn ra. Ông là người duy nhất hiểu được từ lúc đó ý nghĩa của sự bất động của quân Pháp ; ông là người duy nhất tiếp tục khẳng định rằng trận Borodino là một chiến thắng ; ông là người duy nhất – người mà theo vị trí của một tổng tư lệnh, lẽ ra phải bị thúc giục tấn công – ông là người duy nhất đã dùng toàn bộ sức lực của mình để giữ quân đội Nga khỏi những trận đánh vô ích.

Con thú bị thương sau trận Borodino nằm đâu đó tại nơi mà người thợ săn đã bỏ lại nó ; nhưng liệu nó còn sống, liệu nó còn khỏe, hay nó chỉ đang nấp kỹ, người thợ săn không biết điều đó. Đột nhiên nghe thấy tiếng rên của con thú này.

Tiếng rên của con thú bị thương này, quân đội Pháp, minh chứng cho sự diệt vong của nó, là việc gửi Lauriston đến trại của Kutuzov với lời đề nghị hòa bình.

Napoleon, với niềm tin chắc chắn của mình rằng những gì ông ta làm đều tốt, và những gì nảy ra trong đầu ông ta đều đúng, đã viết cho Kutuzov những lời sau, những lời đầu tiên hiện ra trong đầu ông ta và không có bất kỳ ý nghĩa nào :

«Thưa hoàng thân Koutouzov», ông viết : «tôi gửi đến ngài một trong những tướng phụ tá của tôi để trao đổi với ngài về nhiều vấn đề quan trọng. Tôi mong Điện hạ hãy tin vào tất cả những gì ông ấy sẽ nói với ngài, đặc biệt khi ông ấy bày tỏ tình cảm trân trọng và sự quan tâm đặc biệt mà tôi dành cho cá nhân ngài từ lâu. Bức thư này không có mục đích nào khác, tôi cầu Chúa, thưa hoàng thân Koutouzov, hãy giữ gìn ngài dưới sự che chở thánh thiện và xứng đáng của Ngài.

Moscow, ngày 30 tháng 10 năm 1812. Ký tên :
Napoleon».

– Tôi sẽ bị hậu thế nguyền rủa nếu tôi bị coi là người khởi xướng đầu tiên cho bất kỳ sự hòa giải nào. Đó là ý chí hiện tại của dân tộc tôi – Kutuzov trả lời và tiếp tục

dùng toàn bộ sức lực của mình để giữ binh lính khỏi các cuộc tấn công.

Trong tháng quân đội Pháp cướp bóc ở Moscow và quân đội Nga đóng quân yên tĩnh dưới Tarutino, đã diễn ra một sự thay đổi về tương quan sức mạnh của cả hai quân đội (về tinh thần và quân số), kết quả là ưu thế sức mạnh đã nghiêng về phía người Nga. Mặc dù thực tế là tình hình của quân đội Pháp và quân số của nó không được người Nga biết đến, ngay sau khi tương quan thay đổi, nhu cầu tấn công ngay lập tức đã thể hiện trong vô số dấu hiệu. Những dấu hiệu này là : việc gửi Lauriston ; và sự dồi dào lương thực ở Tarutino ; và những tin tức đến từ khắp mọi nơi về sự bất động và hỗn loạn của quân Pháp ; và việc bổ sung các trung đoàn của chúng ta bằng lính mới ; và thời tiết tốt ; và sự nghỉ ngơi kéo dài của binh lính Nga ; và sự thiếu kiên nhẫn thường nảy sinh trong quân đội sau một thời gian nghỉ ngơi để thực hiện công việc mà vì nó họ đã tập hợp lại ; và sự tò mò về những gì đang diễn ra trong quân đội Pháp, vốn đã mất dấu từ lâu ; và sự táo bạo mà giờ đây các tiền đồn Nga lảng vảng quanh quân Pháp đóng ở Tarutino ; và tin tức về những chiến thắng dễ dàng của những người nông dân và quân du kích đối với quân Pháp ; và sự ghen tị nảy sinh bởi điều này ; và cảm giác trả thù nằm sâu trong tâm hồn mỗi người chừng nào quân Pháp

còn ở Moscow ; và (quan trọng nhất) nhận thức chưa rõ ràng nhưng đã nảy sinh trong linh hồn mỗi con người rằng tương quan sức mạnh giờ đây đã thay đổi và ưu thế đang nằm về phía chúng ta. Sự thay đổi tương quan sức mạnh đã diễn ra, và cuộc tấn công đã trở nên cần thiết. Và ngay lập tức, cũng chắc chắn như khi chiếc đồng hồ bắt đầu đánh chuông và chơi nhạc khi kim phút đã hoàn thành một vòng quay đầy đủ, trong các tầng lớp cấp cao, tương ứng với sự thay đổi thực chất của sức mạnh, đã phản ánh một sự vận động tăng cường, tiếng rít và tiếng nhạc của đồng hồ.

III

Quân đội Nga được điều hành bởi Kutuzov cùng bộ tham mưu của ông, và bởi hoàng đế từ Petersburg. Ở Petersburg, thậm chí trước khi nhận được tin tức về việc rời bỏ Moscow, một kế hoạch chi tiết cho toàn bộ cuộc chiến đã được soạn thảo và gửi cho Kutuzov để chỉ đạo. Mặc dù kế hoạch này được soạn thảo dựa trên giả định rằng Moscow vẫn còn nằm trong tay chúng ta, kế hoạch này vẫn được bộ tham mưu chấp thuận và đưa vào thực hiện. Kutuzov chỉ viết rằng những cuộc hành quân xa luôn khó thực hiện. Và để giải quyết những khó khăn gặp phải, các chỉ thị mới và những người có nhiệm vụ giám sát hành động của ông và báo cáo về chúng đã được gửi đến.

Ngoài ra, bây giờ trong quân đội Nga toàn bộ tham mưu đã được tái cơ cấu. Các vị trí của Bagration đã tử trận và Barclay đã rời đi được thay thế. Họ đã cân nhắc rất nghiêm túc xem ai sẽ tốt hơn : A. thay vào vị trí của B., và B. vào vị trí của D., hoặc ngược lại, D. vào vị trí của A. v.v. ; như thể có điều gì đó, ngoài sự hài lòng của A. và B., có thể phụ thuộc vào điều này.

Tại bộ tham mưu quân đội, nhân cơ hội sự thù địch của Kutuzov với vị trưởng tham mưu của mình là

Bennigsen, và sự hiện diện của những người được ủy nhiệm từ hoàng đế và những đợt thuyên chuyển này, đã diễn ra một cuộc chơi phức tạp hơn bình thường của các phe phái : A. đào chân tường B., D. đào chân tường C. v.v., trong mọi đợt thuyên chuyển và kết hợp có thể. Trong tất cả các đợt đào chân tường này, đối tượng của các âm mưu phần lớn là việc quân sự mà những người này tưởng rằng họ đang điều khiển ; nhưng việc quân sự này lại tiến triển độc lập với họ, đúng như cách mà nó phải tiến triển, tức là chưa bao giờ trùng hợp với những gì mọi người nghĩ ra, mà nảy sinh từ bản chất của mối quan hệ giữa quần chúng. Tất cả những suy nghĩ, đan xen, chồng chéo lên nhau này đại diện trong các tầng lớp cấp cao chỉ là sự phản ánh chính xác những gì phải diễn ra.

«Thưa Hoàng thân Mikhail Ilarionovich !» hoàng đế viết vào ngày 2 tháng 10 trong bức thư nhận được sau trận Tarutino. «Từ ngày 2 tháng 9, Moscow đã nằm trong tay quân địch. Những báo cáo cuối cùng của ngài là từ ngày 20 ; và trong suốt thời gian này không có hành động nào được thực hiện để chống lại quân địch và giải phóng kinh đô cổ kính, thậm chí, theo các báo cáo cuối cùng của ngài, ngài còn rút lui xa hơn nữa. Serpukhov đã bị chiếm bởi một biệt đội quân địch, và Tula, với sự nổi tiếng và tầm quan trọng của nó đối

với quân đội, đang gặp nguy hiểm. Qua các báo cáo từ Tướng Winzingerode, tôi thấy rằng một quân đoàn địch 10.000 người đang tiến về đường Petersburg. Một quân đoàn khác, vài ngàn người, cũng đang tiến về Dmitrov. Quân đoàn thứ ba đã tiến lên phía trước theo đường Vladimir. Quân đoàn thứ tư, khá đáng kể, đứng giữa Ruza và Mozhaisk. Bản thân Napoleon vào ngày 25 có mặt ở Moscow. Theo tất cả những tin tức này, khi quân địch đã chia nhỏ lực lượng của mình bằng những biệt đội mạnh, khi bản thân Napoleon vẫn ở Moscow với đội cận vệ của mình, liệu có thể lực lượng địch ở trước mặt ngài đủ đáng kể và không cho phép ngài hành động tấn công ? Với xác suất cao, ngược lại, có thể cho rằng ông ta đang truy đuổi ngài bằng các biệt đội hoặc, ít nhất, bằng một quân đoàn yếu hơn nhiều so với quân đội được giao cho ngài. Dường như, tận dụng những hoàn cảnh này, ngài có thể tấn công thành công quân địch yếu hơn ngài, và tiêu diệt chúng hoặc ít nhất là buộc chúng phải rút lui, giữ lại trong tay chúng ta một phần đáng kể các tỉnh hiện đang bị quân địch chiếm đóng, và do đó loại bỏ mối đe dọa đối với Tula và các thành phố nội địa khác của chúng ta. Trách nhiệm của ngài sẽ còn đó, nếu quân địch có thể gửi một quân đoàn đáng kể về Petersburg để đe dọa thủ đô này, nơi không thể còn nhiều quân, vì với quân đội được giao phó, hành động

một cách kiên quyết và tích cực, ngài có đủ mọi phương tiện để đẩy lùi tai họa mới này. Hãy nhớ rằng ngài còn mang nợ tổ quốc bị xúc phạm vì sự mất mát Moscow. Ngài đã có kinh nghiệm về sự sẵn lòng khen thưởng của tôi dành cho ngài. Sự sẵn lòng này sẽ không suy giảm trong tôi, nhưng tôi và nước Nga có quyền mong đợi từ phía ngài mọi nỗ lực, sự vững vàng và thành công, mà trí tuệ, tài năng quân sự và lòng dũng cảm của binh lính do ngài chỉ huy đã hứa hẹn với chúng ta».

Nhưng vào thời điểm bức thư này chứng minh rằng tương quan lực lượng thực chất đã được phản ánh ở Petersburg, bức thư vẫn còn đang đi đường, Kutuzov đã không còn có thể giữ quân đội khỏi cuộc tấn công, và trận đánh đã được đưa ra.

Vào ngày 2 tháng 10, người Cossack Shapovalov, khi đang đi tuần tra, đã giết một con thỏ bằng súng và bắn trúng con thỏ thứ hai. Đuổi theo con thỏ bị thương, Shapovalov đã đi sâu vào rừng và tình cờ bắt gặp sườn trái của quân đội Murat, đang đóng quân mà không có bất kỳ sự đề phòng nào. Người Cossack vừa cười vừa kể lại cho các đồng chí nghe mình suýt nữa thì bị quân Pháp bắt như thế nào. Viên chuẩn úy nghe thấy câu chuyện này đã báo cáo lại cho chỉ huy của mình.

Người Cossack được gọi đến, thẩm vấn ; các chỉ huy Cossack muốn tận dụng cơ hội này để cướp ngựa, nhưng một trong các chỉ huy, vốn quen biết với những cấp cao nhất trong quân đội, đã báo cáo sự việc này cho một tướng tham mưu. Vào thời gian cuối cùng này, tình hình ở tham mưu quân đội đang ở mức căng thẳng cực độ. Ermolov, vài ngày trước đó, khi đến gặp Bennigsen, đã cầu xin ông sử dụng ảnh hưởng của mình đối với tổng tư lệnh để thực hiện cuộc tấn công.

– Nếu tôi không biết ngài, tôi đã nghĩ rằng ngài không muốn điều ngài đang yêu cầu. Tôi chỉ cần khuyên một điều, là ngài Đáng kính nhất chắc chắn sẽ làm điều ngược lại, – Bennigsen trả lời.

Tin tức của những người Cossack, được xác nhận bởi các cuộc tuần tra được phái đi, đã chứng minh sự chín muồi cuối cùng của sự kiện. Sợi dây căng thẳng đã đứt, và đồng hồ bắt đầu rít lên và nhạc chuông bắt đầu chơi. Mặc dù có tất cả quyền lực giả tạo, trí tuệ, kinh nghiệm, sự hiểu biết con người của mình, Kutuzov, khi xem xét báo cáo của Bennigsen, người đã gửi báo cáo cá nhân lên hoàng đế, thể hiện mong muốn duy nhất của tất cả các tướng lĩnh – mong muốn duy nhất, giả định là mong muốn của cả hoàng đế và tin tức của các Cossack, đã không còn có thể giữ lại sự vận động không thể tránh

khỏi và đã ra lệnh cho những gì mà ông coi là vô ích và có hại – ban phước cho sự việc đã hoàn thành.

IV

Báo cáo của Bennigsen và tin tức của các Cossack về sườn quân Pháp không được che chắn chỉ là những dấu hiệu cuối cùng về sự cần thiết phải ra lệnh tấn công, và cuộc tấn công đã được ấn định vào ngày 5 tháng 10.

Vào sáng ngày 4 tháng 10, Kutuzov đã ký lệnh tác chiến. Toll đọc nó cho Ermolov nghe, đề nghị ông đảm nhận các sắp xếp tiếp theo.

– Tốt, tốt, bây giờ tôi không rảnh, – Ermolov nói và đi ra khỏi lán.

Lệnh tác chiến do Toll soạn thảo rất tốt. Giống như trong lệnh tác chiến Austerlitz, nó được viết, mặc dù không phải bằng tiếng Đức :

«Cột thứ nhất tiến quân tới đây và tới đây, cột thứ hai tiến quân tới đây và tới đây v.v. Và tất cả những cột này trên giấy tờ đều đến đúng nơi quy định vào đúng thời gian quy định và tiêu diệt quân địch. Mọi thứ đã được nghĩ ra rất tốt, và, như trong tất cả các lệnh tác chiến, không một cột nào đến đúng nơi và đúng thời gian của mình.

Khi lệnh tác chiến đã sẵn sàng với số lượng bản sao cần thiết, một sĩ quan được gọi đến và được phái tới Ermolov để trao cho ông thực hiện. Một sĩ quan kỵ binh trẻ tuổi, tùy tùng của Kutuzov, hài lòng với tầm quan trọng của nhiệm vụ được giao, đã đi tới căn hộ của Ermolov.

– Đã đi rồi, – người hầu của Ermolov trả lời.

Sĩ quan kỵ binh đi tới chỗ vị tướng mà Ermolov thường ghé qua.

– Không có, và vị tướng cũng không có ở đây.

Sĩ quan kỵ binh nhảy lên ngựa và đi tới một người khác.

– Không có, đã đi rồi.

«Làm sao tôi có thể không trả lời vì sự chậm trễ này! Thật là bực bội !» người sĩ quan nghĩ. Anh ta đi khắp trại. Ai cũng nói rằng họ đã thấy Ermolov đi qua cùng với các tướng lĩnh khác ở đâu đó ; ai cũng nói rằng ông ta chắc chắn đang ở nhà. Người sĩ quan, không kịp ăn trưa, đã tìm kiếm cho đến 6 giờ tối. Ermolov không có ở đâu cả, và không ai biết ông ta ở đâu. Người sĩ quan vội vàng ăn nhẹ tại chỗ một người đồng chí và lại đi tới đội tiền phương gặp Miloradovich. Miloradovich cũng

không có ở nhà, nhưng ở đó người ta nói với anh ta rằng Miloradovich đang dự tiệc tại nhà tướng Kikin, và có lẽ Ermolov cũng ở đó.

– Nhưng nó ở đâu ?

– A, đằng kia, ở Echkin, – một sĩ quan Cossack nói, chỉ vào một dinh thự xa xôi.

– Nhưng ở đó làm sao được, ngoài vòng vây cơ mà !

– Người ta phái hai trung đoàn của chúng ta vào vòng vây ; ở đó bây giờ đang có một cuộc vui chơi như thế, thật là khốn khổ ! Hai dàn nhạc, ba đội hợp xướng ca sĩ.

Người sĩ quan đi qua vòng vây tới Echkin. Từ xa, khi tiến gần đến ngôi nhà, anh ta đã nghe thấy những âm thanh vui vẻ, nhịp nhàng của một bài hát dân gian Nga.

– «Trong những bụi cây... trong những bụi cây !..» kèm theo tiếng huýt sáo và tiếng đàn torban đôi khi bị lấn át bởi tiếng la hét của các giọng ca. Người sĩ quan thấy vui vẻ và nhẹ nhõm trong lòng từ những âm thanh này, nhưng đồng thời anh ta cũng thấy lo sợ rằng mình có lỗi vì đã không trao được lệnh quan trọng giao cho anh ta trong một thời gian dài như vậy. Đã 9 giờ tối. Anh ta xuống ngựa và bước lên hiên của ngôi nhà lớn, vẫn còn nguyên vẹn, nằm giữa quân Nga và quân

Pháp. Trong phòng ăn và phòng trước, các quản gia đang bận rộn với rượu và đồ ăn. Dưới cửa sổ có các ca sĩ đứng. Người sĩ quan được dẫn qua cửa, và anh ta đột nhiên nhìn thấy tất cả các tướng lĩnh quan trọng nhất của quân đội, trong số đó có hình dáng to lớn, nổi bật của Ermolov. Tất cả các tướng lĩnh đều mặc áo choàng không cài cúc, với khuôn mặt đỏ bừng, hoạt bát, và cười vang, đứng thành hình bán nguyệt. Ở giữa phòng, một vị tướng đẹp trai, tầm vóc không cao, với khuôn mặt đỏ bừng, đang nhảy điệu trepaka một cách hăng hái và khéo léo.

– Ha, ha, ha ! Giỏi lắm Nikolai Ivanovich ! Ha, ha, ha !..

Người sĩ quan cảm thấy rằng, khi bước vào vào khoảnh khắc này với một lệnh quan trọng, anh ta càng có lỗi gấp đôi, và anh ta muốn chờ đợi ; nhưng một trong các tướng lĩnh đã nhìn thấy anh ta và, khi biết anh ta mang mục đích gì, đã nói với Ermolov. Ermolov với khuôn mặt cau có bước ra phía người sĩ quan và sau khi nghe báo cáo, đã cầm lấy tờ giấy mà không nói lời nào với anh ta.

– Anh nghĩ xem, anh ta tình cờ đi đâu mất ? – một người đồng chí trong bộ tham mưu nói tối hôm đó với người sĩ quan về Ermolov. – Đó là cái mẹo, cái đó đều

là cố ý. Konovnitsyn muốn chơi khăm. Nhìn xem, ngày mai sẽ có một mẻ cháo như thế nào !

V

Sáng sớm ngày hôm sau, Kutuzov già nua thức dậy, cầu nguyện với Chúa, mặc quần áo và với cảm giác khó chịu rằng mình phải chỉ huy một trận đánh mà ông không tin tưởng điều mà ông không tán thành, ông lên xe và rời khỏi Letashovka, 5 dặm phía sau Tarutino, đến nơi lẽ ra các cột quân đang tiến công phải tập hợp. Kutuzov vừa đi vừa thợp ngủ rồi lại tỉnh, lắng nghe xem có tiếng súng bên phải không, liệu trận đánh đã bắt đầu chưa. Nhưng mọi thứ vẫn im lìm. Chỉ mới bắt đầu hừng sáng một ngày thu ẩm ướt và u ám. Khi đến gần Tarutino, Kutuzov nhận thấy những người lính kỵ binh đang dẫn ngựa đi uống nước băng qua con đường mà chiếc xe đang chạy. Kutuzov nhìn kỹ họ, dừng xe lại và hỏi thuộc trung đoàn nào. Những người kỵ binh thuộc về cột quân lẽ ra phải ở tận phía trước từ lâu, trong trận phục kích. «Có lẽ là một sai lầm», vị tổng tư lệnh già nghĩ thầm. Nhưng khi đi xa hơn nữa, Kutuzov nhìn thấy các trung đoàn bộ binh, súng gác thành đống, binh lính bên nồi cháo và đống củi, mặc quần lót. Họ gọi viên sĩ quan đến. Viên sĩ quan báo cáo rằng không có lệnh xuất quân nào cả.

– Làm sao lại không có..., – Kutuzov bắt đầu, nhưng lập tức im lặng và ra lệnh gọi viên sĩ quan cấp cao đến chỗ mình. Bước ra khỏi xe, cúi đầu và thở nặng nề, lẳng lặng chờ đợi, ông đi đi lại lại. Khi viên sĩ quan bộ tổng tham mưu Eikhen được yêu cầu trình diện, Kutuzov đỏ bừng mặt không phải vì viên sĩ quan này là nguyên nhân của sai lầm, mà vì anh ta là đối tượng xứng đáng để trút cơn thịnh nộ. Và, run rẩy, nghẹt thở, ông già rơi vào trạng thái cuồng nộ mà ông thường gặp khi lăn lộn trên đất vì giận dữ, ông lao vào Eikhen, vung tay đe dọa, hét lên và chửi rủa bằng những lời lẽ thô tục. Một đại úy khác tình cờ đi ngang qua là Brozin, dù không có lỗi gì, cũng phải chịu chung số phận.

– Đây là quân khốn nạn nào thế này ? Bắn bỏ ! Lũ khốn ! – ông khản giọng hét lên, vung vẩy tay và loạng choạng.

Ông đang chịu đựng nỗi đau thể xác. Ông, vị tổng tư lệnh, bậc chí tôn mà mọi người đều đoan chắc rằng chưa bao giờ có ai ở Nga nắm giữ quyền lực như ông, lại bị đặt vào vị thế này – làm trò cười trước toàn quân. «Uổng công mình đã vất vả cầu nguyện cho ngày hôm nay, uổng công thức trắng đêm và suy tính mọi điều !» ông tự nhủ. «Khi còn là một sĩ quan trẻ con, không ai dám chế nhạo tôi như vậy... Còn bây giờ !» Ông cảm

thấy nỗi đau thể xác, như thể bị trừng phạt bằng đòn roi, và không thể không bộc lộ nó bằng những tiếng kêu giận dữ và đau đớn ; nhưng chẳng bao lâu sức lực ông suy giảm, và ông, nhìn quanh, cảm thấy mình đã nói nhiều điều không hay, liền ngồi vào xe và lẳng lặng quay trở lại.

Cơn giận đã trút ra không còn quay trở lại nữa, và Kutuzov, mắt chớp nhẹ, lắng nghe những lời phân trần và bào chữa (bản thân Ermolov không đến gặp ông cho đến ngày hôm sau), và sự nài nỉ của Bennigsen, Konovnitsyn và Toll về việc thực hiện cuộc chuyển quân thất bại đó vào ngày hôm sau. Và Kutuzov lại phải đồng ý.

VI

Ngày hôm sau, quân đội tập hợp tại các địa điểm đã định từ buổi tối và xuất quân trong đêm. Đó là một đêm thu với những đám mây đen tím, nhưng không có mưa. Đất ẩm, nhưng không có bùn, và quân đội đi không gây tiếng động, chỉ thỉnh thoảng nghe thấy tiếng lanh lảnh của pháo binh. Họ bị cấm nói chuyện to, hút tẩu, nhóm lửa ; ngựa được giữ không cho hí. Vẻ huyền bí của doanh nghiệp này làm tăng thêm sức hấp dẫn của nó. Mọi người đi lại vui vẻ. Một số cột quân dừng lại, gác súng thành đống và nằm xuống đất lạnh, cho rằng họ đã đến đúng nơi cần đến ; một số cột quân (phần lớn) đi suốt đêm và rõ ràng đã đi nhầm đường.

Iarll Orlov-Denisov cùng với các quân Cossack (đội quân nhỏ nhất trong số tất cả các đội quân khác) là người duy nhất đến đúng vị trí và đúng giờ. Đội quân này dừng lại ở rìa ngoài của một khu rừng, trên một lối mòn dẫn từ làng Stromilova đến Dmitrovskoe.

Trước bình minh, Bá tước Orlov đang thợp ngủ thì bị đánh thức. Họ dẫn đến một kẻ đào tẩu từ trại lính Pháp. Đó là một hạ sĩ quan người Ba Lan thuộc quân đoàn Poniatowski. Viên hạ sĩ quan này giải thích bằng tiếng Ba Lan rằng anh ta đào tẩu vì bị xúc phạm trong

công vụ, rằng lẽ ra anh ta phải là sĩ quan từ lâu rồi, rằng anh ta dũng cảm hơn tất cả, và vì vậy anh ta đã bỏ rơi họ và muốn trừng phạt họ. Anh ta nói rằng Murat đang ngủ cách họ một dặm và nếu họ cho anh ta một đội hộ tống một trăm người, anh ta sẽ bắt sống ông ta. Bá tước Orlov-Denisov bàn bạc với các đồng đội của mình. Đề nghị này quá hấp dẫn để có thể từ chối. Mọi người đều xung phong đi, mọi người đều khuyên nên thử. Sau nhiều tranh luận và cân nhắc, Thiếu tướng Grekov cùng với hai trung đoàn Cossack quyết định đi cùng viên hạ sĩ quan.

– Này, hãy nhớ lấy, – Bá tước Orlov-Denisov nói với viên hạ sĩ quan khi cho anh ta đi : – trong trường hợp ngươi nói dối, ta ra lệnh treo cổ ngươi như một con chó; còn nếu là sự thật – một trăm đồng vàng.

Viên hạ sĩ quan với vẻ kiên quyết không trả lời những lời này, lên ngựa và nhanh chóng phóng đi cùng với quân Grekov đã tập hợp. Họ biến mất trong rừng. Bá tước Orlov, rùng mình vì sự mát lạnh của buổi bình minh đang bắt đầu, lo lắng bởi trách nhiệm mà mình đã gánh vác, sau khi tiễn Grekov, bước ra khỏi rừng và bắt đầu quan sát trại địch, bấy giờ hiện ra lừa dối trong ánh sáng của buổi sáng đang bắt đầu và những đống lửa đang tàn. Phía bên phải của Bá tước Orlov-Denisov,

trên một sườn dốc trống trải, các cột quân của chúng ta lẽ ra phải xuất hiện. Bá tước Orlov nhìn về phía đó ; nhưng, mặc dù từ xa họ sẽ dễ bị nhận ra, nhưng không thấy bóng dáng các cột quân này đâu cả. Trong trại lính Pháp, theo quan sát của Bá tước Orlov-Denisov, và đặc biệt là theo lời của viên sĩ quan tùy tùng rất tinh mắt của ông, họ bắt đầu có những cử động.

– Ôi, thật đấy, muộn rồi, – Bá tước Orlov nói, nhìn vào trại.

Đột nhiên, như thường xảy ra sau khi một người mà chúng ta tin tưởng không còn ở trước mắt, ông chợt thấy hoàn toàn rõ ràng và hiển nhiên rằng viên hạ sĩ quan đó là một kẻ lừa đảo, rằng anh ta đã nói dối và chỉ làm hỏng toàn bộ cuộc tấn công bằng sự vắng mặt của hai trung đoàn này, những trung đoàn mà anh ta sẽ dẫn đi đâu đó không biết. Có thể rút ra từ khối quân đội đông đảo như vậy một vị tổng tư lệnh không !

– Thật đấy, hắn nói dối, tên khốn này, – bá tước nói.

– Có thể quay lại, – một người trong đoàn tùy tùng nói, người cũng cảm thấy như Bá tước Orlov-Denisov, sự nghi ngờ đối với doanh nghiệp này khi nhìn vào trại.

– A ? Thật chứ... ngài nghĩ sao ? Hay là để lại ? Hay không ?

– Ngài ra lệnh quay lại chứ ?

– Quay lại, quay lại ! – đột nhiên Bá tước Orlov nói một cách dứt khoát, nhìn đồng hồ. – Sẽ muộn mất, trời sắp sáng hẳn rồi.

Và viên sĩ quan tùy tùng phi ngựa vào rừng đuổi theo Grekov. Khi Grekov trở về, Bá tước Orlov-Denisov, lo lắng bởi nỗ lực bị hủy bỏ này và sự chờ đợi vô ích đối với các cột quân bộ binh vẫn chưa xuất hiện, và sự gần kề của kẻ địch (tất cả những người trong đội quân của ông đều cảm thấy như vậy), đã quyết định tấn công.

Ông ra lệnh thì thầm : «lên ngựa !» Họ dàn đội ngũ, làm dấu thánh giá... «Với Chúa !»

«Xung phong !» tiếng vang lên trong rừng, và hết đội quân này đến đội quân khác, như trút ra từ một cái bao, các quân Cossack vui vẻ lao đi với những chiếc giáo của mình, băng qua con suối tiến về phía trại.

Một tiếng kêu tuyệt vọng, hoảng hốt của người lính Pháp đầu tiên nhìn thấy quân Cossack – và tất cả những gì có trong trại, những người chưa mặc quần áo, còn

ngái ngủ, đã bỏ pháo, súng, ngựa và chạy tháo thân khắp nơi.

Nếu quân Cossack truy đuổi quân Pháp mà không chú ý đến những gì ở phía sau và xung quanh mình, họ đã bắt được cả Murat và tất cả những gì ở đó. Các cấp chỉ huy cũng muốn điều đó. Nhưng không thể làm các quân Cossack rời khỏi vị trí khi họ đã chạm tới chiến lợi phẩm và tù binh. Không ai nghe lệnh cả. Họ đã bắt được ngay tại chỗ 1500 tù binh, 38 khẩu súng, ngựa, yên cương, chăn màn và nhiều đồ vật khác nhau. Tất cả những thứ này cần được thu dọn, tù binh cần được gom lại, pháo cần được chia chác, chiến lợi phẩm cần được phân chia, hò hét, thậm chí đánh nhau giữa chính họ ; tất cả quân Cossack đều bận rộn với việc này.

Quân Pháp, không bị truy đuổi thêm nữa, bắt đầu tỉnh lại, tập hợp thành các nhóm và bắt đầu nổ súng. Orlov-Denisov vẫn chờ đợi các cột quân còn lại và không tiến thêm nữa.

Trong khi đó, theo kế hoạch : die erste Colonne marschiert vân vân, các đội quân bộ binh của các cột quân bị chậm trễ, do Bennigsen chỉ huy và Toll điều hành, đã hành quân đúng như dự đoán, và như thường lệ, đã đi đến một nơi nào đó, nhưng không phải nơi họ được chỉ định. Những người xuất phát vui vẻ, bắt đầu

dừng lại ; nghe thấy tiếng xôn xao không hài lòng, ý thức về sự lộn xộn, họ lùi lại một nơi nào đó. Các sĩ quan tùy tùng và các tướng lĩnh phi ngựa qua lại, hét lên, giận dữ, cãi cọ, nói rằng hoàn toàn không đúng hướng và đã muộn, mắng mỏ ai đó vân vân, và cuối cùng tất cả vẫy tay và đi chỉ để đi đến một nơi nào đó. «Đến đâu đó chúng ta sẽ đến !» Và quả thực, họ đã đến, nhưng không đúng nơi, và một số thì đến muộn đến mức họ đến mà không có bất kỳ lợi ích nào, chỉ để bị bắn vào. Toll, người trong trận đánh này đóng vai trò của Weirother tại Austerlitz, mẫn cán phi ngựa từ nơi này sang nơi khác và thấy mọi thứ đều lộn ngược. Như vậy, ông ta phi ngựa đến quân đoàn của Bagovut trong rừng, khi trời đã sáng rõ, còn quân đoàn này lẽ ra phải ở đó từ lâu cùng với Orlov-Denisov. Lo lắng và phiền lòng vì thất bại và cho rằng có ai đó phải có lỗi trong chuyện này, Toll phi ngựa đến chỗ chỉ huy quân đoàn và bắt đầu trách móc ông ta một cách nghiêm khắc, nói rằng việc này đáng bị bắn bỏ. Bagovut, một vị tướng già, dạn dày trận mạc, điềm tĩnh, cũng mệt mỏi bởi tất cả những lần dừng quân, sự lộn xộn, những mâu thuẫn, trước sự ngạc nhiên của mọi người, hoàn toàn trái ngược với tính cách của mình, đã nổi giận và nói những điều khó nghe với Toll.

– Tôi không muốn nhận bài học từ bất kỳ ai, còn chết cùng binh lính của mình thì tôi biết cách làm không kém ai khác, – ông nói và chỉ với một sư đoàn, ông đã tiến về phía trước.

Bước ra cánh đồng dưới làn đạn của quân Pháp, Bagovut bị kích động và dũng cảm, không cân nhắc xem việc tham chiến lúc này là hữu ích hay vô ích và chỉ với một sư đoàn, đã đi thẳng và dẫn quân mình vào dưới làn đạn. Mối nguy hiểm, đạn pháo, đạn chì chính là những gì ông cần trong tâm trạng phẫn nộ của mình. Một trong những viên đạn đầu tiên đã giết chết ông, những viên đạn tiếp theo đã giết chết nhiều binh lính. Và sư đoàn của ông đã đứng đó một thời gian mà không có lợi ích gì dưới làn hỏa lực.

VII

Trong khi đó, từ phía mặt trận, một cột quân khác lẽ ra phải tấn công quân Pháp, nhưng Kutuzov lại ở bên cột quân này. Ông biết rõ rằng chẳng có gì ngoài sự lộn xộn sẽ xảy ra từ trận đánh bắt đầu ngoài ý muốn của mình này, và trong chừng mực quyền lực của mình, ông đã kìm giữ quân đội. Ông không nhúc nhích. Kutuzov lẳng lặng cưỡi con ngựa xám nhỏ của mình, lười biếng trả lời các đề nghị tấn công.

– Mọi người đều chỉ giỏi nói tấn công trên đầu lưỡi, nhưng các người không thấy rằng chúng ta không biết cách thực hiện những cuộc vận động phức tạp, – ông nói với Miloradovich, người đang xin tiến về phía trước.

– Không biết cách bắt sống Murat vào buổi sáng và đến đúng giờ đúng chỗ : bây giờ thì không còn gì để làm nữa ! – ông trả lời một người khác.

Khi Kutuzov được báo cáo rằng ở phía sau quân Pháp, theo báo cáo của quân Cossack, trước đó không có ai, thì bây giờ đã có hai tiểu đoàn người Ba Lan, ông liếc nhìn Ermolov (ông không nói chuyện với Ermolov kể từ ngày hôm trước).

– Đấy, họ đòi tấn công, đề xuất các kế hoạch khác nhau, nhưng hễ bắt tay vào việc – chẳng có gì sẵn sàng cả, và kẻ địch đã cảnh giác thực hiện các biện pháp của mình.

Ermolov nheo mắt và mỉm cười nhẹ khi nghe thấy những lời này. Ông hiểu rằng đối với mình cơn bão đã qua đi và Kutuzov sẽ chỉ dừng lại ở sự ám chỉ này.

– Đây là ông ấy đang trêu chọc tôi đây, – Ermolov khẽ nói, huých đầu gối vào Raevsky, người đang đứng cạnh ông.

Ngay sau đó, Ermolov tiến lên phía trước đến chỗ Kutuzov và kính cẩn báo cáo :

– Thời gian chưa mất hẳn đâu, thưa đức ngài, kẻ địch chưa đi xa, – nếu ngài ra lệnh tấn công. Chứ nếu không thì đội cận vệ cũng không thấy khói đâu.

Kutuzov không nói gì, nhưng khi họ báo cáo với ông rằng quân của Murat đang rút lui, ông ra lệnh tiến công, nhưng cứ mỗi trăm bước lại dừng lại trong ba phần tư giờ.

Toàn bộ trận đánh chỉ nằm ở những gì quân Cossack của Orlov-Denisov đã làm ; những đội quân còn lại chỉ uổng công mất vài trăm người.

Hệ quả của trận đánh này là Kutuzov đã nhận được một huân chương kim cương, Bennigsen – cũng kim cương và một trăm nghìn rúp, những người khác tùy theo cấp bậc cũng nhận được nhiều điều dễ chịu, và sau trận đánh này, những thay đổi mới lại được thực hiện trong bộ tham mưu.

«Đấy là cách mọi thứ luôn được thực hiện ở chỗ chúng ta, tất cả đều lộn ngược !» các sĩ quan và tướng lĩnh Nga nói sau trận Tarutino, cũng giống như cách họ nói bây giờ, tạo ra cảm giác rằng có ai đó ngu ngốc nào đó ở đó làm mọi thứ lộn ngược, còn chúng ta thì sẽ không làm như vậy. Nhưng những người nói như vậy hoặc không biết việc mình đang nói, hoặc cố tình lừa dối chính mình. Mọi trận đánh – Tarutino, Borodino, Austerlitz – đều diễn ra không như những người điều hành chúng dự tính. Đó là một điều kiện tất yếu.

Vô số các lực lượng tự do (vì không nơi nào con người tự do hơn trong lúc chiến đấu, nơi vấn đề sống chết được quyết định) ảnh hưởng đến hướng của trận đánh, và hướng này không bao giờ có thể được biết trước và không bao giờ trùng khớp với hướng của bất kỳ một lực lượng nào.

Nếu nhiều lực lượng được định hướng khác nhau tác động đồng thời lên một vật thể nào đó, thì hướng

chuyển động của vật thể đó không thể trùng với bất kỳ lực lượng nào trong số đó, mà sẽ luôn là hướng trung bình, ngắn nhất, – cái mà trong cơ học được thể hiện bằng đường chéo của hình bình hành lực.

Nếu trong các mô tả của các sử gia, đặc biệt là các sử gia Pháp, chúng ta thấy rằng các cuộc chiến tranh và trận đánh của họ được thực hiện theo một kế hoạch đã định sẵn, thì kết luận duy nhất là các mô tả đó là không đúng sự thật.

Trận Tarutino rõ ràng đã không đạt được mục tiêu mà Toll đã dự tính : đưa quân đội vào trận theo kế hoạch ; và mục tiêu mà Bá tước Orlov có thể đã dự tính : bắt sống Murat ; hoặc mục tiêu tiêu diệt ngay lập tức toàn bộ quân đoàn mà Bennigsen và những người khác có thể đã dự tính ; hoặc mục tiêu của một sĩ quan muốn tham chiến và lập công ; hoặc của một quân Cossack muốn chiếm được nhiều chiến lợi phẩm hơn những gì anh ta đã chiếm được, vân vân. Nhưng nếu mục tiêu là những gì thực sự đã diễn ra, và những gì lúc đó là mong muốn chung của tất cả người Nga (đuổi quân Pháp ra khỏi Nga và tiêu diệt quân đội của họ), thì sẽ hoàn toàn rõ ràng rằng trận Tarutino, chính vì những sự không hợp lý của nó, lại là điều cần thiết nhất trong giai đoạn đó của chiến dịch. Thật khó và không thể nghĩ ra bất kỳ

kết cục nào cho trận đánh này có lợi hơn kết cục mà nó đã có. Với sự nỗ lực tối thiểu, với sự lộn xộn lớn nhất và với tổn thất không đáng kể nhất, đã đạt được những kết quả lớn nhất trong toàn bộ chiến dịch, đã thực hiện được cuộc chuyển đổi từ rút lui sang tấn công, đã bộc lộ sự yếu kém của quân Pháp và đã đưa ra cú hích mà quân đội Napoléon chỉ đang chờ đợi để bắt đầu tháo chạy.

VIII

Napoléon tiến vào Moscow sau chiến thắng rực rỡ de la Moskowa ; nghi ngờ về chiến thắng không thể có được, vì bãi chiến trường vẫn thuộc về quân Pháp. Quân Nga rút lui và nhường lại thủ đô. Moscow, đầy ắp lương thực, vũ khí, đạn dược và vô vàn của cải, nằm trong tay Napoléon. Quân đội Nga, yếu hơn gấp đôi quân Pháp, trong suốt một tháng không thực hiện một nỗ lực tấn công nào. Vị thế của Napoléon là rực rỡ nhất. Để dồn toàn lực lên tàn quân Nga và tiêu diệt nó ; để thương lượng một nền hòa bình có lợi hoặc, trong trường hợp bị từ chối, thực hiện một cuộc hành quân đe dọa đến Petersburg ; để, ngay cả trong trường hợp thất bại, quay trở lại Smolensk hoặc Vilna, hoặc ở lại Moscow ; tóm lại, để giữ vững vị thế rực rỡ đó mà quân đội Pháp đang ở vào thời điểm bấy giờ, dường như không cần đến thiên tài đặc biệt nào cả. Để làm điều này, cần phải làm điều đơn giản và dễ dàng nhất : không cho phép quân đội cướp bóc, chuẩn bị quần áo mùa đông, thứ mà lẽ ra có đủ ở Moscow cho toàn quân, và thu thập một cách đúng đắn số lương thực có ở Moscow cho toàn quân trong hơn nửa năm (theo tính toán của các sử gia Pháp). Napoléon, thiên tài vĩ đại nhất trong các thiên tài và là người có quyền lực điều hành

quân đội, như các sử gia khẳng định, đã không làm gì trong số này.

Ông không những không làm gì trong số này, mà ngược lại, ông đã dùng quyền lực của mình để chọn trong số tất cả các con đường hoạt động bày ra trước mắt điều ngu ngốc và tai hại nhất. Trong tất cả những gì Napoléon có thể làm : trú đông ở Moscow, đi đến Petersburg, đi đến Nizhny-Novgorod, đi ngược trở lại, về phía bắc hoặc phía nam (theo con đường mà sau đó Kutuzov đã đi), – thì dù có nghĩ ra điều gì đi nữa, cũng không có điều gì ngu ngốc và tai hại hơn điều mà Napoléon đã làm, tức là ở lại Moscow cho đến tháng mười, để cho quân lính cướp bóc thành phố ; sau đó, do dự không biết nên để lại quân đồn trú hay không, đi ra khỏi Moscow, tiến đến chỗ Kutuzov, không bắt đầu trận đánh, đi về phía bên phải, đi đến Maloyaroslavets, một lần nữa không thử vận may đột phá ; không đi theo con đường mà Kutuzov đã đi, mà đi ngược lại con đường Mozhaisk theo con đường Smolensk đã bị tàn phá, – không có gì ngu ngốc và tai hại hơn điều này đối với quân đội mà người ta có thể nghĩ ra, như kết quả đã cho thấy. Cứ để các chiến lược gia tài ba nhất nghĩ ra, – giả định rằng mục tiêu của Napoléon là tiêu diệt quân đội của mình, – thì họ cũng không thể nghĩ ra một chuỗi hành động khác có thể tiêu diệt quân đội Pháp một cách

chắc chắn và độc lập với tất cả những gì quân Nga đã làm, như điều mà Napoléon đã làm !

Thiên tài Napoléon đã làm điều này. Nhưng nói rằng Napoléon đã hủy hoại quân đội của mình vì ông muốn điều đó, hoặc vì ông rất ngu ngốc, thì cũng không công bằng như nói rằng Napoléon đã dẫn quân mình đến Moscow vì ông muốn điều đó và vì ông rất thông minh và thiên tài.

Trong cả hai trường hợp này, hoạt động cá nhân của ông, vốn không có nhiều sức mạnh hơn hoạt động cá nhân của mỗi người lính, chỉ trùng khớp với những quy luật mà hiện tượng đó diễn ra.

Hoàn toàn sai lầm (chỉ vì những kết quả không chứng minh cho hoạt động của Napoléon) khi các sử gia trình bày cho chúng ta sức mạnh của Napoléon bị suy yếu ở Moscow. Ông vẫn y như trước kia, và như sau này, vào năm thứ 13, ông đã sử dụng tất cả kỹ năng và sức mạnh của mình để làm điều tốt nhất cho mình và quân đội của mình. Hoạt động của Napoléon trong thời gian này không kém phần kinh ngạc so với ở Ai Cập, ở Ý, ở Áo và ở Phổ. Chúng ta không biết chắc chắn về mức độ thực sự của thiên tài Napoléon ở Ai Cập, nơi mà trong suốt 40 thế kỷ người ta đã nhìn vào sự vĩ đại của ông, vì tất cả những chiến công vĩ đại này chỉ được người

Pháp mô tả cho chúng ta. Chúng ta không thể đánh giá chính xác về thiên tài của ông ở Áo và Phổ, vì các thông tin về hoạt động của ông ở đó phải được rút ra từ các nguồn Pháp và Đức ; còn sự đầu hàng không thể hiểu nổi của các quân đoàn mà không có trận đánh và các pháo đài không có cuộc bao vây phải khiến người Đức công nhận thiên tài, như là lời giải thích duy nhất cho cuộc chiến tranh được tiến hành ở Đức. Nhưng đối với chúng ta, không có lý do gì để công nhận thiên tài của ông để che giấu sự xấu hổ của mình, tạ ơn Chúa. Chúng ta đã trả giá để có quyền nhìn thẳng vào sự việc, và chúng ta sẽ không từ bỏ quyền đó.

Hoạt động của ông ở Moscow cũng kinh ngạc và thiên tài như ở mọi nơi khác. Các mệnh lệnh nối tiếp các mệnh lệnh và các kế hoạch được đưa ra từ ông kể từ thời điểm ông tiến vào Moscow cho đến khi ra khỏi đó. Sự vắng mặt của cư dân và phái đoàn và chính vụ cháy Moscow không làm ông nao núng. Ông không rời mắt khỏi lợi ích của quân đội mình, hay hành động của kẻ địch, hay lợi ích của các dân tộc Nga, hay việc điều hành các công việc ở Paris, hay các cân nhắc ngoại giao về các điều kiện hòa bình sắp tới.

IX

Về mặt quân sự, ngay sau khi tiến vào Moscow, Napoléon nghiêm lệnh cho Tướng Sebastiani theo dõi các chuyển động của quân đội Nga, cử các quân đoàn đi theo các hướng khác nhau và ra lệnh cho Murat tìm Kutuzov. Sau đó, ông tận tâm ra lệnh về việc củng cố Điện Kremlin ; sau đó vạch ra một kế hoạch thiên tài cho chiến dịch tương lai trên toàn bản đồ nước Nga.

Về mặt ngoại giao, Napoléon triệu tập vị đại úy Yakovlev bị cướp bóc và rách rưới, người không biết cách ra khỏi Moscow, trình bày chi tiết cho ông ta toàn bộ chính sách và lòng bao dung của mình, và sau khi viết thư cho Hoàng đế Alexander, trong đó ông coi đó là bổn phận của mình để thông báo cho người bạn và người anh em của mình rằng Rostopchin đã điều hành tồi tệ ở Moscow, ông đã cử Yakovlev đến Petersburg. Sau khi trình bày chi tiết các quan điểm và lòng bao dung của mình trước Tutolmin, ông cũng cử ông già này đến Petersburg để đàm phán.

Về mặt pháp lý, ngay sau các vụ hỏa hoạn, ông ra lệnh tìm ra những kẻ có lỗi và hành hình họ. Và kẻ gian

ác Rostopchin đã bị trừng phạt bằng cách ra lệnh đốt nhà ông ta.

Về mặt hành chính, Moscow đã được ban cho một hiến pháp. Một hội đồng thành phố đã được thành lập và thông báo như sau :

«Cư dân Moscow !

Những nỗi bất hạnh của các bạn thật khắc nghiệt, nhưng đức hoàng đế và đức vua muốn chấm dứt chúng. Những tấm gương kinh khủng đã dạy các bạn cách ông trừng phạt sự không vâng lời và tội ác. Các biện pháp nghiêm ngặt đã được thực hiện để chấm dứt sự lộn xộn và khôi phục an ninh chung. Một chính quyền thành phố, được chọn từ chính các bạn, sẽ thành lập hội đồng thành phố của các bạn, hoặc chính quyền thành phố. Nó sẽ chăm lo cho các bạn, cho các nhu cầu của các bạn, cho lợi ích của các bạn. Các thành viên của nó được phân biệt bằng một dải băng đỏ, sẽ được đeo chéo qua vai, còn thị trưởng thành phố sẽ có thêm một chiếc thắt lưng trắng bên trên. Nhưng, ngoại trừ thời gian thực thi chức trách của họ, họ sẽ chỉ có một dải băng đỏ quanh cánh tay trái.

«Cảnh sát thành phố được thiết lập theo chế độ cũ, và thông qua hoạt động của nó, trật tự tốt hơn đã tồn

tại. Chính phủ đã bổ nhiệm hai tổng ủy viên, hoặc tổng giám đốc cảnh sát, và 20 ủy viên, hoặc cảnh sát trưởng khu vực, được bố trí tại tất cả các khu vực của thành phố. Các bạn sẽ nhận ra họ qua dải băng trắng mà họ sẽ đeo quanh cánh tay trái. Một số nhà thờ thuộc các tôn giáo khác nhau được mở cửa, và trong đó việc thờ phụng thần thánh được thực hiện mà không gặp trở ngại. Những người đồng bào của các bạn đang trở về nhà mỗi ngày, và các lệnh đã được đưa ra để họ tìm thấy sự giúp đỡ và bảo trợ trong đó, sau những nỗi bất hạnh do hỏa hoạn gây ra. Đây là những biện pháp mà chính phủ đã sử dụng để khôi phục trật tự và giảm nhẹ hoàn cảnh của các bạn. Nhưng để đạt được điều đó, cần phải để các bạn hợp lực với nỗ lực của mình ; để các bạn quên đi, nếu có thể, những nỗi bất hạnh mà các bạn đã phải chịu đựng ; hy vọng vào một số phận ít nghiệt ngã hơn ; tin tưởng rằng cái chết không thể tránh khỏi và đáng xấu hổ đang chờ đợi những kẻ dám xâm phạm thân thể các bạn và tài sản còn sót lại của các bạn ; và cuối cùng là không nghi ngờ rằng chúng sẽ được bảo toàn, – vì đó là ý chí của vị quân vương vĩ đại nhất và công minh nhất trong tất cả các quân vương. Binh lính và cư dân, dù các bạn thuộc dân tộc nào ! Hãy khôi phục lại niềm tin công chúng, nguồn gốc hạnh phúc của quốc gia ; hãy sống như anh em ; hãy giúp đỡ và bảo vệ lẫn nhau ; hãy đoàn

kết để bác bỏ những ý đồ của những kẻ xấu ; hãy vâng lời các nhà chức trách quân sự và dân sự : và chẳng mấy chốc nước mắt của các bạn sẽ ngừng rơi».

Về mặt lương thực cho quân đội, Napoléon đã ban lệnh cho tất cả các đội quân lần lượt vào Moscow à la maraude để tìm kiếm lương thực, để bằng cách đó, quân đội được đảm bảo cho thời gian tương lai.

Về mặt tôn giáo, Napoléon ra lệnh ramener les popes và khôi phục việc thờ phụng trong các nhà thờ.

Về mặt thương mại và cung ứng lương thực cho quân đội, mọi nơi đã được niêm yết như sau :

Tuyên cáo.

«Hỡi những người dân Moscow điềm tĩnh, những thợ thủ công và công nhân, những người mà tai họa đã đẩy ra khỏi thành phố, và hỡi những người nông dân tản mát, những người mà nỗi sợ hãi vô căn cứ vẫn còn giữ lại ngoài đồng ruộng, hãy lắng nghe ! Sự yên tĩnh đang trở lại kinh đô này, và trật tự trong đó đang được khôi phục. Đồng bào của các bạn đang can đảm bước ra khỏi nơi ẩn náu của mình, thấy rằng họ được tôn trọng. Mọi hành vi bạo lực chống lại họ và tài sản của họ sẽ bị trừng phạt ngay lập tức. Hoàng thượng hoàng đế và đức

vua của họ bảo trợ và giữa các bạn không ai bị coi là kẻ thù, ngoại trừ những kẻ không tuân theo mệnh lệnh của ngài. Ngài muốn chấm dứt những tai họa của các bạn và đưa các bạn trở về với nhà cửa và gia đình mình. Hãy đáp lại những ý định nhân từ của ngài và hãy đến với chúng tôi mà không có bất kỳ mối nguy hiểm nào. Hỡi cư dân! Hãy trở về nhà cửa của các bạn với lòng tin tưởng : các bạn sẽ sớm tìm thấy cách để thỏa mãn nhu cầu của mình ! Hỡi những thợ thủ công và những thợ lành nghề cần cù ! Hãy trở lại với công việc của mình : nhà cửa, cửa hiệu, các trạm gác đang chờ đợi các bạn, và đối với công việc của mình các bạn sẽ nhận được thù lao xứng đáng ! Và cuối cùng, hỡi những người nông dân, hãy ra khỏi những khu rừng, nơi các bạn đã lẩn trốn vì kinh hãi, hãy trở về mà không sợ hãi vào những túp lều của mình, với niềm tin chắc chắn rằng sẽ tìm thấy sự bảo vệ. Các kho hàng đã được thiết lập trong thành phố, nơi nông dân có thể mang đến những sản phẩm dư thừa và cây trồng của mình. Chính phủ đã thực hiện các biện pháp sau đây để đảm bảo cho họ việc bán hàng tự do :

Của ngày hôm nay, nông dân, những người làm ruộng và những người sống ở vùng lân cận Moscow có thể mang thực phẩm của mình vào thành phố mà không có

bất kỳ nguy hiểm nào, bất kể đó là loại gì, đến hai kho hàng đã định, tức là ở Mokhovaia và ở Okhotny Ryad.

Những thực phẩm đó sẽ được mua của họ với giá mà người mua và người bán thỏa thuận với nhau ; nhưng nếu người bán không nhận được giá công bằng mà mình yêu cầu, thì người bán có quyền mang chúng trở lại làng của mình, mà không ai có thể ngăn cản dưới bất kỳ hình thức nào.

Mỗi ngày chủ nhật và thứ tư hàng tuần được ấn định cho những ngày giao dịch lớn ; do đó một số lượng quân đội đủ sẽ được bố trí vào các ngày thứ ba và thứ bảy trên tất cả các con đường lớn, ở khoảng cách như vậy từ thành phố để bảo vệ những đoàn xe đó.

Các biện pháp tương tự sẽ được thực hiện để trên đường trở về, nông dân với xe cộ và ngựa của mình không gặp phải trở ngại nào.

Ngay lập tức các biện pháp sẽ được sử dụng để khôi phục các giao dịch thông thường. Cư dân thành phố và nông thôn, và các bạn, những công nhân và thợ thủ công, bất kể các bạn thuộc quốc gia nào ! Các bạn được mời gọi thực hiện những ý định phụ tử của hoàng thượng hoàng đế và đức vua và góp phần cùng ngài vào sự thịnh vượng chung. Hãy mang đến chân ngài sự tôn

kính và lòng tin tưởng và đừng chậm trễ hợp nhất với chúng tôi !»

Về việc nâng cao tinh thần của quân đội và nhân dân, các cuộc duyệt binh không ngừng được tổ chức, các phần thưởng được trao. Hoàng đế cưỡi ngựa đi qua các đường phố và an ủi cư dân ; và, mặc dù bận rộn với các công việc quốc gia, chính ngài đã đến thăm các rạp hát được thành lập theo lệnh của ngài.

Về lòng từ thiện, đức tính tốt nhất của những người mang vương miện, – Napoleon cũng đã làm tất cả những gì phụ thuộc vào ngài. Trên các cơ sở từ thiện ngài đã truyền lệnh ghi chữ : «Nhà của mẹ tôi», kết hợp bằng hành động này tình cảm hiếu thảo dịu dàng với sự vĩ đại của đức hạnh quân vương. Ngài đã đến thăm trại trẻ mồ côi và cho những trẻ mồ côi được ngài cứu sống hôn đôi bàn tay trắng của mình, trò chuyện thân mật với Tutolmin. Sau đó, theo lời kể hùng hồn của Thiers, ngài đã truyền lệnh phát lương cho quân đội của mình bằng tiền Nga giả, được làm bởi ngài. «Việc sử dụng các phương tiện này bằng một hành động xứng đáng với ngài và với quân đội Pháp, ngài đã cho phân phát sự giúp đỡ cho những người bị cháy nhà. Nhưng vì thực phẩm quá quý giá để đem cho người nước ngoài, phần lớn là kẻ thù, Napoleon thích cho họ tiền hơn để họ tự

tìm nguồn cung cấp bên ngoài, và ngài đã cho phân phát những rúp giấy».

Về kỷ luật của quân đội, không ngừng có các mệnh lệnh về những hình phạt nghiêm khắc đối với việc không thực hiện nhiệm vụ và về việc chấm dứt cướp bóc.

X

Nhưng, một điều kỳ lạ, tất cả những quy định, lo toan và kế hoạch này, vốn chẳng kém gì những thứ khác được ban hành trong những trường hợp tương tự, đã không chạm đến bản chất của sự việc, mà, như những chiếc kim của mặt đồng hồ tách biệt khỏi bộ máy, cứ xoay một cách tùy tiện và vô nghĩa, không bám vào các bánh răng.

Về mặt quân sự, kế hoạch tác chiến thiên tài mà Thiers nói : «rằng thiên tài của ngài chưa bao giờ tưởng tượng ra điều gì sâu sắc hơn, khéo léo hơn và đáng ngưỡng mộ hơn», và liên quan đến kế hoạch đó Thiers, khi tranh luận với ông Fain, chứng minh rằng việc lập ra kế hoạch thiên tài này phải được tính không phải vào ngày mùng 4, mà vào ngày 15 tháng mười, – kế hoạch này không bao giờ và không thể được thực hiện, bởi vì nó không có gì gần gũi với thực tế. Việc củng cố Điện Kremlin, mà vì đó cần phải phá bỏ nhà thờ Vasily Blazhenny, hóa ra hoàn toàn vô ích. Việc đặt mìn dưới Điện Kremlin chỉ giúp thực hiện mong muốn của hoàng đế khi rời khỏi Moscow, để Điện Kremlin bị nổ tung, tức là để nền đất mà một đứa trẻ đã bị giết chết bị đánh đập. Việc truy đuổi quân đội Nga, điều vốn khiến

Napoleon lo lắng đến thế, đã trình diện một hiện tượng chưa từng thấy. Các nhà quân sự Pháp đã mất dấu quân đội Nga 60 ngàn người, và chỉ theo lời Thiers, nhờ vào nghệ thuật và, có vẻ như cũng nhờ vào thiên tài của Murat mà họ đã tìm thấy quân đội Nga 60 ngàn người này như tìm một chiếc kim.

Về mặt ngoại giao, tất cả các lập luận của Napoleon về sự hào hiệp và công bằng của mình cả trước Tutolmin và trước Yakovlev, những người vốn lo lắng chủ yếu về việc kiếm được áo choàng và xe cộ, đã hóa ra vô ích : Alexander không tiếp những sứ giả này và không trả lời các đại sứ của họ.

Về mặt pháp lý, sau khi hành hình những kẻ bị coi là đốt nhà, một nửa khác của Moscow đã cháy rụi.

Về mặt hành chính, việc thiết lập hội đồng thành phố đã không ngăn chặn được cướp bóc và chỉ mang lại lợi ích cho một số người tham gia vào hội đồng thành phố đó, và dưới cái cớ giữ gìn trật tự, đã cướp bóc Moscow hoặc giữ cho mình tài sản từ vụ cướp bóc.

Về mặt tôn giáo, việc được sắp xếp dễ dàng như vậy ở Ai Cập thông qua việc thăm một nhà thờ Hồi giáo, ở đây đã không mang lại kết quả nào. Hai hoặc ba linh mục tìm thấy ở Moscow đã thử thực hiện ý muốn của

Napoleon, nhưng một người trong số họ đã bị một lính Pháp tát vào mặt trong lúc hành lễ, và một quan chức Pháp đã báo cáo về người kia như sau : «Linh mục mà tôi đã phát hiện và mời bắt đầu làm lễ lại, đã dọn dẹp và đóng cửa nhà thờ. Đêm nay họ lại đến phá cửa, phá khóa, xé sách và gây ra những sự rối loạn khác».

Về mặt thương mại, lời tuyên cáo với những thợ thủ công cần cù và tất cả nông dân đã không nhận được bất kỳ sự phản hồi nào. Không có những thợ thủ công cần cù, còn những nông dân thì bắt giữ những ủy viên đi quá xa với lời tuyên cáo này, và giết họ.

Về mặt giải trí cho nhân dân và quân đội bằng rạp hát, việc này cũng thất bại hoàn toàn. Các rạp hát được thiết lập trong Điện Kremlin và trong nhà Poznyakov ngay lập tức bị đóng cửa, vì họ đã cướp bóc các nữ diễn viên và nam diễn viên.

Lòng từ thiện – cũng không mang lại kết quả mong muốn. Những tờ tiền giả và không giả tràn ngập Moscow và không có giá trị. Đối với người Pháp, những người đi thu thập chiến lợi phẩm, chỉ cần vàng. Không chỉ những tờ tiền giả mà Napoleon hào phóng phát cho những người bất hạnh là không có giá trị, mà ngay cả bạc cũng được cho đi dưới giá trị của nó để đổi lấy vàng.

Nhưng hiện tượng đáng ngạc nhiên nhất là sự vô hiệu của các mệnh lệnh cấp cao vào thời gian đó là nỗ lực của Napoleon nhằm ngăn chặn cướp bóc và khôi phục kỷ luật.

Đây là những gì các sĩ quan quân đội báo cáo :

«Cướp bóc vẫn tiếp tục trong thành phố, mặc dù có mệnh lệnh chấm dứt chúng. Trật tự vẫn chưa được khôi phục, và không có một thương gia nào thực hiện việc buôn bán một cách hợp pháp. Chỉ có những người bán hàng rong mới cho phép mình bán hàng, và đó là những đồ vật bị cướp đoạt».

«Phần quận của tôi tiếp tục là nạn nhân của sự cướp bóc của binh lính quân đoàn 3, những người không hài lòng với việc giật lấy của những người tị nạn bất hạnh trong các hầm trú ẩn chút ít gì còn lại của họ, thậm chí còn hung bạo chém họ bằng kiếm, như tôi đã tự mình thấy nhiều ví dụ».

«Không có gì mới ngoài việc binh lính cho phép mình ăn trộm và cướp bóc, ngày 9 tháng mười».

Linh mục, người mà tôi đã tìm thấy và mời bắt đầu phục vụ thánh lễ, đã dọn dẹp và khóa cửa nhà thờ. Ngay

đêm đó họ lại đến phá cửa và khóa, xé sách và gây ra những sự rối loạn khác.

Một phần quận của tôi tiếp tục bị cướp bóc bởi binh lính quân đoàn 3, những người không thỏa mãn với những gì họ cướp được là tài sản ít ỏi của những cư dân bất hạnh trốn dưới hầm, mà còn hung bạo dùng kiếm chém họ, như chính tôi đã thấy nhiều lần.

«Việc trộm cắp và cướp bóc vẫn tiếp tục. Có một băng nhóm trộm cướp trong quận của chúng ta mà sẽ cần phải dùng những đội gác mạnh để ngăn chặn vào ngày 11 tháng mười».

«Hoàng đế vô cùng không hài lòng vì bất chấp các mệnh lệnh ngăn chặn cướp bóc, chỉ thấy các đội lính cận vệ đi hôi của quay trở về Điện Kremlin. – Trong đội cận vệ già, sự rối loạn và cướp bóc diễn ra mạnh mẽ hơn bao giờ hết, đã tái diễn ngày hôm qua, đêm qua và hôm nay. Hoàng đế vô cùng đau lòng khi thấy rằng những binh lính tinh nhuệ, được chỉ định để bảo vệ chính ngài, những người lẽ ra phải làm gương về sự phục tùng, lại đi quá giới hạn không tuân lệnh đến mức phá hủy các hầm rượu và kho hàng chuẩn bị cho quân đội. Những người khác hạ mình đến mức không nghe lời những người canh gác và sĩ quan gác, mắng chửi và đánh họ».

«Quan đại tổng quản cung đình phàn nàn kịch liệt», thống đốc viết, «rằng bất chấp các lệnh cấm lặp đi lặp lại, binh lính tiếp tục đi vệ sinh trong tất cả các sân và thậm chí ngay dưới cửa sổ của Hoàng đế».

Quân đội này, giống như một đàn gia súc bị thả rông, dẫm đạp dưới chân chính thức ăn có thể cứu nó khỏi cái chết đói, đang tan rã và lụi tàn theo từng ngày dư thừa ở Moscow. Nhưng nó vẫn chưa di chuyển.

Nó chỉ tháo chạy khi một nỗi sợ hãi hoảng loạn bất ngờ bao trùm lấy nó do việc đánh chặn các đoàn xe trên đường Smolensk và trận Tarutino. Chính tin tức về trận Tarutino này, được Napoleon nhận được bất ngờ trong một cuộc duyệt binh, đã khơi dậy trong ngài mong muốn trừng phạt người Nga, như Thiers nói, và ngài đã ra lệnh rút quân, điều mà toàn bộ quân đội đang đòi hỏi.

Tháo chạy khỏi Moscow, những người lính của quân đội này đã mang theo tất cả những gì đã cướp được. Napoleon cũng mang theo kho báu riêng của mình. Nhìn thấy đoàn xe làm tắc nghẽn quân đội, Napoleon kinh hoàng (như Thiers nói). Nhưng ngài, với kinh nghiệm chiến tranh của mình, đã không ra lệnh đốt tất cả các xe cộ thừa, như ngài đã làm với các xe cộ của thống chế khi tiến gần đến Moscow ; ngài nhìn vào những chiếc xe kéo và cỗ xe mà binh lính đang ngồi, và nói rằng

điều đó rất tốt, rằng những cỗ xe này sẽ được dùng cho lương thực, người bệnh và người bị thương.

Tình cảnh của toàn bộ quân đội giống như tình cảnh của một con thú bị thương, cảm nhận được cái chết của mình và không biết mình đang làm gì. Nghiên cứu những cuộc điều động khéo léo và mục đích của Napoleon và quân đội của ngài từ lúc tiến vào Moscow cho đến khi tiêu diệt quân đội này, cũng giống như nghiên cứu ý nghĩa những bước nhảy và cơn co giật hấp hối của một con thú bị thương nặng. Thường một con thú bị thương, khi nghe thấy một tiếng động, lao vào họng súng của người thợ săn, chạy về phía trước, rồi lùi lại và chính nó làm nhanh thêm kết cục của mình. Napoleon cũng làm điều tương tự dưới áp lực của toàn bộ quân đội ngài. Tiếng động của trận Tarutino đã làm con thú giật mình, và nó lao lên phía trước về phía họng súng, chạy đến chỗ người thợ săn, rồi lại quay trở lại, và cuối cùng, giống như mọi con thú, chạy trốn về phía sau, theo con đường bất lợi nhất, nguy hiểm nhất nhưng quen thuộc, lối cũ.

Napoleon, người hiện ra trước chúng ta như là người lãnh đạo của toàn bộ phong trào này (giống như đối với những người dã man, hình nhân được tạc trên mũi tàu, bằng sức mạnh, dẫn dắt con tàu), Napoleon trong suốt

thời gian hoạt động của mình giống như một đứa trẻ, người đang nắm lấy những sợi dây buộc bên trong cỗ xe, tưởng tượng rằng mình đang điều khiển.

XI

Sáng sớm ngày mùng 6 tháng mười, Pierre bước ra khỏi lán, và khi quay trở lại, anh dừng lại ở cửa, chơi đùa với một con chó nhỏ màu tím, chân ngắn, cong, đang quấn quýt bên anh. Con chó này sống với họ trong lán, ngủ với Karataev, nhưng đôi khi đi đâu đó vào thành phố và lại quay trở về. Nó có lẽ không bao giờ thuộc về ai, và bây giờ nó là vô chủ và không có tên gọi. Người Pháp gọi nó là Azor ; người lính kể chuyện gọi nó là Femgalka ; Karataev và những người khác gọi nó là Xám, đôi khi là Vẫy. Việc nó không thuộc về ai và không có giống loài, ngay cả một màu sắc xác định, dường như không làm phiền con chó nhỏ màu tím này. Cái đuôi xù xì hình cái phễu đứng thẳng và tròn trịa ; đôi chân cong phục vụ nó tốt đến nỗi đôi khi, dường như coi thường việc sử dụng cả bốn chân, nó nâng một chân sau lên một cách duyên dáng và rất khéo léo và nhanh chóng chạy trên ba chân. Mọi thứ đối với nó đều là nguồn vui thú. Lúc thì rên rỉ vì vui sướng, nó lăn lộn trên lưng ; lúc thì sưởi nắng với vẻ mặt trầm tư và quan trọng ; lúc thì nô đùa, chơi với một mảnh gỗ hoặc sợi rơm.

Trang phục của Pierre bây giờ gồm một chiếc áo sơ mi bẩn rách nát, tàn tích duy nhất của bộ quần áo cũ của anh, chiếc quần lính được buộc bằng dây ở cổ chân để giữ ấm theo lời khuyên của Karataev, một chiếc áo kaftan và một chiếc mũ vải thô. Pierre đã thay đổi rất nhiều về thể chất trong thời gian này. Anh không còn vẻ béo mập nữa, mặc dù vẫn giữ nguyên vẻ to lớn và sức mạnh thừa hưởng từ dòng giống mình. Râu và ria đã mọc phủ kín phần dưới khuôn mặt ; mái tóc rối bù trên đầu, đầy chấy râm, giờ đã xoăn lại thành một chiếc mũ. Biểu cảm của đôi mắt vốn cứng cỏi, bình thản và linh hoạt, loại mà trước đây Pierre chưa bao giờ có. Sự buông thả cũ của anh, thể hiện cả trong ánh nhìn, nay đã được thay thế bằng sự kiên cường, sẵn sàng hành động và chống trả. Đôi chân anh đi chân đất.

Pierre nhìn xuống cánh đồng, nơi mà sáng nay những chiếc xe và những người cưỡi ngựa đang đi qua, rồi nhìn ra xa bên kia sông, rồi nhìn con chó nhỏ đang giả vờ định cắn anh, rồi nhìn đôi chân trần của mình, cái mà anh thích thú đặt vào các vị trí khác nhau, cử động những ngón chân to bẩn thỉu. Và mỗi lần, khi anh nhìn vào đôi chân trần của mình, một nụ cười vui sướng của sự tự mãn lại thoáng hiện trên mặt anh. Cái nhìn của đôi chân trần này gợi nhớ cho anh tất cả những gì anh đã

trải qua và hiểu ra trong thời gian này, và ký ức đó thật dễ chịu đối với anh.

Thời tiết đã đứng yên trong vài ngày qua, yên tĩnh, trong lành, với những đợt sương giá nhẹ vào buổi sáng – cái gọi là mùa hè của phụ nữ.

Trong không khí, dưới ánh mặt trời, ấm áp, và hơi ấm này cùng với sự tươi mát sảng khoái của sương giá buổi sáng, vẫn còn cảm thấy trong không khí, đặc biệt dễ chịu.

Trên mọi thứ, cả những vật ở gần và ở xa, đều có vẻ lấp lánh như pha lê kỳ diệu mà chỉ có vào thời điểm này của mùa thu. Phía xa có thể nhìn thấy những ngọn đồi Vorobyev, với ngôi làng, nhà thờ và ngôi nhà lớn màu trắng. Và những cái cây trụi lá, cát, đá, mái nhà, tháp chuông xanh của nhà thờ và các góc của ngôi nhà trắng ở xa – tất cả những thứ này nổi bật lên một cách không tự nhiên, rõ nét, bằng những đường nét tinh tế nhất trong không khí trong suốt. Ở gần có thể nhìn thấy những tàn tích quen thuộc của một ngôi nhà quý tộc bị cháy một nửa, đang bị người Pháp chiếm đóng, với những bụi tử đinh hương xanh thẫm vẫn còn mọc dọc theo hàng rào. Và thậm chí cả ngôi nhà đổ nát và bẩn thỉu này, vốn gây khó chịu bởi sự xấu xí của nó trong

thời tiết u ám, giờ đây, trong ánh sáng rực rỡ, tĩnh lặng, dường như có gì đó yên bình và tuyệt đẹp.

Một viên cai người Pháp, mặc áo khoác phanh ra một cách thân mật, đội mũ vải, ngậm một chiếc tẩu ngắn trong răng, bước ra từ góc lán và, nháy mắt một cách thân thiện, tiến lại gần Pierre.

– Ánh nắng tuyệt quá, phải không ? Ông Kiril (tất cả người Pháp đều gọi Pierre như vậy). Có cảm giác như mùa xuân vậy.

Và viên cai tựa vào cửa và mời Pierre một chiếc tẩu, mặc dù thực tế là Pierre luôn từ chối và viên cai luôn mời anh.

– Nếu chúng ta đi hành quân trong thời tiết như thế này... – anh ta bắt đầu.

Pierre hỏi anh ta xem nghe nói gì về việc rút quân, và viên cai kể rằng gần như tất cả quân đội đều đang chuẩn bị hành quân và hôm nay lẽ ra phải có lệnh về những tù binh. Trong lán nơi Pierre ở, có một người lính, Sokolov, đang ốm nặng ; và Pierre nói với viên cai rằng cần phải sắp xếp việc gì đó cho người lính này. Viên cai nói rằng Pierre có thể yên tâm, rằng vì điều này có các bệnh viện di động và cố định và rằng đối với

những người bệnh sẽ có quy định, và nói chung mọi thứ đều có thể xảy ra, tất cả đều được cấp trên dự tính trước.

– Và sau đó, ông Kiril, ông chỉ cần nói một lời với ngài đại úy, ông biết đấy. Ồ, đó là một người... không bao giờ quên điều gì cả. Hãy nói với ngài đại úy khi ngài ấy đi tuần, ngài ấy sẽ làm tất cả cho ông...

Ngài đại úy, người mà viên cai đang nói tới, thường xuyên trò chuyện lâu với Pierre và dành cho anh mọi sự chiếu cố.

– Nhìn xem, St.-Thomas, ngài ấy nói với tôi hôm nọ: Kiril là một người có học thức, biết nói tiếng Pháp ; đó là một quý tộc Nga đã gặp tai họa, nhưng đó là một người đàn ông. Và ngài ấy am hiểu điều đó..... Nếu ngài ấy yêu cầu điều gì, hãy nói với tôi, không có sự từ chối nào cả. Khi người ta đã học hành, ông thấy đấy, người ta yêu giáo dục và những người tử tế. Tôi nói điều đó cho ông đấy, ông Kiril. Trong sự việc hôm nọ nếu không nhờ ông, thì mọi chuyện đã kết thúc tồi tệ rồi.

Và sau khi tán gẫu một lúc nữa, viên cai rời đi. (Chuyện xảy ra hôm nọ, mà viên cai nhắc tới, là cuộc xô xát giữa các tù binh và người Pháp, trong đó Pierre đã thành công trong việc xoa dịu các đồng đội của mình.)

Một vài tù binh đã nghe cuộc trò chuyện của Pierre với viên cai và ngay lập tức bắt đầu hỏi anh ta đã nói gì. Vào lúc đó, khi Pierre đang kể cho các đồng đội của mình nghe, một người lính Pháp gầy gò, vàng vọt và rách rưới tiến lại gần cửa lán. Với một cử động nhanh nhẹn và nhút nhát, anh ta đưa ngón tay lên trán làm dấu chào, anh ta quay sang Pierre và hỏi anh ta xem trong lán này có người lính Platoche không, người mà anh ta đã đưa áo để khâu.

Một tuần trước, người Pháp đã nhận được da giày và vải vóc và đã đưa cho các tù binh khâu giày và áo sơ mi.

– Xong rồi, xong rồi, chim ưng ạ ! – Karataev nói, bước ra với chiếc áo sơ mi được gấp gọn gàng.

Karataev, vì trời ấm và để thuận tiện cho công việc, chỉ mặc một chiếc quần dài và một chiếc áo sơ mi đen như đất, rách nát. Tóc anh ta, như cách những thợ thủ công vẫn làm, được buộc bằng một sợi dây thừng, và khuôn mặt tròn trịa của anh ta dường như càng tròn và dễ mến hơn.

– Lời hứa – công việc của người anh em thân thiết. Như đã nói, đến thứ sáu, tôi đã làm xong, – Platon nói, mỉm cười và mở chiếc áo sơ mi đã khâu ra.

Người lính Pháp lo lắng nhìn quanh và, như thể vượt qua một sự nghi ngờ, nhanh chóng cởi bỏ quân phục và mặc chiếc áo sơ mi vào. Dưới lớp quân phục người lính Pháp không có áo sơ mi, mà trên cơ thể trần trụi, gầy gò, vàng vọt là một chiếc áo gile bằng lụa bẩn thỉu với những bông hoa. Người lính Pháp rõ ràng sợ rằng các tù binh sẽ cười mình, và vội vàng chui đầu vào chiếc áo sơ mi. Không ai trong số các tù binh nói một lời nào.

– Xem kìa, vừa khít luôn, – Platon nói, vừa kéo chiếc áo sơ mi xuống.

Người lính Pháp, sau khi chui đầu và tay qua, không ngước mắt lên, nhìn vào chính mình trong chiếc áo sơ mi và kiểm tra các đường khâu.

– Gì thế, chim ưng ạ, đây đâu phải xưởng may, công cụ tử tế cũng không có ; nhưng người ta nói : không có dụng cụ và chấy thì không giết được người, – Platon nói, mỉm cười rạng rỡ và, rõ ràng là chính mình cũng vui sướng với công việc của mình.

– Tốt lắm, tốt lắm, cảm ơn ; nhưng bạn phải còn vải thừa chứ, – người Pháp nói.

– Nó sẽ còn đẹp hơn nữa, khi cậu mặc nó vào người, – Karataev nói, tiếp tục vui sướng với tác phẩm của mình. – Nó sẽ vừa vặn và tốt cho cậu...

– Cảm ơn, cảm ơn, ông bạn già, phần còn lại... – người Pháp nhắc lại, mỉm cười, và lấy ra một tờ tiền giấy, đưa cho Karataev. – Nhưng phần còn lại...

Pierre thấy rằng Platon không muốn hiểu những gì người Pháp nói, và, không can thiệp, nhìn họ. Karataev cảm ơn về số tiền và tiếp tục ngắm nhìn tác phẩm của mình. Người Pháp nhấn mạnh vào phần vải thừa và yêu cầu Pierre dịch những gì anh ta nói.

– Cậu ấy cần phần thừa để làm gì ? – Karataev nói. – Chúng ta sẽ làm ra những miếng lót chân quan trọng. Thôi, mặc kệ cậu ta.

Và Karataev với khuôn mặt đột nhiên thay đổi, buồn bã lấy từ trong ngực ra một gói vải vụn, và không nhìn người Pháp, đưa nó cho anh ta. – Ôi chao ! – Karataev nói và quay lại phía sau. Người Pháp nhìn vào tấm vải, suy nghĩ, nhìn Pierre một cách thắc mắc, và dường như nhìn thấy điều gì đó trong ánh mắt của Pierre, anh ta nói với anh :

– Platoche, nói đi, Platoche, – rồi bất ngờ, đỏ mặt, hét lên bằng một giọng lanh lảnh : – Giữ lấy cho bạn, – anh ta nói, đưa lại những miếng vải vụn, quay đi và rời đi.

– Xem kìa, – Karataev nói, lắc đầu. – Họ nói là quân không theo đạo, nhưng họ cũng có linh hồn. Các cụ ngày xưa thường nói : bàn tay đầy mồ hôi thì rộng rãi, bàn tay khô thì keo kiệt. Chính anh ta trần trụi, vậy mà anh ta vẫn đưa lại.

Karataev mỉm cười trầm tư và nhìn vào những miếng vải vụn, im lặng một lúc.

– Còn những miếng lót chân, anh bạn ạ, sẽ ra những miếng quan trọng đấy, – anh ta nói và quay trở lại lán.

XII

Bốn tuần đã trôi qua kể từ khi Pierre bị bắt làm tù binh. Mặc dù thực tế là người Pháp đề nghị chuyển anh từ lán lính sang lán sĩ quan, anh vẫn ở lại lán nơi anh đã vào từ ngày đầu tiên.

Trong thành phố Mát-xcơ-va bị tàn phá và thiêu rụi, Pierre đã nếm trải gần như đến giới hạn tột cùng của những gian khổ mà một con người có thể chịu đựng được ; nhưng nhờ có thể chất mạnh mẽ và sức khỏe tốt mà trước đây ông không hề nhận ra, và đặc biệt là nhờ những gian khổ này ập đến một cách âm thầm đến mức không thể nói được chúng bắt đầu từ khi nào, ông đã chịu đựng cảnh ngộ của mình không chỉ một cách dễ dàng mà còn với niềm vui sướng. Và chính vào thời điểm này, ông đã tìm thấy sự bình an và lòng tự mãn với chính mình, điều mà trước đây ông đã vô công tìm kiếm. Suốt một thời gian dài trong đời, ông đã tìm kiếm từ nhiều phía sự bình yên đó, sự hòa hợp với chính mình, điều đã làm ông kinh ngạc ở những người lính trong trận Borodino : ông đã tìm kiếm nó trong lòng nhân ái, trong hội Tam điểm, trong sự phân tâm của đời sống thượng lưu, trong rượu chè, trong chiến công anh hùng tự hy sinh, trong tình yêu lãng mạn với Natasha ;

ông đã tìm kiếm nó bằng con đường tư duy, – và tất cả những sự tìm kiếm và thử nghiệm đó đều đã đánh lừa ông. Và giờ đây, chính ông, không hề nghĩ về điều đó, đã nhận được sự bình yên và sự hòa hợp với chính mình chỉ qua nỗi kinh hoàng của cái chết, qua những gian khổ và qua những gì ông đã hiểu ở Karataev.

Những phút giây kinh hoàng mà ông đã trải qua trong thời gian hành hình như thể đã gột rửa vĩnh viễn khỏi trí tưởng tượng và ký ức của ông những ý nghĩ và cảm xúc lo âu mà trước đây dường như là quan trọng đối với ông. Ông không hề mảy may suy nghĩ về nước Nga, về chiến tranh, về chính trị, hay về Napoleon. Đối với ông, rõ ràng là tất cả những điều đó không liên quan đến ông, rằng ông không có bổn phận và vì thế không thể phán xét về tất cả những điều đó. – «Nga thì có Nga – hội thì không hội», – ông lặp lại những lời của Karataev, và những lời này làm ông trấn tĩnh một cách lạ lùng. Giờ đây đối với ông, ý định giết Napoleon và những tính toán của ông về con số huyền bí và con quái vật của Sách Khải huyền dường như không thể hiểu nổi và thậm chí là nực cười. Sự căm phẫn đối với vợ và nỗi lo lắng về việc danh tiếng của mình không bị hoen ố, giờ đây dường như không chỉ tầm thường mà còn nực cười. Ông bận tâm làm gì đến việc người đàn bà đó đang sống ở đâu đó cuộc đời mà bà ta thích ? Ai, và đặc

biệt là ông, bận tâm gì đến việc họ sẽ biết hay không biết rằng tên tù binh của họ là Bá tước Bezukhov ?

Giờ đây ông thường nhớ lại cuộc trò chuyện với Công tước Andrei và hoàn toàn đồng ý với anh, chỉ có điều hiểu ý nghĩ của Công tước Andrei hơi khác một chút. Công tước Andrei đã nghĩ và nói rằng hạnh phúc chỉ là sự phủ định, nhưng anh nói điều đó với một sắc thái buồn rầu và mỉa mai. Như thể khi nói điều đó, anh đang bày tỏ một ý nghĩ khác – rằng tất cả những khát khao hạnh phúc tích cực được đặt vào chúng ta chỉ là để hành hạ chúng ta mà không bao giờ được thỏa mãn. Nhưng Pierre, không có bất kỳ ý nghĩ ẩn ý nào, đã thừa nhận sự đúng đắn của điều đó. Sự vắng bóng của đau khổ, sự thỏa mãn các nhu cầu và kết quả là sự tự do lựa chọn công việc, tức là lối sống, giờ đây đối với Pierre dường như là hạnh phúc chắc chắn và cao cả nhất của con người. Tại đây, bây giờ là lần đầu tiên Pierre hoàn toàn cảm nhận được sự sướng khoái của việc ăn – khi muốn ăn, uống – khi muốn uống, ngủ – khi muốn ngủ, hơi ấm – khi trời lạnh, trò chuyện với một con người – khi muốn nói chuyện và nghe giọng nói con người. Sự thỏa mãn các nhu cầu – thức ăn tốt, sự sạch sẽ, tự do – giờ đây khi ông bị tước đoạt tất cả những thứ đó, đối với Pierre dường như là hạnh phúc hoàn hảo, và việc lựa chọn công việc, tức là lối sống, giờ đây khi sự lựa chọn

này bị hạn chế quá mức, đối với ông dường như là một việc dễ dàng đến mức ông đã quên mất rằng sự dư dật các tiện nghi trong cuộc sống sẽ phá hủy mọi hạnh phúc của việc thỏa mãn các nhu cầu, còn sự tự do lựa chọn công việc quá lớn, sự tự do mà sự giáo dục, sự giàu có, địa vị trong xã hội đã mang lại cho ông trong cuộc đời mình, chính là thứ làm cho việc lựa chọn công việc trở nên khó khăn không thể cứu vãn và phá hủy chính nhu cầu và khả năng làm việc.

Tất cả những mơ tưởng của Pierre giờ đây đều hướng về thời điểm khi ông sẽ được tự do. Tuy nhiên, về sau và trong suốt cuộc đời mình, Pierre đã nghĩ và nói với sự nồng nhiệt về tháng ở tù này, về những cảm xúc mạnh mẽ và vui sướng không thể lấy lại được, và chủ yếu là về sự bình yên tâm hồn trọn vẹn, về sự tự do nội tâm hoàn hảo mà ông chỉ cảm nhận được trong thời gian đó.

Khi vào ngày đầu tiên, thức dậy sớm vào buổi sáng, ông bước ra khỏi lán khi rạng đông và lần đầu tiên nhìn thấy những mái vòm tối màu, những cây thập tự của tu viện Novodevichy, nhìn thấy sương giá trên cỏ úa, nhìn thấy những ngọn đồi Vorobyovy và dòng sông uốn lượn biến mất trong sương mù tím biếc ; khi ông cảm nhận được sự chạm vào của không khí mát lành và nghe thấy tiếng quạ bay từ Mát-xcơ-va qua cánh đồng, và khi sau

đó đột nhiên ánh sáng bừng lên từ phía đông và rìa mặt trời trang trọng hiện ra từ sau những đám mây, và những vòm mái, những cây thập tự, sương giá, tầm xa và dòng sông – tất cả đều rạng ngời trong ánh sáng vui tươi, – Pierre cảm thấy một cảm giác mới mẻ, chưa từng trải nghiệm về niềm vui và sức mạnh của cuộc sống.

Và cảm giác này không những không rời bỏ ông trong suốt thời gian bị bắt làm tù binh, mà ngược lại, còn tăng lên trong ông theo mức độ gia tăng những gian khổ trong cảnh ngộ của ông.

Cảm giác này – về sự sẵn sàng cho mọi thứ, về sự chuẩn mực đạo đức – càng được duy trì thêm ở Pierre bởi ý kiến cao đẹp mà các bạn đồng hành đã thiết lập về ông ngay sau khi ông vào lán. Pierre – với kiến thức về ngoại ngữ, với sự tôn trọng mà người Pháp dành cho ông, với sự giản dị của mình ; người đã cho đi tất cả những gì họ xin (ông nhận được ba rúp mỗi tuần lương sĩ quan) ; với sức mạnh của mình, điều mà ông đã thể hiện cho những người lính thấy khi đóng đinh vào tường lán ; với sự dịu dàng mà ông thể hiện trong giao tiếp với các bạn đồng hành ; với khả năng không thể hiểu nổi đối với họ là ngồi bất động và không làm gì cả, suy nghĩ – hiện ra trước những người lính như một thực thể bí ẩn và cao cả. Chính những phẩm chất của ông, những thứ

vốn là gánh nặng nếu không nói là có hại cho ông trong xã hội mà ông sống trước đây, – sức mạnh của ông, sự coi thường các tiện nghi cuộc sống, sự lơ đãng, sự giản dị, – ở đây, giữa những con người này, đã mang lại cho ông vị thế gần như là một anh hùng. Và Pierre cảm thấy rằng cái nhìn đó buộc ông phải như vậy.

XIII

Vào đêm từ ngày 6 sang ngày 7 tháng Mười bắt đầu cuộc hành quân rút lui của quân Pháp : các bếp lò bị phá bỏ, các lán trại, xe cộ được thu dọn và quân đội cùng các đoàn vận tải di chuyển.

Vào lúc 7 giờ sáng, đội hộ tống quân Pháp, trong trang phục hành quân, đội mũ ca-lô, mang súng, ba lô và những chiếc túi khổng lồ, đứng trước các lán trại, và tiếng nói chuyện rôm rả của người Pháp, xen lẫn những lời chửi thề, vang lên khắp dọc hàng quân.

Trong lán, tất cả đã sẵn sàng, đã mặc quần áo, thắt lưng, đi giày và chỉ chờ lệnh bước ra. Người lính ốm Sokolov, tái nhợt, gầy gò, với những quầng thâm quanh mắt, không đi giày và không mặc quần áo tử tế, ngồi ở chỗ của mình và nhìn các bạn đồng hành không chú ý đến mình với đôi mắt lồi ra vì gầy gò một cách dò hỏi và rên rỉ đều đặn. Rõ ràng, không phải vì đau đớn – ông ta bị bệnh kiết lỵ – mà vì nỗi sợ hãi và đau khổ khi phải ở lại một mình đã khiến ông ta rên rỉ.

Pierre, đi đôi giày thô bằng da thuộc, do Karataev khâu cho ông từ một tấm da mà người Pháp mang lại để khâu đế giày cho mình, thắt lưng bằng một sợi dây

thừng, đi đến bên người bệnh và ngồi xổm trước mặt anh ta.

– Nào, Sokolov, họ không đi hẳn đâu mà ! Họ có một bệnh viện ở đây. Có lẽ ở đó anh sẽ còn tốt hơn của chúng ta đấy, – Pierre nói.

– Ôi Chúa ơi ! Ôi cái chết của con ! Ôi Chúa ơi ! – người lính rên rỉ to hơn.

– Để tôi đi hỏi họ lần nữa, – Pierre nói và đứng dậy, đi ra phía cửa lán.

Cùng lúc đó, khi Pierre đi đến cửa, một cai đội từ bên ngoài đi tới cùng với hai lính, người mà hôm qua đã mời Pierre hút tẩu thuốc. Cai đội và những người lính đều trong trang phục hành quân, mang ba lô và đội mũ ca-lô với dây quai thắt chặt, những gương mặt quen thuộc của họ đã thay đổi.

Cai đội đi đến cửa với ý định đóng nó lại theo lệnh của cấp trên. Trước khi cho ra, cần phải đếm số tù binh.

– Caporal, que fera-t-on du malade ?.. – Pierre bắt đầu.

Nhưng đúng vào giây phút đó, khi ông đang nói điều đó, ông chợt nghi ngờ, liệu đây có phải là người cai

đội quen thuộc đó hay là một người lạ nào khác : trông người cai đội vào phút này chẳng giống mình chút nào. Hơn nữa, đúng vào giây phút đó, khi Pierre đang nói điều đó, từ hai phía bỗng vang lên tiếng trống dồn dập. Cai đội cau mày trước lời nói của Pierre và, thốt ra một lời chửi thề vô nghĩa, đóng sầm cửa lại. Trong lán trở nên mờ tối ; tiếng trống dồn dập ở hai bên, lấn át tiếng rên rỉ của người bệnh.

«Đấy là nó !.. Lại là nó rồi !» Pierre tự nhủ, và một luồng khí lạnh chạy dọc sống lưng ông. Trong gương mặt thay đổi của cai đội, trong âm thanh giọng nói của anh ta, trong tiếng trống dồn dập gây kích thích và lấn át, Pierre nhận ra cái sức mạnh bí ẩn, vô cảm đó, cái sức mạnh đã buộc con người chống lại ý chí của mình để giết hại những người đồng loại, cái sức mạnh mà ông đã thấy trong lúc hành hình. Sợ hãi, cố gắng tránh né sức mạnh này, cầu khẩn hay thuyết phục những người phục vụ như công cụ của nó, là vô ích. Pierre giờ đây đã biết điều đó. Cần phải chờ đợi và cam chịu. Pierre không đi đến bên người bệnh nữa và không ngoảnh lại nhìn anh ta. Ông im lặng, đứng cau mày ở cửa lán.

Khi cửa lán mở ra và những người tù binh, như một đàn cừu, chen chúc nhau ở lối ra, Pierre lách lên phía trước họ và đi đến bên chính viên đại úy đó, người mà

theo lời khẳng định của cai đội, đã sẵn sàng làm mọi thứ cho Pierre. Viên đại úy cũng trong trang phục hành quân, và từ gương mặt lạnh lùng của ông ta cũng toát lên cái «nó» đó mà Pierre đã nhận ra trong những lời nói của cai đội và trong tiếng trống dồn dập.

– Đi đi, mau đi đi, – viên đại úy nói, cau mày nghiêm nghị và nhìn những người tù binh đang chen chúc qua mặt mình.

Pierre biết rằng nỗ lực của mình sẽ vô ích, nhưng ông vẫn đi đến bên ông ta.

– Có chuyện gì vậy ? – viên sĩ quan hỏi, ngoảnh lại nhìn một cách lạnh lùng như thể không nhận ra ông.

Pierre nói về người bệnh.

– Nó sẽ đi được thôi, quỷ bắt nó đi ! – viên đại úy nói. – Đi đi, mau đi đi, – ông ta tiếp tục nói mà không nhìn Pierre.

– Nhưng không, nó đang hấp hối ... – Pierre bắt đầu.

– Hãy làm ơn !.. – viên đại úy quát lên, cau mày giận dữ.

«Rầm-da-da-dầm, dầm-dầm-dầm» – tiếng trống dồn dập. Pierre hiểu rằng sức mạnh bí ẩn đó đã hoàn toàn

chế ngự những con người này và giờ đây nói thêm bất cứ điều gì cũng vô ích.

Các sĩ quan tù binh bị tách khỏi những người lính và được lệnh đi lên phía trước. Các sĩ quan, trong đó có Pierre, có khoảng 30 người, binh lính có 300 người.

Các sĩ quan tù binh, được thả ra từ các lán khác, đều là người lạ, ăn mặc chỉnh tề hơn Pierre nhiều, và nhìn ông, nhìn đôi giày của ông với vẻ không tin tưởng và xa cách. Không xa Pierre, một viên thiếu tá béo tốt mặc chiếc áo choàng Kazan, thắt lưng bằng khăn tắm, với khuôn mặt phù nề, vàng võ, giận dữ, đang đi, có vẻ như nhận được sự kính trọng chung từ các bạn tù binh đồng hành. Ông ta một tay ôm túi thuốc lá trước ngực, tay kia tựa vào tẩu thuốc. Viên thiếu tá, vừa thở hổn hển vừa thổi phì phò, lẩm bẩm và tức giận với tất cả mọi người vì dường như ông ta bị xô đẩy và mọi người đều vội vã khi chẳng có nơi nào để vội, mọi người đều ngạc nhiên về điều gì đó khi chẳng có gì đáng ngạc nhiên cả. Một viên sĩ quan khác nhỏ nhắn, gầy gò, trò chuyện với tất cả mọi người, đưa ra những giả định về việc họ đang bị dẫn đi đâu và họ sẽ đi được bao xa trong ngày hôm nay. Một viên chức, đi đôi ủng nỉ và mặc đồng phục bộ phận tiếp tế, chạy đi chạy lại từ các phía và quan sát Mát-xcơ-va bị cháy rụi, thông báo to những quan sát của

mình về những gì đã cháy và phần nào của Mát-xcơ-va có thể nhìn thấy được. Một viên sĩ quan thứ ba, gốc Ba Lan qua giọng nói, đang tranh luận với viên chức tiếp tế, chứng minh cho ông ta thấy rằng ông ta đã nhầm lẫn trong việc xác định các khu phố của Mát-xcơ-va.

– Tranh luận về cái gì thế ? – viên thiếu tá giận dữ nói. – Nikolas hay Vlasa – cũng thế cả thôi ; thấy không, tất cả đã cháy rụi rồi, thế là hết... Sao các người cứ xô đẩy thế, chẳng lẽ đường ít quá sao ? – ông ta quay sang người đi phía sau và chẳng hề xô đẩy ông ta.

– Ai, ai, ai, họ đã làm gì thế này ! – tuy nhiên, những tiếng nói từ phía này hoặc phía kia của những người tù binh vang lên, khi họ nhìn quanh những đám cháy. – Cả Zamoskvorechye, và Zubovo, và trong Điện Kremlin nữa... Nhìn xem, một nửa đã mất rồi. Chẳng phải tôi đã nói với các người sao, tất cả Zamoskvorechye đều như vậy.

– Nào, biết rồi, cái gì cháy thì đã cháy ; nào, có gì đâu mà bàn luận ! – viên thiếu tá nói.

Đi qua Khamovniki (một trong số ít các khu phố không bị cháy của Mát-xcơ-va) ngang qua nhà thờ, cả đám đông tù binh bỗng nhiên dạt sang một bên, và vang lên những tiếng kêu kinh hoàng và ghê tởm.

– Xem kìa, bọn khốn khiếp ! Đúng là lũ ngoại đạo. Kìa, xác chết, xác chết kìa... Bôi nhọ bằng cái gì thế không biết.

Pierre cũng tiến về phía nhà thờ, nơi có thứ gây ra những tiếng kêu đó, và mơ hồ nhìn thấy một thứ gì đó dựa vào hàng rào nhà thờ. Từ lời nói của các bạn đồng hành, những người nhìn rõ hơn ông, ông biết rằng đó là xác của một con người, được đặt đứng bên hàng rào và mặt bị bôi nhọ bằng nhọ nồi.

– Marchez, sacré nom... Filez... trente mille diables... – những lời chửi thề của đội hộ tống vang lên, và những người lính Pháp với sự căm phẫn mới đã dùng gươm đánh đuổi đám đông tù binh đang nhìn vào xác người chết.

XIV

Qua các con hẻm của Khamovniki, những người tù binh đi một mình với đội hộ tống và các xe cộ, xe chở quân nhu thuộc đoàn hộ tống và đi phía sau ; nhưng khi ra đến các kho lương thực, họ rơi vào giữa một đoàn xe pháo binh khổng lồ, di chuyển sát nhau, xen lẫn với các xe kéo tư nhân.

Tại chính cây cầu, tất cả dừng lại, chờ đợi những người đi trước tiến lên. Từ phía cây cầu, trước mắt những người tù binh mở ra những hàng dài vô tận của các đoàn xe vận tải khác đang di chuyển phía sau và phía trước. Sang bên phải, chỗ con đường Kaluga uốn cong, mất hút trong tầm xa, kéo dài những hàng dài vô tận của quân đội và các đoàn vận tải. Đó là những đội quân của quân đoàn Beauharnais đã đi ra trước đó ; phía sau, dọc theo bờ kè và qua cầu Kamenny, là quân đội và đoàn vận tải của Ney.

Quân đội của Davout, mà những người tù binh thuộc về, đi qua Krymsky Brod và một phần đã tiến vào phố Kaluzhskaya. Nhưng các đoàn vận tải kéo dài đến mức những xe cuối cùng của Beauharnais vẫn chưa ra khỏi Mát-xcơ-va vào phố Kaluzhskaya, còn đầu quân đội của Ney đã ra khỏi Bolshaya Ordynka.

Sau khi đi qua Krymsky Brod, các tù binh di chuyển vài bước rồi dừng lại, rồi lại di chuyển, và từ mọi phía, các xe cộ và con người càng lúc càng chen chúc nhau. Sau khi đi hơn một tiếng đồng hồ qua mấy trăm bước ngăn cách cây cầu với phố Kaluzhskaya và đi đến quảng trường nơi các phố Moskvoretskaya và Kaluzhskaya gặp nhau, những người tù binh bị ép thành một khối, dừng lại và đứng lại vài tiếng đồng hồ tại ngã tư này. Từ mọi phía đều nghe thấy những tiếng rì rầm không dứt, như tiếng sóng biển, tiếng bánh xe nghiến và tiếng chân giậm, và những tiếng quát tháo giận dữ, những lời chửi thề không ngớt. Pierre đứng, tựa lưng vào bức tường của một ngôi nhà bị cháy rụi, nghe âm thanh này, thứ trong trí tưởng tượng của ông hòa quyện với tiếng trống.

Vài sĩ quan tù binh, để nhìn rõ hơn, đã leo lên bức tường của ngôi nhà bị cháy rụi, dưới chân bức tường đó Pierre đang đứng.

– Đám đông kìa ! Ôi cái đám đông này !.. Và cả trên đại bác nữa ! Nhìn kìa, những tấm da... – họ nói. – Xem kìa, lũ khốn khiếp, chúng cướp bóc được bao nhiêu... Kìa, ở đằng sau người kia, trên chiếc xe kéo... Thề có Chúa, đó là từ bức tượng thánh đấy !.. Đó chắc chắn là bọn Đức rồi. Còn gã nông dân của chúng ta kìa, thề có

Chúa !.. Ôi, đồ khốn khiếp !.. Nhìn kìa, gã thồ đồ lên người, đi không nổi nữa rồi ! Kìa, cả xe ngựa nhẹ nữa mà chúng cũng chiếm được !.. Nhìn kìa, gã ngồi trên hòm đồ kìa. Lạy Chúa !.. đánh nhau rồi !..

– Cứ vào mặt nó mà nện, cứ vào mặt nó ! Có thế mới không phải đợi đến tối. Nhìn kìa, nhìn kìa... còn cái đó, chắc chắn là của chính Napoleon rồi. Thấy không, những con ngựa có chữ lồng với vương miện kìa. Ngôi nhà này là nhà gấp đấy. Đánh rơi bao tải rồi, không thấy sao. Lại đánh nhau rồi... Một người đàn bà với đứa trẻ, và không tệ đâu. Vâng, đúng thế ; chúng sẽ cho cô đi qua thế nào được... Nhìn kìa, và chẳng thấy kết thúc đâu cả. Những cô gái Nga kìa, thề có Chúa, những cô gái. Ngồi trong xe ngựa nhẹ mới thảnh thơi làm sao.

Lại một làn sóng tò mò chung trào lên, giống như ở gần nhà thờ ở Khamovniki, xô đẩy tất cả các tù binh ra phía con đường, và Pierre, nhờ tầm vóc của mình, đã nhìn thấy qua đầu những người khác cái thứ đã thu hút sự tò mò của các tù binh. Trong ba chiếc xe ngựa nhẹ, chen chúc giữa các xe chở đạn, những người phụ nữ trang điểm rực rỡ, má hồng rực, đang ngồi sát vào nhau, hét lên bằng giọng chói tai.

Từ giây phút đó, khi Pierre nhận ra sự xuất hiện của sức mạnh bí ẩn đó, dường như đối với ông không có gì

là lạ lùng hay kinh khủng nữa : không phải xác chết bị bôi nhọ bằng nhọ nồi để làm trò vui, cũng không phải những người phụ nữ này đang vội vã đi đâu đó, không phải những đám cháy của Mát-xcơ-va. Tất cả những gì Pierre thấy giờ đây không tạo ra cho ông gần như bất kỳ ấn tượng nào, như thể tâm hồn ông, chuẩn bị cho một cuộc đấu tranh gian khổ, đã từ chối tiếp nhận những ấn tượng có thể làm nó yếu đi.

Đoàn xe của những người phụ nữ đi qua. Sau họ lại kéo dài những xe kéo, binh lính, xe vận tải, binh lính, xe ngựa, binh lính, hòm đồ, binh lính ; thỉnh thoảng là phụ nữ.

Pierre không nhìn thấy con người riêng lẻ, mà thấy sự chuyển động của họ. Tất cả những con người, ngựa này như thể bị thúc đẩy bởi một sức mạnh vô hình nào đó. Tất cả họ trong suốt một giờ đồng hồ, trong thời gian mà Pierre quan sát họ, đã tuôn ra từ nhiều con phố khác nhau với cùng một mong muốn duy nhất là đi qua càng nhanh càng tốt ; tất cả họ đều như nhau, va chạm với những người khác, bắt đầu giận dữ, đánh nhau : những hàm răng trắng ởn ra, đôi lông mày cau lại, những lời chửi thề lặp đi lặp lại vang lên, và trên tất cả các gương mặt là cùng một biểu hiện trẻ trung – quyết đoán và tàn nhẫn – lạnh lùng, cái biểu hiện đã làm Pierre kinh ngạc

vào buổi sáng khi nghe tiếng trống trên gương mặt viên cai đội.

Gần tối, viên chỉ huy đội hộ tống tập hợp đội của mình và với tiếng quát tháo và tranh cãi đã chen vào giữa các xe vận tải, và những người tù binh, bị bao vây từ mọi phía, đã ra đến đường Kaluga.

Họ đi rất nhanh, không nghỉ ngơi, và chỉ dừng lại khi mặt trời đã bắt đầu lặn. Các đoàn vận tải chen lấn vào nhau, và mọi người bắt đầu chuẩn bị cho chỗ nghỉ đêm. Tất cả dường như giận dữ và bất mãn. Trong một thời gian dài, từ nhiều phía đều nghe thấy những lời chửi thề, những tiếng kêu giận dữ và những cuộc ẩu đả. Một chiếc xe ngựa đi phía sau đội hộ tống đã đâm vào xe vận tải của đội hộ tống và làm gãy cái càng của nó. Vài người lính từ nhiều phía chạy đến xe ngựa ; vài người đánh vào đầu những con ngựa, đang bị ghì chặt vào xe ngựa, đang quay chúng đi ; những người khác đánh nhau giữa họ, và Pierre thấy một người Đức bị thương nặng ở đầu bởi một nhát gươm.

Dường như tất cả những con người này giờ đây, khi họ dừng lại giữa cánh đồng trong buổi chiều tà lạnh lẽo của mùa thu, đều đang trải qua cùng một cảm giác thức tỉnh khó chịu khỏi nỗi vội vã đã chiếm lĩnh tất cả khi bắt đầu đi. Dừng lại, tất cả như thể hiểu rằng chưa biết

họ đang đi đâu, và trong cuộc hành quân này sẽ còn nhiều gian khổ và khó khăn.

Với những người tù binh tại trạm nghỉ này, đội hộ tống đối xử còn tệ hơn lúc bắt đầu đi. Tại trạm nghỉ này, lần đầu tiên thịt ngựa đã được phát cho các tù binh làm thức ăn.

Từ các sĩ quan cho đến người lính cuối cùng, đều có thể nhận thấy ở đội hộ tống một sự căm phẫn cá nhân như thể đối với từng người tù binh, một sự căm phẫn đã thay thế một cách bất ngờ cho những mối quan hệ thân thiện trước đây.

Sự căm phẫn này còn tăng thêm khi trong lúc đếm số tù binh, hóa ra trong lúc lộn xộn khi ra khỏi Mát-xcơ-va, một người lính Nga giả vờ đau bụng đã bỏ trốn. Pierre đã thấy một người Pháp đánh một người lính Nga vì anh ta đi quá xa khỏi con đường, và nghe thấy viên đại úy, bạn của ông, quở trách viên hạ sĩ quan vì vụ bỏ trốn của người lính Nga và đe dọa sẽ đưa anh ta ra tòa án quân sự. Trước lời bào chữa của viên hạ sĩ quan rằng người lính đó bị bệnh và không thể đi được, viên sĩ quan nói rằng lệnh là bắn bỏ những người tụt lại phía sau. Pierre cảm thấy rằng cái sức mạnh tàn khốc đó, cái sức mạnh đã nghiền nát ông trong lúc hành hình và cái sức mạnh mà trong thời gian bị bắt làm tù binh dường

như không còn nữa, giờ đây lại chiếm hữu sự tồn tại của ông. Ông thấy sợ hãi ; nhưng theo mức độ của những nỗ lực mà cái sức mạnh tàn khốc đó thực hiện để đè bẹp ông, trong tâm hồn ông lại lớn lên và mạnh mẽ hơn một sức mạnh sự sống độc lập với nó.

Pierre ăn tối bằng món súp làm từ bột lúa mạch đen với thịt ngựa và trò chuyện với các bạn đồng hành.

Cả Pierre lẫn bất kỳ ai trong số các bạn đồng hành của ông đều không nói về những gì họ đã thấy ở Mát-xcơ-va, hay về sự thô lỗ trong giao tiếp của người Pháp, hay về lệnh bắn bỏ những người tụt lại phía sau đã được thông báo cho họ : tất cả họ như thể đang phản kháng lại tình cảnh đang xấu đi, đặc biệt phấn chấn và vui vẻ. Họ nói về những kỷ niệm cá nhân, về những cảnh tượng nực cười đã thấy trong thời gian hành quân, và lảng tránh các cuộc trò chuyện về tình cảnh hiện tại.

Mặt trời đã lặn từ lâu. Những ngôi sao rực rỡ đã thắp sáng ở đâu đó trên bầu trời ; ánh sáng đỏ rực, giống như một đám cháy, ánh rạng đông của vầng trăng tròn đang mọc lan tỏa trên rìa bầu trời, và một quả cầu đỏ khổng lồ đung đưa một cách kỳ lạ trong làn sương mù xám xịt. Trời đã sáng rồi, nhưng đêm vẫn chưa bắt đầu. Pierre đứng dậy khỏi những người bạn đồng hành mới của mình và đi giữa các đống lửa sang phía bên kia con

đường, nơi ông được cho biết là có những người lính tù binh đang đứng. Ông muốn nói chuyện với họ. Trên đường đi, một lính canh người Pháp đã chặn ông lại và bắt ông quay lại.

Pierre quay lại, nhưng không phải về đống lửa, về phía các bạn đồng hành, mà về phía chiếc xe ngựa đã tháo ngựa, nơi không có ai cả. Ông ngồi xuống đất lạnh bên cạnh bánh xe ngựa, bó gối và cúi đầu, suy nghĩ. Hơn một tiếng đồng hồ trôi qua. Không ai làm phiền Pierre. Đột nhiên ông phá lên cười bằng tiếng cười trầm, béo tốt, nhân hậu của mình to đến mức từ nhiều phía, mọi người đều kinh ngạc ngoảnh lại nhìn con người cười một cách lạ lùng, rõ ràng là cô độc này.

– Ha-ha-ha ! – Pierre cười. Và ông nói thành tiếng với chính mình : – Người lính không cho tôi đi qua. Họ đã bắt được tôi, nhốt tôi lại. Họ giữ tôi trong cảnh tù đày. Ai là tôi ? Tôi ư ? Tôi ư – linh hồn bất tử của tôi ! Ha-ha-ha !.. Ha-ha-ha !.. – ông vừa cười vừa trào nước mắt.

Một người nào đó đứng dậy và đi đến xem cái con người to lớn này đang cười vì điều gì. Pierre ngừng cười, đứng dậy, đi ra xa khỏi người tò mò và nhìn quanh mình.

Tiếng nổ lách tách của những đống lửa và tiếng nói chuyện của mọi người, vốn trước đây ồn ào, nay đã yên tĩnh lại ; những ngọn lửa đỏ của các đống lửa đã tắt và nhạt đi. Vầng trăng tròn đầy ngự trị trên bầu trời sáng rực. Những cánh rừng và cánh đồng, vốn trước đây không thể nhìn thấy ngoài phạm vi trại lính, giờ đây mở ra ở phía xa. Và xa hơn nữa những cánh rừng và cánh đồng này là một tầm xa sáng sủa, nhấp nhô, vẫy gọi vào chính nó, một tầm xa vô tận. Pierre nhìn lên bầu trời, vào sâu thẳm của những ngôi sao đang lướt đi. «Và tất cả những thứ này là của tôi, và tất cả những thứ này ở trong tôi, và tất cả những thứ này là tôi !» Pierre nghĩ. «Và tất cả những thứ này họ đã bắt được và nhốt vào lán, rào bằng những tấm ván !» Ông mỉm cười và đi về phía các bạn đồng hành để nằm ngủ.

XV

Vào những ngày đầu tháng Mười, một viên nghị viên đã đến gặp Kutuzov với bức thư của Napoleon và đề nghị hòa bình, một đề nghị lừa dối từ Mátxcơ-va, khi mà Napoleon đã ở không xa phía trước Kutuzov trên con đường Kaluga cũ. Kutuzov đã trả lời bức thư này giống như bức thư đầu tiên, được gửi bởi Lauriston : ông nói rằng về hòa bình không thể có cuộc trò chuyện nào cả.

Ngay sau đó, từ đội du kích của Dorokhov, đang di chuyển về phía bên trái của Tarutino, đã nhận được báo cáo rằng quân đội đã xuất hiện ở Fominskoye, rằng những đội quân này gồm sư đoàn Broussier và sư đoàn này, tách biệt với các đội quân khác, có thể dễ dàng bị tiêu diệt. Các binh lính và sĩ quan lại đòi hỏi hoạt động. Các tướng lĩnh tham mưu, bị kích thích bởi những kỷ niệm về sự dễ dàng của chiến thắng tại Tarutino, đã nhấn mạnh với Kutuzov về việc thực hiện đề nghị của Dorokhov. Kutuzov không cho rằng cần có bất kỳ cuộc tấn công nào. Một phương án trung gian đã nảy ra, cái cần phải được thực hiện ; một đội quân nhỏ đã được gửi đến Fominskoye, đội quân này phải tấn công sư đoàn Broussier.

Thật là một sự tình cờ kỳ lạ, sự bổ nhiệm này – vốn là việc khó khăn nhất và quan trọng nhất, như sau này đã chứng tỏ – lại được trao cho Dokhturov, chính con người Dokhturov khiêm nhường, nhỏ bé ấy, người mà chẳng ai mô tả cho chúng ta thấy là đang vạch ra các kế hoạch tác chiến, xông pha trước các trung đoàn, hay tung những chiếc thánh giá lên các trận địa pháo, v.v., người bị coi và bị gọi là thiếu quyết đoán và thiếu sâu sắc ; nhưng chính Dokhturov đó, trong suốt các cuộc chiến tranh của Nga với quân Pháp, từ Austerlitz cho đến năm 13, chúng ta đều thấy ông nắm quyền chỉ huy ở khắp mọi nơi, bất cứ nơi nào tình thế trở nên khó khăn. Tại Austerlitz, ông là người cuối cùng ở lại bên đập Augest, tập hợp các trung đoàn, cứu vãn những gì có thể khi tất cả đều tháo chạy và hy sinh, và không một viên tướng nào còn ở lại trong quân hậu vệ. Ông, đang cơn sốt cao, tiến vào Smolensk với hai mươi ngàn quân để bảo vệ thành phố chống lại toàn bộ quân đội của Napoléon. Tại Smolensk, ông vừa chợp mắt được một lát ở cổng Malakhov trong cơn sốt kịch liệt, thì tiếng đại bác bắn vào Smolensk đã làm ông thức giấc, và Smolensk đã cầm cự được suốt cả ngày. Trong trận Borodino, khi Bagration bị tử thương và quân đội ở cánh trái của chúng ta bị tiêu diệt theo tỷ lệ 9 chọi 1, và toàn bộ sức mạnh của pháo binh Pháp hướng về phía đó, thì

không phải ai khác, mà chính là Dokhturov «thiếu quyết đoán và thiếu sâu sắc» được cử đến đó, và Kutuzov đã vội vàng sửa chữa sai lầm của mình khi trước đó đã cử một người khác. Và con người Dokhturov nhỏ bé, lặng lẽ ấy đã đi đến đó, và Borodino – là vinh quang rực rỡ nhất của quân đội Nga. Có rất nhiều anh hùng được mô tả cho chúng ta bằng thơ và văn xuôi, nhưng về Dokhturov thì hầu như không có lấy một lời.

Một lần nữa Dokhturov lại được cử đến đó, đến Fominskoye, và từ đó đến Maly Yaroslavets, đến chính nơi đã diễn ra trận chiến cuối cùng với quân Pháp, và đến nơi mà từ đó rõ ràng sự diệt vong của quân Pháp bắt đầu ; và một lần nữa có nhiều thiên tài và anh hùng được mô tả cho chúng ta trong giai đoạn này của chiến dịch, nhưng về Dokhturov thì không một lời, hoặc rất ít, hoặc một cách hồ nghi. Chính sự im lặng về Dokhturov này lại chứng minh rõ rệt nhất phẩm chất của ông.

Lẽ tự nhiên, đối với một người không hiểu được sự vận hành của cỗ máy, khi nhìn thấy nó hoạt động sẽ tưởng rằng phần quan trọng nhất của cỗ máy này là mảnh dăm gỗ vô tình rơi vào trong đó, cản trở chuyển động và rung bần bật trong ấy. Người không biết cấu tạo của cỗ máy không thể hiểu được rằng không phải mảnh dăm làm hỏng và cản trở công việc kia, mà chính

là bánh răng truyền động nhỏ bé, đang quay một cách lặng lẽ, mới là một trong những phần thiết yếu nhất của cỗ máy.

Ngày 10 tháng mười, đúng cái ngày mà Dokhturov đi được nửa quãng đường đến Fominskoye và dừng lại ở làng Aristovo, chuẩn bị thực hiện chính xác mệnh lệnh đã ban ra, thì toàn bộ quân đội Pháp, trong sự chuyển động co thắt của mình, tiến đến vị trí của Murat, dường như để giao chiến, bỗng nhiên không vì lý do gì quay ngoặt sang bên phải vào đường Kaluga mới và bắt đầu tiến vào Fominskoye, nơi trước đó chỉ có Broussier đóng quân. Dưới quyền chỉ huy của Dokhturov lúc này, ngoài Dorokhov ra, còn có hai phân đội nhỏ của Figner và Seslavin.

Tối ngày 11 tháng mười, Seslavin đến Aristovo gặp cấp trên cùng với một lính cận vệ Pháp bị bắt làm tù binh. Viên tù binh nói rằng những cánh quân vừa tiến vào Fominskoye là tiền vệ của toàn bộ đại quân, rằng chính Napoléon cũng đang ở đó, và toàn bộ quân đội đã rời khỏi Moscow được 5 ngày. Ngay tối hôm đó, một người dân sống ở sân trong từ Borovsk đến cũng kể lại cách anh ta nhìn thấy những đoàn quân khổng lồ tiến vào thành phố. Các lính Cossack từ phân đội của Dorokhov báo cáo rằng họ đã nhìn thấy đội cận vệ Pháp đang đi

dọc theo con đường dẫn đến Borovsk. Từ tất cả những tin tức này, rõ ràng là ở nơi mà họ định tìm thấy một sư đoàn, thì giờ đây là toàn bộ quân đội Pháp đang hành quân từ Moscow theo một hướng bất ngờ – theo đường Kaluga cũ. Dokhturov không muốn thực hiện bất kỳ biện pháp nào, vì giờ đây ông không thấy rõ nhiệm vụ của mình là gì. Ông được lệnh tấn công Fominskoye. Nhưng ở Fominskoye trước đây chỉ có một sư đoàn, còn giờ đây là toàn bộ quân đội Pháp. Ermolov muốn hành động theo ý mình, nhưng Dokhturov nhấn mạnh rằng ông cần phải có mệnh lệnh từ vị «điện hạ». Đã quyết định gửi báo cáo về tổng hành dinh.

Vì việc này, một sĩ quan thông minh là Bolkhovitinov đã được chọn, người ngoài bản báo cáo bằng văn bản, còn phải thuật lại mọi chuyện bằng lời. Vào lúc 12 giờ đêm, Bolkhovitinov nhận được phong bì và mệnh lệnh bằng lời, đã phi nước đại, cùng với một lính Cossack dẫn theo những con ngựa dự phòng, hướng về tổng hành dinh.

XVI

Đêm tối, ấm áp, một đêm thu. Cơn mưa phùn đã rơi được 4 ngày. Thay ngựa hai lần và trong một tiếng rưỡi đã phi được 30 dặm dọc theo con đường lầy lội, Bolkhovitinov vào giờ thứ hai của đêm đã có mặt ở Letashovka. Xuống ngựa bên một ngôi nhà tranh, bên hàng rào bện mà trên đó có tấm biển treo : «Tổng hành dinh», và bỏ mặc con ngựa, ông bước vào tiền sảnh tối tăm.

– Gọi viên tướng trực ban ngay đi ! Việc rất quan trọng ! – ông nói với ai đó đang đứng dậy và ngáp trong bóng tối tiền sảnh.

– Từ tối các ngài đã không khỏe rồi, đêm thứ ba không ngủ, – một giọng nói của người hầu vang lên một cách bênh vực. – Để ngài đại úy dậy trước đã.

– Rất quan trọng, từ tướng Dokhturov, – Bolkhovitinov nói, bước qua cánh cửa đang mở mà ông sờ soạng thấy.

Người hầu đi lên phía trước ông và bắt đầu đánh thức ai đó.

– Thưa ngài, thưa ngài, – liên lạc viên đây.

– Cái gì ? Cái gì ? Từ ai ? – một giọng nói ngái ngủ nào đó vang lên.

– Từ Dokhturov và từ Aleksey Petrovich. Napoléon ở Fominskoye, – Bolkhovitinov nói, không nhìn thấy người đang hỏi mình trong bóng tối, nhưng đoán qua giọng nói đó là Konovnitsyn.

Người vừa bị đánh thức ngáp và vươn vai.

– Đánh thức ông ấy tôi không muốn đâu, – ông ta vừa nói vừa sờ soạng tìm cái gì đó. – Ông ấy ốm nặng lắm! Có lẽ là tin đồn thôi.

– Đây là báo cáo, – Bolkhovitinov nói : – lệnh phải trình ngay cho viên tướng trực ban.

– Đợi chút, tôi thắp lửa đã. Ông để nó ở đâu rồi, đồ chết tiệt, cứ thọc vào là thế nào ? – người đang vươn vai nói với người hầu. (Đó là Shcherbinin, sĩ quan tùy tùng của Konovnitsyn.) – Tìm thấy rồi, thấy rồi, – ông ta nói thêm.

Người hầu đánh lửa, Shcherbinin sờ soạng tìm chân nến.

– Ôi, lũ chuột nhắt ! – ông ta nói với vẻ ghê tởm.

Dưới ánh sáng của tia lửa, Bolkhovitinov nhìn thấy khuôn mặt trẻ trung của Shcherbinin cùng cây nến và ở góc phía trước là một người đàn ông còn đang ngủ. Đó chính là Konovnitsyn.

Khi đầu tiên bằng ngọn lửa xanh rồi sau đó là màu đỏ, những que diêm bắt đầu bùng cháy trên miếng bổi, Shcherbinin thắp cây nến mỡ, từ chân nến những con gián đã gặm mòn nó bò chạy tứ tán, và ông ta xem xét người mang tin. Bolkhovitinov toàn thân dính bùn, và dùng tay áo lau mặt, ông ta bôi bùn khắp mặt mình.

– Ai báo cáo vậy ? – Shcherbinin hỏi, cầm lấy phong bì.

– Tin tức xác thực, – Bolkhovitinov nói. – Cả tù binh, cả lính Cossack, và cả gián điệp – tất cả đều nhất trí xác nhận cùng một điều.

– Chẳng còn cách nào khác, phải đánh thức thôi, – Shcherbinin nói, đứng dậy và đi về phía người đàn ông đội mũ ngủ, đắp chiếc áo choàng. – Pyotr Petrovich ! – ông ta nói. (Konovnitsyn không nhúc nhích.) – Tổng hành dinh ở ngay trước mắt ! – ông ta nói và mỉm cười, biết rằng những lời này chắc chắn sẽ làm ông thức giấc.

Và thực sự, cái đầu đội mũ ngủ lập tức ngẩng lên. Trên khuôn mặt đẹp đẽ, cương nghị của Konovnitsyn, với đôi gò má đỏ bừng vì sốt, trong chốc lát vẫn còn biểu hiện của những giấc mơ xa xôi so với thực tại, nhưng rồi đột nhiên ông rùng mình, khuôn mặt lấy lại vẻ điềm tĩnh và cương nghị thường ngày.

– Gì thế ? Từ ai ? – ông hỏi không vội vàng, nhưng lập tức nheo mắt trước ánh sáng.

Nghe báo cáo của viên sĩ quan, Konovnitsyn bóc phong bì và đọc. Vừa đọc xong, ông hạ chân xuống sàn đất trong đôi tất len và bắt đầu đi giày. Sau đó ông tháo mũ ngủ, chải tóc mai, đội mũ kê-pi.

– Anh đi đến đây có nhanh không ? Chúng ta đi gặp Điện hạ thôi.

Konovnitsyn hiểu ngay rằng tin tức mang đến có tầm quan trọng rất lớn và không thể trì hoãn. Tốt hay xấu, ông không nghĩ và không tự hỏi mình. Điều đó không làm ông quan tâm. Trên mọi vấn đề của chiến tranh, ông nhìn không phải bằng trí óc, không phải bằng sự suy xét, mà bằng một cái gì đó khác. Trong thẳm sâu tâm hồn ông có một niềm tin mãnh liệt, không thốt nên lời, rằng mọi chuyện sẽ tốt đẹp, nhưng không cần phải tin vào điều đó, và nhất là không cần phải nói về điều

đó, mà chỉ cần làm công việc của mình. Và công việc của mình thì ông đã làm, dâng hiến tất cả sức lực của mình.

Pyotr Petrovich Konovnitsyn, cũng giống như Dokhturov, dường như chỉ vì phép lịch sự mà được đưa vào danh sách những người gọi là anh hùng năm 1812 – những Barclay, Raevsky, Ermolov, Platov, Miloradovich – cũng giống như Dokhturov, ông có danh tiếng của một người có năng lực và kiến thức rất hạn chế, và cũng giống như Dokhturov, Konovnitsyn không bao giờ vạch ra các kế hoạch tác chiến, nhưng luôn có mặt ở những nơi khó khăn nhất ; luôn ngủ với cánh cửa mở toang kể từ khi ông được bổ nhiệm làm tướng trực ban, ra lệnh cho mọi liên lạc viên phải đánh thức mình ; luôn ở dưới làn đạn trong các trận chiến, đến nỗi Kutuzov đã trách mắng ông về điều đó và sợ phải cử ông đi ; và ông cũng giống như Dokhturov, là một trong những bánh răng nhỏ bé, lặng lẽ ấy, tạo nên phần thiết yếu nhất của cỗ máy.

Bước ra khỏi nhà tranh vào đêm tối, ẩm ướt, Konovnitsyn cau mày, một phần vì cơn đau đầu tăng lên, một phần vì ý nghĩ khó chịu nảy ra trong đầu ông về việc tất cả cái «tổ kiến» gồm những người có ảnh hưởng ở tổng hành dinh này bây giờ sẽ xôn xao vì tin

tức này như thế nào, đặc biệt là Bennigsen, người sau trận Tarutino đã «cơm chẳng lành, canh chẳng ngọt» với Kutuzov ; họ sẽ đưa ra đề nghị, tranh luận, ra lệnh, hủy bỏ như thế nào. Và linh cảm này thật khó chịu với ông, mặc dù ông biết rằng không thể tránh khỏi điều đó.

Thực vậy, Toll, người mà ông đã ghé qua để thông báo tin mới, lập tức bắt đầu trình bày những suy nghĩ của mình với viên tướng đang ở cùng phòng, còn Konovnitsyn, lặng lẽ và mệt mỏi lắng nghe, đã nhắc nhở ông ta rằng cần phải đi gặp Điện hạ.

XVII

Kutuzov, giống như tất cả những người già, ngủ rất ít vào ban đêm. Ban ngày ông thường bất ngờ chợp mắt ; nhưng ban đêm ông nằm trên giường mình, phần lớn là không cởi quần áo, không ngủ và suy nghĩ.

Ông đã nằm như vậy cả lúc này trên giường mình, tì cái đầu nặng nề, to lớn, bị biến dạng lên bàn tay mập mạp, và suy nghĩ, mắt mở to nhìn vào bóng tối.

Kể từ khi Bennigsen, người đang trao đổi thư từ với Hoàng đế và có ảnh hưởng lớn nhất ở tổng hành dinh, bắt đầu xa lánh ông, Kutuzov đã cảm thấy yên tâm hơn về phương diện đó, rằng người ta sẽ không bắt ông phải tham gia vào các hành động tấn công vô ích nữa. Bài học của trận Tarutino và đêm trước của nó, một kỷ niệm đau đớn đối với Kutuzov, cũng phải có tác dụng, ông nghĩ.

«Họ phải hiểu rằng chúng ta chỉ có thể thua nếu tấn công. Kiên nhẫn và thời gian – đó là những chiến binh anh hùng của ta !» Kutuzov nghĩ. Ông biết rằng không nên hái táo khi nó còn xanh. Nó sẽ tự rụng khi chín ; còn nếu anh hái khi còn xanh, anh sẽ làm hỏng quả táo và

cái cây, và chính anh sẽ bị ê răng. Ông, như một thợ săn kinh nghiệm, biết rằng con thú đã bị thương, bị thương theo cách mà chỉ có toàn bộ sức mạnh Nga mới có thể làm nó bị thương, nhưng nó đã bị thương chí mạng hay chưa, đó vẫn là một câu hỏi chưa được giải đáp. Bây giờ, qua những lá thư do Lauriston và Berthier gửi đến và qua báo cáo của các quân du kích, Kutuzov gần như đã biết rằng nó đã bị thương chí mạng. Nhưng cần thêm những bằng chứng nữa, cần phải chờ đợi.

«Họ muốn chạy đến xem họ đã giết nó như thế nào. Hãy đợi đi, rồi các người sẽ thấy. Toàn là thao diễn, toàn là tấn công !» ông nghĩ. «Để làm gì ? Để lập công! Hình như có gì đó vui vẻ trong việc đánh nhau. Họ đúng là trẻ con, từ những đứa trẻ đó chẳng thể làm nên chuyện gì, vì tất cả bọn họ đều muốn chứng minh cách họ biết đánh nhau. Nhưng bây giờ chuyện đó không phải là vấn đề».

«Và họ đề xuất cho ta những cuộc thao diễn khéo léo biết bao ! Họ tưởng rằng khi họ nghĩ ra hai hay ba phương án ngẫu nhiên (ông nhớ lại kế hoạch chung từ Petersburg), họ đã nghĩ ra tất cả chúng. Mà chúng thì không sao kể xiết !»

Câu hỏi chưa có lời giải về việc vết thương gây ra tại Borodino có chí mạng hay không, đã treo lơ lửng trên

đầu Kutuzov suốt một tháng trời. Một mặt, quân Pháp đã chiếm đóng Moscow. Mặt khác, Kutuzov cảm thấy chắc chắn bằng cả tâm hồn mình rằng cái đòn khủng khiếp ấy, mà ông cùng toàn thể nhân dân Nga đã tung ra, chắc chắn phải là chí mạng. Nhưng trong mọi trường hợp, cần phải có bằng chứng, và ông đã chờ đợi chúng suốt một tháng, và thời gian trôi qua càng lâu, ông càng trở nên mất kiên nhẫn. Nằm trên giường trong những đêm mất ngủ, ông đã làm chính cái việc mà đám thanh niên tướng lĩnh này đã làm, chính cái việc mà ông đã trách mắng họ. Ông đã nghĩ ra tất cả các trường hợp có thể xảy ra cũng giống như đám thanh niên, nhưng với sự khác biệt duy nhất là ông không dựa trên bất cứ điều gì từ những giả định này và ông đã nhìn thấy chúng không phải là hai hay ba, mà là hàng ngàn. Thời gian càng trôi đi, ông càng nghĩ nhiều hơn. Ông đã nghĩ ra đủ loại di chuyển của quân đội Napoléon, toàn bộ hoặc từng phần, – tiến về Petersburg, đánh tạt sườn ông, ông đã nghĩ ra (điều mà ông sợ nhất) trường hợp Napoléon sẽ chiến đấu chống lại ông bằng chính vũ khí của ông, rằng hắn ta sẽ ở lại Moscow, chờ đợi ông. Kutuzov thậm chí còn nghĩ ra sự di chuyển của quân đội Napoléon ngược trở lại Medyn và Yukhnov ; nhưng có một điều ông không thể tiên đoán được, đó là cái điều đã xảy ra, cái sự di chuyển điên cuồng, co thắt của quân đội Napoléon

trong suốt 11 ngày đầu tiên kể từ khi rời khỏi Moscow, – sự di chuyển đã làm cho cái điều mà Kutuzov chưa dám nghĩ đến lúc bấy giờ trở nên có thể : sự tiêu diệt hoàn toàn quân Pháp. Những báo cáo của Dorokhov về sư đoàn Broussier, những tin tức từ các quân du kích về thảm cảnh của quân đội Napoléon, những tin đồn về việc chuẩn bị rời khỏi Moscow – tất cả đều xác nhận giả định rằng quân đội Pháp đã bị đánh bại và chuẩn bị tháo chạy ; nhưng đây chỉ là những giả định có vẻ quan trọng đối với đám thanh niên, nhưng không phải đối với Kutuzov. Với kinh nghiệm 60 năm của mình, ông biết cái giá trị cần đặt vào những tin đồn, ông biết những người muốn đạt được điều gì đó sẽ cố tình xuyên tạc tất cả các tin tức như thế nào để chúng có vẻ như xác nhận điều họ mong muốn, và ông biết rằng trong trường hợp này họ sẵn sàng bỏ qua mọi điều mâu thuẫn như thế nào. Và ông càng mong muốn điều này bao nhiêu, ông càng ít cho phép mình tin vào nó bấy nhiêu. Vấn đề này chiếm trọn mọi sức lực tinh thần của ông. Tất cả những điều còn lại đối với ông chỉ là sự thực hiện thói quen của cuộc sống. Đó là những cuộc trò chuyện quen thuộc với các sĩ quan tham mưu, những lá thư gửi cho bà Stahl mà ông viết từ Tarutino, việc đọc tiểu thuyết, việc ban thưởng, trao đổi thư từ với Petersburg, v.v. Nhưng sự diệt vong của quân Pháp, điều mà chỉ một mình ông

tiên đoán được, là mong muốn duy nhất, duy nhất của tâm hồn ông.

Vào đêm ngày 11 tháng mười, ông đang nằm, tì tay lên bàn tay, và suy nghĩ về điều đó.

Ở căn phòng bên cạnh có tiếng động đậy, và tiếng bước chân của Toll, Konovnitsyn và Bolkhovitinov vang lên.

– Ê, ai ở đó đấy ? Vào đi, vào đi ! Có gì mới không? – thống chế gọi họ.

Trong khi người hầu châm nến, Toll kể lại nội dung của tin tức.

– Ai mang đến ? – Kutuzov hỏi với khuôn mặt khiến Toll phải kinh ngạc vì vẻ nghiêm khắc lạnh lùng của nó khi nến đã được thắp lên.

– Không thể có sự nghi ngờ nào nữa, thưa Điện hạ.

– Gọi nó, gọi nó vào đây !

Kutuzov ngồi dậy, buông một chân xuống giường và tì cái bụng to lớn lên chân kia đang co lại. Ông nheo cái mắt còn nhìn được của mình để quan sát người vừa mang tin kỹ hơn, như thể muốn đọc trong nét mặt người đó những gì đang chiếm lấy tâm trí ông.

– Nói đi, nói đi, bạn hiền, – ông nói với Bolkhovitinov bằng giọng già nua, trầm lặng, che đi lồng ngực đang để trần trong chiếc áo sơ mi phanh ra. – Lại đây, lại đây gần hơn. Anh mang tin gì đến cho ta ? Có phải Napoléon đã rời khỏi Moscow không ? Thật vậy sao ?

Bolkhovitinov báo cáo chi tiết lúc đầu tất cả những gì anh ta được lệnh.

– Nói đi, nói nhanh lên, đừng làm khổ tâm ta nữa, – Kutuzov ngắt lời anh ta.

Bolkhovitinov kể hết rồi im lặng, chờ đợi mệnh lệnh. Toll bắt đầu nói gì đó, nhưng Kutuzov ngắt lời ông ta. Ông muốn nói điều gì đó, nhưng đột nhiên khuôn mặt ông co rúm lại, nhăn nhó ; ông xua tay về phía Toll, quay sang phía góc đối diện của căn phòng, phía góc treo những bức thánh tượng đã đen sạm vì khói.

– Lạy Chúa, Đấng tạo hóa của con ! Ngài đã nghe thấu lời cầu nguyện của chúng con... – ông nói bằng giọng run rẩy, chắp tay lại. – Nước Nga đã được cứu. Cảm tạ Ngài, lạy Chúa. – Và ông đã khóc.

XVIII

Kể từ khi có tin tức này cho đến khi kết thúc chiến dịch, toàn bộ hoạt động của Kutuzov chỉ bao gồm việc dùng quyền lực, mưu mẹo, và lời khẩn cầu để giữ quân đội của mình khỏi những cuộc tấn công, thao diễn và đụng độ vô ích với quân thù đang chết dần. Dokhturov tiến về Maly Yaroslavets, nhưng Kutuzov chần chừ với toàn bộ quân đội và ra lệnh di tản khỏi Kaluga, một cuộc rút lui mà ông thấy là hoàn toàn có thể xảy ra.

Kutuzov rút lui ở khắp mọi nơi, nhưng kẻ thù, không đợi ông rút lui, đã tháo chạy ngược lại theo hướng ngược lại.

Những sử gia của Napoléon mô tả cho chúng ta thấy cuộc thao diễn khéo léo của hắn tại Tarutino và Maly Yaroslavets và đưa ra những giả định về điều gì sẽ xảy ra nếu Napoléon kịp xâm nhập vào các tỉnh miền Nam màu mỡ.

Nhưng, không nói đến việc không có gì ngăn cản Napoléon tiến vào các tỉnh miền Nam này (vì quân đội Nga đã mở đường cho hắn), các sử gia đã quên mất rằng quân đội của Napoléon không thể được cứu vãn bởi bất

cứ điều gì, vì chính nó đã mang trong mình những điều kiện tất yếu của sự diệt vong. Tại sao quân đội này, vốn đã tìm thấy nguồn lương thực dồi dào ở Moscow và không thể giữ được nó, mà lại giẫm đạp dưới chân mình, quân đội này, khi đến Smolensk, đã không xem xét lương thực mà lại cướp bóc nó, tại sao quân đội đó lại có thể hồi phục ở tỉnh Kaluga, nơi sinh sống của chính những người Nga đó, cũng như ở Moscow, và với chính cái đặc tính đốt cháy những gì họ đốt cháy đó ?

Quân đội đó không thể hồi phục ở bất cứ đâu. Sau trận Borodino và việc cướp bóc Moscow, nó đã mang trong mình những điều kiện hóa học của sự phân rã.

Những con người của quân đội cũ này đã chạy trốn cùng các thủ lĩnh của họ, chính họ cũng không biết là chạy đi đâu, mong muốn (Napoléon và mỗi người lính) chỉ một điều duy nhất : thoát ra khỏi tình cảnh bế tắc mà dù không rõ ràng, nhưng tất cả họ đều ý thức được một cách nhanh nhất có thể.

Chỉ vì lý do đó, tại cuộc họp ở Maly Yaroslavets, khi giả vờ rằng họ – các tướng lĩnh – đang hội ý, đưa ra các ý kiến khác nhau, thì ý kiến cuối cùng của người lính chất phác Mouton, người đã nói điều mà tất cả đều nghĩ, rằng chỉ cần rời đi càng sớm càng tốt, đã khóa chặt miệng tất cả mọi người, và không ai, kể cả Napoléon,

có thể nói bất cứ điều gì chống lại sự thật được tất cả mọi người thừa nhận này.

Nhưng mặc dù tất cả đều biết rằng cần phải rời đi, vẫn còn cái cảm giác xấu hổ vì phải tháo chạy. Và cần có một cú hích bên ngoài để vượt qua sự xấu hổ này. Và cú hích này đã xuất hiện đúng lúc. Đó là cái gọi là «le Hourra de l'Empereur» của quân Pháp.

Ngày hôm sau sau cuộc họp, Napoléon dậy sớm vào buổi sáng, giả vờ muốn kiểm tra quân đội và chiến trường đã qua và tương lai, cùng với đoàn tùy tùng gồm các nguyên soái và đội cận vệ, hắn cưỡi ngựa đi giữa các hàng quân. Các lính Cossack, những kẻ đang lùng sục khắp nơi để tìm chiến lợi phẩm, đã chạm trán với chính hoàng đế và suýt chút nữa đã bắt được hắn. Nếu các lính Cossack không bắt được Napoléon lần này, thì chính cái điều đã tiêu diệt quân Pháp đã cứu hắn : đó là chiến lợi phẩm, thứ mà ở Tarutino và ở đây, khiến quân lính bỏ mặc con người, lao vào cướp bóc. Họ, không chú ý đến Napoléon, đã lao vào cướp bóc, và Napoléon đã kịp trốn thoát.

Khi mà chính «les enfants du Don» (những đứa con của vùng sông Đông) suýt nữa đã bắt được hoàng đế ở giữa quân đội của hắn, thì rõ ràng là chẳng còn gì để làm nữa, ngoài việc tháo chạy càng nhanh càng tốt

theo con đường quen thuộc gần nhất. Napoléon, với cái bụng 40 tuổi của mình, không còn cảm thấy trong mình sự nhanh nhẹn và dũng cảm như trước nữa, đã hiểu ra gợi ý này. Và dưới ảnh hưởng của nỗi sợ hãi mà hắn đã nếm trải từ các lính Cossack, hắn lập tức đồng ý với Mouton và đưa ra, như các sử gia nói, lệnh rút lui theo đường Smolensk.

Việc Napoléon đồng ý với Mouton và quân đội rút lui không chứng minh rằng hắn đã ra lệnh đó, mà chứng minh rằng những sức mạnh tác động lên toàn bộ quân đội, theo nghĩa hướng nó về phía đường Mozhaisk, đã đồng thời tác động lên cả Napoléon.

XIX

Khi một con người đang di chuyển, anh ta luôn tự nghĩ ra cho mình một mục đích của sự di chuyển đó. Để đi được một ngàn dặm, con người cần phải nghĩ rằng có cái gì đó tốt đẹp đang chờ đợi sau một ngàn dặm đó. Cần phải có một hình ảnh về vùng đất hứa để có đủ sức lực mà di chuyển.

Vùng đất hứa khi quân Pháp tấn công là Moscow, khi rút lui là quê hương. Nhưng quê hương thì quá xa, và đối với một người đi bộ một ngàn dặm, chắc chắn cần phải tự nhủ mình, quên đi mục đích cuối cùng, rằng hôm nay mình sẽ đi được 40 dặm đến một nơi nghỉ ngơi và ngủ lại ; và trong chặng hành trình đầu tiên này, nơi nghỉ ngơi che lấp mục đích cuối cùng và tập trung vào mình tất cả những mong muốn và hy vọng. Những nỗ lực đó, được thể hiện ở từng cá nhân, luôn gia tăng trong đám đông.

Đối với quân Pháp đang quay trở lại theo đường Smolensk cũ, mục đích cuối cùng là quê hương thì quá xa vời, và mục đích gần nhất, cái mà trong sự tỷ lệ khổng lồ đã gia tăng trong đám đông, cái mà tất cả mong muốn và hy vọng tập trung vào, là Smolensk. Không phải vì họ biết rằng ở Smolensk có nhiều lương thực

và quân tiếp viện, không phải vì họ được bảo như vậy (ngược lại, các cấp chỉ huy quân đội và chính Napoléon đều biết rằng ở đó có rất ít lương thực), mà bởi vì chỉ có điều đó mới có thể cho họ sức mạnh để di chuyển và chịu đựng những gian khổ hiện tại, họ, cả những người đã biết và những người không biết, đều lừa dối mình như nhau, khao khát Smolensk như khao khát vùng đất hứa.

Bước ra con đường lớn, quân Pháp với một năng lượng đáng kinh ngạc, với một tốc độ chưa từng thấy, đã chạy về phía mục đích hư ảo của mình. Ngoài lý do này của sự khao khát chung, vốn gắn kết đám đông quân Pháp thành một khối thống nhất và mang lại cho họ một năng lượng nào đó, còn có một lý do khác, gắn kết họ lại. Lý do đó nằm ở số lượng của họ. Chính khối lượng khổng lồ của họ, theo định luật hấp dẫn vật lý, đã thu hút các cá nhân về phía mình – con người. Họ di chuyển với khối lượng hàng trăm ngàn người của mình, như một quốc gia nguyên vẹn.

Mỗi người trong số họ chỉ muốn một điều – đầu hàng làm tù binh, thoát khỏi tất cả những nỗi kinh hoàng và bất hạnh. Nhưng, một mặt, sức mạnh của sự khao khát chung hướng về mục đích Smolensk đã lôi kéo mỗi người theo cùng một hướng ; mặt khác, một quân đoàn

không thể đầu hàng một đại đội, và mặc dù quân Pháp đã lợi dụng mọi cơ hội thuận tiện để tách khỏi nhau và đầu hàng trước cái cớ lịch sự nhỏ nhất, nhưng những cái cớ này không phải lúc nào cũng xảy ra. Chính số lượng của họ và sự di chuyển dày đặc, nhanh chóng đã tước đi của họ khả năng này và làm cho người Nga không chỉ gặp khó khăn, mà còn không thể ngăn chặn được sự di chuyển này, vốn tập trung toàn bộ năng lượng của khối quân Pháp. Sự chia cắt cơ học của khối cơ thể đó không thể đẩy nhanh hơn nữa quá trình phân rã đã diễn ra.

Tuyết không thể tan chảy ngay lập tức. Có một giới hạn thời gian nhất định, mà trước đó không có nỗ lực nhiệt lượng nào có thể làm tan chảy tuyết. Ngược lại, nhiệt độ càng cao thì lớp tuyết còn lại càng trở nên cứng hơn.

Trong số các nhà quân sự Nga, không ai, ngoại trừ Kutuzov, hiểu được điều đó. Khi hướng chạy trốn của quân đội Pháp theo đường Smolensk đã được xác định, thì cái điều mà Konovnitsyn đã tiên đoán vào đêm ngày 11 tháng mười bắt đầu trở thành hiện thực. Tất cả các cấp chỉ huy cấp cao của quân đội đều muốn lập công, cắt đứt đường, chặn đánh, vây hãm, lật đổ quân Pháp, và tất cả đều yêu cầu tấn công.

Chỉ một mình Kutuzov dùng tất cả sức lực của mình (sức lực này vốn không lớn ở mỗi vị tổng tư lệnh) để chống lại cuộc tấn công.

Ông không thể nói với họ những gì chúng ta đang nói bây giờ : tại sao phải giao chiến và chặn đường, và tiêu tốn người của mình, và tiêu diệt một cách vô nhân đạo những kẻ khốn khổ ; tại sao phải làm tất cả những điều đó, khi từ Moscow đến Vyazma mà không có trận đánh nào, một phần ba đội quân này đã tan rã. Nhưng ông đã nói với họ, rút ra từ sự khôn ngoan của tuổi già, điều mà họ có thể hiểu được, – ông nói với họ về một chiếc cầu vàng ; và họ cười nhạo ông, vu khống ông, và giận dữ, và xông xáo, và đắc thắng trước con thú bị giết.

Dưới Vyazma, Yermolov, Miloradovich, Platov và những người khác, ở gần người Pháp, không thể kiềm chế được mong muốn cắt đứt và lật đổ hai quân đoàn Pháp. Thay vì báo cáo, họ đã gửi cho Kutuzov, thông báo cho ông về ý định của mình, một tờ giấy trắng trong phong bì.

Và Kutuzov dù có cố gắng giữ chân quân đội đến thế nào, quân đội của chúng ta vẫn tấn công, cố gắng chặn đường. Các trung đoàn bộ binh, như người ta kể lại, đã xông vào tấn công với tiếng nhạc và tiếng trống, đã chiến thắng và mất hàng ngàn người.

Nhưng cắt đứt – không cắt đứt được ai và không lật đổ được ai. Và quân đội Pháp, thắt chặt hơn vì nguy hiểm, vẫn tiếp tục, dần tan rã, trên con đường diệt vong của mình về phía Smolensk.

PHẦN THỨ BA

I

Trận Borodino cùng với việc chiếm đóng Moscow sau đó và cuộc tháo chạy của người Pháp, không có những trận đánh mới, là một trong những hiện tượng mang tính giáo huấn nhất của lịch sử.

Tất cả các nhà sử học đều đồng ý rằng hoạt động đối ngoại của các quốc gia và dân tộc, trong những cuộc đụng độ giữa họ, được thể hiện qua các cuộc chiến tranh ; rằng trực tiếp, sau những thành công quân sự lớn hay nhỏ, sức mạnh chính trị của các quốc gia và dân tộc tăng lên hoặc giảm đi.

Dù các mô tả lịch sử về việc một vị vua hay hoàng đế nào đó, sau khi cãi vã với một hoàng đế hoặc vị vua khác, đã tập hợp quân đội, chiến đấu với quân đội của kẻ thù, giành chiến thắng, giết chết ba, năm, mười ngàn người, và kết quả là chinh phục được một quốc gia và cả một dân tộc hàng triệu người có kỳ lạ đến đâu ; dù thật khó hiểu tại sao thất bại của một quân đội, một phần trăm của tất cả các lực lượng của một dân tộc, lại khiến dân tộc đó phải phục tùng, – tất cả các sự kiện lịch sử (trong chừng mực chúng ta biết được) đều xác nhận

tính đúng đắn của việc những thành công quân sự lớn hay nhỏ của quân đội một dân tộc chống lại quân đội của một dân tộc khác là nguyên nhân hoặc, ít nhất là, những dấu hiệu quan trọng của sự tăng lên hoặc giảm đi sức mạnh của các dân tộc. Quân đội giành chiến thắng, và ngay lập tức quyền lợi của dân tộc chiến thắng tăng lên gây thiệt hại cho dân tộc bị đánh bại. Quân đội chịu thất bại, và ngay lập tức, theo mức độ thất bại, dân tộc bị tước bỏ quyền lợi, và khi quân đội thất bại hoàn toàn, dân tộc đó hoàn toàn bị chinh phục.

Đã từng như vậy (theo lịch sử) từ thời cổ đại cho đến tận ngày nay. Tất cả các cuộc chiến tranh của Napoleon đều là minh chứng cho quy tắc này. Theo mức độ thất bại của quân đội Áo, Áo bị tước bỏ quyền lợi, và quyền lợi và sức mạnh của Pháp tăng lên. Chiến thắng của người Pháp dưới Jena và Auerstädt đã tiêu diệt sự tồn tại độc lập của Phổ.

Nhưng đột nhiên vào năm 1812, người Pháp giành được chiến thắng dưới Moscow, Moscow bị chiếm và sau đó, không có những trận đánh mới, không phải Nga ngừng tồn tại, mà là đội quân 600 ngàn người ngừng tồn tại, sau đó là nước Pháp của Napoleon. Kéo giãn các sự kiện theo các quy tắc của lịch sử, nói rằng bãi chiến trường ở Borodino vẫn thuộc về người Nga, rằng

sau Moscow đã có những trận đánh tiêu diệt quân đội của Napoleon, là điều không thể.

Sau chiến thắng Borodino của người Pháp, không có một trận đánh nào không chỉ là tổng lực, mà còn là quan trọng đáng kể, vậy mà quân đội Pháp lại ngừng tồn tại. Điều đó nghĩa là gì ? Nếu đây là một ví dụ từ lịch sử Trung Quốc, chúng ta có thể nói rằng hiện tượng này không mang tính lịch sử (một kẽ hở của các nhà sử học khi điều gì đó không phù hợp với khuôn mẫu của họ) ; nếu đây là những cuộc xung đột ngắn ngày, trong đó có một số lượng nhỏ quân đội tham gia, chúng ta có thể coi hiện tượng này là ngoại lệ ; nhưng sự kiện này đã diễn ra trước mắt cha ông chúng ta, những người mà đối với họ câu hỏi về sự sống còn của tổ quốc đang được quyết định, và cuộc chiến này là cuộc chiến vĩ đại nhất trong tất cả các cuộc chiến đã biết.

Giai đoạn của chiến dịch năm 1812 từ trận Borodino đến khi đánh đuổi người Pháp đã chứng minh rằng một trận chiến thắng lợi không chỉ không phải là nguyên nhân của cuộc chinh phục, mà thậm chí không phải là một dấu hiệu thường xuyên của cuộc chinh phục, – đã chứng minh rằng sức mạnh quyết định vận mệnh của các dân tộc không nằm ở các nhà chinh phục, thậm chí

không nằm ở quân đội và các trận đánh, mà nằm ở một điều gì đó khác.

Các nhà sử học Pháp, mô tả tình trạng của quân đội Pháp trước khi rời khỏi Moscow, khẳng định rằng tất cả trong đại quân đều có trật tự, ngoại trừ kỵ binh, pháo binh và xe vận tải, và không có cỏ khô làm thức ăn cho ngựa và gia súc lớn. Tai họa này không gì có thể giúp được, vì những người nông dân xung quanh đã đốt cỏ khô của mình và không đưa cho người Pháp.

Trận chiến thắng lợi đã không mang lại những kết quả thông thường, bởi vì những người nông dân Karp và Vlas, những người sau khi người Pháp rút lui đã đến Moscow với những chiếc xe để cướp bóc thành phố và nói chung không thể hiện cá nhân những cảm xúc anh hùng, và toàn bộ vô số những người nông dân như vậy đã không chở cỏ khô đến Moscow để lấy những món tiền hậu hĩnh mà người ta đề nghị, mà đã đốt nó.

Hãy tưởng tượng hai người ra đấu tay đôi với những thanh kiếm theo tất cả các quy tắc của nghệ thuật đấu kiếm ; cuộc đấu kiếm kéo dài khá lâu ; đột nhiên một trong những đối thủ, cảm thấy mình bị thương, hiểu rằng chuyện này không phải trò đùa mà liên quan đến mạng sống của mình, đã vứt kiếm đi và cầm lấy chiếc gậy đầu tiên bắt gặp, bắt đầu vung nó lên. Nhưng hãy

tưởng tượng rằng đối thủ, người đã sử dụng một cách khôn ngoan phương tiện tốt nhất và đơn giản nhất để đạt được mục tiêu, đồng thời tràn đầy những truyền thống của tinh thần hiệp sĩ, muốn che giấu thực chất của sự việc và nhấn mạnh rằng anh ta đã chiến thắng bằng thanh kiếm theo tất cả các quy tắc của nghệ thuật. Có thể tưởng tượng ra sự nhầm lẫn và không rõ ràng nào nảy sinh từ những mô tả như vậy về cuộc đấu tay đôi đã diễn ra.

Người đấu kiếm đòi hỏi cuộc chiến theo quy tắc là người Pháp ; đối thủ của anh ta, người đã vứt kiếm và cầm lấy chiếc gậy, là người Nga ; những người cố gắng giải thích mọi thứ theo quy tắc đấu kiếm là những nhà sử học đã viết về sự kiện này.

Kể từ khi đám cháy Smolensk bắt đầu, một cuộc chiến tranh đã nổ ra không phù hợp với bất kỳ truyền thống chiến tranh cũ nào. Việc đốt cháy các thành phố và làng mạc, việc rút lui sau các trận đánh, đòn đánh Borodino và lại rút lui, đám cháy Moscow, việc bắt giữ những kẻ cướp bóc, việc chặn các phương tiện vận tải, chiến tranh du kích – tất cả đó là những sự rút lui khỏi quy tắc.

Napoleon cảm nhận được điều này và kể từ chính thời điểm đó, khi ông ta trong tư thế đấu kiếm chuẩn

mực dừng lại ở Moscow và thay vì thanh kiếm của đối thủ lại nhìn thấy chiếc gậy đang giơ lên trên đầu mình, ông ta không ngừng than phiền với Kutuzov và Hoàng đế Alexander rằng cuộc chiến đang diễn ra trái với mọi quy tắc (như thể có tồn tại một số quy tắc nào đó để giết người). Bất chấp những lời phàn nàn của người Pháp về việc không tuân thủ các quy tắc, bất chấp việc những người Nga ở cấp cao cảm thấy xấu hổ vì một lý do nào đó khi phải đánh nhau bằng gậy, mà lại muốn đứng vào vị trí en quarte hay en tierce theo tất cả các quy tắc, thực hiện một cú đâm điêu luyện trong prime v.v. – chiếc gậy của cuộc chiến tranh nhân dân đã giơ lên với tất cả sức mạnh đe dọa và uy nghiêm của nó và, không hỏi ý kiến về thị hiếu và quy tắc của bất kỳ ai, với sự đơn giản ngớ ngẩn nhưng có mục đích, không phân biệt bất cứ điều gì, đã giơ lên, hạ xuống và nện người Pháp cho đến khi toàn bộ cuộc xâm lược bị tiêu diệt.

Và phúc cho dân tộc đó, khi không giống như người Pháp năm 1813, chào đón theo tất cả các quy tắc của nghệ thuật và lật ngược thanh kiếm bằng chuôi lên, trao nó một cách duyên dáng và lịch sự cho vị khách chiến thắng hào hiệp, mà phúc cho dân tộc đó, khi trong phút thử thách, không hỏi về việc những người khác đã hành động như thế nào theo quy tắc trong những trường hợp tương tự, với sự đơn giản và dễ dàng đã cầm lấy chiếc

gậy đầu tiên bắt gặp và nện bằng nó cho đến khi trong lòng cảm giác bị xúc phạm và trả thù không còn được thay thế bằng sự khinh bỉ và lòng thương hại.

II

Một trong những cuộc rút lui rõ rệt nhất và có lợi nhất khỏi cái gọi là quy tắc chiến tranh là hành động của những người tản mát chống lại những người tụ tập thành đám đông. Loại hành động này luôn thể hiện trong một cuộc chiến tranh mang tính chất nhân dân. Những hành động này bao gồm việc thay vì trở thành một đám đông chống lại một đám đông, mọi người tản ra, tấn công riêng lẻ và ngay lập tức bỏ chạy khi bị tấn công bằng lực lượng lớn, và sau đó lại tấn công khi có cơ hội. Điều này đã được những người guerillas thực hiện ở Tây Ban Nha ; điều này đã được những người miền núi thực hiện ở Kavkaz ; điều này đã được người Nga thực hiện vào năm 1812.

Cuộc chiến thuộc loại này được gọi là chiến tranh du kích và người ta cho rằng, khi gọi tên nó như vậy, họ đã giải thích được ý nghĩa của nó. Trong khi đó, loại chiến tranh này không chỉ không phù hợp với bất kỳ quy tắc nào, mà còn trái ngược trực tiếp với một quy tắc chiến thuật nổi tiếng và được công nhận là không thể sai lầm. Quy tắc đó nói rằng người tấn công phải tập trung quân đội của mình sao cho vào thời điểm chiến đấu mạnh hơn đối thủ.

Chiến tranh du kích (luôn thành công, như lịch sử cho thấy) trực tiếp mâu thuẫn với quy tắc này.

Sự mâu thuẫn này nảy sinh từ việc khoa học quân sự coi sức mạnh của quân đội đồng nhất với số lượng của họ. Khoa học quân sự nói rằng quân đội càng đông thì sức mạnh càng lớn. Les gros bataillons ont toujours raison.

Nói như vậy, khoa học quân sự giống như môn cơ học đó, dựa trên việc xem xét các lực lượng chỉ liên quan đến khối lượng của chúng, sẽ nói rằng các lực lượng là bằng nhau hoặc không bằng nhau vì khối lượng của chúng là bằng nhau hoặc không bằng nhau.

Sức mạnh (lượng chuyển động) là tích của khối lượng và vận tốc.

Trong quân sự, sức mạnh của quân đội cũng là tích của khối lượng nhân với một cái gì đó chưa biết x.

Khoa học quân sự, nhìn thấy trong lịch sử vô số ví dụ về việc khối lượng quân đội không trùng khớp với sức mạnh, rằng những đơn vị nhỏ đánh bại những đơn vị lớn, đã mơ hồ thừa nhận sự tồn tại của nhân tử chưa biết này và cố gắng tìm kiếm nó khi thì trong cấu trúc hình học, khi thì trong trang bị, khi thì – cái phổ biến nhất –

trong thiên tài của các thống soái. Nhưng việc thay thế tất cả các giá trị này của nhân tử không mang lại những kết quả phù hợp với các sự kiện lịch sử.

Trong khi đó, chỉ cần từ bỏ cái nhìn sai lầm, được thiết lập để làm hài lòng các anh hùng, về hiệu quả của các mệnh lệnh từ chính quyền cấp cao trong thời gian chiến tranh, là có thể tìm thấy cái x chưa biết này.

Cái x này là tinh thần của quân đội, tức là mong muốn chiến đấu và đối mặt với nguy hiểm nhiều hơn hay ít hơn của tất cả những người tạo thành quân đội, hoàn toàn không phụ thuộc vào việc mọi người chiến đấu dưới sự chỉ huy của thiên tài hay không thiên tài, trong ba hay hai hàng, bằng gậy hay bằng súng bắn 30 lần một phút. Những người có mong muốn chiến đấu lớn nhất sẽ luôn đặt mình vào những điều kiện thuận lợi nhất để chiến đấu.

Tinh thần quân đội là nhân tử nhân với khối lượng, cho ra kết quả là sức mạnh. Xác định và diễn đạt ý nghĩa của tinh thần quân đội, cái nhân tử chưa biết này, là nhiệm vụ của khoa học.

Nhiệm vụ này chỉ khả thi khi chúng ta ngừng thay thế một cách tùy tiện bằng giá trị của toàn bộ cái x chưa biết, những điều kiện mà sức mạnh biểu hiện, như là :

các mệnh lệnh của thống soái, trang bị, v.v., coi chúng là giá trị của nhân tử, mà thừa nhận cái chưa biết này trong toàn bộ tính toàn vẹn của nó, tức là mong muốn chiến đấu và đối mặt với nguy hiểm nhiều hay ít. Chỉ khi đó, diễn đạt bằng các phương trình những sự kiện lịch sử đã biết, từ việc so sánh các giá trị tương đối của nhân tử này, người ta mới có thể hy vọng xác định được chính cái chưa biết đó.

Mười người, tiểu đoàn hay sư đoàn, chiến đấu với mười lăm người, tiểu đoàn hay sư đoàn, đã chiến thắng, tức là đã giết và bắt làm tù binh tất cả mà không còn sót lại và chính họ mất bốn người ; như vậy, bốn người đã bị tiêu diệt ở một phía – mười lăm người ở phía bên kia. Do đó, bốn người bằng mười lăm, và do đó, $4x = 15y$. Do đó, $x : y = 15 : 4$. Phương trình này không cho biết giá trị của cái chưa biết, nhưng nó cho biết tỉ lệ giữa hai cái chưa biết. Và từ việc đưa các đơn vị lịch sử khác nhau (trận đánh, chiến dịch, giai đoạn chiến tranh) vào các phương trình như vậy, sẽ thu được các dãy số mà trong đó các quy luật phải tồn tại và có thể được khám phá.

Quy tắc chiến thuật về việc cần phải hành động bằng khối lượng khi tấn công và tản mát khi rút lui, chỉ xác nhận một cách vô thức sự thật rằng sức mạnh của quân

đội phụ thuộc vào tinh thần của nó. Để dẫn dắt mọi người dưới làn đạn, cần có kỷ luật nhiều hơn, đạt được chỉ bằng sự di chuyển trong khối lượng, hơn là để đánh trả những người tấn công. Nhưng quy tắc này, trong đó người ta bỏ qua tinh thần của quân đội, liên tục tỏ ra sai lầm và đặc biệt mâu thuẫn một cách nổi bật với thực tế ở nơi có sự dâng cao hay suy sụp mạnh mẽ của tinh thần quân đội – trong tất cả các cuộc chiến tranh nhân dân.

Người Pháp, rút lui vào năm 1812, mặc dù họ nên phòng thủ riêng lẻ theo chiến thuật, nhưng lại tụ tập thành đám đông, bởi vì tinh thần của quân đội đã sa sút đến mức chỉ có khối lượng mới giữ được quân đội bên nhau. Ngược lại, người Nga theo chiến thuật nên tấn công bằng khối lượng, nhưng trên thực tế lại tản mát ra, bởi vì tinh thần hưng phấn đến mức các cá nhân tấn công người Pháp mà không cần mệnh lệnh và không cần bị ép buộc phải đối mặt với khó khăn và nguy hiểm.

III

Cái gọi là chiến tranh du kích đã bắt đầu khi kẻ thù tiến vào Smolensk.

Trước khi chiến tranh du kích được chính quyền của chúng ta chính thức chấp nhận, hàng ngàn người của quân đội địch – những kẻ tụt lại, những kẻ cướp bóc, những kẻ đi tìm lương thảo – đã bị tiêu diệt bởi các chiến binh Cossack và những người nông dân, những người đã giết những người này một cách vô thức như những con chó cắn xé một con chó điên chạy rông. Denis Davydov bằng trực giác Nga của mình đã lần đầu tiên hiểu được ý nghĩa của chiếc gậy khủng khiếp đó, cái mà không hỏi về các quy tắc của nghệ thuật quân sự, đã tiêu diệt người Pháp, và ông được hưởng vinh quang của bước đi đầu tiên trong việc hợp pháp hóa phương pháp chiến tranh này.

Vào ngày 24 tháng 8, đội du kích đầu tiên của Davydov đã được thành lập, và sau đội của ông, những đội khác bắt đầu được thành lập. Chiến dịch càng tiến xa, số lượng các đội này càng tăng lên.

Các đội du kích đã tiêu diệt đại quân theo từng phần. Họ nhặt những chiếc lá rụng tự rơi ra từ cái cây khô héo

– quân đội Pháp, và đôi khi rung cái cây đó. Vào tháng 10, khi người Pháp đang tháo chạy về phía Smolensk, các đội với quy mô và tính chất khác nhau này đã có hàng trăm đội. Có những đội đã tiếp thu tất cả các phương pháp của quân đội, với bộ binh, pháo binh, bộ tham mưu, với các tiện nghi của cuộc sống ; có những đội chỉ toàn là Cossack, kỵ binh ; có những đội nhỏ, hỗn hợp, đi bộ và đi ngựa ; có những đội nông dân và chủ đất, không ai biết đến. Có một người giúp việc của linh mục là chỉ huy một đội, đã bắt giữ vài trăm tù binh trong một tháng ; có một nữ trưởng làng Vasilisa, đã giết hàng trăm người Pháp.

Những ngày cuối tháng 10 là thời điểm cao trào của chiến tranh du kích. Thời kỳ đầu tiên của cuộc chiến này, trong đó các du kích tự ngạc nhiên về sự táo bạo của mình, sợ hãi từng phút vì bị người Pháp bắt và bao vây, và gần như không tháo yên, không xuống ngựa, trốn trong rừng, chờ đợi sự truy đuổi từng phút, đã trôi qua. Bây giờ cuộc chiến này đã định hình, mọi người đều thấy rõ những gì có thể làm được với người Pháp và những gì không thể làm được. Bây giờ chỉ có những chỉ huy các đội có bộ tham mưu, hành động theo quy tắc, ở xa người Pháp, mới coi nhiều điều là không thể. Những đội du kích nhỏ, đã bắt đầu công việc của mình từ lâu và quan sát kỹ người Pháp, coi là có thể những

điều mà các chỉ huy của những đội lớn không dám nghĩ tới. Các chiến binh Cossack và những người nông dân, lẻn vào giữa những người Pháp, coi rằng bây giờ mọi thứ đều có thể.

Vào ngày 22 tháng 10, Denisov, một trong những người du kích, đang ở cùng đội của mình giữa cơn sốt của sự nhiệt huyết du kích. Từ sáng ông đã cùng đội của mình di chuyển. Cả ngày ông đi qua các khu rừng bám sát một đoàn vận tải lớn của Pháp gồm các vật dụng và tù binh Nga, bị tách khỏi các quân đội khác và dưới sự bảo vệ mạnh mẽ, như đã biết từ các trinh sát và tù binh, đang hướng về phía Smolensk. Đoàn vận tải này không chỉ được biết đến bởi Denisov và Dolokhov (cũng là một du kích với một đội nhỏ), người đi gần Denisov, mà còn bởi các chỉ huy của những đội lớn với bộ tham mưu ; mọi người đều biết về đoàn vận tải này và, như Denisov nói, họ đang mài răng vào nó. Hai trong số những chỉ huy đội lớn này – một người Ba Lan, một người Đức – gần như cùng lúc gửi lời mời Denisov gia nhập vào đội của mỗi người để cùng tấn công đoàn vận tải.

– Không, anh bạn, tôi tự mình có râu rồi, – Denisov nói, đọc những tờ giấy này, và viết cho người Đức rằng, bất chấp mong muốn chân thành mà ông có, được phục

vụ dưới sự chỉ huy của một vị tướng dũng cảm và nổi tiếng như vậy, ông phải tước đi niềm hạnh phúc này của mình, vì ông đã chịu sự chỉ huy của vị tướng người Ba Lan. Còn cho vị tướng người Ba Lan thì ông viết đúng như vậy, thông báo rằng ông đã chịu sự chỉ huy của người Đức.

Sau khi sắp xếp như vậy, Denisov dự định, không báo cáo về việc đó cho các chỉ huy cấp cao, cùng với Dolokhov tấn công và chiếm lấy đoàn vận tải này bằng lực lượng nhỏ của mình. Đoàn vận tải đang di chuyển vào ngày 22 tháng 10 từ làng Mikulina đến làng Shamsheva. Phía bên trái con đường từ Mikulina đến Shamsheva là những khu rừng lớn, có chỗ tiến sát con đường, có chỗ lùi xa con đường một verst hoặc hơn. Qua những khu rừng này cả ngày, lúc thì đi sâu vào giữa chúng, lúc thì đi ra bìa rừng, Denisov cùng với đội của mình đã di chuyển, không để mất dấu những người Pháp đang di chuyển. Từ sáng, không xa Mikulina, ở nơi rừng tiến sát con đường, các chiến binh Cossack từ đội của Denisov đã bắt giữ hai cỗ xe vận tải của Pháp bị lún trong bùn với yên ngựa kỵ binh và mang chúng vào rừng. Kể từ lúc đó cho đến tận chiều tối, đội du kích, không tấn công, đã theo dõi sự di chuyển của người Pháp. Cần phải để họ đi đến Shamsheva một cách bình tĩnh mà không làm họ sợ hãi, và sau đó, hợp quân với

Dolokhov, người đáng lẽ phải đến vào buổi tối để bàn bạc tại một chòi canh trong rừng (cách Shamsheva một verst), vào lúc rạng đông sẽ ập xuống từ hai phía, như tuyết rơi xuống đầu, và đánh bại và bắt giữ tất cả cùng một lúc.

Phía sau, cách Mikulina hai verst, nơi rừng tiến sát con đường, sáu chiến binh Cossack đã được để lại, những người phải báo cáo ngay lập tức khi có những cột quân mới của Pháp xuất hiện.

Phía trước Shamsheva, Dolokhov cũng phải thăm dò con đường để biết ở khoảng cách nào còn có những đội quân Pháp khác. Với đoàn vận tải dự kiến có 1.500 người. Ở Denisov có 200 người, ở Dolokhov có thể cũng có số lượng như vậy. Nhưng sự vượt trội về số lượng không ngăn cản Denisov. Chỉ có một điều mà ông còn cần phải biết, đó là chính xác những quân đội này là gì ; và vì mục tiêu đó Denisov cần phải bắt một lưỡi (tức là một người từ quân đội địch). Trong cuộc tấn công buổi sáng vào những cỗ xe vận tải, việc đó đã được thực hiện với sự vội vã như vậy, nên những người ở chỗ những cỗ xe Pháp đều bị giết và chỉ bắt sống được một cậu bé đánh trống, người đã bị tụt lại và không thể nói điều gì tích cực về việc có những quân đội nào trong cột quân.

Tấn công lần nữa Denisov coi là nguy hiểm, để không làm kinh động toàn bộ cột quân, và vì vậy ông đã cử lên phía trước đến Shamsheva một người nông dân thuộc đội của mình, Tikhon Shcherbatov, để bắt giữ, nếu có thể, dù chỉ một trong những người lính đóng quân tiền phương của Pháp ở đó.

IV

Đó là một ngày mùa thu ấm áp, đầy mưa. Bầu trời và đường chân trời cùng một màu nước đục. Lúc thì rơi xuống như là sương mù, lúc thì đột nhiên đổ mưa xiên, lớn.

Trên con ngựa giống, gầy, với hai sườn thót lại, trong chiếc áo choàng và mũ lông, từ đó nước chảy ròng ròng, Denisov đang cưỡi. Ông cũng giống như con ngựa, nghiêng đầu và cụp tai, cau mày vì cơn mưa xiên và lo lắng quan sát phía trước. Gầy gò và mọc đầy bộ râu đen ngắn, dày, khuôn mặt ông có vẻ giận dữ.

Bên cạnh Denisov, cũng trong chiếc áo choàng và mũ lông, trên một con ngựa Don lớn, một đại úy Cossack – cộng sự của Denisov – đang cưỡi.

Đại úy Lovaiky thứ ba, cũng trong chiếc áo choàng và mũ lông, là một người cao, phẳng như một tấm ván, mặt trắng, tóc vàng với đôi mắt hẹp, sáng và vẻ mặt điềm tĩnh tự mãn cả trên khuôn mặt và trong dáng ngồi. Mặc dù không thể nói đặc điểm của con ngựa và người cưỡi nằm ở đâu, nhưng ngay từ cái nhìn đầu tiên vào đại úy và Denisov có thể thấy rõ rằng Denisov vừa ướt vừa khó chịu, rằng Denisov là một người đã ngồi lên

ngựa ; trong khi đó, nhìn vào đại úy, thấy rằng ông ta ngồi thoải mái và bình thản như mọi khi, và rằng ông ta không phải là một người đã ngồi lên ngựa, mà là một thực thể gồm người và ngựa cộng lại với sức mạnh gấp đôi.

Hơi phía trước họ, một người nông dân dẫn đường nhỏ bé, ướt sũng, trong chiếc áo kaftan màu xám và mũ đội màu trắng, đang đi bộ xuyên qua.

Hơi phía sau trên con ngựa nhỏ Kirghiz gầy, mỏng với cái đuôi và bờm khổng lồ và cái miệng bị nát đến chảy máu, một sĩ quan trẻ trong chiếc áo choàng Pháp màu xanh đang cưỡi.

Bên cạnh anh ta một chiến binh hussar đang cưỡi, chở trên mông ngựa một cậu bé trong bộ quân phục Pháp rách rưới và mũ đội màu xanh. Cậu bé bám chặt vào chiến binh hussar bằng đôi bàn tay đỏ hửng vì lạnh, cử động đôi bàn chân trần, cố gắng làm ấm chúng, nhướng đôi lông mày, ngạc nhiên nhìn quanh mình. Đó là cậu bé đánh trống Pháp bị bắt hồi sáng.

Phía sau đi thành hàng ba, hàng bốn trên con đường rừng hẹp, nát bét, các chiến binh hussar kéo dài, sau đó là các chiến binh Cossack, người trong chiếc áo choàng, người trong chiếc áo choàng Pháp, người đắp

một tấm chăn lên đầu. Những con ngựa, cả màu hung và màu nâu, tất cả dường như đều màu đen vì cơn mưa đang chảy xuống từ chúng. Những cái cổ ngựa dường như mỏng một cách kỳ lạ vì bờm bị ướt sũng. Từ những con ngựa bốc hơi. Và quần áo, và yên ngựa, và dây cương – mọi thứ đều ướt, trơn và bẩn, và nhão nhoét, cũng giống như đất và những chiếc lá rụng đang phủ đầy mặt đường. Mọi người ngồi co ro, cố gắng không cử động để giữ ấm phần nước đã thấm qua lớp áo vào đến tận thân mình, và để không cho nước mới, lạnh lẽo, đang chảy dưới chỗ ngồi, đầu gối và sau gáy thấm thêm vào. Ở giữa hàng quân các kỵ binh cô-dắc đang kéo dài ra, hai cỗ xe chở hành lý trên những con ngựa Pháp và những con ngựa kỵ binh được đóng yên cương đang lăn bánh rầm rập qua những gốc cây và cành củi, rền rĩ trong những rãnh đường đầy nước.

Con ngựa của Denisov, khi tránh một vũng nước trên đường, đã né sang một bên và huých đầu gối ông vào một thân cây.

– Ê, đồ quỷ ! – Denisov giận dữ hét lên và, nghiến răng, quất roi ba nhát vào con ngựa, làm bùn bắn tung lên người ông và đồng đội.

Denisov đang không vui : vừa vì mưa, vừa vì đói (từ sáng chưa ai ăn gì cả), và quan trọng nhất là vì cho đến

giờ vẫn chưa có tin tức gì từ Dolokhov và người được cử đi bắt «lưỡi» vẫn chưa quay về.

«Khó lòng mà có một cơ hội thứ hai như hôm nay để tấn công đoàn xe vận tải. Một mình tấn công thì quá mạo hiểm, mà hoãn lại đến ngày mai – thì kẻ nào đó trong số những nhóm du kích lớn sẽ nẫng mất con mồi ngay dưới mũi mình», Denisov nghĩ thầm, không ngừng nhìn về phía trước, hy vọng nhìn thấy người đưa tin đang mong đợi từ Dolokhov.

Đi ra đến một khoảng rừng thưa, nơi có thể nhìn thấy khá xa về phía bên phải, Denisov dừng lại.

– Có ai đó đang đến, – ông nói.

Viên cai đội nhìn theo hướng Denisov chỉ.

– Có hai người đang đến – một sĩ quan và một lính cô-dắc. Chỉ là không chắc đó chính là bản thân quan phó trung đoàn trưởng đâu, – viên cai đội nói, người vốn thích sử dụng những từ ngữ không quen thuộc với lính cô-dắc.

Những người đang đi tới, sau khi xuống dốc, đã khuất khỏi tầm mắt và vài phút sau lại xuất hiện. Phía trước, trên một con ngựa phi nước đại mệt mỏi, vừa quất roi thúc ngựa, là một viên sĩ quan – đầu tóc rối bù, ướt sũng

từ đầu đến chân và chiếc quần chẽn bị kéo lên cao quá đầu gối. Theo sau anh ta, đứng trên bàn đạp, là một lính cô-dắc đang thúc ngựa chạy nước kiệu. Viên sĩ quan này, một cậu thiếu niên còn rất trẻ, với khuôn mặt rộng đỏ hồng và đôi mắt nhanh nhẹn, vui vẻ, phi ngựa đến bên Denisov và đưa cho ông một phong bì ướt sũng.

– Từ vị tướng quân, – viên sĩ quan nói : – xin lỗi vì nó không hoàn toàn khô ráo...

Denisov cau mày, nhận lấy phong bì và bắt đầu mở ra.

– Đấy, mọi người đều nói rằng nguy hiểm, nguy hiểm, – viên sĩ quan nói, quay sang viên cai đội trong lúc Denisov đang đọc phong bì vừa được đưa tới. – Tuy nhiên, tôi và Komarov, – anh ta chỉ vào lính cô-dắc, – đã chuẩn bị sẵn sàng. Chúng tôi mỗi người có hai khẩu súng... Mà đây là cái gì thế ? – anh ta hỏi, khi nhìn thấy một cậu bé đánh trống người Pháp. – Tù binh à ? Các ông đã tham gia trận chiến rồi sao ? Có thể nói chuyện với cậu ta không ?

– Rostov ! Petya ! – Denisov hét lên vào lúc đó, sau khi đọc xong phong bì được đưa tới. – Sao em không nói em là ai ? – và Denisov mỉm cười, quay lại, chìa tay ra cho viên sĩ quan.

Viên sĩ quan đó chính là Petya Rostov.

Suốt dọc đường, Petya đã chuẩn bị tâm thế để cư xử như một người lớn và một sĩ quan, không gợi ý gì về sự quen biết cũ, sẽ giữ mình nghiêm túc với Denisov. Nhưng ngay khi Denisov mỉm cười với anh, Petya lập tức rạng rỡ, đỏ mặt vì vui sướng và quên bẵng sự trang trọng đã chuẩn bị sẵn : anh bắt đầu kể về việc anh đã đi ngang qua quân Pháp như thế nào, anh vui mừng thế nào khi nhận được nhiệm vụ này, và anh đã tham gia trận chiến ở Vyazma ra sao, và một viên lính hussar đã lập công thế nào ở đó.

– Thôi, anh rất mừng khi thấy em, – Denisov ngắt lời anh, và khuôn mặt ông lại lộ vẻ lo âu.

– Mikhail Theoklitych, – ông quay sang viên cai đội. – Lại là tin từ tay người Đức đó. Hắn ta vẫn đang ở trong ban tham mưu của hắn.

Và Denisov kể cho viên cai đội nghe rằng nội dung tờ giấy vừa mang tới bao gồm yêu cầu lặp lại từ vị tướng người Đức là phải hợp quân để tấn công đoàn xe vận tải.

– Nếu ngày mai chúng ta không chiếm được nó ngay dưới mũi hắn, hắn sẽ nẫng mất của chúng ta thôi, – ông kết luận.

Trong lúc Denisov đang nói chuyện với viên cai đội, Petya, bị lúng túng bởi giọng điệu lạnh lùng của Denisov và cho rằng nguyên nhân của giọng điệu đó là do tình trạng chiếc quần của mình, nên để không ai nhận ra, anh đã chỉnh lại chiếc quần bị co lên dưới lớp áo choàng, cố gắng tỏ ra uy nghi nhất có thể.

– Sẽ có mệnh lệnh gì từ ngài không ạ ? – anh nói với Denisov, đưa tay lên vành mũ và lại quay về với trò chơi làm sĩ quan tùy tùng và vị tướng mà anh đã chuẩn bị, – hay là tôi nên ở lại với ngài ?

– Mệnh lệnh à ?.. – Denisov trầm ngâm nói. – Liệu em có thể ở lại đến ngày mai không ?

– Ôi, làm ơn... Cho phép em được ở lại với ngài ! – Petya kêu lên.

– Thế ngài tướng quân có lệnh cho em phải quay về ngay lập tức không ? – Denisov hỏi.

Petya đỏ mặt.

– Ngài ấy chẳng lệnh gì cả ; em nghĩ là có thể chứ ? – anh hỏi một cách dò xét.

– Thôi được rồi, – Denisov nói.

Và, quay sang cấp dưới của mình, ông ra lệnh để nhóm quân đi đến điểm nghỉ chân đã định tại một trạm gác trong rừng và để viên sĩ quan cưỡi ngựa Kirghiz (viên sĩ quan này đang thực hiện nhiệm vụ sĩ quan tùy tùng) đi tìm Dolokhov, tìm hiểu xem anh ta đang ở đâu và liệu anh ta có đến vào tối nay không. Chính Denisov cùng với viên cai đội và Petya dự định đi đến bìa rừng dẫn ra Shamshevo, để quan sát vị trí đóng quân của người Pháp, nơi mà cuộc tấn công ngày mai sẽ hướng tới.

– Thôi, được rồi, – ông quay sang người dẫn đường da trắng, – dẫn đến Shamshevo.

Denisov, Petya và viên cai đội, cùng với vài lính cô-dắc và một lính hussar đang dẫn theo tù binh, đi về phía bên trái, băng qua khe núi, hướng tới bìa rừng.

V

Cơn mưa nhỏ đã dứt, chỉ còn sương mù đang rơi và những giọt nước từ cành cây. Denisov, viên cai đội và Petya lặng lẽ đi theo người đàn ông đội mũ trùm, người đang bước đi nhẹ nhàng và không tiếng động bằng đôi chân đi giày bện từ vỏ cây trên những rễ cây và lá mục ướt, dẫn họ đến bìa rừng.

Khi ra đến một gờ đất cao, người đàn ông dừng lại, nhìn quanh và đi về phía một bức tường cây thưa dần. Dưới một gốc sồi lớn, vẫn chưa rụng hết lá, ông ta dừng lại và vẫy tay ra hiệu một cách bí ẩn về phía mình.

Denisov và Petya phi ngựa đến bên ông ta. Từ chỗ đó, nơi người đàn ông dừng lại, có thể nhìn thấy quân Pháp. Ngay sau cánh rừng là một cánh đồng lúa xuân đang đổ dốc xuống dưới. Bên phải, băng qua một khe núi dốc, hiện ra một ngôi làng nhỏ và một ngôi nhà của điền chủ với mái nhà đổ nát. Trong ngôi làng này, trong vườn, cạnh những cái giếng và ao, và dọc theo toàn bộ con đường dốc lên từ cây cầu dẫn vào làng, cách đó không quá 200 sa-zhen, có thể nhìn thấy những đám người trong làn sương mù đang dao động. Tiếng la hét của họ bằng tiếng nước ngoài nghe rõ mồn một tiếng

quát tháo những con ngựa đang kéo xe lên dốc và tiếng gọi nhau í ới.

– Đưa tên tù binh lại đây, – Denisov nói khẽ, không rời mắt khỏi quân Pháp.

Một lính cô-dắc xuống ngựa, nhấc cậu bé xuống và cùng cậu đi đến bên Denisov. Denisov, chỉ tay về phía quân Pháp, hỏi xem đó là những đơn vị quân nào. Cậu bé, thò đôi bàn tay lạnh giá vào túi và nhướn lông mày, nhìn Denisov với vẻ sợ hãi và mặc dù rõ ràng là muốn nói hết những gì mình biết, cậu vẫn lúng túng trong các câu trả lời và chỉ xác nhận những gì Denisov hỏi. Denisov cau mày, quay đi khỏi cậu bé và quay sang viên cai đội, trình bày những suy nghĩ của mình.

Petya, bằng những cử động nhanh nhẹn quay đầu nhìn quanh, lúc nhìn cậu bé đánh trống, lúc nhìn Denisov, lúc nhìn viên cai đội, lúc lại nhìn quân Pháp trong làng và trên đường, cố gắng không bỏ sót điều gì quan trọng.

– Có đến hay không đến Dolokhov, phải chiếm lấy thôi !.. A ? – Denisov nói, đôi mắt lóe lên vẻ vui mừng.

– Chỗ này rất thuận tiện, – viên cai đội nói.

– Chúng ta sẽ cho bộ binh đi đường dưới – qua đầm lầy, – Denisov tiếp tục : – họ sẽ bò đến tận vườn ; các

anh sẽ cùng với lính cô-dắc ập vào từ phía đó, – Denisov chỉ vào cánh rừng phía sau làng, – còn tôi thì từ đây với lính hussar của tôi. Và theo tiếng súng...

– Theo lối thung lũng thì không được đâu – đầm lầy lắm, – viên cai đội nói. – Ngựa sẽ bị lún, phải đi vòng qua cánh đồng phía bên trái...

Trong lúc họ đang nói khẽ như vậy, ở phía dưới, trong thung lũng cạnh cái ao, vang lên một tiếng súng, một làn khói mỏng hiện ra, rồi một tiếng súng khác, và tiếng la hét đồng thanh vui vẻ của hàng trăm giọng nói của quân Pháp trên sườn đồi vang lên. Trong phút đầu tiên, Denisov và viên cai đội lùi lại. Họ ở gần đến mức tưởng như chính họ là nguyên nhân của những phát súng và tiếng la hét đó. Nhưng các phát súng và tiếng hét không nhắm vào họ. Phía dưới, dọc theo đầm lầy, một người mặc cái gì đó màu đỏ đang chạy. Rõ ràng là họ đang bắn vào người đó và quân Pháp đang hò hét nhắm vào anh ta.

– Đó chẳng phải là Tikhon của chúng ta sao, – viên cai đội nói.

– Chính hắn ! chính là hắn !

– Đồ ranh ma thật ! – Denisov nói.

– Hắn sẽ thoát thôi ! – viên cai đội nói, nheo mắt lại.

Người mà họ gọi là Tikhon, chạy đến con suối, nhảy tùm xuống đó làm nước bắn tung tóe, và sau khi biến mất trong giây lát, toàn thân đen ngòm vì nước, anh ta bò lên bằng bốn chi và chạy tiếp. Quân Pháp, những kẻ đã chạy đuổi theo anh ta, dừng lại.

– Thôi, giỏi lắm, – viên cai đội nói.

– Đồ quỷ quyệt ! – Denisov nói với vẻ bực dọc như cũ – Thế mà hắn đã làm gì cho đến giờ ?

– Ai thế ạ ? – Petya hỏi.

– Đó là lính do thám của chúng tôi. Tôi đã cử hắn đi bắt «lưỡi».

– À, đúng rồi, – Petya nói, gật đầu từ lời đầu tiên của Denisov như thể anh đã hiểu hết, mặc dù anh thực sự chẳng hiểu lấy một từ nào.

Tikhon Shcherbaty là một trong những người cần thiết nhất trong đội. Anh là một nông dân từ Pokrovskoye gần Gzhatsk. Khi mới bắt đầu hoạt động, Denisov đến Pokrovskoye và, như thường lệ, triệu tập viên xã trưởng, hỏi ông ta biết gì về quân Pháp, viên xã trưởng trả lời, như thể đang tự vệ, rằng họ chẳng biết gì cả, chẳng biết

tí gì. Nhưng khi Denisov giải thích cho ông ta rằng mục tiêu của ông là đánh quân Pháp, và khi ông hỏi liệu có quân Pháp đi lạc vào làng họ không, viên xã trưởng nói rằng quân cướp bóc thì chắc chắn là có, nhưng ở làng họ chỉ có mỗi Tishka Shcherbaty là làm những việc đó. Denisov ra lệnh gọi Tikhon đến bên mình và khen ngợi hoạt động của anh ta, nói trước mặt viên xã trưởng vài lời về lòng trung thành với hoàng đế và tổ quốc và lòng căm thù quân Pháp mà những người con của tổ quốc phải gìn giữ.

– Chúng tôi không làm điều gì xấu với quân Pháp cả, – Tikhon nói, có vẻ hơi hoảng sợ trước những lời này của Denisov. – Chúng tôi chỉ đùa nghịch với các anh em một chút thôi mà. Những kẻ cướp bóc thì chắc chắn là bọn em đã hạ gục được khoảng chục tên rồi, nhưng chúng em chẳng làm gì xấu cả...

Ngày hôm sau, khi Denisov hoàn toàn quên mất người nông dân này, anh ta ra khỏi Pokrovskoye, báo cáo với Denisov rằng Tikhon đã gia nhập đội quân và xin được ở lại. Denisov ra lệnh cho anh ở lại.

Tikhon, lúc đầu làm công việc đen tối là nhóm lửa, gánh nước, lột da ngựa v.v., chẳng mấy chốc đã bộc lộ niềm đam mê và khả năng lớn với cuộc chiến du kích. Ban đêm anh thường đi kiếm mồi và lần nào cũng

mang về quần áo và vũ khí của Pháp, và khi người ta ra lệnh cho anh, anh còn dẫn theo cả tù binh. Denisov cho Tikhon thôi làm các công việc nặng, bắt đầu mang anh theo trong các cuộc trinh sát và ghi tên anh vào hàng ngũ lính cô-dắc.

Tikhon không thích cưỡi ngựa và luôn đi bộ, không bao giờ tụt lại sau kỵ binh. Vũ khí của anh gồm một khẩu súng hỏa mai, mà anh mang theo chủ yếu để pha trò, một ngọn giáo và một cây rìu, mà anh sử dụng thuần thục như con sói sử dụng răng mình, dễ dàng nhặt một con rận ra khỏi len và cắn nát những khúc xương dày. Tikhon dùng rìu chẻ những khúc gỗ một cách chính xác như nhau và khi cầm rìu ở phần lưỡi, anh có thể đẽo những chiếc cọc mỏng và khắc những chiếc thìa. Trong đội của Denisov, Tikhon giữ một vị trí đặc biệt, riêng biệt. Khi cần làm điều gì đó đặc biệt khó khăn và khó chịu – đẩy chiếc xe ra khỏi bùn bằng vai, kéo con ngựa ra khỏi đầm lầy bằng đuôi, lột da nó, lẻn vào ngay giữa quân Pháp, đi bộ mỗi ngày 50 dặm, – mọi người đều chỉ tay vào Tikhon, vừa cười vừa gọi anh.

– Hắn có sao đâu, đồ quỷ ấy, to khỏe như con ngựa đực ấy, – người ta nói về anh.

Có lần một người Pháp, kẻ mà Tikhon định bắt, đã bắn vào anh bằng súng lục và trúng vào phần mềm ở

lưng. Vết thương này Tikhon chỉ chữa bằng rượu, bôi bên trong và bên ngoài, và nó đã trở thành đề tài cho những trò đùa vui vẻ nhất trong toàn đội, và những trò đùa đó Tikhon sẵn lòng hưởng ứng.

– Sao hả anh bạn, không làm được nữa à ? Hay bị còng lưng rồi ? – lính cô-dắc cười nhạo anh.

Tikhon, cố tình làm bộ còng lưng và nhăn mặt, giả vờ như đang giận dỗi, mắng nhiếc quân Pháp bằng những lời chửi rủa buồn cười nhất. Sự việc này chỉ có ảnh hưởng duy nhất lên Tikhon là sau vết thương đó, anh hiếm khi dẫn tù binh về nữa.

Tikhon là người hữu ích và dũng cảm nhất trong đội. Không ai phát hiện ra nhiều cơ hội tấn công hơn anh, không ai bắt và tiêu diệt nhiều quân Pháp hơn anh ; và kết quả là anh trở thành trò cười cho tất cả lính cô-dắc, lính hussar và bản thân anh cũng sẵn lòng chấp nhận vai trò đó. Bây giờ Tikhon đã được Denisov cử đi Shamshevo đêm qua để bắt «lưỡi». Nhưng vì anh không thỏa mãn được với một tên người Pháp nào, hoặc vì anh đã ngủ quên suốt đêm, nên ban ngày anh đã lẻn vào bụi rậm, ngay giữa quân Pháp và, như Denisov đã thấy từ trên núi, anh đã bị họ phát hiện.

VI

Sau khi nói chuyện thêm một lát với viên cai đội về cuộc tấn công ngày mai, cuộc tấn công mà giờ đây, khi nhìn vào sự gần kề của quân Pháp, Denisov dường như đã quyết định dứt khoát, ông quay ngựa và đi ngược trở lại.

– Thôi, anh bạn, bây giờ chúng ta đi thôi, lau khô người, – ông nói với Petya.

Khi đến gần trạm gác trong rừng, Denisov dừng lại, nhìn vào rừng. Giữa những cái cây, với những bước chân dài nhẹ nhàng, một người đi trên đôi chân dài, với đôi tay buông thõng, một người đàn ông mặc áo khoác ngắn, đi giày bện và đội mũ kỵ binh Kazan. Nhìn thấy Denisov, người đàn ông này vội vàng ném một thứ gì đó vào bụi rậm và, tháo chiếc mũ ướt đẫm với vành rủ xuống, anh ta đi đến bên cấp trên. Đó chính là Tikhon. Khuôn mặt rỗ hoa và đầy nếp nhăn với đôi mắt hẹp nhỏ xíu của anh ta rạng rỡ một vẻ tự mãn vui vẻ. Anh ta ngẩng cao đầu và như thể cố nhịn cười, nhìn chằm chằm vào Denisov.

– Thôi, anh đã biến đi đâu mất thế ? – Denisov nói.

– Biến đi đâu à ? Em đã đi theo quân Pháp, – Tikhon trả lời một cách bạo dạn và nhanh chóng bằng giọng khàn khàn nhưng vang như tiếng hát.

– Tại sao anh lại đi vào ban ngày ? Đồ súc vật. Thế sao, không bắt được à ?..

– Bắt thì bắt được rồi, – Tikhon nói.

– Thế hắn đâu rồi ?

– Dạ em bắt được hắn ngay từ lúc hừng đông, – Tikhon tiếp tục, đặt đôi bàn chân to rộng trên đôi giày bện xòe ra, – rồi em dẫn hắn vào rừng. Thấy hắn – không được ổn. Em nghĩ bụng, để em đi kiếm tên khác cẩn thận hơn một chút.

– Xem kìa, đồ ranh ma, đúng là thế mà, – Denisov nói với viên cai đội. – Sao anh không dẫn tên đó về ?

– Dạ dẫn hắn đi làm gì, – Tikhon ngắt lời một cách giận dữ và nhanh chóng, – không dùng được đâu. Chả lẽ em lại không biết các ngài cần loại nào ?

– Đồ quỷ !.. Thế nào ?..

– Em đi tìm tên khác, – Tikhon tiếp tục, – em bò kiểu đó trong rừng, rồi em nằm xuống. – Tikhon bất ngờ nằm rạp xuống bụng một cách dẻo dai, diễn tả bằng

điệu bộ anh ta đã làm điều đó như thế nào. – Một tên nữa xuất hiện, – anh ta tiếp tục. – Em tóm lấy hắn theo kiểu đó. – (Tikhon bật dậy nhanh chóng, nhẹ nhàng.) – Đi thôi, em bảo hắn, đến chỗ quan trung đoàn trưởng. Hắn bắt đầu làm ầm lên. Thế là có bốn tên nữa. Chúng lao vào em với những thanh kiếm nhỏ. Em dùng rìu xử chúng theo kiểu này : các người làm cái gì thế, em bảo, Chúa ở cùng các người, – Tikhon hét lên, vung tay và trừng mắt nhìn một cách đe dọa, ưỡn ngực ra.

– Cái đó chúng tôi đã thấy từ trên núi rồi, anh đã chạy trốn qua những vũng nước như thế nào, – viên cai đội nói, nheo đôi mắt lấp lánh của mình lại.

Petya rất muốn cười, nhưng anh thấy rằng mọi người đều nhịn cười. Anh nhanh chóng chuyển mắt từ khuôn mặt Tikhon sang viên cai đội và Denisov, không hiểu hết những điều này có nghĩa là gì.

– Đừng có làm trò hề nữa, – Denisov nói, hắng giọng một cách giận dữ. – Tại sao không dẫn tên đầu tiên về ?

Tikhon bắt đầu dùng một tay gãi lưng, tay kia gãi đầu ; bất chợt toàn bộ khuôn mặt anh ta giãn ra thành một nụ cười ngốc nghếch rạng rỡ, làm lộ ra một chiếc răng bị mất (vì thế mà anh ta được gọi là Shcherbaty –

sún). Denisov mỉm cười, và Petya phá lên cười vui vẻ, Tikhon cũng cười theo.

– Dạ hắn hoàn toàn không ra sao cả, – Tikhon nói. – Quần áo thì tồi tàn, dẫn hắn đi làm gì. Lại còn hỗn xược nữa chứ, thưa ngài. «Làm sao được», hắn bảo, «ta chính là con đẻ của viên tướng đấy, ta không đi đâu», hắn bảo thế.

– Đồ súc vật ! – Denisov nói. – Tôi cần phải hỏi hắn...

– Dạ em có hỏi hắn rồi, – Tikhon nói. – Hắn bảo : «chẳng biết tí gì». «Người của chúng tôi», hắn bảo, «thì nhiều, nhưng toàn hạng tồi thôi, chỉ có cái tên là vậy thôi. Ái chà», hắn bảo, «bắt hết đi cho rồi», – Tikhon kết luận, nhìn vào mắt Denisov một cách vui vẻ và quyết đoán.

– Đây này, ta sẽ cho ngươi ăn một trăm roi nóng hổi, rồi ngươi sẽ hết làm trò hề, – Denisov nghiêm khắc nói.

– Dạ có gì mà phải giận cơ chứ, – Tikhon nói, – chẳng lẽ em lại không thấy quân Pháp của các ngài sao ? Đợi cho trời tối đi, em sẽ mang về cho ngài bất cứ loại nào ngài muốn, thậm chí ba tên cũng được.

– Thôi, đi thôi, – Denisov nói, và đi đến tận trạm gác, ông vừa đi vừa cau mày giận dữ và im lặng.

Tikhon đi vòng ra phía sau, và Petya nghe thấy lính cô-dắc đang cười đùa với anh ta và hỏi anh ta về đôi ủng nào đó mà anh ta đã ném vào bụi rậm.

Khi tiếng cười vang lên sau những lời nói và nụ cười của Tikhon, Petya hiểu ra trong giây lát rằng Tikhon này đã giết người đó, anh cảm thấy không thoải mái. Anh nhìn sang cậu bé đánh trống bị bắt, và một thứ gì đó đâm nhói vào tim anh. Nhưng sự không thoải mái này chỉ kéo dài trong giây lát. Anh cảm thấy cần phải ngẩng cao đầu hơn, lấy lại tinh thần và hỏi viên cai đội với vẻ mặt quan trọng về kế hoạch cho ngày mai, để không trở nên không xứng đáng với hội nhóm mà anh đang có mặt.

Viên sĩ quan được cử đi đã gặp Denisov trên đường với tin tức rằng bản thân Dolokhov sẽ đến ngay bây giờ và phía anh ta mọi việc đều ổn thỏa.

Denisov bỗng nhiên vui vẻ hẳn lên và gọi Petya lại gần mình.

– Thôi kể cho anh nghe về em đi, – ông nói.

VII

Khi rời khỏi Moscow, Petya đã để lại gia đình mình, gia nhập trung đoàn của mình và chẳng bao lâu sau đã được nhận làm sĩ quan tùy tùng cho một vị tướng đang chỉ huy một đội quân lớn. Kể từ khi được thăng chức sĩ quan và đặc biệt là từ khi gia nhập quân đội đang hoạt động, nơi anh tham gia trận chiến ở Vyazma, Petya luôn ở trong trạng thái phấn khích hạnh phúc liên tục vì anh đã lớn, và luôn háo hức không muốn bỏ lỡ bất kỳ cơ hội nào để lập chiến công thực sự. Anh rất hạnh phúc với những gì mình đã thấy và đã trải nghiệm trong quân đội, nhưng đồng thời anh cũng có cảm giác rằng ở đâu đó, nơi mà anh không có mặt, chính bây giờ đang diễn ra điều gì đó thực sự nhất, hào hùng nhất. Và anh vội vàng lao đến đó, nơi anh chưa từng tới.

Khi vào ngày 21 tháng 10, vị tướng của anh bày tỏ mong muốn cử ai đó đến đội của Denisov, Petya đã nài nỉ thảm thiết đến mức vị tướng không thể từ chối. Nhưng khi cử anh đi, vị tướng, nhớ lại hành động điên rồ của Petya trong trận Vyazma, nơi Petya thay vì đi đường vòng theo lệnh đã phi thẳng qua hàng ngũ dưới làn đạn của quân Pháp và bắn hai phát súng lục của mình, – khi cử anh đi, vị tướng đã cấm Petya tham gia

vào bất kỳ hành động nào của Denisov. Vì điều này mà Petya đã đỏ mặt và lúng túng khi Denisov hỏi liệu anh có thể ở lại không. Cho đến khi ra đến bìa rừng, Petya vẫn nghĩ rằng anh cần phải thực hiện nhiệm vụ của mình một cách nghiêm túc, quay về ngay lập tức. Nhưng khi nhìn thấy quân Pháp, nhìn thấy Tikhon, biết rằng đêm nay họ nhất định sẽ tấn công, anh, với sự nhanh nhẹn chuyển đổi của những người trẻ tuổi từ cái nhìn này sang cái nhìn khác, đã tự quyết định rằng vị tướng của anh, người mà anh cho đến giờ vẫn rất kính trọng, – là một kẻ tồi tệ, một tên người Đức, rằng Denisov là anh hùng, viên cai đội là anh hùng và Tikhon là anh hùng, và rằng anh sẽ thật xấu hổ nếu bỏ mặc họ trong những phút giây khó khăn.

Trời đã sẩm tối khi Denisov cùng Petya và viên cai đội đi đến trạm gác. Trong bóng tối lờ mờ có thể thấy những con ngựa vẫn đóng yên, lính cô-dắc, lính hussar đang dựng những căn lều nhỏ trên bãi cỏ và (để quân Pháp không nhìn thấy khói) đang nhóm ngọn lửa hồng rực trong khe núi giữa rừng. Trong gian phòng của căn lều nhỏ, một lính cô-dắc, xắn tay áo, đang băm thịt cừu. Trong chính căn lều có ba sĩ quan của đội Denisov, đang sắp xếp một chiếc bàn làm từ cánh cửa. Petya cởi đồ, phơi khô, chiếc áo ướt của mình và ngay lập tức bắt đầu giúp đỡ các sĩ quan trong việc chuẩn bị bữa ăn.

Mười phút sau, bàn ăn đã sẵn sàng, được phủ bằng một chiếc khăn tay. Trên bàn có rượu vodka, rượu rum trong bình, bánh mì trắng và thịt cừu nướng với muối.

Ngồi cùng với các sĩ quan bên bàn ăn và tay cầm miếng thịt cừu đầy mỡ, thơm phức, Petya đang ở trong trạng thái hân hoan của một tình yêu dịu dàng trẻ con đối với mọi người và kết quả là sự tự tin vào một tình yêu tương tự đối với bản thân mình từ những người khác.

– Vậy các ngài nghĩ sao, Vasily Fyodorovich, – anh quay sang Denisov, – chẳng sao đâu, em sẽ ở lại với các ngài một ngày chứ ? – Và, không đợi câu trả lời, anh tự trả lời mình : – Vì em được lệnh phải tìm hiểu, nên em sẽ tìm hiểu thôi... Chỉ có điều các ngài phải cho em vào chính chỗ... vào chỗ quan trọng nhất... Em không cần phần thưởng đâu... Nhưng em muốn...

Petya nghiến răng và nhìn quanh, khẽ hất đầu và vung tay.

– Vào chỗ quan trọng nhất... – Denisov nhắc lại, mỉm cười.

– Chỉ có điều, làm ơn, cho em chỉ huy một đơn vị hoàn toàn, để em tự chỉ huy, – Petya tiếp tục, – thôi nào,

các ngài có gì mất đâu ? À, các ngài có con dao không? – anh quay sang một sĩ quan đang định cắt thịt cừu.

Và anh đưa con dao gấp của mình ra. Viên sĩ quan khen ngợi con dao.

– Xin hãy nhận lấy, làm ơn, cho chính mình. Em có nhiều cái như thế này lắm... – Petya đỏ mặt nói. – Trời ơi ! Em hoàn toàn quên bẵng mất, – bỗng nhiên anh kêu lên. – Em có nho khô đây ; tuyệt vời lắm, các ngài biết không, loại không hạt ấy. Chúng ta có một người bán hàng mới, và có những thứ tuyệt vời như vậy. Em đã mua mười pound. Em đã quen với việc ăn cái gì đó ngọt. Các ngài có muốn không ?.. – Và Petya chạy ra gian phòng chỗ lính của mình, mang về những túi đựng khoảng năm pound nho khô. – Ăn đi, các quý ông, ăn đi.

– À thế các ngài có cần bình pha cà phê không ? – anh quay sang viên cai đội. – Em mua của người bán hàng của chúng ta một cái tuyệt vời lắm ! Ông ta có những thứ tuyệt vời lắm. Và ông ta rất trung thực. Đó là điều quan trọng. Em nhất định sẽ gửi cho các ngài. Mà có lẽ, đá lửa của các ngài đã hết rồi, – chuyện đó vẫn thường xảy ra mà. Em có mang theo đây, em có đây này... (anh ấy chỉ vào những chiếc túi) một trăm viên đá lửa. Tôi

mua rất rẻ. Làm ơn hãy lấy bao nhiêu tùy thích, hoặc lấy hết cũng được...

Và đột nhiên sợ hãi không biết mình có nói quá lời không, Petya dừng lại và đỏ mặt.

Anh bắt đầu nhớ lại xem mình có làm thêm điều gì ngớ ngẩn nào nữa không. Và khi lướt qua những kỷ niệm của ngày hôm nay, ký niệm về cậu bé đánh trống người Pháp hiện ra trước mắt anh. «Chúng ta thì ổn, còn cậu ấy thì sao ? Người ta đưa cậu ấy đi đâu rồi ? Họ đã cho cậu ấy ăn chưa ? Có ai bắt nạt cậu ấy không ?» anh nghĩ. Nhưng nhận thấy mình đã nói hớ về những viên đá lửa, giờ anh lại thấy sợ.

«Liệu có thể hỏi không ?» anh nghĩ, «nhưng họ sẽ bảo : tự mình còn là trẻ con mà lại đi thương hại một đứa trẻ khác. Tôi sẽ cho họ thấy vào ngày mai tôi là người như thế nào ! Thật đáng xấu hổ nếu tôi hỏi ?» Petya nghĩ. «Thôi, sao cũng được !» và ngay lập tức, đỏ mặt và nhìn các sĩ quan một cách sợ hãi xem liệu có sự chế nhạo nào trên khuôn mặt họ không, anh nói :

– Có thể gọi cậu bé bị bắt làm tù binh đó đến không? để cho cậu ấy cái gì đó để ăn... có lẽ...

– Ừ, thằng bé tội nghiệp, – Denisov nói, rõ ràng không thấy gì đáng xấu hổ trong lời nhắc nhở này. – Hãy gọi nó vào đây. Vincent Bosse là tên nó. Gọi nó đi.

– Tôi sẽ gọi, – Petya nói.

– Gọi đi, gọi đi. Thằng bé tội nghiệp, – Denisov lặp lại.

Petya đang đứng ở cửa khi Denisov nói điều đó. Petya lách qua giữa các sĩ quan và tiến lại gần Denisov.

– Cho phép tôi hôn anh, anh bạn thân mến, – anh nói. – Ôi, thật tuyệt vời ! thật tuyệt vời !

Và, sau khi hôn Denisov, anh chạy ra sân.

– Bosse ! Vincent ! – Petya hét lên, dừng lại ở cửa.

– Ngài cần ai ạ ? – một giọng nói vang lên từ bóng tối.

Petya trả lời rằng anh cần cậu bé người Pháp bị bắt hôm nay.

– À ! Vesenny ? – một người lính Cossack nói.

Cái tên Vincent của cậu đã được những người Cossack đổi thành Vesenny, còn những người nông dân và binh

lính đổi thành Visenya. Trong cả hai cách gọi mới này, sự gợi nhắc về mùa xuân đều trùng khớp với hình ảnh về cậu bé trẻ măng đó.

– Cậu ấy đang sưởi ấm bên đống lửa đằng kia. Ê, Visenya ! Visenya ! Vesenny ! – những giọng nói và tiếng cười truyền đi trong bóng tối vang lên.

– Thằng bé đó lanh lợi lắm, – một người lính hussar đứng cạnh Petya nói. – Lúc nãy chúng tôi đã cho nó ăn rồi. Khổ thân, nó đói ngấu nghiến !

Trong bóng tối vang lên những bước chân, và, đôi chân trần bước bì bõm trên bùn, cậu bé đánh trống tiến lại gần cửa.

– «À, là cậu đấy à !» – Petya nói. – «Cậu có muốn ăn gì không? Đừng sợ, người ta sẽ không làm hại cậu đâu,» – anh nói, rụt rè và âu yếm chạm vào tay cậu bé. – «Vào đi, vào đi.»

– Cám ơn, thưa ông, – cậu bé đánh trống trả lời bằng giọng run rẩy, gần như giọng trẻ con và bắt đầu lau đôi chân lấm bùn vào ngưỡng cửa.

Petya muốn nói với cậu bé đánh trống nhiều điều, nhưng anh không dám. Anh đứng cạnh cậu trong hành

lang, chân nọ đá chân kia. Rồi trong bóng tối, anh nắm lấy tay cậu và siết nhẹ.

– Entrez, entrez, – anh lặp lại nhưng chỉ bằng một tiếng thì thầm dịu dàng.

«Ôi, mình có thể làm gì cho cậu ấy đây !» Petya tự nhủ và mở cửa, để cậu bé đi qua trước mình.

Khi cậu bé đánh trống vào trong căn chòi, Petya ngồi xuống cách xa cậu một chút, vì cho rằng việc chú ý đến cậu là hạ thấp phẩm giá của mình. Anh chỉ sờ soạng tiền trong túi và phân vân không biết có đáng xấu hổ không nếu đưa chúng cho cậu bé đánh trống.

VIII

Từ cậu bé đánh trống, người mà theo lệnh của Denisov đã được cho uống rượu vodka, ăn thịt cừu và là người mà Denisov đã lệnh cho mặc một chiếc áo caftản kiểu Nga để giữ lại trong đội mà không phải gửi đi cùng các tù binh khác, sự chú ý của Petya đã bị thu hút bởi sự xuất hiện của Dolokhov. Petya đã nghe nhiều câu chuyện trong quân đội về lòng dũng cảm và sự tàn bạo phi thường của Dolokhov đối với người Pháp, và vì thế, kể từ khi Dolokhov bước vào chòi, Petya không rời mắt khỏi anh ta, nhìn anh ta và ngày càng trở nên phấn chấn, ngẩng cao đầu để không tỏ ra thấp kém ngay cả trong một hội nhóm như của Dolokhov.

Vẻ ngoài của Dolokhov khiến Petya ngạc nhiên bởi sự giản dị của nó.

Denisov mặc một chiếc chekmen, để râu và trên ngực đeo hình ảnh Thánh Nicholas Kẻ làm phép lạ và qua cách nói chuyện, qua mọi cử chỉ đều thể hiện sự đặc biệt trong vị thế của mình. Trái lại, Dolokhov, người trước đây ở Moscow từng mặc trang phục kiểu Ba Tư, bây giờ lại có vẻ ngoài của một sĩ quan cận vệ lịch lãm nhất. Khuôn mặt anh ta được cạo sạch sẽ, anh ta mặc một chiếc áo choàng nhồi bông của đội cận vệ với huân

chương Thánh George ở khuy áo và đội một chiếc mũ ca-lô đơn giản đội ngay ngắn. Anh ta cởi bỏ chiếc áo choàng sũng nước ở góc phòng, và tiến lại gần Denisov, không chào hỏi ai, ngay lập tức bắt đầu hỏi han về công việc. Denisov kể cho anh ta nghe về những dự tính mà các đội quân lớn đang nhắm vào đoàn vận tải của họ, và về việc cử Petya đi, và về việc anh ta đã trả lời cả hai vị tướng như thế nào. Sau đó Denisov kể tất cả những gì anh ta biết về vị trí của đội quân Pháp.

– Đúng vậy. Nhưng cần phải biết, những đơn vị nào và số lượng quân đội bao nhiêu, – Dolokhov nói. – Cần phải đến đó xem. Không biết chính xác số lượng của chúng thì không thể bắt tay vào việc được. Tôi thích làm việc một cách chính xác. Đây, có vị quý tộc nào muốn đi cùng tôi vào trại của chúng không. Tôi có người và quân phục đi cùng.

– Tôi, tôi... tôi sẽ đi với anh ! – Petya kêu lên.

– Cậu hoàn toàn không cần phải đi, – Denisov nói, quay sang Dolokhov, – còn cậu ấy thì tôi nhất quyết không cho đi đâu.

– Thật tuyệt vời ! – Petya kêu lên, – tại sao tôi lại không được đi ?..

– Tại vì không cần thiết.

– Thôi nào, xin anh hãy thứ lỗi cho tôi, bởi vì... bởi vì... tôi sẽ đi, thế thôi. Các anh sẽ đưa tôi đi chứ ? – anh quay sang Dolokhov.

– Tại sao không ?.. – Dolokhov trả lời một cách lơ đãng, nhìn chằm chằm vào mặt cậu bé đánh trống người Pháp. – Cậu bé này ở đây bao lâu rồi ? – anh hỏi Denisov.

– Mới bắt được hôm nay, nhưng nó chẳng biết gì đâu. Tôi giữ nó lại cho mình.

– Thế còn những đứa khác anh định làm gì ? – Dolokhov hỏi.

– Làm gì à ? Tôi gửi đi theo giấy biên nhận ! – Denisov đột nhiên đỏ mặt kêu lên. – Và tôi dám nói rằng trên lương tâm tôi không có một người nào bị giết. Có khó gì đâu khi anh gửi đi 30 hay 300 người dưới sự hộ tống đến thành phố, thay vì giết họ, tôi nói thẳng, đó là danh dự của người lính.

– Với một chàng bá tước trẻ tuổi 16 tuổi nói những lời tử tế này thì hợp lý, – Dolokhov nói với nụ cười lạnh lùng, – nhưng còn anh thì đã đến lúc bỏ cái đó đi rồi.

– Tôi không nói gì cả ; tôi chỉ nói rằng tôi nhất định sẽ đi với anh, – Petya rụt rè nói.

– Còn với tôi và cậu thì đã đến lúc, anh bạn ạ, bỏ những lời tử tế này đi, – Dolokhov tiếp tục, như thể anh ta tìm thấy một sự thích thú đặc biệt khi nói về đề tài này, điều vốn làm Denisov bực mình. – Này, tại sao anh lại giữ thằng bé này lại cho mình ? – anh nói, lắc đầu. – Bởi vì anh thấy thương nó chứ gì ? Chúng ta đều biết những tờ biên nhận đó của anh. Anh sẽ gửi đi một trăm người, nhưng khi đến nơi thì chỉ còn ba mươi. Họ sẽ chết vì đói hoặc bị đánh chết. Vậy thì chẳng phải tất cả đều như nhau sao nếu không bắt họ ?

Viên sĩ quan Esaul, nheo đôi mắt sáng, gật đầu tán thành.

– Đó là chuyện tầm phào, ở đây chẳng có gì để phán xét cả. Tôi không muốn rước họa vào thân. Anh nói – chết. Được thôi. Chỉ có điều không phải do tay tôi.

Dolokhov cười lớn.

– Ai bảo họ không bắt tôi hai mươi lần ? Nhưng nếu họ bắt được – cả tôi và anh với tinh thần hiệp sĩ của anh, đều sẽ bị treo cổ trên một cành cây thôi. (Anh ta im lặng một lúc.) Tuy nhiên, cần phải làm việc thôi. Hãy

cử người lính Cossack của tôi đi với cái túi. Tôi có hai bộ quân phục Pháp. Thế nào, đi với tôi chứ ? – anh hỏi Petya.

– Tôi ? Có, có, nhất định rồi, – Petya đỏ mặt gần như rơi nước mắt, nhìn về phía Denisov.

Lại một lần nữa, trong khi Dolokhov tranh luận với Denisov về việc phải làm gì với các tù binh, Petya cảm thấy lúng túng và vội vàng ; nhưng một lần nữa anh vẫn chưa kịp hiểu kỹ những gì họ nói. «Nếu những người lớn tuổi, nổi tiếng nghĩ như vậy, nghĩa là phải như vậy, nghĩa là điều đó tốt», anh nghĩ. «Và quan trọng nhất là phải làm sao để Denisov không dám nghĩ rằng tôi sẽ nghe lời anh ấy, rằng anh ấy có thể ra lệnh cho tôi. Nhất định tôi sẽ đi cùng Dolokhov vào trại lính Pháp. Anh ta làm được, và tôi cũng làm được !»

Trước mọi lời can ngăn của Denisov rằng không nên đi, Petya trả lời rằng anh cũng đã quen làm mọi việc một cách chính xác chứ không phải làm theo kiểu hú họa, và rằng anh chẳng bao giờ nghĩ về mối nguy hiểm cho bản thân.

– Bởi vì – chính các anh hãy đồng ý đi – nếu không biết chắc chắn có bao nhiêu ở đó... mạng sống phụ thuộc vào điều này, có thể là hàng trăm người, mà ở đây chỉ

có chúng ta ; và rồi tôi rất muốn điều này, và nhất định, nhất định tôi sẽ đi ; các anh sẽ không giữ được tôi đâu, – anh nói, – chỉ làm mọi chuyện tệ hơn thôi...

IX

Mặc vào những chiếc áo choàng và mũ kiver của Pháp, Petya cùng Dolokhov đi đến con đường mòn nơi Denisov đã quan sát doanh trại, và, ra khỏi rừng trong bóng tối mịt mù, họ xuống thung lũng. Xuống đến dưới, Dolokhov ra lệnh cho những người lính Cossack đi cùng anh ta chờ ở đây và phi nước đại trên con đường dẫn đến cây cầu. Petya, tim đập thình thịch vì lo lắng, phi ngựa bên cạnh anh ta.

– Nếu bị bắt, tôi sẽ không chịu đầu hàng khi còn sống, tôi có súng lục, – Petya thì thầm.

– Đừng nói tiếng Nga, – Dolokhov nói nhanh bằng tiếng thì thầm, và ngay lúc đó trong bóng tối vang lên tiếng gọi «qui vive ?» và tiếng lách cách của súng.

Máu dồn lên mặt Petya, và anh nắm lấy khẩu súng lục.

– Lính kỵ binh giáo của trung đoàn số 6, – Dolokhov nói, không giảm tốc độ và không tăng tốc bước đi của ngựa.

Hình bóng đen của một người lính gác đứng trên cầu.

– Mật hiệu.

Dolokhov kìm ngựa lại và đi từng bước một.

– Này, Đại tá Gérard có ở đây không ? – anh nói.

– Mật lệnh, – người lính gác không trả lời, chặn đường.

– Khi một sĩ quan đi tuần, lính gác không được hỏi mật hiệu... – Dolokhov hét lên, đột nhiên nổi giận, thúc ngựa lao vào người lính gác. – Ta hỏi ngươi, đại tá có ở đây không?

Và, không đợi câu trả lời từ người lính gác đang né sang một bên, Dolokhov đi từng bước lên đồi.

Nhận thấy bóng đen của một người đang băng qua đường, Dolokhov dừng người đó lại và hỏi chỉ huy và các sĩ quan ở đâu. Người đó, với một chiếc túi trên vai, một binh lính, dừng lại, đến gần ngựa của Dolokhov, chạm tay vào nó và kể một cách đơn giản và thân thiện rằng chỉ huy và các sĩ quan ở phía trên đồi, tại trang trại, như anh ta gọi dinh thự của chủ đất.

Đi dọc theo con đường, từ cả hai phía đều vang lên tiếng nói của người Pháp từ các đống lửa, Dolokhov rẽ vào sân của ngôi nhà chủ đất. Đi qua cổng, anh xuống ngựa và tiến lại gần một đống lửa lớn đang rực cháy, xung quanh đó có vài người đang ngồi, nói chuyện lớn

tiếng. Trong một chiếc nồi kê ở mép lửa, cái gì đó đang được nấu, và một người lính đội mũ chóp và mặc chiếc áo choàng màu xanh, quỳ gối, được ánh lửa chiếu rọi rực rỡ, đang dùng một chiếc thông nòng súng khuấy trong đó.

– Ồ, hắn là một kẻ cứng đầu, – một sĩ quan ngồi trong bóng tối ở phía bên kia đống lửa nói.

– Hắn sẽ bắt lũ thỏ đế đó phải bước tiếp thôi, – một người khác cười nói.

Cả hai im bặt, nhìn vào bóng tối trước tiếng bước chân của Dolokhov và Petya đang tiến lại gần đống lửa cùng với ngựa của họ.

– Xin chào, các ông ! – Dolokhov dõng dạc nói to.

Các sĩ quan cựa quậy trong bóng tối bên đống lửa, và một sĩ quan cao ráo với chiếc cổ dài, đi vòng qua đống lửa, tiến lại gần Dolokhov.

– Là anh, Clément ? – anh ta nói. – Cái quái gì thế, ở đâu ra vậy... – nhưng anh ta không nói hết, nhận ra sai lầm của mình, và hơi cau mày, chào hỏi Dolokhov như một người lạ, hỏi anh ta có thể giúp gì.

Dolokhov kể rằng anh cùng đồng đội đang đuổi theo trung đoàn của mình, và hỏi, khi quay sang nói với tất cả mọi người, liệu các sĩ quan có biết gì về trung đoàn số 6 không. Không ai biết gì cả ; và Petya cảm thấy rằng các sĩ quan bắt đầu quan sát anh và Dolokhov một cách thù nghịch và nghi ngờ. Trong vài giây, tất cả đều im lặng.

– Nếu các ông trông chờ vào món súp buổi tối, thì các ông đến quá muộn rồi, – một giọng nói vang lên từ phía sau đống lửa với tiếng cười kìm nén.

Dolokhov trả lời rằng họ đã no và họ cần phải đi tiếp trong đêm.

Anh giao ngựa cho người lính đang khuấy nồi, và ngồi xuống bên đống lửa cạnh viên sĩ quan cổ dài. Viên sĩ quan này, không rời mắt, nhìn Dolokhov và hỏi lại một lần nữa anh thuộc trung đoàn nào. Dolokhov không trả lời, như thể không nghe thấy câu hỏi, và, khi đang châm một chiếc tẩu thuốc Pháp ngắn mà anh lấy từ trong túi ra, anh hỏi các sĩ quan xem con đường phía trước có an toàn khỏi quân Cossack không.

– Bọn cướp ở khắp mọi nơi, – một sĩ quan từ phía sau đống lửa trả lời.

Dolokhov nói rằng quân Cossack chỉ đáng sợ đối với những kẻ đi tụt lại như anh và đồng đội của anh, nhưng đối với những đội quân lớn thì quân Cossack chắc hẳn không dám tấn công, anh nói thêm một cách đầy nghi vấn. Không ai trả lời gì cả.

«Thôi, bây giờ anh ấy sẽ đi thôi», Petya nghĩ mỗi phút, khi đứng trước đống lửa và nghe cuộc trò chuyện.

Nhưng Dolokhov lại bắt đầu cuộc trò chuyện vừa bị gián đoạn và bắt đầu hỏi thẳng xem họ có bao nhiêu người trong tiểu đoàn, có bao nhiêu tiểu đoàn, bao nhiêu tù binh. Khi hỏi về những tù binh người Nga đang ở cùng đội của họ, Dolokhov nói :

– Thật là một việc tồi tệ khi phải lôi những cái xác này theo sau. Thà bắn phẫn nộ lũ khốn này đi còn hơn, – và cười lớn với một tiếng cười kỳ lạ khiến Petya cảm thấy rằng người Pháp sẽ nhận ra sự lừa dối ngay lập tức, và anh vô thức lùi lại một bước khỏi đống lửa.

Không ai trả lời một lời nào trước tiếng cười của Dolokhov, và một sĩ quan Pháp, người mà trước đó không thấy rõ (anh ta đang nằm, quấn trong chiếc áo choàng), hơi nhổm dậy và thì thầm điều gì đó với đồng đội. Dolokhov đứng dậy và gọi người lính dắt ngựa.

«Họ có đưa ngựa ra hay không ?» Petya nghĩ, vô thức tiến lại gần Dolokhov.

Ngựa đã được đưa ra.

– Xin chào, các ông, – Dolokhov nói.

Petya muốn nói chào buổi chiều nhưng không thể thốt nên lời. Các sĩ quan thì thầm điều gì đó với nhau. Dolokhov leo lên ngựa một lúc lâu, con ngựa không chịu đứng yên ; sau đó anh đi từng bước ra khỏi cổng. Petya đi sát bên anh, muốn quay lại nhìn xem liệu quân Pháp có đang chạy đuổi theo họ không nhưng không dám.

Ra đến đường, Dolokhov không đi ngược lại cánh đồng mà đi dọc theo ngôi làng. Tại một chỗ, anh dừng lại, lắng nghe. «Nghe thấy không ?» anh nói. Petya nhận ra tiếng nói của người Nga, nhìn thấy bên những đống lửa là những hình bóng đen của tù binh Nga. Xuống phía dưới đến cây cầu, Petya cùng Dolokhov đi ngang qua người lính gác, người vẫn không nói một lời, lầm lũi đi lại trên cầu, và họ đi vào thung lũng nơi quân Cossack đang chờ.

– Thôi, bây giờ tạm biệt. Hãy nói với Denisov rằng vào lúc bình minh, sau phát súng đầu tiên, – Dolokhov nói và định đi tiếp, nhưng Petya nắm lấy tay anh.

– Không ! – Petya hét lên, – anh là một anh hùng. Ôi, thật tuyệt vời ! thật tuyệt vời ! Tôi yêu anh biết bao.

– Được rồi, được rồi, – Dolokhov nói.

Nhưng Petya không buông anh ra, và trong bóng tối Dolokhov nhận ra Petya đang cúi xuống phía mình. Anh định hôn. Dolokhov hôn anh, cười lớn, và quay ngựa, biến mất trong bóng tối.

X

Trở lại trạm gác, Petya thấy Denisov ở hành lang. Denisov đang lo lắng, bồn chồn và bực bội với chính mình vì đã để Petya đi, anh đang đợi cậu.

– Tạ ơn Chúa ! – anh hét lên. – Thôi, tạ ơn Chúa ! – anh lặp lại, lắng nghe câu chuyện hào hứng của Petya. – Và quỷ tha ma bắt cậu đi, tại sao cậu không ngủ ! – Denisov nói. – Thôi, tạ ơn Chúa, bây giờ đi ngủ đi. Chúng ta còn chợp mắt được một chút trước khi trời sáng.

– Vâng... không, – Petya nói. – Tôi vẫn chưa muốn ngủ. Vả lại tôi cũng tự biết mình : nếu tôi ngủ thiếp đi thì coi như xong. Vả lại tôi cũng đã quen không ngủ trước trận đánh.

Petya ngồi một lúc trong chòi, vui vẻ nhớ lại những chi tiết của chuyến đi và hình dung sống động những gì sẽ xảy ra vào ngày mai. Sau đó, nhận thấy Denisov đã ngủ thiếp đi, anh đứng dậy và đi ra sân.

Ngoài sân vẫn còn tối mịt. Cơn mưa phùn đã dứt, nhưng những giọt nước vẫn rơi từ trên cây xuống. Gần trạm gác có thể thấy những hình bóng đen của những túp lều Cossack và những con ngựa bị buộc cùng nhau.

Phía sau chòi có thể thấy hai chiếc xe chở hàng, bên cạnh đó là những con ngựa đang đứng, và trong thung lũng ánh lửa đang lụi dần đỏ rực. Không phải tất cả quân Cossack và lính hussar đều ngủ : đây đó nghe thấy tiếng giọt nước rơi và tiếng ngựa nhai cỏ chậm rãi, không ồn ào, như những tiếng thì thầm.

Petya đi ra khỏi hành lang, nhìn quanh trong bóng tối và tiến lại gần những chiếc xe. Dưới xe có ai đó đang ngáy, và xung quanh chúng là những con ngựa đang đứng nhai yến mạch. Trong bóng tối Petya nhận ra con ngựa của mình, con ngựa mà anh gọi là Karabakh, mặc dù nó là một con ngựa của vùng Tiểu Nga, và đi lại gần nó.

– Nào, Karabakh, ngày mai chúng ta sẽ lập công nhé, – anh nói, ngửi lỗ mũi nó và hôn nó.

– Gì thế, cậu chủ, không ngủ à ? – một người lính Cossack đang ngồi dưới xe nói.

– Không ; à... Likhachev, phải không, tên anh là thế chứ ? Tôi vừa mới đi về. Chúng tôi đã đến chỗ quân Pháp.

Và Petya kể chi tiết cho người lính Cossack không chỉ về chuyến đi của mình mà còn về lý do tại sao anh

đi và tại sao anh nghĩ rằng thà mạo hiểm mạng sống của mình còn hơn làm mọi việc theo kiểu hú họa.

– Thế sao, lẽ ra nên ngủ một chút đi chứ, – người lính Cossack nói.

– Không, tôi quen rồi, – Petya trả lời. – Thế các anh có đá lửa cho súng lục không, có bị mòn không ? Tôi có mang theo đây này. Anh lấy đi.

Người lính Cossack thò đầu ra từ dưới xe để nhìn Petya kỹ hơn.

– Bởi vì tôi quen làm mọi việc một cách chính xác, – Petya nói. – Những người khác thì làm kiểu gì cũng được, không chuẩn bị gì cả, rồi sau đó lại hối hận. Tôi không thích thế.

– Đúng vậy, – người lính Cossack nói.

– À còn việc này nữa, làm ơn, anh bạn thân mến, mài hộ tôi thanh kiếm ; nó bị cùn rồi... (Nhưng Petya sợ nói dối : nó chưa bao giờ được mài cả.) Có thể làm việc này không ?

– Tại sao không, có thể chứ.

Likhachev đứng dậy, lục lọi trong các túi hành lý, và Petya sớm nghe thấy tiếng thép và đá mài lách cách đầy

tính chiến đấu. Anh leo lên xe và ngồi xuống mép xe. Người lính Cossack mài kiếm dưới xe.

– Thế nào, các anh lính ngủ cả rồi à ? – Petya hỏi.

– Ai ngủ thì ngủ, còn ai thức thì thức.

– Thế còn cậu bé thì sao ?

– Vesenny ấy à ? Cậu ấy đang nằm đống rơm trong hành lang kìa. Chắc vì sợ nên ngủ say lắm. Cậu ấy mừng rỡ lắm.

Sau đó một lúc lâu Petya im lặng, lắng nghe những âm thanh. Trong bóng tối vang lên những bước chân và một bóng đen xuất hiện.

– Anh đang mài gì thế ? – một người đàn ông hỏi khi tiến lại gần xe.

– Mài kiếm cho cậu chủ đây.

– Việc tốt đấy, – người đàn ông nói, người mà Petya thấy giống như một lính hussar. – Chỗ các anh có cái chén nào còn sót lại không ?

– À, đằng kia chỗ cái bánh xe ấy.

Viên hussar cầm lấy cái chén.

– Chắc trời sắp sáng rồi, – anh ta nói, ngáp một cái và đi đâu đó.

Petya lẽ ra phải biết rằng mình đang ở trong rừng, trong đội quân của Denisov, cách con đường một dặm ; rằng anh đang ngồi trên một chiếc xe bị quân Pháp đánh chiếm, bên cạnh buộc những con ngựa ; rằng dưới xe là người lính Cossack Likhachev đang ngồi mài kiếm cho anh ; rằng cái bóng đen lớn bên phải là trạm gác, và đốm đỏ rực ở phía dưới bên trái là đống lửa đang tàn ; rằng người đàn ông vừa đến lấy chén là một người lính hussar muốn uống nước ; nhưng anh không biết gì và không muốn biết gì về điều đó. Anh đang ở trong một vương quốc huyền diệu, nơi không có gì giống với thực tại. Cái bóng đen lớn đó, có thể là trạm gác, hoặc có thể là một hang động dẫn sâu vào lòng đất. Đốm đỏ đó, có thể là lửa, hoặc có thể là con mắt của một con quái vật khổng lồ. Có thể là anh thực sự đang ngồi trên xe, nhưng rất có thể anh không ngồi trên xe mà đang ở trên một tòa tháp rất cao, mà nếu ngã xuống thì sẽ bay cả ngày, bay cả tháng – cứ bay mãi mà không bao giờ tới đất. Có thể là dưới xe chỉ là người lính Cossack Likhachev, nhưng rất có thể đó là người đàn ông nhân hậu nhất, dũng cảm nhất, tuyệt vời nhất, người mà chưa ai từng biết đến. Có thể đây chính là một người lính hussar vừa đi lấy nước và đã đi vào thung lũng, nhưng

anh ta vừa mới biến mất khỏi tầm mắt – và đã hoàn toàn biến mất, và như thể chưa từng tồn tại.

Bất kể Petya nhìn thấy gì bây giờ, cũng không có gì làm anh ngạc nhiên. Anh đang ở trong vương quốc huyền diệu, nơi mọi thứ đều có thể xảy ra.

Anh nhìn lên bầu trời. Và bầu trời cũng huyền diệu như mặt đất. Trên trời đang quang đãng, trên những ngọn cây những đám mây trôi đi nhanh chóng, như thể đang để lộ ra những vì sao. Đôi khi có vẻ như bầu trời đang quang đãng và hiện ra bầu trời đen, trong trẻo. Đôi khi có vẻ như những đốm đen này là những đám mây nhỏ. Đôi khi có vẻ như bầu trời đang ở rất cao, rất cao đang vươn lên trên đầu ; đôi khi bầu trời lại sà thấp xuống hoàn toàn, đến mức có thể dùng tay chạm tới.

Petya bắt đầu nhắm mắt lại và lảo đảo.

Những giọt nước rơi lộp bộp. Tiếng nói chuyện khe khẽ vang lên. Ngựa hí và cắn nhau. Ai đó ngáy.

«Ozhig, zhig, ozhig, zhig...» tiếng thanh kiếm đang được mài rít lên, và đột nhiên Petya nghe thấy một dàn nhạc hòa âm nhịp nhàng đang chơi một bản thánh ca ngọt ngào, trang nghiêm đầy lạ lẫm. Petya vốn có năng khiếu âm nhạc như Natasha, và hơn cả Nikolai ; nhưng

anh chưa bao giờ học nhạc, chưa từng nghĩ về âm nhạc, và vì thế những giai điệu bất ngờ nảy ra trong đầu anh có vẻ đặc biệt mới mẻ và cuốn dẫn đối với anh. Âm nhạc vang lên ngày càng rõ và mạnh hơn. Bản nhạc lớn dần, chuyển từ nhạc cụ này sang nhạc cụ khác. Có một cái gì đó gọi là fugue, mặc dù Petya không hề có một khái niệm nhỏ nhất về fugue là gì. Mỗi nhạc cụ, lúc thì giống như vĩ cầm, lúc thì giống như kèn ống – nhưng tốt hơn và trong trẻo hơn cả tiếng vĩ cầm và kèn – mỗi nhạc cụ chơi phần riêng của mình và, khi chưa kịp kết thúc giai điệu, đã hòa lẫn với nhạc cụ khác, vốn bắt đầu gần như cùng một nội dung, rồi với nhạc cụ thứ ba, và thứ tư, và tất cả chúng hòa quyện thành một và lại tản ra, rồi lại hòa quyện lúc thì thành vẻ trang nghiêm-nhà thờ, lúc thì thành vẻ rực rỡ-sáng lòa và chiến thắng.

«A, đúng rồi, hóa ra mình đang nằm mơ», Petya tự nhủ, người hơi ngả về phía trước. «Đó là âm thanh trong tai mình. Hay có lẽ, đây là âm nhạc của mình. Nào, lại đi. Tiếp tục đi, âm nhạc của tôi ! Nào !..»

Cậu nhắm mắt lại. Và từ các phía khác nhau, như thể từ xa xăm, những âm thanh bắt đầu rung động, dần dần xếp lại, tản ra, hòa quyện, và một lần nữa tất cả kết hợp thành cùng một bài thánh ca ngọt ngào và trang trọng đó. «Chao ôi, thật là quyến rũ biết bao ! Muốn

bao nhiêu và thế nào tùy ý», Petya tự nhủ. Cậu thử điều khiển dàn nhạc cụ khổng lồ này.

«Nào, khẽ thôi, khẽ thôi, bây giờ hãy lịm dần đi». Và những âm thanh tuân theo cậu. «Nào, bây giờ đầy đặn hơn, vui tươi hơn. Nữa, còn rộn ràng hơn nữa». Và từ độ sâu thẳm vô danh trỗi dậy những âm thanh trang trọng, đang mạnh dần lên. «Nào, các giọng hát, hãy gia nhập vào !» Petya ra lệnh. Và lúc đầu từ xa vẳng lại những giọng nam, sau đó là giọng nữ. Các giọng hát lớn dần trong một nỗ lực trang trọng đều đặn. Petya cảm thấy vừa sợ hãi vừa vui sướng khi lắng nghe vẻ đẹp phi thường của chúng.

Cùng với bản hành khúc chiến thắng trang trọng, bài hát hòa quyện, và những giọt nước rơi tí tách, và «vzhik, zhig, zhig...» thanh kiếm rít lên, và những con ngựa lại lục đục và hí vang, không làm hỏng dàn đồng ca, mà gia nhập vào đó.

Petya không biết điều này kéo dài bao lâu : cậu tận hưởng, luôn ngạc nhiên trước sự tận hưởng của mình và hối tiếc rằng không có ai để chia sẻ nó. Cậu bị đánh thức bởi giọng nói dịu dàng của Likhachev.

– Xong rồi, thưa ngài ; sẽ chẻ đôi tên Pháp ra mất.

Petya sực tỉnh.

– Đã hừng sáng rồi ; thật đấy, đã sáng rồi ! – cậu kêu lên.

Những con ngựa trước đây không nhìn rõ giờ đã thấy được đến tận đuôi, và qua những cành cây trơ trụi có thể thấy ánh sáng loang loáng nước. Petya rùng mình, nhảy dựng lên, lấy từ trong túi ra một đồng rúp bạc đưa cho Likhachev ; vung vẩy, thử thanh kiếm rồi tra nó vào bao. Các chiến binh Cossack đang tháo dây buộc ngựa và thắt chặt đai yên.

– Kìa chỉ huy đã đến, – Likhachev nói.

Từ điếm canh, Denisov bước ra và, gọi Petya, ra lệnh tập hợp.

XI

Trong bóng tối lờ mờ, họ nhanh chóng dắt ngựa, thắt chặt đai yên và tập hợp theo các đơn vị. Denisov đứng cạnh điếm canh, đưa ra những mệnh lệnh cuối cùng. Bộ binh của đội quân, lê bước bằng hàng trăm đôi chân, tiến lên phía trước dọc theo con đường và nhanh chóng biến mất giữa những hàng cây trong màn sương mù trước lúc bình minh. Viên sĩ quan Esaul ra lệnh gì đó cho các chiến binh Cossack. Petya dắt ngựa của mình bằng dây cương, nôn nóng chờ đợi lệnh lên ngựa. Khuôn mặt cậu, được rửa bằng nước lạnh, đặc biệt là đôi mắt, rực cháy như lửa, một cơn rùng mình chạy dọc sống lưng, và toàn thân cậu run rẩy nhanh chóng và đều đặn.

– Nào, các anh đã sẵn sàng chưa ? – Denisov nói. – Cho ngựa lên.

Ngựa được dắt đến. Denisov nổi giận với một chiến binh Cossack vì đai yên bị lỏng và, sau khi mắng nhiếc anh ta, liền lên ngựa. Petya nắm lấy bàn đạp. Con ngựa, theo thói quen, định cắn vào chân cậu, nhưng Petya, không cảm thấy sức nặng của mình, nhanh chóng nhảy phóc lên yên và, nhìn quanh những người lính kỵ mã đang di chuyển trong bóng tối, tiến lại gần Denisov.

– Vasiliy Fyodorovich, ngài sẽ giao cho tôi việc gì đó chứ ? Làm ơn... vì Chúa... – cậu nói.

Denisov dường như đã quên mất sự hiện diện của Petya. Anh nhìn cậu một cái.

– Tôi chỉ yêu cầu cậu một điều, – anh nói nghiêm nghị : – hãy nghe lời tôi và đừng có xông vào đâu cả.

Trong suốt thời gian di chuyển, Denisov không nói thêm lời nào với Petya và đi lặng lẽ. Khi họ đến gần bìa rừng, ngoài cánh đồng đã thấy sáng rõ hơn hẳn. Denisov thì thầm điều gì đó với viên Esaul, và các chiến binh Cossack bắt đầu đi ngang qua Petya và Denisov. Khi tất cả đã đi qua, Denisov thúc ngựa và đi xuống đồi. Ngồi ngả ra sau và trượt đi, những con ngựa đi xuống thung lũng với những người cưỡi trên lưng. Petya đi cạnh Denisov. Cơn run rẩy toàn thân cậu càng tăng thêm. Trời càng lúc càng sáng hơn, chỉ có sương mù là che khuất những vật thể xa xăm. Đi xuống dưới và nhìn lại phía sau, Denisov gật đầu với một chiến binh Cossack đứng cạnh mình.

– Tín hiệu ! – anh thốt lên.

Chiến binh Cossack giơ tay lên, một tiếng súng vang lên. Và ngay lập tức nghe thấy tiếng vó ngựa phi lên

phía trước, những tiếng reo hò từ các phía khác nhau và thêm những tiếng súng nữa.

Cùng lúc đó, khi những âm thanh đầu tiên của tiếng vó ngựa và tiếng reo hò vang lên, Petya, thúc ngựa và thả dây cương, không nghe theo Denisov, người đang hét vào cậu, lao về phía trước. Petya thấy rằng đột nhiên, như giữa ban ngày, trời sáng rực lên vào khoảnh khắc đó, khi tiếng súng vang lên. Cậu phi ngựa đến cây cầu. Phía trước dọc theo con đường, các chiến binh Cossack đang phi nước đại. Trên cầu cậu va phải một chiến binh Cossack tụt lại phía sau và lao đi tiếp. Phía trước có những người nào đó – hẳn là quân Pháp – đang chạy từ phía bên phải con đường sang phía bên trái. Một người ngã xuống bùn dưới chân ngựa của Petya.

Xung quanh một ngôi nhà tranh, các chiến binh Cossack tụ tập lại làm gì đó. Từ giữa đám đông vang lên một tiếng hét kinh khủng. Petya phi ngựa đến đám đông này, và điều đầu tiên cậu nhìn thấy là khuôn mặt tái nhợt, với hàm dưới run rẩy của một tên lính Pháp đang bám lấy cán một cây giáo chĩa vào hắn.

– Ura !.. Các anh em... quân ta... – Petya hét lên và, thúc con ngựa đang hăng máu, lao về phía trước dọc theo đường phố.

Phía trước nghe thấy những tiếng súng. Các chiến binh Cossack, lính kỵ mã và những tù binh Nga rách rưới, chạy từ cả hai phía của con đường, đều hét lớn và lộn xộn điều gì đó. Một tên lính Pháp bảnh bao, không đội mũ, với khuôn mặt đỏ bừng cau có, trong chiếc áo khoác màu xanh đang dùng lưỡi lê chống trả các lính kỵ mã. Khi Petya phi đến, tên lính Pháp đã ngã xuống. «Lại muộn rồi», thoáng qua trong đầu Petya, và cậu lao về phía nơi nghe thấy những tiếng súng liên hồi. Những tiếng súng vang lên trong sân của ngôi nhà quý tộc đó, nơi cậu đã ở cùng Dolokhov đêm qua. Quân Pháp đã cố thủ ở đó sau hàng rào trong bụi cây rậm rạp, mọc đầy trong vườn và đang bắn vào các chiến binh Cossack tụ tập tại cổng. Khi tiến đến gần cổng, Petya thấy Dolokhov qua làn khói súng, với khuôn mặt tái nhợt, hơi xanh xao, đang hét lên điều gì đó với mọi người. «Bọc sườn ! Chờ bộ binh !» anh ta hét lên đúng lúc Petya tiến lại gần.

– Chờ sao ?.. Uraaa !.. – Petya hét lên và, không đợi lấy một phút, lao thẳng đến nơi nghe thấy tiếng súng và nơi khói súng dày đặc nhất.

Vang lên một loạt đạn, những viên đạn rít qua không trung. Các chiến binh Cossack và Dolokhov phi ngựa theo sau Petya vào cổng nhà. Quân Pháp, trong làn khói

dày đặc đang dao động, một số – quăng vũ khí và chạy ra khỏi bụi cây về phía các chiến binh Cossack, những người khác – chạy xuống đồi về phía ao. Petya phi ngựa của mình dọc theo sân nhà quý tộc và, thay vì giữ dây cương, cậu quơ tay một cách kỳ lạ và nhanh chóng rồi càng lúc càng tụt ra khỏi yên về một bên. Con ngựa, vấp phải đống lửa tàn trong ánh sáng buổi sáng, khựng lại, và Petya ngã nặng nề xuống nền đất ẩm ướt. Các chiến binh Cossack thấy tay và chân cậu co giật nhanh chóng, mặc dù đầu cậu không cử động. Một viên đạn đã xuyên qua đầu cậu.

Sau khi nói chuyện với viên sĩ quan Pháp cao cấp, người bước ra từ sau ngôi nhà với chiếc khăn tay trên thanh kiếm và tuyên bố rằng họ đầu hàng, Dolokhov xuống ngựa và tiến đến chỗ Petya đang nằm bất động với đôi tay dang rộng.

– Xong rồi, – anh ta nói, cau mày, và bước ra cổng đón Denisov đang đi tới.

– Bị giết rồi ?! – Denisov thốt lên, ngay từ xa đã nhận ra tư thế không còn sự sống quen thuộc, đau đớn mà cơ thể Petya đang nằm.

– Xong rồi, – Dolokhov lặp lại, như thể việc phát âm từ này mang lại cho anh ta sự hài lòng, và nhanh chóng

bước đến chỗ các tù binh mà các chiến binh Cossack đã xuống ngựa bao quanh. – Chúng ta sẽ không bắt tù binh nữa ! – anh ta hét lên với Denisov.

Denisov không trả lời ; anh tiến lại gần Petya, xuống ngựa và với đôi tay run rẩy lật khuôn mặt vấy máu và bùn, đã tái nhợt của Petya về phía mình.

«Mình đã quen với một thứ gì đó ngọt ngào. Nho khô tuyệt vời, hãy cầm lấy tất cả», anh nhớ lại. Và các chiến binh Cossack ngạc nhiên nhìn theo những âm thanh giống như tiếng chó sủa, mà Denisov nhanh chóng quay đi, tiến lại gần hàng rào và bám chặt lấy nó.

Trong số những tù binh Nga được Denisov và Dolokhov giải cứu có Pierre Bezukhov.

XII

Về đội tù binh đó, trong đó có Pierre, trong suốt thời gian di chuyển từ Moscow, không có lệnh mới nào từ giới chức Pháp. Đội quân này vào ngày 22 tháng 10 không còn đi cùng với những binh lính và đoàn xe đã cùng họ rời khỏi Moscow. Một nửa đoàn xe chở bánh mì khô, vốn đi theo họ trong những chặng đầu tiên, đã bị các chiến binh Cossack chiếm mất, nửa còn lại đã đi trước ; trong số lính bộ binh đi phía trước, không còn lấy một người ; tất cả họ đã biến mất. Pháo binh, vốn có thể thấy ở phía trước trong những chặng đầu, giờ đã được thay thế bằng những đoàn xe khổng lồ của Thống chế Junot, được hộ tống bởi quân Westphalia. Phía sau các tù binh là một đoàn xe chở các đồ vật kỵ binh.

Từ Vyazma, quân đội Pháp, vốn trước đây đi thành ba cột, giờ đi thành một đống hỗn độn. Những dấu hiệu mất trật tự mà Pierre nhận thấy ở điểm dừng chân đầu tiên từ Moscow, giờ đã lên đến mức tột cùng.

Con đường mà họ đi, từ cả hai phía đều rải rác xác ngựa chết ; những người rách rưới, những kẻ tụt lại từ các đơn vị khác nhau, liên tục thay đổi, lúc thì nhập vào, lúc thì lại tụt lại khỏi cột quân đang hành tiến.

Vài lần trong chuyến hành quân đã xảy ra những báo động giả, và những người lính hộ tống giương súng, bắn và chạy tán loạn, xô đẩy lẫn nhau, nhưng sau đó lại tập hợp lại và mắng nhiếc lẫn nhau vì nỗi sợ hãi vô cớ.

Ba nhóm người này, đi cùng nhau – trạm kỵ binh, đoàn tù binh và đoàn xe của Junot – vẫn tạo thành một thứ gì đó riêng biệt và nguyên vẹn, mặc dù cả cái này, cái kia và cái thứ ba đều đang tan chảy nhanh chóng.

Trong trạm, nơi ban đầu có 120 cỗ xe, giờ còn không quá 60 ; số còn lại đã bị chiếm hoặc bị bỏ lại. Từ đoàn xe của Junot cũng đã bị bỏ lại và bị chiếm mất vài cỗ xe. Ba cỗ xe đã bị cướp bóc bởi những người lính tụt lại từ quân đoàn của Davout. Từ những câu chuyện của người Đức, Pierre nghe nói rằng trạm này được canh gác nghiêm ngặt hơn cả các tù binh, và một trong những người bạn của họ, một người lính Đức, đã bị bắn theo lệnh của chính thống chế vì đã tìm thấy ở người lính đó một chiếc thìa bạc thuộc về thống chế.

Phần tan chảy nhiều nhất trong ba nhóm này là đoàn tù binh. Trong số 330 người rời khỏi Moscow, giờ còn lại chưa đầy một trăm. Các tù binh còn gây phiền hà cho lính hộ tống hơn cả đoàn xe của Junot và trạm kỵ binh. Họ hiểu rằng yên ngựa và những chiếc thìa của Junot có thể dùng vào việc gì đó, nhưng tại sao những người

lính đói khát và rét mướt lại phải đứng canh gác và canh giữ những người Nga cũng đói khát và rét mướt tương tự, những người đang chết cóng và tụt lại dọc đường, những người được lệnh phải bắn – điều đó không chỉ khó hiểu mà còn đáng ghét. Và những người lính hộ tống, như thể lo sợ trước tình cảnh đau thương đó mà chính họ cũng đang ở trong đó, đã không dám dành sự thương hại cho các tù binh vì điều đó sẽ làm tồi tệ thêm tình cảnh của chính mình, họ cư xử với các tù binh đặc biệt u ám và nghiêm khắc.

Tại Dorogobuzh, vào thời điểm đó, sau khi nhốt các tù binh vào chuồng ngựa, những người lính hộ tống đã bỏ đi cướp bóc chính kho lương của mình, vài tù binh đã đào hố dưới tường và bỏ trốn, nhưng đã bị quân Pháp bắt lại và bắn chết.

Trật tự cũ, được thiết lập khi rời khỏi Moscow, yêu cầu các sĩ quan tù binh phải đi riêng biệt với binh lính, từ lâu đã bị phá bỏ ; tất cả những ai có thể đi, đều đi cùng nhau, và Pierre từ chặng thứ ba đã lại đoàn tụ với Karataev và con chó cụt chân màu tím, con vật đã chọn Karataev làm chủ của mình.

Vào ngày thứ ba sau khi rời khỏi Moscow, Karataev lại lên cơn sốt, khiến anh phải nằm trong bệnh viện Moscow, và khi Karataev yếu đi, Pierre càng xa lánh

anh. Pierre không biết tại sao, nhưng từ lúc Karataev bắt đầu yếu đi, Pierre phải nỗ lực mới có thể tiến lại gần anh. Và khi nghe những tiếng rên rỉ khẽ đó, mà Karataev thường nằm xuống khi nghỉ dừng chân, và cảm thấy mùi hôi thối đang bốc ra từ Karataev càng lúc càng nặng, Pierre càng tránh xa anh và không nghĩ về anh nữa.

Trong cảnh tù đày, trong lán trại, Pierre đã nhận ra không phải bằng trí óc, mà bằng toàn bộ bản thể, bằng cuộc sống của mình, rằng con người được tạo ra để hạnh phúc, rằng hạnh phúc nằm ngay trong chính bản thân mình, trong việc thỏa mãn những nhu cầu tự nhiên của con người, và rằng tất cả nỗi bất hạnh không phải từ sự thiếu thốn, mà là từ sự dư thừa ; nhưng giờ đây, trong ba tuần hành quân cuối cùng, anh đã nhận ra một sự thật mới, an ủi hơn – anh đã biết rằng không có gì đáng sợ trên đời cả. Anh đã biết rằng như không có tình cảnh nào mà trong đó con người hạnh phúc và hoàn toàn tự do, thì cũng không có tình cảnh nào mà trong đó họ hoàn toàn bất hạnh và mất tự do. Anh đã biết rằng có một giới hạn của sự chịu đựng và giới hạn của tự do và rằng giới hạn này rất mong manh ; rằng con người đau khổ vì một chiếc lá bị gấp lại trên chiếc giường hoa hồng của mình cũng giống hệt như anh lúc này đang đau khổ khi ngủ trên mặt đất ẩm ướt, lạnh lẽo, làm

nguội lạnh một bên và sưởi ấm bên kia ; rằng khi anh đi đôi giày vũ hội chật chội trước kia, anh cũng đau khổ y như bây giờ khi anh đi chân trần hoàn toàn (giày của anh đã rách nát từ lâu), đôi chân đầy những vết lở loét. Anh đã học được rằng khi anh, như anh nghĩ, kết hôn với vợ mình theo ý muốn của mình, anh cũng không hề tự do hơn lúc này, khi anh bị nhốt vào chuồng ngựa đêm nay. Từ tất cả những gì sau này anh gọi là sự đau khổ, nhưng lúc đó anh hầu như không cảm thấy, điều chính yếu là đôi chân trần, trầy xước, đóng vảy của mình. (Thịt ngựa rất ngon và bổ dưỡng ; hương vị diêm tiêu của thuốc súng được dùng thay muối thậm chí còn dễ chịu ; cái lạnh quá mức không có, và ban ngày khi đi đường luôn luôn nóng, còn ban đêm có lửa trại ; chấy rận, vốn ăn thịt anh, đã sưởi ấm cơ thể anh.) Một điều khó khăn trong thời gian đầu – đó là đôi chân.

Vào ngày thứ hai của cuộc hành quân, sau khi kiểm tra các vết loét của mình bên đống lửa, Pierre nghĩ rằng không thể dẫm lên chúng được nữa ; nhưng khi tất cả đứng lên, anh vừa đi vừa khập khiễng, và sau đó, khi đã nóng người lên, anh đi không còn đau nữa, mặc dù đến tối nhìn đôi chân còn đáng sợ hơn. Nhưng anh không nhìn vào chúng và nghĩ về chuyện khác.

Chỉ đến bây giờ Pierre mới hiểu hết sức sống của con người và sức mạnh cứu rỗi của việc chuyển hướng chú ý, vốn được đặt vào con người, tương tự như chiếc van an toàn trong máy hơi nước, cái van xả bớt hơi thừa khi áp suất vượt quá mức quy chuẩn nhất định.

Anh không nhìn thấy và không nghe thấy việc quân Pháp bắn những tù binh tụt lại, mặc dù hơn một trăm người trong số họ đã chết theo cách đó. Anh không nghĩ về Karataev, người đang yếu đi mỗi ngày và rõ ràng là sắp phải chịu chung số phận đó. Pierre càng ít nghĩ về bản thân mình hơn. Tình cảnh của anh càng trở nên khó khăn, tương lai của anh càng khủng khiếp, thì những ý nghĩ, ký ức và hình ảnh vui vẻ và yên bình càng nảy sinh trong anh độc lập với tình cảnh mà anh đang ở.

XIII

Vào giữa trưa ngày 22, Pierre đang đi lên dốc trên con đường lầy lội, trơn trượt, nhìn vào chân mình và những chỗ lồi lõm của con đường. Thỉnh thoảng anh lại liếc nhìn đám đông quen thuộc đang bao quanh mình, rồi lại nhìn vào chân mình. Và cả cái này lẫn cái kia đều quen thuộc với anh như nhau. Con chó Cụt chân màu tím vui vẻ chạy bên cạnh con đường, thỉnh thoảng, để chứng minh sự nhanh nhẹn và hài lòng của mình, lại co chân sau lên và nhảy lò cò trên ba chân, rồi lại nhảy bằng cả bốn chân, lao đi sủa lũ quạ đang đậu trên những xác chết. Con chó Cụt chân vui vẻ và sạch sẽ hơn khi ở Moscow. Từ tất cả các phía đều có thịt của các loài động vật khác nhau – từ con người đến ngựa – ở các giai đoạn phân hủy khác nhau, và chó sói không được phép lại gần bởi những người đang đi, nên con chó Cụt chân có thể ăn bao nhiêu tùy thích.

Cơn mưa nhỏ đã rơi từ sáng, và có vẻ như nó sắp tạnh và bầu trời sắp hửng sáng, nhưng sau một đợt dừng lại ngắn ngủi, mưa lại rơi nặng hạt hơn. Con đường đã sũng nước không còn thấm được nước nữa, và những dòng suối chảy dọc theo các rãnh.

Pierre vừa đi vừa nhìn quanh, đếm bước chân từng ba bước một và gập ngón tay lại. Quay sang cơn mưa, anh thầm lẩm bẩm : «nào, nào, rơi nữa đi, thêm chút nữa đi».

Cậu có cảm giác rằng mình không nghĩ ngợi gì cả ; nhưng đâu đó sâu thẳm, tâm hồn cậu đang suy nghĩ về một điều gì đó quan trọng và đầy an ủi. Đó là sự chiêm nghiệm tâm linh tinh tế nhất rút ra từ cuộc trò chuyện tối qua với Karataev.

Hôm qua, tại điểm dừng chân đêm, khi đang rét run bên đống lửa đã tắt, Pierre đứng dậy và chuyển sang đống lửa bên cạnh, đống lửa đang cháy tốt hơn. Cạnh đống lửa mà anh tiến đến, Platon đang ngồi, phủ trên đầu mình chiếc áo khoác quân đội như một chiếc mái che, và kể cho những người lính một câu chuyện bằng giọng điệu nhịp nhàng, dễ chịu nhưng yếu ớt và đau đớn. Đã quá nửa đêm. Đó là thời điểm mà Karataev thường hồi tỉnh sau cơn sốt và trở nên đặc biệt linh hoạt. Tiến lại gần đống lửa và nghe thấy giọng nói yếu ớt, đau đớn của Platon và nhìn thấy khuôn mặt tội nghiệp của anh được ánh lửa chiếu rọi, Pierre cảm thấy tim mình đau nhói. Anh sợ hãi lòng thương hại của mình đối với người này và muốn bỏ đi, nhưng không còn

đống lửa nào khác, và Pierre ngồi xuống đống lửa, cố gắng không nhìn vào Platon.

– Thế nào, sức khỏe của anh thế nào ? – anh hỏi.

– Sức khỏe à ? Đã mang bệnh thì đừng than vãn – Chúa sẽ không cho chết đâu, – Karataev nói : và ngay lập tức quay lại câu chuyện của mình.

– Và thế là, anh bạn ạ, – Platon tiếp tục với nụ cười trên khuôn mặt gầy gò, tái nhợt và với một ánh sáng rạng rỡ đặc biệt trong đôi mắt. – Thế là, anh bạn ạ...

Pierre đã biết câu chuyện này từ lâu, Karataev đã kể cho anh nghe ít nhất sáu lần và luôn với một cảm xúc vui vẻ đặc biệt. Nhưng dù Pierre có biết rõ câu chuyện này đến đâu, giờ đây anh vẫn lắng nghe nó như một điều gì đó mới mẻ, và sự cuồng nhiệt thầm lặng mà Karataev rõ ràng cảm thấy khi kể, cũng lây sang Pierre. Câu chuyện kể về một ông lão thương gia, sống tử tế và kính sợ Chúa cùng gia đình mình, và một lần ông cùng một người bạn thương gia giàu có đi gặp Makary.

Dừng lại tại một quán trọ, cả hai thương gia cùng đi ngủ, và ngày hôm sau người bạn thương gia được tìm thấy với vết cắt ở cổ và bị cướp. Một con dao dính đầy máu được tìm thấy dưới gối của ông lão thương gia.

Thương gia bị đưa ra xét xử, bị trừng phạt bằng roi và, sau khi bị xẻ mũi – «như lẽ thường, đúng quy định», Karataev nói – bị đày đi khổ sai.

– Và thế là, anh bạn ạ (tại chỗ này Pierre bắt đầu nhớ lại câu chuyện của Karataev), mười năm hoặc hơn thế nữa trôi qua. Ông lão sống trong cảnh khổ sai. Ông luôn phục tùng, không làm điều gì xấu. Chỉ cầu xin Chúa cho cái chết. Tốt thôi... Và rồi họ tập hợp lại, những kẻ khổ sai vào ban đêm, cũng giống như tôi và anh vậy ; và ông lão cũng ở cùng họ. Và cuộc trò chuyện bắt đầu, ai phải chịu khổ vì điều gì, ai có lỗi với Chúa. Họ bắt đầu kể : người này đã giết hại một mạng người, người kia giết hai người, người kia phóng hỏa, người kia bỏ trốn, cứ thế mà không vì lý do gì. Họ bắt đầu hỏi ông lão : «còn ông vì sao, ông nội, mà phải chịu khổ ?» – «Tôi, các anh bạn thân mến của tôi, – ông nói, – vì tội lỗi của chính mình và vì tội lỗi của người khác mà tôi chịu khổ. Tôi không giết người, cũng không lấy của ai cái gì, ngoại trừ việc bố thí cho những người anh em nghèo khó. Tôi, các anh bạn thân mến, là thương gia; và tôi đã có một gia sản lớn». Và thế là, ông kể cho họ nghe chuyện đã xảy ra thế nào theo trình tự. «Tôi, – ông nói, – không lo lắng về bản thân mình. Có nghĩa là, Chúa đã tìm thấy tôi. Tôi chỉ thương bà già và lũ con mình thôi». Và ông lão đã khóc như thế đấy. Tình cờ trong

nhóm của họ có chính cái người đã giết thương gia đó. «Ở đâu, – hắn nói, – ông nội, chuyện đó xảy ra ? Vào tháng nào ?» hắn hỏi kỹ mọi chuyện. Trái tim hắn bắt đầu đau nhói. Hắn tiến lại gần ông lão theo cách này – sụp xuống chân ông. «Vì tôi mà ông, ông nội, bị hủy hoại. Đó là sự thật chân chính ; oan ức vô tội, – hắn nói, – các anh em ơi, người này đang phải chịu cực hình. Tôi, – hắn nói, – chính tôi đã làm việc đó và đã nhét con dao dưới đầu ông lúc ông đang ngủ. Hãy tha thứ cho tôi, ông nội, vì Chúa».

Karataev im lặng, mỉm cười rạng rỡ, nhìn vào đống lửa và chỉnh lại đống củi.

«Ông lão nói : «Chúa sẽ tha thứ cho anh, còn chúng ta đều là những kẻ có lỗi trước Chúa. Tôi đang chịu khổ vì tội lỗi của chính mình». Và ông lão khóc bằng những giọt nước mắt đau đớn. «Còn anh nghĩ sao, chim ưng ơi», – Karataev nói, khuôn mặt càng lúc càng rạng rỡ hơn, tỏa ra một nụ cười nồng nhiệt, như thể điều quan trọng nhất và toàn bộ ý nghĩa của câu chuyện nằm ở điều mà anh sắp kể, – «còn anh nghĩ sao, chim ưng ơi : chính kẻ sát nhân này đã ra tự thú với giới chức. «Tôi, – hắn nói, – đã giết hại sáu mạng người (hắn là một kẻ đại ác ôn), nhưng tôi thương nhất là ông lão này. Đừng để ông ấy phải khóc vì tôi». Hắn ra tự thú : họ ghi chép,

gửi giấy tờ đi, theo trình tự. Nơi đó xa xôi, việc xét xử phải mất thời gian, họ viết hết các loại giấy tờ, đúng quy định, có nghĩa là. Đến tai nhà vua. Cho đến lúc đó, lệnh của vua mới ban xuống : thả thương gia ra, ban cho ông ấy phần thưởng, theo mức họ đã phán quyết. Giấy tờ đến, họ bắt đầu đi tìm ông lão : «Ở đâu có một ông lão vô tội đang phải chịu khổ như thế ?» Từ vua có giấy tờ gửi đến !» Đôi hàm dưới của Karataev run lên. «Nhưng Chúa đã tha thứ cho ông ấy rồi – ông ấy đã mất. Thế đấy, chim ưng ơi», – Karataev kết thúc và trong một lúc lâu, mỉm cười lặng lẽ, nhìn về phía trước mình.

Không phải chính câu chuyện này, mà là ý nghĩa huyền bí của nó, là niềm vui rạng ngời rực cháy trên khuôn mặt Karataev khi kể câu chuyện này, ý nghĩa huyền bí của niềm vui này, giờ đây lấp đầy tâm hồn Pierre một cách mơ hồ và hân hoan.

XIV

Về chỗ của các anh ! đột nhiên một giọng nói vang lên. Giữa các tù binh và lính hộ tống nảy sinh một sự hỗn loạn vui mừng và sự chờ đợi một điều gì đó hạnh phúc và trang trọng. Từ tất cả các phía nghe thấy những tiếng thét ra lệnh, và từ phía bên trái những kỵ binh phi nước đại, ăn mặc chỉnh tề, cưỡi trên những con ngựa tốt. Trên tất cả các khuôn mặt đều có vẻ căng thẳng, vốn thường thấy ở mọi người khi ở gần các cấp chính quyền cao nhất. Các tù binh bị dồn thành một đống, họ bị đẩy ra khỏi đường ; lính hộ tống dàn đội hình.

– Hoàng đế ! Hoàng đế ! Thống chế ! Công tước !

Và ngay khi những người lính hộ tống no đủ vừa đi qua, một cỗ xe kéo bằng những con ngựa xám phi nước đại vang dội đã vụt qua. Pierre thoáng thấy khuôn mặt bình thản, đẹp đẽ, mập mạp và trắng trẻo của một người đàn ông trong chiếc mũ ba sừng. Đó là một trong những thống chế. Cái nhìn của thống chế hướng về thân hình to lớn, nổi bật của Pierre, và trong ánh mắt đó, với vẻ mặt mà thống chế đang cau mày và quay mặt đi, Pierre dường như thấy được sự thương cảm và mong muốn che giấu nó.

Viên tướng chỉ huy trạm xe, với khuôn mặt đỏ bừng sợ hãi, thúc con ngựa gầy gò của mình, phi nước đại theo sau cỗ xe. Vài sĩ quan tụ tập lại cùng nhau, những người lính bao quanh họ. Trên tất cả là những khuôn mặt kích động-căng thẳng.

Hắn đã nói gì vậy ? Hắn đã nói gì thế ?.. Pierre nghe thấy.

Trong lúc thống chế đi qua, các tù binh bị dồn thành một đống, và Pierre nhìn thấy Karataev, người mà anh chưa gặp sáng nay. Karataev trong chiếc áo khoác ngắn của mình đang ngồi, tựa lưng vào một cây bạch dương. Trên mặt anh, ngoài vẻ mặt xúc động của niềm vui sướng tối qua trước câu chuyện về người thương gia bị oan ức, còn hiện rõ vẻ dịu dàng thầm lặng của sự thành kính.

Karataev nhìn Pierre bằng đôi mắt tròn trịa, nhân hậu của mình, giờ đây mờ đi vì nước mắt, và dường như đang gọi anh lại gần, muốn nói điều gì đó. Nhưng Pierre cảm thấy tự hổ thẹn. Ông làm như thể không nhìn thấy cái nhìn đó và vội vã bước đi.

Khi những người tù bắt đầu di chuyển, Pierre ngoảnh lại nhìn. Karataev đang ngồi bên lề đường, dưới gốc cây bạch dương ; và hai người Pháp đang nói gì đó bên

trên anh ta. Pierre không ngoảnh lại nữa. Ông đi khập khiễng lên dốc.

Phía sau, từ nơi Karataev đang ngồi, vang lên một tiếng súng. Pierre nghe rõ tiếng súng đó, nhưng ngay khoảnh khắc nghe thấy, Pierre nhớ ra rằng ông vẫn chưa hoàn thành phép tính đã bắt đầu trước khi nguyên soái đi qua về việc còn bao nhiêu chặng đường nữa thì đến Smolensk. Và ông bắt đầu đếm. Hai người lính Pháp, một người cầm trên tay khẩu súng vừa bắn còn đang bốc khói, chạy lướt qua Pierre. Cả hai đều tái mét, và trong biểu cảm khuôn mặt họ–một người lén lút nhìn Pierre–có điều gì đó giống với những gì ông đã thấy ở người lính trẻ trong buổi hành hình. Pierre nhìn người lính và nhớ lại việc chính người lính này ba ngày trước đã đốt cháy chiếc áo sơ mi của mình khi đang hong khô bên đống lửa, và họ đã cười nhạo anh ta như thế nào.

Con chó tru lên phía sau, từ nơi Karataev đang ngồi. «Con ngốc này, nó tru tréo về cái gì thế nhỉ ?» Pierre nghĩ.

Những người lính–đồng đội đi cạnh Pierre không ngoảnh lại nhìn nơi phát ra tiếng súng và sau đó là tiếng chó tru, giống như ông ; nhưng một vẻ nghiêm nghị lộ rõ trên mọi khuôn mặt.

XV

Trạm nghỉ, tù nhân và đoàn xe của nguyên soái dừng lại ở làng Shamishev. Tất cả chen chúc thành một đống bên những đống lửa. Pierre đến bên đống lửa, ăn một miếng thịt ngựa nướng, nằm quay lưng lại phía lửa và ngủ thiếp đi ngay lập tức. Ông lại ngủ một giấc giống như giấc ngủ ở Mozhaisk sau trận Borodino.

Một lần nữa những sự kiện của thực tại hòa quyện với những giấc chiêm bao, và một lần nữa ai đó, hoặc chính ông hoặc một ai đó khác, đã nói cho ông nghe những suy nghĩ và thậm chí là chính những suy nghĩ đã được nói với ông ở Mozhaisk.

– Cuộc sống là tất cả. Cuộc sống là Thiên Chúa. Mọi thứ thay đổi, chuyển động, và sự chuyển động này chính là Thiên Chúa. Và chừng nào còn cuộc sống, thì còn sự tận hưởng ý thức về thần tính. Yêu cuộc sống – là yêu Thiên Chúa. Khó khăn và hạnh phúc nhất chính là – yêu cuộc sống này trong những đau khổ của mình, trong sự vô tội của những đau khổ.

«Karataev !» Pierre nhớ lại.

Và đột nhiên Pierre hình dung ra, như thể còn sống, một ông già nhỏ nhắn hiền lành đã bị lãng quên từ lâu, người đã dạy cho Pierre địa lý ở Thụy Sĩ. «Đợi đã», ông già nói và chỉ cho Pierre một quả địa cầu. Quả địa cầu này là một quả cầu sống động, dao động, không có kích thước cố định. Toàn bộ bề mặt của quả cầu bao gồm các giọt nước, ép chặt vào nhau. Và những giọt này đều chuyển động, thay đổi vị trí, lúc thì hòa vào nhau từ vài giọt thành một, lúc thì từ một giọt lại tách ra làm nhiều giọt. Mỗi giọt đều cố gắng lan tỏa ra, chiếm lấy không gian lớn nhất, nhưng những giọt khác, cũng cố gắng làm như vậy, ép chặt nó lại, đôi khi tiêu diệt nó, đôi khi hòa nhập với nó.

– Đây là cuộc sống, – ông già giáo sư nói.

«Thật đơn giản và rõ ràng làm sao», Pierre nghĩ. «Sao mình lại có thể không biết điều này trước đây».

– Ở giữa là Thiên Chúa, và mỗi giọt nước đều cố gắng mở rộng ra để phản chiếu Ngài ở kích thước lớn nhất. Và nó lớn lên, và hòa quyện, và co lại, và bị tiêu diệt trên bề mặt, đi vào chiều sâu và lại nổi lên. Đấy, anh ta là Karataev, đấy anh ta đã lan tỏa và biến mất. Vous avez compris, mon enfant, – ông giáo sư nói.

– Các ông hiểu rồi chứ, cái quái gì thế ! – một giọng nói hét lên, và Pierre tỉnh dậy.

Ông nhỏm người dậy và ngồi xuống. Bên đống lửa, ngồi xổm, là một người lính Pháp vừa mới xô đẩy một người lính Nga, và đang nướng thịt xỏ vào một cái thông nòng súng. Những bàn tay gân guốc, xắn tay áo, đầy lông lá, đỏ ửng với những ngón tay ngắn, đang khéo léo xoay cái thông nòng. Khuôn mặt nâu sẫm buồn rầu với đôi lông mày nhíu lại hiện rõ trong ánh sáng của than hồng.

– Với hắn thì cũng thế cả thôi, – anh ta lẩm bẩm, nhanh chóng quay sang người lính đứng sau mình. – Brigand. Va !

Và người lính, vừa xoay cái thông nòng, vừa buồn rầu liếc nhìn Pierre. Pierre quay đi, nhìn vào bóng tối. Một người lính Nga, tù nhân, người vừa bị tên lính Pháp xô đẩy, đang ngồi bên đống lửa và vỗ về một cái gì đó bằng tay. Nhìn kỹ hơn, Pierre nhận ra con chó nhỏ màu tím, đang vẫy đuôi, ngồi cạnh người lính.

– À, nó đã đến à ? – Pierre nói. – À, Pla... – ông bắt đầu và không nói hết câu.

Trong trí tưởng tượng của ông, đột nhiên, đồng thời, liên kết với nhau, nảy sinh ký ức về cái nhìn mà Platon đã nhìn ông, đang ngồi dưới gốc cây, về tiếng súng nghe thấy ở nơi đó, về tiếng chó tru, về những khuôn mặt tội lỗi của hai tên lính Pháp chạy ngang qua ông, về khẩu súng bốc khói, về sự vắng mặt của Karataev tại điểm dừng chân này, và ông đã sẵn sàng để hiểu rằng Karataev đã bị giết ; nhưng ngay khoảnh khắc đó trong tâm hồn ông, từ đâu không biết, nảy sinh ký ức về một buổi tối ông đã trải qua với một người phụ nữ Ba Lan xinh đẹp mùa hè năm ấy trên ban công ngôi nhà ở Kiev của mình. Và thế là, không liên kết những ký ức của ngày hôm nay và không rút ra kết luận nào về chúng, Pierre nhắm mắt lại, và bức tranh thiên nhiên mùa hè trộn lẫn với ký ức về việc tắm mát, về quả cầu lỏng đang dao động, và ông rơi xuống nước ở đâu đó, đến mức nước tràn qua đầu ông.

Trước khi mặt trời mọc, ông bị đánh thức bởi những tiếng súng vang rền, dồn dập và những tiếng hét. Những người Pháp chạy ngang qua Pierre.

– Bọn Co-dắc, – một người trong số họ hét lên, và một phút sau một đám đông những khuôn mặt Nga bao vây Pierre.

Pierre đã không thể hiểu chuyện gì đang xảy ra với mình trong một thời gian dài. Từ khắp các phía ông đều nghe thấy những tiếng kêu vui sướng của các đồng đội.

– Các anh em ơi ! Những người thân yêu của tôi, những người anh em ! – những người lính già vừa khóc vừa kêu lên, ôm chầm lấy các quân Cossack và kỵ binh nhẹ.

Các quân Cossack và kỵ binh nhẹ bao quanh những người tù và vội vã đưa cho họ quần áo, giày ủng, bánh mì. Pierre nức nở, ngồi giữa họ, và không thể thốt ra một lời nào ; ông ôm lấy người lính đầu tiên đến gần mình và vừa khóc vừa hôn anh ta.

Dolokhov đứng ở cổng một ngôi nhà đổ nát, để đám đông quân Pháp bị tước vũ khí đi qua. Những người Pháp, bàng hoàng vì tất cả những gì đã xảy ra, nói chuyện ồn ào với nhau ; nhưng khi đi ngang qua Dolokhov, người đang quất nhẹ vào ủng mình bằng một chiếc roi da và nhìn họ bằng cái nhìn lạnh lẽo, vô cảm, không hứa hẹn điều gì tốt đẹp, thì tiếng nói của họ im bặt. Ở phía bên kia, một quân Cossack của Dolokhov đứng và đếm các tù nhân, đánh dấu hàng trăm bằng phấn lên cánh cổng.

– Bao nhiêu rồi ? – Dolokhov hỏi người Cossack đang đếm tù nhân.

– Đến trăm thứ hai rồi, – người Cossack trả lời.

– Filez, filez, – Dolokhov lẩm bẩm, sau khi đã học thuộc biểu cảm này ở quân Pháp, và khi chạm mắt với những người tù đang đi qua, ánh mắt ông lại bừng lên một tia sáng tàn nhẫn.

Denisov với khuôn mặt u buồn, bỏ mũ lông ra, đi phía sau các quân Cossack đang khiêng thi thể của Petya Rostov đến một cái hố đã đào trong vườn.

XVI

Từ ngày 28 tháng 10, khi bắt đầu có sương giá, cuộc tháo chạy của quân Pháp chỉ càng thêm tính chất bi thảm của những con người bị chết cóng và bị nướng chết bên những đống lửa, và những người mặc áo lông thú và ngồi trong xe ngựa tiếp tục di chuyển với những của cải cướp bóc được của hoàng đế, các vị vua và các công tước ; nhưng về bản chất, quá trình tháo chạy và sự tan rã của quân đội Pháp không hề thay đổi.

Từ Moscow đến Vyazma, trong đội quân 73 ngàn người của Pháp, không tính cận vệ (vốn không làm gì trong suốt cuộc chiến ngoài việc cướp bóc), từ đội quân 73 ngàn người chỉ còn lại 36 ngàn người (trong số này không quá năm ngàn người tử trận). Đây là thành viên đầu tiên của một cấp số, mà theo đó các thành viên tiếp theo được xác định một cách chính xác về mặt toán học. Quân đội Pháp cũng tan rã và bị tiêu diệt theo cùng một tỷ lệ như thế từ Moscow đến Vyazma, từ Vyazma đến Smolensk, từ Smolensk đến Berezina, từ Berezina đến Vilna, bất kể mức độ lạnh nhiều hay ít, sự truy đuổi, việc chặn đường và tất cả các điều kiện khác được xem xét riêng biệt. Sau Vyazma, quân đội Pháp, thay vì ba cánh quân, đã dồn lại thành một đống và cứ thế đi cho

đến cuối cùng. Berthier đã viết cho hoàng đế của mình (như đã biết, các chỉ huy cho phép mình mô tả tình trạng của quân đội cách xa sự thật như thế nào), ông ta viết rằng :

«Con tin rằng có bổn phận phải cho Bệ hạ biết về tình trạng của các đơn vị quân đội trong các quân đoàn khác nhau mà con đã có thể quan sát được trong hai hoặc ba ngày qua ở các chặng đường khác nhau. Họ gần như tan rã. Số lượng binh lính đi theo quân kỳ cùng lắm chỉ chiếm một phần tư trong hầu hết các trung đoàn ; những người khác đi riêng lẻ theo các hướng khác nhau và vì lợi ích riêng của họ, với hy vọng tìm thấy lương thực và để thoát khỏi kỷ luật. Nói chung, họ coi Smolensk là điểm mà họ phải chấn chỉnh lại. Những ngày gần đây, người ta nhận thấy rằng nhiều binh lính vứt bỏ đạn dược và vũ khí của họ. Trong tình trạng này, lợi ích phục vụ Bệ hạ đòi hỏi, bất kể ý đồ tương lai của Người là gì, phải tập hợp quân đội tại Smolensk bằng cách bắt đầu loại bỏ những người không chiến đấu, chẳng hạn như những người mất ngựa, và những hành lý vô ích và các thiết bị pháo binh không còn tương xứng với lực lượng hiện tại. Ngoài ra, cần có những ngày nghỉ ngơi, lương thực là cần thiết cho những binh lính đang kiệt sức vì đói và mệt mỏi ; nhiều người đã chết trong những ngày gần đây trên đường đi và trong các lán trại. Tình

trạng này đang tồi tệ hơn và gây ra nỗi lo ngại rằng nếu không sớm có biện pháp khắc phục, chúng ta sẽ không còn làm chủ được binh sĩ trong chiến đấu. Ngày 9 tháng 11, cách Smolensk 30 dặm».

Khi tràn vào Smolensk, nơi đại diện cho họ như là vùng đất hứa, người Pháp đã giết hại lẫn nhau để giành lương thực, cướp phá chính các kho hàng của mình, và khi mọi thứ đã bị cướp sạch, họ lại chạy tiếp.

Tất cả đều đi, mà chính họ không biết mình đi đâu và tại sao. Thậm chí thiên tài Napoleon cũng biết điều này ít hơn những người khác, vì không ai ra lệnh cho ông ta. Nhưng dù sao, ông ta và những người xung quanh vẫn giữ những thói quen cũ của mình : các mệnh lệnh, lá thư, báo cáo, nhật lệnh vẫn được viết ; họ gọi nhau là: «Tâu Bệ hạ, Người anh em của ta, Hoàng tử vùng Eckmühl, Đức vua xứ Naples» vân vân. Nhưng các mệnh lệnh và báo cáo chỉ nằm trên giấy ; không có gì trong số đó được thực hiện, bởi vì chúng không thể thực hiện được, và mặc dù gọi nhau là Bệ hạ, Điện hạ và các anh em họ, tất cả họ đều cảm thấy rằng họ là những con người đáng thương và ghê tởm, đã gây ra nhiều tội ác mà giờ đây họ phải trả giá. Và, mặc dù họ giả vờ quan tâm đến quân đội, họ thực sự chỉ nghĩ về bản thân và về việc làm sao để thoát đi và cứu mình càng sớm càng tốt.

XVII

Các hành động của quân đội Nga và Pháp trong chiến dịch rút lui từ Moscow đến Neman giống như trò chơi bịt mắt bắt dê, trong đó hai người chơi bị bịt mắt và thỉnh thoảng một người rung chuông để thông báo cho người đuổi bắt biết về mình. Ban đầu, người bị bắt rung chuông mà không sợ kẻ thù, nhưng khi gặp khó khăn, anh ta cố gắng bước đi không tiếng động, chạy trốn khỏi kẻ thù của mình và thường, khi nghĩ rằng mình đang chạy trốn, lại đâm sầm vào tay kẻ đó.

Ban đầu quân đội của Napoleon vẫn cho biết về mình – điều này xảy ra trong giai đoạn đầu của cuộc di chuyển trên đường Kaluga – nhưng sau đó, khi đã rẽ sang đường Smolensk, họ bỏ chạy, dùng tay bịt lưỡi chuông lại, và thường, khi nghĩ rằng mình đang chạy thoát, lại đâm thẳng vào quân Nga.

Với tốc độ tháo chạy của quân Pháp và sự truy đuổi của quân Nga sau đó, do sự kiệt sức của ngựa, phương tiện chính để nhận biết vị trí của kẻ thù – các cuộc tuần tiễu kỵ binh – đã không tồn tại. Thêm vào đó, do sự thay đổi vị trí thường xuyên và nhanh chóng của cả hai quân đội, tin tức không bao giờ có thể đến kịp thời. Nếu vào ngày thứ hai, tin tức về việc quân địch đã ở đâu đó

vào ngày thứ nhất đến, thì đến ngày thứ ba, khi có thể thực hiện điều gì đó, thì đội quân này đã đi được hai chặng đường và ở trong một vị trí hoàn toàn khác.

Một đội quân bỏ chạy, đội quân kia đuổi theo. Từ Smolensk, quân Pháp có nhiều con đường khác nhau ; và có vẻ như, khi đã dừng lại ở đó bốn ngày, quân Pháp có thể biết kẻ thù đang ở đâu, cân nhắc điều gì đó có lợi và thực hiện điều gì đó mới mẻ. Nhưng sau bốn ngày dừng lại, đám đông này lại bỏ chạy không sang phải, chẳng sang trái, mà không có bất kỳ cuộc điều động và tính toán nào, đi theo con đường cũ, tồi tệ nhất, đến Krasnoye và Orsha – theo vết mòn đã có.

Chờ đợi kẻ thù từ phía sau chứ không phải từ phía trước, quân Pháp bỏ chạy, dàn trải và tách rời nhau ra đến 24 giờ đi đường. Phía trước tất cả là hoàng đế bỏ chạy, sau đó là các vị vua, sau đó là các công tước. Quân đội Nga, nghĩ rằng Napoleon sẽ rẽ sang phải về phía Dnieper, vốn là điều duy nhất hợp lý, cũng đã rẽ sang phải và tiến ra con đường lớn đến Krasnoye. Và ở đó, giống như trong trò chơi bịt mắt bắt dê, quân Pháp đã đụng độ với tiền đội của chúng ta. Bất ngờ nhìn thấy kẻ thù, quân Pháp bối rối, dừng lại vì hoảng sợ đột ngột, nhưng sau đó lại bỏ chạy, bỏ rơi các đồng đội đang đi phía sau. Ở đó, như thể xuyên qua hàng ngũ quân Nga,

các bộ phận riêng lẻ của quân Pháp đã đi qua trong ba ngày, hết bộ phận này đến bộ phận khác – đầu tiên là của phó vương, sau đó là của Davout, sau đó là của Ney. Tất cả họ đều bỏ rơi lẫn nhau, bỏ rơi tất cả các đồ đạc nặng nề, pháo binh, một nửa quân số và chạy trốn, chỉ đi vào ban đêm theo vòng cung bán nguyệt vòng qua quân Nga.

Ney, người đi sau cùng (vì bất chấp tình cảnh khốn cùng của mình, hay chính vì nó, ông ta muốn đánh bại cái trung đoàn đã làm ông ta bị thương, và ông ta đã bận rộn với việc phá hủy các bức tường thành của Smolensk mà không làm phiền ai), – Ney, người đi sau cùng cùng với quân đoàn 10 ngàn người của mình, đã chạy đến chỗ Napoleon ở Orsha với chỉ một ngàn người, bỏ rơi tất cả mọi người và tất cả súng ống, và vào ban đêm, lén lút băng qua rừng vượt qua Dnieper.

Từ Orsha họ lại chạy tiếp theo con đường đến Vilna, cũng giống như trò chơi bịt mắt bắt dê với quân đội đang truy đuổi. Tại Berezina họ lại bị xáo trộn, nhiều người chết đuối, nhiều người đầu hàng, nhưng những người đã vượt qua được dòng sông lại chạy tiếp. Người chỉ huy tối cao của họ khoác lên mình chiếc áo lông, ngồi vào xe trượt tuyết và phóng đi một mình, bỏ mặc

các đồng đội của mình. Ai có thể – cũng bỏ đi, ai không thể – thì đầu hàng hoặc chết.

XVIII

Có vẻ như, trong chiến dịch tháo chạy này của quân Pháp, khi họ làm tất cả những gì có thể để tự hủy diệt mình, khi trong không một cuộc di chuyển nào của đám đông này, bắt đầu từ lúc rẽ sang đường Kaluga cho đến lúc chỉ huy tháo chạy khỏi quân đội, lại không có một chút ý nghĩa nào, – có vẻ như trong giai đoạn này của chiến dịch, các nhà sử học không thể gán cho hành động của các khối quân sự ý chí của một con người, mô tả cuộc rút lui này trong ý nghĩa của họ. Nhưng không. Những núi sách đã được các nhà sử học viết về chiến dịch này, và ở khắp mọi nơi đều mô tả các mệnh lệnh của Napoleon và các kế hoạch sâu sắc của ông ta – những cuộc điều động chỉ đạo quân đội, và những thiên tài sắp xếp của các nguyên soái của ông ta.

Cuộc rút lui từ Maloyaroslavets vào lúc người ta mở cho ông ta con đường vào vùng đất trù phú và khi con đường song song đó được mở ra cho ông ta, con đường mà sau đó Kutuzov đã truy đuổi ông ta, – cuộc rút lui không cần thiết này trên con đường đã bị tàn phá được giải thích cho chúng ta bằng những cân nhắc sâu sắc khác nhau. Theo những cân nhắc sâu sắc tương tự như vậy, người ta mô tả cuộc rút lui của ông ta từ Smolensk

đến Orsha. Sau đó người ta mô tả sự anh dũng của ông ta tại Krasnoye, nơi ông ta được cho là đang chuẩn bị đón nhận trận đánh và tự mình chỉ huy, và đi với một cây gậy bạch dương và nói :

– Ta làm Hoàng đế thế là đủ rồi, giờ đã đến lúc phải làm một vị tướng, – nhưng mặc dù vậy, ngay sau đó ông ta lại bỏ chạy xa hơn, mặc kệ những bộ phận quân đội bị chia cắt ở phía sau cho số phận định đoạt.

Sau đó người ta mô tả cho chúng ta sự vĩ đại tâm hồn của các nguyên soái, đặc biệt là Ney, – sự vĩ đại tâm hồn bao gồm việc ông ta vào ban đêm băng qua rừng vòng qua Dnieper và không có cờ hiệu và pháo binh và không có chín phần mười quân đội đã chạy đến Orsha.

Và, cuối cùng, chuyến ra đi cuối cùng của vị hoàng đế vĩ đại khỏi quân đội anh hùng được các nhà sử học trình bày cho chúng ta như một điều gì đó vĩ đại và thiên tài. Ngay cả hành động tháo chạy hèn hạ này, mà theo ngôn ngữ con người được gọi là mức độ đê tiện cuối cùng, điều mà mỗi đứa trẻ đều được dạy để cảm thấy xấu hổ, – hành động này trong ngôn ngữ của các nhà sử học cũng nhận được sự bào chữa.

Khi đó, khi không còn có thể kéo dài thêm những sợi dây co giãn của các suy luận lịch sử, khi hành động đã

rõ ràng trái ngược với những gì toàn thể nhân loại gọi là cái thiện và thậm chí là sự công bằng, thì các nhà sử học lại nảy ra khái niệm cứu rỗi về sự vĩ đại. Sự vĩ đại dường như loại trừ khả năng đo lường cái tốt và cái xấu. Đối với người vĩ đại không có cái xấu. Không có sự kinh tởm nào có thể bị coi là lỗi lầm đối với người vĩ đại.

«*C'est grand* !» – các nhà sử học nói, và khi đó không còn cái tốt, cái xấu, mà chỉ có «*grand*» và «không *grand*». *Grand* – là tốt, không *grand* – là xấu. *Grand* là một đặc tính, theo quan niệm của họ, của một số sinh vật đặc biệt nào đó, được họ gọi là anh hùng. Và Napoleon, khi đang mặc chiếc áo lông ấm áp đi về nhà từ những người đang chết dần không chỉ là đồng đội mà (theo ý kiến của ông ta) là những người do ông ta đưa đến đây, cảm thấy *que c'est grand* (rằng điều đó thật vĩ đại), và tâm hồn ông ta được thanh thản.

«Từ cái cao cả đến cái lố bịch chỉ cách nhau một bước chân», ông ta nói. Và cả thế giới trong suốt năm mươi năm qua vẫn lặp lại : «Cao cả ! Vĩ đại ! Napoléon Vĩ đại ! Từ cái cao cả đến cái lố bịch chỉ cách nhau một bước chân».

Và không ai nghĩ đến việc rằng việc thừa nhận sự vĩ đại, không thể đo lường được bằng thước đo của cái tốt

và cái xấu, chỉ là sự thừa nhận sự vô giá trị và sự nhỏ bé không thể đo lường được của chính mình.

Đối với chúng ta, với thước đo cái tốt và cái xấu mà Chúa Kitô đã ban cho chúng ta, không có gì là không thể đo lường được. Và không có sự vĩ đại ở nơi nào thiếu sự giản dị, lòng tốt và sự thật.

XIX

Ai trong số những người Nga, khi đọc những mô tả về giai đoạn cuối cùng của chiến dịch năm 1812, lại không trải qua một cảm giác nuối tiếc, không hài lòng và mơ hồ ? Ai lại không tự đặt cho mình những câu hỏi : tại sao không bắt giữ, không tiêu diệt tất cả quân Pháp, khi cả ba đạo quân bao vây họ với số lượng vượt trội ; khi quân Pháp tan tác, đói khát và rét mướt, đầu hàng thành từng đám, và khi (như lịch sử kể lại cho chúng ta) mục tiêu của quân Nga chính là để ngăn chặn, cắt đứt và bắt làm tù binh tất cả quân Pháp ?

Làm thế nào mà đạo quân Nga đó, vốn ít người hơn quân Pháp, đã đánh trận Borodino, làm thế nào mà đạo quân đó, từ ba phía bao vây quân Pháp và có mục tiêu bắt giữ họ, lại không đạt được mục tiêu của mình ? Chẳng lẽ quân Pháp lại có ưu thế to lớn như vậy so với chúng ta đến mức chúng ta với lực lượng vượt trội, bao vây họ, mà không thể đánh bại họ ? Làm thế nào mà chuyện đó có thể xảy ra ?

Lịch sử (cái gọi là lịch sử bằng từ này), trả lời những câu hỏi này, nói rằng điều đó xảy ra bởi vì Kutuzov, Tormasov, Chichagov, và người này người kia đã

không thực hiện những cuộc điều động này hay cuộc điều động kia.

Nhưng tại sao họ lại không thực hiện tất cả những cuộc điều động này ? Tại sao, nếu họ có lỗi trong việc không đạt được mục tiêu đã định, – tại sao họ lại không bị xét xử và không bị hành hình ? Nhưng thậm chí nếu chấp nhận rằng nguyên nhân thất bại của quân Nga là Kutuzov, Chichagov, vân vân, thì vẫn không thể hiểu được tại sao, và trong những điều kiện như thế nào, quân Nga ở Krasnoye và ở Berezina (trong cả hai trường hợp quân Nga đều có lực lượng vượt trội), tại sao không bắt được quân Pháp làm tù binh cùng với các nguyên soái, các vị vua và hoàng đế, khi mục tiêu của người Nga chính là ở đó ?

Giải thích cho hiện tượng kỳ lạ này (như các sử gia quân sự Nga vẫn làm) rằng Kutuzov đã ngăn cản cuộc tấn công, là không có căn cứ bởi vì chúng ta biết rằng ý chí của Kutuzov đã không thể ngăn giữ quân đội khỏi cuộc tấn công ở Vyazma và ở Tarutino.

Tại sao quân đội Nga, với những lực lượng yếu hơn, lại giành được chiến thắng trước kẻ thù ở Borodino với tất cả sức mạnh của nó, – mà ở Krasnoye và ở Berezina, với những lực lượng vượt trội, lại bị đánh bại bởi đám đông tan tác của quân Pháp ?

Nếu mục tiêu của quân Nga là cắt đứt và bắt làm tù binh Napoleon cùng các nguyên soái, và mục tiêu này không chỉ không đạt được, mà mọi nỗ lực để đạt được mục tiêu này mỗi lần đều bị phá vỡ một cách nhục nhã nhất, thì giai đoạn cuối cùng của chiến dịch được quân Pháp trình bày một cách hoàn toàn công bằng như một chuỗi chiến thắng và được các nhà sử học Nga trình bày một cách hoàn toàn không công bằng như một cuộc hành quân thắng lợi.

Các sử gia quân sự Nga, đến mức mà đối với họ logic là bắt buộc, không tự nguyện đi đến kết luận này, và bất chấp những lời kêu gọi trữ tình về lòng dũng cảm và lòng trung thành vân vân, họ buộc phải thừa nhận rằng cuộc rút lui của quân Pháp khỏi Moscow là một chuỗi chiến thắng của Napoleon và thất bại của Kutuzov.

Nhưng, gạt bỏ hoàn toàn lòng tự ái dân tộc, người ta cảm thấy rằng kết luận này tự thân nó chứa đựng một sự mâu thuẫn, vì chuỗi chiến thắng của quân Pháp đã đưa họ đến sự hủy diệt hoàn toàn, còn chuỗi thất bại của quân Nga lại đưa họ đến sự tiêu diệt hoàn toàn kẻ thù và giải phóng quê hương mình.

Nguồn gốc của sự mâu thuẫn này nằm ở chỗ các nhà sử học, nghiên cứu các sự kiện theo các bức thư của các hoàng đế và các tướng lĩnh, theo các báo cáo, các kế

hoạch vân vân, đã giả định một mục tiêu sai lầm, chưa bao giờ tồn tại, cho giai đoạn cuối cùng của cuộc chiến năm 1812, – một mục tiêu như thể là cắt đứt và bắt sống Napoleon cùng các nguyên soái và quân đội.

Mục tiêu này chưa bao giờ có và không thể có, bởi vì nó không có ý nghĩa, và việc đạt được nó là hoàn toàn không thể.

Mục tiêu này không có ý nghĩa gì, thứ nhất, bởi vì đội quân tan rã của Napoleon với tất cả tốc độ có thể đang tháo chạy khỏi Nga, tức là đang thực hiện chính điều mà mọi người Nga có thể mong muốn. Tại sao lại phải thực hiện các hoạt động khác nhau chống lại quân Pháp, những kẻ đang chạy nhanh nhất có thể ?

Thứ hai, thật vô nghĩa khi đứng chặn đường những người đang dồn hết năng lượng của mình vào việc chạy trốn.

Thứ ba, thật vô nghĩa khi làm mất đi quân đội của mình để tiêu diệt các đạo quân Pháp đang bị tiêu diệt mà không cần các nguyên nhân bên ngoài theo một tỷ lệ như thế, đến mức mà không cần bất kỳ sự cản trở nào trên đường đi, họ cũng không thể đưa qua biên giới nhiều hơn những gì họ đã có thể, họ đã chuyển quân

vào tháng mười hai, tức là chỉ một phần trăm tổng số quân đội.

Thứ tư, thật vô nghĩa khi muốn bắt làm tù binh hoàng đế, các vua, các công tước – những người mà việc bắt giữ họ sẽ gây khó khăn vô cùng cho các hoạt động của người Nga, như các nhà ngoại giao khéo léo nhất thời bấy giờ đã thừa nhận (J. Maistre và những người khác). Càng vô nghĩa hơn nữa là ý muốn bắt giữ các quân đoàn Pháp khi quân đội của chính mình đã tan rã một nửa trước khi đến Krasnoye, mà đối với các quân đoàn tù binh thì cần phải tách các sư đoàn làm hộ tống, và khi binh lính của chính mình không phải lúc nào cũng nhận được đầy đủ lương thực và những tù binh đã bắt được thì đang chết dần vì đói.

Toàn bộ kế hoạch sâu xa về việc cắt đứt và bắt giữ Napoleon cùng với quân đội của ông ta giống như kế hoạch của một người làm vườn, khi đuổi con gia súc đã giẫm nát luống rau ra khỏi vườn, lại chạy ra cổng và bắt đầu đập vào đầu con gia súc đó. Điều duy nhất có thể nói để bào chữa cho người làm vườn là ông ta đang rất giận dữ. Nhưng ngay cả điều này cũng không thể nói về những người lập ra dự án, vì không phải họ là những người chịu thiệt hại từ các luống rau bị giẫm nát.

Nhưng ngoài việc cắt đứt Napoleon cùng quân đội là vô nghĩa, điều đó còn là không thể.

Không thể là vì, thứ nhất, vì như kinh nghiệm cho thấy, sự di chuyển của các đội quân trên khoảng cách năm dặm trong một trận chiến không bao giờ trùng khớp với các kế hoạch, nên xác suất để Chichagov, Kutuzov và Wittgenstein gặp nhau đúng lúc tại một địa điểm đã định là nhỏ nhoi đến mức tương đương với con số không ; đúng như Kutuzov đã nghĩ, người ngay khi nhận được kế hoạch đã nói rằng các cuộc nghi binh ở khoảng cách lớn không mang lại kết quả mong muốn.

Thứ hai, không thể là vì để làm tê liệt lực lượng quán tính mà quân đội Napoleon đang di chuyển lùi lại, cần phải có quân đội lớn hơn không thể so sánh được so với quân đội mà người Nga đang có.

Thứ ba, không thể là vì từ quân sự «cắt đứt» không có ý nghĩa gì cả. Có thể cắt đứt một miếng bánh mì, nhưng không phải một quân đội. Cắt đứt quân đội – chặn đường nó – là điều không thể thực hiện được, vì xung quanh luôn có nhiều chỗ có thể đi vòng qua, và có ban đêm mà trong đó không nhìn thấy gì, điều mà các nhà khoa học quân sự có thể tự thuyết phục từ các ví dụ ở Krasnoye hay Berezina. Còn việc bắt làm tù binh thì không thể nếu không có sự đồng ý của người bị bắt,

cũng như không thể bắt một con chim én, mặc dù có thể bắt được nó khi nó đậu lên tay. Chỉ có thể bắt làm tù binh kẻ đầu hàng, như người Đức, theo các quy tắc chiến thuật và chiến lược. Nhưng quân đội Pháp hoàn toàn chính đáng khi thấy điều này là không thuận tiện, vì cái chết vì đói và lạnh như nhau đang chờ đợi họ khi chạy trốn và khi bị bắt làm tù binh.

Thứ tư và là điều chính yếu, điều đó là không thể vì chưa bao giờ kể từ khi thế giới tồn tại, lại có một cuộc chiến tranh trong những điều kiện khủng khiếp như những điều kiện diễn ra vào năm 1812, và quân đội Nga trong cuộc truy kích người Pháp đã dốc hết sức lực của mình và không thể làm được gì hơn mà không tự tiêu diệt chính mình.

Trong cuộc hành quân của quân đội Nga từ Tarutino đến Krasnoye, đã có năm mươi ngàn người bệnh và bị tụt lại phía sau, tức là một con số bằng dân số của một thành phố tỉnh lỵ lớn. Một nửa số người đã rời khỏi quân đội mà không qua chiến đấu.

Và nói về giai đoạn này của chiến dịch, khi quân đội không có giày và áo lông, với lương thực không đầy đủ, không có rượu, suốt nhiều tháng ngủ trong tuyết và trong cái lạnh 15 độ ; khi ban ngày chỉ có 7 và 8 giờ, còn lại là ban đêm mà kỷ luật không thể có ảnh

hưởng ; khi không giống như trong một trận chiến, mọi người chỉ được đưa vào vùng chết trong vài giờ, mà là ở đây mọi người sống hàng tháng trời, từng phút một đấu tranh với cái chết vì đói và lạnh ; khi trong một tháng có một nửa quân đội thiệt mạng, – về giai đoạn này của chiến dịch, các nhà sử học kể cho chúng ta nghe cách Miloradovich đáng lẽ phải thực hiện cuộc hành quân bên sườn đến chỗ này, còn Tormasov đến chỗ kia, và cách Chichagov đáng lẽ phải di chuyển đến chỗ nọ (di chuyển cao quá đầu gối trong tuyết), và cách người này người kia đã đánh gục và cắt đứt, v.v., v.v.

Người Nga, những người đã chết một nửa, đã làm tất cả những gì có thể làm và cần phải làm để đạt được mục tiêu xứng đáng với dân tộc, và không có lỗi trong việc những người Nga khác, ngồi trong những căn phòng ấm áp, đã dự định làm những điều không thể.

Tất cả sự mâu thuẫn kỳ lạ, không thể hiểu nổi này giữa thực tế với mô tả của lịch sử xảy ra chỉ vì các nhà sử học viết về sự kiện này đã viết lịch sử của những cảm xúc tốt đẹp và lời nói của các vị tướng khác nhau, chứ không phải lịch sử của các sự kiện.

Đối với họ, những lời nói của Miloradovich, những phần thưởng mà vị tướng này vị tướng kia nhận được và các dự đoán của họ dường như rất thú vị ; còn câu

hỏi về 50.000 người còn lại trong các bệnh viện và nấm mồ thậm chí không làm họ quan tâm, vì nó không nằm trong phạm vi nghiên cứu của họ.

Trong khi đó, chỉ cần quay lưng lại với việc nghiên cứu các báo cáo và các kế hoạch của các vị tướng và đi sâu vào sự di chuyển của hàng trăm ngàn người tham gia trực tiếp vào sự kiện, – và tất cả những câu hỏi trước đây dường như không thể giải quyết được, bỗng nhiên được giải quyết với sự dễ dàng và đơn giản lạ thường.

Mục tiêu cắt đứt Napoleon cùng quân đội chưa bao giờ tồn tại, ngoại trừ trong trí tưởng tượng của một chục người. Nó không thể tồn tại, vì nó vô nghĩa và việc đạt được nó là không thể.

Mục tiêu của nhân dân chỉ có một : quét sạch quân xâm lược khỏi đất nước mình. Mục tiêu này đã đạt được, thứ nhất, một cách tự nhiên, vì quân Pháp đã tháo chạy, và do đó chỉ cần không ngăn cản sự di chuyển này ; thứ hai, mục tiêu này đã đạt được bằng các hành động của cuộc chiến tranh nhân dân tiêu diệt quân Pháp, và thứ ba, bằng việc quân đội Nga lớn tiến bước theo sau quân Pháp, sẵn sàng sử dụng vũ lực trong trường hợp quân Pháp dừng di chuyển.

Quân đội Nga phải hành động như một chiếc roi đối với một con vật đang chạy. Và một người đánh xe có kinh nghiệm biết rằng điều có lợi nhất là giữ cho chiếc roi được giơ cao, đe dọa nó, chứ không phải quất vào đầu con vật đang chạy.

PHẦN THỨ TƯ

I

Khi một người nhìn thấy một con vật đang hấp hối, nỗi kinh hoàng bao trùm lấy anh ta : cái mà chính anh ta là – bản chất của anh ta – đang rõ ràng bị tiêu diệt trước mắt anh ta, ngừng tồn tại. Nhưng khi người hấp hối là một con người và là người thân yêu – thì ngoài nỗi kinh hoàng trước sự tiêu diệt của sự sống, còn cảm thấy một sự đứt đoạn và một vết thương tinh thần, vết thương này cũng giống như vết thương thể xác, đôi khi giết chết, đôi khi lành lại, nhưng luôn gây đau đớn và sợ hãi trước sự chạm vào gây kích ứng từ bên ngoài.

Sau cái chết của công tước Andrei, Natasha và công chúa Marya đều cảm thấy như vậy. Họ, bị uốn cong về mặt tinh thần và nhắm mắt lại trước đám mây chết chóc xám xịt, treo lơ lửng trên họ, không dám nhìn vào gương mặt của cuộc sống. Họ cẩn thận bảo vệ những vết thương hở của mình khỏi những sự chạm vào đau đớn, xúc phạm. Mọi thứ – một chiếc xe ngựa chạy nhanh qua phố, một lời nhắc nhở về bữa trưa, câu hỏi của một cô gái về chiếc váy cần chuẩn bị, tệ hơn nữa – một lời nói chia sẻ thiếu chân thành, yếu ớt, đều gây kích ứng

vết thương một cách đau đớn, dường như là một sự xúc phạm và phá vỡ sự tĩnh lặng cần thiết đó, trong đó cả hai đều cố gắng lắng nghe bản hợp xướng kinh khủng vẫn chưa dứt trong trí tưởng tượng của họ, và cố gắng nhìn sâu vào những khoảng cách vô tận vừa mới mở ra trước mắt họ.

Chỉ khi ở bên nhau họ mới không thấy bị xúc phạm và không thấy đau. Họ ít nói chuyện với nhau. Ngay cả khi họ nói, thì đó là về những điều tầm thường nhất. Và cả hai đều tránh nhắc đến bất cứ điều gì có liên quan đến tương lai.

Thừa nhận khả năng của tương lai dường như đối với họ là một sự xúc phạm đến ký ức của anh. Càng thận trọng hơn, họ tránh né trong các câu chuyện của mình tất cả những gì có thể có liên quan đến người đã khuất. Đối với họ dường như những gì họ đã sống và cảm nhận không thể diễn tả bằng lời. Dường như với họ rằng mọi sự nhắc nhở bằng lời nói về các chi tiết trong cuộc đời anh đều vi phạm sự vĩ đại và thánh thiện của bí tích đã diễn ra trước mắt họ.

Sự kiềm chế lời nói không ngừng, sự quan tâm thường xuyên tránh né tất cả những gì có thể gợi ra lời nói về anh, – những điểm dừng này từ các phía khác nhau ở ranh giới của những gì không thể nói, còn thể hiện rõ

ràng và sống động hơn trước trí tưởng tượng của họ những gì họ đang cảm nhận.

Nhưng nỗi buồn thuần khiết toàn vẹn cũng không thể có được, cũng như niềm vui thuần khiết và toàn vẹn. Công chúa Marya, theo địa vị là người chủ duy nhất độc lập đối với số phận của mình, là người giám hộ và người dạy dỗ đứa cháu trai, lần đầu tiên bị cuộc sống gọi ra khỏi thế giới sầu muộn đó, nơi cô đã sống trong hai tuần đầu tiên. Cô nhận được những bức thư từ người thân mà cô cần phải trả lời ; căn phòng nơi họ đặt Nikolushka ẩm ướt, và thằng bé bắt đầu ho ; Alpatych đến Yaroslavl với các báo cáo về các công việc và với các đề nghị cùng lời khuyên chuyển đến Moscow đến ngôi nhà ở Vozdvizhenka, ngôi nhà vẫn còn nguyên vẹn và chỉ cần sửa chữa nhỏ. Cuộc sống không dừng lại, và cần phải sống. Dẫu cho công chúa Marya thấy khó khăn thế nào khi thoát khỏi thế giới suy tưởng cô tịch đó, nơi cô đã sống cho đến bấy giờ, dẫu cho cô thấy tiếc nuối và như thể hổ thẹn khi rời bỏ Natasha một mình, – những lo toan của cuộc sống vẫn đòi hỏi sự tham gia của cô, và cô vô tình phó mặc cho chúng. Cô kiểm tra các hóa đơn với Alpatych, bàn bạc với Desalles về đứa cháu và đưa ra các chỉ thị cùng sự chuẩn bị cho chuyến đi tới Moscow.

Natasha vẫn ở lại một mình, và kể từ lúc đó, khi công chúa Marya bắt đầu bận rộn với việc chuẩn bị ra đi, cô đã tránh mặt chị.

Công chúa Marya đề nghị nữ công tước cho Natasha đi cùng mình tới Moscow, và cha mẹ cô đã vui mừng đồng ý với lời đề nghị này, mỗi ngày họ đều nhận thấy sự suy sụp về sức mạnh thể chất của con gái và cho rằng việc thay đổi địa điểm và sự giúp đỡ của các bác sĩ Moscow là hữu ích cho cô.

– Con sẽ chẳng đi đâu cả, – Natasha trả lời khi cô được đưa ra lời đề nghị này, – chỉ là, làm ơn, hãy để con yên, – cô nói và chạy ra khỏi phòng, khó khăn lắm mới cầm được nước mắt không phải vì đau buồn, mà vì sự bực bội và tức giận.

Sau khi cô cảm thấy mình bị công chúa Marya bỏ rơi và cô đơn trong nỗi đau của mình, Natasha dành phần lớn thời gian một mình trong phòng mình, ngồi bó gối trong góc chiếc đi-văng và xé rách hoặc vò nát thứ gì đó bằng những ngón tay mảnh khẻ, căng thẳng, với cái nhìn kiên định, bất động nhìn vào nơi mà đôi mắt cô dừng lại. Sự cô độc này làm cô kiệt sức, hành hạ cô ; nhưng nó cần thiết cho cô. Mỗi khi có ai đó vào phòng cô, cô nhanh chóng đứng dậy, thay đổi tư thế và biểu cảm của ánh mắt và cầm lấy một cuốn sách hoặc việc

may vá, rõ ràng là với sự mất kiên nhẫn chờ đợi người đã làm phiền mình rời đi.

Cô luôn có cảm giác rằng mình sắp hiểu ra, thấu suốt được cái điều mà với một câu hỏi khủng khiếp, quá sức, tâm hồn cô đang hướng tới.

Vào cuối tháng mười hai, trong chiếc váy len đen, với mái tóc tết lỏng lẻo buộc thành búi, gầy gò và tái nhợt, Natasha ngồi bó gối trong góc đi-văng, căng thẳng vò nát và buông các đầu của chiếc thắt lưng, và nhìn vào góc cửa.

Cô nhìn vào nơi anh đã đi khuất, về phía bên kia của cuộc đời. Và phía bên kia của cuộc đời, mà trước đây cô chưa bao giờ nghĩ tới, trước đây dường như đối với cô là xa xôi, không thể tin nổi, thì nay đã gần gũi và thân thuộc với cô hơn, dễ hiểu hơn phía bên này của cuộc đời, nơi mọi thứ đều hoặc là sự trống rỗng và đổ nát, hoặc là đau khổ và xúc phạm.

Cô nhìn vào nơi cô biết anh đã ở đó ; nhưng cô không thể nhìn thấy anh theo cách khác, ngoài cách anh đã ở đây. Cô thấy anh một lần nữa vẫn như vậy, như anh đã ở Mytishchi, tại Troitsa, tại Yaroslavl.

Cô thấy khuôn mặt anh, nghe giọng nói anh và lặp lại những lời của anh và những lời của chính mình đã nói với anh, và đôi khi nghĩ ra cho mình và cho anh những lời mới, đáng lẽ có thể đã được nói ra vào lúc đó.

Đây, anh nằm trên chiếc ghế bành trong chiếc áo khoác nhung của mình, tựa đầu lên bàn tay gầy gò, tái nhợt. Ngực anh thấp một cách kinh khủng và đôi vai nhô lên. Đôi môi mím chặt, đôi mắt sáng rực, và trên vầng trán tái nhợt một nếp nhăn hiện ra rồi biến mất. Một chân anh hơi run rẩy một cách nhanh chóng. Natasha biết rằng anh đang đấu tranh với cơn đau đớn dày vò. «Cái đau đó là gì ? Tại sao lại đau ? Anh ấy cảm thấy thế nào? Anh ấy nghĩ gì ở đó ?» Natasha nghĩ. Anh nhận thấy sự chú ý của cô, ngước mắt lên và không mỉm cười, bắt đầu nói.

«Một điều thật khủng khiếp», anh nói : «đó là gắn kết mình mãi mãi với một con người đang đau khổ. Đó là một sự hành hạ vĩnh cửu». Và anh nhìn cô với cái nhìn đầy đau đớn ; Natasha, như mọi khi, đã trả lời trước khi kịp suy nghĩ về những gì cô trả lời ; cô nói : «điều này không thể tiếp tục như vậy được, điều này sẽ không xảy ra, anh sẽ khỏe lại – hoàn toàn».

Bây giờ cô lần đầu tiên nhìn thấy và trải nghiệm lại tất cả những gì cô đã cảm nhận lúc đó. Cô nhớ lại cái

nhìn kéo dài, buồn bã, nghiêm nghị của anh khi cô nói những lời đó và hiểu được ý nghĩa của sự trách móc và tuyệt vọng trong cái nhìn kéo dài đó.

«Tôi đã đồng ý», Natasha bây giờ tự nhủ, «rằng sẽ thật kinh khủng nếu anh ấy cứ mãi đau khổ. Tôi đã nói điều đó lúc đó chỉ vì đối với anh ấy điều đó sẽ rất kinh khủng, nhưng anh ấy lại hiểu khác đi. Anh ấy nghĩ rằng đối với tôi điều đó sẽ rất kinh khủng. Lúc đó anh ấy vẫn muốn sống – sợ cái chết. Và tôi đã nói một cách thô lỗ, ngu ngốc với anh ấy. Tôi đã không nghĩ như vậy. Tôi đã nghĩ hoàn toàn khác. Nếu tôi đã nói những gì tôi nghĩ, tôi đã nói : dẫu cho anh ấy có hấp hối, suốt thời gian hấp hối trước mắt tôi, tôi vẫn sẽ hạnh phúc so với những gì tôi đang có bây giờ. Bây giờ... không có gì, không có ai cả. Anh ấy có biết điều đó không ? Không. Anh ấy đã không biết và sẽ không bao giờ biết. Và bây giờ không bao giờ, không bao giờ có thể sửa chữa điều đó nữa». Và một lần nữa anh lại nói với cô cũng những lời đó, nhưng bây giờ trong trí tưởng tượng của mình Natasha trả lời anh khác đi. Cô dừng anh lại và nói : «Kinh khủng cho anh, nhưng không phải cho em. Anh biết rằng đối với em không có gì trong cuộc đời, và đau khổ cùng anh đối với em là hạnh phúc lớn nhất». Và anh cầm lấy tay cô và bóp nó như anh đã bóp nó vào buổi tối khủng khiếp đó, bốn ngày trước khi mất. Và

trong trí tưởng tượng của mình, cô nói với anh những lời âu yếm, yêu thương khác mà lúc đó cô có thể đã nói, những lời mà cô bây giờ mới nói... «Em yêu anh !.. Anh... em yêu, em yêu...» cô nói, co giật bóp chặt đôi tay, nghiến răng với một nỗ lực cay đắng.

Và nỗi đau ngọt ngào bao trùm lấy cô, và những giọt nước mắt đã trào ra trên mắt, nhưng đột nhiên cô tự hỏi mình : cô đang nói điều đó với ai ? Anh ở đâu, và anh là ai bây giờ ? Và một lần nữa mọi thứ lại bị bao phủ bởi sự ngờ vực khô khốc, cứng nhắc, và một lần nữa, căng thẳng nhướng mày, cô nhìn vào nơi anh đã ở. Và đây, dường như cô đang xâm nhập vào bí mật... Nhưng ngay lúc đó, khi dường như cô đã mở ra được điều không thể hiểu nổi, một tiếng động lớn của tay nắm cửa va đập đau đớn vào tai cô. Nhanh chóng và bất cẩn, với gương mặt đầy vẻ sợ hãi, không nhận ra được, Dunyasha, cô hầu gái, bước vào phòng.

– Mời cô sang chỗ ông chủ ngay, nhanh lên, – Dunyasha nói với vẻ đặc biệt và sống động. – Có chuyện không may, về ông Pyotr Ilyich... một bức thư, – cô nức nở nói.

II

Ngoài cảm giác chung về sự xa cách với tất cả mọi người, Natasha vào thời gian này còn trải qua một cảm giác xa cách đặc biệt đối với những người trong gia đình mình. Tất cả những người thân của cô : cha, mẹ, Sonya, đều gần gũi với cô, quen thuộc, bình thường đến mức mọi lời nói, cảm xúc của họ dường như đối với cô là một sự xúc phạm đối với thế giới đó, nơi cô đã sống thời gian qua, và cô không chỉ thờ ơ mà còn nhìn họ một cách thù địch. Cô nghe thấy những lời của Dunyasha về Pyotr Ilyich, về sự không may, nhưng không hiểu chúng.

«Có sự không may gì ở đó, sự không may gì có thể xảy ra. Ở họ mọi thứ đều như cũ – cái cũ kỹ, quen thuộc và yên bình», Natasha thầm nghĩ.

Khi cô bước vào phòng khách, cha cô nhanh chóng bước ra từ phòng của nữ công tước. Khuôn mặt ông nhăn nheo và ướt đẫm nước mắt. Ông, rõ ràng, đã chạy ra khỏi phòng đó để trút bỏ những tiếng nức nở của mình. Nhìn thấy Natasha, ông tuyệt vọng vung tay và bật khóc với những tiếng nức nở đau đớn, co giật, làm biến dạng khuôn mặt tròn, mềm mại của ông.

– Pe... Petya... Đi đi, đi đi, bà ấy... bà ấy gọi... – Và ông, khóc như một đứa trẻ, nhanh chóng bước đi trên đôi chân yếu ớt, đi đến chiếc ghế và gần như ngã xuống đó, che mặt bằng đôi tay.

Đột nhiên như có một luồng điện chạy qua toàn bộ cơ thể Natasha. Một cái gì đó đau đớn khủng khiếp đập vào tim cô. Cô cảm thấy một nỗi đau kinh hoàng ; cô thấy như có một cái gì đó đang bị đứt lìa trong mình và cô đang hấp hối. Nhưng ngay sau nỗi đau đó, cô cảm thấy sự giải thoát tức khắc khỏi sự ngăn cấm đối với cuộc sống đang đè nặng lên mình. Nhìn thấy cha và nghe thấy tiếng kêu thét thô bạo, đau đớn của mẹ từ sau cánh cửa, cô lập tức quên đi bản thân và nỗi đau của chính mình.

Cô chạy đến chỗ cha, nhưng ông, bất lực vẫy tay, chỉ về phía cửa phòng mẹ. Công chúa Marya, tái nhợt, với hàm dưới run rẩy, bước ra từ cánh cửa và nắm lấy tay Natasha, nói với cô điều gì đó. Natasha không nhìn cô, không nghe thấy cô. Cô bước nhanh vào cửa, dừng lại một lúc như thể đang đấu tranh với chính mình, và chạy đến chỗ mẹ.

Nữ công tước nằm trên ghế bành, vặn vẹo một cách kỳ lạ, vụng về và đập đầu vào tường. Sonya và các cô gái giữ lấy đôi tay bà.

– Natasha, Natasha !.. – nữ công tước kêu lên. – Không đúng, không đúng... Nó nói dối... Natasha ! – bà kêu lên, đẩy ra những người đang vây quanh bà. – Đi ra hết đi, tất cả, không đúng ! Đã giết !.. ha, ha, ha !.. không đúng !

– Đi ra hết đi, tất cả, không đúng ! Đã giết !.. ha, ha, ha !.. không đúng !

Natasha quỳ xuống bên ghế bành, cúi xuống trên mẹ, ôm lấy bà, với một sức mạnh bất ngờ nâng bà dậy, xoay mặt bà về phía mình và áp sát vào bà.

– Mẹ ơi !.. người yêu ơi !.. Con đây, bạn của mẹ đây. Mẹ ơi... – cô thì thầm với bà, không ngừng lại dù chỉ một giây.

Cô không buông mẹ ra, dịu dàng đấu tranh với bà, đòi hỏi gối, nước, tháo cúc áo và xé bỏ lớp váy trên người mẹ.

– Bạn của con, người yêu của con... Mẹ ơi – linh hồn của con, – cô không ngừng thì thầm, hôn lên đầu, tay, mặt bà và cảm thấy nước mắt mình chảy ra thành dòng không kìm nén được, làm nhột mũi và má cô.

Nữ công tước siết chặt tay con gái, nhắm mắt lại và im lặng một lúc. Đột nhiên bà đứng dậy với một tốc độ

khác thường, nhìn Natasha một cách vô nghĩa và thấy Natasha, bà bắt đầu dùng hết sức siết lấy đầu cô. Sau đó bà xoay mặt cô về phía mình, nhăn nhó vì đau đớn và nhìn sâu vào mặt cô một hồi lâu.

– Natasha, con có yêu mẹ không, – bà nói với một tiếng thì thầm khẽ khàng, tin cậy. – Natasha, con sẽ không lừa dối mẹ chứ ? Con sẽ nói cho mẹ toàn bộ sự thật chứ ?

Natasha nhìn bà với đôi mắt đẫm lệ, và trên khuôn mặt cô chỉ có sự cầu khẩn được tha thứ và tình yêu.

– Bạn của con, mẹ ơi, – cô lặp lại, dốc hết sức mạnh tình yêu của mình để tìm cách trút bỏ bớt gánh nặng đau khổ đang đè nén mẹ.

Và một lần nữa, trong cuộc đấu tranh bất lực với thực tế, người mẹ, từ chối tin vào việc bà có thể sống khi đứa con trai rực rỡ sức sống của bà bị giết chết, đã tìm cách thoát khỏi thực tế trong thế giới của sự điên rồ.

Natasha không nhớ ngày đó, đêm đó, ngày hôm sau và đêm hôm sau đã trôi qua như thế nào. Cô không ngủ và không rời khỏi mẹ. Tình yêu của Natasha, kiên trì, nhẫn nại, không như một sự giải thích, không như một

sự an ủi, mà như một lời mời gọi quay lại cuộc sống, từng giây một như thể ôm lấy nữ công tước từ mọi phía.

Vào đêm thứ ba, nữ công tước im lặng trong vài phút, và Natasha nhắm mắt lại, tựa đầu vào tay ghế bành. Chiếc giường cọt kẹt, Natasha mở mắt. Nữ công tước đang ngồi trên giường và nói khẽ.

– Mẹ mừng quá, con đã đến. Con mệt rồi, con có muốn uống trà không ? (Natasha bước đến chỗ bà.) Con trông đẹp hơn và trưởng thành hơn rồi, – nữ công tước tiếp tục, nắm lấy tay con gái.

– Mẹ ơi, mẹ đang nói gì vậy !..

– Natasha, nó không còn nữa, không còn nữa.

Và, ôm lấy con gái, lần đầu tiên nữ công tước bắt đầu khóc.

III

Công chúa Marya đã hoãn việc ra đi của mình. Sonya, bá tước đã cố gắng thay thế Natasha, nhưng không thể. Họ thấy rằng chỉ có cô mới có thể kìm giữ người mẹ khỏi sự tuyệt vọng điên cuồng. Suốt ba tuần Natasha sống không rời mẹ, ngủ trên chiếc ghế bành trong phòng bà, cho bà uống, cho bà ăn và không ngừng nói chuyện với bà, nói vì chỉ có một giọng nói dịu dàng, âu yếm của cô mới làm nữ công tước bình tâm lại.

Vết thương tinh thần của người mẹ không thể lành lại được. Cái chết của Petya đã xé nát một nửa cuộc đời bà. Sau một tháng kể từ khi nhận được tin về cái chết của Petya, tin đó đã khiến bà, một người phụ nữ 50 tuổi tươi tắn và khỏe mạnh, phải rời khỏi phòng mình với hình hài một người gần như đã chết và không tham gia vào cuộc sống – một bà lão. Nhưng chính vết thương đó, vết thương đã giết chết một nửa nữ công tước, lại gọi Natasha trở lại với cuộc sống.

Vết thương tinh thần, phát sinh từ sự đứt đoạn của cơ thể tâm linh, hoàn toàn giống như vết thương thể xác, dẫu cho điều này có vẻ kỳ lạ, sau khi vết thương sâu đã lành lại và dường như đã liền miệng bằng các cạnh của

nó, vết thương tinh thần, cũng giống như vết thương thể xác, chỉ lành từ bên trong bằng sức mạnh đâm chồi của sự sống.

Vết thương của Natasha cũng đã lành lại như thế. Cô đã nghĩ rằng cuộc đời mình đã kết thúc. Nhưng đột nhiên tình yêu đối với mẹ đã cho cô thấy rằng bản chất của cuộc đời cô – tình yêu – vẫn còn sống trong cô. Tình yêu đã thức tỉnh, và cuộc sống đã thức tỉnh.

Những ngày cuối cùng của công tước Andrei đã gắn kết Natasha với công chúa Marya. Một nỗi bất hạnh mới lại càng làm họ xích lại gần nhau hơn. Công chúa Marya hoãn việc ra đi của mình và trong ba tuần đó, như thể đối với một đứa trẻ ốm đau, cô đã chăm sóc Natasha. Những tuần cuối cùng trôi qua trong phòng của mẹ đã làm kiệt quệ sức lực thể chất của cô.

Một ngày nọ, công chúa Marya vào giữa ngày, nhận thấy Natasha đang run rẩy trong một cơn sốt rét, đã đưa cô về chỗ mình và đặt cô lên giường. Natasha nằm xuống, nhưng khi công chúa Marya, buông rèm cửa xuống, định đi ra, Natasha gọi cô lại.

– Tôi không muốn ngủ, Marie ; hãy ngồi với tôi.

– Chị mệt rồi – hãy cố gắng ngủ đi.

– Không, không. Tại sao chị lại đưa tôi đi ? Cô ấy sẽ hỏi.

– Cô ấy đã khá hơn nhiều rồi. Hôm nay cô ấy nói chuyện rất tốt, – Công chúa Marya nói.

Natasha nằm trên giường và trong ánh sáng lờ mờ của căn phòng, nàng quan sát khuôn mặt của Công chúa Marya.

«Cô ấy có giống anh ấy không ?» Natasha nghĩ. «Có, giống mà lại không giống. Nhưng cô ấy thật đặc biệt, xa lạ, hoàn toàn mới mẻ, chưa từng biết đến. Và cô ấy yêu mình. Trong tâm hồn cô ấy có gì ? Mọi thứ đều tốt đẹp. Nhưng như thế nào ? Cô ấy suy nghĩ thế nào ? Cô ấy nhìn mình như thế nào ? Có, cô ấy thật tuyệt vời».

– Masha, – nàng rụt rè nói, kéo tay công chúa về phía mình. – Masha, chị đừng nghĩ rằng em là người xấu. Không phải chứ ? Masha, người bạn thân mến. Em yêu chị biết bao. Chúng ta sẽ là những người bạn thật sự, thật sự nhé.

Và Natasha, ôm lấy Công chúa Marya, bắt đầu hôn lên tay và mặt cô. Công chúa Marya vừa thẹn thùng vừa vui sướng trước sự biểu lộ tình cảm này của Natasha.

Từ ngày đó, giữa Công chúa Marya và Natasha đã hình thành một tình bạn nồng nhiệt và dịu dàng, thứ tình cảm chỉ có giữa những người phụ nữ. Họ không ngừng hôn nhau, nói với nhau những lời âu yếm và dành phần lớn thời gian bên nhau. Nếu người này đi ra ngoài, người kia sẽ cảm thấy bồn chồn và vội vàng đi cùng. Họ cảm thấy hòa hợp với nhau khi ở cùng nhau hơn là khi ở một mình với chính mình. Giữa họ đã thiết lập một cảm xúc mạnh mẽ hơn cả tình bạn : đó là cảm xúc loại trừ về khả năng sống chỉ khi có sự hiện diện của nhau.

Đôi khi họ im lặng suốt nhiều giờ ; đôi khi, khi đã nằm trên giường, họ bắt đầu trò chuyện và nói chuyện cho đến sáng. Họ nói phần lớn về quá khứ xa xôi. Công chúa Marya kể về tuổi thơ của mình, về mẹ, về cha, về những giấc mơ của mình ; và Natasha, người trước đây vốn quay lưng với cuộc sống đầy lòng tận tụy, sự phục tùng, với chất thơ của sự hy sinh Kitô giáo với vẻ bình thản và không thấu hiểu, thì giờ đây, cảm thấy mình được gắn kết bởi tình yêu với Công chúa Marya, đã yêu mến quá khứ của Công chúa Marya và thấu hiểu một khía cạnh cuộc sống mà trước đây nàng chưa từng hiểu. Nàng không nghĩ đến việc áp dụng sự phục tùng và hy sinh vào cuộc sống của chính mình, bởi vì nàng đã quen tìm kiếm những niềm vui khác, nhưng nàng đã hiểu và

yêu mến đức hạnh trước đây vốn không thể hiểu nổi này ở người khác. Đối với Công chúa Marya, khi nghe những câu chuyện về tuổi thơ và thời thanh xuân đầu đời của Natasha, cũng mở ra một khía cạnh cuộc sống trước đây không thể hiểu nổi, niềm tin vào cuộc sống, vào sự tận hưởng cuộc sống.

Họ vẫn không bao giờ nói về anh ấy để không vi phạm bằng lời nói, như họ cảm thấy, cái cao quý của cảm xúc đang ngự trị trong họ, và sự im lặng về anh ấy đã làm cho họ dần dần quên anh ấy đi mà không hề hay biết.

Natasha gầy đi, xanh xao và yếu hẳn về mặt thể chất đến mức mọi người đều liên tục nói về sức khỏe của nàng, và nàng thấy điều đó thật dễ chịu. Nhưng đôi khi nàng bất chợt bị xâm chiếm không chỉ bởi nỗi sợ cái chết, mà là nỗi sợ bệnh tật, sự yếu đuối, mất đi vẻ đẹp, và nàng vô thức đôi khi chăm chú quan sát cánh tay gầy guộc trần trụi của mình, ngạc nhiên trước sự gầy gò của nó, hoặc nhìn vào gương vào buổi sáng để thấy khuôn mặt dài ra, thảm hại, như nàng cảm thấy. Nàng cảm thấy điều đó phải như vậy, và cùng với đó nàng thấy sợ hãi và buồn bã.

Một lần nàng nhanh chóng bước lên lầu và thở hổn hển. Ngay lập tức nàng vô thức tự nghĩ ra một việc ở

dưới nhà và từ đó lại chạy ngược lên trên, thử sức mình và quan sát chính mình.

Một lần khác nàng gọi Dunyasha, và giọng nàng run rẩy. Nàng gọi lại lần nữa, mặc dù nàng nghe thấy tiếng bước chân của cô ấy, – gọi bằng cái giọng ngực mà nàng vẫn thường hát, và lắng nghe nó.

Nàng không biết điều đó, nàng sẽ không tin, nhưng dưới cái lớp bùn tưởng như không thể xuyên thấu đã che lấp tâm hồn nàng, những mầm cỏ non mềm mại, mỏng manh đã đâm chồi, chúng phải bén rễ và phủ kín nỗi đau đang đè nặng nàng bằng những mầm sống của mình, đến mức nó sẽ sớm không còn được nhìn thấy và nhận ra. Vết thương đang lành từ bên trong.

Vào cuối tháng Giêng, Công chúa Marya lên đường đi Moscow, và vị bá tước khăng khăng yêu cầu Natasha đi cùng cô để hỏi ý kiến các bác sĩ.

IV

Sau cuộc đụng độ tại Vyazma, nơi Kutuzov không thể kìm giữ quân đội của mình khỏi mong muốn lật đổ, cắt đứt, v.v., sự di chuyển tiếp theo của quân Pháp đang tháo chạy và quân Nga bám đuổi họ cho đến Krasnoye diễn ra mà không có các trận đánh. Cuộc tháo chạy nhanh đến mức quân đội Nga không thể theo kịp họ, ngựa trong kỵ binh và pháo binh đuối sức và tin tức về sự di chuyển của quân Pháp luôn không chính xác.

Binh lính của quân đội Nga mệt mỏi vì cuộc hành quân liên tục này, mỗi ngày đi 40 dặm, đến mức họ không thể di chuyển nhanh hơn.

Để hiểu được mức độ kiệt quệ của quân đội Nga, chỉ cần hiểu rõ ý nghĩa của thực tế là, khi đã mất đi những người bị thương và tử trận trong suốt thời gian hành quân từ Tarutino không quá năm nghìn người, quân đội Nga, rời Tarutino với quân số một trăm nghìn người, khi đến Krasnoye chỉ còn lại năm mươi nghìn người.

Cuộc hành quân nhanh chóng của quân Nga đuổi theo quân Pháp cũng có tác động hủy diệt đối với quân đội Nga tương tự như cuộc tháo chạy của quân Pháp. Sự khác biệt chỉ ở chỗ quân đội Nga di chuyển tùy ý,

không có mối đe dọa bị tiêu diệt vốn treo lơ lửng trên quân đội Pháp, và ở chỗ những người bệnh bị tụt lại của quân Pháp rơi vào tay kẻ thù, còn những người Nga bị tụt lại thì ở lại nhà mình. Nguyên nhân chính của sự giảm sút quân đội của Napoleon là tốc độ di chuyển, và bằng chứng không thể chối cãi cho điều đó chính là sự giảm sút tương ứng của quân đội Nga.

Toàn bộ hoạt động của Kutuzov, như đã diễn ra ở Tarutino và Vyazma, chỉ nhằm mục đích – trong chừng mực quyền hạn của ông – không ngăn cản cuộc hành quân gây tử vong này của quân Pháp (như các tướng lĩnh Nga ở Petersburg và trong quân đội mong muốn), mà là hỗ trợ nó và làm nhẹ bớt cuộc hành quân cho quân đội của mình.

Nhưng ngoài ra, kể từ khi quân đội bắt đầu bộc lộ sự mệt mỏi và sự sụt giảm quân số khổng lồ xảy ra do tốc độ hành quân, một nguyên nhân khác đã khiến Kutuzov phải làm chậm sự di chuyển của quân đội và chờ đợi. Mục tiêu của quân Nga là – bám sát quân Pháp. Đường đi của quân Pháp là không xác định, và vì vậy, quân Nga càng bám sát gót quân Pháp bao nhiêu, họ càng phải vượt qua những khoảng cách lớn bấy nhiêu. Chỉ bằng cách đi theo ở một khoảng cách nhất định, người ta mới có thể đi theo con đường ngắn nhất cắt ngang

những đường ngoằn ngoèo mà quân Pháp đã tạo ra. Tất cả các thao diễn khéo léo mà các tướng lĩnh đề xuất đều thể hiện ở việc tăng các cuộc hành quân, còn mục tiêu hợp lý duy nhất là giảm bớt các cuộc hành quân này. Và mục tiêu này, trong suốt toàn bộ chiến dịch từ Moscow đến Vilna, là mục tiêu của hoạt động của Kutuzov – không phải ngẫu nhiên, không phải nhất thời, mà kiên trì đến mức ông không bao giờ thay đổi nó.

Kutuzov không chỉ biết bằng trí tuệ hay khoa học, mà bằng toàn bộ bản thể Nga của mình, ông biết và cảm nhận được điều mà mỗi người lính Nga cảm nhận : rằng quân Pháp đã bị đánh bại, rằng kẻ thù đang tháo chạy và cần phải tống khứ chúng đi ; nhưng đồng thời ông cũng cảm thấy, cùng với những người lính, tất cả sức nặng của cuộc hành quân chưa từng có về tốc độ và thời gian trong năm này.

Nhưng đối với các tướng lĩnh, đặc biệt là những người không phải người Nga, những người muốn lập công, làm kinh ngạc ai đó, bắt làm tù binh một công tước hay một vị vua nào đó, – đối với những tướng lĩnh này, lúc bấy giờ mọi trận đánh đều có vẻ tồi tệ và vô nghĩa, họ cảm thấy rằng đây chính là lúc để đánh các trận và giành chiến thắng trước một ai đó. Kutuzov chỉ nhún vai khi hết người này đến người khác trình bày

cho ông các kế hoạch thao diễn với những người lính đi giày rách, không có áo khoác ngắn, nửa đói khát, những người trong vòng một tháng, không có các trận đánh, đã hao hụt đi một nửa và với họ, trong những điều kiện tốt nhất của cuộc tháo chạy tiếp tục, cần phải đi đến biên giới một khoảng cách xa hơn khoảng cách đã đi qua.

Đặc biệt là khao khát lập công và thao diễn, lật đổ và cắt đứt này đã bộc lộ khi quân đội Nga chạm trán với quân đội Pháp.

Điều đó đã xảy ra tại Krasnoye, nơi người ta nghĩ sẽ tìm thấy một trong ba đoàn quân Pháp và đã chạm trán chính Napoleon với 16 nghìn quân. Bất chấp mọi phương tiện mà Kutuzov sử dụng để thoát khỏi cuộc đụng độ tai hại này và để bảo toàn quân đội của mình, trong ba ngày tại Krasnoye vẫn tiếp diễn cuộc tiêu diệt những đám quân Pháp tàn tạ bởi những con người mệt mỏi của quân đội Nga.

Toll đã viết bản bố quân : die erste Colonne marschiert v.v. Và, như vẫn thường lệ, mọi thứ diễn ra không theo bản bố quân. Hoàng tử Eugene xứ Wurttemberg nã pháo từ trên đồi vào đám đông quân Pháp đang tháo chạy và yêu cầu tiếp viện, nhưng không có. Quân Pháp, ban đêm đi vòng qua quân Nga, tản mác, ẩn náu trong rừng và vượt qua, ai nấy đều cố đi xa hơn.

Miloradovich, người nói rằng mình không muốn biết gì về các công việc hậu cần của đội quân, người không bao giờ có thể tìm thấy khi cần, người tự gọi mình là «chevalier sans peur et sans reproche», và là một người thích trò chuyện với quân Pháp, đã cử các sứ giả yêu cầu đầu hàng, lãng phí thời gian và làm không đúng những gì ông ta được ra lệnh.

– Ta tặng các con, các chàng trai, đoàn quân này, – ông ta nói, cưỡi ngựa đến gần binh lính và chỉ tay cho kỵ binh vào quân Pháp.

Và kỵ binh trên những con ngựa hầu như không nhúc nhích nổi, thúc chúng bằng cựa và kiếm, phi nước đại, sau những nỗ lực mệt mỏi, đã tiến đến gần đoàn quân được tặng, tức là đến gần đám đông những người Pháp bị cóng, chết lặng và đói khát ; và đoàn quân được tặng đã vứt vũ khí và đầu hàng, điều mà họ đã muốn làm từ lâu.

Tại Krasnoye, 26 nghìn tù binh đã bị bắt, hàng trăm khẩu pháo, một cây gậy nào đó mà người ta gọi là gậy thống chế, và họ tranh cãi về việc ai đã lập công ở đó, và hài lòng về điều đó ; nhưng họ rất tiếc vì đã không bắt được Napoleon hoặc ít nhất là một anh hùng, một thống chế nào đó, và họ trách móc nhau về điều này, đặc biệt là trách móc Kutuzov.

Những con người này, bị cuốn theo đam mê của mình, chỉ là những người thực thi mù quáng của quy luật tất yếu đau buồn nhất ; nhưng họ coi mình là anh hùng và tưởng tượng rằng những gì họ đang làm là việc làm cao quý và xứng đáng nhất. Họ buộc tội Kutuzov và nói rằng ngay từ đầu chiến dịch ông đã ngăn cản họ đánh bại Napoleon ; rằng ông chỉ nghĩ đến việc thỏa mãn đam mê của mình và không muốn ra khỏi Polotnyanye Zavody bởi vì ở đó ông được yên thân ; rằng tại Krasnoye ông đã dừng cuộc hành quân bởi vì, sau khi biết về sự hiện diện của Napoleon, ông hoàn toàn mất phương hướng ; rằng có thể giả định rằng ông đang âm mưu với Napoleon, rằng ông đã bị ông ta mua chuộc, v.v.

Không chỉ vậy, những người đương thời, bị cuốn theo đam mê, đã nói như vậy, – mà hậu thế và lịch sử đã công nhận Napoleon là vĩ đại, còn Kutuzov đối với người nước ngoài là một ông già xảo quyệt, dâm đãng, yếu đuối trong triều đình ; đối với người Nga – là một cái gì đó không xác định, một loại búp bê nào đó, chỉ hữu ích bởi cái tên Nga của mình...

V

Vào những năm 12 và 13, Kutuzov bị buộc tội trực tiếp về những sai lầm. Hoàng đế không hài lòng với ông. Và trong lịch sử được viết gần đây theo mệnh lệnh tối cao, đã nói rằng Kutuzov là một kẻ nói dối xảo quyệt trong triều đình, sợ hãi cái tên Napoleon và bằng những sai lầm của mình tại Krasnoye và Berezina đã tước đi vinh quang của quân đội Nga – chiến thắng hoàn toàn trước quân Pháp.

Đó là số phận của những người không vĩ đại, không phải grand-homme, những người mà trí tuệ Nga không công nhận, mà là số phận của những con người hiếm hoi đó, những người luôn cô đơn, những người thấu hiểu ý chí của Đấng Quan Phòng, phục tùng ý chí đó theo ý muốn cá nhân của mình. Sự thù ghét và khinh bỉ của đám đông trừng phạt những người này vì sự thấu hiểu các quy luật tối cao của họ.

Đối với các nhà sử học Nga (thật lạ lùng và kinh khủng khi nói ra) Napoleon – công cụ tầm thường nhất của lịch sử, kẻ chưa bao giờ và ở đâu, ngay cả trong lưu đày, tỏ ra có nhân phẩm, – Napoleon lại là đối tượng của sự ngưỡng mộ và hào hứng ; ông ta là vĩ đại. Còn Kutuzov, con người từ đầu đến cuối hoạt động của

mình vào năm 1812, từ Borodino đến Vilna, chưa một lần bằng bất cứ hành động hay lời nói nào phản bội lại chính mình, là một tấm gương hiếm có trong lịch sử về sự hy sinh và nhận thức về ý nghĩa tương lai của các sự kiện, – Kutuzov đối với họ lại hiện lên như một cái gì đó không xác định và thảm hại, và khi nói về Kutuzov vào năm 12, họ luôn cảm thấy hơi xấu hổ.

Trong khi đó, thật khó để tưởng tượng ra một nhân vật lịch sử mà hoạt động của họ luôn hướng tới một mục tiêu duy nhất một cách kiên định và không thay đổi như vậy. Thật khó để hình dung ra một mục tiêu xứng đáng hơn và trùng khớp hơn với ý chí của toàn dân. Càng khó hơn để tìm thấy một ví dụ khác trong lịch sử, nơi một mục tiêu mà một nhân vật lịch sử tự đặt ra cho mình lại được đạt được hoàn toàn như mục tiêu mà toàn bộ hoạt động của Kutuzov hướng tới vào năm 12.

Kutuzov chưa bao giờ nói về 40 thế kỷ đang nhìn xuống từ các kim tự tháp, về những sự hy sinh mà ông dâng hiến cho tổ quốc, về những gì ông dự định thực hiện hoặc đã thực hiện ; nhìn chung ông không nói gì về bản thân mình, không đóng bất kỳ vai diễn nào, luôn tỏ ra là một con người đơn giản nhất và bình thường nhất và nói những điều đơn giản và bình thường nhất.

Ông viết thư cho con gái mình và m-me Stahl, đọc tiểu thuyết, thích hội những phụ nữ đẹp, đùa giỡn với các tướng lĩnh, sĩ quan và binh lính và chưa bao giờ phản đối những người muốn chứng minh điều gì đó với ông. Khi Bá tước Rostopchin phi ngựa đến cầu Yauzsky gặp Kutuzov với những lời trách móc cá nhân về việc ai là người có lỗi trong việc để mất Moscow, và nói : «tại sao các ngài đã hứa không bỏ Moscow mà không đánh một trận ?» Kutuzov trả lời : «tôi sẽ không bỏ Moscow mà không đánh một trận», mặc dù thực tế là Moscow đã bị bỏ lại. Khi Arakcheev từ phía hoàng đế đến gặp ông và nói rằng cần bổ nhiệm Ermolov làm chỉ huy pháo binh, Kutuzov trả lời : «vâng, chính tôi cũng vừa mới nói điều đó», mặc dù chỉ một phút trước ông đã nói hoàn toàn khác. Việc gì đến ông, con người duy nhất lúc bấy giờ hiểu được toàn bộ ý nghĩa to lớn của các sự kiện, giữa một đám đông ngu ngốc bao quanh ông, việc gì đến ông về việc ai sẽ tự nhận là có lỗi hoặc không có lỗi trong thảm họa của thủ đô ? Lại càng ít khiến ông bận tâm về việc ai sẽ được bổ nhiệm làm chỉ huy pháo binh.

Không chỉ trong những trường hợp này, mà con người già dặn này, người đã đạt tới sự xác tín qua kinh nghiệm sống rằng những suy nghĩ và lời nói dùng để biểu đạt chúng không phải là động lực của con người, thường

nói những lời hoàn toàn vô nghĩa, những lời đầu tiên nảy ra trong đầu ông.

Nhưng con người này, kẻ đã coi thường lời nói của mình như vậy, chưa một lần trong suốt hoạt động của mình nói một lời nào mâu thuẫn với mục tiêu duy nhất mà ông đã hướng tới trong suốt cuộc chiến. Rõ ràng, một cách vô thức, với một sự tự tin nặng nề, rằng họ sẽ không hiểu ông, ông đã nhiều lần bày tỏ ý nghĩ của mình trong những hoàn cảnh đa dạng nhất. Bắt đầu từ trận Borodino, nơi khởi đầu sự bất hòa của ông với những người xung quanh, ông là người duy nhất nói rằng trận Borodino là một chiến thắng, và lặp lại điều đó cả bằng lời nói, cả trong các báo cáo và các bản trình báo cho đến khi chết. Ông là người duy nhất nói rằng việc mất Moscow không phải là mất nước Nga. Ông trong câu trả lời cho Lauriston về đề nghị hòa bình đã trả lời rằng hòa bình không thể có được, bởi vì đó là ý chí của nhân dân ; chính ông trong thời gian quân Pháp rút lui đã nói rằng tất cả các thao diễn của chúng ta là không cần thiết, rằng mọi thứ sẽ tự nó diễn ra tốt hơn những gì chúng ta mong muốn, rằng đối với kẻ thù cần phải dành cho một chiếc cầu vàng, rằng cả trận Tarutino, trận Vyazma hay trận Krasnoye đều không cần thiết, rằng cần phải đi đến biên giới với một cái gì đó, rằng ông sẽ không hy sinh một người Nga nào cho mười người Pháp.

Và chính ông, con người triều đình này, như người ta mô tả ông, con người nói dối Arakcheev với mục tiêu làm vừa lòng hoàng đế, – chính ông, con người triều đình này, tại Vilna, do đó đã nhận được sự không hài lòng của hoàng đế, nói rằng cuộc chiến tiếp theo ở biên giới là có hại và vô ích.

Ông, chính Kutuzov trì trệ đó, người mà khẩu hiệu là kiên nhẫn và thời gian, kẻ thù của những hành động quyết liệt, ông đã đánh trận Borodino, khoác lên những chuẩn bị cho nó một sự trang trọng chưa từng thấy. Ông, chính Kutuzov đó, người tại Austerlitz trước khi bắt đầu trận đánh đã nói rằng nó sẽ bị thua, tại Borodino, mặc dù có sự khẳng định của các tướng lĩnh rằng trận đánh đã thua, mặc dù có ví dụ chưa từng thấy về việc sau một trận đánh thắng lợi quân đội phải rút lui, ông là người duy nhất, trái ngược với tất cả mọi người, cho đến lúc chết vẫn khẳng định rằng trận Borodino là một chiến thắng. Ông là người duy nhất trong suốt thời gian rút lui đã khăng khăng không đánh các trận đánh mà giờ đây là vô ích, không bắt đầu một cuộc chiến mới và không vượt qua biên giới nước Nga.

Giờ đây thật dễ dàng để hiểu ý nghĩa của sự kiện, nếu chỉ không áp dụng vào hoạt động của quần chúng những mục tiêu vốn chỉ nằm trong đầu của một vài chục

người, thật dễ dàng để hiểu toàn bộ sự kiện với các hậu quả của nó nằm ngay trước mắt chúng ta.

Nhưng làm thế nào mà lúc đó con người già nua này, một mình trái ngược với ý kiến của tất cả mọi người, có thể đoán đúng một cách chính xác như vậy về ý nghĩa dân tộc của sự kiện, đến mức ông không một lần thay đổi nó trong suốt hoạt động của mình ?

Nguồn gốc của sức mạnh phi thường này trong việc thấu hiểu ý nghĩa của các hiện tượng đang diễn ra nằm ở cái tình cảm dân tộc đó, mà ông mang trong mình với tất cả sự thuần khiết và sức mạnh của nó.

Chỉ có sự công nhận trong ông cái tình cảm này mới khiến nhân dân bằng những con đường kỳ lạ như vậy, từ một ông già đang bị thất sủng, chọn ông, trái với ý muốn của hoàng đế, làm người đại diện cho cuộc chiến tranh vệ quốc. Và chỉ có tình cảm này mới đặt ông lên đỉnh cao nhân loại đó, từ đó ông, tổng tư lệnh, đã hướng tất cả sức lực của mình không phải để giết chóc và tiêu diệt con người, mà để cứu thoát và thương xót họ.

Hình dáng đơn giản, khiêm nhường và vì vậy thực sự vĩ đại này không thể nằm gọn trong cái khuôn mẫu giả dối của một anh hùng châu Âu, người được cho là điều khiển con người, mà lịch sử đã nghĩ ra.

Đối với kẻ hầu thì không thể có một con người vĩ đại, bởi vì kẻ hầu có khái niệm riêng của mình về sự vĩ đại.

VI

Ngày 5 tháng Mười một là ngày đầu tiên của cái gọi là trận Krasnoye. Trước buổi tối, khi đã sau nhiều cuộc tranh luận và sai lầm của các tướng lĩnh, những người đã đi không đúng nơi cần đi, sau khi các phái viên, các sĩ quan tùy tùng được cử đi với các lệnh ngược chiều nhau, – khi đã trở nên rõ ràng rằng kẻ thù đang tháo chạy khắp nơi và trận đánh không thể và sẽ không xảy ra, Kutuzov rời Krasnoye và đi đến Dobroye, nơi bộ chỉ huy chính đã được chuyển đến trong ngày hôm nay.

Ngày hôm đó trời trong xanh, băng giá. Kutuzov cùng với đoàn tùy tùng đông đảo của mình gồm những tướng lĩnh không hài lòng, những người đang xì xào sau lưng ông, cưỡi trên con ngựa trắng béo tốt của mình đi về phía Dobroye. Dọc theo con đường rộn rịp những nhóm tù binh Pháp bị bắt trong ngày hôm nay (họ bị bắt trong ngày hôm đó là 7 nghìn người), những người đang sưởi ấm bên những đống lửa. Cách Dobroye không xa, một đám đông khổng lồ những tù binh rách rưới, quấn đủ thứ giẻ rách, đang xì xào nói chuyện, đứng trên đường cạnh một hàng dài những khẩu pháo Pháp đã được tháo ngựa. Khi tổng tư lệnh đến gần, tiếng nói chuyện im

bặt, và tất cả mắt đều đổ dồn vào Kutuzov, người đang đội chiếc mũ ca-lô viền đỏ với dải băng trắng và mặc chiếc áo khoác bông khoác trên vai gù, chậm chạp di chuyển dọc theo con đường. Một trong các tướng lĩnh báo cáo với Kutuzov nơi pháo binh và tù binh bị bắt.

Kutuzov có vẻ đang bận tâm về điều gì đó và không nghe thấy lời của vị tướng. Ông nheo mắt một cách không hài lòng và chăm chú nhìn vào những hình dáng tù binh đang hiện ra một vẻ thảm hại đặc biệt. Phần lớn lính Pháp đã bị biến dạng bởi những chiếc mũi và má bị cóng, hầu như ai cũng có đôi mắt đỏ hoe, sưng tấy và mưng mủ.

Một nhóm nhỏ lính Pháp đứng gần đường, và hai người lính – khuôn mặt của một người trong số họ đầy những vết loét – đang dùng tay xé một miếng thịt sống. Có cái gì đó khủng khủng khiếp và thú tính trong cái nhìn tháo chạy đó, cái nhìn mà họ ném về phía những người đang đi qua, và trong cái biểu cảm hung ác mà họ dùng để nhìn vị tướng, rồi ngay lập tức quay đi và tiếp tục công việc của mình.

Kutuzov nhìn chăm chú vào hai người lính này một hồi lâu ; nheo mắt lại nhiều hơn, ông nheo mắt và lắc đầu suy nghĩ. Ở một nơi khác, ông nhận thấy một người lính Nga, người đang cười và vỗ vai một người Pháp,

nói điều gì đó dịu dàng với anh ta. Kutuzov lại lắc đầu với biểu cảm tương tự.

– Ông nói gì thế ? – ông hỏi vị tướng đang tiếp tục báo cáo và thu hút sự chú ý của tổng tư lệnh vào những lá cờ Pháp bị bắt, đang đứng trước mặt trung đoàn Preobrazhensky.

– A, cờ ! – Kutuzov nói, dường như khó khăn lắm mới dứt ra được khỏi chủ đề đang chiếm lĩnh tâm trí mình.

Ông lơ đãng nhìn quanh. Hàng nghìn con mắt từ mọi phía, chờ đợi lời nói của ông, đang nhìn ông.

Trước trung đoàn Preobrazhensky, ông dừng lại, thở dài nặng nề và nhắm mắt lại. Một ai đó trong đoàn tùy tùng vẫy tay để những người lính đang giữ cờ tiến lại và đặt cán cờ xung quanh tổng tư lệnh. Kutuzov im lặng trong vài giây và, có vẻ như miễn cưỡng, phục tùng sự cần thiết của hoàn cảnh, ông ngẩng đầu và bắt đầu nói. Đám đông sĩ quan bao quanh ông. Ông bao quát vòng tròn sĩ quan bằng một cái nhìn chăm chú, nhận ra một vài người trong số họ.

– Cảm ơn tất cả các con ! – ông nói, hướng về binh lính và lại hướng về các sĩ quan. (Trong sự im lặng bao

trùm, người ta nghe rõ những lời được ông phát âm chậm rãi.) – Cảm ơn tất cả các con vì sự phục vụ gian khổ và trung thành. Chiến thắng đã trọn vẹn, và nước Nga sẽ không quên các con. Vinh quang cho các con mãi mãi !

Ông im lặng, nhìn quanh.

– Cúi xuống, cúi đầu nó xuống, – ông nói với người lính đang giữ con đại bàng Pháp và vô tình hạ nó xuống trước lá cờ của trung đoàn Preobrazhensky. – Thấp hơn, thấp hơn, đúng rồi đấy. Hoan hô, các chàng trai ! – với một cử động nhanh chóng của cằm, ông hướng về phía binh lính nói.

– Oa-ra-ra ! – hàng nghìn giọng nói gầm vang.

Trong khi binh lính hò reo, Kutuzov, gập người trên yên ngựa, cúi đầu, và mắt ông lấp lánh một vẻ dịu dàng, như thể một ánh sáng châm biếm.

– Đó là thế, các bạn... – ông nói khi những tiếng reo hò im bặt.

Và đột nhiên giọng nói và nét mặt ông thay đổi : tổng tư lệnh ngừng nói, mà thay vào đó là một ông già đơn giản, người rõ ràng muốn thông báo điều cần thiết nhất cho các đồng đội của mình.

Trong đám đông sĩ quan và trong hàng ngũ binh lính đã xảy ra một chuyển động để nghe rõ hơn những gì ông sẽ nói bây giờ.

– A đây này, các bạn. Tôi biết, các bạn gian khổ, nhưng làm sao được ! Hãy kiên nhẫn ; không còn lâu nữa đâu. Tiễn khách xong, chúng ta sẽ nghỉ ngơi. Vì sự phục vụ của các bạn, hoàng thượng sẽ không quên các bạn. Các bạn gian khổ, nhưng dù sao các bạn cũng đang ở nhà ; còn họ – các bạn thấy đấy, họ đã đi đến đâu rồi, – ông nói, chỉ tay về phía các tù binh. – Tệ hơn cả những kẻ nghèo khổ nhất. Chừng nào họ còn mạnh, chúng ta không thương xót mình, nhưng giờ đây có thể thương xót họ. Họ cũng là con người. Đúng không, các bạn ?

Ông nhìn quanh mình và trong những ánh nhìn nghiêm nghị, tôn kính, đầy thắc mắc đang hướng về mình, ông đọc được sự cảm thông đối với những lời của mình : khuôn mặt ông càng lúc càng rạng rỡ hơn bởi nụ cười hiền hậu của tuổi già, làm nhăn lại những vết chân chim nơi khóe miệng và khóe mắt. Ông im lặng một lúc và như thể đang phân vân, ông cúi đầu xuống.

– Mà cũng phải nói, ai mời họ đến với chúng ta cơ chứ ? Đáng đời họ, m... n... v... h..., – bất thình lình ông nói, ngẩng đầu lên.

Và, vung chiếc roi ngựa, ông phi nước đại, lần đầu tiên trong suốt chiến dịch, rời xa những tiếng reo hò vui sướng và những tiếng hô vang dội làm rối loạn hàng ngũ binh lính.

Những lời Kutuzov nói hầu như không được quân đội hiểu hết. Không ai có thể truyền tải nội dung của bài phát biểu lúc đầu thì trang trọng và cuối cùng thì đơn sơ kiểu một ông già của vị thống chế ; nhưng ý nghĩa chân thành của bài phát biểu này không những đã được hiểu, mà chính cái đó, chính cái cảm giác về sự khải hoàn hùng tráng hòa quyện với lòng thương hại kẻ thù và ý thức về chính nghĩa của mình, được diễn đạt bằng chính những lời chửi rủa hiền lành kiểu ông già ấy, – chính cái cảm giác đó đã nằm trong tâm hồn của mỗi người lính và được thể hiện bằng tiếng reo hò hân hoan, không dứt. Khi sau đó, một trong những vị tướng hỏi liệu vị tổng tư lệnh có ra lệnh cho xe ngựa đến không, Kutuzov, khi trả lời, đột nhiên nấc lên, rõ ràng là đang trong trạng thái xúc động mạnh mẽ.

VII

Ngày 8 tháng 11, ngày cuối cùng của những trận đánh ở Krasnoye, trời đã bắt đầu tối khi quân đội đến nơi nghỉ đêm. Cả ngày hôm đó yên tĩnh, giá rét, với những hạt tuyết nhẹ, thưa thớt rơi ; đến tối trời bắt đầu quang đãng. Qua những bông tuyết, có thể nhìn thấy bầu trời đầy sao màu tím đen, và sương giá bắt đầu tăng cường.

Trung đoàn bộ binh, rời khỏi Tarutino với quân số 3.000 người, giờ đây với quân số 900 người, là một trong những đơn vị đầu tiên đến nơi nghỉ đêm đã định, tại một ngôi làng trên con đường lớn. Những người đi tiền trạm đón trung đoàn đã thông báo rằng tất cả các nhà gỗ đều đã bị chiếm bởi những người Pháp ốm đau và đã chết, những kỵ binh và các bộ tham mưu. Chỉ còn lại một ngôi nhà gỗ cho trung đoàn trưởng.

Trung đoàn trưởng đi đến ngôi nhà gỗ của mình. Trung đoàn đi xuyên qua ngôi làng và tại những ngôi nhà gỗ cuối cùng bên đường đã dựng súng thành hình kim tự tháp.

Như một con thú khổng lồ, đông đúc, trung đoàn bắt tay vào việc chuẩn bị chỗ nằm và thức ăn. Một phần

binh lính tản ra, ngập đến đầu gối trong tuyết, vào khu rừng bạch dương nằm bên phải ngôi làng, và ngay lập tức trong rừng vang lên tiếng rìu, tiếng dao rựa, tiếng răng rắc của những cành cây bị bẻ gãy và những giọng nói vui vẻ ; phần khác bận rộn quanh khu vực trung tâm của các xe chở đồ và ngựa của trung đoàn, được xếp thành một cụm, lấy ra những chiếc nồi, bánh quy khô và cho ngựa ăn ; phần thứ ba tản mát vào trong làng, chuẩn bị chỗ ở cho các bộ tham mưu, dọn dẹp những xác chết của người Pháp nằm trong các ngôi nhà, và dỡ những tấm ván, những thanh củi khô và rơm từ trên mái nhà để làm củi đốt và các tấm chắn.

Mười lăm người lính đằng sau những ngôi nhà gỗ, từ phía bìa làng, với những tiếng reo hò vui vẻ, đang lắc lư một bức rào dậu cao của một nhà kho mà mái đã bị dỡ đi.

– Nào, nào, cùng một lúc, gắng sức lên ! – những tiếng nói vang lên, và trong bóng tối của đêm tối, bức rào dậu khổng lồ phủ đầy tuyết rung rinh với tiếng răng rắc băng giá. Càng lúc những chiếc cọc phía dưới càng kêu răng rắc thường xuyên hơn, và cuối cùng bức rào dậu đổ sập xuống cùng với những người lính đang tì vào nó. Một tiếng reo hò thô lỗ và vui vẻ vang lên cùng với tiếng cười.

– Lấy đi từng cặp một ! Đưa đòn bẩy vào đây ! Đúng thế đấy. Đi đâu thế hả ?

– Nào, cùng một lúc... Đứng lại, các cậu !.. Từ tiếng hô nhé !

Tất cả im lặng, và một giọng hát mượt mà, dễ chịu bắt đầu hát một bài hát. Ở cuối khổ thơ thứ ba, ngay sau khi âm thanh cuối cùng vừa dứt, hai mươi giọng hát đồng thanh hô vang : «U-u-u-u ! Đang đi đây ! Cùng lúc ! Gắng sức lên, các con !..» Nhưng, bất chấp những nỗ lực chung, bức rào dậu ít dịch chuyển, và trong sự im lặng đã được thiết lập, người ta nghe thấy tiếng thở dốc nặng nề.

– Ê các anh, đại đội sáu ! Lũ quỷ, lũ ma ! Giúp một tay nào... chúng ta cũng sẽ có lúc cần dùng đến nhau.

Hơn hai mươi người của đại đội sáu, đang đi vào làng, đã gia nhập vào những người đang kéo ; và bức rào dậu, dài năm sải và rộng năm sải, uốn cong, đè nặng và làm xước vai những người lính đang thở dốc, di chuyển về phía trước dọc theo đường làng.

– Đi đi, sao thế... Ngã đấy, kìa... Sao lại đứng lại thế? Thế đấy...

Những lời chửi rủa vui vẻ, khiếm nhã không dứt.

– Các anh làm gì thế ? – đột nhiên một giọng nói có uy quyền vang lên từ phía những người lính đang chạy đến gần những người đang khiêng. – Các ông ở đây à ; trong nhà gỗ có chính vị tướng đấy, còn các anh, lũ quỷ, lũ ma, lũ hay chửi thề. Ta sẽ cho các anh biết ! – viên hạ sĩ hét lên và vung tay đánh vào lưng người lính đầu tiên gặp phải. – Chẳng lẽ không thể im lặng được sao ?

Những người lính im lặng. Người lính bị viên hạ sĩ đánh bắt đầu rên rỉ lau mặt, mặt anh ta đã bị máu chảy ra do va vào bức rào dậu.

– Xem kìa, con quỷ, đánh mới ghê chứ ! Đánh rách cả mặt mũi rồi, – anh ta nói bằng một giọng sợ hãi khi viên hạ sĩ đã đi xa.

– Hay là không thích ? – một giọng cười vang lên ; và, kìm chế âm thanh của giọng nói, những người lính đi tiếp.

Khi ra khỏi làng, họ lại bắt đầu nói chuyện to như trước, xen kẽ cuộc trò chuyện bằng những lời chửi rủa vô nghĩa đó.

Trong ngôi nhà gỗ mà những người lính đi ngang qua, các cấp chỉ huy cao nhất đã tập trung lại, và bên chén trà, một cuộc trò chuyện sôi nổi đang diễn ra về

ngày vừa trôi qua và về những kế hoạch cơ động dự kiến của tương lai. Người ta dự định thực hiện một cuộc hành quân đánh sườn sang bên trái, cắt đứt đường rút lui của phó vương và bắt giữ ông ta.

Khi những người lính kéo bức rào dậu đến, từ các phía khác nhau, những đống lửa bếp đã bùng lên. Những thanh củi nổ lách tách, tuyết tan ra, và những bóng đen của những người lính đi qua đi lại khắp không gian bị chiếm đóng, tuyết bị dẫm nát.

Những chiếc rìu, dao rựa làm việc ở khắp các phía. Mọi việc đều được thực hiện mà không cần bất kỳ mệnh lệnh nào. Củi được kéo đến để dự trữ cho đêm, các lều trại nhỏ cho cấp trên được dựng lên, các nồi nấu được đun, súng ống và quân trang được kiểm tra.

Bức rào dậu do đại đội tám kéo đến được đặt thành hình bán nguyệt từ phía bắc, được chống đỡ bằng những chiếc cọc, và trước nó một đống lửa được nhóm lên. Tiếng kèn báo hiệu buổi chiều vang lên, việc điểm quân được thực hiện, họ ăn tối và nghỉ đêm bên những đống lửa – người thì sửa giày, người thì hút tẩu, người thì cởi trần để bắt rận.

VIII

Có vẻ như trong những điều kiện tồn tại vô cùng khó khăn mà những người lính Nga đang ở vào thời điểm đó – không có ủng ấm, không có áo da cừu ngắn, không có mái che trên đầu, trong tuyết với nhiệt độ 18 độ lạnh giá, không có đủ lương thực, vốn không phải lúc nào cũng theo kịp quân đội, – có vẻ như những người lính đáng lẽ phải trình hiện một cảnh tượng vô cùng buồn bã và chán nản.

Trái lại, chưa bao giờ, trong những điều kiện vật chất tốt nhất, quân đội lại trình hiện một cảnh tượng vui vẻ, sinh động hơn. Điều này xảy ra bởi vì mỗi ngày những gì bắt đầu gây ra sự chán nản hoặc suy yếu đều bị loại bỏ khỏi quân đội. Tất cả những gì yếu ớt về thể chất và tinh thần đều đã bị bỏ lại phía sau từ lâu : chỉ còn lại tinh hoa của quân đội – theo sức mạnh của tinh thần và thể xác.

Tại đại đội tám, đơn vị đã dùng bức rào dậu làm vách ngăn, tập trung nhiều người hơn cả. Hai viên hạ sĩ cùng ngồi xuống với họ, và đống lửa của họ cháy sáng hơn những đống lửa khác. Họ yêu cầu quyền được ngồi dưới bức rào dậu để đổi lấy việc mang củi đến.

– Ê, Makeev, cậu biến đi đâu thế, ... , mất tích rồi à, hay là bị sói ăn thịt rồi ? Mang củi đến đây, – một người lính mặt đỏ, tóc đỏ hét lên, nheo mắt và nháy mắt vì khói, nhưng không rời xa đống lửa. – Đi đi, con quạ kia, mang củi đến đây, – người lính này quay sang một người khác.

Người tóc đỏ không phải là hạ sĩ cũng chẳng phải là cai, nhưng là một người lính khỏe mạnh, và vì thế anh ta ra lệnh cho những người yếu hơn mình. Một người lính gầy gò, nhỏ nhắn với chiếc mũi nhọn, người mà họ gọi là con quạ, ngoan ngoãn đứng dậy và đi thực hiện mệnh lệnh ; nhưng đúng lúc đó, bước vào ánh sáng của đống lửa là dáng người mảnh khảnh, xinh đẹp của một người lính trẻ, đang vác một bó củi lớn.

– Đưa đây. Thế mới quan trọng chứ !

Củi được bẻ ra, nén xuống, họ thổi bằng miệng và bằng vạt áo choàng, và ngọn lửa rít lên rồi nổ lách tách. Những người lính xích lại gần hơn, hút tẩu. Người lính trẻ, xinh đẹp, người đã mang củi đến, chống tay vào hông và bắt đầu nhảy dậm chân nhanh nhẹn và khéo léo bằng đôi chân bị tê lạnh tại chỗ.

– Ôi, mẹ ơi, sương lạnh quá, thật tuyệt, đúng là chàng lính trẻ... – anh ta hát theo, như thể bị nấc ở mỗi từ của bài hát.

– Ê, đế giày sẽ bay mất đấy ! – người tóc đỏ hét lên, nhận thấy một chiếc đế giày bị bong ra đang đung đưa trên chân người nhảy. – Cậu nhảy ác thật đấy.

Người nhảy dừng lại, xé bỏ miếng da đang lủng lẳng và ném nó vào lửa.

– Cũng thế thôi, anh bạn ạ, – anh ta nói và, ngồi xuống, lấy từ trong ba lô ra một mảnh vải dạ màu xanh của Pháp và bắt đầu quấn quanh chân. – Cả đôi cũng rách rồi, – anh ta thêm vào, duỗi chân về phía ngọn lửa.

– Sớm muộn gì họ cũng sẽ phát đồ mới thôi. Nghe nói, chúng ta sẽ đánh thắng đến cùng, lúc đó tất cả sẽ có gấp đôi hàng.

– Xem kìa, thằng cha Petrov hụt hơi lại tụt lại phía sau rồi, – viên hạ sĩ nói.

– Tôi đã để ý anh ta từ lâu rồi, – một người khác nói.

– Thì sao, lính mà...

– Và ở đại đội ba, nghe nói, hôm qua thiếu mất chín người không đếm hết.

– Ừ, thì cứ xét đi, khi chân bị tê lạnh, cậu sẽ đi đâu ?

– Ơ, nói nhảm thôi ! – viên hạ sĩ nói.

– Hay là cậu cũng muốn thế ? – một người lính già nói, với vẻ trách móc quay sang người lính đã nói rằng chân bị tê lạnh.

– Thế anh nghĩ sao ? – đột nhiên, nhổm dậy từ phía sau đống lửa, một người lính gầy gò với giọng nói nức nở và run rẩy bắt đầu nói, người mà họ gọi là con quạ. – Ai béo thì gầy đi ; còn với người gầy thì là cái chết. Cứ xem tôi đây này. Sức tôi chẳng còn nữa, – đột nhiên anh ta nói một cách kiên quyết, quay sang viên hạ sĩ : – bảo họ gửi tôi vào bệnh viện đi ; bệnh thấp khớp đã hành hạ tôi rồi ; đằng nào cũng sẽ bị tụt lại thôi...

– Thôi đủ rồi, đủ rồi, – viên hạ sĩ bình tĩnh nói.

Người lính im lặng, và cuộc trò chuyện tiếp tục.

– Hôm nay không biết bao nhiêu tên Pháp này bị bắt làm tù binh ; mà giày ủng, nói thật lòng, chẳng có cái nào ra hồn cả, – đúng thế đấy, chỉ có cái tên thôi, – một trong những người lính bắt đầu một câu chuyện mới.

– Tất cả lũ Cossack đều vơ vét sạch rồi. Họ dọn dẹp nhà gỗ cho trung đoàn trưởng, đưa những tên đó ra

ngoài. Thật là xót xa khi nhìn chúng, các cậu ạ, – người nhảy nói. – Họ lột trần chúng ; có một tên còn sống, các cậu tin không, cứ lẩm bẩm cái gì đó theo cách của mình.

– Một dân tộc sạch sẽ, các cậu ạ, – người thứ nhất nói. – Trắng trẻo, cứ như là cây bạch dương trắng ấy ; và cũng có những tên dũng cảm, hãy nói xem, là những người cao quý.

– Thế anh nghĩ sao ? Chúng được tập hợp từ tất cả các tầng lớp mà.

– Chẳng biết gì về ngôn ngữ của chúng ta cả, – người nhảy nói với nụ cười bối rối. – Tôi nói với nó : «thuộc vương miện của ai ?» mà nó cứ lẩm bẩm theo cách của mình. Một dân tộc kỳ lạ !

– Thật là khó hiểu đấy, các anh em ạ, – người lính đã ngạc nhiên về sự trắng trẻo của chúng tiếp tục, – những người nông dân ở gần Mozhaysk kể lại cách họ bắt đầu dọn dẹp những xác chết, nơi trận đánh đã diễn ra, thì sao, họ nói gì ? Cứ tính đi, xác chết nằm đó cả tháng trời. Cái gì nhỉ, họ nói, nó nằm đó, trắng trẻo, cái của chúng nó – giấy trắng như thế đấy, sạch sẽ, không có mùi thuốc súng xanh gì cả.

– Cái gì nhỉ, vì lạnh chăng ? – một người hỏi.

– Chà, cậu thông minh thật ! Vì lạnh cơ đấy ! Lúc đó trời nóng mà. Nếu là của chúng ta, chắc là đã thối rữa hết rồi. Còn của chúng nó, họ nói, cứ lại gần chúng nó đi, cả một đống, họ nói, mục ruỗng đầy giòi bọ. Thế mà, họ nói, chúng ta dùng khăn bịt mũi lại, vâng, ngoảnh mặt đi mà kéo : không có mùi gì cả. Còn của chúng nó, họ nói, giấy trắng như thế đấy ; không có mùi thuốc súng xanh gì cả.

Tất cả im lặng một lúc.

– Chắc là vì thức ăn, – viên hạ sĩ nói, – chúng nó ăn đồ của quý tộc mà.

Không ai phản đối.

– Người nông dân đó kể chuyện ở gần Mozhaysk, nơi trận đánh diễn ra, họ được huy động từ mười ngôi làng, trong hai mươi ngày họ chở đi, không chở hết các xác chết. Lũ sói này, cái gì nhỉ, họ nói...

– Trận đánh đó thật là thực sự, – một người lính già nói : – chỉ có điều đó là đáng nhớ ; còn tất cả những gì sau đó... chỉ là làm khổ dân chúng thôi.

– Và thế đấy, bác ạ, hôm kia chúng ta đã chạm trán chúng. Chúng thậm chí không kịp trở tay. Súng ống quẳng lung tung. Quỳ xuống. Pardon, chúng nói. Thế là chỉ có một thí dụ thôi. Người ta kể, chính ông Polion thì Platov đã hai lần bắt được. Hắn chẳng biết một từ nào cả. Cứ bắt được, bắt được, thế là ở đây, trên tay này, – biến thành con chim, bay đi, vâng và bay mất. Và giết cũng không có cách nào cả.

– Chà, anh nói dối giỏi thật đấy, Kiselev, tôi nhìn anh đấy.

– Chuyện đó là thật, sự thật chân chính.

– Nếu theo cách của tôi, nếu tôi bắt được hắn, tôi sẽ chôn hắn xuống đất. Lấy cọc gỗ sồi mà đóng vào. Để hắn không làm hại dân chúng nữa.

– Đằng nào cũng sẽ kết thúc thôi, hắn sẽ không đi nữa, – một người lính già nói và ngáp.

Cuộc trò chuyện im bặt, những người lính bắt đầu nằm xuống.

– Nhìn kìa những vì sao, sợ thật, cứ như người ta nói ấy ! Kể xem, các bà phơi những tấm vải bạt, – một người lính nói, chiêm ngưỡng con đường sữa.

– Đó là, các cậu ạ, báo hiệu một năm bội thu.

– Củi sẽ cần thêm nữa đấy.

– Lưng thì được sưởi ấm, nhưng bụng thì đóng băng rồi. Thật là lạ lùng.

– Ôi, Chúa ơi !

– Sao anh cứ đẩy thế – có một mình anh có lửa thôi à, cái gì nhỉ ? Xem kìa... nằm ườn ra.

Từ đằng sau sự im lặng đang được thiết lập, người ta nghe thấy tiếng ngáy của một vài người đã ngủ say ; những người còn lại trở mình và sưởi ấm, thỉnh thoảng nói chuyện với nhau. Từ đống lửa xa xăm, cách đó một trăm bước, nghe thấy tiếng cười đồng thanh, vui vẻ.

– Xem kìa, họ đang cười rầm lên ở đại đội năm, – một người lính nói. – Thật là kinh khủng !

Một người lính đứng dậy và đi về phía đại đội năm.

– Thật là buồn cười, – anh ta nói khi quay lại. – Có hai tên Pháp đến. Một tên hoàn toàn bị đóng băng, còn tên kia thì rất bốc đồng, trời ạ ! Đang hát những bài hát.

– Ô-ô ? Để đi xem xem...

Một vài người lính hướng về phía đại đội năm.

IX

Đại đội năm đứng ngay cạnh bìa rừng. Một đống lửa lớn cháy sáng rực giữa tuyết, soi sáng những cành cây trĩu nặng vì sương giá.

Giữa đêm, những người lính của đại đội năm nghe thấy trong rừng tiếng bước chân trên tuyết và tiếng răng rắc của cành cây.

– Các cậu, gấu kìa, – một người lính nói.

Tất cả đều ngẩng đầu lên, lắng nghe, và từ trong rừng bước ra ánh sáng rực rỡ của đống lửa hai bóng người ăn mặc kỳ lạ, đang bám lấy nhau.

Đó là hai người Pháp đang trốn trong rừng. Khàn khàn nói điều gì đó bằng ngôn ngữ không hiểu nổi đối với binh lính, họ tiến về phía đống lửa. Một tên cao hơn một chút, đội chiếc mũ sĩ quan và có vẻ hoàn toàn kiệt sức. Khi đi đến đống lửa, hắn muốn ngồi xuống, nhưng lại ngã xuống đất. Tên kia, nhỏ nhắn, thấp đậm, quấn một chiếc khăn trên má theo kiểu phụ nữ, mạnh mẽ hơn. Hắn nâng người bạn của mình dậy và chỉ vào miệng mình, nói điều gì đó. Những người lính vây quanh những người Pháp, trải một chiếc áo choàng cho người bị bệnh và mang cháo và rượu vodka cho cả hai.

Viên sĩ quan Pháp kiệt sức là Ramballe ; người quấn khăn là tên đầy tớ của hắn, Morel.

Khi Morel uống rượu vodka và ăn hết một nồi cháo, hắn đột nhiên trở nên vui vẻ một cách đau đớn và bắt đầu nói điều gì đó không ngừng nghỉ với những người lính. Ramballe từ chối thức ăn và nằm im lặng trên khuỷu tay cạnh đống lửa, nhìn những người lính Nga với đôi mắt đỏ hoe, vô hồn. Đôi khi hắn phát ra một tiếng rên rỉ kéo dài và lại im lặng. Morel, chỉ vào vai mình, làm cho những người lính hiểu rằng đây là một sĩ quan và cần phải sưởi ấm cho hắn. Một sĩ quan Nga, tiến lại gần đống lửa, đã cử người đi hỏi đại tá xem ông có đồng ý cho sĩ quan Pháp vào sưởi ấm trong nhà mình không ; và khi họ quay lại và nói rằng đại tá ra lệnh dẫn sĩ quan đến, Ramballe được thông báo để đi. Hắn đứng dậy và muốn đi, nhưng loạng choạng và suýt ngã, nếu không được một người lính đứng cạnh hỗ trợ.

– Sao thế ? Không làm được à ? – một người lính nói một cách giễu cợt, nháy mắt, quay sang Ramballe.

– Ê, đồ ngốc ! Sao anh lại nói năng bừa bãi thế. Đúng là đồ nhà quê ; thực sự là đồ nhà quê, – những lời trách móc vang lên từ các phía dành cho người lính vừa trêu đùa.

Ramballe bị bao quanh, hai người nhấc bổng hắn lên, khoác tay họ vào nhau, và khiêng hắn vào nhà gỗ. Ramballe ôm lấy cổ những người lính và khi hắn bị khiêng đi, hắn bắt đầu nói một cách thảm thiết :

– Ôi những người dũng cảm của tôi ; ôi những người bạn tốt, những người bạn tốt của tôi ! Đây là những con người thực sự ! ôi những người dũng cảm của tôi, những người bạn tốt của tôi ! – và, như một đứa trẻ, hắn ngả đầu lên vai một người lính.

Trong khi đó Morel ngồi ở chỗ tốt nhất, được bao quanh bởi những người lính.

Morel, một người Pháp nhỏ nhắn, thấp đậm, với đôi mắt đỏ hoe, ngấn lệ, quấn một chiếc khăn kiểu phụ nữ lên trên chiếc mũ ca-lô, mặc một chiếc áo da cừu của phụ nữ. Hắn, rõ ràng là đã say, vòng tay ôm lấy người lính ngồi cạnh mình, hát bằng một giọng khàn khàn, ngắt quãng một bài hát của Pháp. Những người lính ôm hông mình khi nhìn hắn.

– Nào, nào, dạy đi, làm thế nào ? Tôi sẽ học ngay thôi. Làm thế nào ?.. – một người lính vui tính, người hay hát, đang ôm lấy Morel nói.

– Vạn tuế vua Henri đệ tứ ! – Morel hát theo, nháy mắt. – Con quỷ hung dữ này...

– Vi-va-ri-ca ! Vip-se-ru-va-ru ! Si-dya-blya-ka... – người lính lặp lại, vung tay và thực sự nắm bắt được điệu nhạc.

– Xem kìa khéo chưa ! Go-go-go-go !.. – tiếng cười thô lỗ, vui vẻ vang lên từ khắp các phía.

Morel, nhăn mặt lại, cũng cười.

– Nào, tiếp đi, tiếp đi !

Người có tài năng gấp ba,

Biết uống, biết đánh nhau

Và là một người hào hoa...

– Mà nghe cũng xuôi tai đấy chứ. Nào, nào, Zaletaev!..

– Kyu... – Zaletaev cố gắng thốt lên. – Kyu-yu-yu... – anh ta kéo dài, cố tình vểnh môi ra, – let-rip-ta-la de bu de ba i de-tra-va-ga-la, – anh ta hát theo.

– Ôi, giỏi quá ! Đúng là tên Pháp rồi ! ôi... go-go-go-go. Còn muốn ăn gì nữa không ?

– Cho nó ít cháo đi ; đằng nào nó cũng chẳng sớm được ăn no đâu vì đói quá mà.

Họ lại cho hắn ăn cháo ; và Morel, vừa mỉm cười, vừa bắt đầu ăn nồi thứ ba. Những nụ cười rạng rỡ hiện trên khuôn mặt của tất cả những người lính trẻ, khi nhìn Morel. Những người lính già, coi việc tham gia vào những chuyện tầm phào như vậy là không đứng đắn, nằm ở phía bên kia đống lửa, nhưng thỉnh thoảng, nhổm dậy trên khuỷu tay, họ nhìn Morel với một nụ cười.

– Cũng là người cả thôi, – một người trong số họ nói, quấn mình trong chiếc áo choàng. – Và cây ngải đắng cũng mọc trên gốc của nó.

– Ôi ! Chúa ơi, Chúa ơi ! Sao mà nhiều sao thế, sợ thật ! Trời lạnh...

Và tất cả im lặng. Những vì sao, như thể biết rằng bây giờ sẽ không ai nhìn thấy chúng, đã tỏa sáng rực rỡ trên bầu trời đen thẳm. Lúc thì bùng sáng, lúc thì lịm tắt, lúc thì rùng mình, chúng bận rộn thì thầm với nhau về một điều gì đó vui vẻ nhưng đầy bí ẩn.

X

Quân đội Pháp tan chảy một cách đều đặn theo cấp số tiến toán học. Và cả cuộc vượt sông Berezina, vốn đã được viết rất nhiều, chỉ là một trong những giai đoạn trung gian của sự tiêu vong quân đội Pháp, chứ hoàn toàn không phải là một tập phim quyết định của chiến dịch. Nếu người ta đã và đang viết rất nhiều về Berezina, thì đó là từ phía quân Pháp chỉ vì trên cây cầu Berezina bị phá hủy đó, những tai họa mà quân đội Pháp đã trải qua trước đây một cách đồng đều, ở đây đột ngột tập trung lại trong một khoảnh khắc thành một cảnh tượng bi thảm, vốn còn đọng lại trong ký ức của mọi người. Từ phía quân Nga, người ta nói và viết rất nhiều về Berezina chỉ vì, ở xa nhà hát chiến tranh, tại St. Petersburg, một kế hoạch (của Pfuhl) đã được lập ra nhằm bắt giữ Napoleon trong một cái bẫy chiến lược trên sông Berezina. Mọi người đều tin chắc rằng mọi việc trên thực tế sẽ diễn ra đúng như trong kế hoạch, và vì vậy họ khăng khăng cho rằng chính cuộc vượt sông Berezina đã tiêu diệt quân Pháp. Trên thực tế, kết quả của cuộc vượt sông Berezina ít gây ra sự tiêu vong cho quân Pháp về tổn thất vũ khí và tù binh hơn là trận Krasnoye, như những con số cho thấy.

Ý nghĩa duy nhất của cuộc vượt sông Berezina là ở chỗ cuộc vượt sông này rõ ràng và không thể chối cãi đã chứng minh sự sai lầm của tất cả các kế hoạch cắt đứt đường rút lui và sự đúng đắn của con đường duy nhất có thể, được yêu cầu bởi cả Kutuzov và toàn bộ quân đội (quần chúng) – con đường chỉ đơn thuần đi theo kẻ thù. Đám đông người Pháp tháo chạy với sức mạnh tốc độ ngày càng tăng, với toàn bộ năng lượng hướng vào việc đạt được mục tiêu. Nó chạy như một con thú bị thương, và không thể đứng cản đường nó. Điều này đã chứng minh không chỉ việc tổ chức vượt sông, mà cả sự chuyển động trên các cây cầu. Khi các cây cầu bị phá vỡ, những người lính không vũ khí, những người dân Moscow cùng phụ nữ, trẻ em, những người vốn ở trong đoàn xe chở đồ của quân Pháp, tất cả – dưới ảnh hưởng của lực quán tính – không đầu hàng, mà chạy lao về phía trước, vào những chiếc thuyền, vào làn nước băng giá.

Nỗ lực này là hợp lý. Tình thế của những người chạy trốn và những người truy đuổi đều tồi tệ như nhau. Ở lại với những người của mình, mỗi người trong cảnh hoạn nạn đều hy vọng vào sự giúp đỡ của đồng đội, vào một vị trí xác định được đảm nhận trong số những người của mình. Khi đầu hàng quân Nga, anh ta cũng ở trong cùng một tình thế hoạn nạn đó, nhưng ở vào một

bậc thang thấp hơn trong việc thỏa mãn các nhu cầu của cuộc sống. Người Pháp không cần phải có thông tin chính xác về việc một nửa số tù binh, những người mà họ không biết phải làm gì với họ, mặc dù quân Nga có mọi mong muốn cứu họ, đã chết vì lạnh và đói ; họ cảm thấy rằng điều đó không thể khác được. Những vị chỉ huy Nga thương xót nhất và những người có thiện cảm với quân Pháp, những người Pháp phục vụ trong quân đội Nga cũng không thể làm được gì cho các tù binh. Quân Pháp bị tiêu vong bởi hoạn nạn mà quân đội Nga cũng đang ở trong đó. Không thể tước đoạt bánh mì và quần áo của những người lính đang đói khổ, cần thiết của mình để đưa cho những người Pháp không thù hận, không có tội, nhưng chỉ đơn thuần là không cần thiết. Một số người đã làm điều đó ; nhưng đó chỉ là ngoại lệ.

Phía sau là cái chết chắc chắn ; phía trước là hy vọng. Những con tàu đã bị đốt cháy ; không còn cách cứu rỗi nào khác ngoài sự tháo chạy đồng lòng ; và vào sự tháo chạy đồng lòng này, toàn bộ sức mạnh của quân Pháp đã được dốc vào.

Càng chạy xa, những tàn dư của quân Pháp càng thảm hại hơn, đặc biệt là sau Berezina, nơi mà do kế hoạch của St. Petersburg, những hy vọng đặc biệt đã được đặt vào, sự căm phẫn của các tướng lĩnh Nga càng bùng

cháy mạnh mẽ hơn, những người đổ lỗi cho nhau và đặc biệt là đổ lỗi cho Kutuzov. Giả định rằng thất bại của kế hoạch Berezina tại St. Petersburg sẽ được quy trách nhiệm cho ông, sự bất mãn đối với ông, sự khinh thường đối với ông và việc trêu chọc ông đã được thể hiện ngày càng mạnh mẽ hơn. Việc trêu chọc và khinh thường, tất nhiên, được thể hiện dưới hình thức tôn kính, ở cái hình thức mà Kutuzov thậm chí không thể hỏi và yêu cầu giải thích về nó. Họ không nói chuyện nghiêm túc với ông ; khi báo cáo cho ông và xin lệnh, họ làm ra vẻ thực hiện một nghi lễ buồn bã, và sau lưng ông họ nháy mắt với nhau và cố gắng lừa dối ông ở mỗi bước.

Tất cả những người này, chính vì họ không thể hiểu ông, đều công nhận rằng với một ông già như vậy thì chẳng có gì để nói ; rằng ông sẽ không bao giờ hiểu hết sự sâu sắc trong các kế hoạch của họ ; rằng ông sẽ trả lời bằng những cụm từ của mình (họ tưởng rằng đó chỉ là những cụm từ) về một cây cầu vàng, về việc không thể đi ra nước ngoài với một đám đông lang thang, v.v. Tất cả những điều này họ đã được nghe hết. Và tất cả những gì ông nói : chẳng hạn như, việc cần phải chờ lương thực, việc binh sĩ không có giày, – tất cả những điều đó thật giản đơn ; còn tất cả những gì họ đề xuất lại quá phức tạp và thông thái, đến mức rõ ràng đối với

họ rằng ông thật ngu ngốc và già nua, còn họ là những vị tướng tài ba, đầy quyền năng.

Đặc biệt sau khi hợp nhất các đạo quân của đô đốc lừng danh và anh hùng thành Petersburg Wittgenstein, tâm trạng này và những lời đàm tiếu nơi bộ tham mưu đã lên đến cực điểm. Kutuzov thấy rõ điều đó và chỉ thở dài, nhún vai. Chỉ một lần duy nhất sau trận Berezina, ông đã nổi giận và viết cho Bennigsen, người đang báo cáo riêng với hoàng đế, bức thư sau :

«Vì những cơn đau ốm của ngài, xin ngài, thưa ngài thượng tướng, ngay khi nhận được thư này, hãy lên đường đi Kaluga, và ở đó hãy chờ đợi mệnh lệnh và sự bổ nhiệm tiếp theo từ Hoàng thượng».

Nhưng ngay sau khi Bennigsen bị đuổi đi, đại công tước Konstantin Pavlovich đã đến quân đội, người đã tham gia giai đoạn đầu của chiến dịch và bị Kutuzov loại khỏi quân đội. Giờ đây, đại công tước đến quân đội, thông báo với Kutuzov về nỗi không hài lòng của hoàng đế vì những thành công yếu kém của quân ta và vì sự chậm chạp của cuộc hành quân. Hoàng đế tự mình định trong vài ngày tới sẽ đến quân đội.

Lão già ấy, vốn dày dạn kinh nghiệm trong việc triều chính cũng như trong việc quân sự, chính là Kutuzov

đó, người mà vào tháng Tám năm ấy đã được chọn làm tổng tư lệnh trái với ý muốn của hoàng đế, chính người đã loại bỏ người thừa kế và đại công tước khỏi quân đội, người đã dùng quyền hạn của mình, trái với ý muốn của hoàng đế, ra lệnh bỏ mặc Moscow, – chính Kutuzov đó giờ đây hiểu ngay rằng thời gian của ông đã hết, rằng vai diễn của ông đã diễn xong và quyền lực hư ảo này ông không còn nữa. Và không chỉ qua các mối quan hệ triều chính mà ông hiểu ra điều đó. Một mặt, ông thấy rằng việc binh đao, cái lĩnh vực mà ông đã diễn vai của mình, đã kết thúc, và cảm thấy rằng sứ mệnh của ông đã hoàn thành. Mặt khác, cùng lúc đó, ông bắt đầu cảm thấy sự mệt mỏi về thể xác trong cơ thể già nua của mình và nhu cầu được nghỉ ngơi.

XI

Ngày 29 tháng Mười một, Kutuzov tiến vào Vilna – vào thành Vilna thân thương của mình, như ông vẫn nói. Hai lần trong đời binh nghiệp, Kutuzov đã từng làm tỉnh trưởng ở Vilna. Trong thành Vilna giàu có, vẫn còn nguyên vẹn, ngoài những tiện nghi sinh hoạt mà từ lâu ông đã bị tước mất, Kutuzov đã tìm lại được những người bạn cũ và những kỷ niệm. Và ông, bất ngờ quay lưng lại với mọi nỗi lo toan quân sự và quốc gia, chìm đắm vào cuộc sống bình lặng, quen thuộc đến mức mà những đam mê đang sôi sục quanh ông, như thể mọi việc đang diễn ra bây giờ và sắp diễn ra trong thế giới lịch sử, chẳng hề can hệ gì đến ông.

Chichagov, một trong những người hay càu nhàu và hay phản đối nhất ; Chichagov, người ban đầu muốn thực hiện một cuộc nghi binh ở Hy Lạp, sau đó là ở Warsaw, nhưng tuyệt nhiên không muốn đi đến nơi ông được lệnh phải đi ; Chichagov, nổi tiếng với những lời lẽ táo bạo trước hoàng đế ; Chichagov, người coi Kutuzov là kẻ được ông ban ơn, bởi vì khi ông được cử đến vào năm 11 để ký kết hòa ước với Thổ Nhĩ Kỳ, ngoài Kutuzov ra, sau khi tin chắc rằng hòa bình đã được ký kết, đã thừa nhận trước hoàng đế rằng công lao

ký kết hòa bình thuộc về Kutuzov, – chính Chichagov này là người đầu tiên gặp Kutuzov ở Vilna tại lâu đài nơi Kutuzov sẽ dừng chân. Chichagov mặc quân phục hải quân, đội mũ ca-lô, kẹp mũ dưới nách, trao cho Kutuzov bản báo cáo quân sự và chìa khóa thành phố. Thái độ vừa khinh miệt vừa cung kính của giới trẻ đối với lão già lẩm cẩm được thể hiện ở mức độ cao nhất trong mọi cách hành xử của Chichagov, người vốn đã biết về những cáo buộc nhắm vào Kutuzov.

Trong khi trò chuyện với Chichagov, Kutuzov giữa chừng đã nói với ông ta rằng những cỗ xe ngựa có bát đĩa bị chiếm mất ở Borisov vẫn còn nguyên vẹn và sẽ được trả lại cho ông ta.

– Định nói với tôi là tôi không có gì để ăn đấy à... Trái lại, tôi có thể cung cấp cho ông mọi thứ, ngay cả trong trường hợp ông muốn tổ chức những bữa tiệc tối, – Chichagov bừng bừng nổi giận nói, trong từng lời nói đều muốn chứng minh sự đúng đắn của mình và vì thế cho rằng Kutuzov cũng đang bận tâm về điều đó.

Kutuzov mỉm cười với nụ cười tinh tế, sắc sảo của mình, và nhún vai trả lời : «Đó chẳng qua chỉ là để nói với ông điều tôi đang nói thôi».

Tại Vilna, Kutuzov, trái với ý muốn của hoàng đế, đã cho dừng phần lớn quân đội. Kutuzov, như những người thân cận của ông nói, đã trở nên suy sụp lạ thường và yếu đi về thể chất trong thời gian ở Vilna này. Ông miễn cưỡng lo liệu các công việc của quân đội, để mặc tất cả cho các tướng lĩnh của mình và, trong khi chờ đợi hoàng đế, đã phó mặc cho cuộc sống xao nhãng.

Khởi hành cùng đoàn tùy tùng của mình – công tước Tolstoy ; công tước Volkonsky, Arakcheyev và những người khác – ngày 7 tháng Mười hai từ Petersburg, hoàng đế đã đến Vilna vào ngày 11 tháng Mười hai trong những chiếc xe trượt tuyết chạy đường dài thẳng tiến đến lâu đài. Tại lâu đài, bất chấp cái lạnh giá dữ dội, có khoảng một trăm tướng lĩnh và sĩ quan tham mưu trong quân phục đại lễ và đội danh dự của trung đoàn Semenovsky đang đứng đợi.

Một người truyền tin, phi nước đại đến lâu đài trên chiếc xe tam mã đẫm mồ hôi, hét lớn : «Đến rồi !» Konovnitsyn lao vào sảnh để báo cho Kutuzov, người đang chờ đợi trong căn phòng nhỏ dành cho lính canh.

Một phút sau, thân hình to lớn, đẫy đà của lão già, trong bộ quân phục đại lễ, với tất cả các huân huy chương phủ kín ngực, và chiếc bụng được thắt chặt bằng dải băng, khệnh khạng bước ra thềm. Kutuzov đội chiếc mũ theo

chiều ngang, tay cầm đôi găng tay và đi nghiêng, khó nhọc bước xuống các bậc thang, ông đi xuống và cầm lấy bản báo cáo đã chuẩn bị sẵn để dâng lên hoàng đế.

Tiếng ồn ào, tiếng thì thầm, lại thêm một chiếc xe tam mã vừa lao qua điên cuồng, – và mọi mắt đều đổ dồn vào chiếc xe trượt đang lao tới, trong đó đã thấy rõ bóng dáng của hoàng đế và Volkonsky.

Tất cả những điều này theo thói quen 50 năm đã tác động lên thể chất của vị tướng già một cách lo âu ; ông bận rộn và vội vàng sờ nắn mình, chỉnh lại mũ và ngay trong khoảnh khắc đó, khi hoàng đế bước ra khỏi xe trượt, ông ngước mắt lên nhìn hoàng đế, phấn chấn hẳn lên và vươn mình ra, dâng bản báo cáo và bắt đầu nói bằng giọng đều đều, đầy vẻ cầu cạnh của mình.

Hoàng đế đưa mắt nhìn nhanh Kutuzov từ đầu đến chân, trong thoáng chốc đã cau mày, nhưng ngay lập tức nén lại, bước tới và dang rộng cánh tay, ôm chầm lấy vị tướng già. Một lần nữa, theo ấn tượng quen thuộc cũ và theo mối liên hệ với ý nghĩ sâu kín trong lòng, cái ôm này đã tác động lên Kutuzov : ông nức nở.

Hoàng đế chào các sĩ quan, chào đội danh dự trung đoàn Semenovsky và, lại nắm tay lão già một lần nữa, đi cùng ông vào lâu đài.

Khi chỉ còn lại hai người với vị thống chế, hoàng đế đã bày tỏ nỗi không hài lòng về sự chậm chạp trong việc truy kích, về những sai lầm tại Krasnoye và tại Berezina và thông báo những suy nghĩ của mình về chiến dịch sắp tới ở nước ngoài. Kutuzov không hề phản đối hay nhận xét gì. Vẻ cam chịu và vô nghĩa y hệt như vẻ mặt mà ông đã dùng để nghe những mệnh lệnh của hoàng đế trên chiến trường Austerlitz bảy năm về trước, giờ lại hiện lên trên khuôn mặt ông.

Khi Kutuzov bước ra khỏi phòng với dáng đi nặng nề, lảo đảo, cúi gầm đầu, ông đi qua sảnh thì có tiếng ai đó gọi ông lại.

– Thưa ngài, – ai đó nói.

Kutuzov ngẩng đầu lên và nhìn lâu vào mắt công tước Tolstoy, người đang đứng trước mặt ông với một vật nhỏ trên chiếc đĩa bạc. Kutuzov dường như không hiểu người ta muốn gì ở mình.

Bất chợt ông như sực nhớ ra ; một nụ cười mờ nhạt thoáng qua trên khuôn mặt phúng phính của ông, và ông cúi người xuống một cách kính cẩn, cầm lấy vật nằm trên đĩa. Đó là Huân chương Thánh George hạng Nhất.

XII

Ngày hôm sau, tại chỗ vị thống chế có một bữa tiệc tối và một buổi dạ hội mà hoàng đế đã hạ cố tham dự. Kutuzov đã được trao tặng Huân chương Thánh George hạng Nhất ; hoàng đế đã dành cho ông những vinh dự cao quý nhất ; nhưng nỗi không hài lòng của hoàng đế đối với vị thống chế thì ai cũng biết. Phép lịch sự được giữ gìn, và hoàng đế là người nêu gương đầu tiên về điều này ; nhưng mọi người đều biết rằng lão già có lỗi và chẳng được việc gì nữa. Khi tại buổi dạ hội, Kutuzov, theo thói quen cũ từ thời Catherine, ra lệnh đặt những lá cờ chiếm được dưới chân hoàng đế lúc người bước vào sảnh tiệc, hoàng đế đã khó chịu cau mày và thốt ra những lời mà một vài người đã nghe thấy : «lão diễn viên già».

Nỗi không hài lòng của hoàng đế đối với Kutuzov càng tăng thêm ở Vilna, đặc biệt là vì Kutuzov, rõ ràng, không muốn hoặc không thể hiểu được ý nghĩa của chiến dịch sắp tới.

Khi vào sáng ngày hôm sau, hoàng đế nói với các sĩ quan tập trung quanh mình : «các anh đã cứu không chỉ nước Nga, – các anh đã cứu châu Âu», tất cả mọi người khi đó đều hiểu rằng cuộc chiến chưa kết thúc.

Chỉ mình Kutuzov không muốn hiểu điều đó và công khai nói ý kiến của mình rằng cuộc chiến mới không thể cải thiện tình hình và làm tăng thêm vinh quang cho nước Nga, mà chỉ có thể làm tồi tệ thêm tình hình của nó và làm giảm đi cái mức độ vinh quang cao nhất mà theo ý kiến của ông, nước Nga hiện đang đứng vững. Ông đã cố gắng chứng minh cho hoàng đế thấy sự không thể huy động được thêm quân mới ; ông nói về tình cảnh khốn khổ của dân chúng, về khả năng thất bại, vân vân.

Với tâm trạng như vậy, vị thống chế đương nhiên chỉ được coi là một trở ngại và là một cái phanh cho cuộc chiến sắp tới.

Để tránh những xung đột với lão già, một lối thoát đã tự nó được tìm thấy, đó là, giống như ở Austerlitz và như ở đầu chiến dịch thời Barclay, rút dần nền tảng quyền lực ra khỏi tay vị tổng tư lệnh mà không làm ông lo lắng, không thông báo cho ông biết về điều đó, và chuyển nó sang cho chính hoàng đế.

Với mục đích đó, bộ tham mưu dần dần được cải tổ, và toàn bộ sức mạnh thực chất của tham mưu Kutuzov bị tiêu hủy và chuyển sang cho hoàng đế. Toll, Konovnitsyn, Ermolov đã nhận những nhiệm vụ khác. Mọi người đều nói công khai rằng vị thống chế đã trở nên rất yếu và sức khỏe bị suy sụp.

Ông cần phải yếu sức khỏe để nhường chỗ cho người kế nhiệm mình. Và thực sự, sức khỏe của ông rất yếu.

Cũng tự nhiên, giản đơn và dần dần như vậy, Kutuzov đã xuất hiện từ Thổ Nhĩ Kỳ đến văn phòng của Petersburg để tập hợp dân quân và sau đó vào quân đội, chính vào lúc ông cần thiết, thì cũng tự nhiên, dần dần và giản đơn như vậy bây giờ, khi vai diễn của Kutuzov đã diễn xong, tại vị trí của ông xuất hiện một nhân vật mới, năng nổ.

Cuộc chiến năm 1812, ngoài ý nghĩa thiêng liêng đối với lòng người dân Nga, chắc chắn phải có một ý nghĩa khác – mang tính châu Âu.

Sau cuộc di cư của các dân tộc từ tây sang đông phải là cuộc di cư của các dân tộc từ đông sang tây, và đối với cuộc chiến mới này cần một nhân vật mới, có những đặc điểm, quan điểm khác với Kutuzov, được thúc đẩy bởi những động cơ khác.

Alexander Đệ Nhất đối với cuộc di cư của các dân tộc từ đông sang tây và đối với việc khôi phục biên giới của các dân tộc cũng cần thiết như Kutuzov đã cần thiết cho sự cứu rỗi và vinh quang của nước Nga.

Kutuzov không hiểu cái điều có ý nghĩa là : Châu Âu, sự thăng bằng, Napoleon. Ông không thể hiểu nổi điều đó. Đối với đại diện của nhân dân Nga, sau khi kẻ thù đã bị tiêu diệt, nước Nga đã được giải phóng và được đặt lên nấc thang vinh quang cao nhất của mình, một người Nga không còn việc gì để làm nữa. Đối với đại diện của cuộc chiến tranh nhân dân, chẳng còn gì ngoài cái chết. Và ông đã chết.

XIII

Pierre, như thường lệ vẫn xảy ra, cảm nhận được toàn bộ sức nặng của những thiếu thốn về thể chất và những căng thẳng trải qua trong lúc bị cầm tù chỉ sau khi những căng thẳng và thiếu thốn này đã kết thúc. Sau khi được giải phóng khỏi ngục tù, anh đến Orel và vào ngày thứ ba sau khi đến, khi anh chuẩn bị đi Kiev, anh bị đổ bệnh và nằm liệt giường ở Orel trong ba tháng ; anh bị sốt mật. Mặc dù các bác sĩ đã chữa trị cho anh, cho trích máu và cho uống thuốc, anh vẫn hồi phục.

Tất cả những gì đã xảy ra với Pierre từ lúc được giải phóng cho đến lúc ngã bệnh, hầu như không để lại ấn tượng gì trong anh. Anh chỉ nhớ thời tiết xám xịt, u ám, lúc thì mưa, lúc thì có tuyết, nỗi sầu muộn về thể xác trong lòng, nỗi đau ở chân, ở hông ; anh nhớ lại ấn tượng chung về những nỗi bất hạnh, về sự đau khổ của con người ; anh nhớ lại sự tò mò đầy lo âu của các sĩ quan, các tướng lĩnh, những người đã tra hỏi anh ; những lo toan của chính mình về việc tìm xe ngựa và ngựa, và quan trọng nhất, anh nhớ lại sự bất lực của suy nghĩ và cảm xúc của mình vào thời gian đó. Vào ngày được giải phóng, anh đã nhìn thấy xác của Petya Rostov. Cùng ngày hôm đó anh biết rằng công tước Andrei vẫn còn

sống một tháng sau trận Borodino và chỉ vừa mới qua đời ở Yaroslavl, trong nhà của gia đình Rostov. Cũng trong ngày hôm đó Denisov, người đã báo tin này cho Pierre, trong lúc trò chuyện có nhắc đến cái chết của Helene, cho rằng Pierre chắc đã biết điều đó từ lâu. Đối với Pierre, tất cả những điều đó lúc bấy giờ chỉ có vẻ kỳ lạ. Anh cảm thấy rằng mình không thể hiểu được ý nghĩa của tất cả những tin tức này. Khi đó anh chỉ vội vàng rời khỏi những nơi này càng sớm càng tốt, nơi người ta giết chóc lẫn nhau, đến một nơi trú ẩn yên tĩnh nào đó để có thể hoàn hồn, nghỉ ngơi và suy nghĩ về tất cả những gì kỳ lạ và mới mẻ mà anh đã biết được trong thời gian này. Nhưng ngay khi vừa đến Orel, anh đã ngã bệnh. Tỉnh dậy sau cơn bệnh, Pierre thấy quanh mình có hai người của mình vừa từ Moscow đến – Terenty và Vaska, và cô tiểu thư cả, người đang sống ở Yelets, trong trang trại của Pierre, và khi biết tin anh được giải phóng và lâm bệnh, đã đến để chăm sóc anh.

Trong thời gian bình phục, Pierre chỉ dần dần thoát khỏi những ấn tượng đã trở nên quen thuộc với anh trong những tháng cuối cùng và làm quen với việc không ai đuổi anh đi đâu vào ngày mai, rằng sẽ không ai tước mất chiếc giường ấm áp của anh và rằng anh chắc chắn sẽ có bữa trưa, trà và bữa tối. Nhưng trong giấc mơ, anh vẫn còn thấy mình lâu nữa trong những điều kiện của

ngục tù. Cũng dần dần như vậy Pierre hiểu ra những tin tức mà anh đã biết sau khi thoát khỏi ngục tù : cái chết của công tước Andrei, cái chết của người vợ, sự tiêu diệt của quân Pháp.

Cảm giác vui sướng về sự tự do – cái sự tự do trọn vẹn, không thể tước đoạt, vốn có ở con người, ý thức về điều mà anh cảm nhận được lần đầu tiên tại trạm dừng chân đầu tiên khi ra khỏi Moscow – giờ đây tràn ngập tâm hồn Pierre trong thời gian anh bình phục. Anh ngạc nhiên rằng sự tự do nội tâm này, độc lập với những hoàn cảnh bên ngoài, giờ đây dường như được bao bọc bởi một sự dư dả, một sự xa hoa với những hoàn cảnh bên ngoài. Anh đơn độc trong một thành phố xa lạ, không người quen biết. Không ai yêu cầu anh điều gì ; không ai cử anh đi đâu cả. Tất cả những gì anh muốn đều có sẵn cho anh ; ý nghĩ vốn luôn hành hạ anh trước kia về người vợ giờ không còn nữa, vì chính nàng cũng không còn nữa.

– Ái chà, sao mà tốt thế ! Sao mà tuyệt thế ! – anh tự nhủ, khi người ta dọn cho anh một chiếc bàn sạch sẽ với nước dùng thơm phức, hoặc khi anh nằm ngủ trên chiếc giường nệm sạch sẽ mềm mại, hoặc khi anh nhớ lại rằng vợ và quân Pháp không còn nữa. – Ái chà, sao mà tốt thế, sao mà tuyệt thế !

Và theo thói quen cũ, anh tự đặt cho mình câu hỏi : «Và rồi sao ? Ta sẽ làm gì đây ?» Và ngay lập tức anh tự trả lời mình : «Chẳng làm gì cả. Sẽ sống thôi. Ái chà, sao mà tuyệt thế !»

Chính cái điều mà trước kia anh đã từng trăn trở, cái mà anh luôn tìm kiếm, cái mục đích của cuộc đời, giờ đây đối với anh không còn tồn tại nữa. Cái mục đích cuộc đời được tìm kiếm này giờ đây không phải tình cờ không tồn tại đối với anh chỉ trong giây phút hiện tại, mà anh cảm thấy rằng nó không có và không thể có được. Và chính sự thiếu vắng mục đích này đã mang lại cho anh cái ý thức trọn vẹn, vui sướng về sự tự do, cái điều mà vào thời gian này tạo nên hạnh phúc của anh.

Anh không thể có mục đích, bởi vì giờ đây anh đã có niềm tin, – không phải niềm tin vào những quy tắc nào đó, hay những lời lẽ, hay những ý nghĩ, mà là niềm tin vào một Thượng đế hằng sống, luôn được cảm nhận. Trước kia anh đã tìm kiếm Người trong những mục đích mà anh tự đặt ra cho mình. Cái sự tìm kiếm mục đích này chỉ là sự tìm kiếm Thượng đế. Và bất ngờ anh nhận ra trong ngục tù của mình không phải bằng lời nói, không phải bằng suy luận, mà bằng cảm giác trực tiếp, cái điều mà bà vú già đã nói với anh từ lâu : rằng Thượng đế – chính là Người ở đây, ngay tại đây, ở khắp

mọi nơi. Trong ngục tù, anh đã nhận ra rằng Thượng đế trong Karataev còn vĩ đại, vô hạn và không thể hiểu nổi hơn cả cái Đấng Kiến Trúc Vũ Trụ mà hội Tam Điểm công nhận. Anh cảm nhận được cảm giác của một người tìm thấy cái điều hằng tìm kiếm dưới chân mình, trong khi anh đã căng mắt nhìn ra xa tận đâu đâu. Suốt cuộc đời mình, anh đã nhìn qua đầu những người xung quanh, trong khi lẽ ra không cần phải căng mắt như vậy, mà chỉ cần nhìn ra trước mặt mình.

Anh đã không thể thấy được cái vĩ đại, cái không thể hiểu nổi và cái vô tận trong bất cứ điều gì trước kia. Anh chỉ cảm thấy rằng cái đó phải ở đâu đó, và anh đã đi tìm nó. Trong tất cả những gì gần gũi, dễ hiểu, anh chỉ thấy những điều hạn hẹp, tầm thường, trần tục, vô nghĩa. Anh tự trang bị cho mình một chiếc kính viễn vọng trí tuệ và nhìn vào nẻo xa, nơi cái tầm thường, trần tục đó, ẩn mình trong màn sương mù của khoảng cách, đối với anh có vẻ như vĩ đại và vô tận vì nó không được nhìn thấy rõ ràng. Cuộc sống châu Âu, chính trị, hội Tam Điểm, triết học, lòng bác ái đã hiện ra trước anh như vậy. Nhưng ngay cả trong những giây phút đó, cái mà anh coi là sự yếu đuối của mình, lý trí của anh lại len lỏi cả vào cái nẻo xa đó, và ở đó anh cũng thấy những điều tầm thường, trần tục, vô nghĩa đó. Giờ đây anh đã học được cách nhìn thấy cái vĩ đại, cái vĩnh cửu và cái

vô tận trong mọi thứ, và vì vậy, một cách tự nhiên, để thưởng thức sự chiêm ngưỡng nó, anh đã vứt bỏ chiếc kính mà anh vẫn nhìn qua đầu mọi người cho đến tận bây giờ, và vui vẻ chiêm ngưỡng quanh mình cái cuộc sống vĩnh cửu thay đổi, vĩnh cửu vĩ đại, không thể hiểu nổi và vô tận. Và anh càng nhìn gần, anh càng cảm thấy bình tâm và hạnh phúc hơn. Câu hỏi kinh khủng từng phá hủy mọi công trình trí tuệ của anh trước kia : «để làm gì ?» giờ đây đối với anh không còn tồn tại. Đối với câu hỏi đó – để làm gì ? – trong tâm hồn anh luôn sẵn có câu trả lời đơn giản : bởi vì có Thượng đế, cái vị Thượng đế mà không có ý muốn của Người thì không một sợi tóc nào trên đầu con người rơi xuống được.

XIV

Pierre hầu như không thay đổi trong những cử chỉ bên ngoài của mình. Vẻ ngoài của anh cũng chính xác như trước kia. Cũng như trước kia, anh vẫn có vẻ đãng trí và có vẻ bận rộn không phải với cái đang ở trước mắt, mà với một cái gì đó của riêng mình, đặc biệt. Sự khác biệt giữa con người trước kia và bây giờ của anh là ở chỗ, trước kia, khi anh quên mất những gì người ta nói với anh hoặc những gì ở trước mắt mình, anh sẽ nhăn trán đau đớn như thể đang cố gắng nhìn thấu một cái gì đó xa xôi. Giờ đây anh cũng quên mất những gì người ta nói với anh và những gì ở trước mắt mình ; nhưng giờ đây với một nụ cười thoáng qua, như thể giễu cợt, anh lại nhìn chăm chú vào chính cái điều đang ở trước mắt mình, lắng nghe cái người ta đang nói với mình, mặc dù rõ ràng anh đang nhìn và nghe thấy một cái gì đó hoàn toàn khác. Trước kia anh có vẻ là một người tốt bụng nhưng bất hạnh ; và vì thế mọi người vô tình xa lánh anh. Giờ đây nụ cười yêu đời thường trực trên môi anh, và trong mắt anh ánh lên sự quan tâm đến mọi người, câu hỏi : họ có hài lòng như chính anh không ? Và mọi người đều cảm thấy dễ chịu khi có sự hiện diện của anh.

Trước kia anh nói rất nhiều, hay nóng nảy khi nói, và ít khi lắng nghe ; giờ đây anh hiếm khi bị cuốn vào cuộc trò chuyện và biết lắng nghe đến mức người ta sẵn lòng bộc bạch với anh những bí mật sâu kín nhất của mình.

Tiểu thư cả, người chưa bao giờ yêu quý Pierre và luôn có cảm giác đặc biệt thù địch với anh từ sau cái chết của lão bá tước, giờ đây cảm thấy mình mắc nợ Pierre vì đã chăm sóc anh và ngạc nhiên trước anh, sau một thời gian ngắn ở Orel, nơi nàng đến với ý định chứng minh cho Pierre thấy rằng, bất chấp sự vô ơn của anh, nàng coi việc chăm sóc anh là bổn phận của mình, – cô tiểu thư sớm cảm thấy rằng nàng yêu quý anh. Pierre chẳng hề cầu cạnh sự ưu ái của cô tiểu thư. Anh chỉ quan sát nàng với vẻ tò mò. Trước kia cô tiểu thư cảm thấy rằng trong ánh mắt anh nhìn nàng có sự thờ ơ và chế giễu, và nàng, cũng như trước những người khác, lại thu mình lại và chỉ thể hiện khía cạnh hiếu chiến của mình ; giờ đây, ngược lại, nàng cảm thấy anh dường như đang tìm tòi đến tận những khía cạnh sâu kín nhất của cuộc đời nàng ; và ban đầu nàng tỏ ra ngờ vực, nhưng sau đó với lòng biết ơn, nàng đã bộc lộ cho anh thấy những khía cạnh tốt đẹp tiềm ẩn trong tính cách của mình.

Kẻ xảo quyệt nhất cũng không thể len lỏi vào niềm tin của cô tiểu thư một cách khéo léo hơn, bằng cách

gợi lại những ký niệm về thời gian thanh xuân tươi đẹp nhất của nàng và bày tỏ sự đồng cảm với chúng. Trong khi đó, toàn bộ sự xảo quyệt của Pierre chỉ nằm ở chỗ anh tìm kiếm niềm vui cho chính mình, bằng cách nhìn thấy những tình cảm nhân bản trong cô tiểu thư vốn luôn cáu kỉnh, khô khan và đầy kiêu hãnh theo cách riêng của mình.

– Phải, anh ấy là một người rất, rất tốt, khi anh ấy không nằm dưới ảnh hưởng của những kẻ xấu, mà ở cạnh những người như tôi, – cô tiểu thư tự nhủ.

Sự thay đổi diễn ra ở Pierre cũng được nhận thấy theo cách riêng của họ bởi những người hầu của anh – Terenty và Vaska. Họ thấy rằng anh đã trở nên giản dị hơn nhiều. Terenty thường xuyên, sau khi cởi giày cho ông chủ, với đôi ủng và quần áo trong tay, muốn chúc ông chủ ngủ ngon nhưng vẫn nán lại, chờ đợi xem ông chủ có bắt chuyện không. Và phần lớn Pierre đều giữ Terenty lại, nhận thấy rằng anh ta muốn trò chuyện.

– Nào, hãy kể cho ta nghe... làm sao mà các anh kiếm được đồ ăn cho mình ? – anh hỏi.

Và Terenty bắt đầu kể về cảnh hoang tàn ở Moscow, về cố bá tước và đứng hồi lâu với đống quần áo trên tay, vừa kể chuyện, vừa đôi khi lắng nghe những câu

chuyện của Pierre, và với ý thức hài lòng về sự gần gũi của ông chủ với mình và tình thân thiết với ông chủ, anh ta bước ra sảnh.

Bác sĩ chữa trị cho Pierre và đến thăm anh mỗi ngày, dù cho theo bổn phận của bác sĩ, ông ta coi việc phải giữ vẻ mặt của một người mà mỗi phút của họ đều quý giá đối với nhân loại đau khổ, nhưng ông ta lại ngồi hàng giờ với Pierre, kể những câu chuyện yêu thích của mình và quan sát tính cách của bệnh nhân nói chung và đặc biệt là của phái nữ.

– Phải, trò chuyện với một người như vậy thật dễ chịu ; không giống như ở chỗ chúng tôi tại tỉnh lẻ, – ông ta nói.

Ở Orel có vài sĩ quan Pháp bị bắt làm tù binh sống ở đó, và bác sĩ đã đưa một người trong số họ đến chỗ Pierre, một sĩ quan người Ý trẻ tuổi.

Sĩ quan này bắt đầu đến thăm Pierre, và cô tiểu thư mỉm cười trước những tình cảm dịu dàng mà anh chàng người Ý dành cho Pierre.

Người Ý dường như chỉ cảm thấy hạnh phúc khi có thể đến chỗ Pierre và trò chuyện, kể cho anh nghe về quá khứ của mình, về cuộc sống gia đình, về tình yêu

của mình và trút bỏ nỗi bất bình đối với quân Pháp và đặc biệt là đối với Napoleon.

– Nếu tất cả người Nga dù chỉ hơi giống anh thôi, – anh ta nói với Pierre, – c'est un sacrilège que de faire la guerre à un peuple comme le vôtre. Các anh, những người đã chịu đựng biết bao nhiêu từ quân Pháp, các anh thậm chí không hề có lòng căm thù đối với họ.

Và tình yêu nồng cháy của người Ý đã giúp Pierre giờ đây chiếm được những mặt tốt nhất trong tâm hồn anh và anh đã yêu mến chúng.

Trong thời gian cuối cùng Pierre ở Orel, một người quen cũ của anh đã đến thăm – bá tước Villarsky, chính là người đã đưa anh vào hội Tam Điểm năm 1807. Villarsky đã kết hôn với một người phụ nữ Nga giàu có, người có những điền trang lớn ở tỉnh Orel, và anh ta đang giữ một vị trí tạm thời trong thành phố về mảng cung ứng lương thực.

Biết tin Bezukhov đang ở Orel, Villarsky, mặc dù chưa bao giờ thân thiết với anh, đã đến thăm anh với những lời khẳng định về tình bạn và sự gần gũi, những người vốn xa lạ với nhau, tình cờ gặp gỡ giữa chốn hoang vu. Villarsky cảm thấy buồn tẻ ở Orel và đã rất hạnh phúc

khi gặp được một người cùng giới với mình và có cùng những mối quan tâm, như ông ta hằng tưởng.

Nhưng, Villarsky sớm nhận thấy với sự ngạc nhiên của mình rằng Pierre đã tụt hậu rất nhiều so với cuộc sống thực tại và đã rơi vào trạng thái mà chính ông ta tự định nghĩa về Pierre là sự thờ ơ và ích kỷ.

– Anh đang trở nên trì trệ đấy, anh bạn thân mến ạ, – ông ta nói với Pierre.

Mặc dù vậy, Villarsky hiện giờ cảm thấy dễ chịu khi ở bên Pierre hơn trước kia, và ngày nào ông ta cũng đến thăm Pierre. Còn Pierre, khi nhìn Villarsky và lắng nghe ông ta lúc này, cảm thấy thật kỳ lạ và khó tin khi nghĩ rằng chính mình cách đây không lâu cũng đã từng như vậy.

Villarsky là một người đàn ông có gia đình, bận rộn với công việc điền trang của vợ, với công vụ và gia đình. Ông ta coi tất cả những hoạt động này là trở ngại của cuộc sống và tất cả chúng đều đáng khinh bỉ, bởi vì chúng chỉ nhằm mục đích mang lại lợi ích cá nhân cho ông ta và gia đình. Những toan tính về quân sự, hành chính, chính trị, hội kín liên tục chiếm trọn tâm trí ông ta. Và Pierre, không cố gắng thay đổi quan điểm của ông ta, không phán xét ông ta, với nụ cười giễu cợt

thầm lặng, vui vẻ của riêng mình hiện nay, đã say sưa ngắm nhìn hiện tượng kỳ lạ nhưng vô cùng quen thuộc này.

Trong các mối quan hệ của mình với Villarsky, với công chúa, với bác sĩ, với tất cả những người mà anh gặp bây giờ, ở Pierre có một nét mới, giúp anh chiếm được cảm tình của mọi người : đó là sự thừa nhận khả năng của mỗi người được suy nghĩ, cảm nhận và nhìn nhận sự vật theo cách riêng của họ ; sự thừa nhận việc không thể dùng lời lẽ để thuyết phục một con người. Đặc điểm chính đáng này của mỗi cá nhân, điều mà trước đây thường làm Pierre lo lắng và bực bội, giờ đây lại tạo nên cơ sở cho sự đồng cảm và quan tâm mà anh dành cho mọi người. Sự khác biệt, đôi khi là sự mâu thuẫn hoàn toàn giữa quan điểm của mọi người với cuộc sống của chính anh và giữa họ với nhau làm Pierre vui lòng và gợi lên trong anh một nụ cười giễu cợt và hiền từ.

Trong các công việc thực tế, Pierre đột nhiên cảm thấy bây giờ mình đã có một trọng tâm mà trước đây không có. Trước đây, mỗi câu hỏi về tiền bạc, đặc biệt là những lời thỉnh cầu về tiền bạc, điều mà anh, với tư cách là một người rất giàu có, thường xuyên gặp phải, đã đẩy anh vào những nỗi lo âu và bối rối không lối

thoát. «Cho hay không cho ?» anh tự hỏi mình. «Mình có, mà anh ta cần. Nhưng người khác còn cần hơn. Ai cần hơn ? Mà có thể, cả hai đều là những kẻ lừa đảo ?» Và từ tất cả những giả thiết này, trước đây anh không tìm thấy lối thoát nào và đã cho tất cả mọi người chừng nào còn cái để cho. Chính trong sự bối rối như vậy, trước đây anh cũng đã gặp phải trong mọi câu hỏi liên quan đến tài sản của mình, khi người này nói nên làm thế này, còn người kia nói khác đi.

Bây giờ, trước sự ngạc nhiên của chính mình, anh thấy rằng trong tất cả những câu hỏi này không còn sự nghi ngờ và bối rối nữa. Trong anh hiện giờ đã xuất hiện một vị thẩm phán, người quyết định điều gì cần làm và điều gì không cần làm theo những quy luật nào đó mà chính anh cũng không biết rõ.

Anh vẫn thờ ơ với các vấn đề tiền bạc như trước ; nhưng giờ đây anh biết chắc chắn điều gì nên làm và điều gì không nên làm. Ứng dụng đầu tiên của vị thẩm phán mới này là lời thỉnh cầu của một đại tá người Pháp bị bắt làm tù binh, người đã đến gặp anh, kể rất nhiều về những chiến công của mình và cuối cùng đưa ra yêu cầu Pierre cho ông ta mượn 4.000 franc để gửi về cho vợ con. Pierre đã từ chối ông ta mà không chút khó khăn hay căng thẳng nào, về sau anh còn ngạc nhiên

thấy việc đó thật đơn giản và dễ dàng, điều mà trước đây dường như khó khăn không thể giải quyết được. Đồng thời, khi từ chối viên đại tá, anh quyết định rằng cần phải dùng mưu mẹo để khi rời khỏi Orel, buộc viên sĩ quan người Ý phải nhận tiền, người mà anh thấy rõ là đang cần giúp đỡ. Một bằng chứng mới cho Pierre về quan điểm đã được xác lập của anh đối với các công việc thực tế là quyết định của anh về vấn đề nợ nần của vợ và về việc khôi phục hay không khôi phục các ngôi nhà ở Moscow và các biệt thự ngoại ô.

Vị quản lý chính đã đến Orel gặp anh, và Pierre đã cùng ông ta thực hiện một bản tính toán chung về các nguồn thu nhập đã thay đổi của mình. Vụ cháy Moscow đã khiến Pierre thiệt hại, theo tính toán của vị quản lý chính, khoảng hai triệu rúp.

Vị quản lý chính, để an ủi những mất mát này, đã trình cho Pierre một bản tính toán rằng bất chấp những mất mát này, thu nhập của anh không những không giảm mà còn tăng lên, nếu anh từ chối trả các khoản nợ còn lại sau cái chết của nữ bá tước, điều mà anh không bắt buộc phải trả, và nếu anh không khôi phục các ngôi nhà ở Moscow và các biệt thự ngoại ô, những thứ hàng năm tiêu tốn 80 ngàn rúp mà không mang lại gì cả.

– Đúng, đúng, đó là sự thật, – Pierre nói, mỉm cười vui vẻ. – Đúng, đúng, tôi không cần bất cứ thứ gì trong số đó cả. Tôi đã trở nên giàu có hơn nhiều sau khi bị phá sản.

Nhưng vào tháng Giêng, Savelich từ Moscow đến, kể về tình trạng của Moscow, về bản dự toán mà kiến trúc sư đã lập cho anh để khôi phục ngôi nhà và biệt thự ngoại ô, nói về việc này như một chuyện đã được quyết định xong. Cùng thời gian đó, Pierre nhận được thư từ công tước Vasily và những người quen khác từ Petersburg. Trong các bức thư có nói về các khoản nợ của người vợ. Và Pierre quyết định rằng kế hoạch của vị quản lý mà anh rất thích là không đúng và anh cần phải đi Petersburg để giải quyết dứt điểm các công việc của vợ và xây dựng lại ở Moscow. Tại sao điều này là cần thiết, anh không biết, nhưng anh biết chắc chắn rằng điều đó là cần thiết. Thu nhập của anh do quyết định này giảm đi ba phần tư. Nhưng điều này là cần thiết ; anh cảm nhận thấy như vậy.

Villarsky đang đi Moscow, và họ đã đồng ý đi cùng nhau.

Trong suốt thời gian bình phục ở Orel, Pierre đã trải qua cảm giác vui sướng, tự do, cuộc sống ; nhưng khi trong chuyến hành trình của mình, anh thấy mình ở

giữa thế giới rộng lớn, nhìn thấy hàng trăm gương mặt mới, cảm giác này càng tăng thêm mạnh mẽ. Anh trải qua cảm giác vui sướng của một học sinh trong kỳ nghỉ trong suốt thời gian đi đường. Mọi gương mặt : người đánh xe, trạm trưởng, những người nông dân trên đường hoặc trong làng, – tất cả đều có ý nghĩa mới đối với anh. Sự hiện diện và những lời phàn nàn của Villarsky, người liên tục than vãn về sự nghèo nàn, lạc hậu của châu Âu, sự thiếu hiểu biết của Nga, chỉ làm tăng thêm niềm vui của Pierre. Ở những nơi mà Villarsky nhìn thấy sự chết chóc, Pierre lại thấy một sức sống mãnh liệt phi thường, cái sức mạnh đã duy trì sự sống của cả một dân tộc đặc biệt và duy nhất này trong không gian đầy tuyết trắng. Anh không phản đối Villarsky và, như thể đồng tình với ông ta (vì sự đồng tình giả vờ là phương tiện ngắn nhất để tránh những tranh luận mà từ đó không mang lại kết quả gì), anh vui vẻ mỉm cười khi lắng nghe ông ta.

XV

Thật khó để giải thích tại sao và đi đâu mà lũ kiến từ đống kiến bị phá nát lại vội vã, con thì tha những mẩu rác, trứng và những cái xác khô khỏi đống kiến, con thì – quay trở lại đống kiến ; tại sao chúng va chạm nhau, đuổi kịp nhau, đánh nhau, – cũng khó có thể giải thích những nguyên nhân đã khiến người Nga sau khi quân Pháp rút đi lại tụ tập đông đúc ở nơi mà trước đây gọi là Moscow. Nhưng cũng giống như khi nhìn vào lũ kiến lúc nhúc trong đống kiến bị phá nát, mặc dù đống kiến đã bị phá hủy hoàn toàn, vẫn thấy được sự bền bỉ, năng lượng và số lượng vô kể của những loài côn trùng đang bò lổm ngổm, chứng tỏ rằng mọi thứ đã bị tàn phá, ngoại trừ một thứ gì đó không thể phá hủy, phi vật chất, tạo nên toàn bộ sức mạnh của đống kiến, – cũng vậy, Moscow vào tháng Mười, mặc dù không có chính quyền, không có giáo hội, không có các thánh tích, không có tài sản, không có nhà cửa, vẫn là Moscow như hồi tháng Tám. Mọi thứ đều bị phá hủy, ngoại trừ một thứ gì đó phi vật chất, nhưng hùng mạnh và không thể phá hủy.

Động cơ của những người từ khắp nơi đổ về Moscow sau khi nó được giải phóng khỏi kẻ thù là đa dạng nhất,

cá nhân và ban đầu phần lớn là – hoang dã, thú tính. Chỉ có một động cơ chung cho tất cả – đó là khát vọng hướng về đó, về nơi mà trước đây gọi là Moscow, để áp dụng năng lực của mình ở đó.

Chỉ sau một tuần, ở Moscow đã có 15 ngàn dân, sau hai tuần đã có 25 ngàn và cứ tiếp tục như vậy. Con số này, luôn tăng lên, đến mùa thu năm 1813 đã đạt đến con số vượt quá dân số của năm 1812.

Những người Nga đầu tiên vào Moscow là những người lính Cossack thuộc biệt đội Winzingerode, những người nông dân từ các làng lân cận và những cư dân đã trốn khỏi Moscow và ẩn náu ở các vùng phụ cận. Những người Nga tiến vào Moscow bị tàn phá, thấy nó bị cướp bóc, cũng bắt đầu cướp bóc. Họ tiếp tục những gì quân Pháp đã làm. Những đoàn xe của nông dân đến Moscow để chở về làng tất cả những gì bị bỏ lại trong các ngôi nhà và đường phố Moscow bị tàn phá. Quân Cossack chở về doanh trại của mình những gì có thể ; các chủ nhà lấy đi tất cả những gì họ tìm thấy trong các ngôi nhà khác và mang về nhà mình với lý do đó là tài sản của họ.

Nhưng sau những kẻ cướp bóc đầu tiên, những người khác, những người thứ ba lại đến, và vụ cướp bóc hàng

ngày, khi số lượng những kẻ cướp bóc tăng lên, trở nên khó khăn hơn và mang những hình thái xác định hơn.

Quân Pháp thấy Moscow dù trống rỗng, nhưng vẫn đầy đủ tất cả các hình thái của một thành phố có đời sống hữu cơ bình thường, với các ban ngành thương mại, thủ công, xa xỉ, quản lý nhà nước, tôn giáo khác nhau. Những hình thái này vốn vô hồn, nhưng chúng vẫn còn tồn tại. Có các dãy hàng, cửa hiệu, cửa hàng, kho bãi, chợ – phần lớn đầy hàng hóa ; có các nhà máy, xưởng thủ công ; có các cung điện, những ngôi nhà giàu có chứa đầy các vật dụng xa xỉ ; có các bệnh viện, nhà tù, công sở, nhà thờ, thánh đường. Quân Pháp ở lại càng lâu, các hình thái của đời sống đô thị này càng bị phá hủy, và đến cuối cùng tất cả đã hòa trộn thành một bãi chiến trường của sự cướp bóc vô định, vô hồn.

Sự cướp bóc của quân Pháp càng kéo dài, nó càng phá hủy sự giàu có của Moscow và sức mạnh của những kẻ cướp bóc. Sự cướp bóc của người Nga, vốn bắt đầu từ việc người Nga chiếm đóng thành phố, diễn ra càng lâu, càng có nhiều người tham gia vào đó, thì sự giàu có của Moscow và đời sống bình thường của thành phố lại càng nhanh chóng được khôi phục.

Ngoài những kẻ cướp bóc, mọi loại người đủ mọi thành phần, bị cuốn hút bởi sự tò mò, bởi ý thức công

vụ, bởi tính toán, – các chủ điền trang, giáo sĩ, quan chức cao cấp và thấp cấp, thương gia, thợ thủ công, nông dân, – từ các phía khác nhau đổ về Moscow như máu chảy về tim.

Sau một tuần, những người nông dân đã đến với những chiếc xe trống không để chở đồ đạc đi, đã bị chính quyền chặn lại và buộc phải chở các xác chết ra khỏi thành phố. Những nông dân khác, sau khi nghe nói về sự thất bại của đồng đội, đã mang theo lúa mì, yến mạch, cỏ khô đến thành phố, phá giá của nhau cho đến khi giá thấp hơn trước kia. Các hiệp hội thợ mộc, hy vọng vào thu nhập cao, mỗi ngày đều vào Moscow, và từ khắp nơi, những ngôi nhà mới được dựng lên và những ngôi nhà bị cháy cũ được sửa sang. Các thương gia mở hàng trong các lán tạm. Các quán ăn, nhà trọ được thiết lập trong những ngôi nhà bị cháy sém. Giáo sĩ khôi phục các buổi lễ trong nhiều nhà thờ không bị cháy. Những người hiến tặng mang đến những vật dụng giáo hội bị cướp bóc. Các quan chức kê những chiếc bàn của mình với vải xanh và tủ hồ sơ trong những căn phòng nhỏ. Các cấp chính quyền cao nhất và cảnh sát bận rộn với việc phân phối tài sản còn lại của quân Pháp. Các chủ nhân của những ngôi nhà đó, nơi còn nhiều đồ đạc được mang đến từ các ngôi nhà khác, đã than phiền về sự bất công của việc chở mọi thứ về Cung

điện Facets ; những người khác lại khẳng định rằng người Pháp đã mang đồ từ các ngôi nhà khác nhau về một nơi, và do đó thật không công bằng khi trả lại cho chủ ngôi nhà nơi tìm thấy những đồ đó. Họ mắng nhiếc cảnh sát ; mua chuộc họ ; viết những bản dự toán cao gấp mười lần cho những tài sản nhà nước bị cháy ; yêu cầu được trợ giúp. Bá tước Rastopchin viết những bản tuyên cáo của mình.

XVI

Vào cuối tháng Giêng, Pierre đến Moscow và định cư trong gian nhà phụ còn nguyên vẹn. Anh đã đến thăm bá tước Rastopchin, thăm một vài người quen đã trở về Moscow, và dự định vào ngày thứ ba sẽ đi Petersburg. Mọi người đều ăn mừng chiến thắng ; cuộc sống sôi động trong thành phố bị tàn phá và thủ đô đang hồi sinh. Mọi người đều vui mừng khi thấy Pierre ; mọi người đều muốn gặp anh và hỏi anh về những gì anh đã thấy. Pierre cảm thấy mình đặc biệt có thiện cảm với tất cả những người mà anh gặp ; nhưng vô thức bây giờ anh giữ mình ở thế phòng vệ với tất cả mọi người, để không ràng buộc mình với bất cứ điều gì. Anh trả lời tất cả các câu hỏi được đặt ra cho mình, – quan trọng hay vụn vặt nhất, – rằng : anh sẽ sống ở đâu ? anh sẽ xây dựng lại chứ ? khi nào anh đi Petersburg và liệu anh có định mang theo chiếc tráp của mình không ? anh trả lời: vâng, có lẽ, tôi nghĩ vậy, v.v.

Về gia đình Rostov, anh đã nghe nói rằng họ đang ở Kostroma, và ý nghĩ về Natasha hiếm khi đến với anh. Nếu nó có đến, thì chỉ như một kỷ niệm dễ chịu về quá khứ xa xăm. Anh cảm thấy mình không chỉ tự do khỏi các điều kiện sống, mà còn khỏi cái cảm giác này, thứ

mà anh tưởng như mình đã cố tình gieo rắc vào bản thân.

Vào ngày thứ ba sau khi đến Moscow, anh được biết từ nhà Drubetskoy rằng công chúa Marya đang ở Moscow. Cái chết, những đau khổ, những ngày cuối đời của hoàng tử Andrey thường xuyên chiếm trọn tâm trí Pierre và bây giờ, với một sức sống mới, chúng lại hiện lên trong đầu anh. Sau bữa trưa, khi biết công chúa Marya đang ở Moscow và sống trong ngôi nhà không bị cháy của mình trên phố Vozdvizhenka, tối hôm đó anh đã đến gặp cô.

Trên đường đến gặp công chúa Marya, Pierre không ngừng nghĩ về hoàng tử Andrey, về tình bạn của mình với anh ta, về những lần gặp gỡ khác nhau với anh ta và đặc biệt là về lần gặp cuối cùng ở Borodino.

«Chẳng lẽ anh ấy đã chết trong tâm trạng cay nghiệt đó sao ? Chẳng lẽ trước cái chết, anh ấy đã không nhận ra lời giải thích của cuộc sống ?» Pierre nghĩ. Anh nhớ đến Karataev, về cái chết của ông ta, và vô thức bắt đầu so sánh hai con người này, những người quá khác biệt và đồng thời lại giống nhau đến thế vì tình yêu mà anh dành cho cả hai, và vì việc cả hai đều đã sống và cả hai đã qua đời.

Trong tâm trạng nghiêm túc nhất, Pierre lái xe đến ngôi nhà của ông hoàng cũ. Ngôi nhà này vẫn còn nguyên vẹn. Trong đó vẫn còn những dấu vết của sự tàn phá, nhưng đặc điểm của ngôi nhà vẫn như xưa. Viên quản gia già đón tiếp Pierre với khuôn mặt nghiêm nghị, như thể muốn làm cho vị khách cảm thấy rằng sự vắng mặt của hoàng tử không vi phạm trật tự của ngôi nhà, ông ta nói rằng công chúa đã lui về phòng riêng và tiếp khách vào các ngày Chủ nhật.

– Hãy thưa lại ; có lẽ, họ sẽ tiếp, – Pierre nói.

– Tuân lệnh, – viên quản gia trả lời, – xin mời vào phòng tranh.

Vài phút sau, viên quản gia và Dessalles bước ra gặp Pierre. Dessalles nhân danh công chúa thưa lại với Pierre rằng cô rất vui lòng được gặp anh và mời anh, nếu anh thứ lỗi cho sự thiếu nghi lễ của cô, lên phòng cô trên tầng.

Trong một căn phòng thấp, được thắp sáng bởi một ngọn nến, công chúa đang ngồi và còn ai đó nữa cùng với cô ấy, trong bộ váy đen. Pierre nhớ rằng bên cạnh công chúa luôn có những người bạn đồng hành, nhưng những người bạn đồng hành đó là ai và họ trông như thế nào, Pierre không biết và không nhớ. «Đây là một

trong những người bạn đồng hành rồi», anh nghĩ thầm, liếc nhìn người phụ nữ trong bộ váy đen.

Công chúa nhanh chóng đứng dậy đón anh và đưa tay ra.

– Vâng, – cô nói, chăm chú nhìn vào khuôn mặt đã thay đổi của anh, sau khi anh hôn tay cô, – chúng ta gặp nhau như thế này đấy. Anh ấy đã nhắc đến anh rất nhiều trong thời gian cuối, – cô nói, chuyển mắt từ Pierre sang người bạn đồng hành với sự e thẹn, điều mà trong khoảnh khắc đã làm Pierre kinh ngạc.

– Tôi đã rất vui mừng khi biết tin anh được cứu thoát. Đó là tin tức vui mừng duy nhất mà chúng tôi nhận được từ lâu nay.

Một lần nữa, công chúa lại liếc nhìn người bạn đồng hành một cách lo lắng hơn và định nói điều gì đó ; nhưng Pierre đã ngắt lời cô.

– Cô có thể tưởng tượng được không, tôi không biết gì về anh ấy cả, – anh nói. – Tôi nghĩ anh ấy đã bị giết. Tất cả những gì tôi biết được, tôi biết từ những người khác, qua người thứ ba. Tôi chỉ biết rằng anh ấy đã theo gia đình Rostov... Thật là một số phận !

Pierre nói nhanh, sôi nổi. Anh liếc nhìn vào khuôn mặt của người bạn đồng hành, thấy một ánh nhìn dịu dàng, ân cần hướng về mình, và, như thường lệ xảy ra trong lúc trò chuyện, vì lý do nào đó anh cảm thấy rằng người bạn đồng hành trong bộ váy đen này là một sinh vật hiền lành, tốt bụng, cao quý, người sẽ không làm phiền cuộc trò chuyện thân tình của anh với công chúa Marya.

Nhưng khi anh nói những lời cuối cùng về gia đình Rostov, sự bối rối hiện rõ trên khuôn mặt công chúa Marya còn mạnh mẽ hơn. Cô lại đưa mắt từ khuôn mặt Pierre sang khuôn mặt của người phụ nữ trong bộ váy đen và nói :

– Anh không nhận ra sao ?

Pierre lại nhìn một lần nữa vào khuôn mặt nhợt nhạt, gầy gò, với đôi mắt đen và cái miệng kỳ lạ. Một thứ gì đó thân thuộc, đã lâu không gặp và hơn cả là sự hiền lành đang nhìn anh từ đôi mắt chăm chú này.

«Nhưng không, không thể nào», anh nghĩ. «Khuôn mặt nghiêm nghị, gầy gò và nhợt nhạt, già nua này ! Đây không thể là cô ấy được. Đây chỉ là một kỷ niệm về điều đó thôi». Nhưng lúc này công chúa Marya nói : «Natasha». Và khuôn mặt với đôi mắt chăm chú đó khó

khăn lắm, với một nỗ lực, như cánh cửa rỉ sét đang mở ra, mới mỉm cười, và từ cánh cửa đang mở đó đột nhiên phả vào Pierre cái hạnh phúc đã quên từ lâu, mà anh không hề nghĩ đến vào lúc này, đặc biệt là bây giờ. Nó phả vào, bao trùm và nuốt trọn lấy anh hoàn toàn. Khi cô mỉm cười, không còn nghi ngờ gì nữa : đó chính là Natasha, và anh yêu cô.

Trong phút đầu tiên, Pierre vô tình nói với cô, với công chúa Marya, và quan trọng nhất là với chính mình một bí mật mà chính anh cũng không biết. Anh đỏ mặt vui sướng và đau đớn khổ sở. Anh muốn giấu đi sự xúc động của mình. Nhưng anh càng muốn giấu nó đi, anh càng thấy rõ hơn, – rõ hơn cả những lời nói xác thực nhất, – rằng chính anh, và cô, và công chúa Marya đều biết rằng anh yêu cô.

«Không, đây chỉ là do sự bất ngờ thôi», Pierre nghĩ. Nhưng ngay khi anh định tiếp tục cuộc trò chuyện đã bắt đầu với công chúa Marya, anh lại liếc nhìn Natasha, và một sắc hồng rực rỡ hơn bao trùm khuôn mặt cô, và một sự xúc động mạnh mẽ hơn của niềm vui và nỗi sợ hãi chiếm trọn tâm hồn anh. Anh lúng túng trong lời nói và dừng lại giữa chừng.

Pierre không nhận ra Natasha, vì anh không bao giờ ngờ được sẽ gặp cô ở đây, nhưng anh không nhận ra cô

còn vì sự thay đổi trong cô kể từ bấy giờ là quá lớn. Cô đã gầy đi và nhợt nhạt hẳn. Nhưng không phải điều này làm cô trở nên không thể nhận ra : không thể nhận ra cô ngay từ phút đầu tiên vì trên khuôn mặt này, trong đôi mắt mà trước đây luôn tỏa sáng nụ cười thầm kín của niềm vui sống, giờ đây, khi anh bước vào và trong cái nhìn đầu tiên anh nhìn cô, không có nụ cười ; chỉ có đôi mắt – chăm chú, tốt bụng và buồn bã – hỏi han.

Sự bối rối của Pierre không phản ánh lên Natasha bằng sự bối rối, mà bằng sự hài lòng, làm bừng sáng nhẹ nhàng toàn bộ khuôn mặt cô.

XVII

Cô ấy đến ở với tôi, – công chúa Marya nói. – Bá tước và nữ bá tước sẽ đến trong vài ngày tới. Nữ bá tước đang trong tình trạng khủng khiếp. Nhưng chính Natasha cần phải gặp bác sĩ. Người ta đã cưỡng ép gửi cô ấy đi cùng tôi.

– Vâng, có gia đình nào không có nỗi đau riêng của mình không ? – Pierre nói, quay sang Natasha. – Cô biết đấy, chuyện đó xảy ra đúng vào ngày chúng tôi được giải phóng. Tôi đã nhìn thấy cậu ấy. Thật là một cậu bé đáng yêu !

Natasha nhìn anh, và để đáp lại lời anh, đôi mắt cô chỉ mở to hơn và tỏa sáng hơn.

– Có thể nói gì hoặc nghĩ gì để an ủi bây giờ ? – Pierre nói. – Không có gì cả. Tại sao một cậu bé tuyệt vời, tràn đầy sức sống như thế lại phải ra đi ?

– Vâng, trong thời đại của chúng ta thật khó sống nếu không có đức tin... – công chúa Marya nói.

– Vâng, vâng. Đó là sự thật chân chính, – Pierre nhanh chóng ngắt lời.

– Tại sao ? – Natasha hỏi, chăm chú nhìn vào mắt Pierre.

– Tại sao tại sao ? – công chúa Marya nói. – Chỉ một ý nghĩ về những gì đang chờ đợi ở đó thôi...

Natasha, không nghe hết lời công chúa Marya, lại nhìn Pierre một cách hỏi han.

– Và bởi vì, – Pierre tiếp tục, – chỉ có người tin vào việc có Chúa đang điều hành chúng ta mới có thể chịu đựng được một mất mát như vậy, như mất mát của cô và... của cô, – Pierre nói.

Natasha đã mở miệng, định nói điều gì đó, nhưng đột nhiên dừng lại. Pierre vội vàng quay đi khỏi cô và quay sang công chúa Marya với câu hỏi về những ngày cuối cùng trong cuộc đời của bạn mình.

Sự bối rối của Pierre giờ đây gần như đã biến mất ; nhưng đồng thời với nó, anh cảm thấy rằng toàn bộ sự tự do trước đây của mình đã biến mất. Anh cảm thấy rằng trên mỗi lời nói, mỗi hành động của mình bây giờ đều có một vị thẩm phán, một tòa án quý giá đối với anh hơn tòa án của tất cả mọi người trên thế giới. Bây giờ khi nói chuyện, anh đồng thời cũng cân nhắc ấn tượng mà lời nói của mình gây ra cho Natasha. Anh không cố

ý nói những gì có thể làm cô thích ; nhưng bất kể anh nói gì, anh đều nhìn nhận nó từ quan điểm của cô.

Công chúa Marya bắt đầu kể lại một cách miễn cưỡng, như thường lệ, về tình trạng mà cô thấy hoàng tử Andrey. Nhưng những câu hỏi của Pierre, cái nhìn sôi nổi, lo lắng của anh, khuôn mặt run rẩy vì xúc động của anh đã dần dần buộc cô phải đi vào chi tiết, những điều mà chính cô cũng sợ phải gợi lại trong trí tưởng tượng.

– Vâng, đúng thế, đúng thế... – Pierre nói, nghiêng người về phía trước bằng cả thân mình hướng về công chúa Marya và chăm chú lắng nghe lời cô kể. – Vâng, vâng ; anh ấy đã thanh thản chứ ? đã dịu bớt chứ ? Anh ấy luôn tìm kiếm một điều bằng tất cả sức mạnh tâm hồn : hoàn toàn trở nên tốt đẹp, đến mức anh ấy không thể sợ cái chết. Những khiếm khuyết có ở anh ấy – nếu có – thì không phải do anh ấy mà ra. Thế là anh ấy đã dịu bớt rồi ? – Pierre nói. – Thật hạnh phúc biết bao khi anh được gặp anh ấy, – anh nói với Natasha, đột nhiên quay sang cô và nhìn cô với đôi mắt đẫm lệ.

Khuôn mặt Natasha khẽ run lên. Cô cau mày và trong khoảnh khắc cúi mắt xuống. Trong một phút, cô phân vân : có nên nói hay không.

– Vâng, đó là một niềm hạnh phúc, – cô nói bằng giọng trầm thầm, – đối với em chắc chắn đó là một niềm hạnh phúc. – Cô im lặng. – Và anh ấy... anh ấy... anh ấy đã nói rằng anh ấy đã mong muốn điều này đúng vào cái phút em đến gặp anh ấy...

Giọng Natasha nghẹn lại. Cô đỏ mặt, siết chặt tay trên đầu gối và đột nhiên, rõ ràng là đã nỗ lực vượt qua chính mình, cô ngẩng đầu lên và bắt đầu nói nhanh.

– Chúng em không biết gì cả khi rời khỏi Moscow. Em không dám hỏi về anh ấy. Và đột nhiên Sonya bảo em rằng anh ấy đang đi cùng chúng em. Em không nghĩ được gì cả, em không thể tưởng tượng được anh ấy đang ở trong tình trạng nào ; em chỉ cần được nhìn thấy anh ấy, được ở bên anh ấy, – cô nói, run rẩy và hổn hển.

Và, không để mình bị ngắt lời, cô kể tất cả những gì cô chưa bao giờ kể cho bất kỳ ai : tất cả những gì cô đã trải qua trong ba tuần hành trình và cuộc sống ở Yaroslavl.

Pierre lắng nghe cô với cái miệng há hốc và đôi mắt không rời khỏi cô, tràn đầy lệ. Nghe cô kể, anh không nghĩ đến hoàng tử Andrey, hay về cái chết, hay về những gì cô đang kể. Anh nghe cô kể và chỉ cảm thấy thương

hại cô vì nỗi đau khổ mà cô đang trải qua hiện nay khi kể lại.

Công chúa Marya, cau mày vì mong muốn kìm nén nước mắt, ngồi cạnh Natasha và lần đầu tiên nghe câu chuyện về những ngày cuối cùng của tình yêu giữa anh trai mình và Natasha.

Câu chuyện đau đớn và hạnh phúc này rõ ràng là cần thiết đối với Natasha.

Cô nói, xen lẫn những chi tiết vụn vặt nhất với những bí mật tâm hồn, và dường như cô không thể kết thúc được. Cô lặp lại cùng một điều nhiều lần.

Sau cánh cửa vang lên tiếng nói của Dessalles, người đang hỏi liệu Nikolushka có thể vào để chào tạm biệt không.

– Dạ thế là hết, tất cả... – Natasha nói.

Cô nhanh chóng đứng dậy đúng lúc Nikolushka bước vào, và gần như chạy bổ ra cửa, va đầu vào cánh cửa có rèm che, và một tiếng rên thoát ra khỏi miệng cô, không rõ vì đau hay vì nỗi buồn.

Pierre nhìn cánh cửa nơi cô vừa đi ra, và không hiểu tại sao đột nhiên mình lại còn lại một mình trong cả thế gian này.

Công tước phu nhân Marya đã kéo anh ra khỏi trạng thái lơ đãng bằng cách hướng sự chú ý của anh vào đứa cháu trai vừa bước vào phòng.

Khuôn mặt của Nikolushka, giống hệt cha mình, trong giây phút tâm hồn mềm yếu mà Pierre đang trải qua lúc bấy giờ, đã tác động lên anh mạnh mẽ đến nỗi sau khi hôn Nikolushka, anh vội vàng đứng dậy, lấy khăn tay ra và đi về phía cửa sổ. Anh muốn cáo biệt Công tước phu nhân Marya, nhưng cô đã giữ anh lại.

– Không, tôi với Natasha đôi khi không ngủ cho đến ba giờ sáng ; xin anh hãy ngồi lại. Tôi sẽ bảo dọn bữa tối. Mời anh xuống dưới, chúng tôi sẽ xuống ngay.

Trước khi Pierre ra ngoài, công tước phu nhân nói với anh :

– Đây là lần đầu tiên cô ấy nói về người ấy như vậy.

XVIII

Pierre được đưa vào phòng ăn lớn rực rỡ ánh đèn ; vài phút sau có tiếng bước chân, và công tước phu nhân cùng Natasha bước vào phòng. Natasha đã bình tĩnh, mặc dù nét mặt nghiêm nghị, không nụ cười, giờ lại hiện rõ trên khuôn mặt cô. Công tước phu nhân Marya, Natasha và Pierre đều cùng cảm thấy sự lúng túng thường đi sau một cuộc trò chuyện nghiêm túc và thân tình vừa kết thúc. Tiếp tục cuộc trò chuyện cũ là không thể, nói về những chuyện tầm phào thì thấy hổ thẹn, còn im lặng thì khó chịu, bởi vì muốn nói, nhưng bằng sự im lặng này người ta như đang giả vờ. Họ lặng lẽ tiến đến bàn ăn. Những người hầu đẩy và kéo ghế. Pierre mở chiếc khăn ăn lạnh lẽo và quyết định phá vỡ sự im lặng, anh nhìn Natasha và Công tước phu nhân Marya. Cả hai rõ ràng cùng lúc đó cũng quyết định làm điều tương tự : trong mắt cả hai đều lấp lánh niềm vui với cuộc sống và sự thừa nhận rằng, ngoài nỗi đau, còn có niềm vui.

– Bá tước có uống rượu vodka không ? – Công tước phu nhân Marya nói, và những lời này đột nhiên xua tan những bóng ma của quá khứ. – Hãy kể cho chúng tôi nghe về bản thân anh đi, – Công tước phu nhân Marya

nói, – người ta kể về anh những điều kỳ diệu không thể tin nổi.

– Vâng, – với nụ cười hiền hậu pha chút giễu cợt giờ đã thành thói quen, Pierre trả lời. – Ngay cả bản thân tôi người ta cũng kể cho nghe những điều kỳ diệu mà tôi chưa từng thấy dù là trong giấc mơ. Marya Abramovna mời tôi đến chỗ bà ấy và kể cho tôi nghe mọi chuyện đã xảy ra với tôi hoặc đáng lẽ phải xảy ra. Stepan Stepanych cũng dạy tôi cách tôi phải kể chuyện. Nói chung tôi nhận thấy rằng trở thành một người thú vị thì rất thong thả (giờ tôi là một người thú vị) : người ta gọi tôi và kể cho tôi nghe.

Natasha mỉm cười và định nói điều gì đó.

– Người ta kể cho chúng tôi nghe, – Công tước phu nhân Marya ngắt lời cô, – rằng anh đã mất hai triệu ở Moscow. Có đúng thế không ?

– Còn tôi thì trở nên giàu hơn gấp ba, – Pierre nói.

Pierre, mặc dù nợ nần của vợ và nhu cầu xây dựng lại đã thay đổi công việc của anh, vẫn tiếp tục khẳng định rằng anh đã trở nên giàu hơn gấp ba.

– Điều mà tôi đã đạt được một cách chắc chắn, – anh nói, – chính là sự tự do... – anh bắt đầu một cách nghiêm

túc ; nhưng rồi lại thôi không nói tiếp, nhận thấy rằng đây là một chủ đề quá ích kỷ cho cuộc trò chuyện.

– Thế anh có xây dựng không ?

– Có, Savelych bảo thế.

– Hãy nói xem, anh có biết về việc nữ bá tước qua đời khi anh còn ở Moscow không ? – Công tước phu nhân Marya nói và ngay lập tức đỏ mặt, nhận thấy rằng khi đặt câu hỏi này ngay sau lời anh nói về sự tự do, cô đã gán cho lời anh một ý nghĩa mà có lẽ chúng không có.

– Không, – Pierre trả lời, rõ ràng không thấy sự lúng túng trong cách giải thích mà Công tước phu nhân Marya đã dành cho việc anh nhắc đến sự tự do của mình. – Tôi biết được điều đó ở Oryol, và cô không thể tưởng tượng được điều đó đã làm tôi kinh ngạc như thế nào. Chúng tôi không phải là một cặp vợ chồng kiểu mẫu, – anh nói nhanh, nhìn Natasha và nhận thấy sự tò mò trên khuôn mặt cô về việc anh sẽ nói gì về vợ mình. – Nhưng cái chết này làm tôi sợ hãi khủng khiếp. Khi hai người cãi nhau, bao giờ cả hai cũng có lỗi. Và lỗi lầm của mình đột nhiên trở nên nặng nề khủng khiếp trước một người không còn nữa. Và rồi, một cái chết như vậy... không bạn bè, không sự an ủi. Tôi rất, rất tiếc cho cô ấy, – anh

kết thúc và nhận thấy với sự hài lòng biểu hiện tán đồng rạng rỡ trên khuôn mặt Natasha.

– Vâng, thế là anh lại là người độc thân và là chú rể, – Công tước phu nhân Marya nói.

Pierre đột nhiên đỏ bừng mặt và cố gắng không nhìn Natasha trong một thời gian dài. Khi anh quyết định nhìn cô, khuôn mặt cô lạnh lùng, nghiêm nghị và thậm chí có vẻ khinh khỉnh đối với anh.

– Nhưng anh đã thực sự nhìn thấy và nói chuyện với Napoleon như người ta kể cho chúng tôi nghe chứ ? – Công tước phu nhân Marya nói.

Pierre bật cười.

– Chưa một lần nào, chưa bao giờ. Ai cũng tưởng rằng bị cầm tù nghĩa là làm khách của Napoleon. Tôi không những không nhìn thấy ông ta, mà còn không nghe nói về ông ta nữa. Tôi đã ở trong một xã hội tồi tệ hơn nhiều.

Bữa tối kết thúc, và Pierre, người ban đầu từ chối kể về thời gian bị cầm tù của mình, dần dần bị lôi cuốn vào câu chuyện này.

– Nhưng có đúng là anh đã ở lại để ám sát Napoleon không ? – Natasha hỏi anh, khẽ mỉm cười. – Lúc đó tôi đã đoán ra, khi chúng tôi gặp anh ở tháp Sukharev ; anh còn nhớ không ?

Pierre thừa nhận rằng đó là sự thật, và từ câu hỏi này, dần dần, dưới sự dẫn dắt bởi những câu hỏi của Công tước phu nhân Marya và đặc biệt là của Natasha, anh đã bị lôi cuốn vào lời kể chi tiết về những cuộc phiêu lưu của mình.

Lúc đầu anh kể với cái nhìn giễu cợt, hiền hậu mà anh hiện có đối với mọi người và đặc biệt là đối với chính mình ; nhưng sau đó, khi anh kể đến những nỗi kinh hoàng và đau khổ mà anh đã chứng kiến, anh, chính mình không nhận ra, đã bị lôi cuốn và bắt đầu nói với sự xúc động kìm nén của một người đang sống lại những ấn tượng mạnh mẽ trong ký ức.

Công tước phu nhân Marya với nụ cười hiền hậu nhìn hết Pierre rồi lại nhìn Natasha. Cô thấy trong toàn bộ câu chuyện này không chỉ có Pierre và lòng tốt của anh. Natasha, chống tay lên khuỷu tay, với nét mặt thay đổi liên tục theo câu chuyện, theo dõi Pierre, không rời mắt khỏi anh một phút nào, rõ ràng đang cùng anh sống lại những gì anh kể. Không chỉ ánh mắt cô, mà cả những tiếng thốt lên và những câu hỏi ngắn mà cô đặt ra, đã

cho Pierre thấy rằng từ những gì anh kể, cô hiểu đúng những gì anh muốn truyền đạt. Thấy rõ rằng cô hiểu không chỉ những gì anh kể, mà cả những gì anh muốn nói nhưng không thể diễn đạt bằng lời. Về tập phim kể về đứa con và người phụ nữ mà vì bảo vệ họ mà anh bị bắt, Pierre đã kể như thế này : «Đó là một cảnh tượng khủng khiếp, những đứa trẻ bị bỏ rơi, một số ở trong đám cháy... Trước mặt tôi, họ lôi một đứa trẻ ra... Những người đàn bà bị giằng xé đồ đạc, bị giật mất hoa tai...» Pierre đỏ mặt và ngập ngừng.

– Lúc đó có một đội tuần tra đến và bắt tất cả những ai không đi cướp bóc, tất cả đàn ông. Và bắt cả tôi nữa.

– Chắc chắn anh không kể hết đâu ; chắc chắn anh đã làm điều gì đó... – Natasha nói và im lặng một lúc, – tốt đẹp.

Pierre tiếp tục kể. Khi anh kể về cuộc hành hình, anh muốn tránh những chi tiết khủng khiếp ; nhưng Natasha yêu cầu anh không được bỏ sót điều gì.

Pierre bắt đầu kể về Karataev (anh đã đứng dậy khỏi bàn và đi đi lại lại, Natasha dõi theo anh bằng mắt) và dừng lại.

– Không, các cô không thể hiểu được tôi đã học được gì ở con người mù chữ đó – một gã khờ.

– Không, không, kể đi, – Natasha nói. – Thế ông ấy đâu rồi ?

– Ông ấy bị giết, gần như ngay trước mặt tôi.

Và Pierre bắt đầu kể về thời gian cuối cùng của cuộc rút lui, về bệnh tật của Karataev (giọng anh run lên không ngừng) và cái chết của ông.

Pierre kể về những cuộc phiêu lưu của mình theo cách mà anh chưa bao giờ nhớ lại chúng. Anh thấy giờ đây như có một ý nghĩa mới trong tất cả những gì anh đã trải qua. Bây giờ, khi anh kể tất cả những điều này cho Natasha, anh cảm thấy một niềm khoái lạc hiếm có mà phụ nữ mang lại khi lắng nghe một người đàn ông, – không phải những người phụ nữ thông minh, những người khi nghe thường cố gắng ghi nhớ để làm giàu trí tuệ của mình và khi có dịp sẽ kể lại chính điều đó hoặc điều gì khác, áp dụng những lời kể của mình vào tài sản trí tuệ nhỏ bé của mình ; mà là niềm khoái lạc mà những người phụ nữ thực thụ mang lại, những người được ban tặng khả năng chọn lọc và hấp thụ vào mình tất cả những gì tốt đẹp nhất chỉ có trong những biểu hiện của một người đàn ông. Natasha, chính cô không

biết điều đó, hoàn toàn là sự chú ý : cô không bỏ sót một lời nào, một sự ngập ngừng nào của giọng nói, một cái nhìn, một sự rung động cơ mặt hay một cử chỉ nào của Pierre. Cô bắt lấy từ ngữ ngay khi nó chưa được nói ra và đưa thẳng vào trái tim đang rộng mở của mình, đoán biết được ý nghĩa thầm kín của toàn bộ công việc tâm hồn của Pierre.

Công tước phu nhân Marya hiểu lời kể, đồng cảm với anh, nhưng bây giờ cô thấy một điều khác đang thu hút toàn bộ sự chú ý của cô : cô thấy khả năng của tình yêu và hạnh phúc giữa Natasha và Pierre. Và lần đầu tiên ý nghĩ này nảy ra đã làm tâm hồn cô tràn đầy niềm vui.

Lúc đó là ba giờ sáng. Những người hầu với khuôn mặt buồn bã, nghiêm nghị, đến thay nến, nhưng không ai để ý đến họ.

Pierre kết thúc câu chuyện của mình. Natasha với đôi mắt sáng rực, sống động vẫn nhìn chằm chằm và chăm chú vào Pierre, như thể muốn hiểu thêm phần còn lại mà anh chưa nói ra, có lẽ vậy. Pierre trong sự lúng túng thẹn thùng và hạnh phúc thỉnh thoảng liếc nhìn cô và tìm cách để chuyển cuộc trò chuyện sang một chủ đề khác. Công tước phu nhân Marya im lặng. Không ai nghĩ rằng đã ba giờ sáng và đã đến lúc phải đi ngủ.

– Người ta nói : bất hạnh, đau khổ, – Pierre nói. – Nhưng nếu ngay bây giờ, ngay giây phút này người ta bảo tôi : anh có muốn ở lại như trước khi bị bắt, hay bắt đầu lại tất cả từ đầu, – vì Chúa, tôi sẽ chọn lại việc bị bắt và thịt ngựa. Chúng ta cứ tưởng rằng khi bị đẩy ra khỏi lộ trình quen thuộc thì mọi thứ đều mất hết ; nhưng thực ra đó chỉ là lúc bắt đầu một cái gì đó mới mẻ, tốt đẹp. Chừng nào còn sự sống, còn có hạnh phúc. Phía trước còn nhiều, nhiều lắm. Tôi nói điều này với cô đấy, – anh nói, quay sang Natasha.

– Vâng, vâng, – cô nói, trả lời cho một điều hoàn toàn khác, – và tôi cũng không mong muốn gì hơn là được trải qua tất cả lại từ đầu.

Pierre nhìn cô một cách chăm chú.

– Vâng, và không có gì hơn nữa ! – Natasha khẳng định.

– Không đúng, không đúng, – Pierre kêu lên. – Tôi không có lỗi vì tôi đang sống và muốn sống ; và các cô cũng vậy.

Đột nhiên Natasha gục đầu xuống tay và bật khóc.

– Chị sao thế, Natasha ? – Công tước phu nhân Marya nói.

– Không có gì, không có gì cả. – Cô mỉm cười với Pierre qua những giọt nước mắt. – Chào anh, đến lúc đi ngủ rồi.

Pierre đứng dậy và cáo biệt.

Công tước phu nhân Marya và Natasha, như mọi khi, cùng nhau vào phòng ngủ. Họ nói về những gì Pierre đã kể. Công tước phu nhân Marya không nói ý kiến của mình về Pierre. Natasha cũng không nói về anh.

– Thôi, chào nhé, Mary, – Natasha nói. – Chị biết không, em thường sợ rằng chúng ta không nói về anh ấy (với Công tước Andrei), như thể chúng ta sợ làm hạ thấp tình cảm của mình và quên đi.

Công tước phu nhân Marya thở dài nặng nề và với tiếng thở dài đó cô thừa nhận sự đúng đắn trong lời nói của Natasha ; nhưng bằng lời nói, cô không đồng ý với cô ấy.

– Có thể nào quên được sao ? – cô nói.

– Hôm nay em thấy kể lại mọi chuyện thật tốt ; vừa nặng nề, vừa đau đớn, lại vừa tốt. Rất tốt, – Natasha nói. – Em chắc chắn rằng anh ấy thực sự yêu người ấy. Chính vì thế mà em đã kể cho anh ấy nghe... Tại sao em

lại đột nhiên kể cho anh ấy nghe nhỉ ? – đột nhiên, đỏ mặt, cô hỏi.

– Cho Pierre ư ? Ồ không ! Anh ấy thật tuyệt vời, – Công tước phu nhân Marya nói.

– Chị biết không, Mary, – đột nhiên Natasha nói, với nụ cười tinh nghịch mà đã lâu Công tước phu nhân Marya không thấy trên khuôn mặt cô. – Anh ấy đã trở nên sạch sẽ, nhẵn nhụi, tươi tắn ; cứ như vừa mới bước ra từ phòng tắm ; đúng là từ phòng tắm ; chị có hiểu không ? – về mặt tinh thần ấy. Đúng không ?

– Vâng, – Công tước phu nhân Marya nói. – Anh ấy đã đạt được nhiều thứ.

– Và chiếc áo khoác ngắn và mái tóc cắt ngắn ; đúng thế, y hệt như vừa từ phòng tắm ra... cha, ngày xưa...

– Em hiểu tại sao anh ấy (Công tước Andrei) lại yêu anh ấy đến thế không giống ai, – Công tước phu nhân Marya nói.

– Vâng, và anh ấy cũng đặc biệt so với người ấy. Người ta nói rằng đàn ông khi là bạn thân thì hoàn toàn giống nhau. Chắc chắn đó là sự thật. Anh ấy hoàn toàn không giống người ấy, phải không ?

– Vâng, và thật kỳ diệu.

– Thôi, chào nhé, – Natasha trả lời.

Và vẫn nụ cười tinh nghịch đó, như thể đã bị lãng quên, đọng lại lâu trên khuôn mặt cô.

XIX

Pierre trong ngày hôm đó đã không thể ngủ được trong một thời gian dài ; anh đi đi lại lại trong phòng, lúc thì cau mày, suy nghĩ sâu xa về điều gì đó khó khăn, lúc thì đột nhiên nhún vai và rùng mình, rồi mỉm cười hạnh phúc.

Anh nghĩ về Công tước Andrei, về Natasha, về tình yêu của họ ; và lúc thì ghen với cô ấy vì quá khứ, lúc thì tự trách mình vì điều đó, lúc thì tha thứ cho mình vì điều đó. Đã sáu giờ sáng, mà anh vẫn đi đi lại lại trong phòng.

– Thôi, biết làm sao được ; đã không thể thiếu điều đó thì phải làm thôi ! Nghĩa là phải như thế, – anh tự nhủ, và vội vàng cởi quần áo, lên giường, hạnh phúc và xúc động, nhưng không chút nghi ngờ hay do dự.

«Phải, dù kỳ lạ đến đâu, dù hạnh phúc này có vẻ không thể đến đâu, cũng phải làm mọi cách vì nó, để được làm chồng và vợ của cô ấy», anh tự nhủ.

Pierre vài ngày trước đó đã định ngày thứ Sáu để khởi hành đi St. Petersburg. Khi anh tỉnh dậy vào ngày thứ Năm, Savelych đã đến gặp anh để nhận chỉ thị về việc đóng gói đồ đạc đi đường.

«Làm sao đi St. Petersburg được ? St. Petersburg là cái gì ? Ai ở St. Petersburg ?» anh vô tình hỏi mình, dù thầm kín. «Phải, một cái gì đó từ lâu rồi, trước khi chuyện này xảy ra, mình đã định vì lý do nào đó mà đi St. Petersburg», anh nhớ lại. «Tại sao nhỉ ? Mình sẽ đi, có thể là vậy. Mình vốn tốt bụng, chu đáo, nhớ tất cả mọi chuyện !», anh nghĩ, nhìn vào khuôn mặt già nua của Savelych. «Và nụ cười thật dễ chịu !», anh nghĩ.

– Thế nào, vẫn không muốn tự do sao, Savelych ? – Pierre hỏi.

– Tại sao tôi lại cần tự do, thưa điện hạ ? Dưới thời cố bá tước, nước trời hiển hiện, chúng tôi được ở bên ngài và không thấy điều gì xúc phạm.

– Thế còn con cái ?

– Con cái cũng sẽ sống thôi, thưa điện hạ : với những ông chủ như vậy thì có thể sống được.

– Phải, thế còn những người thừa kế của ta thì sao? – Pierre nói. – Đột nhiên ta kết hôn thì sao... Có thể chuyện đó sẽ xảy ra mà, – anh thêm vào với một nụ cười vô thức.

– Và tôi xin mạn phép thưa rằng : đó là một việc tốt, thưa điện hạ.

«Lão ta nghĩ chuyện đó thật dễ dàng», Pierre nghĩ. «Lão ta không biết chuyện này đáng sợ như thế nào, nguy hiểm như thế nào. Quá sớm hoặc quá muộn... Đáng sợ !»

– Ngài truyền lệnh thế nào ạ ? Ngày mai ngài định đi chứ ? – Savelych hỏi.

– Không ; tôi sẽ hoãn lại một chút. Lúc đó tôi sẽ nói sau. Anh thứ lỗi cho tôi vì sự phiền phức này, – Pierre nói, và nhìn vào nụ cười của Savelych, anh nghĩ : «Lạ lùng thật, lão ta không biết rằng giờ đây chẳng có St. Petersburg nào cả và không chuyện gì có thể được quyết định trước hết cả. Chắc hẳn lão ấy biết, nhưng chỉ giả vờ thôi. Nói chuyện với lão ấy xem ? Lão ta nghĩ gì ?» Pierre nghĩ. «Không, sau này, lúc nào đó vậy».

Vào bữa sáng, Pierre báo với công tước phu nhân rằng hôm qua anh đã ở chỗ Công tước phu nhân Marya và gặp ở đó, các cô có tưởng tượng được ai không ? Natasha Rostova.

Công tước phu nhân giả vờ rằng trong tin tức này bà không thấy điều gì quá bất thường, ngoài việc Pierre đã lâu không gặp Anna Semenovna.

– Anh có biết cô ấy không ? – Pierre hỏi.

– Tôi đã thấy công nương, – bà trả lời. – Tôi nghe nói rằng người ta đã dạm hỏi cô ấy cho chàng trai trẻ Rostov. Đó sẽ là một điều rất tốt cho nhà Rostov ; người ta nói họ đã hoàn toàn phá sản.

– Không, cô có biết Rostov không ?

– Chỉ nghe kể về câu chuyện này lúc đó thôi. Rất đáng tiếc.

«Không, cô ấy không hiểu hoặc đang giả vờ», Pierre nghĩ. «Tốt nhất là cũng đừng nói với bà ấy».

Công tước phu nhân cũng chuẩn bị lương thực cho chuyến đi của Pierre.

«Họ đều tốt bụng biết bao», Pierre nghĩ, «tại sao bây giờ, khi chuyện này chắc hẳn chẳng còn thú vị với họ nữa, họ lại quan tâm đến tất cả những thứ này. Và tất cả là vì mình ; đó là điều đáng ngạc nhiên».

Cũng trong ngày hôm đó, viên cảnh sát trưởng đến gặp Pierre với đề nghị cử một người được ủy quyền đến cung điện Facets để nhận những đồ vật đang được phân phát cho các chủ sở hữu ngày nay.

«Cả ông này nữa», Pierre nghĩ, nhìn vào mặt viên cảnh sát trưởng : «một sĩ quan thật hào hoa, đẹp trai và

tốt bụng biết bao ! Bây giờ lại bận rộn với những chuyện tầm phào này. Mà người ta còn bảo ông ta không lương thiện và lợi dụng. Thật nhảm nhí ! Mà tại sao ông ta lại không được lợi dụng chứ ? Ông ta đã được nuôi dạy như thế. Và mọi người đều làm vậy. Thế mà khuôn mặt thật dễ chịu, tốt bụng, và mỉm cười nhìn tôi».

Pierre đi ăn tối ở chỗ Công tước phu nhân Marya.

Đi qua những con phố giữa những đống đổ nát của các ngôi nhà, anh ngạc nhiên trước vẻ đẹp của những đống hoang tàn này. Những ống khói lò sưởi của các ngôi nhà, những bức tường bị đổ sụp, gợi nhớ một cách sinh động về sông Rhine và Đấu trường La Mã, trải dài, che khuất nhau, qua những khu phố bị cháy rụi. Những người đánh xe và khách đi đường, những thợ mộc đang đẽo gỗ, những người bán hàng và chủ tiệm – tất cả đều có khuôn mặt vui vẻ, rạng rỡ nhìn Pierre và như muốn nói : «À, anh đây rồi ! Để xem chuyện gì sẽ xảy ra sau đây».

Khi bước vào nhà Công tước phu nhân Marya, Pierre nảy sinh sự nghi ngờ về tính xác thực của việc anh đã ở đây hôm qua, đã thấy Natasha và đã nói chuyện với cô. «Có lẽ mình đã tưởng tượng ra. Có lẽ mình sẽ bước vào và không thấy ai cả». Nhưng anh chưa kịp bước vào phòng thì bằng toàn bộ sự hiện diện của mình, bằng sự

mất đi tự do tức khắc, anh đã cảm nhận được sự hiện diện của cô. Cô mặc chiếc váy đen giống hệt hôm qua với những nếp gấp mềm mại và kiểu tóc cũng giống hôm qua, nhưng cô hoàn toàn khác. Nếu cô là như vậy ngày hôm qua, thì khi anh bước vào phòng, anh đã không thể không nhận ra cô dù chỉ trong một giây lát.

Cô vẫn như thế, như anh đã biết cô khi cô gần như còn là một đứa trẻ và sau đó là vị hôn thê của Công tước Andrei. Một tia sáng vui vẻ, đầy nghi vấn tỏa ra trong mắt cô ; trên khuôn mặt cô là một biểu cảm dịu dàng và lạ lùng tinh nghịch.

Pierre đã ăn tối và có thể ngồi lại cả tối ; nhưng Công tước phu nhân Marya phải đi lễ tối, và Pierre đi cùng họ.

Ngày hôm sau Pierre đến sớm, ăn tối và ngồi lại cả tối. Mặc dù thực tế là Công tước phu nhân Marya và Natasha rõ ràng là rất mừng cho người khách ; mặc dù thực tế là toàn bộ mối quan tâm của cuộc đời Pierre giờ đây tập trung vào ngôi nhà này, nhưng đến tối họ đã nói hết mọi chuyện, và cuộc trò chuyện không ngừng chuyển từ chủ đề tầm thường này sang chủ đề tầm thường khác và thường xuyên bị ngắt quãng. Pierre ngồi lại tối hôm đó muộn đến nỗi Công tước phu nhân Marya và Natasha nhìn nhau, rõ ràng chờ đợi xem liệu

anh có đi không. Pierre thấy điều đó và không thể đi được. Anh cảm thấy nặng nề, lúng túng, nhưng anh vẫn cứ ngồi đó, bởi vì anh không thể đứng dậy và ra về.

Công tước phu nhân Marya, không thấy dấu hiệu kết thúc của chuyện này, là người đầu tiên đứng dậy và, than phiền về chứng đau nửa đầu, bắt đầu cáo biệt.

– Thế là ngày mai anh đi St. Petersburg phải không? – cô hỏi.

– Không, tôi không đi, – Pierre nói với vẻ ngạc nhiên và như thể bị xúc phạm. – Dạ không, đi St. Petersburg ư ? Ngày mai ; nhưng tôi không cáo biệt đâu. Tôi sẽ ghé qua vì những công việc ủy thác, – anh nói, đứng trước mặt Công tước phu nhân Marya, đỏ mặt và không rời đi.

Natasha đưa tay cho anh và đi ra. Công tước phu nhân Marya, ngược lại, thay vì đi ra, liền ngồi xuống ghế và bằng cái nhìn rạng rỡ, sâu thẳm, nghiêm nghị và chăm chú nhìn Pierre. Sự mệt mỏi mà cô rõ ràng đã thể hiện trước đó, giờ đã hoàn toàn biến mất. Cô thở dài nặng nề và kéo dài, như thể đang chuẩn bị cho một cuộc trò chuyện dài.

Mọi sự lúng túng và vụng về của Pierre biến mất ngay khi Natasha rời đi, và được thay thế bằng một sự hưng phấn đầy lo âu. Anh nhanh chóng kéo chiếc ghế lại gần Công tước phu nhân Marya.

– Vâng, tôi cũng muốn nói với cô, – anh nói, trả lời như thể bằng lời nói, nhưng thực ra bằng ánh mắt. – Công tước phu nhân, xin hãy giúp tôi. Tôi phải làm gì đây ? Tôi có thể hy vọng không ? Công tước phu nhân, bạn của tôi, xin hãy nghe tôi. Tôi biết tất cả. Tôi biết mình không xứng đáng với cô ấy ; tôi biết bây giờ không thể nói về điều đó. Nhưng tôi muốn được làm anh trai của cô ấy. Không, tôi không phải thế, không muốn thế, không thể...

Anh dừng lại và lấy tay xoa mặt và mắt.

– Này, đó, – anh tiếp tục, rõ ràng đang nỗ lực hết sức để nói một cách mạch lạc. – Tôi không biết từ bao giờ tôi yêu cô ấy. Nhưng tôi chỉ yêu duy nhất cô ấy, một mình cô ấy trong suốt cả cuộc đời mình, và tôi yêu đến mức không thể tưởng tượng nổi cuộc đời mình mà không có cô ấy. Việc cầu hôn cô ấy bây giờ tôi không dám quyết định ; nhưng ý nghĩ về việc cô ấy có thể là của tôi và việc tôi sẽ bỏ lỡ cơ hội này... cơ hội... thật khủng khiếp. Hãy nói cho tôi biết, tôi có thể hy vọng không ? Hãy nói cho tôi biết, tôi phải làm gì ? Công

tước phu nhân thân mến ! – anh nói, im lặng một lát và chạm vào tay cô khi cô không trả lời.

– Tôi đang nghĩ về những gì anh vừa nói với tôi, – Công tước phu nhân Marya trả lời. – Anh đúng, bây giờ mà nói với cô ấy về tình yêu...

Công tước phu nhân dừng lại. Cô định nói : nói với cô ấy về tình yêu bây giờ là không thể ; nhưng cô dừng lại vì cô đã thấy Natasha thay đổi thế nào từ ba ngày nay, vì đột nhiên Natasha không những không còn bị xúc phạm nếu Pierre bày tỏ tình yêu của mình, mà cô ấy chỉ mong muốn điều đó mà thôi.

– Nói với cô ấy bây giờ... không được, – tuy nhiên Công tước phu nhân Marya vẫn nói.

– Nhưng tôi phải làm gì đây ?

– Hãy giao việc đó cho tôi, – Công tước phu nhân Marya nói. – Tôi biết...

Pierre nhìn vào mắt Công tước phu nhân Marya.

– Thế nào, thế nào ? – anh nói.

– Tôi biết rằng cô ấy yêu... sẽ yêu anh, – Công tước phu nhân Marya tự sửa lại.

Cô chưa kịp nói hết những lời này thì Pierre đã nhảy dựng lên và với khuôn mặt sợ hãi nắm lấy tay Công tước phu nhân Marya.

– Tại sao cô lại nghĩ thế ? Cô nghĩ rằng tôi có thể hy vọng sao ? Cô nghĩ thế sao ?!..

– Vâng, tôi nghĩ thế, – Công tước phu nhân Marya mỉm cười nói. – Hãy viết cho cha mẹ cô ấy và giao phó cho tôi. Tôi sẽ nói với cô ấy khi có thể. Tôi mong muốn điều này. Và trái tim tôi cảm nhận được rằng chuyện đó sẽ thành.

– Không, chuyện đó không thể nào ! Tôi hạnh phúc làm sao ! Nhưng chuyện đó không thể nào... Tôi hạnh phúc làm sao ! Không, không thể nào ! – Pierre nói, hôn tay Công tước phu nhân Marya.

– Anh hãy đi St. Petersburg đi ; như thế sẽ tốt hơn. Còn tôi sẽ viết cho anh, – cô nói.

– Đi St. Petersburg ư ? Đi sao ? Vâng, được rồi, đi. Nhưng ngày mai tôi có thể đến gặp các cô không ?

Ngày hôm sau Pierre đến để cáo biệt. Natasha rạng rỡ hơn so với những ngày trước ; nhưng vào ngày hôm đó, thỉnh thoảng nhìn vào mắt anh, Pierre cảm thấy rằng anh đang biến mất, rằng không có anh, cũng không có

cô nữa, mà chỉ có một cảm giác hạnh phúc. «Chẳng lẽ? Không, không thể nào !», anh tự nhủ mỗi khi gặp ánh mắt, cử chỉ, lời nói của cô, những thứ làm tâm hồn anh tràn ngập niềm vui.

Khi anh, lúc cáo biệt cô, nắm lấy bàn tay gầy nhỏ nhắn của cô, anh vô tình giữ nó trong tay mình lâu hơn một chút.

«Chẳng lẽ bàn tay này, khuôn mặt này, đôi mắt này, tất cả kho báu quyến rũ nữ tính này, – chẳng lẽ tất cả sẽ mãi mãi là của tôi, quen thuộc, giống như chính tôi đối với bản thân mình ? Không, điều đó là không thể !...»

– Tạm biệt, bá tước, – nàng nói to với ông. – Tôi sẽ rất đợi ông, – nàng nói thêm bằng lời thì thầm.

Và những lời đơn giản này, ánh mắt và biểu cảm khuôn mặt đi kèm với chúng, trong suốt hai tháng đã tạo nên chủ đề cho những ký ức, những lời giải thích và những giấc mơ hạnh phúc vô tận của Pierre. «Tôi sẽ rất đợi ông...» Phải, phải, nàng đã nói thế nào ? Phải : «tôi sẽ rất đợi ông». Ôi, tôi hạnh phúc biết bao ! Tôi hạnh phúc làm sao !» Pierre tự nói với mình.

XX

Trong tâm hồn Pierre giờ đây không diễn ra điều gì giống với những gì đã diễn ra trong đó vào những hoàn cảnh tương tự trong thời gian ông cầu hôn Ellen.

Ông không lặp lại, như hồi đó, với sự xấu hổ đau đớn những lời mình đã nói, không tự nói với mình : «ôi, tại sao tôi không nói điều này, và tại sao, tại sao hồi đó tôi lại nói «tôi yêu cô» ? Bây giờ, ngược lại, từng lời nói của nàng, của mình ông đều lặp lại trong trí tưởng tượng với tất cả những chi tiết của khuôn mặt, nụ cười và không muốn bớt đi hay thêm vào điều gì : chỉ muốn lặp lại. Những nghi ngờ về việc, điều ông đã thực hiện là tốt hay xấu, giờ đây không còn một bóng dáng. Chỉ có một nỗi nghi ngờ khủng khiếp đôi khi hiện lên trong đầu ông. «Liệu tất cả những điều này có phải là trong mơ không ? Liệu công chúa Marya có nhầm lẫn không? Liệu tôi có quá kiêu ngạo và tự phụ không ? Tôi tin ; nhưng bỗng nhiên, điều lẽ ra phải xảy ra, công chúa Marya sẽ nói với nàng ; còn nàng sẽ mỉm cười và trả lời : «thật kỳ lạ ! Chắc chắn ông ấy đã nhầm. Chẳng lẽ ông ấy không biết rằng ông ấy là người, chỉ là một con

người, còn tôi ?.. Tôi hoàn toàn là một cái gì đó khác, cao siêu hơn».

Chỉ có nỗi nghi ngờ này thường đến với Pierre. Ông cũng không lập kế hoạch gì bây giờ. Hạnh phúc sắp tới dường như không thể tin nổi đối với ông, đến nỗi chỉ cần điều này thành hiện thực, và rồi sau đó không gì có thể tồn tại nữa. Tất cả kết thúc.

Một sự điên rồ rạng rỡ, bất ngờ, mà Pierre tự coi mình không có khả năng, đã chiếm lấy ông. Toàn bộ ý nghĩa cuộc sống, không chỉ cho riêng ông, mà cho cả thế giới, dường như đối với ông chỉ nằm trong tình yêu của ông và trong khả năng nàng yêu ông. Đôi khi tất cả mọi người dường như đối với ông chỉ bận rộn với một việc – hạnh phúc tương lai của ông. Đôi khi ông thấy rằng tất cả họ đều vui mừng giống như chính ông, và chỉ cố gắng che giấu niềm vui này, giả vờ bận rộn với những mối quan tâm khác. Trong mỗi lời nói và cử động ông đều thấy những gợi ý về hạnh phúc của mình. Ông thường làm ngạc nhiên những người gặp mình bằng những cái nhìn và nụ cười hạnh phúc, biểu lộ sự đồng ý thầm kín, đầy ý nghĩa. Nhưng khi ông hiểu rằng mọi người có thể không biết về hạnh phúc của ông, ông hết lòng thương hại họ và cảm thấy mong muốn giải thích cho họ bằng cách nào đó rằng tất cả những gì họ đang

làm, là sự vô nghĩa và tầm thường hoàn toàn, không đáng để chú ý.

Khi người ta đề nghị ông phục vụ hoặc khi thảo luận về một số công việc chung, việc quốc gia và chiến tranh, giả định rằng hạnh phúc của mọi người phụ thuộc vào kết quả này hay kết quả kia của sự kiện, ông lắng nghe với nụ cười hiền hậu, đầy cảm thông và làm những người đang nói chuyện với mình ngạc nhiên bởi những nhận xét kỳ lạ của mình. Nhưng cả những người đó, những người dường như đối với Pierre là hiểu được ý nghĩa thực sự của cuộc sống, tức là tình cảm của mình, cũng như những người bất hạnh, những người rõ ràng không hiểu điều này, – tất cả mọi người trong giai đoạn thời gian này hiện ra với ông trong ánh sáng rực rỡ của tình cảm đang tỏa sáng trong ông, đến nỗi không cần một chút nỗ lực nào ông ngay lập tức, khi gặp bất cứ ai, đều nhìn thấy ở người đó tất cả những gì tốt đẹp và xứng đáng với tình yêu.

Xem xét các công việc và giấy tờ của người vợ quá cố, ông đối với ký ức về nàng không cảm thấy bất cứ tình cảm nào, ngoài sự thương hại vì nàng đã không biết đến niềm hạnh phúc mà bây giờ ông đã biết. Công tước Vasily, người bây giờ đặc biệt tự hào với việc nhận

được vị trí và ngôi sao mới, hiện ra đối với ông là một ông già đáng thương và cảm động.

Pierre thường sau này nhớ lại thời gian của sự điên rồ hạnh phúc này. Tất cả những phán đoán mà ông đã lập ra cho mình về con người và hoàn cảnh trong giai đoạn thời gian này, mãi mãi vẫn là đúng đắn đối với ông. Ông không những không từ bỏ sau này những cái nhìn này về con người và sự vật, mà ngược lại, trong những nghi ngờ và mâu thuẫn nội tâm ông đã tìm đến cái nhìn mà ông đã có trong thời gian điên rồ này, và cái nhìn này luôn tỏ ra đúng đắn.

«Có thể là như vậy», ông nghĩ, «tôi khi đó dường như kỳ lạ và buồn cười ; nhưng tôi khi đó đã không điên rồ như dường như. Ngược lại, tôi khi đó đã thông minh hơn và sáng suốt hơn bao giờ hết, và đã hiểu tất cả những gì đáng để hiểu trong cuộc đời, bởi vì... tôi đã hạnh phúc».

Sự điên rồ của Pierre nằm ở chỗ ông không chờ đợi, như trước đây, những lý do cá nhân, mà ông gọi là phẩm chất của con người, để yêu họ, mà tình yêu tràn đầy trái tim ông, và ông, khi yêu mọi người một cách vô cớ, đã tìm thấy những lý do không thể nghi ngờ mà vì đó đáng để yêu họ.

XXI

Từ buổi tối đầu tiên đó, khi Natasha, sau khi Pierre rời đi, với nụ cười rạng rỡ – chế giễu đã nói với công chúa Marya rằng ông ấy «thật sự, thật sự giống như vừa bước ra từ nhà tắm, cả chiếc áo khoác ngắn và cắt tóc», từ khoảnh khắc đó một cái gì đó thầm kín và chính nàng cũng không biết, nhưng không thể cưỡng lại được đã thức tỉnh trong tâm hồn Natasha.

Tất cả : khuôn mặt, dáng đi, ánh mắt, giọng nói, – tất cả bỗng nhiên thay đổi ở nàng. Những sức mạnh của cuộc sống, những hy vọng vào hạnh phúc bất ngờ đối với chính nàng đã nổi lên bề mặt và đòi hỏi sự thỏa mãn. Từ buổi tối đầu tiên Natasha dường như đã quên mất tất cả những gì đã xảy ra với nàng. Nàng từ đó không một lần than vãn về hoàn cảnh của mình, không nói một lời nào về quá khứ và không sợ hãi đã lập những kế hoạch vui vẻ cho tương lai. Nàng ít nói về Pierre, nhưng khi công chúa Marya nhắc đến ông, ánh sáng đã tắt từ lâu lại bùng cháy trong mắt nàng, và môi nàng mím lại trong một nụ cười kỳ lạ.

Sự thay đổi diễn ra ở Natasha ban đầu làm công chúa Marya ngạc nhiên ; nhưng khi nàng hiểu ý nghĩa của nó, thì sự thay đổi này làm nàng buồn phiền. «Chẳng lẽ

em ấy lại ít yêu anh trai mình đến thế, để có thể nhanh chóng quên anh ấy như vậy», công chúa Marya nghĩ khi nàng một mình suy ngẫm về sự thay đổi đã diễn ra. Nhưng khi nàng ở bên Natasha, nàng không giận em ấy và không trách móc em ấy. Sức mạnh của cuộc sống vừa thức tỉnh, bao trùm lấy Natasha, rõ ràng là quá mãnh liệt, quá bất ngờ đối với chính nàng, đến nỗi công chúa Marya khi có mặt Natasha cảm thấy rằng nàng không có quyền trách móc em ấy ngay cả trong tâm hồn mình.

Natasha với sự trọn vẹn và chân thành như vậy đã hiến dâng mình cho tình cảm mới, đến nỗi nàng thậm chí không cố gắng che giấu rằng nàng thấy không còn buồn phiền, mà rạng rỡ và vui vẻ.

Khi, sau cuộc giải thích ban đêm với Pierre, công chúa Marya trở về phòng mình, Natasha gặp nàng ở ngưỡng cửa.

– Anh ấy đã nói gì ? Phải không ? Anh ấy đã nói gì? – nàng lặp lại.

Và một biểu cảm rạng rỡ và đồng thời đáng thương, cầu xin sự tha thứ cho niềm vui của mình, dừng lại trên khuôn mặt Natasha.

– Em đã muốn nghe lén ở cửa ; nhưng em biết rằng chị sẽ nói với em.

Dù ánh mắt mà Natasha nhìn nàng có dễ hiểu và cảm động đến thế nào, dù cảm thấy thương hại cho sự xúc động của em ấy đến đâu, nhưng những lời nói của Natasha trong phút đầu tiên đã xúc phạm công chúa Marya. Nàng nhớ về anh trai mình, về tình yêu của anh ấy.

«Nhưng biết làm sao được ! em ấy không thể khác được», công chúa Marya nghĩ.

Và với khuôn mặt buồn bã và hơi nghiêm nghị, nàng truyền đạt cho Natasha tất cả những gì Pierre đã nói với nàng. Nghe thấy rằng ông sắp đi Saint-Petersburg, Natasha đã kinh ngạc.

– Đi Saint-Petersburg ! – nàng lặp lại, như thể không hiểu.

Nhưng, nhìn kỹ vào biểu cảm buồn bã trên khuôn mặt công chúa Marya, nàng đoán ra nguyên nhân của sự buồn bã đó và bỗng nhiên bật khóc.

– Mari, – nàng nói, – hãy dạy em, em phải làm gì : em sợ mình trở nên xấu xa. Chị nói gì thì em cũng sẽ làm ; hãy dạy em...

– Em yêu anh ấy phải không ?

– Có, – Natasha thì thầm.

– Tại sao em lại khóc ? Chị hạnh phúc cho em, – công chúa Marya nói, vì những giọt nước mắt này đã hoàn toàn tha thứ cho niềm vui của Natasha.

– Điều đó sẽ không sớm đâu, một lúc nào đó. Em hãy nghĩ xem, hạnh phúc biết bao khi em trở thành vợ anh ấy, còn chị sẽ lấy Nicolas.

– Natasha, chị đã xin em không nói về điều đó. Chúng ta hãy nói về em.

Họ im lặng một lúc.

– Chỉ vì lý do gì mà anh ấy lại đi Saint-Petersburg ? – bỗng nhiên Natasha nói, và chính nàng nhanh chóng tự trả lời : – Không, không, cần phải như vậy... Phải, Mari? Cần phải như vậy...

PHẦN KẾT

PHẦN THỨ NHẤT

I

Bảy năm đã trôi qua. Biển lịch sử đầy sóng gió của châu Âu đã rút về bờ của nó. Nó dường như đã tĩnh lặng ; nhưng những thế lực bí ẩn di chuyển nhân loại (bí ẩn bởi vì các quy luật xác định sự di chuyển của chúng là chưa biết đối với chúng ta) vẫn tiếp tục hành động của mình.

Mặc dù trên bề mặt biển lịch sử dường như bất động, nhưng cũng liên tục như sự trôi qua của thời gian, nhân loại vẫn di chuyển. Các nhóm người khác nhau được hình thành, tan rã ; các nguyên nhân hình thành và tan rã của các quốc gia, sự di chuyển của các dân tộc đang được chuẩn bị.

Biển lịch sử không như trước đây hướng theo những đợt sóng từ bờ này sang bờ khác : nó sôi sục trong chiều sâu. Những nhân vật lịch sử không như trước đây được mang đi bởi những con sóng từ bờ này sang bờ khác: bây giờ họ dường như đang xoay vần tại một chỗ. Những nhân vật lịch sử, trước đây đứng đầu các đội quân phản

ánh sự di chuyển của các khối người bằng các mệnh lệnh chiến tranh, các cuộc hành quân, các trận đánh, bây giờ phản ánh sự di chuyển này bằng các biện pháp chính trị và ngoại giao, các điều luật, các hiệp ước...

Hoạt động này của các nhân vật lịch sử được các nhà sử học gọi là phản ứng.

Mô tả hoạt động của những nhân vật lịch sử này, những người theo ý kiến của họ là nguyên nhân của cái mà họ gọi là phản ứng, các nhà sử học nghiêm khắc kết tội họ. Tất cả những người nổi tiếng thời bấy giờ, từ Alexander và Napoleon đến bà Staël, Photius, Schelling, Fichte, Chateaubriand và những người khác, đều đi qua trước sự phán xét nghiêm khắc của họ và được bào chữa hoặc bị kết tội tùy theo việc họ đóng góp vào sự tiến bộ hay phản ứng.

Ở Nga, theo mô tả của họ, trong giai đoạn thời gian này cũng diễn ra phản ứng, và thủ phạm chính của phản ứng này là Alexander I, chính Alexander I đó, người theo mô tả của họ là thủ phạm chính của những khởi đầu tự do trong thời kỳ đầu cai trị của mình và của sự cứu rỗi nước Nga.

Trong văn học Nga hiện nay, từ học sinh trung học đến nhà sử học uyên bác, không có ai không ném viên

đá của mình vào Alexander vì những hành động sai lầm của ông trong giai đoạn cai trị này.

«Ông ta lẽ ra phải hành động như thế này và như thế kia. Trong trường hợp này ông ta đã hành động tốt, trong trường hợp kia – tồi tệ. Ông ta đã cư xử tuyệt vời khi bắt đầu cai trị và trong thời gian năm 1812 ; nhưng ông ta đã hành động tồi tệ khi ban hành hiến pháp cho Ba Lan, lập nên Liên minh Thần thánh, trao quyền lực cho Arakcheyev, khuyến khích Golitsyn và chủ nghĩa thần bí, sau đó khuyến khích Shishkov và Photius. Ông ta đã hành động tồi tệ khi bận tâm đến phần tiền tuyến của quân đội ; ông ta đã hành động tồi tệ khi giải tán trung đoàn Semenovsky», v.v.

Cần phải viết hết mười trang giấy để liệt kê tất cả những lời trách móc mà các nhà sử học dành cho ông dựa trên kiến thức về lợi ích của nhân loại mà họ sở hữu.

Những lời trách móc này có nghĩa là gì ?

Chính những hành động mà các nhà sử học tán thành ở Alexander I, như : những khởi đầu tự do khi bắt đầu cai trị, cuộc đấu tranh với Napoleon, sự kiên định thể hiện vào năm 1812 và cuộc hành quân năm 1813, chẳng lẽ không bắt nguồn từ cùng một nguồn gốc – những

điều kiện về huyết thống, giáo dục, cuộc sống đã làm nên tính cách của Alexander như nó đã là, – từ những gì rút ra được cả những hành động mà các nhà sử học chê trách ông, như : Liên minh Thần thánh, sự phục hồi của Ba Lan, phản ứng của những năm 20.

Bản chất của những lời trách móc này là gì ?

Nằm ở chỗ, một nhân vật lịch sử như Alexander I, một nhân vật đứng trên nấc thang cao nhất có thể của quyền lực con người, như thể trong tiêu điểm của ánh sáng chói lòa của tất cả mọi người tập trung vào mình, một nhân vật chịu sự ảnh hưởng mạnh mẽ nhất thế giới của những mưu đồ, sự lừa dối, nịnh hót, tự mãn, vốn không tách rời khỏi quyền lực ; một nhân vật cảm thấy trên mình trách nhiệm cho tất cả những gì đã xảy ra ở châu Âu, và một nhân vật không phải tưởng tượng, mà là sống động và mỗi một con người, với những thói quen cá nhân, đam mê, khát vọng hướng tới cái thiện, cái đẹp, sự thật, – rằng nhân vật này năm mươi năm trước không phải là người không có những quan điểm tốt đẹp (vì điều này các nhà sử học không trách móc), mà không có những quan điểm về lợi ích của nhân loại mà một vị giáo sư bây giờ có, người từ thời trẻ đã bận rộn với khoa học, tức là đọc sách, nghe bài giảng và

chép những cuốn sách và bài giảng đó vào một cuốn sổ tay.

Nhưng ngay cả nếu giả định rằng Alexander I năm mươi năm trước đã sai lầm trong quan điểm của mình về cái gọi là lợi ích của các dân tộc, thì không thể không giả định một cách vô thức rằng cả nhà sử học phán xét Alexander, chính xác như vậy sau một thời gian trôi qua cũng sẽ tỏ ra không đúng đắn trong quan điểm của mình về cái gọi là lợi ích của nhân loại. Giả định này càng tự nhiên và cần thiết hơn vì, theo sát sự phát triển của lịch sử, chúng ta thấy rằng với mỗi năm trôi qua, với mỗi nhà văn mới, quan điểm về cái gọi là lợi ích của nhân loại lại thay đổi ; đến mức cái dường như là lợi ích, qua 10 năm lại hiện ra là tai họa, và ngược lại. Hơn nữa, đồng thời chúng ta tìm thấy trong lịch sử những quan điểm hoàn toàn trái ngược nhau về cái là tai họa và cái là lợi ích : một số coi hiến pháp ban cho Ba Lan và Liên minh Thần thánh là công lao, số khác – là lời trách móc dành cho Alexander.

Về hoạt động của Alexander và Napoleon không thể nói rằng nó có lợi hay có hại, vì chúng ta không thể nói nó có lợi cho cái gì và có hại cho cái gì. Nếu hoạt động này không vừa lòng ai đó, thì nó không vừa lòng người đó chỉ vì không phù hợp với sự hiểu biết hạn

hẹp của người đó về cái là lợi ích. Dù đối với tôi việc bảo tồn ngôi nhà của cha tôi ở Moscow năm 1812, hay vinh quang của quân đội Nga, hay sự thịnh vượng của các trường đại học Petersburg hoặc các trường đại học khác, hay tự do của Ba Lan, hay sức mạnh của nước Nga, hay sự cân bằng của châu Âu, hay một loại tiến bộ châu Âu nào đó – tôi phải thừa nhận rằng hoạt động của bất cứ nhân vật lịch sử nào cũng có, ngoài những mục tiêu này, những mục tiêu khác, chung hơn và không thể tiếp cận được đối với tôi.

Nhưng hãy giả sử rằng cái gọi là khoa học có khả năng hòa giải tất cả những mâu thuẫn và có một thước đo cho các nhân vật lịch sử và các sự kiện về cái tốt và cái xấu không thay đổi.

Hãy giả sử rằng Alexander có thể làm mọi việc khác đi. Hãy giả sử rằng ông ta có thể – theo chỉ dẫn của những người buộc tội ông ta, những người tuyên bố biết mục tiêu cuối cùng của sự vận động của nhân loại – sắp xếp theo chương trình đó về quốc tịch, tự do, bình đẳng và tiến bộ (một chương trình khác, dường như không có) mà những người buộc tội hiện nay đã đưa ra cho ông ta. Hãy giả sử rằng chương trình này có thể khả thi và đã được soạn thảo và Alexander đã hành động theo nó. Điều gì sẽ xảy ra lúc đó với hoạt động của tất

cả những người đó, những người đã phản kháng lại xu hướng của chính phủ lúc bấy giờ, – với hoạt động mà theo ý kiến của các nhà sử học, là tốt và có ích ? Hoạt động này sẽ không có ; cuộc sống sẽ không có ; không có gì cả.

Nếu giả định rằng cuộc sống con người có thể được điều khiển bởi lý trí, thì khả năng của cuộc sống sẽ bị tiêu diệt.

II

Nếu giả định, như các nhà sử học làm, rằng những con người vĩ đại dẫn dắt nhân loại tới việc đạt được những mục tiêu nhất định, nằm trong sự vĩ đại của nước Nga hay nước Pháp, hay trong sự cân bằng của châu Âu, hay trong sự truyền bá những ý tưởng cách mạng, hay trong tiến bộ chung, hay trong bất cứ điều gì khác, thì không thể giải thích các hiện tượng của lịch sử mà không có các khái niệm về ngẫu nhiên và thiên tài.

Nếu mục tiêu của các cuộc chiến tranh châu Âu đầu thế kỷ này nằm ở sự vĩ đại của nước Nga, thì mục tiêu này có thể đạt được mà không cần tất cả các cuộc chiến tranh trước đó và không cần sự xâm lược. Nếu mục tiêu là sự vĩ đại của nước Pháp, thì mục tiêu này có thể đạt được mà không cần cách mạng và không cần đế chế. Nếu mục tiêu là sự lan truyền các ý tưởng, thì việc in ấn sách sẽ thực hiện điều này tốt hơn nhiều so với binh lính. Nếu mục tiêu là tiến bộ của văn minh, thì rất dễ để giả định rằng, ngoài việc tiêu diệt con người và tài sản của họ, còn có những con đường khác phù hợp hơn để truyền bá văn minh.

Tại sao điều này lại xảy ra như thế, chứ không phải khác đi ? Bởi vì nó đã xảy ra như thế. «Ngẫu nhiên đã

tạo nên hoàn cảnh ; thiên tài đã tận dụng nó», lịch sử nói. Nhưng ngẫu nhiên là gì ? Thiên tài là gì ?

Các từ ngẫu nhiên và thiên tài không biểu thị bất cứ điều gì thực sự tồn tại, và do đó không thể được định nghĩa. Những từ này chỉ biểu thị một mức độ hiểu biết nhất định về các hiện tượng. Tôi không biết tại sao hiện tượng này hay hiện tượng kia xảy ra ; tôi nghĩ rằng mình không thể biết ; do đó – tôi không muốn biết và nói : ngẫu nhiên. Tôi thấy một sức mạnh tạo ra một hành động không tương xứng với các thuộc tính chung của con người ; tôi không hiểu tại sao điều này xảy ra, và tôi nói : thiên tài.

Đối với một đàn cừu, con cừu đó, hằng đêm được người chăn cừu đuổi vào một ngăn riêng để cho ăn và trở nên béo gấp đôi những con khác, hẳn phải dường như là một thiên tài. Và chính hoàn cảnh rằng hằng đêm chính con cừu này không rơi vào chuồng chung, mà vào một ngăn riêng để ăn yến mạch, và rằng chính con cừu này, béo mẫm, bị giết để lấy thịt, hẳn phải là một sự kết hợp đáng kinh ngạc giữa thiên tài với một chuỗi những sự tình cờ phi thường.

Nhưng bầy cừu chỉ cần thôi nghĩ rằng tất cả những gì diễn ra với chúng chỉ để đạt được các mục đích riêng của loài cừu ; chỉ cần thừa nhận rằng những sự kiện

xảy ra với chúng có thể có những mục đích mà chúng không hiểu được, và chúng sẽ thấy ngay sự thống nhất, sự mạch lạc trong những gì xảy ra với con cừu đang được vỗ béo. Ngay cả khi chúng không biết nó được vỗ béo vì mục đích gì, thì ít nhất, chúng cũng sẽ biết rằng mọi việc xảy ra với con cừu không phải là ngẫu nhiên, và chúng không còn cần đến khái niệm may rủi hay khái niệm thiên tài nữa.

Chỉ khi từ bỏ việc tìm kiếm một mục đích gần gũi, dễ hiểu và thừa nhận rằng mục đích cuối cùng là không thể tiếp cận đối với chúng ta, chúng ta mới thấy được tính hợp lý trong cuộc đời của các nhân vật lịch sử ; chúng ta sẽ khám phá ra nguyên nhân của những hành động không tương xứng với các đặc tính chung của con người mà họ thực hiện, và chúng ta sẽ không cần đến các từ may rủi và thiên tài.

Chỉ cần thừa nhận rằng mục đích của những biến động giữa các dân tộc châu Âu là chưa biết đối với chúng ta, mà chỉ biết các sự kiện gồm những cuộc giết chóc, đầu tiên là ở Pháp, rồi ở Ý, ở Phi châu, ở Phổ, ở Áo, ở Tây Ban Nha, ở Nga, và rằng sự vận động từ tây sang đông và từ đông sang tây tạo thành bản chất và mục đích của các sự kiện, thì chúng ta không những không cần phải thấy sự đặc biệt và thiên tài trong tính cách

của Napoleon và Alexander, mà còn không thể hình dung những nhân vật này khác đi ngoài việc họ cũng là những con người như bao người khác ; và không những không cần phải giải thích bằng sự ngẫu nhiên những sự kiện nhỏ nhặt đã biến những người này thành chính họ, mà sẽ thấy rõ rằng tất cả những sự kiện nhỏ nhặt đó là cần thiết.

Khi từ bỏ kiến thức về mục đích cuối cùng, chúng ta sẽ hiểu rõ rằng, cũng giống như đối với bất kỳ loài thực vật nào, ta không thể nghĩ ra những bông hoa và hạt giống khác phù hợp với nó hơn những gì nó tạo ra, thì cũng không thể nghĩ ra hai con người khác, với toàn bộ quá khứ của họ, vốn đã tương xứng đến mức độ như vậy, đến từng chi tiết nhỏ nhặt nhất cho sứ mệnh mà họ được giao phó.

III

Ý nghĩa cơ bản, thiết yếu của các sự kiện châu Âu đầu thế kỷ này là sự vận động mang tính chinh chiến của khối quần chúng các dân tộc châu Âu từ tây sang đông và sau đó từ đông sang tây. Người khởi xướng đầu tiên của sự vận động này là sự vận động từ tây sang đông. Để các dân tộc phương Tây có thể thực hiện cuộc hành quân chinh chiến đến Moscow mà họ đã làm, cần phải có : 1) việc họ tập hợp thành một nhóm chiến đấu với quy mô đủ lớn để có thể chịu đựng được cuộc va chạm với nhóm chiến đấu phương đông ; 2) việc họ từ bỏ mọi truyền thống và thói quen đã được thiết lập, và 3) việc khi thực hiện cuộc hành quân chinh chiến của mình, họ có một con người đứng đầu – vì bản thân họ và vì ông ta – có thể biện hộ cho những sự lừa dối, cướp bóc và giết chóc đi kèm với cuộc vận động này.

Và bắt đầu từ cuộc cách mạng Pháp, một nhóm cũ, không đủ lớn bị phá hủy ; những thói quen và truyền thống cũ bị tiêu diệt ; từng bước một, một nhóm với quy mô mới, những thói quen và truyền thống mới được hình thành, và con người được chuẩn bị, kẻ phải đứng đầu cuộc vận động tương lai và gánh vác lấy toàn bộ trách nhiệm về những gì sắp xảy ra.

Một con người không có niềm tin, không có thói quen, không có truyền thống, không có tên tuổi, thậm chí không phải là người Pháp, dường như bởi những sự ngẫu nhiên kỳ lạ, len lỏi giữa tất cả các phe phái đang náo loạn ở Pháp và, không gia nhập phe nào, đã tiến đến một vị trí đáng chú ý.

Sự ngu dốt của các đồng sự, sự yếu hèn và hèn nhát của các đối thủ, sự dối trá chân thành và sự tự tin rực rỡ và hạn hẹp của con người này đã đưa ông ta lên đứng đầu quân đội. Thành phần binh lính xuất sắc của quân đội Ý, sự không muốn chiến đấu của các đối thủ, sự táo bạo và tự tin trẻ con đã mang lại cho ông ta vinh quang quân sự. Vô số cái gọi là sự ngẫu nhiên luôn đồng hành cùng ông ta ở khắp mọi nơi. Sự không khoan dung mà ông ta gặp phải ở những người cầm quyền Pháp phục vụ cho lợi ích của ông ta. Những nỗ lực thay đổi con đường định sẵn cho ông ta đều không thành công : ông ta không được nhận vào phục vụ ở Nga, và không được bổ nhiệm vào Thổ Nhĩ Kỳ. Trong các cuộc chiến ở Ý, ông ta đã nhiều lần ở bên bờ vực thẳm và mỗi lần đều được cứu thoát một cách bất ngờ. Quân đội Nga, chính những đội quân có thể hủy diệt vinh quang của ông ta, vì những lý do ngoại giao khác nhau, đã không tiến vào châu Âu chừng nào ông ta còn ở đó.

Khi từ Ý trở về, ông ta thấy chính phủ ở Paris đang trong quá trình tan rã, trong đó những người rơi vào chính phủ đó chắc chắn sẽ bị xóa sạch và tiêu diệt. Và chính một lối thoát khỏi tình thế nguy hiểm này đã xuất hiện cho ông ta, đó là cuộc viễn chinh vô nghĩa, vô cớ đến Phi châu. Lại là những cái gọi là sự ngẫu nhiên tương tự đi cùng ông ta. Malta bất khả xâm phạm đầu hàng mà không cần một phát súng ; những mệnh lệnh bất cẩn nhất cũng được thành công vương vương. Hạm đội địch, cái không để lọt dù chỉ một chiếc thuyền, đã để lọt cả một đội quân. Ở Phi châu, hàng loạt tội ác đã được thực hiện đối với những người dân gần như không có vũ khí. Và những người thực hiện các tội ác này, và đặc biệt là người lãnh đạo của họ, tự thuyết phục mình rằng điều đó thật tuyệt vời, rằng đó là vinh quang, rằng nó giống như Caesar và Alexander Đại đế và rằng như thế là tốt.

Cái lý tưởng về vinh quang và vĩ đại đó, bao gồm việc không coi bất cứ điều gì là tồi tệ đối với mình, mà tự hào về mọi tội ác của mình, gán cho nó một ý nghĩa siêu nhiên khó hiểu, – cái lý tưởng này, cái phải lãnh đạo con người này và những người gắn bó với ông ta, đã được rèn luyện trong không gian rộng lớn ở Phi châu. Tất cả những gì ông ta làm đều thành công. Bệnh dịch không ám vào ông ta. Sự tàn ác trong việc giết hại

tù binh không bị quy là lỗi của ông ta. Sự rời đi khỏi Phi châu một cách trẻ con, thiếu thận trọng, vô cớ và không cao thượng, bỏ mặc đồng đội trong hoạn nạn, lại được tính là công lao cho ông ta, và một lần nữa hạm đội địch lại để lọt ông ta hai lần. Vào thời điểm đó, khi ông ta đã hoàn toàn bị mê hoặc bởi những tội ác may mắn của mình, sẵn sàng cho vai diễn của mình, mà không có bất kỳ mục đích nào đã đến Paris, thì sự tan rã của chính phủ cộng hòa, cái có thể đã tiêu diệt ông ta một năm trước, giờ đã đến mức cực điểm, và sự hiện diện của ông ta, một con người tươi mới ngoài các phe phái, giờ đây chỉ có thể nâng ông ta lên.

Ông ta không có bất kỳ kế hoạch nào ; ông ta sợ hãi mọi thứ ; nhưng các phe phái bám lấy ông ta và yêu cầu sự tham gia của ông ta.

Chỉ mình ông ta, với lý tưởng về vinh quang và vĩ đại đã được tôi luyện ở Ý và Ai Cập, với sự tôn thờ bản thân điên cuồng, với sự trơ trẽn trong tội ác, với sự dối trá chân thành của mình, – chỉ mình ông ta mới có thể biện minh cho những gì sắp xảy ra.

Ông ta cần thiết cho vị trí đang chờ đợi mình, và do đó, gần như không phụ thuộc vào ý chí của mình và mặc cho sự thiếu quyết đoán của mình, do thiếu kế hoạch, do tất cả những sai lầm mà ông ta mắc phải, ông

ta bị kéo vào một âm mưu nhằm chiếm đoạt quyền lực, và âm mưu đó đã thành công rực rỡ.

Ông ta bị đẩy vào cuộc họp của những người cầm quyền. Sợ hãi, ông ta muốn bỏ chạy, coi mình là kẻ đã mất ; giả vờ như ngất xỉu ; nói những điều vô nghĩa lẽ ra phải tiêu diệt ông ta. Nhưng những nhà cai trị Pháp, trước đây vốn khôn ngoan và kiêu hãnh, giờ đây cảm thấy vai trò của mình đã hết, còn bối rối hơn cả ông ta, đã nói không đúng những lời cần phải nói để giữ vững quyền lực và tiêu diệt ông ta.

Sự ngẫu nhiên, hàng triệu sự ngẫu nhiên mang lại quyền lực cho ông ta, và tất cả mọi người, như thể đã thỏa thuận với nhau, cùng góp phần củng cố quyền lực này. Những sự ngẫu nhiên tạo nên tính cách của những người cầm quyền Pháp lúc bấy giờ, những kẻ phục tùng ông ta ; những sự ngẫu nhiên tạo nên tính cách của Paul I, người công nhận quyền lực của ông ta ; sự ngẫu nhiên tạo nên âm mưu chống lại ông ta, không những không gây hại cho ông ta mà còn củng cố quyền lực của ông ta. Sự ngẫu nhiên đưa Công tước xứ Enghien vào tay ông ta và vô tình buộc ông ta phải giết vị này, qua đó thuyết phục đám đông bằng phương tiện mạnh mẽ nhất rằng ông ta có quyền, vì ông ta có sức mạnh. Sự ngẫu nhiên làm cho ông ta dồn hết sức lực vào cuộc viễn chinh đến

Anh, cái rõ ràng sẽ tiêu diệt ông ta, và không bao giờ thực hiện ý định này, mà vô tình tấn công Mack cùng với quân Áo, những người đã đầu hàng mà không cần chiến đấu. Sự ngẫu nhiên và thiên tài mang lại cho ông ta chiến thắng ở Austerlitz, và một cách tình cờ, tất cả mọi người, không chỉ người Pháp mà cả toàn bộ châu Âu, trừ Anh quốc, nước sẽ không tham gia vào các sự kiện sắp tới, tất cả mọi người, mặc dù trước đó đã kinh hãi và ghê tởm tội ác của ông ta, giờ đây lại công nhận quyền lực của ông ta, danh hiệu mà ông ta tự phong cho mình, và lý tưởng của ông ta về sự vĩ đại và vinh quang, cái mà đối với mọi người dường như là một điều gì đó tuyệt vời và hợp lý.

Như để ướm thử và chuẩn bị cho cuộc chuyển quân sắp tới, các thế lực phương Tây đã nhiều lần tiến về phương Đông vào các năm 1805, 1806, 1807, 1809, ngày càng trở nên mạnh mẽ và đông đảo hơn. Vào năm 1811, một nhóm người hình thành tại Pháp đã hòa nhập cùng với các dân tộc ở miền trung thành một khối khổng lồ. Cùng với sự gia tăng của nhóm người này, khả năng biện minh cho người đứng đầu phong trào ấy cũng càng phát triển thêm. Trong giai đoạn mười năm chuẩn bị trước cuộc chuyển quân lớn, con người này đã gặp gỡ tất cả những bậc quân vương của châu Âu. Những kẻ thống trị thế giới bị lột mặt nạ này không thể đối chọi

lại được với lý tưởng về vinh quang và sự vĩ đại của Napoléon vốn chẳng có ý nghĩa gì, chẳng có một lý tưởng hợp lý nào. Họ tranh nhau phơi bày cho ông ta thấy sự hèn mọn của mình. Vua nước Phổ gửi vợ mình đến để cầu xin ân huệ từ con người vĩ đại ấy; Hoàng đế Áo coi việc con người này chấp nhận con gái của các Caesar vào giường của mình là một đặc ân; Giáo hoàng, người canh giữ những gì thiêng liêng của các dân tộc, đã dùng tôn giáo của mình để phụng sự cho sự thăng hoa của con người vĩ đại đó. Không hẳn là bản thân Napoléon tự chuẩn bị cho mình để thực hiện vai trò của mình, mà chính mọi thứ xung quanh đã chuẩn bị cho ông ta để gánh lấy toàn bộ trách nhiệm về những gì đã và đang phải xảy ra. Không một hành động, không một tội ác hay một sự lừa dối nhỏ mọn nào mà ông ta thực hiện lại không được những kẻ xung quanh tung hô ngay lập tức dưới hình thức của một kỳ tích vĩ đại. Ngày lễ tuyệt vời nhất mà người Đức có thể nghĩ ra cho ông ta là lễ kỷ niệm chiến thắng Jena và Auerstedt. Không chỉ bản thân ông ta vĩ đại, mà tổ tiên, anh em, con riêng và con rể của ông ta cũng vĩ đại. Mọi thứ diễn ra đều nhằm tước đi chút lý trí cuối cùng của ông ta và chuẩn bị cho ông ta vào một vai trò khủng khiếp. Và khi ông ta đã sẵn sàng, thì các thế lực cũng đã sẵn sàng.

Cuộc xâm lược lao về hướng đông, đạt đến mục đích cuối cùng – Moscow. Thủ đô bị chiếm ; quân đội Nga bị tiêu diệt nhiều hơn bất kỳ đội quân địch nào đã bị tiêu diệt trong các cuộc chiến trước đây từ Austerlitz đến Wagram. Nhưng đột nhiên, thay vì những sự ngẫu nhiên và thiên tài đã dẫn dắt ông ta một cách liên tục cho đến nay bằng một chuỗi thành công không dứt để tiến tới mục đích định sẵn, lại xuất hiện vô số những sự ngẫu nhiên ngược lại, từ trận sổ mũi ở Borodino cho đến sương giá và những tia lửa bốc cháy ở Moscow ; và thay vì thiên tài lại hiện ra sự ngu xuẩn và hèn hạ chưa từng thấy.

Cuộc xâm lược tháo chạy, quay trở lại, lại tháo chạy, và giờ đây mọi sự ngẫu nhiên không còn ủng hộ mà là chống lại ông ta.

Một cuộc phản vận động được thực hiện từ đông sang tây với sự tương đồng đáng kinh ngạc với cuộc vận động trước đó từ tây sang đông. Những nỗ lực vận động từ đông sang tây tương tự như vậy – vào các năm 1805, 1807, 1809 – đã diễn ra trước cuộc đại vận động; cũng là sự tập hợp thành một nhóm với quy mô khổng lồ ; cũng là sự gia nhập của các dân tộc trung tâm vào cuộc vận động ; cũng là sự dao động ở giữa con đường và cũng là tốc độ tương tự khi tiến gần đến mục đích.

Paris – mục đích cuối cùng – đã đạt được. Chính phủ và quân đội của Napoleon bị tiêu diệt. Bản thân Napoleon không còn ý nghĩa gì nữa ; mọi hành động của ông ta rõ ràng là thảm hại và ghê tởm ; nhưng một lần nữa lại xảy ra một sự ngẫu nhiên không thể giải thích được : các đồng minh ghét Napoleon, người mà họ coi là nguyên nhân gây ra những tai họa của mình; bị tước bỏ sức mạnh và quyền lực, bị vạch trần về những tội ác và sự xảo quyệt, đáng lẽ ông ta phải hiện ra trước mắt họ như mười năm trước và một năm sau đó – như một kẻ cướp nằm ngoài vòng pháp luật. Nhưng, bởi một sự ngẫu nhiên kỳ lạ nào đó, không ai thấy điều này. Vai diễn của ông ta vẫn chưa kết thúc. Con người mà mười năm trước và một năm sau đó bị coi là kẻ cướp nằm ngoài vòng pháp luật, lại được gửi đến một hòn đảo cách Pháp hai ngày đường, được trao cho ông ta làm thuộc địa, với đội cận vệ và hàng triệu đồng tiền được trả cho ông ta vì lý do nào đó.

IV

Cuộc vận động của các dân tộc bắt đầu lắng xuống trong bờ cõi của nó. Những con sóng của cuộc đại vận động đã rút đi, và trên mặt biển tĩnh lặng hình thành những vòng tròn, trên đó các nhà ngoại giao trôi nổi, tưởng tượng rằng chính họ đang tạo ra sự tĩnh lặng của cuộc vận động.

Nhưng mặt biển đang tĩnh lặng bỗng nhiên trỗi dậy. Các nhà ngoại giao có vẻ như sự bất đồng của họ là nguyên nhân của đợt dâng trào sức mạnh mới này ; họ chờ đợi chiến tranh giữa các vị quân vương của mình ; tình thế đối với họ dường như là không thể giải quyết được. Nhưng con sóng, đợt sóng mà họ cảm thấy, không phải trào ra từ phía đó, nơi họ đang chờ đợi nó. Nó đang trỗi dậy từ chính điểm xuất phát của cuộc vận động – Paris. Đợt sóng cuối cùng của cuộc vận động từ phía tây diễn ra – một đợt sóng phải giải quyết những khó khăn ngoại giao dường như không thể giải quyết được và đặt dấu chấm hết cho thời kỳ chinh chiến này.

Con người đã tàn phá nước Pháp, một mình, không âm mưu, không binh lính, đã đến Pháp. Bất kỳ người lính gác nào cũng có thể bắt giữ ông ta ; nhưng, bởi một sự ngẫu nhiên kỳ lạ, không những không ai bắt giữ,

mà tất cả đều hân hoan chào đón con người mà họ mới nguyền rủa một ngày trước và sẽ lại nguyền rủa sau một tháng nữa.

Con người này vẫn còn cần thiết cho việc biện minh cho hành động tập thể cuối cùng.

Hành động đã hoàn thành.

Vai diễn cuối cùng đã diễn ra. Người diễn viên được lệnh trút bỏ trang phục và tẩy sạch phấn son : ông ta không còn cần thiết nữa.

Và vài năm trôi qua trong việc con người này, trong sự cô độc trên hòn đảo của mình, tự diễn cho mình một vở hài kịch thảm hại, mưu mô và dối trá, biện minh cho những hành động của mình khi sự biện minh đó không còn cần thiết nữa, và cho cả thế giới thấy cái gì đã từng được con người coi là sức mạnh, khi bàn tay vô hình dẫn dắt ông ta.

Người điều phối, sau khi kết thúc vở kịch và cởi bỏ trang phục cho diễn viên, đã chỉ ông ta cho chúng ta.

– Hãy nhìn xem các người đã tin vào điều gì ! Đây chính là ông ta ! Bây giờ các người đã thấy không phải ông ta, mà là ta đã điều khiển các người chưa ?

Nhưng, bị lóa mắt bởi sức mạnh của cuộc vận động, mọi người từ lâu đã không hiểu điều đó.

Sự mạch lạc và cần thiết lớn hơn nữa thể hiện trong cuộc đời của Alexander I, con người đứng đầu cuộc phản vận động từ đông sang tây.

Cần gì cho con người đó, người sẽ thay thế kẻ khác đứng đầu cuộc vận động từ đông sang tây này ?

Cần một cảm giác về công lý, một sự tham gia vào các công việc của châu Âu, nhưng tách biệt, không bị che mờ bởi những lợi ích nhỏ nhặt ; cần một sự ưu việt về đạo đức so với các đồng sự – những vị quân vương của thời bấy giờ ; cần một tính cách dịu dàng và lôi cuốn ; cần một sự xúc phạm cá nhân đối với Napoleon. Và tất cả những điều này đều có ở Alexander I ; tất cả những điều này đã được chuẩn bị bởi vô số cái gọi là sự ngẫu nhiên trong suốt cuộc đời đã qua của ông : cả sự giáo dục, cả những khởi đầu tự do, cả những cố vấn xung quanh, cả Austerlitz, Tilsit và Erfurt.

Trong thời gian chiến tranh nhân dân, nhân vật này không hoạt động, vì ông ta không cần thiết. Nhưng ngay khi nhu cầu về một cuộc chiến tranh chung của châu Âu xuất hiện, nhân vật này xuất hiện ở thời điểm định sẵn

tại vị trí của mình và, kết nối các dân tộc châu Âu, dẫn dắt họ đến mục đích.

Mục đích đã đạt được. Sau cuộc chiến cuối cùng năm 1815, Alexander đứng trên đỉnh cao của quyền lực con người có thể có. Ông ta sử dụng nó như thế nào ?

Alexander I – người mang lại hòa bình cho châu Âu, một con người từ những năm tháng tuổi trẻ đã luôn hướng tới điều tốt đẹp cho các dân tộc của mình, người khởi xướng đầu tiên của những cải cách tự do ở quê hương mình ; bây giờ, khi dường như ông ta đang nắm giữ quyền lực lớn nhất và do đó có khả năng thực hiện điều tốt đẹp cho các dân tộc của mình, trong khi Napoleon ở nơi lưu đày đang lập ra những kế hoạch trẻ con và giả dối về việc ông ta sẽ làm cho nhân loại hạnh phúc như thế nào nếu ông ta có quyền lực, – Alexander I, sau khi thực hiện sứ mệnh của mình và cảm nhận bàn tay của Chúa trên mình, đột nhiên nhận ra sự hư vô của quyền lực tưởng tượng này, quay lưng lại với nó, trao nó vào tay những kẻ mà ông khinh miệt và chỉ nói :

– Không phải cho chúng con, không phải cho chúng con, mà là cho Danh Ngài ! Tôi cũng là một con người như các người ; hãy để tôi sống như một con người, và nghĩ về linh hồn mình và về Chúa.

Cũng như mặt trời và mỗi nguyên tử của ete là một hình cầu hoàn chỉnh trong chính nó và đồng thời chỉ là một nguyên tử không thể tiếp cận đối với con người do sự khổng lồ của cái toàn thể, thì mỗi cá nhân cũng mang trong mình những mục đích riêng và đồng thời mang chúng để phục vụ cho những mục đích chung mà con người không thể tiếp cận được.

Con ong đậu trên bông hoa, đã đốt một đứa trẻ. Và đứa trẻ sợ loài ong và nói rằng mục đích của con ong là để đốt người. Nhà thơ chiêm ngưỡng con ong đang hút mật trong đài hoa, và nói rằng mục đích của con ong là hút hương thơm của hoa cỏ. Người nuôi ong, nhận thấy con ong thu thập phấn hoa và mang về tổ, nói rằng mục đích của con ong là thu thập mật. Một người nuôi ong khác, nghiên cứu kỹ hơn cuộc sống của bầy đàn, nói rằng con ong thu thập phấn hoa để nuôi ong non và nuôi ong chúa, rằng mục đích của nó là duy trì nòi giống. Nhà thực vật học nhận thấy rằng khi bay từ hoa này sang hoa kia với phấn hoa, con ong đã thụ phấn cho hoa, và nhà thực vật học thấy ở đó mục đích của con ong. Một người khác, quan sát sự di cư của thực vật, thấy rằng con ong góp phần vào sự di cư đó ; và người quan sát mới này có thể nói rằng đó chính là mục đích của con ong. Nhưng mục đích cuối cùng của con ong không cạn kiệt bởi mục đích này, mục đích kia hay mục

đích thứ ba mà trí tuệ con người có thể khám phá được. Trí tuệ con người càng lên cao trong việc khám phá những mục đích này, thì sự không thể tiếp cận của mục đích cuối cùng càng trở nên rõ ràng đối với con người.

Con người chỉ có thể quan sát sự tương xứng giữa cuộc đời của con ong với các hiện tượng khác của cuộc sống. Điều đó cũng đúng với mục đích của các nhân vật lịch sử và các dân tộc.

V

Đám cưới của Natasha, diễn ra vào năm thứ 13 với Bezukhov, là sự kiện vui vẻ cuối cùng trong gia đình Rostov cũ. Trong cùng năm đó, Bá tước Ilya Andreyevich qua đời, và như vẫn thường xảy ra, cùng với cái chết của ông, gia đình cũ đã tan rã.

Những sự kiện của năm cuối cùng : trận cháy Moscow và cuộc tháo chạy khỏi đó, cái chết của Hoàng tử Andrei và sự tuyệt vọng của Natasha, cái chết của Petya, nỗi đau của nữ Bá tước, – tất cả những điều đó, như hết đòn này đến đòn khác, đã giáng xuống đầu bà Bá tước già. Bà không đủ sức để hiểu ý nghĩa của tất cả các sự kiện này và, gục ngã về mặt đạo đức, bà cúi thấp cái đầu già nua của mình, như thể đang chờ đợi và cầu xin những đòn đánh mới sẽ kết liễu bà. Bà có vẻ sợ hãi và bối rối, nhưng rồi bà lại hồi sinh một cách bất tự nhiên và đầy nghị lực.

Đám cưới của Natasha trong một thời gian đã thu hút bà về phía vẻ ngoài của mình. Bà đặt các bữa ăn trưa, bữa tối và rõ ràng là muốn tỏ ra vui vẻ ; nhưng sự vui vẻ của bà không truyền sang người khác như trước kia, mà trái lại, nó gây ra sự thương cảm ở những người biết và yêu quý bà.

Sau khi Pierre và vợ rời đi, bà trở nên im lặng và bắt đầu phàn nàn về nỗi buồn. Vài ngày sau, bà đổ bệnh và nằm liệt giường. Từ những ngày đầu tiên của bệnh tình, mặc dù có sự an ủi của bác sĩ, bà đã hiểu rằng mình sẽ không gượng dậy nổi. Nữ Bá tước, không thay đồ, đã ngồi trong ghế bành bên gối bà suốt hai tuần. Mỗi khi bà đưa cho mẹ thuốc, bà lại nức nở, hôn tay bà một cách lặng lẽ. Vào ngày cuối cùng, bà khóc, xin vợ và con trai vắng mặt tha thứ vì sự tiêu tán tài sản – lỗi chính mà bà cảm thấy ở mình. Sau khi rước lễ và xức dầu, bà lặng lẽ qua đời, và ngày hôm sau một đám đông những người quen, những người đã đến chia buồn cùng người quá cố, đã lấp đầy căn hộ thuê của gia đình Rostov. Tất cả những người quen này, những người đã nhiều lần ăn trưa và nhảy múa tại nhà bà, giờ đây đều với cảm giác tự trách móc và thương cảm như nhau, như thể đang biện minh trước mặt ai đó, đã nói : «Vâng, dẫu sao đi nữa, bà ấy là một người tuyệt vời. Những người như bà ấy ngày nay không còn gặp được nữa... Và ai mà không có những điểm yếu của mình cơ chứ ?..»

Chính vào thời điểm đó, khi công việc của bá tước đã rối ren đến mức không thể hình dung nổi tất cả sẽ kết thúc như thế nào nếu nó kéo dài thêm một năm nữa, thì ông đột nhiên qua đời.

Nikolai đang ở cùng quân đội Nga tại Paris, khi ông nhận được tin về cái chết của cha mình. Ông lập tức nộp đơn xin từ chức và không đợi nó được chấp thuận, ông xin nghỉ phép và đến Moscow. Tình hình tài chính của gia đình một tháng sau cái chết của bá tước đã lộ rõ hoàn toàn, khiến mọi người kinh ngạc bởi con số khổng lồ của các khoản nợ nhỏ khác nhau, mà sự tồn tại của chúng không ai ngờ tới. Nợ nần nhiều gấp đôi so với tài sản.

Người thân và bạn bè khuyên Nikolai từ chối quyền thừa kế. Nhưng Nikolai thấy trong việc từ chối đó một lời trách móc xúc phạm đến ký ức của cha mình và vì vậy ông không muốn nghe về việc từ chối và đã chấp nhận quyền thừa kế cùng với nghĩa vụ trả nợ.

Các chủ nợ, những người đã im lặng bấy lâu, khi bá tước còn sống, bị ràng buộc bởi ảnh hưởng mơ hồ nhưng mạnh mẽ mà lòng tốt buông thả của ông dành cho họ, đột nhiên tất cả đều nộp đơn đòi nợ. Mọi chuyện diễn ra như vẫn thường xảy ra, một cuộc cạnh tranh – ai sẽ là người nhận được trước, – và chính những người như Mitka và những người khác, những người có các hối phiếu khống – quà tặng, giờ đây lại trở thành những chủ nợ đòi hỏi gắt gao nhất. Nikolai không được trao cho dù là một thời hạn hay sự nghỉ ngơi nào ; và những kẻ

mà theo vẻ ngoài có vẻ thương hại cho ông già, người từng là nguyên nhân gây ra tổn thất của họ (nếu có tổn thất), giờ đây lại ném mình một cách không thương tiếc vào người thừa kế trẻ tuổi rõ ràng là vô tội trước những khoản nợ này, người đã tự nguyện nhận lấy nghĩa vụ trả nợ.

Không một vòng quay tài chính nào mà Nikolai dự tính thành công ; tài sản bị bán đấu giá với giá chỉ bằng một nửa, còn một nửa nợ nần vẫn chưa được trả. Nikolai đã nhận từ anh rể Bezukhov 30.000 để trả phần nợ đó, những khoản mà ông công nhận là nợ tiền thực sự. Và để vì phần nợ còn lại mà không bị tống vào tù, điều mà các chủ nợ đe dọa, ông đã một lần nữa nộp đơn xin vào phục vụ.

Vào quân đội, nơi ông có cơ hội đầu tiên làm chỉ huy trung đoàn, là điều không thể, vì người mẹ bây giờ đang bám lấy con trai như vật bấu víu cuối cùng của cuộc đời ; và vì vậy, bất chấp sự không muốn ở lại Moscow giữa vòng vây của những người quen biết mình trước đây, bất chấp sự ghê tởm của ông đối với ngành dân sự, ông đã nhận một vị trí ở bộ phận dân sự tại Moscow, và cởi bỏ bộ quân phục yêu thích, đã cùng mẹ và Sonya định cư trong một căn hộ nhỏ ở Sivtsev Vrazhek.

Natasha và Pierre thời gian này đang sống ở St. Petersburg, không có khái niệm rõ ràng về tình cảnh của Nikolai. Nikolai, sau khi mượn tiền của anh rể, đã cố gắng che giấu tình cảnh khốn quẫn của mình với anh. Tình cảnh của Nikolai đặc biệt tồi tệ vì với mức lương 1200 rúp của mình, ông không chỉ phải nuôi sống bản thân, Sonya và mẹ, mà ông còn phải nuôi mẹ sao cho bà không nhận ra rằng họ nghèo. Nữ bá tước không thể hiểu được khả năng của cuộc sống mà thiếu đi sự xa hoa quen thuộc với bà từ thời thơ ấu và, không ngừng không hiểu điều đó khó khăn như thế nào đối với con trai mình, bà đòi hỏi xe cộ, cái mà họ không có, để gửi đi mời một người quen, rồi đòi những món ăn đắt tiền cho mình và rượu cho con trai, rồi đòi tiền để làm quà tặng bất ngờ cho Natasha, Sonya và cả Nikolai nữa.

Sonya quán xuyến việc nội trợ, chăm sóc bà cô, đọc sách cho bà nghe, chịu đựng những cơn nóng nảy và ác cảm thầm kín của bà và giúp Nikolai che giấu bà bá tước già tình cảnh túng quẫn mà họ đang lâm vào. Nikolai cảm thấy nợ Sonya một món nợ ơn nghĩa không thể trả hết vì tất cả những gì cô đã làm cho mẹ ông, ngưỡng mộ sự kiên nhẫn và tận tụy của cô, nhưng ông cố gắng tránh xa cô.

Trong thâm tâm, ông dường như trách móc cô vì cô quá hoàn hảo, và vì không có gì để trách móc cô. Ở cô có tất cả những gì mà người ta trân trọng ; nhưng lại thiếu đi ít thôi, cái gì có thể khiến anh yêu cô ấy. Và anh cảm thấy rằng càng tôn trọng cô bao nhiêu, anh lại càng ít yêu cô bấy nhiêu. Anh đã bắt được lỗi của cô, trong bức thư của cô, cái thư mà cô cho anh sự tự do, và giờ đây anh đối xử với cô theo cách như thể tất cả những gì đã có giữa họ đã bị lãng quên từ lâu lắm rồi và trong bất cứ trường hợp nào cũng không thể lặp lại.

Tình cảnh của Nikolai ngày càng trở nên tồi tệ hơn. Ý nghĩ về việc tiết kiệm từ khoản tiền lương của mình hóa ra chỉ là mơ mộng. Anh không những không tiết kiệm được gì, mà còn phải mắc nợ những khoản nhỏ nhặt để thỏa mãn các yêu cầu của mẹ. Không có lối thoát nào cho tình cảnh của anh cả. Ý nghĩ về việc kết hôn với một người thừa kế giàu có mà các bà con thân thích đề nghị đều khiến anh ghê tởm. Một lối thoát khác cho tình cảnh của anh – cái chết của mẹ – chưa bao giờ nảy ra trong đầu anh. Anh chẳng mong muốn gì, chẳng hy vọng vào điều gì và trong sâu thẳm tâm hồn, anh trải qua một niềm khoái lạc u ám và nghiêm ngặt trong việc nhẫn nhục chịu đựng tình cảnh của mình. Anh cố gắng tránh mặt những người quen với những lời phân ưu và những đề nghị giúp đỡ xúc phạm của họ ; tránh mọi sự

tiêu khiển và giải trí ; ngay cả ở nhà cũng chẳng làm gì ngoài việc bày các lá bài với mẹ, đi dạo lặng lẽ trong phòng và hút hết tẩu thuốc này đến tẩu thuốc khác. Anh dường như cố gắng giữ gìn trong mình tâm trạng u ám đó, cái tâm trạng duy nhất mà anh cảm thấy mình có đủ khả năng để chịu đựng tình cảnh của bản thân.

VI

Vào đầu mùa đông, công chúa Marya đã đến Moscow. Từ những lời đồn đại trong thành phố, cô đã biết về tình cảnh của nhà Rostov và về việc «người con trai đã hy sinh bản thân cho mẹ» (người ta nói vậy trong thành phố).

«Tôi cũng không mong đợi điều gì khác ở anh ấy», công chúa Marya tự nhủ, cảm thấy một sự xác nhận vui mừng cho tình yêu của mình dành cho anh. Nhớ lại mối quan hệ bạn bè và gần như là họ hàng của mình với cả gia đình, cô coi đó là nghĩa vụ của mình phải đến thăm họ. Nhưng, nhớ lại mối quan hệ của mình với Nikolai ở Voronezh, cô lại lo sợ điều này. Sau khi nỗ lực rất lớn với bản thân, cuối cùng vài tuần sau khi đến thành phố, cô đã tới thăm nhà Rostov.

Nikolai là người đầu tiên đón cô, vì muốn vào phòng nữ bá tước thì chỉ có thể đi qua phòng của anh. Ngay từ cái nhìn đầu tiên vào cô, khuôn mặt Nikolai, thay vì biểu hiện sự vui mừng mà công chúa Marya mong đợi được thấy, lại mang một vẻ lạnh lùng, khô khan và kiêu hãnh chưa từng thấy trước đây. Nikolai hỏi thăm sức khỏe của cô, dẫn cô đến chỗ mẹ và sau khi ngồi đó khoảng năm phút, anh liền rời khỏi phòng khi công

chúa rời khỏi chỗ nữ bá tước, Nikolai lại đón cô và một cách đặc biệt trang trọng và khô khan, anh tiễn cô ra tận sảnh. Anh không đáp lại một lời nào trước những nhận xét của cô về sức khỏe của nữ bá tước. «Cô có việc gì chứ ? Hãy để tôi yên», cái nhìn của anh như muốn nói vậy.

– Thế cô ta đi đâu vậy ? Cô ta cần gì chứ ? Không thể chịu đựng nổi những bà lớn này và tất cả những sự lịch thiệp này ! – anh nói thành tiếng với Sonya, rõ ràng là không thể kìm nén được sự bực bội của mình sau khi cỗ xe của công chúa đã rời khỏi nhà.

– Ôi, sao anh có thể nói như vậy, Nicolas, – Sonya nói, khó lòng che giấu niềm vui của mình. – Cô ấy thật tốt bụng, và mẹ cũng rất yêu quý cô ấy.

Nikolai không đáp lại gì và thà rằng không nói thêm gì nữa về công chúa. Nhưng theo thời gian những lần viếng thăm của cô, nữ bá tước già ngày nào cũng bắt đầu nói về cô vài lần.

Nữ bá tước khen ngợi cô, yêu cầu con trai phải đến thăm cô, bày tỏ mong muốn được gặp cô thường xuyên hơn, nhưng đồng thời luôn trở nên bực bội khi bà nói về cô.

Nikolai cố gắng giữ im lặng khi mẹ nói về công chúa, nhưng sự im lặng của anh làm nữ bá tước phát cáu.

– Cô ấy là một cô gái rất xứng đáng và tuyệt vời, – bà nói, – và con cần phải đến thăm cô ấy. Dẫu sao thì con cũng sẽ thấy một ai đó ; chứ không thì mẹ nghĩ con sẽ buồn khi ở với chúng ta.

– Con chẳng muốn thấy ai cả, mẹ ạ.

– Lúc thì muốn thấy, giờ lại không muốn. Con của mẹ, thật đấy, mẹ không hiểu nổi. Lúc thì con thấy buồn, lúc thì đột nhiên con chẳng muốn thấy ai cả.

– Con đâu có nói là con thấy buồn.

– Sao lại không, chính con đã nói rằng con không muốn thấy cô ấy. Cô ấy là một cô gái rất xứng đáng và con luôn thích cô ấy ; vậy mà giờ đây đột nhiên lại có lý do gì đó. Mọi người đều giấu mẹ mọi chuyện.

– Thưa mẹ, không có gì đâu ạ.

– Nếu mẹ yêu cầu con làm điều gì đó khó chịu, thì đằng này mẹ chỉ xin con đi trả lễ thôi. Có vẻ như phép lịch sự đòi hỏi vậy... Mẹ đã xin con và giờ mẹ không can thiệp nữa, nếu con có những bí mật với mẹ.

– Vâng, con sẽ đi, nếu mẹ muốn.

– Đối với mẹ thì sao cũng được ; mẹ chỉ muốn tốt cho con thôi.

Nikolai thở dài, cắn ria mép và bày các lá bài, cố gắng đánh lạc hướng chú ý của mẹ sang một chủ đề khác.

Vào ngày thứ hai, thứ ba và thứ tư, cuộc trò chuyện tương tự lại lặp lại.

Sau chuyến viếng thăm nhà Rostov và sự tiếp đón lạnh lùng bất ngờ đó từ Nikolai, công chúa Marya tự nhận ra rằng mình đã đúng khi không muốn đến nhà Rostov trước.

– Tôi cũng không mong đợi gì khác, – cô tự nhủ, kêu gọi sự kiêu hãnh của mình trợ giúp. – Tôi chẳng có việc gì với anh ta cả, tôi chỉ muốn thăm bà cụ, người đã luôn tốt với tôi và là người mà tôi mang ơn nhiều điều.

Nhưng cô không thể bình tâm với những suy luận này : một cảm giác giống như sự hối hận đã dày vò cô khi cô nhớ lại chuyến viếng thăm của mình. Mặc dù cô đã kiên quyết không đến nhà Rostov nữa và quên đi tất cả chuyện này, cô vẫn cảm thấy mình không ngừng ở trong một tình trạng bất định. Và khi cô tự hỏi lòng mình cái gì đã dày vò mình, cô buộc phải thừa nhận rằng đó là mối quan hệ của cô với Rostov. Giọng điệu

lạnh lùng, lịch thiệp của anh không xuất phát từ tình cảm của anh dành cho cô (cô biết điều đó), nhưng tông giọng này đã che giấu một điều gì đó. Điều gì đó cô cần phải làm sáng tỏ ; và cho đến lúc đó cô cảm thấy không thể yên lòng.

Vào giữa mùa đông, cô đang ngồi trong phòng học, theo dõi bài học của đứa cháu trai, thì người ta vào báo tin Rostov đến. Với quyết tâm cứng cỏi không để lộ bí mật và không để lộ sự bối rối của mình, cô mời m-lle Bourienne và cùng cô ấy đi ra phòng khách.

Ngay cái nhìn đầu tiên vào khuôn mặt Nikolai, cô đã nhận thấy rằng anh đến chỉ để thực hiện nghĩa vụ lịch thiệp, và cô quyết định giữ vững tông giọng mà anh đã dùng để đối xử với cô.

Họ nói chuyện về sức khỏe của nữ bá tước, về những người quen chung, về những tin tức cuối cùng của cuộc chiến, và khi 10 phút yêu cầu của phép lịch sự trôi qua, sau đó vị khách có thể đứng dậy, Nikolai đứng dậy chào từ biệt.

Công chúa với sự giúp đỡ của m-lle Bourienne đã duy trì cuộc trò chuyện rất tốt ; nhưng vào chính phút cuối cùng, khi anh đứng dậy, cô đã quá mệt mỏi khi nói về những điều mà cô không quan tâm, và ý nghĩ về việc

tại sao cô lại được ban cho quá ít niềm vui trong cuộc sống đã chiếm lấy cô, đến nỗi cô rơi vào trạng thái lơ đãng, đôi mắt sáng rực nhìn thẳng về phía trước, ngồi bất động, không nhận ra rằng anh đã đứng dậy.

Nikolai nhìn cô và, muốn tỏ vẻ như không nhận ra sự lơ đãng của cô, đã nói vài lời với m-lle Bourienne và lại nhìn sang công chúa. Cô vẫn ngồi bất động như cũ, và trên khuôn mặt dịu dàng của cô hiện rõ sự đau khổ. Anh bỗng thấy thương cô và mơ hồ nảy ra ý nghĩ rằng, có lẽ, chính anh là nguyên nhân của nỗi buồn hiện rõ trên khuôn mặt cô. Anh muốn giúp cô, nói với cô điều gì đó dễ chịu ; nhưng anh không thể nghĩ ra điều gì để nói với cô.

– Chào công chúa, – anh nói.

Cô bừng tỉnh, đỏ mặt và thở dài nặng nề.

– Ôi, xin lỗi, – cô nói, như thể vừa thức dậy. – Ông đã đi rồi sao, thưa bá tước ? Vâng, chào ông ! Còn chiếc gối cho nữ bá tước ?

– Đợi đã, tôi sẽ mang nó ngay bây giờ, – m-lle Bourienne nói và rời khỏi phòng.

Cả hai đều im lặng, thỉnh thoảng liếc nhìn nhau.

– Vâng, công chúa, – cuối cùng Nikolai nói, mỉm cười buồn bã, – dường như mới đây thôi, nhưng biết bao nhiêu nước đã chảy qua kể từ lần đầu chúng ta gặp nhau ở Bogucharovo. Tất cả chúng ta lúc đó dường như đều gặp bất hạnh, nhưng tôi sẵn lòng đánh đổi nhiều thứ để quay lại thời gian đó... nhưng không thể quay lại được.

Công chúa nhìn chằm chằm vào mắt anh bằng ánh mắt sáng rực của mình khi anh nói điều đó. Cô dường như cố gắng hiểu cái ý nghĩa thầm kín trong những lời nói của anh, cái mà sẽ giải thích cho cô tình cảm của anh dành cho cô.

– Vâng, vâng, – cô nói. – Nhưng ông không có gì phải hối tiếc về quá khứ đâu, thưa bá tước. Theo cách tôi hiểu về cuộc sống của ông bây giờ, ông sẽ luôn nhớ về nó với sự hài lòng, bởi vì sự hy sinh mà ông đang sống bây giờ...

– Tôi không chấp nhận những lời khen ngợi của cô đâu, – anh ngắt lời cô một cách vội vã. – Ngược lại, tôi không ngừng tự trách mình... Nhưng điều này hoàn toàn không thú vị và là một cuộc trò chuyện không vui vẻ.

Và một lần nữa ánh mắt anh lại mang vẻ khô khan và lạnh lùng như trước. Nhưng công chúa đã nhìn thấy ở anh một con người mà cô từng biết và yêu thương, và bây giờ cô chỉ nói chuyện với con người đó.

– Tôi đã nghĩ rằng ông sẽ cho phép tôi nói với ông điều này, – cô nói. – Chúng ta đã trở nên gần gũi với ông... và với gia đình ông, và tôi đã nghĩ rằng ông sẽ không coi sự quan tâm của tôi là không đúng mực ; nhưng tôi đã lầm, – cô nói. Giọng cô đột nhiên run lên. – Tôi không biết tại sao, – cô tiếp tục, sau khi trấn tĩnh lại, – trước đây ông đã khác và...

– Có hàng ngàn lý do tại sao (anh nhấn mạnh đặc biệt vào từ tại sao). Cảm ơn cô, công chúa, – anh nói khẽ. – Đôi khi thật khó khăn.

«Thì ra là vì thế ! Vì thế !» tiếng nói nội tâm vang lên trong tâm hồn công chúa Marya. «Không, không chỉ cái nhìn vui vẻ, tốt bụng và cởi mở này, không chỉ vẻ ngoài đẹp đẽ mà tôi đã yêu ở anh ấy ; tôi đã đoán ra tâm hồn cao thượng, vững vàng, đầy hy sinh của anh ấy», cô tự nhủ. «Vâng, bây giờ anh ấy nghèo, còn tôi thì giàu... Vâng, chỉ vì điều này... Vâng, nếu không có chuyện này...» Và, nhớ lại sự dịu dàng trước đây của anh và bây giờ nhìn vào khuôn mặt tốt bụng và buồn bã của anh, cô bỗng hiểu ra nguyên nhân của sự lạnh lùng của anh.

– Tại sao vậy, thưa bá tước, tại sao ? – đột nhiên cô gần như kêu lên, vô tình tiến lại gần anh. – Tại sao, hãy nói cho tôi biết. Ông phải nói. (Anh im lặng). Tôi không biết, thưa bá tước, cái tại sao của ông, – cô tiếp tục. – Nhưng tôi thấy nặng nề, tôi... Tôi tự thú với ông về điều này. Ông vì lý do gì đó muốn tước đi tình bạn cũ của tôi. Và tôi thấy đau lòng vì điều đó. (Nước mắt đã trào ra trong mắt cô và trong giọng nói). Tôi đã có quá ít hạnh phúc trong đời, nên tôi thấy nặng nề trước mọi sự mất mát... Xin lỗi tôi, chào ông. – Đột nhiên cô bật khóc và đi ra khỏi phòng.

– Công chúa ! Đợi đã, vì Chúa ! – anh kêu lên, cố gắng ngăn cô lại. – Công chúa !

Cô nhìn lại. Trong vài giây họ nhìn vào mắt nhau trong im lặng, và cái điều xa xôi, không thể nào xảy ra, bỗng chốc trở nên gần gũi, khả thi và không thể tránh khỏi.

VII

Mùa thu năm 1813, Nikolai kết hôn với công chúa Marya và cùng vợ, mẹ và Sonya chuyển đến sống tại Lysye Gory.

Trong vòng bốn năm, anh không bán đi tài sản của vợ, đã trả được những khoản nợ còn lại và sau khi nhận được một khoản thừa kế nhỏ sau cái chết của một người chị họ, anh đã trả cả nợ cho Pierre.

Ba năm sau đó, vào năm 1820, Nikolai đã thu xếp các công việc tiền bạc của mình đến mức anh đã mua lại được một điền trang nhỏ cạnh Lysye Gory và đang thương lượng về việc chuộc lại Otradnoye, điền trang của cha anh, vốn là ước mơ yêu thích của anh.

Bắt đầu làm kinh tế do nhu cầu, anh sớm trở nên đam mê công việc đồng áng, đến nỗi nó trở thành công việc yêu thích và gần như duy nhất của anh. Nikolai là một người chủ đơn giản, không thích những sự đổi mới, đặc biệt là những thứ của người Anh, những thứ lúc đó đang trở thành mốt, anh cười nhạo những lý thuyết về kinh tế, không thích các nhà máy, các loại sản xuất đắt tiền, việc gieo trồng các loại ngũ cốc đắt đỏ và nói chung không chú tâm riêng rẽ vào bất kỳ bộ phận nào

của kinh tế. Anh luôn chỉ có một tài sản trước mắt, chứ không phải một phần riêng lẻ nào của nó. Trong điền trang, đối tượng chính đối với anh không phải là nitơ và oxy trong đất và không khí, không phải cái cày hay phân bón đặc biệt, mà là công cụ chính mà qua đó tất cả những thứ đó tác động – đó là người nông dân, người lao động. Khi Nikolai bắt đầu làm kinh tế và bắt đầu đi sâu vào các phần khác nhau của nó, người nông dân đặc biệt thu hút sự chú ý của anh ; người nông dân đối với anh không chỉ là một công cụ, mà còn là mục đích và là vị quan tòa. Lúc đầu anh quan sát người nông dân, cố gắng hiểu anh ta cần gì, cái gì anh ta coi là xấu và tốt, và chỉ giả vờ rằng mình đang ra lệnh và sai bảo, trong khi thực chất anh chỉ học hỏi từ những người nông dân về các phương pháp, lời nói và cách đánh giá về cái gì là tốt và cái gì là xấu. Và chỉ sau đó, khi đã hiểu được thị hiếu và khát vọng của người nông dân, anh mới học được cách nói ngôn ngữ của họ và hiểu được ý nghĩa thầm kín trong lời nói của họ, khi đó anh mới cảm thấy mình đã hòa hợp với họ, chỉ đến lúc đó anh mới bắt đầu mạnh dạn điều hành họ, tức là thực hiện đối với người nông dân chính cái chức trách mà họ đòi hỏi ở anh. Và công việc của Nikolai đã mang lại những kết quả rực rỡ nhất.

Khi tiếp nhận quản lý điền trang, Nikolai ngay lập tức, không sai lầm, nhờ một loại năng khiếu thấu thị nào đó, đã bổ nhiệm những quản lý, những trưởng thôn, những người được chọn lọc từ những người giỏi nhất, những người mà chính những người nông dân sẽ chọn nếu họ có quyền lựa chọn, và những người đứng đầu của anh không bao giờ thay đổi. Trước khi nghiên cứu các tính chất hóa học của phân bón, trước khi đi sâu vào «nợ và có» (như anh thích nói một cách mỉa mai), anh tìm hiểu số lượng gia súc của nông dân và tăng số lượng này bằng mọi phương tiện có thể. Anh duy trì các gia đình nông dân trong quy mô lớn nhất, không cho phép họ chia tách. Những kẻ lười biếng, đồi trụy và yếu kém thì anh trừng trị và cố gắng trục xuất họ ra khỏi cộng đồng.

Trong lúc gieo trồng và thu hoạch cỏ khô và ngũ cốc, anh theo dõi sát sao những cánh đồng của mình và của nông dân. Và ở một số chủ điền ít người, ngũ cốc đã được gieo và thu hoạch sớm và tốt như ở nhà Nikolai.

Anh không thích có bất kỳ công việc nào với những người hầu trong nhà, gọi họ là những kẻ ăn bám và, như mọi người nói, đã giải tán và làm hư hỏng họ ; khi cần phải thực hiện một mệnh lệnh nào đó về những người hầu, đặc biệt là khi cần phải trừng phạt, anh thường tỏ

ra do dự và hỏi ý kiến của mọi người trong nhà ; chỉ khi có thể đưa đi làm lính thay cho một người nông dân, anh mới làm điều đó mà không có một chút do dự nào. Trong tất cả các quyết định liên quan đến người nông dân, anh chưa bao giờ trải qua một chút nghi ngờ nào. Mọi mệnh lệnh của anh – anh biết điều đó – sẽ được mọi người chấp thuận, dù là một hay nhiều người.

Anh cũng không cho phép mình làm khổ hay hành hạ một con người chỉ vì anh muốn thế, cũng như để làm nhẹ bớt và thưởng cho một con người vì đó là mong muốn cá nhân của anh. Anh không biết diễn đạt, cái gì tạo nên cái thước đo cho cái gì nên và cái gì không nên làm ; nhưng thước đo này trong tâm hồn anh rất vững vàng và không thể lay chuyển.

Anh thường nói chuyện với vẻ bực bội về một thất bại hay sự mất trật tự nào đó : «với dân tộc Nga của chúng ta», và tưởng tượng rằng mình không thể chịu đựng nổi người nông dân.

Nhưng anh với tất cả sức mạnh của tâm hồn mình yêu mến cái dân tộc Nga này và lối sống của họ và vì thế anh mới hiểu và tiếp thu được cái con đường và phương pháp quản lý kinh tế duy nhất mang lại kết quả tốt đẹp.

Nữ bá tước Marya ghen với chồng vì tình yêu này của anh và hối tiếc rằng cô không thể tham gia vào đó; nhưng cô không thể hiểu được những niềm vui và nỗi buồn do thế giới riêng biệt, xa lạ với cô này mang lại cho anh. Cô không thể hiểu nổi tại sao anh lại đặc biệt hăng hái và hạnh phúc đến thế khi thức dậy vào lúc bình minh và dành cả buổi sáng trên cánh đồng hay trên sân đập lúa, tại sao anh lại trở về uống trà sau khi gieo hạt, cắt cỏ hay thu hoạch. Cô không hiểu điều gì đã khiến anh phấn khích, kể lại với sự nhiệt tình về người nông dân giàu có Matvey Ermishin, người đã cùng gia đình chở lúa cả đêm, và vẫn chưa có ai thu hoạch xong, còn ông ta thì đã có các đống lúa dựng sẵn. Cô không hiểu tại sao anh lại rạng rỡ như vậy, đi từ cửa sổ ra ban công, mỉm cười dưới hàng ria mép và nháy mắt khi một cơn mưa ấm áp thường xuyên rơi xuống những mầm lúa mạch đang xanh mởn, hoặc tại sao khi có một đám mây đe dọa mang theo gió thổi qua trong lúc cắt cỏ hay thu hoạch, anh lại đỏ mặt, rám nắng và đầy mồ hôi, với mùi ngải cứu và hoa cỏ trong tóc, hân hoan xoa tay trở về từ sân đập lúa, nói : «nào, thêm một ngày nữa, và cả lúa của tôi và của nông dân đều sẽ ở trên sân đập».

Cô càng ít hiểu hơn tại sao anh, với trái tim nhân hậu, với sự sẵn lòng luôn đi trước những mong muốn của cô, lại gần như tuyệt vọng khi cô chuyển cho anh những lời

thỉnh cầu của một vài bà hay ông nông dân nào đó tìm đến cô để xin được miễn làm việc ; tại sao anh, Nicolas nhân hậu, lại kiên quyết từ chối cô, yêu cầu cô một cách giận dữ đừng can thiệp vào công việc của mình. Cô cảm thấy anh có một thế giới riêng biệt, được anh yêu say đắm, với những luật lệ nào đó mà cô không hiểu.

Khi cô, đôi khi cố gắng hiểu anh, nói với anh về những công lao của anh, bao gồm việc anh làm điều tốt cho những người dưới quyền, anh nổi giận và trả lời : «không đời nào : ý nghĩ đó chưa bao giờ nảy ra trong đầu tôi ; và vì lợi ích của họ thì đây là điều tôi sẽ không làm. Tất cả những thứ đó là thơ ca và những câu chuyện của các bà – tất cả những thứ đó là vì lợi ích của người lân cận. Tôi cần phải làm cho con cái chúng ta không phải đi ăn mày ; tôi cần phải xây dựng cơ nghiệp của chúng ta chừng nào tôi còn sống ; thế thôi. Và vì điều này cần phải có trật tự, cần phải nghiêm khắc... Thế đấy!» anh nói, nắm chặt nắm tay của mình. «Và sự công bằng, tất nhiên», anh thêm vào, «bởi vì nếu người nông dân trần truồng và đói khát, và con ngựa của anh ta yếu ớt, thì cả anh ta và tôi đều không làm việc được».

Và, chắc chắn là vì Nikolai không cho phép mình có ý nghĩ rằng anh đang làm điều gì đó cho người khác, cho đức hạnh, nên tất cả những gì anh làm đều mang lại

hiệu quả : tài sản của anh tăng lên nhanh chóng ; những người nông dân lân cận đến xin anh mua họ, và lâu sau khi anh qua đời, trong dân gian vẫn lưu giữ ký ức đạo đức về sự quản lý của anh. «Đó mới là một người chủ... Trước hết là vì người nông dân, sau đó mới đến mình. Phải, và không cho phép ai lười biếng. Một lời thôi – là người chủ !»

VIII

Một điều mà đôi khi làm Nikolai khổ tâm trong việc quản lý của mình, đó là tính nóng nảy của anh kết hợp với thói quen cũ của một người lính kỵ binh là hay động tay động chân. Trong thời gian đầu, anh không coi điều đó là đáng trách, nhưng vào năm thứ hai của cuộc hôn nhân, cái nhìn của anh về kiểu trừng phạt này đột nhiên thay đổi.

Một lần vào mùa hè, một viên trưởng thôn từ Bogucharovo được gọi đến, người thay thế cho Dron đã quá cố, bị buộc tội về các vụ lừa đảo và sai phạm khác nhau. Nikolai đi ra gặp anh ta ở hiên nhà, và ngay từ những câu trả lời đầu tiên của viên trưởng thôn, người ta đã nghe thấy những tiếng la hét và đòn roi trong sảnh. Trở về nhà ăn sáng, Nikolai đi đến chỗ vợ, người đang cúi đầu thấp xuống khung thêu, và bắt đầu kể cho cô nghe, như thường lệ, tất cả những gì đã chiếm lĩnh anh sáng nay, và giữa những chuyện khác có cả về viên trưởng thôn Bogucharovo. Nữ bá tước Marya, đỏ mặt, rồi lại tái mặt và mím môi, vẫn ngồi như vậy, cúi đầu xuống, và không đáp lại lời nào của chồng.

– Một tên khốn xấc xược như thế, – anh nói, nổi nóng khi mới nhớ lại. – Phải, ông ta mà nói với tôi rằng ông

ta say rượu, không nhìn thấy... Thế cô bị làm sao vậy, Marie ? – đột nhiên anh hỏi.

Nữ bá tước Marya ngẩng đầu lên, định nói gì đó, nhưng lại vội vàng cúi xuống và mím môi.

– Cô bị sao vậy ? Cô bị sao vậy, bạn thân mến của tôi?

Nữ bá tước Marya không xinh đẹp nhưng lúc nào cũng trở nên đẹp hơn khi cô khóc. Cô chưa bao giờ khóc vì đau đớn hay vì bực bội, mà luôn khóc vì nỗi buồn và sự thương cảm. Và khi cô khóc, đôi mắt sáng rực của cô mang một vẻ quyến rũ không thể cưỡng lại.

Ngay khi Nikolai cầm lấy tay cô, cô đã không còn sức để kìm nén và bật khóc.

– Nicolas, em đã thấy... ông ta có lỗi, nhưng tại sao anh lại... Nicolas ! – và cô che mặt bằng hai tay.

Nikolai im lặng, đỏ bừng mặt, và rời khỏi cô, bắt đầu đi lại trong phòng. Anh hiểu cô đang khóc vì điều gì ; nhưng đột nhiên trong lòng anh không thể đồng ý với cô rằng cái mà anh đã quen từ nhỏ, cái mà anh coi là bình thường nhất, lại là xấu xa. «Sự lịch thiệp này, những câu chuyện của các bà ; hay là cô ấy đúng ?» anh tự hỏi mình. Không dám tự mình trả lời câu hỏi này,

anh lại liếc nhìn vào khuôn mặt đau khổ và đầy yêu thương của cô và bỗng hiểu ra rằng cô đã đúng, và anh từ lâu đã có lỗi với chính mình.

– Marie, – anh nói khẽ, tiến lại gần cô, – điều này sẽ không bao giờ xảy ra nữa ; anh hứa với em. Không bao giờ, – anh lặp lại bằng một giọng run rẩy, như một cậu bé đang xin lỗi.

Nước mắt càng chảy ra nhiều hơn từ mắt của nữ bá tước. Cô nắm lấy tay chồng và hôn nó.

– Nicolas, khi nào anh làm vỡ chiếc nhẫn ? – để đổi chủ đề, cô nói, nhìn vào tay anh, nơi có chiếc nhẫn với đầu của Laocoon.

– Hôm nay ; vẫn chuyện đó. Ôi, Marie, đừng nhắc nhở anh về chuyện đó nữa. – Anh lại nổi nóng. – Anh hứa với em một lời danh dự rằng chuyện này sẽ không xảy ra nữa. Và hãy để đây là kỷ niệm đối với anh mãi mãi, – anh nói, chỉ vào chiếc nhẫn bị vỡ.

Kể từ đó, mỗi khi có những cuộc giải thích với các trưởng thôn và quản lý, máu lại dồn lên mặt và tay anh bắt đầu nắm lại thành nắm đấm, Nikolai lại xoay chiếc nhẫn bị vỡ trên ngón tay và hạ mắt xuống trước người đã làm anh nổi giận. Tuy nhiên, một hoặc hai lần một

năm anh vẫn quên mình và khi đó, tìm đến vợ, anh tự thú và một lần nữa hứa rằng đây là lần cuối cùng.

– Marie, chắc chắn là em khinh thường anh, – anh nói với cô : – anh đáng bị vậy.

– Anh hãy đi đi, đi đi mau, nếu anh cảm thấy mình không có sức để kìm nén, – nữ bá tước Marya buồn bã nói, cố gắng an ủi chồng.

Trong giới quý tộc của tỉnh, Nikolai được tôn trọng nhưng không được yêu mến. Những lợi ích của giới quý tộc không chiếm lĩnh anh. Và vì điều này, một số người coi anh là kiêu ngạo, những người khác coi là một kẻ ngốc. Cả mùa hè của anh, từ lúc gieo hạt mùa xuân đến lúc thu hoạch, đều trôi qua trong các công việc đồng áng. Vào mùa thu, anh với sự nghiêm túc tương tự như lúc làm việc đồng áng, lao vào cuộc đi săn, đi vắng khoảng một hoặc hai tháng để đi săn. Vào mùa đông, anh đi thăm các làng khác hoặc dành thời gian đọc sách. Việc đọc sách của anh chủ yếu là các cuốn sách lịch sử, những cuốn được đặt mua hàng năm với một số tiền đáng kể. Anh tự xây dựng cho mình, như anh nói, một thư viện nghiêm túc và đặt ra quy tắc là phải đọc hết tất cả những cuốn sách mà anh đã mua. Anh ngồi trong văn phòng của mình với việc đọc sách này một cách đáng kể, ban đầu như một nghĩa vụ, và

sau đó đã trở thành một thói quen mang lại cho anh một loại khoái cảm đặc biệt và nhận thức rằng anh đang bận rộn với một công việc nghiêm túc. Ngoại trừ những chuyến đi vì công việc, phần lớn thời gian mùa đông anh ở nhà, hòa mình vào gia đình và đi sâu vào những mối quan hệ nhỏ nhặt giữa mẹ và các con. Với vợ, anh ngày càng trở nên gần gũi hơn, mỗi ngày lại khám phá thêm trong cô những kho báu tâm hồn mới.

Sonya kể từ lúc Nikolai kết hôn đã sống trong nhà anh. Trước cuộc hôn nhân của mình, Nikolai, tự buộc tội mình và khen ngợi cô ấy, đã kể cho vợ nghe tất cả những gì đã có giữa anh và Sonya. Anh đã xin công chúa Marya hãy dịu dàng và tốt bụng với người em họ của mình. Nữ bá tước Marya cảm thấy hoàn toàn có lỗi với chồng mình ; cô cảm thấy có lỗi trước Sonya ; cô nghĩ rằng địa vị của cô ấy đã có ảnh hưởng đến sự lựa chọn của Nikolai, cô không thể trách móc Sonya bất cứ điều gì, cô muốn yêu mến cô ấy ; nhưng cô không những không yêu, mà thường tìm thấy trong tâm hồn mình những cảm xúc xấu xa đối với cô ấy và không thể vượt qua được chúng.

Một ngày nọ, cô trò chuyện với người bạn của mình là Natasha về Sonya và về sự bất công của mình đối với cô ấy.

– Cậu biết không, – Natasha nói : – cậu đã đọc kinh thánh rất nhiều ; ở đó có một đoạn nói thẳng về Sonya.

– Gì cơ ? – Nữ công tước Marya ngạc nhiên hỏi.

– «Kẻ nào đã có, thì sẽ được cho thêm ; còn kẻ nào không có, thì ngay cả cái đang có cũng sẽ bị lấy đi», cậu nhớ chứ ? Cô ấy – là kẻ không có ; tại sao ? mình không biết. Trong cô ấy không có, có lẽ, sự ích kỷ – mình không biết ; nhưng cô ấy sẽ bị lấy đi, và tất cả đã bị lấy đi rồi. Đôi khi mình thấy thương cô ấy vô cùng ; trước đây mình đã rất muốn Nicolas cưới cô ấy ; nhưng mình luôn như có điềm báo rằng điều đó sẽ không xảy ra. Cô ấy – là hoa héo ; cậu biết đấy, giống như trên cây dâu tây không ? Đôi khi mình thấy thương cô ấy, nhưng đôi khi mình nghĩ rằng cô ấy không cảm nhận được điều đó như chúng ta cảm nhận.

Và, mặc dù nữ công tước Marya giải thích với Natasha rằng những lời kinh thánh này cần phải được hiểu khác đi, nhưng nhìn vào Sonya, cô đồng ý với lời giải thích của Natasha. Thật vậy, dường như Sonya không hề phiền lòng về vị thế của mình và hoàn toàn cam chịu với số phận của một đóa hoa héo. Cô trân trọng, dường như, không phải con người, mà là cả gia đình. Cô, giống như một con mèo, gắn bó không phải với con người, mà là với ngôi nhà. Cô chăm sóc bà công tước già, vuốt ve

và chiều chuộng lũ trẻ, luôn sẵn lòng giúp đỡ những việc vặt mà cô có thể làm ; nhưng tất cả những điều đó được đón nhận một cách vô tình với sự biết ơn quá đỗi yếu ớt...

Trang dinh Bald Hills đã được xây dựng lại, nhưng không còn theo cái cách mà nó đã từng dưới thời cố công tước.

Những công trình được bắt đầu vào thời buổi khó khăn còn hơn cả đơn sơ. Ngôi nhà khổng lồ, trên nền đá cũ, được làm bằng gỗ, chỉ được trát vữa từ bên trong. Ngôi nhà rộng rãi, với những sàn nhà bằng ván không sơn, được trang bị những chiếc ghế sofa và ghế bành cứng nhắc đơn giản nhất, những chiếc bàn và ghế làm từ gỗ bạch dương của chính họ và là tác phẩm của những thợ mộc của chính họ. Ngôi nhà rất rộng rãi, với các phòng cho gia nhân và các gian cho khách. Họ hàng nhà Rostov và Bolkonsky đôi khi tụ tập đến nghỉ tại Bald Hills cả gia đình, với 16 con ngựa, với hàng chục gia nhân và ở lại hàng tháng trời. Ngoài ra, bốn lần một năm, vào ngày lễ bổn mạng và ngày sinh nhật của chủ nhà, có tới 100 vị khách tụ tập trong một hoặc hai ngày. Thời gian còn lại trong năm cuộc sống diễn ra theo nếp sinh hoạt đều đặn không thay đổi với những công việc

thường nhật, trà, bữa sáng, bữa trưa, bữa tối từ thực phẩm cây nhà lá vườn.

IX

Đó là đêm trước ngày lễ Thánh Nicholas mùa đông, ngày 5 tháng 12 năm 1820. Trong năm này, Natasha cùng các con và chồng đã ở nhà anh trai từ đầu mùa thu. Pierre đang ở Petersburg, nơi anh đã đi vì công việc riêng của mình, như anh nói, trong ba tuần, và nơi anh hiện đã ở lại tuần thứ bảy. Họ chờ đợi anh từng phút.

Vào ngày 5 tháng 12, ngoài gia đình Bezukhov, tại nhà Rostov còn có một người bạn cũ của Nikolai, tướng về hưu Vasily Fedorovich Denisov.

Vào ngày mùng 6, ngày lễ chính thức, khi các khách mời sẽ tụ tập, Nikolai biết rằng mình sẽ phải cởi bỏ chiếc áo chẽn, mặc vào chiếc áo đuôi tôm, đôi ủng mũi hẹp và đi đến nhà thờ mới xây, sau đó tiếp đón những lời chúc mừng và nói về các cuộc bầu cử quý tộc và mùa màng ; nhưng vào đêm trước ngày lễ, anh vẫn coi mình có quyền thực hiện các công việc thường nhật. Trước bữa trưa, Nikolai kiểm tra các tài khoản của quản lý từ làng Ryazan, theo điền trang của cháu trai vợ, viết hai lá thư về công việc và đi dạo qua sân đập lúa, chuồng gia súc và chuồng ngựa. Sau khi thực hiện các biện pháp chống lại tình trạng say xỉn tập thể dự kiến vào

ngày mai nhân dịp lễ hội của giáo xứ, anh trở về dùng bữa trưa và, chưa kịp nói chuyện riêng với vợ, đã ngồi vào chiếc bàn dài 20 chỗ, nơi tất cả người nhà đã tụ tập. Tại bàn có mẹ, bà lão Belova sống cùng bà, vợ, ba đứa con, cô quản gia, thầy giáo, cháu trai với thầy giáo của cậu ta, Sonya, Denisov, Natasha, ba đứa con của cô, cô quản gia của họ và ông lão Mikhail Ivanytch, kiến trúc sư của công tước, người đang sống an dưỡng tại Bald Hills.

Nữ công tước Marya ngồi ở đầu bàn đối diện. Ngay khi chồng vừa ngồi vào chỗ, qua cái cử chỉ anh cầm khăn ăn rồi nhanh tay đẩy chiếc cốc và ly rượu đứng trước mặt sang bên, nữ công tước Marya nhận ra rằng anh đang không vui, như thỉnh thoảng vẫn thế, đặc biệt là trước khi ăn súp và khi anh từ việc đồng áng về thẳng bàn ăn. Nữ công tước Marya biết rất rõ tâm trạng này của anh, và khi chính nàng cũng đang vui vẻ, nàng thường bình thản chờ cho đến khi anh ăn xong bát súp rồi mới bắt đầu trò chuyện, khiến anh phải thừa nhận rằng mình đã vô cớ bực bội. Nhưng hôm nay nàng hoàn toàn quên mất sự quan sát đó của mình; nàng cảm thấy đau lòng vì anh vô cớ giận mình, và nàng cảm thấy mình thật bất hạnh. Nàng hỏi anh đã đi đâu. Anh trả lời. Nàng lại hỏi liệu mọi việc đồng áng vẫn ổn thỏa cả chứ.

Anh cau mày một cách khó chịu trước cái giọng thiếu tự nhiên của nàng và vội vàng đáp lời.

«Vậy là mình không lầm», nữ công tước Marya nghĩ; «và tại sao anh ấy lại giận mình ?» Trong giọng điệu mà anh đáp lại cô, nữ công tước Marya nghe thấy sự thiếu thiện chí đối với mình và mong muốn chấm dứt cuộc trò chuyện. Cô cảm thấy rằng những lời của mình là không tự nhiên ; nhưng cô không thể kìm lòng để không hỏi thêm vài câu nữa.

Cuộc trò chuyện trong bữa trưa, nhờ Denisov, đã sớm trở nên chung và sôi nổi, và nữ công tước Marya không nói chuyện với chồng. Khi họ rời khỏi bàn và đến cảm ơn bà công tước già, nữ công tước Marya hôn chồng, chìa tay mình ra, và hỏi tại sao anh lại giận cô.

– Em luôn có những ý nghĩ kỳ quặc : anh thậm chí còn không nghĩ đến chuyện giận dữ, – anh nói.

Nhưng từ «luôn luôn» đã trả lời cho nữ công tước Marya rằng : «có, anh đang giận và không muốn nói ra».

Nikolai sống với vợ mình rất tốt, đến nỗi ngay cả Sonya và bà công tước già, những người vì ghen tuông mong muốn có sự bất hòa giữa họ, cũng không thể

tìm thấy lý do để chê trách ; nhưng giữa họ đôi khi có những phút giây thù nghịch. Đôi khi, chính sau những giai đoạn hạnh phúc nhất, đột nhiên họ lại có cảm giác xa lánh và thù nghịch ; cảm giác này thường xuất hiện nhất vào thời kỳ mang thai của nữ công tước Marya. Hiện giờ họ đang ở trong giai đoạn này.

– Hy, quý ông và quý bà, – Nikolai nói to và dường như vui vẻ (với nữ công tước Marya, dường như điều đó là cố ý để xúc phạm cô). – Tôi đã đứng trên đôi chân mình từ sáu giờ rồi. Ngày mai lại phải chịu đựng rồi, còn giờ thì phải đi nghỉ thôi.

Và, không nói thêm lời nào với nữ công tước Marya, anh đi vào phòng đi văng nhỏ và nằm xuống ghế sofa.

«Luôn luôn là như vậy», nữ công tước Marya nghĩ. «Anh ấy nói chuyện với tất cả mọi người, trừ tôi. Tôi thấy, tôi thấy rằng mình đáng ghét đối với anh ấy. Đặc biệt là trong tình trạng này». Cô nhìn vào cái bụng nhô cao của mình và vào gương nhìn khuôn mặt vàng vọt và gầy gò của mình với đôi mắt to hơn bao giờ hết.

Và mọi thứ bắt đầu trở nên khó chịu đối với cô : cả tiếng hét và tiếng cười của Denisov, và cuộc trò chuyện của Natasha, và đặc biệt là cái nhìn mà cô vô tình bắt gặp Sonya ném về phía mình.

Sonya luôn là cái cớ đầu tiên mà nữ công tước Marya chọn cho sự bực bội của mình.

Sau khi ngồi với khách một lát và không hiểu gì về những gì họ nói, cô lặng lẽ đi ra và đi vào phòng trẻ em.

Lũ trẻ đang cưỡi ghế đi Moscow và mời cô đi cùng. Cô ngồi xuống, chơi với chúng, nhưng ý nghĩ về chồng và về sự phiền muộn vô cớ của anh không ngừng hành hạ cô. Cô đứng dậy và đi, khó khăn bước đi bằng nhón chân, tiến vào phòng đi văng nhỏ.

«Có lẽ anh ấy không ngủ ; mình sẽ giải thích với anh ấy», cô tự nhủ. Andrusha, cậu con trai lớn, bắt chước cô, đi nhón chân theo sau cô. Nữ công tước Marya không nhận thấy cậu bé.

– Chère Marie, il dort, je crois ; il est si fatigué, – Sonya nói (như nữ công tước Marya thấy) ở khắp mọi nơi nơi cô gặp, trong phòng khách lớn. – Andrusha đừng đánh thức bố dậy nhé.

Nữ công tước Marya ngoảnh lại, nhìn thấy Andrusha sau lưng, cảm thấy Sonya đúng, và chính vì điều này mà cô bùng lên một cơn giận dữ và dường như khó lòng kìm lại được một lời cay nghiệt. Cô không nói gì, và để không không nghe theo cô ấy, cô ra dấu bằng tay

để Andrusha không làm ồn, nhưng cậu bé vẫn đi theo cô, và cô đi đến cửa. Sonya đi vào một cánh cửa khác. Từ căn phòng nơi Nikolai đang ngủ, nghe thấy hơi thở đều đặn, quen thuộc của chồng đến từng chi tiết nhỏ nhất. Khi nghe hơi thở này, cô hình dung trước mặt mình khuôn mặt nhẵn nhụi, đẹp đẽ với vầng trán, bộ ria mép, toàn bộ khuôn mặt mà cô thường nhìn thật lâu khi anh đang ngủ trong tĩnh lặng của đêm đen. Nikolai đột nhiên động đậy và khục khặc. Và cùng khoảnh khắc đó, Andrusha từ sau cửa hét lên : «Bố ơi, mẹ đang đứng đây này !» Nữ công tước Marya tái mặt đi vì sợ hãi và bắt đầu ra dấu cho con trai. Cậu bé im bặt, và trong một phút im lặng kinh khủng đối với nữ công tước Marya vẫn tiếp tục. Cô biết Nikolai không thích bị đánh thức như thế nào. Đột nhiên sau cửa nghe thấy tiếng khục khặc mới, tiếng động đậy, và giọng nói không hài lòng của Nikolai vang lên :

– Không một phút nào được yên thân. Marie, là em đấy à ? Tại sao em lại dẫn nó đến đây ?

– Em chỉ đến để xem thôi, em không thấy... xin lỗi anh...

Nikolai ho và im lặng. Nữ công tước Marya rời khỏi cửa và đưa con trai về phòng trẻ. Năm phút sau, cô bé Natasha mắt đen ba tuổi rưỡi, người con cưng của bố,

sau khi biết từ anh trai rằng bố đang ngủ còn mẹ đang ở trong phòng đi văng, đã chạy đến chỗ bố mà mẹ không nhận thấy. Cô bé mắt đen dạn dĩ kêu cửa cọt kẹt, đi đến bằng những bước chân mạnh mẽ của đôi chân bụ bẫm đến chỗ sofa và, sau khi xem xét tư thế của bố nằm quay lưng về phía mình, cô bé kiễng chân lên và hôn vào bàn tay đang nằm dưới đầu của bố. Nikolai quay lại với nụ cười cảm động trên khuôn mặt.

– Natasha, Natasha ! – nghe thấy tiếng thì thầm sợ hãi của nữ công tước Marya từ phía cửa. – Bố muốn ngủ.

– Không đâu, mẹ ơi, bố không muốn ngủ đâu, – bé Natasha trả lời với vẻ quả quyết. – Bố đang cười kìa.

Nikolai hạ chân xuống, đứng dậy và bế con gái lên tay.

– Vào đi, Masha, – anh nói với vợ.

Nữ công tước Marya bước vào phòng và ngồi xuống cạnh chồng.

– Em không thấy nó chạy theo sau em, – cô nói một cách rụt rè. – Em định thế.

Nikolai, một tay ôm con gái, nhìn vợ và, nhận thấy vẻ mặt hối lỗi của cô, anh dùng tay kia ôm lấy cô và hôn lên tóc cô.

– Anh có thể hôn mẹ không ? – anh hỏi Natasha.

Natasha mỉm cười e thẹn.

– Lại nữa ! – cô bé nói với một cử chỉ ra lệnh, chỉ vào chỗ Nikolai đã hôn vợ.

– Anh không biết tại sao em lại nghĩ rằng anh đang không vui, – Nikolai nói, trả lời câu hỏi mà anh biết đang ở trong tâm hồn vợ mình.

– Anh không thể tưởng tượng được em đôi khi thấy mình bất hạnh, cô đơn như thế nào, khi anh như vậy. Em thấy dường như tất cả...

– Marie, thôi nào, thật ngớ ngẩn. Em không thấy hổ thẹn sao, – anh nói một cách vui vẻ.

– Em thấy dường như anh không thể yêu em, vì em xấu xí... và luôn luôn... còn bây giờ... trong tình trạng này...

– Ôi, em thật là buồn cười ! Không phải vì đẹp mà yêu, mà vì yêu nên mới thấy đẹp. Người ta chỉ yêu Malvina và những người khác vì họ đẹp ; còn vợ thì anh yêu

sao? Anh không yêu, mà chỉ là, không biết nói với em thế nào nữa. Không có em và khi đôi khi có con mèo nào đó chạy qua, anh dường như biến mất và không thể làm gì được. Thế đấy, anh yêu ngón tay của mình sao ? Anh không yêu, nhưng hãy thử chặt nó đi mà xem.

– Không, em không phải vậy ; nhưng em hiểu. Vậy là anh không giận em chứ ?

– Anh giận dữ ghê gớm, – anh nói, mỉm cười, và đứng dậy, vuốt lại tóc, bắt đầu đi lại trong phòng.

– Em biết không, Marie, anh đang nghĩ gì không, – anh bắt đầu nói ngay khi sự hòa giải đã được thực hiện, lập tức bắt đầu suy nghĩ thành tiếng trước mặt vợ.

Anh không hỏi liệu cô có sẵn lòng nghe anh không: đối với anh điều đó cũng vậy thôi. Một ý nghĩ nảy ra trong đầu anh, nghĩa là – cũng là của cô. Và anh kể cho cô nghe về ý định thuyết phục Pierre ở lại với họ cho đến mùa xuân.

Nữ công tước Marya lắng nghe anh, đưa ra những nhận xét của mình và bắt đầu đến lượt mình suy nghĩ thành tiếng về những suy nghĩ của mình. Những suy nghĩ của cô là về lũ trẻ.

– Một người phụ nữ đã lộ rõ rồi, – cô nói bằng tiếng Pháp, chỉ vào bé Natasha. – Các anh, những người đàn ông, trách móc chúng tôi về sự thiếu logic. Đây chính là logic của chúng tôi. Tôi nói : bố muốn ngủ, còn nó nói: không đâu, bố đang cười. Và nó đúng, – nữ công tước Marya nói, mỉm cười hạnh phúc.

– Đúng, đúng !

Và Nikolai, bế con gái bằng bàn tay mạnh mẽ của mình, nhấc bổng cô bé lên, đặt lên vai, nắm lấy chân cô bé và bắt đầu đi lại trong phòng cùng cô bé. Trên khuôn mặt của bố và con gái đều có cùng một vẻ mặt hạnh phúc vô lo.

– Nhưng anh biết không, em có thể không công bằng. Anh yêu cô bé này quá mức, – nữ công tước Marya nói thầm bằng tiếng Pháp.

– Đúng, nhưng biết làm sao bây giờ ?.. Anh cố gắng không thể hiện...

Lúc này ở ngoài hành lang và phòng trước vang lên tiếng chuông và tiếng bước chân, giống như tiếng bước chân của những người mới đến.

– Có ai đó đến rồi.

– Anh chắc chắn đó là Pierre. Em sẽ đi tìm hiểu, – nữ công tước Marya nói và bước ra khỏi phòng.

Trong lúc cô vắng mặt, Nikolai cho phép mình phi nước đại cùng con gái quanh phòng. Thở hổn hển, anh nhanh chóng hạ cô bé đang cười rạng rỡ xuống và ôm chặt vào ngực. Những bước nhảy của anh gợi cho anh nhớ đến những điệu nhảy, và anh, nhìn vào khuôn mặt tròn xoe hạnh phúc của con bé, nghĩ về việc sau này cô bé sẽ như thế nào khi anh bắt đầu đưa cô bé đi ra mắt cùng với một ông già, và anh sẽ nhảy điệu mazurka với con gái mình giống như cố công tước, bố anh, đã từng nhảy với con gái mình là Danila Kupora.

– Chính anh ấy, anh ấy, Nicolas, – nữ công tước Marya nói sau vài phút, trở lại phòng. – Bây giờ Natasha của chúng ta đã hồi sinh rồi. Phải đi gặp anh ấy ngay thôi, vì anh ấy đã quá hạn rồi. Nào, chúng ta đi nhanh thôi, đi thôi ! Buông nhau ra cuối cùng đi chứ, – cô nói, mỉm cười nhìn cô con gái đang bám chặt lấy bố.

Nikolai bước ra, dắt tay con gái. Nữ công tước Marya ở lại trong phòng đi văng.

«Không bao giờ, không bao giờ mình tin được», cô thầm nghĩ, «rằng mình có thể hạnh phúc như thế này». Khuôn mặt cô rạng rỡ một nụ cười ; nhưng cùng lúc đó

cô thở dài, và một nỗi buồn tĩnh lặng hiện rõ trong ánh mắt sâu thẳm của cô. Như thể, ngoài sự hạnh phúc mà cô đang trải nghiệm, còn có một sự hạnh phúc khác, không thể đạt tới trong cuộc đời này, mà cô vô tình nhớ lại vào giây phút này.

X

Natasha đã kết hôn vào đầu mùa xuân năm 1813, và vào năm 1820 cô đã có ba con gái và một con trai, người mà cô hằng mong muốn và hiện cô đang tự mình nuôi nấng. Cô đã trở nên đẫy đà và to ngang, đến nỗi khó có thể nhận ra trong người mẹ mạnh mẽ này một Natasha mảnh mai, hoạt bát trước đây. Những đường nét trên khuôn mặt cô trở nên rõ ràng và có vẻ mặt dịu dàng, tĩnh lặng và sáng sủa. Trong khuôn mặt cô không còn như trước đây, ngọn lửa của sự sống luôn rực cháy, vốn tạo nên vẻ quyến rũ của cô. Giờ đây thường chỉ thấy khuôn mặt và thân thể cô, còn tâm hồn thì hoàn toàn không thấy đâu. Thấy được chỉ là một người mẹ mạnh mẽ, đẹp đẽ và mắn con. Rất hiếm khi ngọn lửa cũ bùng cháy trong cô. Điều đó chỉ xảy ra khi, như bây giờ, người chồng trở về, khi một đứa trẻ bình phục hoặc khi cô cùng với nữ công tước Marya nhớ về công tước Andrei (với chồng mình, cô không bao giờ nói về anh, giả định rằng anh ghen tuông với ký ức về công tước Andrei), và rất hiếm khi, khi có điều gì đó tình cờ lôi cuốn cô vào ca hát, điều mà cô hoàn toàn từ bỏ sau khi lấy chồng. Và trong những khoảnh khắc hiếm hoi đó, khi ngọn lửa cũ bùng cháy trong cơ thể

phát triển đẹp đẽ của cô, cô thậm chí còn hấp dẫn hơn trước đây.

Từ khi kết hôn, Natasha sống với chồng ở Moscow, ở Petersburg và ở một ngôi làng gần Moscow với mẹ, tức là ở nhà Nikolai. Trong xã hội, nữ công tước Bezukhova trẻ tuổi ít được thấy, và những người thấy cô đều không hài lòng với cô. Cô không hề dễ mến hay đáng yêu. Natasha không phải là người yêu thích sự cô độc (cô không biết, liệu cô có thích hay không, cô thậm chí còn cảm thấy không thích), mà cô, mang thai, sinh con và nuôi con và tham gia vào từng khoảnh khắc cuộc sống của chồng, không thể thỏa mãn những nhu cầu này theo cách nào khác ngoài việc từ bỏ thế giới bên ngoài. Tất cả những ai biết Natasha trước khi kết hôn đều ngạc nhiên trước sự thay đổi xảy ra ở cô, như thể là một điều gì đó phi thường. Chỉ có một bà công tước già, bằng bản năng làm mẹ của mình đã hiểu rằng tất cả những thôi thúc của Natasha chỉ bắt đầu từ nhu cầu có gia đình, có chồng, – như cô ấy hét lên, không phải đùa đâu, mà là hét lên thật sự, ở Otradnoye, – người mẹ đã ngạc nhiên trước sự ngạc nhiên của mọi người, những người không hiểu Natasha, và lặp lại rằng cô ấy luôn biết rằng Natasha sẽ là một người vợ và người mẹ gương mẫu.

– Cô ấy chỉ đưa tình yêu dành cho chồng và con cái đến mức cực đoan, – bà công tước nói, – đến mức điều đó thật ngớ ngẩn.

Natasha không theo quy tắc vàng đó, được rao giảng bởi những người thông minh, đặc biệt là người Pháp, và bao gồm việc một cô gái khi lấy chồng không nên bỏ bê bản thân, không nên từ bỏ tài năng của mình, phải chăm sóc ngoại hình hơn cả khi còn là con gái, phải lôi cuốn chồng mình cũng như cô ấy đã lôi cuốn người không phải là chồng mình. Natasha, ngược lại, ngay lập tức từ bỏ tất cả những sức quyến rũ của mình, trong đó có một cái vô cùng mạnh mẽ – ca hát. Cô đã từ bỏ nó chính vì nó là một sức quyến rũ mạnh mẽ. Natasha không quan tâm đến phong thái của mình, hay sự tế nhị trong lời nói, hay việc thể hiện bản thân trước chồng trong những tư thế có lợi nhất, hay về trang phục của mình, hay về việc không làm phiền chồng bằng sự đòi hỏi của mình. Cô làm tất cả những điều trái ngược với những quy tắc này. Cô cảm thấy rằng những sức quyến rũ đó, mà bản năng đã dạy cô sử dụng trước đây, giờ đây sẽ chỉ là lố bịch trong mắt chồng mình, người mà cô đã hiến dâng cả tâm hồn ngay từ phút đầu tiên, tức là không để lại một góc nào không mở ra cho anh ấy. Cô cảm thấy rằng sợi dây liên kết giữa cô với chồng không được duy trì bởi những tình cảm thơ mộng vốn đã thu hút anh ấy đến

với cô, mà được duy trì bởi một điều gì đó khác, không xác định, nhưng vững chắc, giống như sợi dây liên kết giữa tâm hồn cô với thân thể mình.

Đánh lọn tóc, mặc váy đẹp và hát những bản lãng mạn để thu hút chồng mình, đối với cô dường như cũng kỳ quặc như việc trang điểm cho bản thân để hài lòng chính mình. Trang điểm cho mình để làm hài lòng người khác, có lẽ, có thể là vậy, cô không biết, – nhưng hoàn toàn không có thời gian. Nguyên nhân chính khiến cô không tham gia vào ca hát, hay trang điểm, hay suy nghĩ về lời nói của mình, là vì cô hoàn toàn không có thời gian để làm việc đó.

Đã biết rằng, một người có khả năng chìm đắm hoàn toàn vào một chủ đề, dù chủ đề đó có vẻ tầm thường đến đâu đối với người khác. Và đã biết rằng không có chủ đề nào tầm thường đến thế mà không thể mở rộng ra vô tận khi có sự chú ý tập trung.

Chủ đề mà Natasha chìm đắm hoàn toàn là gia đình, tức là chồng, người cần phải được giữ gìn sao cho anh ấy thuộc về cô, ngôi nhà, và con cái, những người cần phải được cưu mang, sinh ra, nuôi nấng và dạy dỗ.

Và nàng càng đào sâu vào vấn đề đang chiếm trọn tâm trí mình – không phải bằng lý trí, mà bằng cả tâm

hồn, bằng toàn bộ con người mình – thì vấn đề ấy lại càng lớn dần lên dưới sự chú tâm của nàng, và sức lực của nàng lại càng có vẻ yếu ớt và nhỏ bé bấy nhiêu; đến nỗi nàng dồn tất cả sức lực vào cùng một việc đó mà vẫn không thể làm xuể mọi thứ mà nàng cho là cần thiết.

Những cuộc đàm tiếu và lý luận về quyền phụ nữ, về quan hệ vợ chồng, về tự do và quyền lợi của họ, mặc dù khi đó chưa được gọi là câu hỏi, nhưng lúc đó cũng chính xác như vậy ; nhưng những câu hỏi này không những không quan tâm đến Natasha, mà cô hoàn toàn không hiểu chúng.

Những câu hỏi này cả khi đó và bây giờ, chỉ tồn tại cho những người thấy trong hôn nhân chỉ có một sự thỏa mãn mà vợ chồng nhận được từ nhau, tức là chỉ có sự bắt đầu của hôn nhân, chứ không phải toàn bộ ý nghĩa của nó, nằm ở gia đình.

Những lý luận này và những câu hỏi hiện nay, tương tự như những câu hỏi về việc bằng cách nào có thể nhận được càng nhiều sự thỏa mãn từ bữa trưa nhất, khi đó và bây giờ, không tồn tại cho những người mà mục đích của bữa trưa là dinh dưỡng, và mục đích của hôn nhân – gia đình.

Nếu mục đích của bữa trưa – là dinh dưỡng cho thân thể, thì người ăn liền một lúc hai bữa trưa, có lẽ, sẽ đạt được sự thỏa mãn lớn hơn, nhưng sẽ không đạt được mục đích, vì cả hai bữa trưa sẽ không được dạ dày tiêu hóa.

Nếu mục đích của hôn nhân là gia đình, thì người muốn có nhiều vợ và chồng, có lẽ, sẽ nhận được nhiều sự thỏa mãn, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào cũng sẽ không có gia đình.

Toàn bộ câu hỏi, nếu mục đích của bữa trưa là dinh dưỡng, và mục đích của hôn nhân – gia đình, chỉ được giải quyết bằng cách làm sao để không ăn nhiều hơn mức dạ dày có thể tiêu hóa, và không có nhiều vợ và chồng hơn mức cần thiết cho gia đình, tức là một người. Natasha cần một người chồng. Chồng đã được ban cho cô. Và người chồng đã cho cô một gia đình. Và trong một người chồng tốt nhất khác, cô không chỉ không thấy cần thiết, mà, vì tất cả sức mạnh tâm hồn của cô đều hướng vào việc phục vụ người chồng này và gia đình này, cô không thể hình dung và không thấy bất kỳ hứng thú nào trong việc hình dung điều gì sẽ xảy ra nếu có điều gì đó khác.

Natasha không thích xã hội nói chung, nhưng cô càng trân trọng xã hội của những người thân – nữ công

tước Marya, anh trai, mẹ và Sonya. Cô trân trọng xã hội của những người mà cô, đầu tóc bù xù, trong chiếc áo choàng, có thể bước ra với những bước chân dài từ phòng trẻ, với khuôn mặt rạng rỡ, và cho xem chiếc tã lót với vết bẩn màu vàng thay vì màu xanh và nghe những lời an ủi về việc bây giờ em bé đã khá hơn nhiều rồi.

Natasha buông thả bản thân đến mức trang phục của cô, kiểu tóc của cô, những lời nói không đúng lúc của cô, sự ghen tuông của cô – cô ghen tuông với Sonya, với cô quản gia, với bất kỳ người phụ nữ đẹp và không đẹp nào – đều là chủ đề thường xuyên cho những lời trêu chọc của tất cả những người thân của cô. Ý kiến chung là Pierre đang nằm dưới gót giày của vợ mình, và thực tế là như vậy. Ngay từ những ngày đầu tiên của cuộc hôn nhân, Natasha đã tuyên bố những yêu cầu của mình. Pierre đã rất ngạc nhiên trước cái nhìn hoàn toàn mới mẻ này đối với anh về vợ mình, vốn bao gồm việc mỗi phút giây cuộc đời anh đều thuộc về cô và gia đình; Pierre ngạc nhiên trước những yêu cầu của vợ mình, nhưng anh đã cảm thấy tự hào và vâng lời họ.

Sự phục tùng của Pierre nằm ở việc anh không dám không chỉ chăm sóc, mà còn không dám mỉm cười nói chuyện với người phụ nữ khác, không dám đi câu lạc

bộ ăn tối, chỉ vậy thôi, để dành thời gian, không dám tiêu tiền cho những ý thích bất chợt, không dám đi vắng trong thời gian dài, ngoại trừ vì công việc, mà trong số đó vợ anh bao gồm cả việc anh nghiên cứu khoa học, điều mà cô không hiểu gì, nhưng cô gán cho nó tầm quan trọng lớn lao. Đổi lại điều này, Pierre có toàn quyền sắp đặt bản thân trong nhà không chỉ mình anh, như anh mong muốn, mà còn cả toàn bộ gia đình. Natasha ở nhà đặt mình vào tư thế người nô lệ của chồng ; và cả ngôi nhà đi bằng nhón chân khi Pierre đang làm việc – đọc hoặc viết trong văn phòng của mình. Pierre chỉ cần thể hiện một sở thích nào đó, để cái mà anh yêu thích được thực hiện liên tục. Anh chỉ cần bày tỏ mong muốn, là Natasha bật dậy và chạy đi thực hiện nó.

Cả ngôi nhà chỉ được dẫn dắt bởi những mệnh lệnh giả định của người chồng, tức là bởi những mong muốn của Pierre, mà Natasha cố gắng đoán biết. Lối sống, địa điểm sinh sống, các mối quan hệ, công việc của Natasha, việc giáo dục con cái – không chỉ tất cả đều diễn ra theo ý chí biểu lộ của Pierre, mà Natasha còn cố gắng đoán biết cái gì có thể nảy sinh từ những ý nghĩ của Pierre được bày tỏ trong các cuộc trò chuyện. Và cô đã đoán biết một cách chính xác điều gì tạo nên bản chất những mong muốn của Pierre, và, một khi đã đoán được, cô đã giữ vững lập trường một khi đã chọn. Khi

chính Pierre muốn thay đổi mong muốn của mình, cô đã đấu tranh chống lại anh bằng chính vũ khí của anh.

Vì vậy, trong khoảng thời gian khó khăn, mãi mãi khắc sâu trong trí nhớ Pierre, sau khi sinh đứa con đầu lòng yếu ớt, khi họ phải thay đổi ba bà vú nuôi và Natasha ngã bệnh vì tuyệt vọng, Pierre một lần đã nói với cô những ý nghĩ của Rousseau, mà anh hoàn toàn đồng ý, về sự không tự nhiên và có hại của các bà vú nuôi. Với đứa con tiếp theo, mặc dù có sự phản đối của người mẹ, các bác sĩ và chính người chồng, những người đã đứng lên chống lại việc cô tự cho con bú, coi đó là một điều chưa từng nghe thấy và có hại, cô đã kiên quyết làm theo ý mình và từ đó trở đi cô tự mình nuôi nấng tất cả các con.

Rất thường xuyên, trong những phút bực bội, chuyện xảy ra là người chồng tranh cãi với vợ, nhưng hồi lâu sau đó, sau cuộc tranh cãi, Pierre, trước sự vui mừng và ngạc nhiên của mình, đã tìm thấy không chỉ trong lời nói mà cả trong hành động của vợ chính cái ý nghĩ mà cô đã tranh cãi chống lại. Và không chỉ anh tìm thấy cùng một ý nghĩ đó, mà anh còn thấy nó đã được gạn lọc khỏi tất cả những gì thừa thãi, do sự phấn khích và tranh cãi gây ra trong cách diễn đạt ý nghĩ của Pierre.

Sau bảy năm chung sống, Pierre cảm thấy một sự nhận thức hân hoan, vững chắc rằng anh không phải là một người tồi tệ, và anh cảm thấy như vậy bởi vì anh thấy mình được phản chiếu trong vợ mình. Trong bản thân mình, anh cảm thấy mọi thứ tốt đẹp và tồi tệ trộn lẫn và làm mờ nhạt lẫn nhau. Nhưng ở vợ anh, chỉ có những gì thực sự tốt đẹp mới được phản chiếu ; tất cả những gì không hoàn toàn tốt đẹp đều bị gạt bỏ. Và sự phản chiếu này không xảy ra bằng con đường tư duy logic, mà bằng một sự phản chiếu trực tiếp, bí ẩn khác.

XI

Hai tháng trước, Pierre, khi đang là khách của nhà Rostov, nhận được một lá thư từ công tước Fyodor, mời anh đến Petersburg để thảo luận về những vấn đề quan trọng đang chiếm lĩnh tâm trí các thành viên của một hội mà Pierre là một trong những người sáng lập chính.

Đọc xong lá thư này, Natasha, vì cô đọc tất cả các thư của chồng, mặc dù việc chồng vắng mặt đối với cô là rất nặng nề, nhưng chính cô đã đề nghị anh đi Petersburg. Tất cả những gì thuộc về trí tuệ, trừu tượng trong công việc của chồng, cô đều cho rằng nó có tầm quan trọng vô cùng to lớn mặc dù không hiểu hết, và cô luôn lo sợ mình sẽ là vật cản trong hoạt động đó của chồng. Trước cái nhìn dò hỏi rụt rè của Pierre sau khi đọc thư, cô trả lời bằng một lời đề nghị rằng anh nên đi, nhưng chỉ yêu cầu anh xác định chính xác thời gian quay về. Và kỳ nghỉ đã được ấn định là bốn tuần.

Từ thời điểm đó, khi thời hạn nghỉ của Pierre đã hết cách đây hai tuần, Natasha rơi vào trạng thái sợ hãi, buồn bã và bực bội không dứt.

Denisov, một vị tướng đã nghỉ hưu không hài lòng với tình trạng hiện tại, người đã đến trong hai tuần cuối này, với sự ngạc nhiên và buồn bã, đã nhìn Natasha như nhìn vào một bức chân dung không giống của một người từng được yêu quý. Cái nhìn ủ rũ, chán nản, những câu trả lời và câu chuyện không đúng lúc về nhà trẻ – đó là tất cả những gì ông thấy và nghe từ nàng tiên trước đây.

Natasha suốt thời gian đó buồn bã và bực bội, đặc biệt là khi mẹ, anh trai, Sonya hay nữ công tước Marya cố gắng bào chữa cho Pierre và nghĩ ra những lý do cho sự chậm trễ của anh.

– Tất cả là những điều ngu ngốc, tất cả là những chuyện vặt vãnh, – Natasha nói, – tất cả những suy nghĩ của anh ấy chẳng dẫn đến đâu, và tất cả những hội ngớ ngẩn này, – cô nói về chính những công việc mà cô từng tin tưởng vào tầm quan trọng vĩ đại của chúng.

And cô đi vào nhà trẻ để cho đứa con trai duy nhất là Petya bú. Không ai có thể nói với cô điều gì xoa dịu, hợp lý như sinh vật nhỏ bé ba tháng tuổi này, khi nó nằm trên ngực cô và cô cảm nhận được chuyển động của miệng và tiếng phì phò của cái mũi nhỏ. Sinh vật này như nói rằng : «Mẹ đang giận, mẹ đang ghen, mẹ muốn trả thù anh ấy, mẹ sợ hãi, nhưng con đây. Con đây

mà...» Và không cần phải trả lời gì cả. Điều đó còn hơn cả sự thật.

Natasha trong hai tuần lo lắng này đã thường xuyên chạy đến bên đứa trẻ để tìm sự bình yên, đã chăm sóc nó quá mức đến nỗi cô cho nó bú quá nhiều và nó bị ốm. Cô kinh hãi trước căn bệnh của nó, nhưng đồng thời cô cũng cần chính điều đó. Chăm sóc nó, cô dễ dàng chịu đựng sự lo lắng về chồng hơn.

Cô đang cho con bú thì nghe tiếng xe ngựa của Pierre đến dưới cổng, và vú nuôi, người biết cách làm bà chủ vui mừng, đã không báo trước mà bước vào cửa với khuôn mặt rạng rỡ.

– Đã về rồi sao ? – Natasha hỏi với giọng thì thầm nhanh chóng, sợ cử động làm thức giấc đứa trẻ đang ngủ.

– Đã về rồi, thưa bà, – vú nuôi thì thầm.

Máu dồn lên mặt Natasha, và chân cô vô thức cử động; nhưng không thể nhảy lên và chạy đi được. Đứa trẻ lại mở mắt, nhìn lên. «Mẹ ở đây à», nó như thể nói vậy và lại lười biếng mút môi.

Khẽ khàng rút bầu vú ra, Natasha đung đưa nó, đưa cho vú nuôi và bước nhanh ra cửa. Nhưng ở cửa cô

dừng lại, như thể cảm thấy lương tâm cắn rứt vì đã quá vui mừng mà rời bỏ đứa trẻ quá sớm, và cô ngoảnh lại nhìn. Vú nuôi, khuỷu tay nâng cao, đang chuyển đứa trẻ vào cũi.

– Thôi bà cứ đi đi, bà đi đi, thưa bà, bà cứ yên tâm mà đi, – vú nuôi mỉm cười thì thầm với sự thân mật vốn có giữa vú nuôi và bà chủ.

Và Natasha bước những bước nhẹ nhàng chạy ra phòng trước.

Denisov với chiếc tẩu thuốc, bước ra phòng khách từ phòng làm việc, lần đầu tiên nhận ra Natasha. Ánh sáng rực rỡ, lấp lánh, vui sướng tỏa ra thành dòng từ khuôn mặt đã biến đổi của cô.

– Đã về rồi ! – cô nói với ông khi đang chạy, và Denisov cảm thấy mình cũng nồng nhiệt theo vì Pierre đã về, người mà ông vốn không mấy yêu mến.

Chạy vào phòng trước, Natasha nhìn thấy một dáng người cao lớn trong chiếc áo lông, đang quấn khăn quàng cổ. «Anh ấy ! Anh ấy ! Đúng là anh ấy rồi», cô tự nói với mình, và lao tới anh, ôm chầm lấy, ép vào mình, đầu áp vào ngực, và sau đó, lùi lại, nhìn vào khuôn

mặt đầy sương tuyết, đỏ hồng và hạnh phúc của Pierre. «Phải, đúng là anh ấy ; hạnh phúc, mãn nguyện...»

Và đột nhiên cô nhớ lại tất cả những nỗi đau của sự chờ đợi mà cô đã trải qua trong hai tuần qua : niềm vui trên khuôn mặt cô biến mất ; cô cau mày, và một dòng những lời trách móc và những lời cay nghiệt trút xuống Pierre.

– Phải, anh thì tốt rồi, anh rất vui, anh đã vui chơi... Còn tôi thì sao ? Giá như anh thương các con một chút. Tôi đang cho con bú, sữa của tôi bị hỏng... Petya đã suýt chết. Còn anh thì rất vui. Phải, anh vui lắm...

Pierre biết rằng mình không có lỗi, bởi vì anh không thể về sớm hơn ; anh biết rằng sự bùng nổ này là không đúng mực, và anh biết rằng chỉ trong hai phút nữa điều này sẽ qua đi ; anh biết, quan trọng nhất, là chính anh đang thấy rất vui và hân hoan. Anh muốn mỉm cười, nhưng không dám nghĩ đến điều đó. Anh làm ra một khuôn mặt tội nghiệp, sợ hãi và cúi đầu.

– Tôi không thể, thề có Chúa. Nhưng Petya sao rồi ?

– Bây giờ không sao rồi, đi thôi. Anh không thấy xấu hổ sao. Giá mà anh thấy được tôi đã ra sao khi không có anh, tôi đã đau khổ thế nào...

– Cô khỏe chứ ?

– Đi thôi, đi thôi, – cô nói, không buông tay anh. Và họ đi vào phòng của mình.

Khi Nikolai và vợ đến tìm Pierre, anh đang ở trong nhà trẻ và giữ trên lòng bàn tay phải khổng lồ của mình đứa con trai đang bú thức giấc và đang nựng nó. Trên khuôn mặt rộng của nó, với cái miệng không răng mở rộng, hiện lên một nụ cười vui vẻ. Cơn bão đã tan từ lâu, và ánh mặt trời rực rỡ, rạng rỡ hiện rõ trên khuôn mặt Natasha, người đang nhìn chồng và con với vẻ âu yếm.

– Và mọi chuyện đã được thảo luận xong với công tước Fyodor chứ ? – Natasha hỏi.

– Có, tuyệt vời.

– Anh xem, nó biết giữ đầu rồi, – Natasha nhận xét. – Ôi, nó làm em sợ quá... Thế anh có thấy nữ công tước không ? Có thật là cô ấy đang yêu cái ông đó không...

– Có, em có thể tưởng tượng được không...

Lúc này Nikolai bước vào cùng nữ công tước Marya. Pierre, không buông đứa con khỏi tay, cúi xuống hôn họ và trả lời các câu hỏi. Nhưng rõ ràng, mặc dù có

nhiều điều thú vị cần phải bàn bạc, đứa trẻ trong chiếc mũ nhỏ, với cái đầu đang lắc lư, đã chiếm trọn sự chú ý của Pierre.

– Thật đáng yêu ! – nữ công tước Marya nói khi nhìn đứa trẻ và chơi với nó. – Đây là điều em không hiểu, Nicolas, – cô quay sang chồng, – làm sao anh không hiểu được vẻ đẹp của những điều kỳ diệu tuyệt vời này.

– Anh không hiểu, anh không thể, – Nikolai nói với cái nhìn lạnh lùng nhìn đứa trẻ. – Một miếng thịt. Đi thôi, Pierre.

– Kìa, quan trọng nhất là anh ấy là một người cha dịu dàng như vậy, – nữ công tước Marya nói để bào chữa cho chồng : – nhưng chỉ khi con đã một tuổi hoặc đại loại thế...

– Không, Pierre nuôi chúng rất giỏi, – Natasha nói ; – anh ấy nói rằng tay anh ấy được tạo ra chính là để vừa vặn với cái mông của đứa trẻ. Nhìn này.

– Này, nhưng không phải chỉ vì điều đó đâu, – đột nhiên Pierre cười nói, chộp lấy đứa trẻ và đưa nó cho vú nuôi.

XII

Cũng như trong mỗi gia đình thực thụ, trong ngôi nhà ở Lysye Gory có sự chung sống của vài thế giới hoàn toàn khác nhau, mỗi thế giới giữ vững nét đặc thù của mình và nhường nhịn lẫn nhau, hòa quyện thành một tổng thể hài hòa. Mỗi sự kiện xảy ra trong ngôi nhà đều mang tính vui vẻ hoặc buồn bã, quan trọng đối với tất cả các thế giới này ; nhưng mỗi thế giới đều có những lý do riêng, độc lập với những thế giới khác, để vui mừng hay buồn phiền về bất kỳ sự kiện nào.

Vì vậy, việc Pierre đến là một sự kiện vui vẻ, quan trọng, và nó phản ánh lên tất cả mọi người.

Những người hầu – những vị thẩm phán trung thành nhất của các ông chủ, bởi vì họ phán xét không dựa trên những cuộc trò chuyện và biểu lộ cảm xúc, mà dựa trên hành động và cách sống – đều vui mừng trước sự trở về của Pierre, bởi vì họ biết rằng khi có anh, vị công tước sẽ ngừng đi kiểm tra công việc quản gia hàng ngày, và sẽ vui vẻ, tử tế hơn, và hơn nữa, bởi vì mọi người sẽ nhận được những món quà phong phú cho ngày lễ.

Lũ trẻ và các cô gia sư vui mừng trước sự trở về của Bezukhov, bởi vì không ai lôi cuốn họ vào đời sống

chung như Pierre. Chỉ mình anh biết chơi bản écossaise đó trên đàn clavichord (bản nhạc duy nhất của anh), mà dưới tiếng nhạc đó có thể nhảy múa, như anh nói, tất cả các điệu nhảy có thể, và anh chắc chắn đã mang quà về cho mọi người.

Nikolenka, giờ đã là một cậu bé 15 tuổi gầy gò, với mái tóc vàng xoăn và đôi mắt tuyệt đẹp, ốm yếu, thông minh, vui mừng vì chú Pierre, như cậu gọi anh, là đối tượng của sự ngưỡng mộ và tình yêu cuồng nhiệt của cậu. Không ai truyền cho Nikolenka tình yêu đặc biệt đối với Pierre, và cậu chỉ thỉnh thoảng mới thấy anh. Mẹ nuôi của cậu, nữ công tước Marya, đã dùng mọi nỗ lực để khiến Nikolenka yêu chồng mình như cô đã yêu ông ; và Nikolenka yêu chú mình, nhưng yêu với một sắc thái khinh miệt mơ hồ. Pierre thì cậu tôn thờ. Cậu không muốn trở thành một khinh kỵ binh, hay một hiệp sĩ thánh George như chú Nikolai ; cậu muốn trở thành một nhà bác học, thông minh và tốt bụng như Pierre. Khi có mặt Pierre, trên khuôn mặt cậu luôn có một sự rạng rỡ tỏa sáng, và cậu đỏ mặt và hụt hơi khi Pierre bắt chuyện với cậu. Cậu không bỏ lỡ một lời nào Pierre nói, và sau đó cùng với Dessalles và chính mình cậu nhớ lại và suy ngẫm về ý nghĩa từng lời nói của Pierre. Cuộc đời trôi qua của Pierre, những bất hạnh của anh cho đến năm 12 (mà cậu đã tạo ra cho mình một hình ảnh

mơ hồ, đầy chất thơ từ những lời nghe được), những chuyến phiêu lưu của anh ở Moscow, sự cầm tù, Platon Karataev (người mà cậu đã nghe kể từ Pierre), tình yêu của anh đối với Natasha (người mà cậu bé cũng yêu với một tình yêu đặc biệt), và quan trọng nhất, tình bạn của anh với cha cậu, người mà Nikolenka không nhớ rõ – tất cả những điều đó khiến Pierre trở thành một anh hùng và một thánh vật đối với cậu.

Từ những lời nói đứt quãng về cha mình và Natasha ; từ sự xúc động mà Pierre nói về người quá cố ; từ sự dịu dàng thận trọng, đầy tôn kính mà Natasha nói về ông, cậu bé, chỉ vừa mới bắt đầu đoán về tình yêu, đã tự tạo ra cho mình một khái niệm rằng cha cậu đã yêu Natasha và đã trăn trối cô ấy khi lâm chung cho người bạn của mình. Người cha này, người mà cậu bé không nhớ rõ, hiện lên trong tâm trí cậu như một vị thần, người mà cậu không thể hình dung nổi và mỗi khi nghĩ về người đó, trái tim cậu lại thắt lại và lệ rơi vì buồn bã và phấn khích. Và cậu bé đã hạnh phúc sau khi Pierre đến.

Các vị khách vui mừng vì Pierre, như một con người luôn làm sống động và gắn kết bất kỳ cộng đồng nào.

Những người lớn trong nhà, không kể người vợ, đều vui mừng vì một người bạn, người làm cho cuộc sống trở nên dễ dàng và bình yên hơn.

Các bà lão vui mừng vì những món quà anh mang về, và quan trọng nhất là vì Natasha sẽ lại trở nên hoạt bát.

Pierre cảm nhận được những quan điểm khác nhau này của các thế giới khác nhau về mình và vội vàng mang đến cho mỗi người điều họ mong đợi.

Pierre, người đãng trí nhất, hay quên nhất, giờ đây theo danh sách do vợ lập ra, đã mua tất cả mọi thứ, không quên bất kỳ ủy thác nào của mẹ và anh trai, hay quà tặng váy cho Belova, hay đồ chơi cho các cháu. Ban đầu anh thấy yêu cầu này của vợ thật kỳ lạ – phải thực hiện và không được quên bất cứ thứ gì cô bảo mua – và anh đã rất hối hận vì trong chuyến đi đầu tiên anh đã quên sạch mọi thứ. Nhưng sau đó anh đã quen với điều này. Biết rằng Natasha không giao phó điều gì cho mình, mà chỉ giao cho người khác khi chính anh tình nguyện, giờ đây anh tìm thấy một niềm vui trẻ thơ bất ngờ trong những lần mua quà cho cả nhà và không bao giờ quên bất cứ ai. Nếu anh đáng bị Natasha trách móc, thì chỉ là vì anh đã mua những thứ thừa thãi và quá đắt tiền. Trước tất cả những khuyết điểm của anh, theo ý kiến của số đông (sự cẩu thả, sự luộm thuộm), hay những phẩm chất theo ý kiến của Pierre, Natasha đã thêm vào một khuyết điểm nữa : sự keo kiệt.

Từ chính thời điểm đó, khi Pierre bắt đầu sống trong một ngôi nhà lớn, một gia đình đòi hỏi những khoản chi tiêu lớn, trước sự ngạc nhiên của mình, anh nhận thấy rằng mình tiêu xài ít hơn trước gấp đôi, và các công việc tài chính rối ren thời gian qua, đặc biệt là do những khoản nợ của người vợ đầu, đã bắt đầu được cải thiện.

Sống rẻ hơn bởi vì cuộc sống gắn liền với sự xa hoa đắt đỏ nhất, bao gồm cả loại lối sống mà bất cứ lúc nào cũng có thể thay đổi nó, Pierre đã không còn nữa, và anh cũng không muốn có nó nữa. Anh cảm thấy rằng lối sống của mình giờ đây đã được định đoạt một lần cho mãi mãi cho đến khi chết, rằng thay đổi nó không nằm trong quyền hạn của anh, và do đó, lối sống này rẻ hơn.

Pierre với khuôn mặt vui vẻ, mỉm cười đang kiểm tra các món đồ đã mua của mình.

– Thế nào ! – anh nói, khi mở ra một mảnh vải như một người bán hàng.

Natasha, giữ đứa con gái lớn trên đầu gối và nhanh chóng đưa đôi mắt rạng rỡ từ chồng sang thứ anh đang khoe, ngồi đối diện anh.

– Cái này cho Belova à ? Tuyệt lắm. (Cô sờ thử chất lượng.) Cái này một rúp một thước, đúng không ?

Pierre nêu giá.

– Đắt quá, – Natasha nói. – Ôi, các con sẽ vui lắm đây và mẹ nữa. Chỉ có điều anh mua cho em cái này thật vô ích, – cô nói thêm, không thể kìm được nụ cười, ngắm nhìn chiếc lược đồi mồi đính ngọc trai, thứ mà hồi đó mới bắt đầu trở thành mốt.

– Adele đã làm em lung lạc : cứ bảo mua đi, mua đi, – Pierre nói.

– Đến bao giờ em mới được đeo nó đây ? – Natasha cài nó vào bím tóc. – Cái này để đưa Mashenka đi chơi ; có lẽ lúc đó người ta lại đeo nó. Thôi, đi nào.

Và, cầm lấy những món quà, họ đi trước tiên vào nhà trẻ, sau đó đến chỗ nữ công tước.

Nữ công tước theo thói quen đang ngồi với Belova bên bàn chơi bài solitaire, khi Pierre và Natasha với những gói đồ dưới nách bước vào phòng khách.

Nữ công tước đã ngoài 60 tuổi. Bà đã bạc trắng và đội một chiếc mũ nhỏ bao quanh khuôn mặt bằng những nếp gấp xếp li. Khuôn mặt bà nhăn nheo, môi trên đã biến mất, và đôi mắt mờ đục.

Sau những cái chết liên tiếp nhanh chóng của con trai và chồng, bà cảm thấy mình là một sinh vật bị lãng quên tình cờ trên thế giới này, không có mục đích và ý nghĩa. Bà ăn, uống, ngủ, thức, nhưng bà không sống. Cuộc đời không mang lại cho bà bất kỳ ấn tượng nào. Bà không cần gì từ cuộc sống ngoài sự yên tĩnh, và sự yên tĩnh này bà chỉ có thể tìm thấy trong cái chết. Nhưng cái chết vẫn chưa đến, bà vẫn phải sống, tức là phải sử dụng các năng lực sống của mình. Ở bà, ở mức độ cao nhất, người ta nhận thấy điều mà người ta nhận thấy ở những đứa trẻ rất nhỏ và những người rất già. Trong cuộc sống của bà không thấy bất kỳ mục đích bên ngoài nào, mà rõ ràng chỉ có nhu cầu rèn luyện các khuynh hướng và khả năng khác nhau của mình. Bà cần phải ăn, ngủ, suy nghĩ, trò chuyện, khóc, làm việc, giận dữ, v.v., chỉ bởi vì bà có dạ dày, có não, có cơ bắp, dây thần kinh và gan. Tất cả những điều đó bà làm, không phải do bất kỳ động lực bên ngoài nào gây ra, không giống như cách mọi người làm trong thời kỳ sung sức của cuộc đời, khi đằng sau mục tiêu mà họ hướng tới, một mục tiêu khác không nhận thấy là việc áp dụng các lực lượng của họ. Bà chỉ nói bởi vì bà cần phải làm việc một chút về thể chất bằng phổi, bằng lưỡi. Bà khóc như một đứa trẻ, bởi vì bà cần phải xì mũi, v.v. Những gì đối

với những người đang ở độ tuổi sung sức được coi là mục tiêu, đối với bà, rõ ràng, chỉ là một cái cớ.

Vì vậy buổi sáng, đặc biệt nếu đêm trước bà đã ăn món gì đó béo, bà nảy sinh nhu cầu giận dữ, và khi đó bà chọn cái cớ gần nhất – sự điếc của Belova.

Bà bắt đầu nói gì đó nhỏ nhẹ với Belova từ phía đầu kia của căn phòng.

– Hôm nay, có vẻ như, trời ấm hơn, em yêu ạ, – bà nói thì thầm.

Và khi Belova trả lời : «Vâng, họ đã đến rồi», bà liền lầm bầm giận dữ : «Chúa ơi, sao mà điếc và ngốc thế !»

Một cái cớ khác là thuốc hít, thứ mà bà thấy lúc thì quá khô, lúc thì quá ẩm, lúc thì tán chưa kỹ. Sau những cơn bực bội này, mật tràn ra mặt bà, và những người hầu gái của bà biết qua những dấu hiệu chắc chắn khi nào Belova sẽ lại điếc và thuốc hít sẽ lại khô, và khi nào mặt bà sẽ vàng. Bà cần phải làm việc bằng mật, nên bà cần phải làm việc đó bằng các phương tiện còn lại – tư duy, và một cái cớ cho điều đó là trò solitaire. Khi bà cần phải khóc, thì đối tượng là người công tước quá cố. Khi bà cần lo lắng, thì cái cớ là Nikolai và sức khỏe của ông. Khi bà cần nói lời châm chọc, thì cái cớ là nữ công

tước Marya. Khi bà cần phải vận dụng cơ quan phát âm – điều này thường xảy ra vào khoảng 7 giờ, sau khi nghỉ ngơi tiêu hóa trong phòng tối – thì cái cớ là những câu chuyện về quá khứ và về cùng một số người và cùng những câu chuyện đó cho cùng những người nghe.

Trạng thái này của bà lão được mọi người trong nhà thấu hiểu, mặc dù không ai nói về điều đó, và tất cả đều sử dụng mọi nỗ lực để thỏa mãn các nhu cầu này của bà. Chỉ qua cái nhìn hiếm hoi, buồn bã và một nụ cười nửa miệng buồn bã, trao nhau giữa Nikolai, Pierre, Natasha và nữ công tước Marya, đôi khi sự thấu hiểu lẫn nhau về tình cảnh của bà mới được biểu lộ.

Nhưng những cái nhìn này, ngoài ra, còn nói lên điều khác nữa. Họ nói về bà rằng bà đã làm xong công việc của mình trong cuộc đời ; rằng bà không hoàn toàn thuộc về những gì đang thấy ở bà bây giờ ; rằng tất cả chúng ta cũng sẽ trở nên như vậy, và rằng thật vui sướng khi nhường nhịn bà, kìm nén bản thân vì sinh vật từng đắt giá, từng đầy đủ như chúng ta, giờ đây là một sinh vật đáng thương. «Memento mori», những cái nhìn này nói như vậy.

Chỉ có những người hoàn toàn xấu xa và ngốc nghếch cùng những đứa trẻ nhỏ trong số các thành viên trong nhà là không hiểu điều này và xa lánh bà.

XIII

Khi Pierre và vợ bước vào phòng khách, bà nữ công tước đang ở trạng thái quen thuộc là cần được bận rộn tâm trí bằng trò chơi solitaire, và do đó, mặc dù theo thói quen bà đã nói những lời luôn được nói khi Pierre hoặc con trai trở về : «Đã đến lúc rồi, đã đến lúc rồi, con yêu ; chúng ta đã mong đợi mãi. Thôi, ơn Chúa», và khi nhận quà bà lại nói những lời quen thuộc khác : «Quà không quý bằng tấm lòng, bạn ạ. Cảm ơn vì đã tặng quà cho bà già này...» – rõ ràng là sự xuất hiện của Pierre khiến bà không hài lòng vào lúc này, bởi vì nó làm bà xao nhãng khỏi trò solitaire chưa xong. Bà kết thúc trò chơi và lúc đó mới bắt đầu nhận quà. Những món quà gồm một chiếc hộp đựng bài bằng lụa thêu tinh xảo, một chiếc tách sứ Sèvres màu xanh rực rỡ có nắp và hình các cô gái chăn cừu, và một chiếc hộp hít bằng vàng có chân dung của công tước mà Pierre đã đặt thợ vẽ tiểu họa ở Petersburg. (Nữ công tước từ lâu đã mong muốn điều đó.) Bà chưa muốn khóc ngay lúc này, và do đó bà thản nhiên nhìn vào bức chân dung và bận rộn hơn với cái hộp đựng bài.

– Cảm ơn con, bạn của bà ; con đã an ủi bà, – bà nói, như bà vẫn thường nói. – Nhưng tốt nhất là con đã tự

mình về. À, điều này thật chẳng giống ai cả ; lẽ ra con nên mắng vợ mình chứ. Cái gì thế này ? Như một người điên khi không có con. Chẳng nhìn thấy gì, chẳng nhớ gì, – bà nói những lời quen thuộc. – Nhìn này, Anna Timofeevna, – bà nói thêm, – con trai đã mang đến cho chúng ta chiếc hộp đựng bài thế này đây.

Belova khen ngợi các món quà và ngưỡng mộ thêu thùa của mình.

Mặc dù Pierre, Natasha, Nikolai, nữ công tước Marya và Denisov có nhiều điều cần thảo luận mà không thể nói trước mặt nữ công tước, không phải vì có điều gì cần giấu bà, mà bởi vì bà đã tụt hậu quá xa so với nhiều thứ, nên nếu bắt đầu nói về điều gì trước mặt bà, sẽ phải trả lời các câu hỏi của bà, đôi khi không đúng lúc, và lặp lại nhiều lần cho bà : kể rằng người này đã chết, người kia đã cưới, điều mà bà không thể nhớ lại ngay được – nhưng theo thói quen, họ vẫn ngồi uống trà trong phòng khách cạnh chiếc samovar, và Pierre trả lời các câu hỏi của nữ công tước, những câu hỏi hoàn toàn vô ích đối với bà và chẳng ai quan tâm, về việc công tước Vasiliy đã già đi ra sao và nữ công tước Marya Alekseevna đã gửi lời chào và yêu cầu phải nhớ, v.v.

Cuộc trò chuyện như vậy, không thú vị đối với ai nhưng lại cần thiết, kéo dài suốt thời gian uống trà.

Quanh chiếc bàn tròn bên chiếc samovar, nơi Sonya đang ngồi pha trà, tất cả các thành viên lớn tuổi của gia đình tụ họp. Trẻ em, các thầy giáo và cô gia sư đã uống trà xong và tiếng nói của họ vọng lại từ phòng divan bên cạnh. Khi uống trà, mọi người ngồi ở những chỗ quen thuộc : Nikolai ngồi bên lò sưởi cạnh chiếc bàn nhỏ nơi anh được phục vụ trà. Bà lão, với khuôn mặt hoàn toàn bạc trắng, từ đó đôi mắt đen lớn rạng ngời nổi bật hơn, con chó săn Milka, con gái của con Milka đầu tiên, nằm trên ghế bành bên cạnh bà. Denisov với mái tóc đã bạc một nửa, ria mép và tóc mai xoăn tít, trong chiếc áo khoác tướng quân phanh ngực, ngồi cạnh nữ công tước Marya. Pierre ngồi giữa vợ và bà nữ công tước già. Anh kể lại những gì anh biết – những gì có thể khiến bà cụ quan tâm và được bà thấu hiểu. Anh nói về những sự kiện xã hội bên ngoài và về những người cùng thời với bà công tước, những người từng là một vòng tròn năng động, sống động của những người cùng trang lứa với bà, nhưng giờ đây hầu hết đã tản mát khắp nơi trên thế giới, cũng giống như bà, đang sống nốt những ngày tháng của mình, thu nhặt những hạt thóc còn sót lại của những gì họ đã gieo trong cuộc sống. Nhưng đối với bà cụ, những người cùng thời này dường như là một thế giới thực sự và duy nhất nghiêm túc. Nhờ sự hào hứng của Pierre, Natasha thấy rằng chuyến đi của

anh rất thú vị, rằng anh có nhiều điều muốn kể, nhưng anh không dám nói trước mặt nữ công tước. Denisov, mặc dù không phải là thành viên trong gia đình, nên không hiểu sự thận trọng này của Pierre, ngoài ra, vì là người bất mãn, nên rất quan tâm đến những gì đang diễn ra ở Petersburg, và không ngừng thúc giục Pierre kể về chuyện vừa xảy ra ở trung đoàn Semenovsky, về Arakcheev, về hội Kinh thánh. Pierre đôi khi bị cuốn đi và bắt đầu kể, nhưng Nikolai và Natasha mỗi lần đều kéo anh trở lại với sức khỏe của công tước Ivan và nữ công tước Marya Antonovna.

– Thôi, sao rồi, tất cả những chuyện điên rồ này, và Gosner cùng Tatarinova, – Denisov hỏi, – chẳng lẽ mọi chuyện vẫn tiếp tục sao ?

– Tiếp tục sao ? – Pierre kêu lên. – Còn mạnh hơn bao giờ hết. Hội Kinh thánh – giờ đây chính là chính phủ !

– Cái gì thế, mon cher ami ? – bà nữ công tước hỏi, sau khi uống trà xong và rõ ràng muốn tìm một cái cớ để giận dữ sau khi ăn. – Con đang nói gì thế – chính phủ? Bà không hiểu điều đó.

– Vâng, mẹ biết đấy, mẹ, – Nikolai can thiệp, người biết cách dịch sang ngôn ngữ của mẹ, – đó là công tước

A. N. Golitsyn đã lập ra một hội ; vì vậy ông ấy hiện đang có quyền lực rất lớn, người ta nói vậy.

– Arakcheev và Golitsyn, – Pierre lỡ lời nói, – giờ đây họ là toàn bộ chính phủ. Và loại chính phủ gì chứ! Trong mọi thứ đều thấy âm mưu, mọi thứ đều sợ hãi.

– Thế thì sao, công tước Alexander Nikolaevich có lỗi gì cơ chứ ? Ông ấy là một người rất đáng kính. Tôi đã gặp ông ấy hồi đó ở nhà Marya Antonovna, – nữ bá tước nói với vẻ tự ái và, khi thấy mọi người im lặng, bà nói tiếp : – Ngày nay mọi thứ bắt đầu bị phán xét. Hội truyền giáo, có gì xấu đâu chứ ? – và bà đứng dậy (mọi người cũng đứng dậy theo) và với vẻ nghiêm nghị bà lướt về phía bàn của mình trong phòng khách.

Giữa sự im lặng buồn bã vừa được thiết lập, từ căn phòng bên cạnh vang lên tiếng cười và giọng nói của trẻ con. Rõ ràng, giữa lũ trẻ đang có một sự náo nức vui sướng nào đó.

– Xong rồi, xong rồi ! – tiếng reo hò vui sướng của bé Natasha vang lên từ phía sau mọi người.

Pierre liếc nhìn nữ bá tước Marya và Nikolai (Natasha thì anh luôn nhìn thấy) và mỉm cười hạnh phúc.

– Kìa, bản nhạc thật tuyệt diệu ! – anh nói.

– Đó là Anna Makarovna vừa đan xong chiếc tất, – nữ bá tước Marya nói.

– Ồ, tôi phải đi xem mới được, – Pierre vừa nói vừa nhảy dựng lên. – Bà biết không, – anh nói và dừng lại ở cửa, – tại sao tôi đặc biệt yêu thích bản nhạc này – chính họ là những người đầu tiên cho tôi biết rằng mọi thứ đều ổn. Hôm nay tôi đang đi : càng gần đến nhà, càng thấy sợ hãi. Vừa bước vào tiền sảnh, nghe thấy tiếng Andryusha reo hò, nghĩa là mọi thứ đều ổn...

– Tôi biết, tôi biết cảm giác đó, – Nikolai xác nhận. – Tôi thì không được đi, vì đôi tất là điều bất ngờ dành cho tôi.

Pierre đi vào phòng lũ trẻ, và tiếng cười cùng tiếng reo hò càng tăng lên dữ dội hơn.

– Nào, Anna Makarovna, – nghe thấy giọng của Pierre, – ra giữa đây và theo lệnh : một, hai, và – khi tôi nói ba. Bà – đứng vào đây ; bế bà lên tay. Nào, một, hai... – giọng Pierre nói ; sự im lặng bao trùm. – Ba !

Và một tiếng rên rỉ đầy phấn khích của giọng trẻ thơ vang lên trong phòng. «Hai, hai !» lũ trẻ hét lên.

Đó là hai chiếc tất, mà theo một bí mật chỉ mình bà biết, Anna Makarovna đã đan đồng thời trên các cây

kim và bà luôn trịnh trọng rút chiếc này ra khỏi chiếc kia trước mặt lũ trẻ khi chiếc tất đã được đan xong.

XIV

Chẳng bao lâu sau đó, lũ trẻ đến chào tạm biệt. Lũ trẻ hôn tất cả mọi người, các gia sư và gia sư nữ cúi chào rồi đi ra. Chỉ còn lại một mình Dessalles với cậu học trò của mình. Gia sư thì thầm mời cậu học trò đi xuống dưới.

– Non, m-r Dessalles, je demanderai à thưa dì de rester, – Nikolenka Bolkonsky cũng thì thầm trả lời.

– Thưa cô, xin cho phép con ở lại, – Nikolenka nói khi tiến lại gần cô mình.

Gương mặt cậu biểu lộ sự khẩn cầu, xúc động và phấn khích. Nữ bá tước Marya nhìn cậu và quay sang Pierre.

– Khi anh ở đây, nó không thể dứt ra được, – bà nói với anh.

– Tôi sẽ đưa cậu bé về cho ông ngay bây giờ, ông Dessalles ạ ; chào ông, – Pierre nói, đưa tay cho người gia sư, và mỉm cười, quay sang Nikolenka : – Chú cháu mình hoàn toàn chưa được gặp nhau. Marya, nó giống ai làm sao, – anh thêm vào, quay sang nữ bá tước Marya.

– Giống cha ạ ? – cậu bé nói, đỏ mặt bừng bừng và nhìn Pierre từ dưới lên với đôi mắt ngưỡng mộ, long lanh.

Pierre gật đầu với cậu và tiếp tục câu chuyện bị lũ trẻ làm gián đoạn. Nữ bá tước Marya đang thêu trên khung ; Natasha, không rời mắt, nhìn chồng. Nikolai và Denisov đứng dậy, đòi tẩu thuốc, hút thuốc, lấy trà từ chỗ Sonya, người đang ngồi buồn rầu và kiên trì bên chiếc ấm trà, và hỏi chuyện Pierre. Cậu bé tóc xoăn, ốm yếu, với đôi mắt long lanh, ngồi không ai để ý trong góc, và chỉ xoay cái đầu tóc xoăn trên chiếc cổ gầy guộc vươn ra khỏi chiếc cổ áo giả, hướng về phía Pierre, thi thoảng rùng mình và thì thầm điều gì đó với chính mình, rõ ràng là đang trải qua một cảm giác mới mẻ và mãnh liệt nào đó.

Cuộc trò chuyện xoay quanh tin đồn thời thượng về bộ máy chính quyền cấp cao, trong đó đa số mọi người thường thấy lợi ích quan trọng nhất của chính trị nội bộ. Denisov, người bất mãn với chính phủ vì những thất bại trong công việc của mình, vui mừng đón nhận tất cả những điều ngu ngốc, mà theo ý ông, đang diễn ra ở Petersburg, và đưa ra những nhận xét của mình về lời nói của Pierre bằng những lời lẽ mạnh mẽ và sắc bén.

– Trước kia phải là người Đức, bây giờ phải khiêu vũ với Tatarinova và m-me Krüdener, đọc... Eckartshausen và những người khác. Ôi ! Giá mà thả lại chàng trai Bonaparte của chúng ta ra. Ông ấy sẽ đánh gãy hết mọi sự vớ vẩn này. Nào, việc cho một người lính Shvarts trung đoàn Semenovsky thì giống cái gì chứ ? – ông hét lên.

Nikolai, mặc dù không có mong muốn tìm thấy mọi thứ đều tồi tệ như Denisov, cũng coi việc phán xét chính phủ là một việc rất xứng đáng và quan trọng, và nghĩ rằng, việc A. được bổ nhiệm làm bộ trưởng cái này, còn B. làm toàn quyền cái kia, và việc hoàng đế nói cái này, còn bộ trưởng nói cái kia, – rằng tất cả những việc này là rất quan trọng. Và ông thấy cần phải quan tâm đến điều này và hỏi chuyện Pierre. Vì những câu hỏi của hai người bạn chuyện trò này, cuộc trò chuyện không vượt ra khỏi tính chất thông thường của những tin đồn trong các tầng lớp chính quyền cấp cao.

Nhưng Natasha, người biết rõ mọi thói quen và ý nghĩ của chồng mình, thấy rằng Pierre từ lâu đã muốn và không thể dẫn cuộc trò chuyện sang một hướng khác và bày tỏ ý nghĩ tâm huyết của mình, cái chính yếu mà vì nó ông đã đi Petersburg để bàn bạc với người bạn mới của mình là công tước Fedor, và cô đã giúp ông

bằng một câu hỏi : công việc của anh với công tước Fedor thế nào rồi ?

– Về chuyện gì thế ? – Nikolai hỏi.

– Vẫn về chuyện đó và về chuyện đó thôi, – Pierre nói, nhìn quanh mình. – Mọi người đều thấy rằng công việc đang tiến triển rất tồi tệ, rằng không thể để mặc như vậy được, và nghĩa vụ của tất cả những người lương thiện là phải chống lại theo khả năng của mình.

– Thế thì những người lương thiện có thể làm gì ? – Nikolai nói, hơi cau mày, – có thể làm gì được chứ ?

– À đây là cái gì...

– Chúng ta vào phòng làm việc thôi, – Nikolai nói.

Natasha, người từ lâu đã đoán được rằng mình sẽ được gọi đi cho con bú, nghe thấy tiếng gọi của vú em và đi vào phòng trẻ em. Nữ bá tước Marya đi cùng cô. Các quý ông đi vào phòng làm việc, và Nikolenka Bolkonsky, không bị chú ý bởi các ông chú, cũng đi vào đó và ngồi trong bóng tối, bên cửa sổ, gần bàn viết.

– Nào, thế cậu định làm gì ? – Denisov nói.

– Toàn là ảo tưởng thôi, – Nikolai nói.

– Đây này, – Pierre bắt đầu, không ngồi xuống mà vừa đi lại trong phòng, lúc dừng lại, vừa nói ngọng nghịu và thực hiện những cử chỉ nhanh nhẹn bằng tay trong khi nói. – Đây này. Tình hình ở Petersburg là thế này : hoàng đế không can thiệp vào bất cứ việc gì. Ông ấy hoàn toàn sa đà vào chủ nghĩa huyền bí này (Pierre không tha thứ cho chủ nghĩa huyền bí của bất cứ ai lúc này). Ông ấy chỉ tìm kiếm sự yên tĩnh, và sự yên tĩnh chỉ có thể được ban cho ông bởi những kẻ không đức tin không luật lệ, những kẻ chém giết và bóp nghẹt mọi thứ một cách thẳng tay : Magnitsky, Arakcheev và tất cả đồng bọn... Cậu đồng ý chứ, rằng nếu cậu không tự mình chăm lo việc kinh doanh, mà chỉ muốn sự yên tĩnh, thì cai quản của cậu càng tàn bạo bao nhiêu, cậu càng sớm đạt được mục đích bấy nhiêu ? – ông quay sang Nikolai.

– Nào, cậu nói cái đó để làm gì ! – Nikolai nói.

– Nào, và mọi thứ đều đang sụp đổ. Trong các tòa án là sự trộm cắp, trong quân đội chỉ có cây gậy : kỷ luật sắt, các đồn điền quân sự, – dân chúng bị hành hạ ; giáo dục bị bóp nghẹt. Những gì trẻ trung, lương thiện, thì bị hủy hoại ! Mọi người đều thấy rằng điều này không thể tiếp diễn như vậy được. Mọi thứ đều quá căng thẳng và chắc chắn sẽ vỡ tung, – Pierre nói (như những người

từ thuở đó, khi chính phủ tồn tại, sau khi nhìn thấu vào hành động của bất kỳ chính phủ nào, vẫn luôn nói). – Tôi đã nói với họ ở Petersburg duy nhất một điều.

– Cho ai ? – Denisov hỏi.

– Nào, các ông biết cho ai rồi đấy, – Pierre nói, nhìn từ dưới chân mày một cách đầy ý nghĩa : – cho công tước Fedor và cho tất cả bọn họ. Cạnh tranh trong giáo dục và làm từ thiện – tất cả những điều đó đều tốt, tất nhiên rồi. Mục tiêu thật tuyệt vời và tất cả ; nhưng trong hoàn cảnh hiện tại cần một thứ khác.

Lúc này Nikolai nhận thấy sự hiện diện của đứa cháu trai. Gương mặt ông trở nên u ám ; ông tiến lại gần cậu.

– Tại sao cháu ở đây ?

– Tại sao ? Để mặc nó, – Pierre nói, nắm lấy tay Nikolai và tiếp tục : – Thế vẫn còn ít, tôi nói với họ : bây giờ cần một thứ khác. Khi các ông đứng và chờ đợi cho sợi dây căng thẳng này sắp sửa đứt tung ; khi mọi người đều chờ đợi một cuộc đảo chính tất yếu, thì cần phải nắm tay nhau chặt chẽ hơn và nhiều người hơn để chống lại thảm họa chung. Mọi thứ trẻ trung, mạnh mẽ đều bị thu hút vào đó và bị tha hóa. Người thì bị phụ nữ quyến rũ, người thì bởi danh vọng, người thứ ba bởi sự

phù phiếm, tiền bạc, và họ chuyển sang phe đó. Những người độc lập, tự do, như cậu và tôi, thì không còn lại bao nhiêu. Tôi nói : hãy mở rộng vòng kết nối của hội : khẩu lệnh hãy để không chỉ là đức hạnh, mà là sự độc lập và hoạt động.

Nikolai, bỏ mặc đứa cháu, giận dữ đẩy chiếc ghế bành, ngồi vào đó và, nghe Pierre nói, khẽ ho một cách không hài lòng và ngày càng cau mày hơn.

– Nhưng mục đích của hoạt động đó là gì ? – ông kêu lên. – Và cậu sẽ có quan hệ thế nào với chính phủ ?

– Đây là loại quan hệ nào ! Quan hệ của những người giúp việc. Hội có thể không bí mật, nếu chính phủ cho phép. Nó không chỉ không thù địch với chính phủ, mà đây là hội của những người bảo thủ thực sự. Hội của những quý ông theo đúng nghĩa của từ này. Chúng ta chỉ ở đó để cho Pugachev không đến giết con tôi và con cậu và để Arakcheev không đày tôi đến đồn điền quân sự, – chúng ta chỉ vì điều này mà nắm tay nhau, với mục tiêu duy nhất là vì lợi ích chung và an ninh chung.

– Đúng ; nhưng một hội bí mật, do đó, là thù địch và có hại, chỉ có thể nảy sinh điều ác.

– Tại sao chứ ? Phải chăng Tugendbund, hội đã cứu châu Âu (lúc đó người ta vẫn chưa dám nghĩ rằng Nga đã cứu châu Âu), đã tạo ra điều gì có hại ? Tugendbund – đó là liên minh của đức hạnh ; đó là tình yêu, sự giúp đỡ lẫn nhau ; đó là những gì đã được rao giảng trên cây thập tự của Chúa Kitô...

Natasha, bước vào phòng giữa cuộc trò chuyện, nhìn chồng một cách vui sướng. Cô không vui vì những gì anh nói. Điều đó thậm chí không làm cô quan tâm, vì cô thấy rằng tất cả những điều này vô cùng đơn giản và cô đã biết tất cả từ lâu rồi (cô thấy như vậy là vì cô biết tất cả những gì từ đó mà ra – toàn bộ tâm hồn của Pierre) ; nhưng cô vui sướng khi nhìn vào hình dáng sống động, đầy nhiệt huyết của anh.

Càng vui sướng và đầy ngưỡng mộ hơn, cậu bé bị mọi người lãng quên với chiếc cổ gầy vươn ra khỏi chiếc cổ áo bẻ nhìn vào Pierre. Mỗi lời nói của Pierre đều đốt cháy trái tim cậu, và bằng một cử động lo lắng, cậu bẻ các ngón tay mình, mà chính cậu cũng không nhận ra, bẻ vụn những miếng sáp niêm phong và những chiếc bút lông rơi vào tay cậu trên bàn của chú mình.

– Hoàn toàn không phải như em nghĩ ; mà đây là cái gì, Tugendbund của Đức là thế nào và cái mà anh đề xuất là thế nào.

– Nào, anh bạn, cái đó dành cho những người bán xúc xích – Tugendbund ấy, còn tôi thì không hiểu cái đó, thậm chí còn không phát âm được, – giọng Denisov vang lên to, kiên quyết. – Mọi thứ đều tồi tệ và bẩn thỉu, tôi đồng ý ; chỉ có điều cái Tugendbund của cậu tôi không hiểu ; mà tôi cũng không thích nó – đó là nổi loạn ; chỉ có thế thôi. Je suis vot'e homme !

Pierre mỉm cười, Natasha bật cười, nhưng Nikolai càng cau mày hơn và bắt đầu chứng minh cho Pierre thấy rằng không có cuộc đảo chính nào được dự báo và rằng tất cả mối nguy hiểm mà anh nói chỉ nằm trong trí tưởng tượng của anh. Pierre chứng minh điều ngược lại, và vì khả năng trí tuệ của anh mạnh mẽ và linh hoạt hơn, Nikolai cảm thấy mình bị dồn vào ngõ cụt. Điều này làm ông càng tức giận hơn, vì trong thâm tâm ông không phải dựa trên suy luận, mà dựa trên một điều gì đó mạnh mẽ hơn suy luận, ông biết sự đúng đắn không thể nghi ngờ trong ý kiến của mình.

– Tôi sẽ nói cho cậu nghe điều này, – ông nói, đứng dậy và với những cử động lo lắng, ông nhìn chằm chằm vào góc tẩu thuốc và cuối cùng vứt nó đi. – Tôi không thể chứng minh cho cậu thấy. Cậu nói rằng ở nước ta mọi thứ đều tồi tệ và sẽ có một cuộc đảo chính ; tôi không thấy điều đó ; nhưng cậu nói rằng lời thề là một

điều kiện ước định, và về điều này tôi nói với cậu : cậu là người bạn tốt nhất của tôi, cậu biết điều đó ; nhưng nếu cậu lập một hội bí mật, nếu cậu bắt đầu chống lại chính phủ, bất kể nó là gì, tôi biết rằng nhiệm vụ của tôi là phải tuân phục nó. Và nếu Arakcheev lệnh cho tôi mang một đội quân đánh các cậu và chém giết – tôi sẽ không suy nghĩ lấy một giây và sẽ đi. Còn bây giờ hãy phán xét thế nào tùy cậu.

Sau những lời này, một sự im lặng khó xử xảy ra. Natasha là người đầu tiên lên tiếng, bảo vệ chồng và tấn công anh trai. Sự bảo vệ của cô yếu ớt và vụng về, nhưng mục tiêu của cô đã đạt được. Cuộc trò chuyện lại bắt đầu và không còn ở giọng điệu thù địch khó chịu, trong đó những lời cuối cùng của Nikolai đã được nói ra.

Khi mọi người đứng dậy đi ăn tối, Nikolenka Bolkonsky tiến lại gần Pierre, tái nhợt, với đôi mắt sáng rực, lung linh.

– Chú Pierre... chú... không... Nếu cha cháu còn sống... ông ấy có đồng ý với chú không ? – cậu hỏi.

Pierre chợt hiểu ra một cảm giác đặc biệt, độc lập, phức tạp và mạnh mẽ về tình cảm và ý nghĩ đang diễn ra trong cậu bé này trong suốt cuộc trò chuyện, và nhớ

lại tất cả những gì mình đã nói, anh thấy ái ngại khi nghĩ rằng cậu bé đã nghe thấy điều đó. Tuy nhiên, anh phải trả lời cậu.

– Chú nghĩ là có, – anh nói một cách miễn cưỡng và đi ra khỏi phòng làm việc.

Cậu bé cúi đầu xuống và lúc đó lần đầu tiên cậu dường như nhận thấy những gì mình đã gây ra trên bàn. Cậu đỏ bừng mặt và tiến lại gần Nikolai.

– Chú ơi, xin lỗi cháu, đây là cháu làm... vô tình ạ, – cậu nói, chỉ vào những miếng sáp niêm phong và bút lông bị gãy.

Nikolai giận dữ giật mình.

– Được rồi, được rồi, – ông nói, ném những miếng sáp và bút xuống dưới gầm bàn.

Và, rõ ràng là rất khó khăn để kìm nén cơn giận đang trỗi dậy trong mình, ông quay mặt đi khỏi cậu.

– Đáng lẽ cháu không nên ở đây chút nào, – ông nói.

XV

Trong bữa tối, cuộc trò chuyện không còn bàn về chính trị và các hội nhóm nữa mà ngược lại, một cuộc trò chuyện dễ chịu nhất đối với Nikolai đã nảy sinh – về những kỷ niệm của năm 12, mà Denisov đã gợi lại và Pierre thì đặc biệt hiền lành và thú vị trong đó. Và những người thân thiết đã giải tán trong những mối quan hệ thân hữu nhất.

Khi sau bữa tối Nikolai, sau khi thay quần áo trong phòng làm việc và đưa ra những chỉ thị cho người quản gia đang đợi sẵn, đi về phòng ngủ trong chiếc áo choàng, ông thấy vợ mình vẫn đang ngồi ở bàn viết : bà đang viết gì đó.

– Em đang viết gì thế, Mary ? – Nikolai hỏi.

Nữ bá tước Marya đỏ mặt. Bà lo sợ rằng những gì bà viết sẽ không được chồng hiểu và chấp nhận.

Bà muốn giấu ông những gì bà đã viết, nhưng đồng thời bà cũng vui vì ông đã bắt gặp bà và bà phải nói cho ông biết.

– Đó là nhật ký, Nicolas, – bà nói, đưa cho ông một cuốn sổ nhỏ màu xanh, được viết bằng nét chữ cứng cáp, to rõ.

– Nhật ký ?.. – với một chút sắc thái châm biếm, Nikolai nói và cầm lấy cuốn sổ.

Nó được viết bằng tiếng Pháp :

«Ngày 4 tháng 12. Hôm nay Andryusha (con trai cả), sau khi thức dậy, không muốn mặc quần áo, và m-lle Louise đã sai người đến gọi tôi. Nó bướng bỉnh và cứng đầu. Tôi đã thử đe dọa, nhưng nó chỉ càng giận dữ hơn. Thế là tôi đã nhận trách nhiệm về mình, để mặc nó và bắt đầu cùng vú em bế những đứa trẻ khác, còn nó tôi nói rằng tôi không yêu nó. Nó im lặng một hồi lâu, như thể đang ngạc nhiên ; rồi chạy bổ ra chỗ tôi chỉ với chiếc áo sơ mi và khóc nức nở đến nỗi tôi không thể dỗ dành nó được một lúc lâu. Rõ ràng là nó đã khổ sở hơn bất kỳ ai bởi điều đó, rằng nó đã làm tôi buồn ; rồi, khi buổi tối tôi đưa cho nó một chiếc vé, nó lại khóc nức nở một cách đau đớn, hôn tôi. Với nó, mọi thứ đều có thể làm bằng sự dịu dàng».

– Chiếc vé đó là gì ? – Nikolai hỏi.

– Em đã bắt đầu đưa cho các con lớn vào buổi tối những mẩu giấy ghi lại cách chúng cư xử.

Nikolai nhìn vào đôi mắt sáng rực đang nhìn mình, và tiếp tục lật và đọc. Trong nhật ký ghi lại tất cả mọi thứ từ cuộc sống của trẻ thơ, những điều đối với người mẹ dường như đáng chú ý, thể hiện tính cách của trẻ thơ hoặc dẫn đến những suy nghĩ chung về các phương pháp giáo dục. Đây phần lớn là những chi tiết tầm thường ; nhưng chúng dường như không phải như vậy đối với cả người mẹ lẫn người cha, khi ông lần đầu tiên đọc cuốn nhật ký trẻ thơ này.

Ngày 5 tháng 12 có viết :

«Mitya đã nghịch ngợm trên bàn ăn. Cha không cho nó ăn bánh ngọt. Nó đã không được ăn ; nhưng nó đã nhìn những người khác một cách đau xót và thèm thuồng khi họ ăn. Em nghĩ rằng việc trừng phạt bằng cách không cho đồ ngọt chỉ làm tăng thêm tính tham ăn. Phải nói với Nicolas».

Nikolai để cuốn sách xuống và nhìn vợ. Đôi mắt sáng rực nhìn ông một cách dò hỏi (bà đồng ý hay không đồng ý với nhật ký của bà) ; bà không thể nghi ngờ không chỉ về sự đồng ý, mà còn về sự ngưỡng mộ của Nikolai đối với vợ mình.

Có lẽ – điều này không cần phải làm một cách cứng nhắc như vậy ; có lẽ – và hoàn toàn không cần thiết, Nikolai nghĩ ; nhưng nỗ lực không ngừng, bền bỉ, về tinh thần này, với mục đích duy nhất là vì sự thiện lương về đạo đức của lũ trẻ, đã làm ông ngưỡng mộ. Nếu Nikolai có thể nhận thức được cảm xúc của mình, ông sẽ thấy rằng cơ sở chính cho tình yêu bền vững, dịu dàng và kiêu hãnh của ông đối với vợ luôn là cảm giác ngạc nhiên này trước sự thanh cao về tinh thần, trước thế giới đạo đức cao cả, gần như không thể vươn tới đối với Nikolai, nơi vợ ông luôn sống.

Ông tự hào vì bà thông minh và tốt bụng, nhận ra sự nhỏ bé của chính mình trước bà trong thế giới tinh thần, và càng vui mừng hơn khi bà với tâm hồn của mình không chỉ thuộc về ông, mà còn là một phần của chính ông.

– Rất và rất đồng ý, bạn thân mến, – ông nói với vẻ đầy ý nghĩa ; và, sau khi im lặng một chút, ông thêm vào : – Còn anh hôm nay cư xử thật tồi tệ. Em đã không có mặt trong phòng làm việc. Anh và Pierre đã tranh cãi, và anh đã nổi nóng. Nhưng không thể được. Đó là một đứa trẻ như vậy. Anh không biết điều gì sẽ xảy ra với nó, nếu Natasha không kìm nén nó. Em có thể

tưởng tượng được không, tại sao nó lại đi Petersburg ?.. Họ đã lập ra ở đó...

– Vâng, em biết chứ, – nữ bá tước Marya nói. – Natasha đã kể cho em nghe.

– Nào, thế em thấy đấy, – Nikolai nói tiếp, bừng bừng khi nhớ lại cuộc tranh luận. – Nó muốn thuyết phục anh rằng nghĩa vụ của mọi người lương thiện là đi chống lại chính phủ, trong khi lời thề và nghĩa vụ... Anh tiếc là em không có mặt ở đó. Mọi người đều tấn công anh, cả Denisov và Natasha... Natasha thật buồn cười. Cô ấy giữ nó chặt dưới chân mình như thế nào, nhưng ngay khi nói đến những suy luận – cô ấy chẳng có lời lẽ nào của riêng mình – cô ấy cứ thế nói lại lời của nó, – Nikolai thêm vào, đầu hàng trước sự thôi thúc không thể cưỡng lại đó, thứ gây ra sự phán xét về những người thân yêu nhất và gần gũi nhất.

Nikolai quên mất rằng từng từ một, những gì ông nói về Natasha, đều có thể nói về ông trong mối quan hệ với vợ mình.

– Vâng, em đã nhận ra điều đó, – nữ bá tước Marya nói.

– Khi anh nói với nó rằng nghĩa vụ và lời thề là trên hết, nó bắt đầu chứng minh Chúa mới biết cái gì. Tiếc là em không có mặt ở đó, em sẽ nói gì nào ?

– Theo em, anh hoàn toàn đúng. Em cũng đã nói vậy với Natasha. Pierre nói rằng mọi người đều đau khổ, bị hành hạ, bị tha hóa và rằng nghĩa vụ của chúng ta là giúp đỡ đồng loại. Tất nhiên là anh ấy đúng, – nữ bá tước Marya nói, – nhưng anh ấy quên mất rằng chúng ta còn có những nghĩa vụ khác gần gũi hơn, mà chính Chúa đã chỉ ra cho chúng ta, và rằng chúng ta có thể mạo hiểm chính mình, chứ không phải với lũ trẻ.

– Nào, đúng rồi, đúng rồi, đó chính là điều anh đã nói với nó, – Nikolai hưởng ứng, người thực sự cảm thấy rằng ông đã nói chính điều đó. – Còn họ thì cứ của mình : rằng tình yêu đối với đồng loại và Kitô giáo... Và tất cả những điều này trước mặt Nikolenka, nó đã lẻn vào phòng làm việc và bẻ gãy mọi thứ.

– Ôi, anh biết không, Nicolas, Nikolenka thường xuyên làm em khổ sở, – nữ bá tước Marya nói. – Đó là một cậu bé phi thường. Và em sợ rằng em đang quên nó vì lũ trẻ của mình. Ở nhà mình tất cả đều có con, có họ hàng ; còn nó thì chẳng có ai. Nó luôn ở một mình với những ý nghĩ của mình.

– Nào, anh thấy em cứ tự trách mình về nó chẳng để làm gì cả. Tất cả những gì một người mẹ dịu dàng nhất có thể làm cho con trai mình, em đã và đang làm cho nó. Và anh, tất nhiên, mừng vì điều đó. Nó là một cậu bé tuyệt vời, tuyệt vời. Hôm nay nó ở trong một trạng thái ngẩn ngơ nào đó lắng nghe Pierre. Và em có thể tưởng tượng được không : chúng ta đi ăn tối, anh nhìn – nó bẻ vụn mọi thứ trên bàn thành mảnh nhỏ, và ngay lập tức nói. Anh chưa bao giờ thấy nó nói dối. Cậu bé tuyệt vời, tuyệt vời ! – Nikolai nhắc lại, người trong thâm tâm thực sự không thích Nikolenka, nhưng người mà ông luôn muốn công nhận là tuyệt vời.

– Dẫu sao em cũng không giống như một người mẹ, – nữ bá tước Marya nói, – em cảm thấy rằng không phải, và điều này làm em khổ sở. Cậu bé kỳ diệu ; nhưng em vô cùng lo lắng cho nó. Nó sẽ có ích cho xã hội nếu có một môi trường tốt.

– Thế thì sao, chẳng lẽ không lâu sao ; mùa hè này anh sẽ đưa nó đến Petersburg, – Nikolai nói. – Vâng, Pierre luôn là và mãi mãi là một kẻ mơ mộng, – ông tiếp tục, quay lại cuộc trò chuyện trong phòng làm việc, cuộc trò chuyện rõ ràng đã làm ông xúc động. – Nào, việc gì đến anh trong tất cả những chuyện đó ở đó, – rằng Arakcheev không tốt và tất cả, – việc gì đến anh

khi anh kết hôn và anh có bao nhiêu nợ nần, khiến anh bị tống xuống hố, và mẹ anh, người không thể nhìn thấy và hiểu được. Và rồi – em, lũ trẻ, công việc. Chẳng lẽ anh vì niềm vui của mình từ sáng đến tối lại làm việc về các vụ việc và trong văn phòng sao ? Không, anh biết rằng anh phải làm việc để trấn an mẹ, trả nợ cho em và lũ trẻ và không để chúng trở thành những kẻ ăn mày, như anh đã từng.

Nữ bá tước Marya muốn nói với ông rằng không phải chỉ vì bánh mì mà con người ta sống, rằng ông quá coi trọng những công việc này ; nhưng bà biết rằng điều đó không cần thiết và vô ích. Bà chỉ cầm lấy tay ông và hôn nó. Ông đón nhận cử chỉ này của vợ như một sự tán thành và xác nhận những ý nghĩ của mình và, sau khi suy nghĩ một lúc, ông tiếp tục thành tiếng những ý nghĩ của mình.

– Em biết không, Mary, – ông nói, – hôm nay Ilya Mitrofanovich đã đến (đó là người quản lý công việc) từ làng Tambov và kể rằng, người ta đã trả 80 nghìn cho khu rừng rồi.

Và Nikolai với gương mặt rạng rỡ bắt đầu kể về khả năng trong một thời gian rất ngắn sẽ chuộc lại Otradnoe. «Còn mười năm sống nữa thôi, và anh sẽ để lại cho lũ trẻ... trong một vị thế tuyệt vời».

Nữ bá tước Marya lắng nghe chồng và hiểu tất cả những gì ông nói với bà. Bà biết rằng khi ông suy nghĩ thành tiếng như vậy, ông đôi khi hỏi bà những gì ông đã nói, và tức giận khi thấy bà đã nghĩ về điều khác. Nhưng bà đã làm điều đó với một nỗ lực lớn, vì bà hoàn toàn không quan tâm đến điều đó, những gì ông đang nói. Bà nhìn ông và không phải là nghĩ về một điều gì khác, mà là cảm nhận về một điều gì khác. Bà cảm thấy một tình yêu phục tùng, dịu dàng đối với người đàn ông này, người sẽ không bao giờ hiểu được tất cả những gì bà hiểu, và như thể vì điều đó bà càng yêu ông mạnh mẽ hơn, với một sắc thái của sự dịu dàng đam mê. Ngoài cảm giác này, thứ thu hút toàn bộ con người bà và ngăn cản bà thấu hiểu chi tiết các kế hoạch của chồng, trong đầu bà thỉnh thoảng thoáng qua những ý nghĩ, không có gì chung với điều đó, những gì ông đang nói. Bà nghĩ về đứa cháu trai (câu chuyện của Pierre về sự náo nức của nó trong cuộc trò chuyện đã gây ấn tượng mạnh với bà), và những nét khác nhau trong tính cách dịu dàng, nhạy cảm của nó hiện lên trước mắt bà ; và bà, nghĩ về đứa cháu, nghĩ về con cái của mình. Bà không so sánh đứa cháu và con mình, nhưng bà so sánh cảm giác của mình đối với chúng và với nỗi buồn nhận thấy rằng trong cảm giác của bà đối với Nikolenka có một điều gì đó còn thiếu sót.

Đôi khi ý nghĩ nảy ra trong bà rằng sự khác biệt này xuất phát từ tuổi tác ; nhưng bà cảm thấy mình có lỗi trước mặt hối cải, và trong tâm hồn mình bà hứa sẽ sửa mình và làm điều không thể, nghĩa là trong cuộc đời này sẽ yêu cả chồng mình, cả con cái, cả Nikolenka, và tất cả những người lân cận như Chúa Kitô đã yêu nhân loại. Tâm hồn của nữ công tước Marya luôn hướng tới cái vô biên, vĩnh cửu và hoàn thiện, và vì thế không bao giờ có thể bình yên. Trên gương mặt bà hiện lên vẻ nghiêm nghị của nỗi đau tâm hồn cao cả thầm kín, vốn đang trĩu nặng bởi thân xác. Nikolai nhìn bà. «Chúa ơi! điều gì sẽ xảy ra với chúng ta, nếu cô ấy qua đời, như tôi cảm thấy khi cô ấy có gương mặt như vậy !» ông nghĩ, và đứng trước bức tượng thánh, ông bắt đầu đọc những lời cầu nguyện buổi tối.

XVI

Natasha, khi còn lại một mình với chồng, cũng trò chuyện theo cách mà chỉ vợ chồng mới trò chuyện với nhau, nghĩa là với sự sáng tỏ và nhanh chóng phi thường khi nhận biết và truyền đạt ý nghĩ của nhau, bằng con đường trái ngược với mọi quy tắc logic, không thông qua các phán đoán, suy luận và kết luận, mà bằng một cách hoàn toàn đặc biệt. Natasha đã quen nói với chồng bằng cách này đến mức dấu hiệu chắc chắn nhất cho thấy có điều gì đó không ổn giữa bà và chồng là việc Pierre sử dụng lối tư duy logic. Khi ông bắt đầu chứng minh, nói năng thận trọng và bình tĩnh, và khi bà, bị cuốn theo tấm gương của ông, cũng bắt đầu làm như vậy, bà biết rằng điều này chắc chắn sẽ dẫn đến cãi vã.

Từ chính thời điểm họ còn lại một mình, và Natasha với đôi mắt hạnh phúc mở to bước đến bên ông, khẽ khàng và bất thình lình, nhanh chóng ôm lấy đầu ông, ép vào ngực mình và nói : «Bây giờ hoàn toàn, hoàn toàn là của em, của em ! Anh sẽ không đi đâu hết !» – từ thời điểm này đã bắt đầu cuộc trò chuyện trái ngược với mọi định luật logic, trái ngược bởi vì cùng một lúc họ nói về những chủ đề hoàn toàn khác nhau. Việc thảo

luận đồng thời nhiều việc này không những không làm cản trở sự sáng tỏ của sự hiểu biết, mà ngược lại, còn là dấu hiệu chắc chắn nhất cho thấy họ hoàn toàn hiểu nhau.

Như trong giấc chiêm bao mọi thứ đều không đúng, vô lý và mâu thuẫn, ngoại trừ cảm xúc dẫn dắt giấc chiêm bao, thì trong sự giao tiếp này cũng vậy, trái với mọi định luật lý trí, không phải lời nói là nhất quán và sáng tỏ, mà chỉ có cảm xúc dẫn dắt chúng.

Natasha kể cho Pierre về cuộc sống của người anh trai, về việc bà đã đau khổ ra sao khi không có chồng, và về việc bà còn yêu Marya nhiều hơn nữa, và về việc Marya về mọi mặt đều tốt hơn bà. Nói điều này, Natasha thành thật thú nhận rằng bà thấy sự ưu việt của Marya, nhưng đồng thời khi nói điều này, bà yêu cầu Pierre vẫn phải thích bà hơn Marya và mọi phụ nữ khác, và bây giờ một lần nữa, đặc biệt là sau khi ông đã thấy nhiều phụ nữ ở Petersburg, hãy lặp lại điều đó với bà.

Pierre, trả lời những lời của Natasha, kể cho bà nghe việc ở Petersburg tại các buổi tối và bữa tiệc với các quý bà đối với ông là không thể chịu đựng nổi như thế nào.

– Anh hoàn toàn mất thói quen nói chuyện với các quý bà, – ông nói, – đơn giản là buồn chán. Đặc biệt là khi anh đang bận rộn như vậy.

Natasha chăm chú nhìn ông và tiếp tục :

– Marya – thật là một sự quyến rũ ! – bà nói. – Cô ấy biết cách hiểu trẻ con làm sao. Cô ấy dường như nhìn thấy tận tâm hồn chúng. Hôm qua, ví dụ, Mitenka bắt đầu nhõng nhẽo...

– À, nó giống bố nó thế nào, – Pierre ngắt lời.

Natasha hiểu tại sao ông lại đưa ra nhận xét này về sự giống nhau của Mitenka với Nikolai ; ông không hài lòng khi nhớ lại cuộc tranh luận với anh rể và muốn biết ý kiến của Natasha về việc này.

– Nikolenka có điểm yếu này, là nếu điều gì đó không được mọi người chấp nhận, anh ấy sẽ không đời nào đồng ý. Còn em hiểu, anh trân trọng điều đó chính là để mở ra một lĩnh vực hoạt động mới, – bà nói, lặp lại những lời từng được Pierre nói.

– Không, điều chính yếu là đối với Nikolai, – Pierre nói, – suy nghĩ và lý luận – là một sự giải trí, gần như là cách giết thời gian. Đây này, anh ấy thu thập thư viện và đặt ra quy tắc không mua sách mới trước khi

đọc xong cuốn đã mua – cả Sismondi, và Rousseau, và Montesquieu, – Pierre thêm vào với một nụ cười. – Anh biết anh ấy mà... – Pierre bắt đầu làm dịu những lời nói của mình ; nhưng Natasha ngắt lời ông, cho thấy rằng điều đó là không cần thiết.

– Thế là anh nói, đối với anh ấy suy nghĩ là giải trí...

– Đúng, còn đối với anh mọi thứ khác là giải trí. Toàn bộ thời gian ở Petersburg anh thấy mọi người như trong giấc mơ. Khi anh bị chiếm lĩnh bởi một ý nghĩ, thì mọi thứ còn lại là giải trí.

– Ôi, thật tiếc là em không được thấy anh chào hỏi các con, – Natasha nói. – Đứa nào vui mừng nhất ? Chắc là Liza ?

– Đúng, – Pierre nói và tiếp tục điều đang chiếm lĩnh ông. – Nikolai nói chúng ta không được suy nghĩ. Nhưng anh không thể. Anh không nói về việc ở Petersburg anh đã cảm thấy điều đó (anh có thể nói với em), rằng không có anh mọi thứ đang tan rã, mỗi người kéo về một phía. Nhưng anh đã thành công trong việc kết nối mọi người, và suy nghĩ của anh thật đơn giản và sáng tỏ. Anh không nói rằng chúng ta phải chống lại cái này hay cái kia. Chúng ta có thể sai lầm. Nhưng anh nói : hãy nắm lấy tay nhau, những người yêu thương cái

thiện, và hãy để chỉ có một biểu ngữ – hoạt động nhân đức. Công tước Sergei là một người tuyệt vời và thông minh.

Natasha không nghi ngờ gì về việc tư tưởng của Pierre là một tư tưởng vĩ đại, nhưng có một điều làm bà bối rối. Đó là việc ông là chồng bà. «Chẳng lẽ một người quan trọng và cần thiết cho xã hội như vậy lại đồng thời là chồng mình ? Tại sao điều này lại xảy ra?» Bà muốn bày tỏ sự nghi ngờ này với ông. «Ai và ai là những người có thể quyết định liệu anh ấy thực sự thông minh hơn tất cả mọi người ?» bà tự hỏi và lướt qua trong trí tưởng tượng những người rất được Pierre kính trọng. Không ai trong số họ, xét theo những lời kể của ông, được ông kính trọng như Platon Karataev.

– Anh biết em đang nghĩ gì không ? – bà nói. – Về Platon Karataev. Anh ấy thế nào ? Bây giờ anh ấy có chấp nhận anh không ?

Pierre không hề ngạc nhiên trước câu hỏi này. Ông hiểu luồng suy nghĩ của vợ.

– Platon Karataev ? – ông nói và trầm ngâm, rõ ràng là chân thành cố gắng hình dung ra sự phán xét của Karataev về chủ đề này. – Anh ấy sẽ không hiểu ; nhưng mà, có lẽ là có.

– Em vô cùng yêu anh ! – Natasha bất thình lình nói. – Vô cùng, vô cùng !

– Không, anh ấy sẽ không chấp nhận, – Pierre nói sau khi suy nghĩ. – Điều anh ấy sẽ chấp nhận là cuộc sống gia đình của chúng ta. Anh ấy rất muốn thấy sự hài hòa, hạnh phúc, bình yên trong mọi việc, và anh sẽ tự hào cho anh ấy thấy chúng ta. Đây này, em nói về sự chia ly. Nhưng em sẽ không tin đâu, em có một cảm giác đặc biệt nào đối với anh sau khi chia ly...

– À đúng rồi, còn nữa... – Natasha bắt đầu.

– Không, không phải thế. Anh không bao giờ ngừng yêu em. Và không thể yêu nhiều hơn được nữa ; nhưng đây là điều đặc biệt... Nào thì... – ông không nói hết, vì cái nhìn gặp nhau của họ đã nói hết phần còn lại.

– Thật là ngớ ngẩn, – Natasha bất thình lình nói, – tuần trăng mật và cái gì là hạnh phúc nhất trong thời gian đầu. Ngược lại, bây giờ mới là tuyệt vời nhất. Giá như anh đừng đi đâu cả. Anh có nhớ chúng ta đã cãi nhau thế nào không. Và lúc nào em cũng là người có lỗi. Lúc nào cũng vậy. Và chúng ta đã cãi nhau về chuyện gì, em thậm chí còn không nhớ.

– Vẫn chỉ về một chuyện, – Pierre nói, mỉm cười, – ghen tuông...

– Đừng nói nữa, em không thể chịu đựng được, – Natasha kêu lên, và một ánh lạnh lẽo, giận dữ lóe lên trong mắt bà. – Anh đã thấy cô ta chứ ? – bà thêm vào sau khi im lặng một lát.

– Không ; và nếu có thấy, anh cũng không nhận ra.

Họ im lặng.

– Ôi, anh biết không ? Khi anh ở trong phòng làm việc nói chuyện, em đã nhìn anh, – Natasha bắt đầu, rõ ràng là cố gắng xua tan đám mây vừa kéo đến. – Này, hai giọt nước anh giống nó, cái thằng bé ấy. (Bà gọi con trai mình như vậy.) Ôi, đến lúc phải đến với nó rồi... Phải đi rồi... Nhưng thật tiếc khi phải rời đi.

Họ im lặng trong vài giây. Rồi bất thình lình trong cùng một lúc, họ quay sang nhìn nhau và bắt đầu nói điều gì đó. Pierre bắt đầu với vẻ tự mãn và hào hứng ; Natasha – với một nụ cười khẽ khàng, hạnh phúc. Va chạm nhau, cả hai đều dừng lại, nhường đường cho người kia.

– Không, anh nói gì ? nói đi, nói đi.

– Không, em nói đi ; em chỉ nói điều ngớ ngẩn thôi, – Natasha nói.

Pierre nói điều ông đã bắt đầu. Đó là sự tiếp nối của những suy luận tự mãn về thành công của ông ở Petersburg. Lúc này ông cảm thấy mình được kêu gọi để đưa ra một hướng đi mới cho toàn bộ xã hội Nga và toàn thế giới.

– Anh chỉ muốn nói rằng, tất cả những ý tưởng có những hậu quả to lớn, luôn đơn giản. Toàn bộ ý nghĩ của anh là ở chỗ, nếu những người xấu xa liên kết với nhau và tạo thành một sức mạnh, thì những người lương thiện cũng cần phải làm điều tương tự. Thật đơn giản phải không !

– Đúng.

– Thế em định nói gì ?

– Em ấy à, chỉ là chuyện ngớ ngẩn thôi.

– Không, dù sao đi nữa.

– À không có gì đâu, vụn vặt thôi, – Natasha nói, rạng rỡ hơn nữa với một nụ cười : – em chỉ muốn nói về Petya : hôm nay chị vú đến định bế nó khỏi em, nó liền bật cười, nheo mắt lại và nép vào em ; chắc là nó

nghĩ nó đã trốn được rồi. Đáng yêu vô cùng. Đây này nó đang hét lên kìa. Thôi, tạm biệt anh ! – Và bà đi ra khỏi phòng.

Cùng lúc đó ở tầng dưới, tại phòng của Nikolenka Bolkonsky, trong phòng ngủ của cậu, như mọi khi, ngọn đèn dầu vẫn cháy (cậu bé sợ bóng tối, và người ta không thể giúp cậu bỏ được thói quen này). Dessalles ngủ cao trên bốn chiếc gối của mình, và chiếc mũi La Mã của ông phát ra những tiếng ngáy đều đặn. Nikolenka, vừa mới tỉnh dậy, trong mồ hôi lạnh, với đôi mắt mở to, ngồi trên giường mình và nhìn trước mặt. Một giấc mơ kinh khủng đã đánh thức cậu. Cậu đã thấy trong mơ mình và Pierre mặc mũ sắt, giống như những hình vẽ trong ấn bản Plutarch. Cậu và bác Pierre đi đầu một đội quân khổng lồ. Đội quân này bao gồm những đường chéo trắng, lấp đầy không khí giống như những sợi tơ nhện mà Dessalles gọi là le fil de la Vierge. Phía trước là vinh quang, cũng giống như những sợi chỉ này, nhưng chỉ dày đặc hơn một chút. Họ – cậu và Pierre – lao đi nhẹ nhàng và vui sướng càng lúc càng gần mục tiêu. Bất ngờ những sợi chỉ di chuyển họ bắt đầu yếu đi, rối rắm ; trở nên nặng nề. Và bác Nikolai Ilyich dừng lại trước mặt họ trong một tư thế đe dọa và nghiêm khắc.

«Đây là việc các người làm sao ?» ông nói, chỉ vào những thỏi xi gắn và lông vũ bị gãy. «Tôi đã yêu các người, nhưng Arakcheev ra lệnh cho tôi, và tôi sẽ giết người đầu tiên tiến lên.» Nikolenka ngoảnh lại nhìn Pierre ; nhưng Pierre không còn nữa. Pierre là cha – công tước Andrei, và cha không có hình dáng và hình thể, nhưng ông ở đó, và thấy ông, Nikolenka cảm thấy sự yếu đuối của tình yêu : cậu cảm thấy mình bất lực, không xương và mềm yếu. Cha vuốt ve và thương hại cậu. Nhưng bác Nikolai Ilyich càng lúc càng tiến lại gần họ. Nỗi khiếp sợ bao trùm Nikolenka, và cậu tỉnh dậy.

«Cha», cậu nghĩ. «Cha (mặc dù trong nhà có hai bức chân dung giống nhau, Nikolenka chưa bao giờ tưởng tượng công tước Andrei trong hình hài con người), cha đã ở bên con và vuốt ve con. Người đã chấp nhận con, người đã chấp nhận bác Pierre. Dù bác ấy có nói gì, con cũng sẽ làm điều đó. Mucius Scaevola đã đốt bàn tay mình. Nhưng tại sao trong đời con sẽ không có chuyện tương tự ? Con biết, họ muốn con học. Và con sẽ học. Nhưng một ngày nào đó con sẽ thôi ; và khi đó con sẽ làm điều đó. Con chỉ cầu xin Chúa một điều : để con được giống như những người của Plutarch, và con sẽ làm điều đó. Con sẽ làm tốt hơn. Mọi người sẽ biết, mọi người sẽ yêu, mọi người sẽ thán phục con.» Và bất

thình lình Nikolenka cảm thấy những tiếng nấc nghẹn ngào bao lấy ngực mình, và cậu bật khóc.

– Con bị mệt à ? – tiếng của Dessalles vang lên.

– Non, – Nikolenka trả lời và nằm xuống gối.

«Bác ấy tốt và tử tế, con yêu bác ấy», cậu nghĩ về Dessalles. «Nhưng bác Pierre ? Ôi, thật là một con người tuyệt vời ! Còn cha ? Cha ! Cha ! Vâng, con sẽ làm điều đó, điều mà ngay cả cha cũng sẽ hài lòng...»

PHẦN THỨ HAI

I

Đối tượng của lịch sử là đời sống của các dân tộc và nhân loại. Việc nắm bắt và bao quát trực tiếp bằng lời nói – để mô tả đời sống không chỉ của nhân loại, mà của một dân tộc duy nhất, dường như là điều không thể.

Tất cả các nhà sử học cổ đại đều sử dụng cùng một phương pháp để mô tả và nắm bắt cuộc sống dường như không thể nắm bắt được của một dân tộc. Họ mô tả hoạt động của những cá nhân cai trị dân tộc ; và hoạt động này đối với họ thể hiện hoạt động của toàn dân tộc.

Trước những câu hỏi về việc bằng cách nào những cá nhân riêng lẻ buộc các dân tộc hành động theo ý muốn của mình và cái gì điều khiển chính ý chí của những người này, thời cổ đại đã trả lời : cho câu hỏi thứ nhất – bằng việc thừa nhận ý chí của Thượng đế, đã bắt các dân tộc tuân theo ý chí của một con người được chọn, và cho câu hỏi thứ hai – bằng tri thức về chính Thượng đế đó, người hướng dẫn ý chí này tới mục tiêu đã định sẵn.

Đối với những người cổ đại, các câu hỏi này được giải quyết bằng đức tin vào sự tham gia trực tiếp của Thượng đế vào các công việc của nhân loại.

Lịch sử mới trong lý thuyết của mình đã bác bỏ cả hai lập luận này. Có vẻ như, sau khi đã bác bỏ niềm tin của người cổ đại về sự lệ thuộc của con người vào Thượng đế và về một mục tiêu xác định mà các dân tộc hướng tới, lịch sử mới đáng lẽ phải nghiên cứu không phải các biểu hiện của quyền lực, mà là các nguyên nhân tạo ra nó. Nhưng lịch sử mới đã không làm điều đó. Sau khi bác bỏ trong lý thuyết những quan điểm của người cổ đại, nó lại đi theo chúng trong thực tế.

Thay vì những người được ban cho quyền lực thần thánh và được hướng dẫn trực tiếp bởi ý chí của Thượng đế, lịch sử mới đưa ra những anh hùng, những người được ban cho những khả năng phi thường, siêu phàm, hoặc đơn giản là những người thuộc đủ loại tính chất khác nhau, từ các quân vương đến các nhà báo, những người dẫn dắt quần chúng. Thay vì những mục tiêu trước đây, đẹp lòng Thượng đế, của các dân tộc : Do Thái, Hy Lạp, La Mã, mà người cổ đại coi là mục tiêu vận động của nhân loại, lịch sử mới đã đặt ra các mục tiêu của mình – phúc lợi của người Pháp, người Đức, người Anh, và trong sự trừu tượng cao nhất của mình,

mục tiêu phúc lợi của nền văn minh toàn nhân loại, mà theo đó thường được hiểu là các dân tộc chiếm giữ một góc nhỏ phía tây bắc của một lục địa lớn.

Lịch sử mới đã bác bỏ những đức tin của người cổ đại mà không thay thế vào đó một quan điểm mới, và logic của vị thế này đã buộc các nhà sử học, những người dường như đã bác bỏ quyền lực thần thánh của các quân vương và định mệnh của người cổ đại, phải đi đến cùng một kết luận bằng con đường khác : công nhận rằng 1) các dân tộc được dẫn dắt bởi những cá nhân riêng lẻ, và 2) tồn tại một mục tiêu nhất định mà các dân tộc và nhân loại đang hướng tới.

Trong tất cả các tác phẩm của các nhà sử học mới nhất từ Gibbon đến Buckle, mặc dù có vẻ như có sự bất đồng và vẻ mới mẻ trong các quan điểm của họ, nhưng ở nền tảng vẫn nằm hai vị trí không thể tránh khỏi này.

Thứ nhất, nhà sử học mô tả hoạt động của những cá nhân riêng lẻ, theo ý kiến của ông ta, đã dẫn dắt nhân loại : một người coi đó chỉ là các quân vương, tướng lĩnh, bộ trưởng ; người khác, ngoài các quân vương, còn có các diễn thuyết gia, học giả, nhà cải cách, triết gia, nhà thơ. Thứ hai, mục tiêu mà nhân loại được dẫn dắt tới là điều mà nhà sử học đã biết : đối với người này, mục tiêu đó là sự vĩ đại của các quốc gia La Mã, Tây

Ban Nha, Pháp ; đối với người khác – đó là tự do, bình đẳng, loại văn minh nhất định của một góc nhỏ thế giới được gọi là châu Âu.

Vào năm 1789, một sự xáo động nổi lên ở Paris ; nó lớn dần, lan rộng và được thể hiện bằng sự di chuyển của các dân tộc từ tây sang đông. Đã vài lần sự di chuyển này hướng về phía đông, va chạm với sự di chuyển ngược lại từ đông sang tây ; vào năm thứ 12, nó đạt đến giới hạn cực điểm của mình – Moscow, và với một sự đối xứng đáng kinh ngạc, một sự di chuyển ngược lại từ đông sang tây diễn ra, cũng giống như trong lần di chuyển đầu tiên, lôi kéo theo mình các dân tộc ở giữa. Cuộc di chuyển ngược lại đạt đến điểm xuất phát của cuộc di chuyển ở phía tây – tới Paris – và lắng xuống.

Trong giai đoạn 20 năm này, một số lượng khổng lồ các cánh đồng không được cày cấy, nhà cửa bị đốt cháy, thương mại thay đổi hướng ; hàng triệu người nghèo đi, giàu lên, di cư, và hàng triệu người Kitô hữu, những người tuyên xưng định luật yêu thương người lân cận, đã giết hại lẫn nhau.

Tất cả những điều này có ý nghĩa gì ? Tại sao điều này lại xảy ra ? Cái gì đã buộc những con người này đốt nhà và giết hại đồng loại của mình ? Những nguyên nhân của các sự kiện này là gì ? Sức mạnh nào đã buộc

con người hành động như vậy ? – đây là những câu hỏi tự nhiên, chân thực và chính đáng nhất mà nhân loại tự đặt ra cho mình khi bắt gặp những di tích và truyền thuyết về thời kỳ vận động đã qua.

Để giải quyết những câu hỏi này, trí tuệ lành mạnh của nhân loại tìm đến khoa học lịch sử, vốn có mục tiêu là sự tự nhận thức của các dân tộc và nhân loại.

Giá như lịch sử vẫn giữ nguyên quan điểm của người cổ đại, nó sẽ nói rằng : Thượng đế, để ban thưởng hoặc trừng phạt dòng giống mình, đã trao quyền lực cho Napoleon và dẫn dắt ý chí của ông ta để đạt được các mục tiêu thần thánh của Người. Và câu trả lời sẽ đầy đủ và sáng tỏ. Người ta có thể tin hoặc không tin vào ý nghĩa thần thánh của Napoleon ; đối với người tin vào nó, mọi thứ trong toàn bộ lịch sử của thời kỳ này sẽ dễ hiểu và không thể có một mâu thuẫn nào.

Nhưng lịch sử mới không thể trả lời theo cách đó. Khoa học không công nhận quan điểm của người cổ đại về sự tham gia trực tiếp của Thượng đế vào các công việc của nhân loại, và vì vậy nó phải đưa ra các câu trả lời khác.

Lịch sử mới, trả lời những câu hỏi này, nói rằng : các người muốn biết cuộc vận động này có ý nghĩa gì, tại

sao nó xảy ra, và sức mạnh nào đã tạo ra những sự kiện này ? Hãy nghe đây :

«Louis XIV là một người rất kiêu ngạo và tự phụ ; ông ta có những cô nhân tình như thế này và những vị bộ trưởng như thế kia, và ông ta đã cai trị nước Pháp một cách tồi tệ. Những người thừa kế của Louis cũng là những người yếu kém và cũng cai trị nước Pháp một cách tồi tệ. Và họ đã có những người được sủng ái như thế này và những cô nhân tình như thế kia. Thêm vào đó, một số người đã viết những cuốn sách vào thời gian này. Vào cuối thế kỷ XVIII, tại Paris, vài chục người đã tụ tập lại và bắt đầu nói về việc mọi người đều bình đẳng và tự do. Từ đó trên khắp nước Pháp, người ta bắt đầu chém giết và dìm chết lẫn nhau. Những người này đã giết vua và nhiều người khác. Cũng vào thời gian đó ở Pháp có một người thiên tài – Napoleon. Ông ta chiến thắng mọi người ở khắp nơi, nghĩa là giết rất nhiều người, vì ông ta rất thiên tài. Và ông ta đã đi giết những người châu Phi, và giết họ giỏi đến mức ông ta rất xảo quyệt và thông minh, khi trở về Pháp, ông ta đã ra lệnh cho mọi người phải phục tùng mình. Và mọi người đều phục tùng ông ta. Trở thành hoàng đế, ông ta lại đi giết người ở Ý, Áo và Phổ. Và ở đó ông ta đã giết rất nhiều. Nhưng ở Nga có hoàng đế Alexander, người đã quyết định khôi phục trật tự ở châu Âu và vì

thế đã chiến đấu với Napoleon. Nhưng vào năm thứ 7, ông ta bất ngờ kết bạn với ông ta, và vào năm thứ 11 họ lại cãi nhau, và họ lại bắt đầu giết rất nhiều người. Và Napoleon đã dẫn 600 ngàn người vào Nga và chiếm Moscow ; nhưng sau đó ông ta bất ngờ chạy trốn khỏi Moscow, và khi đó hoàng đế Alexander, với sự giúp đỡ từ những lời khuyên của Stein và những người khác, đã liên kết châu Âu để thành lập đạo quân chống lại kẻ phá hoại sự yên bình. Tất cả các đồng minh của Napoleon bất ngờ trở thành kẻ thù của ông ta ; và đạo quân này đã tiến đánh những lực lượng mới tập hợp của Napoleon. Các đồng minh đã đánh bại Napoleon ; tiến vào Paris ; buộc Napoleon phải thoái vị và đưa ông ta đến đảo Elba, không tước bỏ tước hiệu hoàng đế và bày tỏ với ông ta đủ mọi sự kính trọng, mặc dù 5 năm trước và một năm sau đó mọi người đều coi ông ta là một tên cướp nằm ngoài vòng pháp luật. Và Louis XVIII bắt đầu cai trị, người mà cho đến lúc đó cả người Pháp và các đồng minh đều chỉ cười nhạo. Napoleon thì rơi nước mắt trước đội ngự lâm quân cũ, thoái vị và đi vào lưu đày. Sau đó những người triều đình và ngoại giao tài giỏi (đặc biệt là Talleyrand, người đã kịp ngồi vào chiếc ghế nhất định trước những người khác và nhờ đó mở rộng biên giới của nước Pháp) đã trò chuyện tại Vienna và bằng những cuộc trò chuyện này đã làm cho

các dân tộc trở nên hạnh phúc hoặc bất hạnh. Bất ngờ các nhà ngoại giao và quân vương suýt chút nữa đã cãi nhau, họ đã định ra lệnh cho quân đội của mình giết hại lẫn nhau lần nữa ; nhưng vào lúc này Napoleon với một tiểu đoàn đã trở về Pháp, và người Pháp, vốn căm ghét ông ta, ngay lập tức mọi người đều khuất phục ông ta. Nhưng các quân vương đồng minh vì thế đã tức giận và đi chiến đấu với người Pháp một lần nữa. Và họ đã đánh bại Napoleon thiên tài và đưa ông ta đến đảo Saint Helena, bất ngờ coi ông ta là một tên cướp. Và ở đó kẻ bị lưu đày, bị chia lìa khỏi những người thân yêu và hòn đảo Pháp yêu dấu của mình, đã chết một cái chết từ từ trên tảng đá và truyền lại những công trạng vĩ đại của mình cho hậu thế. Còn ở châu Âu đã xảy ra một sự phản động, và tất cả các quân vương lại bắt đầu xúc phạm dân tộc mình.»

Thật uổng công nếu người ta nghĩ rằng đây là một sự nhạo báng – một bức tranh biếm họa về các mô tả lịch sử. Ngược lại, đây là biểu hiện nhẹ nhàng nhất của những câu trả lời mâu thuẫn và không đáp ứng các câu hỏi, mà toàn bộ lịch sử đưa ra, từ những người soạn hồi ký và lịch sử của các quốc gia riêng lẻ đến các lịch sử chung và loại lịch sử văn hóa mới của thời đại đó.

Sự kỳ lạ và tính khôi hài của những câu trả lời này bắt nguồn từ việc lịch sử mới giống như một người điếc, trả lời những câu hỏi mà không ai đặt ra cho mình.

Nếu mục tiêu của lịch sử là mô tả sự vận động của nhân loại và các dân tộc, thì câu hỏi đầu tiên, mà nếu không có câu trả lời cho nó thì mọi thứ còn lại đều không thể hiểu nổi, là câu hỏi sau : sức mạnh nào điều khiển các dân tộc ? Về câu hỏi này, lịch sử mới loay hoay kể rằng Napoleon rất thiên tài, hoặc Louis XIV rất kiêu ngạo, hoặc những người viết sách nào đó đã viết những cuốn sách như thế kia.

Tất cả những điều này rất có thể là đúng, và nhân loại sẵn sàng đồng ý với điều đó ; nhưng nhân loại không hỏi về điều đó. Tất cả những điều này có thể thú vị, nếu chúng ta công nhận quyền lực thần thánh, dựa trên chính mình và luôn luôn giống nhau, cai trị các dân tộc của mình thông qua những Napoleon, Louis và các nhà văn ; nhưng chúng ta không công nhận quyền lực này, và vì thế trước khi nói về các Napoleon, Louis và các nhà văn, cần phải chỉ ra mối liên hệ thực chất giữa những cá nhân này và sự vận động của các dân tộc.

Nếu thay vì quyền lực thần thánh đã xuất hiện một sức mạnh khác, thì cần phải giải thích sức mạnh mới

này bao gồm cái gì, bởi vì chính ở sức mạnh này mà toàn bộ sự quan tâm của lịch sử nằm ở đó.

Lịch sử dường như giả định rằng sức mạnh này tự nó đã được hiểu và ai cũng biết. Nhưng, bất chấp mọi mong muốn công nhận sức mạnh mới này là đã biết, người nào đọc rất nhiều tác phẩm lịch sử, sẽ vô tình nghi ngờ việc sức mạnh mới này, vốn được hiểu một cách khác nhau bởi chính các nhà sử học, là hoàn toàn đã được mọi người biết đến.

II

Sức mạnh nào điều khiển các dân tộc ?

Các nhà sử học tiểu sử riêng lẻ và các nhà sử học của từng dân tộc hiểu sức mạnh này là quyền lực vốn có của các anh hùng và quân vương. Theo các mô tả của họ, các sự kiện được tạo ra duy nhất bởi ý chí của các Napoleon, Alexander hoặc nói chung là những cá nhân mà nhà sử học riêng lẻ đó mô tả. Các câu trả lời được đưa ra bởi loại nhà sử học này cho câu hỏi về sức mạnh điều khiển các sự kiện, là thỏa đáng, nhưng chỉ cho đến khi nào mỗi sự kiện chỉ có một nhà sử học. Nhưng ngay khi các nhà sử học thuộc các dân tộc và quan điểm khác nhau bắt đầu mô tả cùng một sự kiện, thì những câu trả lời do họ đưa ra ngay lập tức mất đi mọi ý nghĩa, vì sức mạnh này được hiểu là mỗi người trong số họ không chỉ khác nhau, mà thường hoàn toàn trái ngược nhau. Một nhà sử học khẳng định rằng sự kiện được tạo ra bởi quyền lực của Napoléon ; người khác khẳng định rằng nó được tạo ra bởi quyền lực của Alexander ; người thứ ba – bởi quyền lực của một người thứ ba nào đó. Ngoài ra, các nhà sử học loại này còn mâu thuẫn lẫn nhau ngay cả trong việc giải thích về sức mạnh làm cơ sở cho quyền lực của cùng một người. Thiers, một người

theo phe Bonaparte, nói rằng quyền lực của Napoléon dựa trên đức hạnh và tài năng xuất chúng của ông ta ; Lanfrey, một người theo phe cộng hòa, nói rằng nó dựa trên sự gian lận và lừa dối nhân dân của ông ta. Thế là các nhà sử học loại này, khi phủ nhận lẫn nhau các lập luận, đồng thời cũng phá hủy khái niệm về sức mạnh tạo ra các sự kiện, và không đưa ra được câu trả lời nào cho câu hỏi thiết yếu của lịch sử.

Các nhà sử học tổng quát, những người làm việc với tất cả các dân tộc, dường như thừa nhận sự bất công trong quan điểm của các nhà sử học riêng biệt về sức mạnh tạo ra các sự kiện. Họ không thừa nhận sức mạnh này là quyền lực vốn có của các anh hùng và những người cai trị, mà thừa nhận nó là kết quả của nhiều sức mạnh hướng theo các phía khác nhau. Khi mô tả một cuộc chiến tranh hay việc chinh phục một dân tộc, nhà sử học tổng quát tìm kiếm nguyên nhân của sự kiện không phải ở quyền lực của một cá nhân, mà ở sự tác động lẫn nhau của nhiều cá nhân liên quan đến sự kiện đó.

Theo quan điểm này, quyền lực của các nhân vật lịch sử, hiện diện như sản phẩm của nhiều sức mạnh, dường như không còn có thể được xem xét như một sức mạnh tự nó tạo ra các sự kiện. Tuy nhiên, trong phần lớn các

trường hợp, các nhà sử học tổng quát lại sử dụng khái niệm về quyền lực như một sức mạnh tự nó tạo ra các sự kiện và có quan hệ với chúng như một nguyên nhân. Theo cách trình bày của họ, lúc thì nhân vật lịch sử là sản phẩm của thời đại mình, và quyền lực của người đó chỉ là sản phẩm của các sức mạnh khác nhau ; lúc thì quyền lực của người đó là sức mạnh tạo ra các sự kiện. Gervinus, Schlosser chẳng hạn, và những người khác, lúc thì chứng minh rằng Napoléon là sản phẩm của cuộc cách mạng, của các tư tưởng năm 1784 v.v., lúc thì nói thẳng rằng cuộc hành quân năm thứ 12 và các sự kiện khác không vừa ý họ chỉ là sản phẩm của ý chí lầm lạc của Napoléon và rằng chính các tư tưởng năm 1784 đã bị chặn lại trong sự phát triển của mình do sự độc đoán của Napoléon. Các tư tưởng cách mạng, tâm trạng chung đã tạo ra quyền lực của Napoléon. Còn quyền lực của Napoléon lại đàn áp các tư tưởng cách mạng và tâm trạng chung.

Sự mâu thuẫn kỳ lạ này không phải là ngẫu nhiên. Nó không chỉ bắt gặp ở mỗi bước đi, mà từ một chuỗi nhất quán của các mâu thuẫn đó, tất cả các mô tả của các nhà sử học tổng quát đã được tạo nên. Sự mâu thuẫn này xuất phát từ việc, khi bước lên mảnh đất phân tích, các nhà sử học tổng quát lại dừng lại ở giữa đường.

Để tìm ra các sức mạnh thành phần tương đương với một hợp lực hoặc một lực tổng hợp, cần phải để tổng các sức mạnh thành phần bằng với hợp lực. Điều kiện này chưa bao giờ được các nhà sử học tổng quát tuân thủ, và vì thế, để giải thích lực tổng hợp, họ nhất thiết phải giả định – ngoài các sức mạnh thành phần không đủ – một sức mạnh chưa được giải thích nữa, tác động lên hợp lực đó.

Nhà sử học riêng biệt, khi mô tả cuộc hành quân năm thứ 13 chẳng hạn hoặc việc khôi phục vương triều Bourbon, nói thẳng rằng những sự kiện này được tạo ra bởi ý chí của Alexander. Nhưng nhà sử học tổng quát Gervinus, khi bác bỏ quan điểm này của nhà sử học riêng biệt, lại cố gắng chỉ ra rằng cuộc hành quân năm thứ 13 và việc khôi phục vương triều Bourbon, ngoài ý chí của Alexander, còn có nguyên nhân từ hoạt động của Stein, Metternich, bà Staël, Talleyrand, Fichte, Chateaubriand và những người khác. Nhà sử học, rõ ràng, đã phân tích Alexander thành các thành phần : Talleyrand, Chateaubriand v.v. ; tổng các thành phần này, tức là sự tác động lẫn nhau giữa Chateaubriand, Talleyrand, bà Staël và những người khác, rõ ràng không bằng toàn bộ lực tổng hợp, tức là hiện tượng hàng triệu người Pháp đã khuất phục vương triều Bourbon. Từ việc Chateaubriand, bà Staël và những người khác nói

với nhau những lời này lời nọ, chỉ rút ra được mối quan hệ giữa họ với nhau, chứ không phải sự khuất phục của hàng triệu người. Và vì thế, để giải thích việc từ mối quan hệ này của họ lại dẫn đến sự khuất phục của hàng triệu người như thế nào, tức là từ các thành phần bằng một A, làm sao lại nảy sinh một lực tổng hợp bằng một nghìn A, nhà sử học nhất thiết phải giả định lại chính cái sức mạnh quyền lực mà ông ta phủ nhận, khi thừa nhận nó là kết quả của các sức mạnh, tức là ông ta phải giả định một sức mạnh chưa được giải thích, tác động lên hợp lực. Đó chính là điều các nhà sử học tổng quát làm. Và kết quả là họ không chỉ mâu thuẫn với các nhà sử học riêng biệt, mà còn với chính bản thân mình.

Những người dân quê, tùy theo việc họ muốn có mưa hay trời nắng, khi không có khái niệm rõ ràng về nguyên nhân của mưa, nói rằng : gió đã xua tan mây, và – gió đã lùa mây về. Chính xác như vậy, các nhà sử học tổng quát : đôi khi, khi họ muốn, khi điều đó phù hợp với lý thuyết của họ, họ nói rằng quyền lực – là kết quả của các sự kiện ; còn đôi khi, khi cần phải chứng minh điều khác, họ nói rằng quyền lực tạo ra các sự kiện.

Các nhà sử học thứ ba, được gọi là các nhà sử học văn hóa, tiếp bước trên con đường đã được vạch ra bởi các nhà sử học tổng quát, những người đôi khi công

nhận các nhà văn và các quý bà là những sức mạnh tạo ra sự kiện, nhưng lại hiểu sức mạnh này theo một cách hoàn toàn khác. Họ nhìn thấy nó trong cái gọi là văn hóa, trong hoạt động trí tuệ.

Các nhà sử học văn hóa hoàn toàn nhất quán đối với các bậc tiền bối của mình – các nhà sử học tổng quát : vì nếu các sự kiện lịch sử có thể được giải thích bằng việc một số người đối xử với nhau như thế này thế nọ, thì tại sao lại không giải thích chúng bằng việc một số người đã viết những cuốn sách này cuốn sách kia ? Những nhà sử học này chọn lọc ra từ toàn bộ vô số các dấu hiệu đi kèm với mọi hiện tượng sống, dấu hiệu về hoạt động trí tuệ và nói rằng dấu hiệu này là nguyên nhân. Nhưng, mặc dù tất cả những nỗ lực của họ để chỉ ra rằng nguyên nhân của sự kiện nằm ở hoạt động trí tuệ, chỉ với một sự nhượng bộ lớn lao mới có thể đồng ý rằng hoạt động trí tuệ và sự chuyển động của các dân tộc có cái gì đó chung, nhưng tuyệt nhiên không thể thừa nhận trong bất kỳ trường hợp nào rằng hoạt động trí tuệ điều khiển hoạt động của con người ; vì những hiện tượng như những cuộc giết chóc tàn khốc nhất của cuộc cách mạng Pháp, bắt nguồn từ các bài thuyết giáo về sự bình đẳng của con người, và những cuộc chiến tranh và hành hình tàn bạo nhất, bắt nguồn từ các bài thuyết giáo về tình yêu, không xác nhận giả định này.

Nhưng ngay cả khi thừa nhận rằng tất cả những lý luận lắt léo chứa đầy trong các bộ lịch sử này là đúng ; ngay cả khi thừa nhận rằng các dân tộc được điều khiển bởi một sức mạnh không thể xác định nào đó, được gọi là ý tưởng, thì câu hỏi thiết yếu của lịch sử vẫn không được trả lời, hoặc thay vào quyền lực trước đây của các quân vương và ảnh hưởng của các cố vấn và những người khác được các nhà sử học tổng quát đưa vào, nay lại cộng thêm một sức mạnh mới là ý tưởng, mà mối liên hệ của nó với quần chúng đòi hỏi sự giải thích. Có thể hiểu rằng Napoléon đã có quyền lực, và vì thế sự kiện đã xảy ra ; với một sự nhượng bộ nhất định còn có thể hiểu rằng Napoléon cùng với các ảnh hưởng khác là nguyên nhân của sự kiện ; nhưng bằng cách nào cuốn sách Contrat Social đã làm cho người Pháp bắt đầu tàn sát lẫn nhau, điều đó không thể hiểu được nếu không có sự giải thích về mối liên hệ nhân quả của sức mạnh mới này với sự kiện.

Chắc chắn, có một mối liên hệ giữa tất cả những người sống cùng lúc, và vì thế có khả năng tìm thấy một mối liên hệ nào đó giữa hoạt động trí tuệ của con người và sự chuyển động lịch sử của họ, hệt như có thể tìm thấy mối liên hệ này giữa sự chuyển động của nhân loại và thương mại, thủ công, làm vườn và bất cứ thứ gì bạn muốn. Nhưng tại sao hoạt động trí tuệ của con

người lại được các nhà sử học văn hóa coi là nguyên nhân hoặc biểu hiện của toàn bộ sự chuyển động lịch sử, điều này thật khó hiểu. Đến kết luận như vậy chỉ có thể dẫn các nhà sử học đến những suy nghĩ sau : 1) rằng lịch sử được viết bởi các học giả, và vì thế họ tự nhiên và dễ chịu khi nghĩ rằng hoạt động của giai tầng họ là cơ sở cho sự vận động của toàn thể nhân loại, hệt như điều đó tự nhiên và dễ chịu khi nghĩ như vậy đối với các thương gia, nông dân, binh lính (điều này không được nói ra chỉ vì các thương gia và binh lính không viết sử), và 2) rằng hoạt động tinh thần, sự khai sáng, văn minh, văn hóa, ý tưởng – tất cả những khái niệm này đều mơ hồ, không xác định, dưới lá cờ của chúng rất thuận tiện để sử dụng các từ ngữ có ý nghĩa thậm chí còn ít rõ ràng hơn và vì thế dễ dàng thay thế cho bất kỳ lý thuyết nào.

Nhưng không nói về phẩm chất bên trong của loại lịch sử này (có lẽ đối với ai đó hoặc cho việc gì đó chúng cần thiết), các lịch sử văn hóa, mà tất cả các lịch sử tổng quát đang bắt đầu ngày càng quy về, đáng chú ý ở chỗ, mặc dù chúng xem xét chi tiết và nghiêm túc các học thuyết tôn giáo, triết học, chính trị khác nhau như là nguyên nhân của các sự kiện, nhưng mỗi khi họ cần mô tả một sự kiện lịch sử thực sự, chẳng hạn như cuộc hành quân năm thứ 12, họ lại vô tình mô tả nó như là sản phẩm của quyền lực, nói thẳng rằng cuộc hành

quân này là sản phẩm ý chí của Napoléon. Nói theo cách đó, các nhà sử học văn hóa vô tình mâu thuẫn với chính mình hoặc chứng minh rằng cái sức mạnh mới mà họ nghĩ ra không biểu hiện các sự kiện lịch sử, mà phương tiện duy nhất để hiểu lịch sử là cái quyền lực mà họ dường như không thừa nhận.

III

Đầu tàu đang chạy. Câu hỏi đặt ra là : tại sao nó chạy ? Người nông dân nói : đó là con quỷ đang làm nó chạy. Người khác nói rằng đầu tàu chạy là vì các bánh xe của nó đang quay. Người thứ ba khẳng định rằng nguyên nhân của sự chuyển động nằm ở khói bị gió cuốn đi.

Người nông dân là người không thể bác bỏ được. Để bác bỏ anh ta, cần phải có ai đó chứng minh cho anh ta thấy rằng không có con quỷ nào cả, hoặc một người nông dân khác giải thích cho anh ta rằng không phải con quỷ mà là một người Đức làm cho đầu tàu chạy. Chỉ khi đó từ những mâu thuẫn họ mới thấy rằng cả hai đều không đúng. Nhưng người nói rằng nguyên nhân là do các bánh xe quay, đã tự bác bỏ chính mình, vì nếu anh ta bước lên mảnh đất phân tích, anh ta phải đi xa hơn và xa hơn nữa : anh ta phải giải thích nguyên nhân của sự chuyển động của các bánh xe. Và cho đến khi anh ta đi đến chỗ hơi nước bị nén trong nồi hơi, anh ta sẽ không có quyền dừng lại trong việc tìm kiếm nguyên nhân. Người giải thích sự chuyển động của đầu tàu bằng làn khói bị cuốn ngược lại, khi nhận thấy rằng lời giải thích về các bánh xe không đưa ra nguyên nhân,

đã lấy dấu hiệu đầu tiên gặp phải và tự mình đưa ra nó như một nguyên nhân.

Khái niệm duy nhất có thể giải thích sự chuyển động của đầu tàu là khái niệm về một sức mạnh tương đương với sự chuyển động hữu hình.

Khái niệm duy nhất mà qua đó có thể giải thích sự chuyển động của các dân tộc là khái niệm về một sức mạnh tương đương với toàn bộ sự chuyển động của các dân tộc.

Trong khi đó, dưới khái niệm này, các nhà sử học khác nhau hiểu những sức mạnh hoàn toàn khác nhau và tất cả đều không tương đương với sự chuyển động hữu hình. Một số người nhìn thấy ở đó một sức mạnh vốn có trực tiếp của các anh hùng, như người nông dân nhìn thấy con quỷ trong đầu tàu ; những người khác – một sức mạnh được tạo ra từ một số sức mạnh khác, như sự chuyển động của các bánh xe ; những người thứ ba – ảnh hưởng trí tuệ, như làn khói bị cuốn đi.

Cho đến chừng nào các bộ lịch sử về các cá nhân riêng biệt còn được viết – dù họ là các Caesar, Alexander hay các Luther và Voltaire – mà không phải là lịch sử của tất cả, tuyệt đối không trừ một ai, của tất cả những người tham gia vào sự kiện, thì không có cách nào để mô tả

sự vận động của nhân loại mà không có khái niệm về một sức mạnh bắt buộc con người hướng hoạt động của mình vào một mục đích duy nhất. Và khái niệm duy nhất được các nhà sử học biết đến là quyền lực.

Khái niệm này là tay cầm duy nhất mà nhờ đó có thể nắm bắt được chất liệu của lịch sử trong cách trình bày hiện tại của nó, và người nào bẻ gãy cái tay cầm này, như Buckle đã làm, mà không biết phương pháp tiếp cận khác với chất liệu lịch sử, thì chỉ tước đi của mình khả năng cuối cùng để làm việc với nó. Tính tất yếu của khái niệm về quyền lực để giải thích các hiện tượng lịch sử được chứng minh tốt nhất bởi chính các nhà sử học tổng quát và các nhà sử học văn hóa, những người dường như từ bỏ khái niệm về quyền lực nhưng lại tất yếu phải sử dụng nó ở mỗi bước đi.

Khoa học lịch sử cho đến nay, đối với các câu hỏi của nhân loại, giống như tiền giấy đang lưu thông và tiền đúc theo luật định. Các lịch sử tiểu sử và lịch sử riêng biệt của các dân tộc giống như tiền giấy. Chúng có thể lưu thông và trao đổi, đáp ứng mục đích của mình mà không gây hại cho bất kỳ ai, và thậm chí còn có ích, cho đến khi nảy sinh câu hỏi về việc chúng được bảo đảm bằng cái gì. Chỉ cần quên đi câu hỏi về việc ý chí của các anh hùng tạo ra các sự kiện như thế nào, và các lịch

sử của Thiers sẽ thú vị, mang tính giáo dục và ngoài đó, sẽ có sắc thái của thơ ca. Nhưng hệt như sự nghi ngờ về giá trị thực của những tờ giấy nảy sinh hoặc là từ việc vì làm chúng quá dễ nên người ta bắt đầu làm quá nhiều, hoặc là từ việc người ta muốn đổi lấy chúng lấy vàng, – hệt như vậy nảy sinh sự nghi ngờ về giá trị thực của các bộ lịch sử loại này hoặc là vì chúng quá nhiều, hoặc là vì ai đó, với sự chân thành của tâm hồn, hỏi rằng : Napoléon đã làm điều đó bằng sức mạnh nào ? tức là muốn đổi tờ giấy đang lưu thông lấy vàng nguyên chất của khái niệm xác đáng.

Các nhà sử học tổng quát và nhà sử học văn hóa giống như những người, khi nhận thấy sự bất tiện của tiền giấy, đã quyết định thay vì giấy sẽ làm những đồng tiền đúc bằng kim loại không có độ đặc của vàng. Và đồng tiền thực sự đã phát ra âm thanh lanh lảnh, nhưng chỉ là tiếng lanh lảnh thôi. Tiền giấy còn có thể đánh lừa những người không biết ; còn đồng tiền lanh lảnh nhưng không có giá trị thì không thể đánh lừa được ai. Hệt như vàng chỉ là vàng khi nó có thể được sử dụng không chỉ để trao đổi mà còn cho việc sử dụng thực tế, các nhà sử học tổng quát cũng chỉ là vàng khi họ có thể trả lời cho câu hỏi thiết yếu của lịch sử : quyền lực là gì? Các nhà sử học tổng quát trả lời câu hỏi này một cách mâu thuẫn, còn các nhà sử học văn hóa hoàn

toàn gạt bỏ nó, trả lời cho một điều gì đó hoàn toàn khác. Và giống như các thẻ bài giống vàng chỉ có thể được sử dụng giữa một nhóm người đồng ý coi chúng là vàng, và giữa những người không biết các thuộc tính của vàng, hệt như vậy các nhà sử học tổng quát và các nhà sử học văn hóa, không trả lời cho các câu hỏi thiết yếu của nhân loại, phục vụ như những đồng tiền đang lưu thông cho mục đích riêng của mình cho các trường đại học và đám đông độc giả – những người săn lùng những cuốn sách nghiêm túc, như họ gọi chúng.

IV

Khi từ bỏ quan điểm của người xưa về sự phục tùng thần thánh của ý chí nhân dân cho một người được chọn và về sự phục tùng của ý chí đó cho Thần linh, lịch sử không thể tiến hành một bước nào mà không có các mâu thuẫn, nếu không chọn một trong hai điều : hoặc quay lại niềm tin cũ vào sự tham gia trực tiếp của Thần linh vào các công việc của nhân loại, hoặc giải thích rõ ràng ý nghĩa của cái sức mạnh tạo ra các sự kiện lịch sử, cái được gọi là quyền lực.

Quay lại điều thứ nhất là không thể : niềm tin đã bị phá hủy ; và vì thế cần phải giải thích ý nghĩa của quyền lực.

Napoléon ra lệnh tập hợp quân đội và đi đánh trận. Hình ảnh này đã quá quen thuộc với chúng ta, chúng ta đã quá quen với quan điểm này, đến nỗi câu hỏi về việc tại sao 600 nghìn người lại đi đánh trận khi Napoléon nói những lời này lời nọ dường như đối với chúng ta là vô nghĩa. Ông ta có quyền lực, và vì thế điều ông ta ra lệnh đã được thực hiện.

Câu trả lời này hoàn toàn thỏa đáng nếu chúng ta tin rằng quyền lực đã được trao cho ông ta bởi Chúa.

Nhưng ngay khi chúng ta không thừa nhận điều đó, cần phải xác định quyền lực của một người đối với những người khác là gì.

Quyền lực này không thể là quyền lực trực tiếp dựa trên sự áp đảo về thể chất của một thực thể mạnh đối với thực thể yếu – một sự áp đảo dựa trên việc sử dụng hoặc đe dọa sử dụng sức mạnh thể chất, – như quyền lực của Hercules ; nó cũng không thể dựa trên sự áp đảo về sức mạnh tinh thần, như một số nhà sử học nghĩ trong sự đơn giản tâm hồn, khi nói rằng các nhân vật lịch sử là những anh hùng, tức là những người được ban tặng cho một sức mạnh đặc biệt của tâm hồn và trí tuệ và được gọi là tài năng xuất chúng. Quyền lực này không thể dựa trên sự áp đảo về sức mạnh tinh thần, vì không nói về các vị anh hùng-người, như các Napoléon, mà về phẩm chất đạo đức của họ, các ý kiến là rất mâu thuẫn, lịch sử cho chúng ta thấy rằng cả những Louis XI, hay những Metternich, những người cai trị hàng triệu người, đều không có những thuộc tính đặc biệt nào về sức mạnh tinh thần, mà trái lại, phần lớn họ đều yếu kém về mặt đạo đức so với mỗi người trong số hàng triệu người mà họ cai trị.

Nếu nguồn gốc của quyền lực không nằm ở các thuộc tính thể chất và không nằm ở các thuộc tính đạo đức của

người sở hữu nó, thì rõ ràng, nguồn gốc của quyền lực này phải nằm ở bên ngoài con người – trong những mối quan hệ với quần chúng mà ở đó nhân vật sở hữu quyền lực nằm trong đó.

Chính xác như vậy khoa học về pháp luật hiểu về quyền lực, chính cái quầy trao đổi của lịch sử hứa hẹn đổi sự hiểu biết lịch sử về quyền lực lấy vàng nguyên chất.

Quyền lực là tổng hợp các ý chí của quần chúng, được chuyển giao bằng sự đồng ý rõ ràng hoặc ngầm định cho những người cai trị được quần chúng lựa chọn.

Trong lĩnh vực khoa học pháp lý, bao gồm các lập luận về việc làm thế nào nên xây dựng quốc gia và quyền lực nếu có thể xây dựng tất cả những điều đó, mọi thứ đều rất rõ ràng ; nhưng trong ứng dụng vào lịch sử, định nghĩa này về quyền lực đòi hỏi sự giải thích.

Khoa học pháp lý xem xét nhà nước và quyền lực như người xưa xem xét lửa, như một thứ gì đó tồn tại tuyệt đối. Đối với lịch sử, nhà nước và quyền lực chỉ là các hiện tượng, hệt như đối với vật lý của thời đại chúng ta, lửa không phải là một nguyên tố, mà là một hiện tượng.

Từ sự khác biệt cơ bản này giữa quan điểm của lịch sử và khoa học pháp lý nảy sinh việc, khoa học pháp lý có thể kể chi tiết về việc, theo ý kiến của nó, nên xây dựng quyền lực như thế nào và quyền lực là gì, tồn tại bất biến bên ngoài thời gian ; nhưng đối với các câu hỏi lịch sử về ý nghĩa của quyền lực đang biến đổi theo thời gian, nó không thể trả lời được gì cả.

Nếu quyền lực là tổng hợp các ý chí được chuyển giao cho người cai trị, thì liệu Pugachev có phải là đại diện cho ý chí của quần chúng ? Nếu không phải, thì tại sao Napoléon I lại là đại diện ? Tại sao Napoléon III, khi bị bắt ở Boulogne, lại là một tội phạm, và sau đó những người bị ông ta bắt lại là các tội phạm ?

Trong các cuộc đảo chính cung đình, mà đôi khi có hai-ba người tham gia, liệu ý chí của quần chúng cũng được chuyển giao cho một người mới ? Trong các mối quan hệ quốc tế, liệu ý chí của quần chúng dân tộc có được chuyển giao cho kẻ chinh phục mình ? Năm 1808 ý chí của Liên minh sông Rhine có được chuyển giao cho Napoléon ? Ý chí của quần chúng nhân dân Nga có được chuyển giao cho Napoléon vào năm 1809, khi quân đội của chúng ta liên minh với quân Pháp đi đánh Áo ?

Có thể trả lời các câu hỏi này theo ba cách :

Hoặc 1) thừa nhận rằng ý chí của quần chúng luôn luôn được chuyển giao vô điều kiện cho người cai trị hoặc những người cai trị mà họ đã chọn, và vì thế mọi sự xuất hiện của quyền lực mới, mọi cuộc đấu tranh chống lại quyền lực đã được chuyển giao phải được xem xét chỉ như một sự vi phạm quyền lực thực sự.

Hoặc 2) thừa nhận rằng ý chí của quần chúng được chuyển giao cho các người cai trị có điều kiện dưới những điều kiện xác định và đã biết, và chỉ ra rằng tất cả các sự hạn chế, xung đột và thậm chí là sự tiêu vong của quyền lực đều xuất phát từ việc những người cai trị không tuân thủ các điều kiện mà quyền lực đã được chuyển giao cho họ.

Hoặc 3) thừa nhận rằng ý chí của quần chúng được chuyển giao cho những người cai trị có điều kiện, nhưng dưới những điều kiện chưa biết, không xác định, và rằng sự xuất hiện của nhiều quyền lực, cuộc đấu tranh của chúng và sự sụp đổ chỉ xuất phát từ việc thực hiện nhiều hơn hoặc ít hơn của những người cai trị các điều kiện chưa biết đó, mà theo đó ý chí của quần chúng được chuyển giao từ người này sang người khác.

Chính theo ba cách này các nhà sử học giải thích các mối quan hệ của quần chúng với những người cai trị.

Một số nhà sử học, không hiểu nổi trong sự đơn giản tâm hồn câu hỏi về ý nghĩa của quyền lực, chính những nhà sử học tiểu sử trung thực nhất mà đã nói ở trên, thừa nhận như thể tổng hợp các ý chí của quần chúng được chuyển giao cho các nhân vật lịch sử một cách vô điều kiện, và vì thế, khi mô tả bất kỳ một quyền lực nào, các nhà sử học này giả định rằng chính quyền lực này là quyền lực duy nhất tuyệt đối và thực sự, và bất kỳ một sức mạnh nào khác chống lại quyền lực thực sự này không phải là quyền lực, mà là một sự vi phạm quyền lực – sự bạo ngược.

Lý thuyết của họ, phù hợp cho các thời kỳ sơ khai và yên tĩnh của lịch sử, trong ứng dụng vào các thời kỳ phức tạp và bão táp trong đời sống các dân tộc, khi nhiều quyền lực khác nhau xuất hiện và đấu tranh với nhau đồng thời, có sự bất tiện là một nhà sử học chính thống sẽ chứng minh rằng Công ước, Đốc chính và Bonaparte chỉ là những sự vi phạm quyền lực, còn một người cộng hòa và người theo phe Bonaparte sẽ chứng minh : một người rằng Công ước, còn người kia rằng Đế chế là quyền lực thực sự, và rằng tất cả những thứ còn lại là sự vi phạm quyền lực. Rõ ràng là theo cách đó, khi phủ nhận lẫn nhau, các giải thích về quyền lực của các nhà sử học này chỉ có thể phù hợp cho trẻ em ở độ tuổi non nớt nhất.

Khi thừa nhận sự sai lầm của quan điểm này về lịch sử, một loại nhà sử học khác nói rằng quyền lực dựa trên việc chuyển giao có điều kiện cho những người cai trị tổng hợp các ý chí của quần chúng và rằng các nhân vật lịch sử chỉ có quyền lực dưới điều kiện thực hiện chương trình mà ý chí nhân dân đã quy định cho họ bằng sự đồng ý thầm lặng. Nhưng chương trình này bao gồm những gì, các nhà sử học này không nói cho chúng ta biết, hoặc nếu có nói, thì họ thường xuyên mâu thuẫn lẫn nhau.

Đối với mỗi nhà sử học, tùy theo quan điểm của ông ta về mục đích chuyển động của dân tộc, chương trình này hiện diện trong sự vĩ đại, giàu có, tự do, khai sáng của công dân Pháp hoặc của một quốc gia khác. Nhưng không nói về sự mâu thuẫn của các nhà sử học về việc chương trình này là gì ; ngay cả khi giả định rằng có một chương trình chung cho tất cả, thì các sự kiện lịch sử hầu như luôn luôn mâu thuẫn với lý thuyết này. Nếu các điều kiện mà quyền lực được chuyển giao nằm ở sự giàu có, tự do, khai sáng của nhân dân, thì tại sao các Louis XIV và Ivan IV lại kết thúc triều đại của mình một cách yên bình, còn các Louis XVI và Charles I lại bị nhân dân hành hình ? Đối với câu hỏi này, các nhà sử học trả lời rằng hoạt động của Louis XIV, trái với chương trình, đã phản ánh lên Louis XVI. Nhưng tại

sao nó không phản ánh lên Louis XIV và XV, tại sao chính nó đáng lẽ phải phản chiếu lên Louis XVI ? Và thời hạn của sự phản chiếu đó là bao lâu ? Đối với những câu hỏi này không có và không thể có câu trả lời. Quan điểm này cũng giải thích rất ít về lý do tại sao sự tổng hòa ý chí trong suốt nhiều thế kỷ không được chuyển giao từ các quân vương và người thừa kế của họ, mà rồi đột nhiên, trong vòng 50 năm, lại được chuyển sang cho Quốc ước (Convention), cho Hội đồng Đốc chính (Directoire), cho Napoléon, cho Alexander, cho Louis XVIII, rồi lại cho Napoléon, cho Charles X, cho Louis-Philippe, cho chính phủ cộng hòa, và cho Napoléon III.

Khi giải thích về những sự chuyển giao ý chí nhanh chóng từ người này sang người khác, đặc biệt là trong các mối quan hệ quốc tế, các cuộc chinh phạt và liên minh, các nhà sử học này vô tình phải thừa nhận rằng một phần của những hiện tượng này không còn là sự chuyển giao ý chí đúng nghĩa nữa, mà là những sự ngẫu nhiên phụ thuộc vào sự mưu mẹo, sai lầm, sự xảo quyệt hoặc yếu đuối của một nhà ngoại giao, một quân vương, hay một thủ lĩnh đảng phái. Do đó, phần lớn các hiện tượng lịch sử – nội chiến, cách mạng, chinh phạt – hiện ra dưới ngòi bút của các nhà sử học này không còn là sản phẩm của sự chuyển giao ý chí tự do, mà là sản phẩm của ý chí bị định hướng sai lầm của một hay vài

cá nhân, nghĩa là, lại một lần nữa, là sự vi phạm quyền lực. Và vì thế, các sự kiện lịch sử cũng bị các nhà sử học loại này coi là những sự đi chệch khỏi lý thuyết.

Các nhà sử học này giống như một nhà thực vật học, khi nhận thấy một số thực vật mọc lên từ hạt với hai lá mầm, liền khăng khăng cho rằng mọi thứ cây cỏ đều chỉ lớn lên bằng cách chia làm hai lá; và rằng cây cọ, cây nấm, hay thậm chí cây sồi, khi đã trưởng thành và phân cành mà không còn giữ hình dáng của hai lá mầm nữa, đều là những sự đi chệch khỏi lý thuyết.

Nhóm nhà sử học thứ ba thừa nhận rằng ý chí của quần chúng được chuyển giao cho các nhân vật lịch sử một cách có điều kiện, nhưng những điều kiện đó chúng ta vẫn chưa biết rõ. Họ nói rằng các nhân vật lịch sử có quyền lực chỉ bởi vì họ thực hiện ý chí của quần chúng đã chuyển giao cho họ.

Nhưng trong trường hợp đó, nếu sức mạnh thúc đẩy các dân tộc không nằm ở các nhân vật lịch sử mà nằm ở chính các dân tộc, thì ý nghĩa của các nhân vật lịch sử đó là gì ?

Các nhà sử học này nói rằng, các nhân vật lịch sử đại diện cho ý chí của quần chúng; hoạt động của các nhân

vật lịch sử đóng vai trò là biểu trưng cho hoạt động của quần chúng.

Nhưng trong trường hợp này nảy sinh câu hỏi : liệu toàn bộ hoạt động của các nhân vật lịch sử phục vụ cho sự thể hiện ý chí của quần chúng, hay chỉ một phương diện nhất định của nó ? Nếu toàn bộ hoạt động của các nhân vật lịch sử phục vụ cho sự thể hiện ý chí của quần chúng, như một số người nghĩ, thì tiểu sử của các Napoleon, Catherine, với tất cả chi tiết của những chuyện ngồi lê đôi mách chốn cung đình, sẽ phục vụ cho sự thể hiện đời sống của các dân tộc, điều đó rõ ràng là vô nghĩa ; nếu chỉ một phương diện hoạt động của nhân vật lịch sử phục vụ cho sự thể hiện đời sống của các dân tộc, như một số người khác – những người tự xưng là triết gia-sử gia – nghĩ, thì để xác định phương diện nào trong hoạt động của nhân vật lịch sử thể hiện đời sống dân tộc, trước hết cần phải biết đời sống dân tộc bao gồm những gì.

Gặp phải khó khăn này, các nhà sử học loại này đã nghĩ ra một khái niệm trừu tượng mơ hồ nhất, khó nắm bắt nhất và chung chung nhất, mà dưới đó có thể đưa vào số lượng sự kiện lớn nhất, và họ nói rằng mục tiêu của sự vận động của nhân loại nằm trong khái niệm trừu tượng đó. Những khái niệm trừu tượng phổ biến nhất,

được hầu hết các nhà sử học chấp nhận là : tự do, bình đẳng, khai sáng, tiến bộ, văn minh, văn hóa. Đặt một khái niệm trừu tượng nào đó làm mục tiêu cho sự vận động của nhân loại, các nhà sử học nghiên cứu những người đã để lại cho mình số lượng kỷ vật lớn nhất – các vị vua, bộ trưởng, tướng lĩnh, tác giả, nhà cải cách, giáo hoàng, nhà báo, theo mức độ mà tất cả những nhân vật này, theo ý kiến của họ, đã góp phần hoặc chống lại khái niệm trừu tượng nhất định đó. Nhưng vì chưa hề có chứng minh nào cho thấy mục tiêu của nhân loại nằm ở tự do, bình đẳng, khai sáng hay văn minh, và vì mối liên hệ giữa quần chúng với những người cai trị và những người khai sáng nhân loại chỉ dựa trên giả định tùy tiện rằng tổng thể ý chí của quần chúng luôn được chuyển giao cho những nhân vật mà chúng ta nhận thấy, nên hoạt động của hàng triệu người di cư, đốt nhà, bỏ canh tác, tiêu diệt lẫn nhau, không bao giờ được thể hiện trong mô tả về hoạt động của hàng chục nhân vật không đốt nhà, không làm nông nghiệp, không giết hại đồng loại.

Lịch sử chứng minh điều này ở mỗi bước đi. Sự náo động của các dân tộc phương Tây vào cuối thế kỷ trước và xu hướng tiến về phương Đông của họ có được giải thích bằng hoạt động của Louis XIV, XV và XVI, những tình nhân, bộ trưởng của họ, bằng cuộc đời của

Napoléon, Rousseau, Diderot, Beaumarchais và những người khác không ?

Sự vận động của dân tộc Nga về phương Đông đến Kazan và Siberia có được thể hiện trong những chi tiết về tính cách bệnh hoạn của Ivan IV và thư từ của ông ta với Kurbsky không ?

Sự vận động của các dân tộc trong thời kỳ Thập tự chinh có được giải thích bằng cuộc đời và hoạt động của các vương hầu Godefroy và Louis cùng các phu nhân của họ không ? Đối với chúng ta, sự vận động của các dân tộc từ phương Tây sang phương Đông vẫn là điều không thể hiểu nổi, không có bất kỳ mục đích nào, không có những người dẫn dắt – với đám đông những kẻ lang thang, với Pierre l'Ermite. Và càng không thể hiểu nổi sự chấm dứt của sự vận động này vào lúc mà mục tiêu của các cuộc chinh phạt đã được các nhân vật lịch sử nêu ra một cách rõ ràng, hợp lý và thiêng liêng – giải phóng Jerusalem. Các giáo hoàng, vua chúa và hiệp sĩ đã thúc giục dân chúng giải phóng đất thánh ; nhưng dân chúng không đi, vì cái nguyên nhân không xác định đã thúc đẩy họ chuyển động trước đây không còn tồn tại nữa. Lịch sử của những Godefroy và các minnesinger, rõ ràng, không thể chứa đựng trong mình đời sống của các dân tộc. Và lịch sử của những

Godefroy và các minnesinger vẫn là lịch sử của những Godefroy và các minnesinger, còn lịch sử đời sống của các dân tộc và những động lực của họ vẫn là điều chưa xác định.

Lịch sử của các nhà văn và nhà cải cách lại càng ít giải thích cho chúng ta về đời sống của các dân tộc.

Lịch sử văn hóa giải thích cho chúng ta về những động lực, điều kiện sống và tư tưởng của một nhà văn hoặc một nhà cải cách. Chúng ta biết rằng Luther có tính tình nóng nảy và đã nói những lời như vậy ; chúng ta biết rằng Rousseau là người đa nghi và đã viết những cuốn sách như thế ; nhưng chúng ta không biết tại sao sau cuộc cải cách các dân tộc lại chém giết lẫn nhau và tại sao trong cuộc Cách mạng Pháp người ta lại hành hình lẫn nhau.

Nếu kết hợp cả hai loại lịch sử này lại với nhau, như các nhà sử học hiện đại thường làm, thì đó sẽ là lịch sử của các vị vua và các nhà văn, chứ không phải lịch sử đời sống của các dân tộc.

V

Đời sống của các dân tộc không nằm gọn trong cuộc đời của một vài người, vì mối liên hệ giữa một vài người này với các dân tộc vẫn chưa được tìm thấy. Lý thuyết cho rằng mối liên hệ này dựa trên việc chuyển giao tổng thể các ý chí cho các nhân vật lịch sử là một giả thuyết không được xác nhận bởi kinh nghiệm lịch sử.

Lý thuyết về việc chuyển giao tổng thể ý chí của quần chúng cho các nhân vật lịch sử có lẽ giải thích được nhiều điều trong lĩnh vực khoa học luật pháp và có lẽ cần thiết cho các mục đích của chính nó ; nhưng trong ứng dụng vào lịch sử, ngay khi các cuộc cách mạng, các cuộc chinh phạt, các cuộc nội chiến xuất hiện, ngay khi lịch sử bắt đầu, lý thuyết này không giải thích được điều gì cả.

Lý thuyết này dường như không thể bác bỏ được chính vì hành động chuyển giao ý chí của nhân dân không thể kiểm chứng được, vì nó chưa bao giờ tồn tại.

Bất kể sự kiện nào đã xảy ra, bất kể ai đứng đầu sự kiện, lý thuyết luôn có thể nói rằng nhân vật đó đứng

đầu sự kiện vì tổng thể ý chí đã được chuyển giao cho người đó.

Những câu trả lời do lý thuyết này đưa ra cho các câu hỏi lịch sử giống như câu trả lời của một người nhìn vào một đàn gia súc đang di chuyển mà không để ý đến chất lượng khác nhau của các bãi cỏ ở những nơi khác nhau của cánh đồng, cũng không để ý đến sự thúc giục của người chăn gia súc, mà lại phán đoán về nguyên nhân của hướng này hay hướng khác của đàn gia súc theo việc con vật nào đi trước đàn.

«Đàn gia súc đi theo hướng này vì con vật đi trước dẫn dắt nó, và tổng thể ý chí của tất cả các con vật khác đã được chuyển giao cho con đầu đàn này». Đó là cách trả lời của loại nhà sử học thứ nhất, những người công nhận sự chuyển giao quyền lực vô điều kiện.

«Nếu những con vật đi đầu đàn thay đổi, thì điều đó xảy ra bởi vì tổng thể ý chí của tất cả các con vật được chuyển giao từ con đầu đàn này sang con đầu đàn khác, tùy thuộc vào việc con vật này có dẫn đàn theo hướng mà cả đàn đã chọn hay không». Đó là cách trả lời của các nhà sử học công nhận rằng tổng thể ý chí của quần chúng được chuyển giao cho những người cai trị dưới những điều kiện mà họ coi là không xác định. (Với phương pháp quan sát này, thường xảy ra trường hợp

người quan sát, dựa trên hướng đi do mình chọn, lại coi những kẻ dẫn đầu là những con do sự thay đổi hướng đi của quần chúng mà không còn ở phía trước nữa, mà ở phía bên cạnh, và đôi khi ở phía sau).

«Nếu các con vật đứng đầu không ngừng thay đổi và hướng đi của cả đàn không ngừng thay đổi, thì điều đó xảy ra bởi vì để đạt được hướng đi mà chúng ta biết, các con vật chuyển giao ý chí của chúng cho những con vật mà chúng ta nhận thấy ; và để nghiên cứu sự vận động của đàn, cần phải quan sát tất cả các con vật đáng chú ý mà chúng ta thấy từ mọi phía của đàn». Đó là cách nói của các nhà sử học loại thứ ba, những người coi tất cả các nhân vật lịch sử, từ các vị vua đến các nhà báo, là biểu hiện của thời đại mình.

Lý thuyết chuyển giao ý chí của quần chúng cho các nhân vật lịch sử chỉ là một cách diễn đạt khác – chỉ là cách diễn đạt bằng những từ khác cho câu hỏi.

Nguyên nhân của các sự kiện lịch sử là gì ? – Quyền lực. Quyền lực là gì ? – Quyền lực là tổng thể các ý chí được chuyển giao cho một cá nhân. Theo điều kiện nào thì các ý chí được chuyển giao cho một cá nhân ? – Theo điều kiện người đó thể hiện ý chí của tất cả mọi người. Nghĩa là quyền lực là quyền lực. Nghĩa là quyền lực là một từ mà ý nghĩa của nó chúng ta không hiểu.

Nếu lĩnh vực tri thức nhân loại chỉ giới hạn ở tư duy trừu tượng, thì sau khi phê phán cách giải thích về quyền lực do khoa học đưa ra, nhân loại sẽ đi đến kết luận rằng quyền lực chỉ là một từ và trong thực tế không tồn tại. Nhưng để nhận thức các hiện tượng, ngoài tư duy trừu tượng, con người còn có công cụ là kinh nghiệm, mà trên đó họ kiểm chứng các kết quả của tư duy. Và kinh nghiệm nói rằng quyền lực không chỉ là một từ, mà là một hiện tượng thực sự tồn tại.

Không cần nói đến việc không một mô tả nào về hoạt động chung của con người có thể thiếu khái niệm quyền lực, sự tồn tại của quyền lực được chứng minh bằng cả lịch sử lẫn quan sát các sự kiện đương đại.

Luôn luôn, khi một sự kiện xảy ra, sẽ có một người hoặc những người mà theo ý chí của họ sự kiện đó dường như đã được thực hiện. Napoléon III ban lệnh, và người Pháp đi đến Mexico. Vua Phổ và Bismarck ban lệnh, và quân đội tiến vào Bohemia. Napoléon I ra lệnh, và quân đội tiến vào nước Nga. Alexander I ra lệnh, và người Pháp phục tùng dòng họ Bourbon. Kinh nghiệm cho chúng ta thấy rằng bất kể sự kiện nào đã xảy ra, nó luôn gắn liền với ý chí của một hoặc vài người đã ra lệnh cho nó.

Các nhà sử học, theo thói quen cũ là công nhận sự tham gia của thần linh vào các công việc của nhân loại, muốn thấy nguyên nhân của sự kiện trong biểu hiện ý chí của nhân vật được trao quyền lực ; nhưng kết luận này không được xác nhận bởi lập luận lẫn kinh nghiệm.

Một mặt, lập luận cho thấy rằng biểu hiện ý chí của một người – lời nói của người đó – chỉ là một phần của hoạt động chung được thể hiện trong một sự kiện, chẳng hạn như trong một cuộc chiến tranh hay một cuộc cách mạng ; và do đó, nếu không công nhận một lực lượng siêu nhiên không thể hiểu nổi – phép màu – thì không thể chấp nhận rằng lời nói có thể là nguyên nhân trực tiếp của sự vận động của hàng triệu người ; mặt khác, ngay cả khi chấp nhận rằng lời nói có thể là nguyên nhân của sự kiện, thì lịch sử cũng cho thấy rằng những biểu hiện ý chí của các nhân vật lịch sử trong phần lớn các trường hợp không tạo ra bất kỳ kết quả nào – tức là các mệnh lệnh của họ thường không được thực hiện, và đôi khi điều hoàn toàn ngược lại với những gì họ ra lệnh lại xảy ra.

Nếu không chấp nhận sự tham gia của thần linh vào các công việc của nhân loại, chúng ta không thể coi quyền lực là nguyên nhân của các sự kiện.

Quyền lực, từ quan điểm của kinh nghiệm, chỉ là sự phụ thuộc tồn tại giữa biểu hiện ý chí của một cá nhân và việc thực hiện ý chí đó bởi những người khác.

Để giải thích cho mình những điều kiện của sự phụ thuộc này, trước hết chúng ta phải khôi phục lại khái niệm về biểu hiện của ý chí, bằng cách quy nó về con người chứ không phải về Thượng đế.

Nếu Thượng đế ban một mệnh lệnh, thể hiện ý chí của mình, như lịch sử cổ đại cho chúng ta thấy, thì biểu hiện của ý chí đó không phụ thuộc vào thời gian và không do bất cứ điều gì gây ra, vì Thượng đế không liên quan gì đến sự kiện. Nhưng khi nói về các mệnh lệnh – biểu hiện ý chí của những con người đang hoạt động trong thời gian và liên quan đến nhau – để giải thích cho mình mối liên hệ giữa các mệnh lệnh với các sự kiện, chúng ta phải khôi phục lại : 1) điều kiện của mọi sự việc đang diễn ra : tính liên tục của sự vận động trong thời gian của cả các sự kiện lẫn nhân vật ra lệnh, và 2) điều kiện của mối liên hệ tất yếu trong đó nhân vật ra lệnh đứng đối với những người thực hiện mệnh lệnh của người đó.

VI

Chỉ có biểu hiện ý chí của Thượng đế, không phụ thuộc vào thời gian, mới có thể liên quan đến một chuỗi toàn bộ các sự kiện sắp diễn ra qua nhiều năm hoặc nhiều thế kỷ, và chỉ có Thượng đế, bởi một ý chí duy nhất không do ai thúc đẩy, mới có thể xác định hướng đi cho sự vận động của nhân loại ; còn con người thì hoạt động trong thời gian và bản thân họ tham gia vào sự kiện.

Khôi phục lại điều kiện bị bỏ sót thứ nhất – điều kiện thời gian – chúng ta sẽ thấy rằng không một mệnh lệnh nào có thể được thực hiện mà không có mệnh lệnh trước đó làm cho việc thực hiện mệnh lệnh sau cùng trở nên khả thi.

Không bao giờ một mệnh lệnh nào xuất hiện một cách tự phát và không bao gồm trong mình cả một chuỗi các sự kiện ; mà mỗi mệnh lệnh đều bắt nguồn từ một mệnh lệnh khác và không bao giờ liên quan đến toàn bộ chuỗi sự kiện, mà chỉ luôn liên quan đến một thời điểm duy nhất của sự kiện.

Ví dụ, khi chúng ta nói rằng Napoléon đã ra lệnh cho quân đội đi đánh trận, chúng ta kết hợp vào một biểu

hiện mệnh lệnh duy nhất một chuỗi các mệnh lệnh liên tiếp phụ thuộc lẫn nhau. Napoléon không thể ra lệnh hành quân sang Nga và chưa bao giờ ra lệnh đó. Hôm nay ông ta ra lệnh viết một số giấy tờ gửi đi Vienna, Berlin và Petersburg ; ngày mai – những sắc lệnh và mệnh lệnh cho quân đội, hạm đội và hậu cần, v.v., v.v. – hàng triệu mệnh lệnh tạo thành một chuỗi các mệnh lệnh tương ứng với một chuỗi các sự kiện đã dẫn quân đội Pháp vào nước Nga.

Nếu Napoléon trong suốt triều đại của mình ra lệnh về các cuộc viễn chinh sang Anh, không dành một nỗ lực và thời gian nào cho một trong những kế hoạch của mình, nhưng mặc dù vậy, trong suốt triều đại của mình, ông ta chưa bao giờ cố gắng thực hiện ý định của mình mà lại thực hiện một cuộc viễn chinh sang Nga, nơi mà ông ta, theo niềm tin nhiều lần được bày tỏ, cho rằng việc liên minh là có lợi, thì điều đó xảy ra bởi vì những mệnh lệnh đầu tiên không tương ứng với một chuỗi các sự kiện, còn những mệnh lệnh thứ hai thì có.

Để một mệnh lệnh chắc chắn được thực hiện, cần phải có một người đưa ra mệnh lệnh mà có thể được thực hiện. Tuy nhiên, biết được điều gì có thể và điều gì không thể thực hiện là không thể, không chỉ đối với cuộc viễn chinh của Napoléon sang Nga, nơi có hàng

triệu người tham gia, mà ngay cả đối với một sự kiện đơn giản nhất, vì đối với việc thực hiện cái này hay cái kia luôn có thể gặp phải hàng triệu trở ngại. Mỗi mệnh lệnh được thực hiện luôn là một trong vô số các mệnh lệnh không được thực hiện. Tất cả các mệnh lệnh bất khả thi không được liên kết với sự kiện và không được thực hiện. Chỉ những cái khả thi mới được liên kết thành các chuỗi mệnh lệnh liên tiếp tương ứng với các chuỗi sự kiện và được thực hiện.

Quan niệm sai lầm của chúng ta cho rằng mệnh lệnh đi trước sự kiện là nguyên nhân của sự kiện nảy sinh từ chỗ, khi sự kiện đã hoàn thành và những mệnh lệnh duy nhất trong số hàng ngàn mệnh lệnh được liên kết với các sự kiện đã được thực hiện, chúng ta quên đi những cái không được thực hiện vì chúng không thể được thực hiện. Ngoài ra, nguồn gốc chính của sự sai lầm của chúng ta về mặt này là do trong trình bày lịch sử, cả một chuỗi vô số các sự kiện nhỏ nhặt, chẳng hạn như những gì đã dẫn quân đội Pháp vào nước Nga, được khái quát hóa thành một sự kiện duy nhất theo kết quả mà chuỗi sự kiện đó tạo ra ; và tương ứng với sự khái quát hóa đó, toàn bộ chuỗi các mệnh lệnh cũng được khái quát hóa thành một biểu hiện ý chí duy nhất.

Chúng ta nói : Napoléon muốn và đã thực hiện cuộc viễn chinh sang Nga. Trong thực tế, chúng ta sẽ không bao giờ tìm thấy trong toàn bộ hoạt động của Napoléon bất cứ điều gì giống như biểu hiện của ý chí này, mà sẽ thấy hàng loạt các mệnh lệnh hoặc biểu hiện ý chí của ông ta hướng đến những mục tiêu đa dạng nhất và không xác định nhất. Từ vô số các mệnh lệnh không được thực hiện của Napoléon đã hình thành nên một chuỗi các mệnh lệnh được thực hiện cho cuộc viễn chinh năm 12, không phải vì những mệnh lệnh đó khác gì với những mệnh lệnh không được thực hiện khác, mà bởi vì chuỗi các mệnh lệnh này trùng khớp với chuỗi các sự kiện đã dẫn quân đội Pháp vào nước Nga ; giống như một hình vẽ này hay hình vẽ kia sẽ được hiện ra trên một khuôn mẫu không phải vì người ta bôi sơn vào chỗ này hay chỗ khác, mà bởi vì sơn đã được bôi lên khắp các phía của hình vẽ đã được cắt sẵn trên khuôn mẫu.

Vì vậy, khi xem xét mối quan hệ của các mệnh lệnh đối với các sự kiện trong thời gian, chúng ta sẽ thấy rằng mệnh lệnh trong bất kỳ trường hợp nào cũng không thể là nguyên nhân của sự kiện, mà giữa cái này và cái kia tồn tại một sự phụ thuộc nhất định.

Để hiểu được sự phụ thuộc này bao gồm những gì, cần phải khôi phục lại một điều kiện bị bỏ sót khác của

mọi mệnh lệnh xuất phát không phải từ Thượng đế mà từ con người, đó là : chính người ra lệnh tham gia vào sự kiện.

Mối quan hệ của người ra lệnh đối với những người mà người đó ra lệnh chính là cái được gọi là quyền lực. Mối quan hệ này bao gồm những điều sau :

Đối với hoạt động chung, mọi người luôn tập hợp thành những sự kết hợp nhất định, trong đó, bất kể sự khác biệt về mục tiêu đề ra cho hành động chung, mối quan hệ giữa những người tham gia hành động luôn giống nhau.

Khi tập hợp thành những sự kết hợp này, mọi người luôn thiết lập giữa mình một mối quan hệ mà số lượng người tham gia trực tiếp nhiều nhất và số lượng người ra lệnh ít nhất – số lượng người ít nhất trực tiếp tham gia vào hành động chung mà họ tập hợp lại để thực hiện.

Trong tất cả những sự kết hợp mà con người tập hợp lại để thực hiện các hành động chung, một trong những ví dụ rõ ràng và xác định nhất là quân đội.

Mọi quân đội đều bao gồm những thành viên cấp thấp nhất theo quân hàm : những người lính, mà số lượng

của họ luôn là lớn nhất ; tiếp theo là những người thuộc quân hàm cao hơn một chút : các hạ sĩ, quản ca, mà số lượng của họ ít hơn số lượng lính ; sau đó là những người cao hơn nữa, mà số lượng của họ còn ít hơn nữa, và cứ thế cho đến cấp quyền lực quân sự cao nhất, tập trung vào một người duy nhất.

Cấu trúc quân sự có thể được thể hiện chính xác hoàn toàn bằng hình nón, trong đó đáy có đường kính lớn nhất sẽ gồm các binh lính ; cấp cao hơn, đáy nhỏ hơn – là các cấp chỉ huy cao cấp của quân đội, v.v., cho đến đỉnh nón, điểm đó sẽ là vị thống soái.

Những người lính, với số lượng lớn nhất, tạo thành những điểm thấp nhất của hình nón và đáy của nó. Người lính trực tiếp đâm, chém, đốt, cướp, và luôn nhận lệnh cho những hành động này từ những người đứng trên mình ; bản thân người lính không bao giờ ra lệnh. Hạ sĩ (số lượng hạ sĩ đã ít hơn) ít thực hiện hành động trực tiếp hơn người lính ; nhưng đã bắt đầu ra lệnh. Sĩ quan còn ít tham gia trực tiếp vào hành động hơn và càng thường xuyên ra lệnh hơn. Tướng lĩnh chỉ ra lệnh cho binh lính đi, chỉ ra mục tiêu, và hầu như không bao giờ sử dụng vũ khí. Vị thống soái không bao giờ có thể tham gia trực tiếp vào hành động và chỉ đưa ra những chỉ thị chung về sự vận động của quần chúng.

Mối quan hệ tương tự giữa các cá nhân cũng được nhận thấy trong bất kỳ sự kết hợp nào của con người cho một hoạt động chung – trong nông nghiệp, thương mại và trong mọi sự quản lý.

Như vậy, không phân chia nhân tạo tất cả các điểm kết nối của hình nón và các cấp bậc của quân đội, hoặc các vị trí và địa vị của bất kỳ sự quản lý hay hoạt động chung nào, từ cấp thấp nhất đến cấp cao nhất, sẽ thấy một quy luật mà theo đó con người, để thực hiện các hành động chung, luôn kết hợp với nhau theo một mối quan hệ mà người tham gia trực tiếp vào hành động càng nhiều thì họ càng ít quyền ra lệnh và số lượng của họ càng đông ; và người tham gia trực tiếp vào sự kiện càng ít thì họ càng ra lệnh nhiều và số lượng của họ càng ít ; cho đến khi đi từ các tầng lớp thấp nhất lên đến một người cuối cùng, người tham gia trực tiếp vào sự kiện ít nhất và dành nhiều hoạt động của mình nhất cho các mệnh lệnh.

Mối quan hệ này của những người ra lệnh đối với những người mà họ ra lệnh tạo thành bản chất của khái niệm được gọi là quyền lực.

Sau khi khôi phục các điều kiện thời gian mà trong đó các sự kiện xảy ra, chúng ta đã thấy rằng mệnh lệnh chỉ được thực hiện khi nó liên quan đến một chuỗi sự

kiện tương ứng. Sau khi khôi phục lại điều kiện tất yếu của mối liên hệ giữa người ra lệnh và người thực hiện, chúng ta thấy rằng theo chính tính chất của mình, những người ra lệnh tham gia ít nhất vào chính sự kiện và hoạt động của họ hoàn toàn chỉ hướng vào việc ra lệnh.

VII

Khi một sự kiện nào đó xảy ra, mọi người thể hiện ý kiến, mong muốn của mình về sự kiện đó, và vì sự kiện bắt nguồn từ hành động chung của nhiều người, nên một trong những ý kiến hoặc mong muốn được thể hiện chắc chắn sẽ được thực hiện, dù chỉ là tương đối. Khi một trong những ý kiến được thể hiện đã được thực hiện, ý kiến đó sẽ gắn liền với sự kiện như là mệnh lệnh đi trước sự kiện.

qMọi người đang kéo một khúc gỗ. Mỗi người đưa ra ý kiến của mình về việc kéo như thế nào và đi đâu. Những người kéo đã kéo được khúc gỗ, và hóa ra điều đó được thực hiện đúng như một người trong số họ đã nói. Anh ta đã ra lệnh. Đây là quyền lực và mệnh lệnh ở dạng nguyên thủy nhất : người làm việc bằng tay nhiều nhất thì ít có khả năng suy nghĩ về những gì mình đang làm, về việc cân nhắc những gì có thể mang lại kết quả từ hoạt động chung và ra lệnh ; còn người ra lệnh nhiều nhất, do hoạt động của mình chỉ là lời nói, rõ ràng là ít có khả năng hành động bằng tay hơn.

Trong một tập hợp người đông đảo hơn hướng hoạt động vào một mục tiêu duy nhất, một tầng lớp người càng tách biệt rõ rệt hơn, những người càng ít tham gia

trực tiếp vào hoạt động chung thì hoạt động của họ càng hướng vào việc ra lệnh.

Con người, khi hành động một mình, luôn mang trong mình một chuỗi các suy nghĩ đã dẫn dắt các hành động của mình, như anh ta tưởng ; đối với anh ta, hoạt động đã qua có vẻ như được biện minh bởi những suy nghĩ của mình. Hoàn toàn giống như vậy, một tập hợp người, khi trao cho những người không tham gia trực tiếp vào hành động nhiệm vụ đưa ra các suy nghĩ, biện minh cho hoạt động chung của mình.

Vì những lý do đã biết hoặc chưa biết đối với chúng ta, người Pháp bắt đầu dìm và chém giết lẫn nhau. Và tương ứng với sự kiện đó, sự biện minh cho nó đi kèm trong những biểu hiện ý chí của mọi người về việc điều này là cần thiết vì sự tốt đẹp của nước Pháp, vì tự do, vì bình đẳng. Mọi người ngừng chém giết lẫn nhau, và sự kiện này đi kèm với sự biện minh cho sự cần thiết của sự thống nhất quyền lực, việc đẩy lùi châu Âu, v.v. Mọi người đi từ phương Tây sang phương Đông giết chóc đồng loại, và sự kiện này đi kèm với những lời nói về vinh quang của nước Pháp, sự hèn hạ của nước Anh, v.v. Lịch sử cho chúng ta thấy rằng những sự biện minh này cho sự kiện không mang bất kỳ ý nghĩa chung nào, mâu thuẫn với chính mình, như việc giết người là kết

quả của việc công nhận các quyền của con người, và việc giết hàng triệu người ở Nga là kết quả của việc làm nhục nước Anh. Nhưng những sự biện minh này trong ý nghĩa đương đại lại có giá trị tất yếu.

Những sự biện minh này cởi bỏ trách nhiệm đạo đức cho những người tạo ra các sự kiện. Các mục tiêu tạm thời này giống như những chiếc chổi quét đường đi cho các thanh ray phía trước đoàn tàu : chúng dọn sạch con đường trách nhiệm đạo đức của con người. Không có những sự biện minh này thì không thể giải thích được câu hỏi đơn giản nhất xuất hiện khi xem xét mỗi sự kiện: làm thế nào hàng triệu người lại cùng phạm tội ác, chiến tranh, giết chóc, v.v. ?

Trong những hình thức phức tạp hiện nay của đời sống nhà nước và xã hội ở châu Âu, liệu có thể nghĩ ra bất kỳ sự kiện nào mà không được ra lệnh, chỉ định bởi các quốc vương, bộ trưởng, nghị viện, báo chí không? Liệu có hành động chung nào mà không tìm thấy sự biện minh cho mình trong sự thống nhất quốc gia, trong sự cân bằng của châu Âu, trong văn minh không ? Như vậy, mọi sự kiện đã xảy ra chắc chắn trùng khớp với một mong muốn nào đó được thể hiện và nhận được sự biện minh cho mình, được trình bày như là sản phẩm của ý chí của một hoặc vài người.

Dù một con tàu đang chuyển động đi về đâu, phía trước nó luôn thấy một dòng nước bị rẽ ra bởi mũi tàu. Đối với những người trên tàu, chuyển động của dòng nước này sẽ là chuyển động duy nhất nhận thấy được.

Chỉ bằng cách quan sát kỹ, từng khoảnh khắc một, sự chuyển động của dòng nước này và so sánh sự chuyển động này với sự chuyển động của con tàu, chúng ta mới tin chắc rằng mỗi khoảnh khắc chuyển động của dòng nước được xác định bởi sự chuyển động của con tàu và chính con tàu đã đưa chúng ta vào sự lầm tưởng rằng chính chúng ta đang chuyển động một cách vô hình.

Chúng ta cũng sẽ thấy điều tương tự khi quan sát từng khoảnh khắc một sự chuyển động của các nhân vật lịch sử (tức là khôi phục lại điều kiện tất yếu của mọi việc đang diễn ra – điều kiện liên tục của sự vận động trong thời gian) và không bỏ qua mối liên hệ tất yếu của các nhân vật lịch sử với quần chúng.

Bất kể điều gì đã xảy ra, nó sẽ luôn tỏ ra là điều đã được dự tính và ra lệnh trước. Dù con tàu đi về đâu, dòng nước, không dẫn dắt, không tăng cường chuyển động của nó, vẫn cuồn cuộn phía trước nó và từ xa sẽ có vẻ đối với chúng ta không chỉ là tự phát mà còn là dẫn dắt sự chuyển động của con tàu.

Chỉ xem xét những biểu hiện ý chí của các nhân vật lịch sử coi sự kiện như là kết quả của các mệnh lệnh, các nhà sử học cho rằng các sự kiện nằm trong sự phụ thuộc vào các mệnh lệnh. Tuy nhiên, khi xem xét chính các sự kiện và mối liên hệ của chúng với quần chúng, chúng ta thấy rằng các nhân vật lịch sử và mệnh lệnh của họ nằm trong sự phụ thuộc vào sự kiện. Một bằng chứng chắc chắn cho kết luận này là, dù có bao nhiêu mệnh lệnh đi nữa, sự kiện sẽ không xảy ra nếu không có những nguyên nhân khác ; nhưng ngay khi sự kiện xảy ra – bất kể nó là gì – thì trong số vô số những ý chí được thể hiện liên tục của các cá nhân khác nhau sẽ luôn tìm thấy những ý chí mà theo ý nghĩa và thời gian sẽ được coi là mệnh lệnh đối với sự kiện đó.

Đi đến kết luận này, chúng ta có thể trả lời trực tiếp và xác đáng cho hai câu hỏi thiết yếu của lịch sử :

1) Cái gì là quyền lực ?

2) Lực nào tạo ra sự vận động của các dân tộc ?

1) Quyền lực là một mối quan hệ của một cá nhân nhất định đối với các cá nhân khác, trong đó cá nhân đó càng ít tham gia vào hành động thì anh ta càng thể hiện nhiều ý kiến, giả định và sự biện minh cho hành động chung đang được thực hiện.

2) Sự vận động của các dân tộc không phải do quyền lực, không phải do hoạt động trí tuệ, thậm chí không phải do sự kết hợp của cả hai tạo ra, như các nhà sử học hằng nghĩ, mà là hoạt động của tất cả những người tham gia vào sự kiện và luôn kết hợp với nhau theo cách mà những người tham gia trực tiếp nhất vào sự kiện sẽ chịu trách nhiệm ít nhất, và ngược lại.

Về mặt đạo đức, quyền lực được coi là nguyên nhân của sự kiện ; về mặt vật lý – đó là những người phục tùng quyền lực. Nhưng vì hoạt động đạo đức là không thể tưởng tượng được nếu thiếu hoạt động vật lý, nên nguyên nhân của sự kiện không nằm ở bên này cũng không nằm ở bên kia, mà nằm ở sự kết hợp của cả hai.

Hay nói cách khác : khái niệm nguyên nhân không thể áp dụng được cho hiện tượng mà chúng ta đang xem xét.

Trong phân tích cuối cùng, chúng ta đi đến vòng lặp vĩnh cửu, đến ranh giới cực đoan mà trí tuệ con người luôn đạt tới trong mọi lĩnh vực tư duy nếu nó không đùa giỡn với đối tượng của mình. Điện tạo ra nhiệt, nhiệt tạo ra điện. Các nguyên tử hút nhau, các nguyên tử đẩy nhau.

Nói về sự tương tác của nhiệt và điện và về các nguyên tử, chúng ta không thể nói tại sao điều này xảy ra, và chúng ta nói rằng đó là như vậy, bởi vì không thể tưởng tượng khác đi, bởi vì nó phải như vậy, vì đó là quy luật. Điều tương tự cũng áp dụng cho các hiện tượng lịch sử. Tại sao chiến tranh hay cách mạng xảy ra, chúng ta không biết ; chúng ta chỉ biết rằng để thực hiện hành động này hay hành động kia, con người tập hợp thành một sự kết hợp nhất định mà trong đó tất cả họ đều tham gia ; và chúng ta nói rằng đó là như vậy, bởi vì không thể tưởng tượng khác đi, rằng đó là quy luật.

VIII

Nếu lịch sử chỉ đối phó với các hiện tượng bên ngoài, thì việc thiết lập quy luật đơn giản và hiển nhiên này là đủ, và chúng ta đã kết thúc cuộc tranh luận của mình. Nhưng quy luật lịch sử liên quan đến con người. Một hạt vật chất không thể nói với chúng ta rằng nó hoàn toàn không cảm thấy nhu cầu thu hút và đẩy, và rằng điều đó là không đúng ; con người, vốn là đối tượng của lịch sử, lại nói thẳng : tôi tự do và do đó tôi không tuân theo các quy luật.

Sự hiện diện của câu hỏi dù không được nói ra về tự do ý chí của con người được cảm nhận ở mỗi bước đi của lịch sử.

Tất cả những nhà sử học có tư duy nghiêm túc đều vô tình đi đến câu hỏi này. Tất cả những mâu thuẫn, những điểm mập mờ của lịch sử, con đường sai lầm mà ngành khoa học này đang đi, đều chỉ dựa trên việc chưa giải quyết được câu hỏi này.

Nếu ý chí của mỗi người là tự do, nghĩa là mỗi người có thể hành động theo cách mình muốn, thì toàn bộ lịch sử là một chuỗi những sự tình cờ rời rạc.

Nếu ngay cả một người trong số hàng triệu người trong khoảng thời gian hàng nghìn năm có khả năng hành động tự do, nghĩa là hành động theo ý muốn của mình, thì rõ ràng là một hành động tự do của người đó, trái với các quy luật, sẽ phá hủy khả năng tồn tại của bất kỳ quy luật nào cho toàn thể nhân loại.

Nếu chỉ có một quy luật chi phối hành động của con người, thì không thể có tự do ý chí, vì ý chí của con người phải tuân theo quy luật đó.

Trong sự mâu thuẫn này ẩn chứa câu hỏi về tự do ý chí, vốn đã chiếm lĩnh những bộ óc ưu tú nhất của nhân loại từ thời cổ đại và đã được đặt ra với ý nghĩa to lớn nhất từ thời cổ đại.

Câu hỏi nằm ở chỗ, khi nhìn vào con người như một đối tượng quan sát, từ bất kỳ góc độ nào – thần học, lịch sử, đạo đức, triết học – chúng ta đều tìm thấy quy luật chung về tính tất yếu mà anh ta phải tuân theo, giống như mọi thứ đang tồn tại. Tuy nhiên, khi nhìn vào anh ta từ chính bản thân mình, như một thứ mà chúng ta ý thức được, chúng ta cảm thấy mình tự do.

Ý thức này là một nguồn tự nhận thức hoàn toàn tách biệt và độc lập với lý trí. Thông qua lý trí, con người

quan sát chính mình ; nhưng anh ta chỉ biết chính mình thông qua ý thức.

Không có ý thức về bản thân thì không thể tưởng tượng được bất kỳ sự quan sát và ứng dụng nào của lý trí.

Để hiểu, quan sát, suy luận, con người trước hết phải ý thức mình đang sống. Là một người đang sống, con người không biết mình theo cách nào khác ngoài một người có mong muốn, nghĩa là ý thức được ý chí của mình. Con người ý thức được ý chí của mình, vốn tạo nên thực chất của cuộc sống, và anh ta không thể ý thức nó khác đi ngoài việc coi nó là tự do.

Nếu khi tự quan sát, con người thấy rằng ý chí của mình luôn hướng theo cùng một quy luật (dù anh ta quan sát thấy nhu cầu phải ăn, hay hoạt động của não bộ, hay bất cứ điều gì khác), anh ta không thể hiểu hướng đi luôn giống nhau của ý chí mình theo cách nào khác ngoài việc coi đó là sự hạn chế của nó. Điều gì không tự do thì không thể bị hạn chế. Ý chí của con người hiện ra trước anh ta là bị hạn chế chính vì anh ta ý thức nó không theo cách nào khác ngoài việc coi nó là tự do.

Bạn nói : tôi không tự do. Nhưng tôi đã nhấc tay lên và hạ tay xuống. Mọi người đều hiểu rằng câu trả lời

phi logic này là một bằng chứng không thể chối cãi về tự do.

Câu trả lời này là sự biểu đạt của ý thức, không tuân theo lý trí.

Nếu ý thức về tự do không phải là một nguồn tự nhận thức riêng biệt và độc lập với lý trí, thì nó sẽ tuân theo lý luận và kinh nghiệm ; nhưng trên thực tế, sự tuân thủ như vậy không bao giờ xảy ra và là không thể tưởng tượng được.

Một loạt các thí nghiệm và lập luận cho mỗi người thấy rằng anh ta, với tư cách là một đối tượng quan sát, phải tuân theo các quy luật nhất định, và con người tuân theo chúng và không bao giờ đấu tranh với quy luật vạn vật hữu tình hay tính không thể xuyên thấu một khi đã biết chúng. Nhưng cùng một loạt các thí nghiệm và lập luận đó cho anh ta thấy rằng tự do trọn vẹn mà anh ta ý thức được trong mình là không thể, rằng mỗi hành động của anh ta phụ thuộc vào tổ chức cơ thể, tính cách của anh ta và các động cơ tác động lên anh ta ; nhưng con người không bao giờ tuân theo kết luận của những thí nghiệm và lập luận này.

Biết được qua kinh nghiệm và lập luận rằng hòn đá rơi xuống dưới, con người tin tưởng không nghi ngờ

vào điều này và trong mọi trường hợp đều chờ đợi sự thực hiện của quy luật mà mình đã biết.

Nhưng khi biết chắc chắn rằng ý chí của mình tuân theo các quy luật, anh ta không tin và không thể tin vào điều đó.

Dù kinh nghiệm và lập luận đã chỉ ra cho con người bao nhiêu lần rằng trong cùng một điều kiện, với cùng một tính cách, anh ta sẽ thực hiện hành động giống hệt như trước, thì khi bắt đầu thực hiện hành động trong những điều kiện đó, với tính cách đó, anh ta vẫn cảm thấy mình chắc chắn như trước đây rằng mình có thể hành động theo ý muốn. Mỗi con người, dù là người hoang dã hay nhà tư tưởng, dù lý luận và kinh nghiệm đã chứng minh cho anh ta một cách không thể chối cãi rằng không thể hình dung được hai hành động trong cùng một điều kiện, vẫn cảm thấy rằng không có biểu tượng vô lý này (vốn tạo nên thực chất của tự do) thì anh ta không thể hình dung được cuộc sống. Anh ta cảm thấy rằng dù điều này có không thể đến đâu, thì nó vẫn tồn tại, vì nếu không có biểu tượng về tự do này, anh ta không những không hiểu được cuộc sống, mà còn không thể sống dù chỉ một khoảnh khắc.

Anh ta không thể sống vì mọi nỗ lực của con người, mọi động lực sống chỉ là những nỗ lực nhằm gia tăng tự

do. Giàu có – nghèo đói, vinh quang – vô danh, quyền lực – sự phục tùng, sức mạnh – yếu đuối, sức khỏe – bệnh tật, giáo dục – sự ngu dốt, lao động – sự nhàn rỗi, no đủ – đói khát, đức hạnh – thói hư tật xấu chỉ là những mức độ tự do lớn hơn hoặc nhỏ hơn.

Tưởng tượng một con người không có tự do là không thể, ngoại trừ việc coi người đó là người đã mất đi sự sống.

Nếu khái niệm về tự do đối với lý trí hiện ra như một mâu thuẫn vô lý, như khả năng thực hiện hai hành động trong cùng một thời điểm, hoặc một hành động không có nguyên nhân, thì điều này chỉ chứng minh rằng ý thức không tuân theo lý trí.

Chính ý thức về tự do không lay chuyển, không thể phủ nhận, không tuân theo kinh nghiệm và lập luận này, được mọi nhà tư tưởng công nhận và mọi người cảm nhận mà không có ngoại lệ, chính ý thức này, nếu không có nó thì không thể hình dung được bất cứ điều gì về con người, mới tạo nên khía cạnh khác của câu hỏi.

Con người là tạo vật của Thiên Chúa toàn năng, toàn thiện và toàn tri. Tội lỗi là gì, khái niệm nảy sinh từ ý thức về tự do của con người ? Đó là câu hỏi của thần học.

Hành động của con người tuân theo các quy luật chung không thay đổi, được thể hiện bằng số liệu thống kê. Trách nhiệm của con người trước xã hội nằm ở đâu, khái niệm nảy sinh từ ý thức về tự do ? Đó là câu hỏi của pháp luật.

Hành động của con người nảy sinh từ tính cách bẩm sinh và các động cơ tác động lên người đó. Lương tâm là gì và ý thức về cái thiện và cái ác của các hành động nảy sinh từ ý thức về tự do ? Đó là câu hỏi của đạo đức.

Con người, trong mối liên hệ với đời sống chung của nhân loại, hiện ra như phục tùng các quy luật xác định đời sống đó. Nhưng chính con người đó, độc lập với mối liên hệ này, lại hiện ra như là tự do. Nên xem xét cuộc sống đã qua của các dân tộc và nhân loại như thế nào – như là sản phẩm của hoạt động tự do hay không tự do của con người ? Đó là câu hỏi của lịch sử.

Chỉ trong thời đại tự tin của chúng ta về sự phổ cập tri thức, nhờ vào công cụ mạnh mẽ nhất của sự ngu dốt – sự lan truyền của việc in ấn sách, câu hỏi về tự do ý chí đã bị đưa xuống một mảnh đất mà trên đó bản thân câu hỏi thậm chí không thể tồn tại. Trong thời đại chúng ta, đa số những người được gọi là tiên tiến, tức là một đám đông những kẻ ngu dốt, đã chấp nhận các công trình của những nhà tự nhiên học, những người chỉ giải quyết

một khía cạnh của câu hỏi, để làm giải pháp cho toàn bộ câu hỏi.

Hồn và tự do thì không có, bởi vì đời sống con người được biểu hiện bằng những chuyển động của cơ bắp, và những chuyển động cơ bắp này được quy định bởi hoạt động thần kinh ; hồn và tự do thì không có, bởi vì chúng ta trong một giai đoạn thời gian không xác định đã tiến hóa từ loài khỉ, – họ nói, viết và in như vậy, thậm chí không nghi ngờ rằng từ hàng nghìn năm trước, tất cả các tôn giáo, tất cả các nhà tư tưởng không chỉ công nhận mà còn chưa bao giờ phủ nhận chính quy luật tất yếu đó, cái mà họ hiện đang cố gắng chứng minh bằng sinh lý học và động vật học so sánh. Họ không thấy rằng vai trò của các khoa học tự nhiên trong câu hỏi này chỉ là phục vụ như một công cụ để làm sáng tỏ một khía cạnh của nó. Bởi vì việc, từ góc độ quan sát, lý trí và ý chí chỉ là những chất tiết (sécrétion) của não bộ, và việc con người, tuân theo quy luật chung, có thể đã phát triển từ những động vật thấp kém trong một khoảng thời gian không xác định, chỉ làm sáng tỏ từ một khía cạnh mới cái sự thật đã được tất cả các tôn giáo và lý thuyết triết học công nhận từ hàng nghìn năm trước, rằng từ góc độ lý trí, con người tuân theo các quy luật tất yếu, nhưng nó không tiến thêm được một sợi tóc nào trong việc giải

quyết câu hỏi, vốn có một khía cạnh khác, trái ngược, dựa trên ý thức về tự do.

Nếu con người tiến hóa từ loài khỉ trong một khoảng thời gian không xác định, thì điều đó cũng dễ hiểu như việc con người được tạo ra từ một nắm đất trong một khoảng thời gian xác định (trong trường hợp đầu tiên x là thời gian, trong trường hợp thứ hai – là nguồn gốc) ; và câu hỏi về việc ý thức về tự do của con người được kết hợp như thế nào với quy luật tất yếu mà con người phải tuân theo, không thể được giải quyết bằng sinh lý học và động vật học so sánh, bởi vì trong con ếch, con thỏ và con khỉ chúng ta chỉ có thể quan sát hoạt động cơ bắp – thần kinh, còn ở con người – hoạt động cơ bắp – thần kinh và ý thức.

Các nhà tự nhiên học và những người sùng bái họ, những người nghĩ rằng họ đang giải quyết câu hỏi này, giống như những người thợ trát vữa được giao trát một mặt tường của nhà thờ, và nhân lúc vắng mặt người quản đốc chính, trong cơn hăng hái, đã trát kín cả cửa sổ, cả những bức tượng chạm khắc, cả những bức tranh thánh, và vui mừng rằng từ quan điểm thợ trát của họ, mọi thứ đều phẳng phiu và trơn tru.

IX

Việc giải quyết câu hỏi về tự do và tính tất yếu cho lịch sử, so với các ngành tri thức khác đã giải quyết câu hỏi này, có ưu điểm là đối với lịch sử câu hỏi này không liên quan đến bản chất thực sự của ý chí con người, mà liên quan đến biểu hiện của sự xuất hiện ý chí này trong quá khứ và trong những điều kiện nhất định.

Lịch sử, trong việc giải quyết câu hỏi này, đứng đối với các khoa học khác trong vị trí của một khoa học thực nghiệm đối với các khoa học trừu tượng.

Đối tượng của lịch sử không phải là bản thân ý chí con người, mà là biểu hiện của chúng ta về nó.

Và do đó, đối với lịch sử không tồn tại bí mật không thể giải thích về sự kết hợp của hai mâu thuẫn là tự do và tính tất yếu, giống như đối với thần học, đạo đức và triết học. Lịch sử xem xét biểu hiện về đời sống con người, trong đó sự kết hợp của hai mâu thuẫn này đã được thực hiện.

Trong đời sống thực tế, mỗi hành động của con người được hiểu một cách rất rõ ràng và xác định, mà không

có cảm giác về mâu thuẫn nhỏ nhất, mặc dù mỗi sự kiện hiện ra một phần là tự do, một phần là tất yếu.

Để giải quyết câu hỏi về cách thức tự do và tính tất yếu kết hợp với nhau và cái gì tạo nên thực chất của hai khái niệm này, triết học lịch sử có thể và phải đi theo con đường ngược lại với con đường mà các khoa học khác đã đi. Thay vì việc sau khi định nghĩa trong chính chúng các khái niệm về tự do và tính tất yếu rồi mới đưa các hiện tượng của đời sống vào các định nghĩa đã lập sẵn, lịch sử từ một lượng lớn các hiện tượng thuộc quyền kiểm soát của mình, vốn luôn hiện ra trong sự phụ thuộc vào tự do và tính tất yếu, phải rút ra định nghĩa về chính các khái niệm tự do và tính tất yếu.

Bất kể chúng ta xem xét biểu hiện về hoạt động của nhiều người hay của một người, chúng ta đều hiểu nó không khác gì là sản phẩm một phần của tự do con người, một phần của các quy luật tất yếu.

Cho dù nói về sự di cư của các dân tộc và các cuộc xâm lược của những kẻ man di, hay về các sắc lệnh của Napoleon III, hay về hành động của một người diễn ra một giờ trước đó và bao gồm việc người đó chọn một trong vài hướng đi dạo, – chúng ta đều không thấy mâu thuẫn nhỏ nhất. Mức độ tự do và tính tất yếu chi phối

hành động của những người này được xác định rõ ràng đối với chúng ta.

Rất thường xuyên, biểu hiện về sự tự do lớn hơn hay nhỏ hơn thay đổi tùy theo các góc nhìn khác nhau mà chúng ta xem xét hiện tượng ; nhưng, luôn luôn như nhau, mỗi hành động của con người hiện ra trước chúng ta không khác gì một sự kết hợp nhất định của tự do và tính tất yếu. Trong mỗi hành động được xem xét, chúng ta thấy một phần tự do nhất định và một phần tất yếu nhất định. Và luôn luôn, hành động đó càng có nhiều tự do thì càng ít tất yếu, và càng nhiều tất yếu thì càng ít tự do.

Mối quan hệ của tự do đối với tính tất yếu giảm đi và tăng lên tùy thuộc vào góc nhìn mà hành động được xem xét ; nhưng mối quan hệ này luôn luôn tỉ lệ nghịch.

Một người đang chết đuối, bám vào người khác và dìm chết họ, hay một người mẹ đói khát kiệt sức vì cho con bú đã lấy trộm thức ăn, hay một người đã quen với kỷ luật, theo lệnh trong hàng ngũ giết chết một người không có khả năng tự vệ, – đều hiện ra ít có lỗi hơn, nghĩa là ít tự do hơn và tuân theo quy luật tất yếu nhiều hơn đối với người biết các điều kiện mà những người này đã ở trong đó, và tự do hơn đối với người không biết rằng người đó chính mình đang chìm, rằng người

mẹ đó đang đói, người lính đó đang ở trong hàng ngũ, v.v. Tương tự như vậy, một người cách đây 20 năm đã thực hiện một vụ giết người và sau đó sống yên ổn và vô hại trong xã hội, hiện ra ít có lỗi hơn ; hành động của anh ta – tuân theo quy luật tất yếu nhiều hơn đối với người xem xét hành động của anh ta sau khi 20 năm đã trôi qua, và tự do hơn đối với người xem xét hành động đó một ngày sau khi nó được thực hiện. Và chính xác như vậy, mỗi hành động của một người điên, người say rượu hay người bị kích động mạnh hiện ra ít tự do hơn và tất yếu nhiều hơn đối với người biết trạng thái tinh thần của người đã thực hiện hành động đó, và tự do hơn đối với người không biết điều đó. Trong tất cả các trường hợp này, khái niệm về tự do tăng lên hay giảm đi và tương ứng với đó là khái niệm về tính tất yếu giảm đi hay tăng lên, tùy thuộc vào góc nhìn mà hành động được xem xét. Do đó, càng có nhiều tính tất yếu, thì càng ít tự do. Và ngược lại.

Tôn giáo, lẽ phải của nhân loại, khoa học pháp luật và bản thân lịch sử đều hiểu như nhau về mối quan hệ này giữa tính tất yếu và tự do.

Tất cả các trường hợp không ngoại lệ, trong đó biểu hiện của chúng ta về tự do và tính tất yếu tăng lên và giảm đi, chỉ có ba cơ sở :

1) mối quan hệ của người thực hiện hành động với thế giới bên ngoài,

2) với thời gian và

3) với các nguyên nhân tạo ra hành động.

1) Cơ sở thứ nhất là : mối quan hệ biểu kiến nhiều hơn hoặc ít hơn của con người với thế giới bên ngoài, khái niệm rõ ràng hơn hoặc ít rõ ràng hơn về vị trí xác định mà mỗi con người chiếm giữ trong mối quan hệ với mọi thứ tồn tại đồng thời với anh ta. Đây chính là cơ sở mà từ đó rõ ràng rằng người đang chìm thì ít tự do hơn và phục tùng tính tất yếu nhiều hơn người đang đứng trên bờ ; cơ sở mà từ đó hành động của một người sống trong mối liên hệ chặt chẽ với những người khác trong một khu vực dân cư đông đúc, hành động của một người bị ràng buộc bởi gia đình, công việc, các dự án, chắc chắn hiện ra ít tự do hơn và phục tùng tính tất yếu nhiều hơn hành động của một người đơn độc và biệt lập.

Nếu chúng ta xem xét một người đơn lẻ, không có mối quan hệ với mọi thứ xung quanh mình, thì mỗi hành động của người đó hiện ra trước chúng ta là tự do. Nhưng nếu chúng ta thấy bất kỳ mối quan hệ nào của người đó với những gì xung quanh anh ta, nếu chúng ta

thấy mối liên hệ của anh ta với bất cứ điều gì : với người đang nói chuyện với anh ta, với cuốn sách anh ta đang đọc, với công việc anh ta đang làm, thậm chí với không khí bao quanh anh ta, với ánh sáng rơi xuống các vật thể xung quanh anh ta, – chúng ta thấy rằng mỗi điều kiện này đều có ảnh hưởng đến anh ta và điều khiển ít nhất một khía cạnh hoạt động của anh ta. Và chúng ta càng thấy nhiều những ảnh hưởng này, thì biểu hiện của chúng ta về tự do của anh ta càng giảm đi và biểu hiện về tính tất yếu mà anh ta phải tuân theo càng tăng lên.

2) Cơ sở thứ hai là : mối quan hệ thời gian biểu kiến nhiều hơn hoặc ít hơn của con người với thế giới ; khái niệm rõ ràng hơn hoặc ít rõ ràng hơn về vị trí mà hành động của con người chiếm giữ trong thời gian. Đây chính là cơ sở mà từ đó sự sụp đổ của người đàn ông đầu tiên, vốn dẫn đến sự ra đời của loài người, rõ ràng hiện ra ít tự do hơn là việc kết hôn của một người đàn ông hiện đại. Đây chính là cơ sở mà từ đó đời sống và hoạt động của những người sống cách đây hàng thế kỷ, và liên quan đến tôi trong thời gian, không thể hiện ra cho tôi tự do như đời sống hiện đại, mà kết quả của nó tôi còn chưa biết.

Sự tăng dần của biểu hiện về tự do hay tính tất yếu trong mối quan hệ này phụ thuộc vào khoảng thời gian

lớn hơn hay nhỏ hơn từ lúc thực hiện hành động đến lúc phán xét về nó.

Nếu tôi xem xét một hành động mà tôi đã thực hiện một phút trước, trong những điều kiện gần giống như những điều kiện mà tôi đang ở hiện nay, thì hành động của tôi hiện ra cho tôi chắc chắn là tự do. Nhưng nếu tôi xem xét một hành động đã thực hiện một tháng trước, thì khi thấy mình trong những điều kiện khác, tôi vô tình thừa nhận rằng nếu hành động đó không được thực hiện, thì nhiều điều hữu ích, dễ chịu và thậm chí cần thiết nảy sinh từ hành động đó đã không có chỗ đứng. Nếu tôi ngược dòng ký ức về một hành động xa xôi hơn nữa, từ 10 năm trước trở lên, thì kết quả của hành động của tôi sẽ hiện ra trước tôi còn rõ ràng hơn nữa ; và tôi sẽ thấy khó mà tưởng tượng được điều gì sẽ xảy ra nếu hành động đó không tồn tại. Tôi càng ngược dòng ký ức xa hơn, hoặc điều tương tự, càng tiến về phía trước trong sự phán xét của mình, thì lập luận của tôi về tính tự do của hành động sẽ càng trở nên đáng nghi ngờ hơn.

Chính xác như vậy, chúng ta tìm thấy tiến trình thuyết phục về sự tham gia của tự do ý chí vào các công việc chung của nhân loại trong lịch sử. Một sự kiện hiện đại vừa xảy ra hiện ra trước chúng ta chắc chắn là sản phẩm của tất cả những người đã biết ; nhưng trong một sự

kiện xa xôi hơn, chúng ta đã thấy những kết quả tất yếu của nó, mà ngoài những kết quả đó chúng ta không thể tưởng tượng được điều gì khác. Và chúng ta càng ngược dòng xa hơn trong việc xem xét các sự kiện, chúng càng ít hiện ra trước chúng ta là mang tính tự phát.

Cuộc chiến Áo – Phổ hiện ra trước chúng ta là kết quả chắc chắn của những hành động của Bismarck xảo quyệt, v.v. Các cuộc chiến tranh của Napoleon, mặc dù đã đáng nghi ngờ, nhưng vẫn hiện ra trước chúng ta là sản phẩm ý chí của các anh hùng. Nhưng trong các cuộc thập tự chinh, chúng ta đã thấy một sự kiện chiếm giữ vị trí xác định của nó và không có nó thì lịch sử hiện đại của châu Âu là không thể tưởng tượng được, mặc dù chính xác như vậy đối với các nhà chép sử về các cuộc thập tự chinh, sự kiện này chỉ hiện ra là sản phẩm ý chí của một số cá nhân. Trong sự di cư của các dân tộc, ngày nay không ai nghĩ rằng thế giới châu Âu phụ thuộc vào ý muốn bất chợt của Attila. Chúng ta càng xem xét đối tượng quan sát trong lịch sử xa xưa bao nhiêu, thì tính tự do của những người tạo ra các sự kiện càng trở nên đáng ngờ bấy nhiêu, và quy luật tất yếu càng hiện rõ bấy nhiêu.

3) Cơ sở thứ ba là : khả năng tiếp cận lớn hơn hoặc ít hơn đối với chúng ta về mối liên hệ vô tận của các

nguyên nhân, vốn tạo nên yêu cầu tất yếu của lý trí, trong đó mỗi hiện tượng được hiểu và do đó mỗi hành động của con người phải có vị trí xác định của nó, vừa là kết quả của những cái trước, vừa là nguyên nhân cho những cái sau.

Đây chính là cơ sở mà từ đó hành động của chúng ta và của những người khác hiện ra trước chúng ta, một mặt, càng tự do và ít phục tùng tính tất yếu khi các quy luật sinh lý, tâm lý và lịch sử được rút ra từ quan sát càng ít được chúng ta biết đến ; mặt khác, càng tất yếu và ít tự do khi bản thân quy luật sinh lý, tâm lý hay lịch sử của hành động đó được quan sát càng đơn giản hơn và tính cách và trí tuệ của con người có hành động mà chúng ta đang xem xét càng đơn giản hơn.

Khi chúng ta hoàn toàn không hiểu nguyên nhân của một hành động : dù trong trường hợp một tội ác, một hành động thiện hay thậm chí là một hành động thờ ơ về thiện và ác, chúng ta trong hành động đó công nhận phần tự do lớn nhất. Trong trường hợp một tội ác, chúng ta yêu cầu hình phạt cho hành động đó nhiều nhất ; trong trường hợp một hành động thiện – chúng ta đánh giá cao nhất hành động đó. Trong trường hợp thờ ơ – chúng ta công nhận tính cá nhân, tính nguyên bản, sự tự do lớn nhất. Nhưng nếu chỉ cần một trong vô số

các nguyên nhân được chúng ta biết đến, chúng ta đã công nhận một phần tất yếu nhất định và bớt yêu cầu sự đền đáp cho tội ác, bớt công nhận công lao trong hành động thiện, bớt tự do trong hành động dường như là nguyên bản. Việc tên tội phạm được nuôi dưỡng trong môi trường của những kẻ gian ác đã làm giảm đi tội lỗi của anh ta. Sự hy sinh của người cha, người mẹ, sự hy sinh với khả năng được thưởng thì dễ hiểu hơn là sự hy sinh không có nguyên nhân, và do đó hiện ra ít đáng được cảm thông hơn, ít tự do hơn. Người sáng lập giáo phái, đảng phái, nhà phát minh ít làm chúng ta ngạc nhiên hơn khi chúng ta biết cách thức và bởi cái gì mà hoạt động của anh ta đã được chuẩn bị. Nếu chúng ta có một loạt các thí nghiệm lớn, nếu sự quan sát của chúng ta liên tục hướng tới việc tìm kiếm các mối quan hệ trong hành động của con người giữa nguyên nhân và kết quả, thì các hành động của con người hiện ra trước chúng ta càng tất yếu bấy nhiêu và càng ít tự do bấy nhiêu khi chúng ta liên hệ kết quả với nguyên nhân một cách chắc chắn hơn. Nếu các hành động được xem xét là đơn giản và chúng ta có một lượng lớn những hành động như vậy, thì quan niệm của chúng ta về tính tất yếu của chúng sẽ còn đầy đủ hơn nữa. Hành động bất lương của đứa con một người cha bất lương ; hành vi xấu của người phụ nữ rơi vào một môi trường nhất

định ; việc quay trở lại chứng nghiện rượu của một kẻ say rượu, v.v... là những hành động mà chúng ta thấy càng ít tự do khi chúng ta càng hiểu rõ nguyên nhân của chúng. Nếu chính con người mà hành động của họ đang được chúng ta xem xét, đứng ở mức độ phát triển trí tuệ thấp nhất – như một đứa trẻ, một người điên, một kẻ khờ khạo – thì chúng ta, khi biết rõ các nguyên nhân của hành động và sự đơn giản của tính cách và trí tuệ, đã thấy một phần lớn của tính tất yếu và một phần nhỏ của sự tự do đến mức, ngay khi chúng ta biết được nguyên nhân định tạo ra hành động, chúng ta có thể tiên đoán được hành động đó.

Chỉ trên ba cơ sở này mà mọi hệ thống luật pháp hiện nay xây dựng quyền miễn trừ trách nhiệm đối với các tội ác và các tình tiết giảm nhẹ. Trách nhiệm được thể hiện nhiều hay ít, tùy thuộc vào sự hiểu biết nhiều hay ít về các điều kiện mà người có hành động đang bị xem xét đã ở trong đó, tùy thuộc vào khoảng thời gian dài hay ngắn từ lúc thực hiện hành động đến lúc phán xét về nó, và tùy thuộc vào sự hiểu biết nhiều hay ít về các nguyên nhân của hành động.

X

Vì vậy, quan niệm của chúng ta về tự do và tất yếu dần dần giảm đi và tăng lên, tùy thuộc vào mối liên hệ lớn hay nhỏ với thế giới bên ngoài, tùy thuộc vào khoảng cách thời gian xa hay gần và sự phụ thuộc nhiều hay ít vào các nguyên nhân mà trong đó chúng ta xem xét hiện tượng đời sống con người.

Đến mức, nếu chúng ta xem xét một vị thế của con người mà trong đó mối liên hệ với thế giới bên ngoài được biết đến rõ nhất, giai đoạn thời gian phán xét từ khi thực hiện hành động là lớn nhất và các nguyên nhân của hành động là dễ tiếp cận nhất, thì chúng ta có được quan niệm về tính tất yếu lớn nhất và sự tự do nhỏ nhất. Nếu chúng ta xem xét con người trong sự phụ thuộc ít nhất vào các điều kiện bên ngoài, nếu hành động của người đó được thực hiện vào thời điểm gần nhất với hiện tại và các nguyên nhân của hành động đó là không thể tiếp cận đối với chúng ta, thì chúng ta sẽ có được quan niệm về tính tất yếu nhỏ nhất và sự tự do lớn nhất.

Nhưng dù trong trường hợp này hay trường hợp kia, dù chúng ta thay đổi góc nhìn của mình như thế nào ; dù chúng ta làm rõ mối liên hệ của con người với thế giới bên ngoài ra sao, hay dù nó có vẻ không thể tiếp cận

đối với chúng ta thế nào ; dù chúng ta có kéo dài hay rút ngắn giai đoạn thời gian ; dù các nguyên nhân có thể hiểu được hay không thể hiểu được đối với chúng ta đến đâu – chúng ta không bao giờ có thể hình dung cho mình sự tự do hoàn toàn, cũng như không bao giờ có thể hình dung sự tất yếu hoàn toàn.

Dù chúng ta có hình dung con người bị tách biệt khỏi những ảnh hưởng của thế giới bên ngoài như thế nào, chúng ta sẽ không bao giờ có được khái niệm về tự do trong không gian. Mọi hành động của con người đều tất yếu bị quy định bởi những gì bao quanh người đó và bởi chính cơ thể của con người đó. Tôi giơ tay lên và hạ nó xuống. Hành động của tôi đối với tôi có vẻ là tự do ; nhưng, khi tự hỏi mình liệu tôi có thể giơ tay theo mọi hướng hay không, tôi thấy rằng tôi đã giơ tay theo hướng mà hành động này gặp ít trở ngại nhất, nằm cả trong các vật thể xung quanh tôi lẫn trong cấu tạo cơ thể tôi. Nếu trong số tất cả các hướng có thể tôi đã chọn một hướng, thì đó là vì theo hướng đó có ít trở ngại hơn. Để hành động của tôi là tự do, cần phải để nó không gặp phải bất kỳ trở ngại nào. Để hình dung một con người tự do, chúng ta phải hình dung người đó ở bên ngoài không gian, điều rõ ràng là không thể.

Dù chúng ta có đưa thời điểm phán xét đến gần thời điểm hành động như thế nào, chúng ta sẽ không bao giờ có được khái niệm về tự do trong thời gian. Bởi vì nếu tôi xem xét một hành động đã thực hiện một giây trước, tôi vẫn phải thừa nhận sự không tự do của hành động, vì hành động đó bị khóa chặt bởi chính thời điểm mà nó đã được thực hiện. Liệu tôi có thể giơ tay không? Tôi giơ nó lên ; nhưng tôi tự hỏi mình : liệu tôi có thể không giơ tay vào chính khoảnh khắc thời gian đã qua đó không ? Để thuyết phục bản thân về điều này, trong khoảnh khắc tiếp theo tôi không giơ tay. Nhưng tôi đã không giơ tay không phải vào chính khoảnh khắc đầu tiên khi tôi tự hỏi mình về sự tự do. Thời gian đã trôi qua, việc giữ nó lại không nằm trong quyền hạn của tôi, và cánh tay mà tôi đã giơ lên khi đó, và bầu không khí mà tôi đã thực hiện cử động đó khi đó, đã không còn là bầu không khí đang bao quanh tôi hiện nay, và không còn là cánh tay mà tôi hiện không thực hiện cử động. Khoảnh khắc mà cử động đầu tiên được thực hiện là không thể đảo ngược, và trong khoảnh khắc đó tôi chỉ có thể thực hiện một cử động duy nhất, và dù tôi có thực hiện cử động nào đi nữa, cử động đó cũng chỉ có thể là duy nhất. Việc tôi trong phút tiếp theo không giơ tay không chứng minh được rằng tôi đã có thể không giơ tay. Và vì hành động chỉ có thể là duy nhất trong

một khoảnh khắc thời gian, nên nó không thể là gì khác. Để hình dung nó là tự do, cần phải hình dung nó trong hiện tại, trên ranh giới của quá khứ và tương lai, nghĩa là bên ngoài thời gian, điều đó là không thể.

Và dù sự khó khăn trong việc thấu hiểu nguyên nhân có tăng lên thế nào, chúng ta sẽ không bao giờ đi đến quan niệm về sự tự do hoàn toàn, nghĩa là sự vắng mặt của nguyên nhân. Dù nguyên nhân của biểu hiện ý chí trong bất kỳ hành động nào của chính mình hay của người khác có khó hiểu đến đâu, yêu cầu đầu tiên của trí tuệ là giả định và tìm kiếm nguyên nhân, mà không có nó thì không thể hình dung được bất kỳ hiện tượng nào. Tôi giơ tay lên để thực hiện một hành động độc lập với mọi nguyên nhân ; nhưng việc tôi muốn thực hiện một hành động không có nguyên nhân chính là nguyên nhân cho hành động của tôi.

Nhưng ngay cả khi, khi hình dung một con người hoàn toàn bị tách biệt khỏi mọi ảnh hưởng, chỉ xem xét hành động tức thời của người đó trong hiện tại và không được gây ra bởi bất kỳ nguyên nhân nào, chúng ta thừa nhận một phần dư thừa vô cùng nhỏ của tính tất yếu bằng không, thì chúng ta vẫn không đi đến khái niệm về sự tự do hoàn toàn của con người, bởi vì một thực thể không tiếp nhận những ảnh hưởng từ thế giới bên

ngoài, tồn tại bên ngoài thời gian và không phụ thuộc vào các nguyên nhân, đã không còn là con người nữa.

Tương tự như vậy, chúng ta không bao giờ có thể hình dung cho mình hành động của con người mà không có sự tham gia của tự do và chỉ tuân theo quy luật tất yếu.

Dù kiến thức của chúng ta về các điều kiện không gian nơi con người ở có tăng lên thế nào, kiến thức này không bao giờ có thể là đầy đủ, vì số lượng các điều kiện này là vô hạn, cũng như không gian là vô hạn. Và vì vậy, ngay khi các điều kiện ảnh hưởng đến con người được xác định, không phải tất cả, thì vẫn không có tính tất yếu hoàn toàn, mà có một phần tự do nhất định.

Dù chúng ta có kéo dài giai đoạn thời gian từ hiện tượng mà chúng ta xem xét đến thời điểm phán xét thế nào, giai đoạn này vẫn là hữu hạn, còn thời gian là vô hạn ; và vì vậy trong khía cạnh này không bao giờ có thể có tính tất yếu hoàn toàn.

Dù chuỗi nguyên nhân của bất kỳ hành động nào có dễ tiếp cận đến đâu, chúng ta sẽ không bao giờ biết được toàn bộ chuỗi đó, vì nó là vô hạn, và một lần nữa chúng ta sẽ không bao giờ có được tính tất yếu hoàn toàn.

Nhưng ngoài ra, ngay cả nếu, khi thừa nhận một phần dư thừa của tự do nhỏ nhất bằng không, chúng ta thừa nhận trong một trường hợp nào đó – ví dụ như ở một người đang hấp hối, ở một bào thai, ở một kẻ ngốc – sự vắng mặt hoàn toàn của tự do, thì bằng chính điều đó chúng ta đã tiêu diệt chính khái niệm về con người mà chúng ta đang xem xét, bởi vì ngay khi không có tự do thì không có con người. Và vì vậy quan niệm về hành động của con người, tuân theo duy nhất quy luật tất yếu, mà không có một phần dư thừa nhỏ nhất của tự do, cũng không thể có được, giống như quan niệm về một hành động hoàn toàn tự do của con người.

Vì vậy, để hình dung một hành động của con người tuân theo duy nhất quy luật tất yếu, chúng ta phải giả định sự hiểu biết về vô số các điều kiện không gian, một giai đoạn thời gian vô hạn và một chuỗi vô hạn các nguyên nhân.

Để hình dung một con người hoàn toàn tự do, không tuân theo quy luật tất yếu, chúng ta phải hình dung người đó một mình bên ngoài không gian, bên ngoài thời gian và bên ngoài sự phụ thuộc vào các nguyên nhân.

Trong trường hợp thứ nhất, nếu có thể có tính tất yếu mà không có tự do, chúng ta sẽ đi đến việc xác định tính

tất yếu bằng chính tính tất yếu đó, nghĩa là đi đến một hình thức duy nhất mà không có nội dung.

Trong trường hợp thứ hai, nếu có thể có tự do mà không có tất yếu, chúng ta sẽ đi đến sự tự do tuyệt đối bên ngoài không gian, thời gian và nguyên nhân, mà chính vì nó tuyệt đối và không bị hạn chế bởi điều gì, nên nó sẽ là hư vô, hoặc là một nội dung duy nhất không có hình thức.

Chúng ta nói chung đã đi đến hai cơ sở mà từ đó hình thành nên thế giới quan của con người – đến bản chất không thể thấu hiểu của sự sống và đến các quy luật xác định bản chất này.

Lý trí nói : 1) Không gian với mọi hình thức mà nó mang lại cho con người vẻ bề ngoài – vật chất, là vô hạn và không thể được tư duy khác đi. 2) Thời gian là sự vận động vô hạn mà không có một khoảnh khắc nghỉ ngơi nào, và nó không thể được tư duy khác đi. 3) Mối liên hệ giữa nguyên nhân và kết quả không có khởi đầu và không thể có kết thúc.

Ý thức nói : 1) Tôi là duy nhất, và tất cả những gì tồn tại chỉ là tôi ; do đó, tôi bao hàm cả không gian ; 2) Tôi đo lường thời gian đang trôi bằng khoảnh khắc bất động của hiện tại, mà chỉ trong đó tôi ý thức được

mình đang sống ; do đó, tôi ở ngoài thời gian, và 3) Tôi ở ngoài nguyên nhân, vì tôi cảm thấy mình là nguyên nhân của mọi biểu hiện trong đời sống của mình.

Lý trí diễn đạt các quy luật của tính tất yếu. Ý thức diễn đạt bản chất của tự do.

Tự do không bị hạn chế bởi bất cứ điều gì là bản chất của sự sống trong ý thức con người. Tính tất yếu không có nội dung là lý trí con người với ba hình thức của nó.

Tự do là cái được xem xét. Tính tất yếu là cái đang xem xét. Tự do là nội dung. Tính tất yếu là hình thức.

Chỉ khi tách biệt hai nguồn nhận thức vốn liên quan đến nhau như hình thức đối với nội dung, ta mới có được các khái niệm về tự do và tính tất yếu tách biệt, loại trừ lẫn nhau và không thể thấu hiểu được.

Chỉ khi kết hợp chúng lại, ta mới có được quan niệm rõ ràng về đời sống con người.

Bên ngoài hai khái niệm cùng xác định lẫn nhau trong sự kết hợp của mình – như hình thức với nội dung – thì không thể có bất kỳ quan niệm nào về đời sống.

Tất cả những gì chúng ta biết về đời sống của con người chỉ là một mối quan hệ nhất định của tự do đối

với tính tất yếu, nghĩa là của ý thức đối với các quy luật của lý trí.

Tất cả những gì chúng ta biết về thế giới tự nhiên bên ngoài chỉ là một mối quan hệ nhất định của các lực lượng tự nhiên đối với tính tất yếu, hay bản chất của sự sống đối với các quy luật của lý trí.

Các lực lượng sống của tự nhiên nằm ngoài chúng ta và không được chúng ta ý thức, và chúng ta gọi các lực lượng này là trọng lực, quán tính, điện, lực thú vật, v.v. ; nhưng lực sống của con người được chính chúng ta ý thức, và chúng ta gọi nó là tự do.

Nhưng cũng giống như lực trọng lực, vốn không thể thấu hiểu được trong chính nó, chỉ được mọi người cảm nhận và hiểu rõ ở mức độ mà chúng ta biết được các quy luật tất yếu mà nó phải tuân theo (từ kiến thức đầu tiên rằng mọi vật thể đều nặng, cho đến định luật của Newton), thì lực của sự tự do, được mỗi người ý thức, cũng chỉ được mỗi người hiểu rõ ở mức độ mà chúng ta biết được các quy luật tất yếu mà nó phải tuân theo (bắt đầu từ việc mọi con người đều phải chết, và cho đến kiến thức về các quy luật kinh tế hay lịch sử phức tạp nhất).

Mọi kiến thức chỉ là việc đưa bản chất của sự sống vào dưới các quy luật của lý trí.

Tự do của con người khác với mọi lực lượng khác ở chỗ lực lượng này được con người ý thức ; nhưng đối với lý trí, nó không khác gì mọi lực lượng khác. Lực trọng lực, điện hay hóa năng chỉ khác nhau ở chỗ chúng được lý trí xác định khác nhau.

Cũng tương tự như vậy, lực tự do của con người đối với lý trí khác với các lực khác của tự nhiên chỉ bởi định nghĩa mà lý trí này gán cho nó. Tự do mà không có tính tất yếu, nghĩa là không có các quy luật của lý trí xác định nó, thì không khác gì lực trọng lực, hay nhiệt, hay lực thực vật – đối với lý trí, nó chỉ là một cảm giác sống tức thời, không thể xác định được.

Và cũng như bản chất không thể xác định của lực di chuyển các thiên thể, bản chất không thể xác định của lực nhiệt, điện, hay lực hóa học, hoặc lực sống – tạo nên nội dung của thiên văn học, vật lý học, hóa học, thực vật học, động vật học, v.v., thì bản chất của lực tự do cũng tạo nên nội dung của lịch sử. Nhưng cũng như đối tượng của mọi khoa học là biểu hiện của bản chất sự sống chưa biết này, bản chất vốn chỉ có thể là đối tượng của siêu hình học – thì biểu hiện của lực tự do của con người trong không gian, thời gian và sự phụ thuộc vào

các nguyên nhân cũng tạo nên đối tượng của lịch sử, trong khi bản chất tự do lại là đối tượng của siêu hình học.

Trong các khoa học thực nghiệm, cái đã biết chúng ta gọi là quy luật tất yếu ; cái chưa biết chúng ta gọi là lực sống. Lực sống chỉ là biểu hiện của phần dư chưa biết từ những gì chúng ta biết về bản chất của sự sống.

Cũng chính như vậy trong lịch sử, cái đã biết chúng ta gọi là quy luật tất yếu ; cái chưa biết – là tự do. Tự do đối với lịch sử chỉ là biểu hiện của phần dư chưa biết từ những gì chúng ta biết về các quy luật đời sống con người.

XI

Lịch sử xem xét các biểu hiện tự do của con người trong mối liên hệ với thế giới bên ngoài, trong thời gian và trong sự phụ thuộc vào các nguyên nhân, nghĩa là xác định sự tự do này bằng các quy luật của lý trí ; và vì vậy lịch sử chỉ là một khoa học ở mức độ mà sự tự do này được xác định bởi các quy luật đó.

Đối với lịch sử, việc thừa nhận tự do của con người như một lực có thể ảnh hưởng đến các sự kiện lịch sử, nghĩa là không tuân theo các quy luật, cũng giống như đối với thiên văn học việc thừa nhận một lực tự do di chuyển các thiên thể.

Sự thừa nhận này tiêu diệt khả năng tồn tại của các quy luật, nghĩa là của bất kỳ kiến thức nào. Nếu tồn tại dù chỉ một thực thể di chuyển tự do, thì không tồn tại các định luật Kepler và Newton và không tồn tại bất kỳ quan niệm nào về sự vận động của các thiên thể. Nếu tồn tại dù chỉ một hành động tự do của con người, thì không tồn tại bất kỳ quy luật lịch sử nào và không có bất kỳ quan niệm nào về các sự kiện lịch sử.

Đối với lịch sử, tồn tại các đường chuyển động của ý chí con người, mà một đầu của chúng ẩn giấu trong cái

chưa biết, còn ở đầu kia thì chuyển động trong không gian, trong thời gian và trong sự phụ thuộc vào các nguyên nhân – ý thức về tự do của con người trong hiện tại.

Cánh đồng chuyển động này càng mở rộng trước mắt chúng ta, các quy luật của chuyển động này càng rõ ràng hơn. Nắm bắt và xác định các quy luật này chính là nhiệm vụ của lịch sử.

Từ góc nhìn mà khoa học hiện nay nhìn vào đối tượng của mình, theo con đường mà khoa học đang đi, tìm kiếm các nguyên nhân của các hiện tượng trong ý chí tự do của con người là một biểu hiện của các quy luật đối với khoa học là không thể ; bởi vì dù chúng ta có hạn chế tự do của con người như thế nào, ngay khi chúng ta thừa nhận nó như một lực không tuân theo các quy luật, thì sự tồn tại của quy luật là không thể.

Chỉ bằng cách hạn chế sự tự do này đến vô cùng, nghĩa là xem xét nó như một đại lượng vô cùng nhỏ, chúng ta mới có thể tin chắc vào sự không thể tiếp cận hoàn toàn của các nguyên nhân, và khi đó, thay vì tìm kiếm các nguyên nhân, lịch sử sẽ đặt nhiệm vụ tìm kiếm các quy luật cho mình.

Việc tìm kiếm các quy luật này đã được bắt đầu từ lâu, và những phương thức tư duy mới mà lịch sử phải tiếp nhận đang được phát triển đồng thời với sự tự hủy diệt mà lịch sử cũ đang hướng tới, khi nó chia nhỏ và chia nhỏ các nguyên nhân của các hiện tượng.

Theo con đường này, tất cả các khoa học nhân văn đã đi. Khi đi đến cái vô cùng nhỏ, toán học, ngành khoa học chính xác nhất, từ bỏ quá trình chia nhỏ và bắt đầu một quá trình mới là tổng hợp các đại lượng vô cùng nhỏ chưa biết. Rời bỏ khái niệm về nguyên nhân, toán học tìm kiếm quy luật, nghĩa là các thuộc tính chung cho tất cả các yếu tố vô cùng nhỏ chưa biết.

Dù dưới một hình thức khác, các khoa học khác cũng đi theo con đường tư duy này. Khi Newton phát biểu định luật vạn vật hấp dẫn, ông không nói rằng mặt trời hay trái đất có thuộc tính thu hút ; ông nói rằng mọi vật thể, từ lớn nhất đến nhỏ nhất, đều có thuộc tính như thể chúng thu hút lẫn nhau, nghĩa là gác lại câu hỏi về nguyên nhân của chuyển động các vật thể, ông đã diễn đạt thuộc tính chung cho tất cả các vật thể từ lớn vô cùng đến nhỏ vô cùng. Các khoa học tự nhiên cũng làm như vậy : gác lại câu hỏi về nguyên nhân, họ tìm kiếm các quy luật. Trên con đường này lịch sử cũng đang đứng. Và nếu lịch sử có đối tượng nghiên cứu là chuyển

động của các dân tộc và nhân loại, chứ không phải là mô tả các tình tiết từ đời sống của con người, thì nó phải gạt bỏ khái niệm nguyên nhân, tìm kiếm các quy luật chung cho tất cả các yếu tố vô cùng nhỏ của tự do gắn kết không thể tách rời với nhau.

XII

Từ thời đó, khi định luật Copernicus được tìm thấy và chứng minh, chỉ riêng việc thừa nhận rằng không phải mặt trời quay, mà là trái đất quay, đã phá hủy toàn bộ hệ thống vũ trụ học của người xưa. Có thể, sau khi bác bỏ định luật đó, giữ lại quan điểm cũ về sự vận động của các vật thể ; nhưng, nếu không bác bỏ nó, có vẻ như không thể tiếp tục nghiên cứu các thế giới của Ptolemy. Nhưng ngay cả sau khi khám phá ra định luật Copernicus, các thế giới của Ptolemy vẫn tiếp tục được nghiên cứu trong một thời gian dài.

Từ thời đó, khi người đầu tiên nói và chứng minh rằng số lượng các lần sinh ra hay các tội ác tuân theo các quy luật toán học, và rằng các điều kiện địa lý và kinh tế chính trị nhất định xác định hình thức cai trị này hay hình thức cai trị khác, rằng những mối quan hệ nhất định của dân cư với đất đai tạo ra sự chuyển động của nhân dân – từ thời đó, những cơ sở mà trên đó lịch sử được xây dựng đã bị phá hủy về bản chất.

Có thể, sau khi bác bỏ những định luật mới này, giữ lại quan điểm cũ về lịch sử ; nhưng, nếu không bác bỏ chúng, có vẻ như không thể tiếp tục nghiên cứu các sự kiện lịch sử như là sản phẩm của ý chí tự do của con

người. Bởi vì nếu một hình thức cai trị nhất định được thiết lập hoặc một cuộc di chuyển dân tộc nhất định diễn ra do những điều kiện địa lý, sắc tộc hoặc kinh tế nhất định, thì ý chí của những người được cho là đã thiết lập hình thức cai trị đó hoặc gây ra cuộc di chuyển dân tộc đó, không còn có thể được xem xét như là nguyên nhân.

Trong khi đó lịch sử cũ vẫn tiếp tục được nghiên cứu song song với các quy luật của thống kê, địa lý, kinh tế chính trị, ngữ văn so sánh và địa chất, mâu thuẫn trực tiếp với các định đề của nó.

Đã lâu và dai dẳng trong triết học vật lý diễn ra cuộc đấu tranh giữa các quan điểm cũ và mới. Thần học đứng gác cho quan điểm cũ và buộc tội quan điểm mới là phá hủy sự mặc khải. Nhưng khi sự thật chiến thắng, thần học lại được xây dựng vững chắc như thế trên nền tảng mới.

Cũng lâu và dai dẳng như thế, cuộc đấu tranh hiện nay đang diễn ra giữa quan điểm cũ và mới về lịch sử, và cũng như vậy, thần học đứng gác cho quan điểm cũ và buộc tội quan điểm mới là phá hủy sự mặc khải.

Trong cả hai trường hợp, từ cả hai phía, cuộc đấu tranh gây ra những đam mê và dập tắt sự thật. Một mặt

là sự sợ hãi và nuối tiếc cho tòa nhà đã được dựng lên qua hàng thế kỷ ; mặt khác là niềm đam mê phá hủy.

Đối với những người đấu tranh chống lại chân lý vật lý mới nổi, dường như nếu họ thừa nhận chân lý này, thì niềm tin vào Chúa, vào sự sáng tạo ra trời đất, vào phép mầu của Giêsu Navin sẽ bị phá hủy. Đối với những người bảo vệ các định luật của Copernicus và Newton, đối với Voltaire chẳng hạn, dường như các định luật thiên văn học đang phá hủy tôn giáo, và ông đã sử dụng các định luật hấp dẫn như một vũ khí chống lại tôn giáo.

Đúng như thế hiện nay, dường như chỉ cần thừa nhận quy luật tất yếu là khái niệm về linh hồn, về thiện và ác và tất cả các định chế nhà nước và giáo hội được xây dựng trên khái niệm này sẽ bị phá hủy.

Đúng như thế hiện nay, giống như Voltaire vào thời của mình, những người bảo vệ không được thừa nhận của quy luật tất yếu sử dụng quy luật này như một vũ khí chống lại tôn giáo ; trong khi đó, cũng giống như định luật Copernicus trong thiên văn học, quy luật tất yếu trong lịch sử không những không tiêu diệt, mà thậm chí còn củng cố cái nền tảng mà trên đó các định chế nhà nước và giáo hội được xây dựng.

Cũng như trong vấn đề thiên văn học khi đó, hiện nay trong vấn đề lịch sử, mọi sự khác biệt về quan điểm đều dựa trên việc thừa nhận hay không thừa nhận một đơn vị tuyệt đối, phục vụ như một thước đo cho các hiện tượng hữu hình. Trong thiên văn học, đó là sự bất động của trái đất ; trong lịch sử, đó là sự độc lập của cá nhân – tự do.

Cũng như đối với thiên văn học, sự khó khăn của việc thừa nhận sự vận động của trái đất nằm ở chỗ phải từ bỏ cảm giác trực tiếp về sự bất động của trái đất và cảm giác tương tự về sự vận động của các hành tinh, thì đối với lịch sử, sự khó khăn của việc thừa nhận sự phụ thuộc của cá nhân vào các quy luật không gian, thời gian và nguyên nhân nằm ở chỗ phải từ bỏ cảm giác trực tiếp về sự độc lập của cá nhân mình. Nhưng, cũng như trong thiên văn học, quan điểm mới nói rằng : «đúng là chúng ta không cảm thấy sự vận động của trái đất, nhưng nếu giả định nó bất động, chúng ta sẽ đi đến sự vô lý ; nếu giả định sự vận động mà chúng ta không cảm thấy, chúng ta sẽ đi đến các quy luật», thì trong lịch sử cũng vậy, quan điểm mới nói rằng : «đúng là chúng ta không cảm thấy sự phụ thuộc của mình, nhưng nếu giả định chúng ta tự do, chúng ta đi đến sự vô lý ; nếu giả định sự phụ thuộc vào thế giới bên ngoài, thời gian và nguyên nhân, chúng ta đi đến các quy luật».

Trong trường hợp thứ nhất, cần phải từ bỏ ý thức về một sự bất động không tồn tại trong không gian và thừa nhận một chuyển động mà chúng ta không cảm nhận được ; trong trường hợp hiện tại – cũng tương tự như vậy, cần phải từ bỏ một sự tự do không tồn tại và thừa nhận một sự phụ thuộc mà chúng ta không cảm nhận được.

Ghi chú cho tập IV của «Chiến tranh và Hòa bình»

Kèm theo tập này là :

Bài viết của Lev Nikolayevich dưới tiêu đề «Vài lời về cuốn sách Chiến tranh và Hòa bình», vốn bị gọi nhầm trong ấn bản cuối cùng là «lời bạt» : thứ nhất, vì chính Lev Nikolayevich ở đầu bài viết này đã nói rằng ông viết nó thay cho «lời mở đầu» ; thứ hai, bởi vì bài viết này được viết và in khi chính ấn bản của bộ tiểu thuyết vẫn chưa kết thúc, cụ thể là vào đầu năm 1868 (Lưu trữ số 3), trong khi tập thứ 6 chỉ ra mắt vào năm 1869, còn 5 tập đầu tiên được in và ra mắt trong suốt năm 1868.

Một vài đoạn trích từ bản thảo đầu tiên, đã bị Lev Nikolayevich loại bỏ khi xử lý các bản in thử hoặc đã bị thay đổi đáng kể. Những đoạn trích này được lấy từ chính tập hợp các bản in thử của «Chiến tranh và Hòa bình» đã được nhắc đến trong các ghi chú cho tập II và III của «Chiến tranh và Hòa bình» và được lưu giữ tại Bảo tàng Lịch sử, trong bộ phận «thư viện Chertkovskaya».

Phụ lục

I

Vài lời về cuốn sách «Chiến tranh và Hòa bình».

Khi in tác phẩm mà tôi đã dành năm năm lao động không ngừng nghỉ và đặc biệt vào đó, trong những điều kiện sống tốt nhất, tôi muốn trình bày quan điểm của mình về nó trong lời mở đầu cho tác phẩm này và bằng cách đó ngăn chặn những hiểu lầm có thể nảy sinh ở độc giả. Tôi muốn độc giả không nhìn thấy và không tìm kiếm trong cuốn sách của tôi những gì tôi không muốn hoặc không biết cách diễn đạt, mà hãy tập trung sự chú ý vào chính những gì tôi muốn diễn đạt, nhưng tôi đã không thấy thuận tiện để dừng lại lâu hơn (theo các điều kiện của tác phẩm). Cả thời gian lẫn khả năng của tôi đều không cho phép tôi thực hiện đầy đủ những gì tôi dự định, và tôi tận dụng sự hiếu khách của một tạp chí chuyên biệt để trình bày quan điểm của tác giả về tác phẩm của mình cho những độc giả có thể quan tâm, dù không đầy đủ và ngắn gọn.

«Chiến tranh và Hòa bình» là gì ? Đây không phải là tiểu thuyết, càng không phải là bài thơ, và càng không phải là biên niên sử lịch sử. «Chiến tranh và Hòa bình» là những gì tác giả muốn và có thể diễn đạt trong hình

thức mà nó đã được thể hiện. Một tuyên bố như vậy về việc tác giả coi thường các hình thức quy ước của một tác phẩm nghệ thuật văn xuôi có thể có vẻ là một sự tự phụ, nếu nó có chủ đích và nếu nó không có các ví dụ. Lịch sử văn học Nga từ thời Pushkin không chỉ trình bày nhiều ví dụ về sự đi chệch khỏi hình thức châu Âu như vậy, mà thậm chí không đưa ra một ví dụ ngược lại nào. Bắt đầu từ «Những linh hồn chết» của Gogol và cho đến «Hồi ký nhà mồ» của Dostoevsky, trong thời kỳ mới của văn học Nga không có một tác phẩm nghệ thuật văn xuôi nào, dù chỉ hơi vượt ra ngoài sự tầm thường, mà có thể hoàn toàn nằm gọn trong hình thức tiểu thuyết, bài thơ hay truyện dài.

Đặc điểm của thời đại, như một số độc giả đã bày tỏ với tôi khi xuất hiện phần đầu tiên trên báo chí, là không được xác định rõ ràng trong tác phẩm của tôi. Đối với lời khiển trách này, tôi xin phản hồi như sau. Tôi biết «những đặc điểm của thời đại» đó bao gồm những gì, những điều mà người ta không tìm thấy trong tiểu thuyết của tôi, - đó là những nỗi kinh hoàng của chế độ nông nô, việc giam cầm vợ vào tường, việc đánh đập những người con trai trưởng thành, Saltychikha, v.v. ; và đặc điểm này của thời đại đó, vốn tồn tại trong quan niệm của chúng ta, tôi không coi là đúng và không mong muốn diễn đạt nó. Khi nghiên cứu các bức thư,

nhật ký, truyền thuyết, tôi không tìm thấy tất cả những nỗi kinh hoàng của sự hung bạo này ở mức độ lớn hơn so với những gì tôi tìm thấy bây giờ hoặc vào bất kỳ lúc nào khác. Trong thời đại đó, người ta cũng yêu thương, đố kỵ, tìm kiếm chân lý, đức hạnh, bị cuốn theo đam mê ; cuộc sống trí tuệ và đạo đức cũng phức tạp, thậm chí đôi khi còn tinh tế hơn bây giờ ở tầng lớp thượng lưu. Nếu trong quan niệm của chúng ta đã hình thành ý kiến về đặc điểm của sự độc đoán và sức mạnh thô bạo của thời đại đó, thì đó chỉ là vì những lời đồn đại, ghi chép, truyện dài và tiểu thuyết truyền lại cho chúng ta những trường hợp bạo lực và hung bạo nổi bật nhất. Kết luận rằng đặc điểm chủ đạo của thời đại đó là sự hung bạo cũng bất công như một người đứng xa nhìn thấy đỉnh của những cái cây trên một ngọn núi mà kết luận rằng ở vùng đó không có gì ngoài cây cối. Có một đặc điểm của thời đại đó (giống như đặc điểm của mỗi thời đại), bắt nguồn từ sự xa rời lớn hơn của tầng lớp thượng lưu đối với các tầng lớp khác, từ triết học đang thống trị, từ những đặc điểm của giáo dục, từ thói quen sử dụng tiếng Pháp, v.v. Và chính đặc điểm này mà tôi đã cố gắng diễn đạt hết mức khả năng của mình.

Việc sử dụng tiếng Pháp trong một tác phẩm tiếng Nga. Tại sao trong tác phẩm của tôi, không chỉ người Nga mà cả người Pháp đều nói, một phần bằng tiếng

Nga, một phần bằng tiếng Pháp. Lời khiển trách về việc mọi người nói và viết bằng tiếng Pháp trong một cuốn sách tiếng Nga cũng tương tự như lời khiển trách mà một người thợ vẽ chân dung phải nhận khi nhìn vào bức tranh và nhận thấy trên đó có những vết đen (bóng tối), vốn không có trong thực tế. Người họa sĩ không có lỗi nếu một số bóng tối do anh ta tạo ra trên khuôn mặt của bức tranh hiện ra như một vết đen ; vết đen đó không tồn tại trong thực tế ; nhưng người họa sĩ chỉ có lỗi nếu những bóng tối đó được đặt không đúng và thô bạo. Khi nghiên cứu thời đại đầu thế kỷ hiện nay, khắc họa các nhân vật Nga thuộc một xã hội nhất định và Napoléon, cùng những người Pháp có sự tham gia trực tiếp như vậy vào cuộc sống thời bấy giờ, tôi vô tình bị cuốn theo hình thức diễn đạt của lối tư duy Pháp đó nhiều hơn mức cần thiết. Và vì vậy, tôi không phủ nhận rằng những bóng tối tôi đặt ra có lẽ không chính xác và thô bạo, tôi chỉ mong sao những ai thấy điều đó thật nực cười, như việc Napoléon lúc nói tiếng Nga, lúc nói tiếng Pháp, hiểu rằng họ thấy như vậy chỉ vì họ, như một người nhìn vào bức chân dung, không nhìn thấy khuôn mặt với ánh sáng và bóng tối, mà thấy một vết đen dưới mũi.

Tên của các nhân vật, Bolkonsky, Drubetskoy, Bilibin, Kuragin, v.v., gợi nhớ đến những tên tuổi Nga

nổi tiếng. Khi đối chiếu các nhân vật không lịch sử với các nhân vật lịch sử khác, tôi cảm thấy sự khó chịu cho tai khi bắt bá tước Rostopchin nói chuyện với công tước Pronsky, với Strelsky hoặc với một số công tước hay bá tước nào đó có họ giả tưởng, kép hoặc đơn. Bolkonsky hoặc Drubetskoy, mặc dù không phải là Volkonsky hay Trubetskoy, nghe có vẻ gì đó quen thuộc và tự nhiên trong giới quý tộc Nga. Tôi đã không thể nghĩ ra những cái tên cho tất cả các nhân vật mà không thấy chúng giả tạo cho tai, giống như Bezukhiy và Rostov, và tôi đã không thể vượt qua khó khăn này bằng cách nào khác ngoài việc lấy hú họa những họ quen thuộc nhất với tai người Nga và thay đổi một vài chữ cái trong đó. Tôi sẽ rất hối tiếc nếu sự giống nhau giữa các họ giả tưởng với các họ thực sự có thể gợi cho ai đó ý nghĩ rằng tôi muốn mô tả người này hay người kia trong thực tế ; đặc biệt là vì hoạt động văn học đó, bao gồm việc mô tả những người thực sự đang tồn tại hoặc đã từng tồn tại, không có gì chung với hoạt động mà tôi đang thực hiện.

M. D. Akhrosimova và Denisov, đây là những nhân vật duy nhất mà tôi đã vô tình và không suy tính kỹ lưỡng khi đặt tên gần giống với hai nhân vật đặc biệt đặc trưng và đáng yêu của xã hội đương thời. Đó là sai lầm của tôi, nảy sinh từ đặc điểm đặc biệt của hai nhân vật này, nhưng sai lầm của tôi về phương diện này chỉ

giới hạn ở việc đặt ra hai nhân vật này ; và độc giả có lẽ sẽ đồng ý rằng không có gì giống với thực tế đã xảy ra với những nhân vật này. Tất cả các nhân vật còn lại hoàn toàn là giả tưởng và thậm chí đối với tôi cũng không có nguyên mẫu nhất định trong truyền thuyết hay thực tế.

Sự bất đồng của tôi trong việc mô tả các sự kiện lịch sử với lời kể của các nhà sử học. Nó không phải ngẫu nhiên, mà là tất yếu. Nhà sử học và nghệ sĩ, khi mô tả một thời đại lịch sử, có hai đối tượng hoàn toàn khác nhau. Giống như nhà sử học sẽ không đúng nếu ông ta cố gắng trình bày một nhân vật lịch sử trong tất cả sự toàn vẹn của nó, trong tất cả sự phức tạp của các mối quan hệ đối với mọi mặt của cuộc sống, thì nghệ sĩ cũng sẽ không hoàn thành nhiệm vụ của mình nếu luôn trình bày nhân vật đó trong ý nghĩa lịch sử của nó. Kutuzov không phải lúc nào cũng với chiếc ống nhòm, chỉ tay vào kẻ thù, cưỡi trên con ngựa trắng. Rostopchin không phải lúc nào cũng cầm đuốc đốt nhà Voronovsky (ông ta thậm chí chưa bao giờ làm điều này), và hoàng hậu Maria Feodorovna không phải lúc nào cũng đứng trong chiếc áo choàng lông chồn, tựa tay vào bộ luật ; mà trí tưởng tượng của nhân dân hình dung họ như vậy.

Đối với nhà sử học, theo nghĩa sự hỗ trợ do một cá nhân mang lại cho một mục tiêu nhất định, có những anh hùng ; đối với nghệ sĩ, theo nghĩa sự tương ứng của cá nhân này với mọi mặt của cuộc sống, không thể và không nên có anh hùng, mà phải có con người.

Nhà sử học đôi khi bị buộc phải uốn cong sự thật, đưa tất cả các hành động của một nhân vật lịch sử vào một ý tưởng mà ông ta đã gán cho nhân vật đó. Nghệ sĩ, ngược lại, chính trong sự đơn độc của ý tưởng đó lại thấy sự không phù hợp với nhiệm vụ của mình và cố gắng chỉ để hiểu và chỉ ra không phải một nhân vật lỗi lạc, mà là một con người.

Trong mô tả về chính các sự kiện, sự khác biệt còn rõ rệt và căn bản hơn.

Nhà sử học giải quyết kết quả của một sự kiện, nghệ sĩ giải quyết chính sự kiện đó. Nhà sử học, khi mô tả một trận chiến, nói : cánh trái của đội quân nọ đã được điều động chống lại ngôi làng kia, đánh bại quân địch, nhưng bị buộc phải rút lui ; sau đó đội kỵ binh được tung vào tấn công đã đánh tan... v.v. Nhà sử học không thể nói khác được. Nhưng đối với nghệ sĩ, những lời này không có ý nghĩa gì và thậm chí không chạm đến chính sự kiện đó. Nghệ sĩ, từ kinh nghiệm của riêng mình, hoặc từ những bức thư, ghi chép hay lời kể, đưa

ra quan niệm riêng của mình về sự kiện đã diễn ra, và rất thường xuyên (ví dụ như trong trận chiến) kết luận về hoạt động của các đội quân nọ và quân đội kia mà nhà sử học cho phép mình đưa ra, lại tỏ ra trái ngược với kết luận của nghệ sĩ. Sự khác biệt về kết quả thu được được giải thích bởi những nguồn mà người này và người kia khai thác kiến thức của mình. Đối với nhà sử học, nguồn chính là các báo cáo của những chỉ huy riêng lẻ và của tổng tư lệnh. Nghệ sĩ không thể rút ra được gì từ những nguồn như vậy, chúng không nói gì với anh ta, không giải thích gì cho anh ta. Hơn thế nữa, nghệ sĩ quay lưng lại với chúng, thấy trong đó một lời nói dối tất yếu. Chưa nói đến việc sau mỗi trận chiến, cả hai phe đối địch hầu như luôn mô tả trận chiến hoàn toàn trái ngược nhau : trong mỗi mô tả về trận chiến đều có nhu cầu về sự dối trá, nảy sinh từ nhu cầu mô tả hành động của hàng ngàn người rải rác trên vài dặm, những người đang ở trong trạng thái kích động mạnh nhất dưới ảnh hưởng của nỗi sợ hãi, sự nhục nhã và cái chết, chỉ bằng vài lời.

Trong các mô tả về trận chiến, người ta thường viết rằng các đội quân nọ đã được điều động tấn công vào điểm kia, và sau đó được lệnh rút lui, v.v., như thể giả định rằng chính kỷ luật đó, thứ khuất phục hàng chục ngàn người trước ý chí của một người trên sân tập, cũng

sẽ có tác dụng tương tự ở nơi mà sự sống và cái chết đang diễn ra. Bất cứ ai từng tham gia chiến tranh đều biết điều này bất công đến mức nào ; trong khi đó, trên giả định này, các bản báo cáo và các mô tả quân sự dựa trên chúng đã được xây dựng. Hãy đi vòng quanh tất cả các đơn vị quân đội ngay sau trận chiến, thậm chí sang ngày thứ hai, thứ ba, cho đến khi các bản báo cáo chưa được viết ra, và hãy hỏi tất cả những người lính, những chỉ huy cấp trên và cấp dưới về việc sự việc đã diễn ra như thế nào ; họ sẽ kể cho bạn những gì họ đã trải qua và nhìn thấy, tất cả những người này, và trong bạn sẽ hình thành một ấn tượng vĩ đại, phức tạp, đa dạng vô tận và nặng nề, mơ hồ ; và từ không một ai, càng không phải từ tổng tư lệnh, bạn sẽ biết được toàn bộ sự việc đã diễn ra như thế nào. Nhưng sau hai hoặc ba ngày, các bản báo cáo bắt đầu được nộp lên, những kẻ ba hoa bắt đầu kể lại sự việc đã diễn ra như thế nào mà họ không hề thấy ; cuối cùng, một bản báo cáo chung được lập ra, và dựa trên bản báo cáo này, ý kiến chung của quân đội được hình thành. Mọi người đều thấy nhẹ nhõm khi đánh đổi những nghi ngờ và câu hỏi của mình lấy sự trình bày dối trá này, nhưng rõ ràng và luôn luôn dễ chịu. Sau một tháng, bạn lại đi hỏi một người đã tham gia trận chiến, - bạn sẽ không còn cảm thấy trong câu chuyện của anh ta cái chất liệu sống thô

sơ trước đây nữa, mà anh ta kể theo bản báo cáo. Tôi đã được nghe nhiều người tham gia còn sống, thông minh về trận Borodino kể lại như vậy. Tất cả đều kể giống hệt nhau, và tất cả đều theo mô tả không chính xác của Mikhailovsky-Danilevsky, theo Glinka, v.v. ; ngay cả những chi tiết mà họ kể lại, mặc dù người kể chuyện ở cách nhau vài dặm, cũng giống hệt nhau.

Sau khi mất Sevastopol, chỉ huy pháo binh Kryzhanovsky đã gửi cho tôi báo cáo của các sĩ quan pháo binh từ tất cả các pháo đài và yêu cầu tôi lập một bản báo cáo từ hai mươi báo cáo này - thành một bản. Tôi hối tiếc vì đã không sao chép những báo cáo đó. Đó là mẫu mực tốt nhất về sự dối trá quân sự ngây thơ, tất yếu, từ đó các mô tả được lập ra. Tôi tin rằng nhiều đồng đội của tôi, những người từng lập các báo cáo đó lúc bấy giờ, khi đọc những dòng này, sẽ mỉm cười nhớ lại việc họ đã viết theo lệnh của cấp trên những gì họ không thể biết. Tất cả những ai đã trải qua chiến tranh đều biết người Nga có khả năng làm công việc của mình trong chiến tranh tốt như thế nào và họ ít có khả năng mô tả nó với sự dối trá khoe khoang cần thiết như thế nào. Mọi người đều biết rằng trong quân đội của chúng ta, nhiệm vụ này, việc lập các bản báo cáo và thông báo, chủ yếu do những người ngoại quốc thực hiện.

Sau khi in phần đầu tiên của tôi và mô tả về trận Schöngrabern, tôi đã được nghe lời của Nikolai Nikolayevich Muravyov-Karsky về mô tả trận chiến này, - những lời xác nhận niềm tin của tôi. Nik. Nik. Muravyov, tổng tư lệnh, đã nhận xét rằng ông chưa bao giờ đọc một mô tả trận chiến nào đúng hơn và ông đã bị thuyết phục từ kinh nghiệm của chính mình về việc thực hiện các mệnh lệnh của tổng tư lệnh trong trận chiến là không thể như thế nào.

Tất cả những điều tôi đang nói là để chỉ ra sự tất yếu của sự dối trá trong các mô tả lịch sử, vốn dùng làm tư liệu cho các nhà sử học, và do đó để chỉ ra sự tất yếu của những bất đồng thường xuyên giữa nghệ sĩ và nhà sử học trong cách hiểu các sự kiện lịch sử. Nhưng, ngoài sự tất yếu của sự sai trái trong việc trình bày các sự kiện lịch sử, ở các nhà sử học thời đại đó, những người chiếm lĩnh tâm trí tôi, tôi còn gặp phải (có lẽ do thói quen nhóm họp các sự kiện, diễn đạt chúng ngắn gọn và phù hợp với tông màu bi thảm của các sự kiện) một lối hành văn hoa mỹ đặc biệt, trong đó sự dối trá và xuyên tạc thường không chỉ lan sang các sự kiện, mà còn sang cả cách hiểu ý nghĩa của sự kiện. Thường khi nghiên cứu hai tác phẩm lịch sử chính của thời đại này, Thiers và Mikhailovsky-Danilevsky, tôi đã rơi vào trạng thái hoang mang, không hiểu làm thế nào những cuốn sách

này lại có thể được in ra và đọc. Không nói đến việc trình bày cùng một sự kiện với giọng điệu nghiêm túc nhất, quan trọng nhất, với những dẫn chứng về tài liệu và sự trái ngược hoàn toàn giữa người này với người kia, tôi đã gặp ở những nhà sử học này những mô tả mà bạn không biết nên cười hay khóc ; khi nhớ lại rằng cả hai cuốn sách này là những đài kỷ niệm duy nhất của thời đại đó và có hàng triệu độc giả. Tôi sẽ chỉ đưa ra một ví dụ từ cuốn sách của nhà sử học nổi tiếng Thiers. Sau khi kể lại việc Napoléon đã mang theo những đồng tiền giả như thế nào, ông ta nói : «Thể hiện việc sử dụng các phương tiện này bằng một hành động nhân đạo xứng đáng với ông và với quân đội Pháp, ông đã ra lệnh cứu trợ những người bị cháy nhà. Nhưng vì lương thực quá quý giá để cấp lâu dài cho những người lạ, phần lớn là kẻ thù, Napoléon muốn cung cấp tiền cho họ tốt hơn, và ông đã ra lệnh phát cho họ những rúp giấy».

Đền bù cho việc sử dụng những phương tiện này bằng một hành động từ thiện, xứng đáng với ông và quân đội Pháp, ông đã ra lệnh cứu trợ những người bị hỏa hoạn. Nhưng vì thực phẩm quá đắt đỏ và không thể cung cấp lâu dài cho những người xa lạ và phần lớn là thù địch, Napoléon đã chọn cách cấp cho họ tiền, và vì thế tiền rúp giấy đã được phát cho họ.

Đoạn văn này gây sửng sốt bởi sự vô lý chói tai của nó, không thể nói là vô đạo đức, mà chỉ đơn giản là vô nghĩa ; nhưng trong toàn bộ cuốn sách nó không gây sửng sốt, vì nó hoàn toàn tương ứng với giọng điệu hoa mỹ, trang trọng chung và không có ý nghĩa trực tiếp nào.

Như vậy, nhiệm vụ của nghệ sĩ và nhà sử học hoàn toàn khác nhau, và sự bất đồng với nhà sử học trong mô tả về các sự kiện và nhân vật trong cuốn sách của tôi không nên làm độc giả ngạc nhiên.

Nhưng nghệ sĩ không được quên rằng quan niệm về các nhân vật và sự kiện lịch sử hình thành trong nhân dân không dựa trên trí tưởng tượng, mà dựa trên các tài liệu lịch sử, đến mức mà các nhà sử học có thể nhóm họp chúng lại ; và vì vậy, khi hiểu và trình bày các nhân vật và sự kiện này theo cách khác, nghệ sĩ phải được dẫn dắt, giống như nhà sử học, bởi các tài liệu lịch sử. Ở khắp mọi nơi trong tiểu thuyết của tôi, nơi có các nhân vật lịch sử nói và hành động, tôi không hư cấu, mà sử dụng các tài liệu mà tôi đã tích lũy được trong quá trình làm việc thành một thư viện sách khổng lồ, những tiêu đề mà tôi thấy không cần thiết phải liệt kê ở đây, nhưng tôi luôn có thể dẫn chứng.

Cuối cùng, suy xét thứ sáu và quan trọng nhất đối với tôi liên quan đến ý nghĩa nhỏ bé mà theo quan niệm của tôi, những người được gọi là vĩ đại có trong các sự kiện lịch sử.

Khi nghiên cứu một thời đại bi thảm như vậy, phong phú về quy mô của các sự kiện và gần gũi với chúng ta đến thế, về thời đại mà nhiều truyền thuyết đa dạng nhất vẫn còn sống động, tôi đã đi đến sự hiển nhiên rằng tâm trí chúng ta không thể tiếp cận được những nguyên nhân của các sự kiện lịch sử đang diễn ra. Nói rằng nguyên nhân của các sự kiện năm 1812 nằm ở tinh thần xâm lược của Napoléon và sự kiên cường yêu nước của Hoàng đế Alexander Pavlovich, cũng vô nghĩa như việc nói rằng nguyên nhân của sự sụp đổ của Đế chế La Mã nằm ở chỗ một kẻ man rợ nào đó đã dẫn bộ lạc của mình về phía Tây, còn một hoàng đế La Mã nào đó đã quản lý nhà nước tồi tệ, hoặc một ngọn núi khổng lồ bị sụp đổ vì người thợ cuối cùng đã đập vào nó bằng cái xẻng.

Một sự kiện như vậy, nơi hàng triệu người giết hại lẫn nhau và đã giết chết nửa triệu người, không thể có nguyên nhân là ý chí của một con người : giống như một người không thể một mình đào sập một ngọn núi, một người không thể bắt 500 ngàn người phải chết. Nhưng

những nguyên nhân đó là gì ? Một số nhà sử học nói rằng nguyên nhân là do tinh thần xâm lược của người Pháp, lòng yêu nước của nước Nga. Những người khác nói về yếu tố dân chủ mà các đội quân của Napoléon đã gieo rắc, và về sự cần thiết của việc Nga phải liên minh với châu Âu, v.v. Nhưng làm thế nào mà hàng triệu người lại bắt đầu giết hại lẫn nhau, ai đã ra lệnh cho họ điều đó ? Dường như rõ ràng đối với mọi người rằng điều này không thể tốt hơn cho bất kỳ ai, mà tệ hơn cho tất cả ; tại sao họ lại làm điều đó ? Có thể đưa ra và người ta đang đưa ra vô số các suy luận hồi cứu về những nguyên nhân của sự kiện vô nghĩa này ; nhưng số lượng khổng lồ các lời giải thích này và sự trùng hợp của tất cả chúng vào một mục tiêu duy nhất chỉ chứng minh rằng có vô số các nguyên nhân như vậy, và không một cái nào trong số đó có thể được gọi là nguyên nhân.

Tại sao hàng triệu người lại giết hại lẫn nhau, khi mà từ khi sáng thế đã biết rằng điều đó cả về thể chất lẫn tinh thần đều tồi tệ ?

Bởi vì điều đó là tất yếu đến mức, khi thực hiện điều đó, con người đã thực hiện một quy luật bản năng, sinh học, cái quy luật mà loài ong thực hiện khi tiêu diệt lẫn nhau vào mùa thu, theo đó những con đực của động vật

tiêu diệt lẫn nhau. Không thể đưa ra câu trả lời nào khác cho câu hỏi khủng khiếp này.

Sự thật này không chỉ hiển nhiên, mà còn bẩm sinh trong mỗi con người, đến mức không cần phải chứng minh nó, nếu không có một cảm giác và ý thức khác trong con người, thứ thuyết phục anh ta rằng anh ta tự do trong mọi khoảnh khắc khi anh ta thực hiện một hành động nào đó.

Khi xem xét lịch sử từ quan điểm chung, chúng ta chắc chắn tin vào Luật vĩnh cửu, theo đó các sự kiện diễn ra. Nhìn từ quan điểm cá nhân, chúng ta tin vào điều ngược lại.

Con người giết người khác, Napoléon ra lệnh vượt qua sông Neman, bạn và tôi nộp đơn xin phục ngũ, giơ tay và hạ tay xuống, chúng ta đều chắc chắn tin rằng mỗi hành động của chúng ta đều có cơ sở là những nguyên nhân hợp lý và ý chí tự do của chúng ta, và rằng việc hành động theo cách này hay cách khác phụ thuộc vào chúng ta, và niềm tin này bẩm sinh và quý giá đối với mỗi người trong chúng ta đến mức, bất chấp những lý lẽ của lịch sử và thống kê tội phạm (thuyết phục chúng ta về sự không tự nguyện của các hành động của người khác), chúng ta vẫn mở rộng ý thức về sự tự do của mình cho tất cả các hành động của mình.

Mâu thuẫn này dường như không thể giải quyết được. Khi thực hiện một hành động, tôi tin rằng tôi thực hiện nó theo ý chí của mình ; xem xét hành động này theo nghĩa sự tham gia của nó vào đời sống chung của nhân loại (trong ý nghĩa lịch sử của nó), tôi tin rằng hành động này đã được định trước và tất yếu. Sai lầm nằm ở đâu ?

Các quan sát tâm lý về khả năng của con người trong việc hồi tưởng để ngụy tạo ra một loạt các kết luận có vẻ tự do ngay sau khi một sự việc đã rồi (điều mà tôi định trình bày chi tiết hơn ở một chỗ khác) đã xác nhận giả định rằng ý thức về tự do của con người khi thực hiện một số loại hành vi nhất định là sai lầm. Nhưng cũng chính những quan sát tâm lý đó chứng minh rằng có một loạt các hành vi khác mà trong đó ý thức về tự do không phải là hồi tưởng, mà là tức thời và không thể nghi ngờ. Bất kể những nhà duy vật nói gì, tôi chắc chắn có thể thực hiện một hành động hoặc kiềm chế nó, miễn là hành động đó chỉ liên quan đến một mình tôi. Chắc chắn chỉ bằng ý chí của mình, ngay bây giờ tôi có thể giơ tay lên và hạ tay xuống. Ngay bây giờ tôi có thể ngừng viết. Các bạn ngay bây giờ có thể ngừng đọc. Chắc chắn chỉ bằng ý chí của mình và vượt qua mọi rào cản, ngay bây giờ trong tư tưởng tôi có thể bay đến nước Mỹ hoặc chuyển sang bất kỳ câu hỏi toán học

nào. Tôi có thể, để thử nghiệm sự tự do của mình, giơ tay lên và hạ mạnh tay xuống không trung. Tôi đã làm điều đó. Nhưng bên cạnh tôi có một đứa trẻ, tôi giơ tay lên trên nó và cũng với sức mạnh đó tôi muốn hạ tay xuống đứa trẻ. Tôi không thể làm điều đó. Một con chó lao vào đứa trẻ này, tôi không thể không giơ tay lên đánh con chó. Tôi đang đứng trong hàng ngũ, tôi không thể không di chuyển theo các cử động của trung đoàn. Trong trận chiến, tôi không thể không cùng trung đoàn của mình xông lên tấn công và không thể không chạy khi mọi người xung quanh tôi đều chạy. Khi tôi đứng trước tòa với tư cách là người bào chữa cho bị cáo, tôi không thể ngừng nói hoặc không biết những gì mình sẽ nói. Tôi không thể không chớp mắt trước một cú đấm nhắm thẳng vào mắt mình.

Vì vậy, có hai loại hành động. Một loại phụ thuộc, loại kia không phụ thuộc vào ý chí của tôi. Và sai lầm gây ra sự mâu thuẫn nảy sinh chỉ từ việc ý thức về tự do (vốn đi kèm một cách hợp pháp với mọi hành động liên quan đến cái tôi của tôi, đến sự trừu tượng cao nhất về sự tồn tại của tôi) tôi đã chuyển dời một cách sai lầm sang các hành động của mình được thực hiện cùng với những người khác và phụ thuộc vào sự trùng hợp của các ý chí tự do khác với ý chí của tôi. Xác định ranh giới của vùng tự do và lệ thuộc là rất khó khăn, và việc

xác định ranh giới này là nhiệm vụ thiết yếu của tâm lý học ; nhưng, quan sát các điều kiện thể hiện sự tự do lớn nhất và sự lệ thuộc lớn nhất của chúng ta, không thể không thấy rằng hoạt động của chúng ta càng trừu tượng và do đó càng ít liên quan đến hoạt động của những người khác, thì nó càng tự do ; và ngược lại, hoạt động của chúng ta càng liên quan nhiều đến những người khác, thì nó càng không tự do.

Sự gắn kết mạnh mẽ nhất, không thể tách rời, nặng nề và thường xuyên với những người khác chính là cái gọi là quyền lực đối với những người khác, mà trong ý nghĩa thực sự của nó chỉ là sự lệ thuộc lớn nhất vào họ.

Dù sai lầm hay không, nhưng sau khi đã hoàn toàn tin tưởng vào điều này trong quá trình làm việc của mình, tôi một cách tự nhiên, khi mô tả các sự kiện lịch sử tồn tại của các năm 1805, 1807 và đặc biệt là năm 1812, trong đó định luật tiền định này thể hiện rõ nét nhất, tôi không thể gán ý nghĩa cho hành động của những người mà đối với họ dường như họ đang điều khiển các sự kiện, nhưng thực tế họ ít hơn tất cả các thành phần khác tham gia vào các sự kiện đã đưa vào đó hoạt động tự do của con người. Hoạt động của những người này chỉ thú vị đối với tôi chỉ theo nghĩa là minh họa cho định luật tiền định đó, định luật mà theo niềm tin của tôi điều

khiển lịch sử và định luật tâm lý đó bắt buộc con người khi thực hiện một hành động không tự do nhất, phải ngụy tạo trong trí tưởng tượng của mình một loạt các kết luận hồi cứu nhằm chứng minh cho chính anh ta về sự tự do của mình.

Bản tước Lev Tolstoy.

II

Các đoạn trích và biến thể, được rút ra từ bản thảo đầu tiên.

Số1. Phần I, chương VII.

Nhận được thư của cha và mẹ, viết tại Lavra, trong đó mô tả việc rời khỏi Moscow, một sự tình cờ kỳ lạ đã đưa những người bị thương là công tước Andrei vào nhà họ và sự hòa giải cũng như đính hôn của Natasha với công tước Andrei tại Troitsa, Nikolai vào đúng phút đó đã lên đường với bức thư này đến chỗ công chúa Marya.

Trong thư có nhắc lại hai lần rằng, theo ý kiến bác sĩ, vết thương không quá nguy hiểm. Ngoài ra, nếu việc đính hôn đã diễn ra, thì cần phải giả định rằng vết thương là không đáng kể.

Nikolai đã rất hạnh phúc khi nhận được bức thư này. Anh vui mừng cho hạnh phúc của Natasha, vui mừng cho công chúa Marya, người mà theo anh nghe nói, coi vết thương của anh trai mình là chí tử ; anh vui mừng vì anh sẽ báo cho cô điều này, và rằng giữa anh và cô sẽ xóa bỏ những mối quan hệ mai mối khó chịu, căng thẳng này.

Nikolai đi đến chỗ công chúa Marya với niềm tin rằng anh là người đầu tiên mang đến cho cô tin tức về anh trai mình, nhưng cùng lúc đó một người đưa thư, người mà Nikolai nhận được thư từ anh ta, công chúa Marya đã nhận được thư từ Troitsa từ người anh trai, người đã viết cho cô rằng vết thương của anh không nguy hiểm, về việc anh đang ở cùng với ai và ở đâu, nhưng không viết một lời nào về việc nối lại các mối quan hệ cũ với Natasha (anh đã yêu cầu Natasha hoãn việc này cho đến khi em gái anh đến).

Đáng chú ý là hầu hết các nhà văn viết về năm 12 đều thấy trong sự kiện này một điều gì đó đặc biệt và định mệnh.

Cùng với người đưa thư này, phu nhân thống đốc đã nhận được thư của mình từ Sonya, và dù bà lão tốt bụng cảm thấy sự không hợp thời của việc mai mối vào thời điểm như vậy, nhưng khi cân nhắc rằng Nikolai ngày mai sẽ ra đi và đối với cô ấy cơ hội được tham gia vào việc này, vốn là niềm vui chính của đời cô ấy, đặc biệt là trong trường hợp này, sẽ biến mất mãi mãi.

Bà đi đến chỗ công chúa Marya và lúc đầu chia sẻ niềm vui của cô về những tin tức tốt lành về người anh trai, sau đó đưa ra lời đề nghị chính thức thay mặt cho Rostov. Công chúa Marya tái mặt như tờ giấy và, đôi

mắt mở to, im lặng nhìn phu nhân thống đốc một hồi lâu rồi đột nhiên bật khóc và muốn rời khỏi bà.

– Đừng nói với tôi về chuyện này. Đừng bao giờ nói, – công chúa Marya vừa khóc vừa nói với phu nhân thống đốc đang giữ cô lại. – Tôi không thể, không thể nghĩ về bản thân mình bây giờ. Không thể, không thể, tôi cảm thấy mình là một người đàn bà tồi tệ. Ôi, đừng nói với tôi, đừng nói với anh ấy... – và Marya chạy thoát khỏi phu nhân thống đốc.

Khi người ta báo cáo với cô rằng Nikolai đã đến, công chúa Marya ngay lập tức bước ra gặp anh với đôi mắt khô khốc, lấp lánh giận dữ và khuôn mặt đỏ bừng. Cô phẫn nộ vì ý nghĩ rằng anh, người mà cô yêu quý, có thể thô lỗ, thiếu tế nhị đến mức vào thời điểm như vậy lại nói với cô về việc kết hôn. Cho đến lúc này, chưa một lần nào cô nảy sinh ý nghĩ kinh khủng đó đối với Nikolai, ý nghĩ về sự trục lợi của anh, về mong muốn của anh không yêu mà cưới cô, một cô dâu giàu có, nay đã đến với cô, và cô đã tin vào điều đó.

Số 2. Phần I, chương VIII.

Trở về khách sạn, Natasha biết rằng công tước Andrei đã tỉnh dậy, cô nhìn vào gương không thấy chính mình, mà chỉ để xem mắt mình có đỏ không ?

– Chúng ta hãy cùng đi đến chỗ anh ấy, Sonya, – cô nói. – Anh ấy yêu bạn. Họ đi vào chỗ công tước Andrei, gặp vị hôn phu, người đang nằm cao trên gối, đắp một chiếc chăn màu xanh.

Khuôn mặt anh nghiêm nghị và không hài lòng khi các cô gái bước vào phòng. Nhìn thấy họ, anh vội vàng và giả vờ thay đổi sắc mặt.

– À, các bạn đã ở chỗ giáo sĩ, – anh nói. – Tôi rất mừng vì các bạn đã ở đó.

Natasha cầm tay anh và ngồi xuống cạnh anh.

– Ôi ! – đột nhiên Sonya gần như hét lên. Và công tước Andrei cùng Natasha quay lại nhìn cô ấy.

– Bạn bị làm sao thế ? – Natasha hỏi.

Sonya bối rối đỏ mặt.

– Cậu biết không, mình nhớ lại chuyện bói toán của chúng mình vào đêm Giáng sinh, cậu có nhớ khi chúng mình đến chỗ nhà Melyukovs không.

– Ôi đúng rồi, cậu đã nhìn vào gương, cậu đã thấy anh ấy, – Natasha nói, mắt mở to. Nhưng ngay trong giây phút đó, Natasha dường như nhớ ra rằng bây giờ cô không thể buông thả mình với một cảm xúc duy

nhất. Ngay cả những chuyện vặt vãnh cô cũng không dám ngạc nhiên, vui mừng, lo lắng bây giờ, không biết chủ nhân và người sở hữu của cô nhìn nhận điều này như thế nào. Cô đột nhiên dừng lại trước biểu hiện ngạc nhiên của mình và nhìn công tước Andrei một cách dò hỏi và cầu khẩn, như một con chó thông minh nhìn chủ nhân của mình.

– Các bạn có lẽ không tin điều này, thưa công tước ? – Sonya nói, quay sang công tước Andrei, nhận thấy cái nhìn của Natasha. – Nhưng điều này thật phi thường. Tôi đã thấy, đã thấy trong gương chính cái này. Tôi đã thấy rằng bạn đang nằm đắp một thứ gì đó màu xanh và bên cạnh bạn là Natasha, – Sonya kể điều mà cô đã nghĩ ra khi nhìn vào gương, và điều mà sau đó đã in sâu vào ký ức cô, hiện ra với cô sống động như bất kỳ ký ức nào, cơ sở của nó không phải là sự bịa đặt, mà là thực tế. Cô chỉ thêm vào bây giờ rằng công tước Andrei được đắp bằng thứ gì đó màu xanh và sự bổ sung này không làm Natasha ngạc nhiên, trái lại, nó dường như đặc biệt kinh ngạc đối với cô vì ngay cả lúc đó Sonya đã nói rằng công tước Andrei được đắp bằng thứ gì đó màu xanh.

Khi Natasha và Sonya kể chi tiết mọi chuyện đã diễn ra như thế nào, Sonya một lần nữa quay sang công tước

Andrei với câu hỏi : liệu anh có tin vào điều đó không. Natasha không hỏi, cô nhìn qua nét mặt của chủ nhân mình để biết anh sẽ nói gì, liệu anh có tin không, nhưng những gì chứa đựng trong những lời này sẽ mang một ý nghĩa khác mà cô cảm nhận được nhưng không hiểu. Thực sự công tước Andrei đã trả lời như cô dự đoán.

– Tại sao các bạn lại nghĩ rằng tôi không tin ? Không, bây giờ tôi tin vào mọi thứ sau những gì cô ấy (anh nhìn Natasha) đã làm với tôi ; tôi muốn gắn bó cuộc đời mình với y... tôi tin vào mọi thứ, – anh nói thêm, nắm tay Natasha. – Thế nào, đã gửi thư cho em gái chưa ? – anh nói theo tiến trình tự nhiên của tư tưởng, gợi lên bởi ký ức về bức thư, rằng trong bức thư này anh đã viết những điều mà anh không tin, rằng vết thương của anh đang tiến triển rất tốt.

– Tối nay họ sẽ gửi, – Sonya nói và muốn rời đi để để họ lại một mình, nhớ ra rằng chính cô cũng cần viết thư, cô ra khỏi phòng.

Số3. Phần I, chương XII.

Pierre đứng đối diện với đám đông binh lính này. Tất cả những khuôn mặt, hình dáng, tư thế, âm thanh giọng nói này, tất cả đều quá quen thuộc với Pierre và cũng thật vô nghĩa một cách đáng sợ.

– Các chú, cho ông chủ một chỗ ở đây, – một viên sĩ quan nói, né sang một bên nhường chỗ cho anh.

– Sao cũng được, có thể, – một giọng nói đáp lại.

– Vâng, xem kìa, nhanh nhẹn đấy, tôi cũng vừa mới đè bẹp Mironov ngày hôm qua, – một người khác nói.

Pierre đứng giữa lán, lặng lẽ nhìn xung quanh.

– Chà, cái đồ lùn tịt không mắt, không tiếng nói, – một giọng nói mỉa mai và cực kỳ dễ chịu vang lên trong đám đông này. – Thật là một dân tộc không hiền lành – thực sự, một con người mới lạ, – và nói những lời này, một người vóc dáng nhỏ bé, nửa giống lính, nửa giống nông dân trong đôi giày bện và áo khoác lính, có vẻ gì đó tròn trịa (cách anh ta phản chiếu trong ấn tượng của Pierre), vừa lắc lư vừa tiến lại gần Pierre và nhẹ nhàng chạm vào tay anh.

– Chỗ thì nhiều, chim ưng ạ, tôi có một góc nghỉ ngơi tuyệt vời, – người này nói.

– Đi thôi, thưa ông, đi thôi, vào lán của chúng tôi, – anh ta nói thêm, và ngay lập tức với sự tin tưởng hiển nhiên rằng Pierre không thể từ chối anh ta và không đi theo anh ta, anh ta đi dọc theo lán. Và Pierre đi theo anh ta.

Các chuyển động của người lính chính xác như lời nói của anh ta, không nhanh, nhưng cũng không chậm: sau mỗi chuyển động và lời nói đều có một cái gì đó khác đi theo ngay lập tức ; và không có một lời nói hay chuyển động nào là không đáng chú ý, không có nỗ lực, không có sự trì trệ, không có sự chậm chạp, không có sự vội vàng. Đến góc lán, anh ta cúi xuống, đập đập rơm, di chuyển chiếc chiếu, lót rơm làm gối, vỗ tay và ngồi xuống.

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT

I 4
II 12
III 18
IV 24
V 34
VI 42
VII 51
VIII 60
IX 69
X 74
XI 82
XII 90
XIII 101
XIV 107
XV 118
XVI 127

PHẦN THỨ HAI

I 139
II 145
III 150
IV 156

V 161
VI 164
VII 171
VIII 176
IX 180
X 188
XI 196
XII 205
XIII 211
XIV 218
XV 227
XVI 232
XVII 238
XVIII 244
XIX 248

PHẦN THỨ BA
I 253
II 260
III 265
IV 271
V 279
VI 286
VII 291
VIII 299

IX 305
X 312
XI 321
XII 327
XIII 333
XIV 339
XV 342
XVI 348
XVII 351
XVIII 355
XIX 359

PHẦN THỨ TƯ
I 369
II 377
III 382
IV 388
V 394
VI 401
VII 407
VIII 412
IX 421
X 426
XI 432
XII 437

XIII 441
XIV 447
XV 458
XVI 463
XVII 470
XVIII 476
XIX 488
XX 499
XXI 503

PHẦN KẾT
PHẦN THỨ NHẤT
I 507
II 514
III 518
IV 527
V 533
VI 540
VII 549
VIII 556
IX 564
X 576
XI 586
XII 593
XIII 602

XIV 609
XV 620
XVI 630

PHẦN THỨ HAI
I 641
II 651
III 660
IV 665
V 678
VI 684
VII 692
VIII 699
IX 708
X 719
XI 730
XII 734

Ghi chú cho tập IV
của «Chiến tranh và Hòa bình» 739

Phụ lục
I 740
II 760